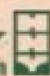
Michel Bussi

Danh Việt dịch

VẾT KHẮC HẰN TRÊN CÁT

Michel Bussi sinh ngày 29 tháng Tư năm 1965 tại Normandie. Ông là nhà văn, nhà chính trị học, giáo sư địa lý tại đại học Rouen và được biết đến chủ yếu với những cuốn tiểu thuyết trinh thám. Theo tạp chí *Le Figaro,* ông đứng thứ hai trong danh sách các nhà văn Pháp có tác phẩm bán chạy nhất năm 2018, với 975.800 bản. Các tác phẩm của Michel Bussi đã được dịch sang 34 thứ tiếng, một số được chuyển thể thành phim điện ảnh và phim truyền hình.

Vết khắc hằn trên cát là bản biên tập lại của cuốn tiểu thuyết trinh thám đầu tay *Ohama crimes* (tạm dịch: Tội ác ở Ohama) xuất bản năm 2007, từng nhận được nhiều giải thưởng như Sang d'encre, Octave Mirbeau…

Các tác phẩm khác của Michel Bussi đã được Nhã Nam xuất bản:

- Hoa súng đen
- Xin đừng buông tay
- Mẹ đã sai rồi

Lời tác giả

Cuốn tiểu thuyết này ra đời từ một ảo ảnh

Tuy cuốn tiểu thuyết này nay mới được nhà Presses de la Cité xuất bản lần đầu, dưới nhan đề **Vết khắc hằn trên cát**, nhưng tôi đã viết nó từ rất lâu rồi. Hai mươi năm, chính xác là vậy.

Dẫu các tiểu thuyết của tôi không được kết nối bằng một nhân vật chính xuyên suốt, cũng chẳng theo một trật tự nào; dẫu mỗi độc giả đều có thể bắt đầu khám phá những cuốn sách của tôi từ bất cứ câu chuyện nào, thì câu chuyện này vẫn có vị trí đặc biệt trong cuộc đời viết văn của tôi, bởi đây là cuốn tiểu thuyết đầu tiên tôi viết. Dù lúc đó tôi đã gần ba mươi, thì liệu có thể gọi **Vết khắc hằn trên cát** là tiểu thuyết của tuổi trẻ được không?

Được chứ, chắc chắn rồi!

Được chứ, bởi khi viết **Vết khắc hằn trên cát**, tôi không biết liệu một ngày nó có được xuất bản không (và thậm chí, nói thật lòng, tôi cũng không quá tin tưởng vào điều đó). Đó là điểm khác biệt cơ bản với những cuốn tiểu thuyết khác của tôi.

Được chứ, bởi khi viết **Vết khắc hằn trên cát**, tôi không biết bất cứ quy tắc viết tiểu thuyết trinh thám nào, tôi đã tạo ra, hình dung, biến đổi chúng. Có thể các miêu tả nơi chốn quá dài dòng, có thể viên thám tử tư quá lãng mạn, tên giết người thuê quá vụng về, nhưng bằng cách ấy hẳn tôi đã tạo ra

cách kể chuyện của riêng mình.

Được chứ, bởi tiểu thuyết này chứa đầy những ám chỉ, tham khảo, có thể cả ám ảnh, những thứ sẽ được dùng lại, có khi được phát triển thêm trong các tiểu thuyết sau của tôi, tôi để các bạn khám phá chúng qua từng trang…

Được chứ, bởi vào năm 1994, các nhà văn không có Internet, Google Earth, hay từ điển bách khoa trực tuyến… Họ không thể, chỉ bằng một cái nhấp chuột đơn giản, có được cả trăm bức ảnh về súng lục hay danh sách đầy đủ huân, huy chương của quân đội Mỹ từ thời Georges Washington. Năm 1994, cần phải lựa chọn, hoặc là lao vào một cuộc nghiên cứu tìm hiểu dài dằng dặc… hoặc là tự sáng tạo ra tất cả! Các tiểu thuyết về sau của tôi đều được thu thập tư liệu cẩn thận, miêu tả địa điểm chính xác (chí ít cũng gần như luôn chính xác), rồi được các biên tập viên thận trọng đọc đi đọc lại. **Vết khắc hằn trên cát** đã lọt qua lưới lọc của thực tế và độc giả có thể thỏa sức phân biệt đúng sai, phân biệt những gì có thật và những gì thuộc về trí tưởng tượng thuần túy của tác giả, người đã biến đổi hiện thực theo ý mình, mà sự hư hư thực thực của câu chuyện không hề bị ảnh hưởng. Thậm chí còn nhờ thế mà càng mạnh mẽ hơn, và ở đây tôi có thể thú nhận rằng đôi lúc tôi thấy giận tất cả các công cụ mới dành cho nhà văn; tôi ước mình có thể miêu tả các địa điểm như cách tôi hình dung về chúng chứ không phải như những gì hiện ra trên màn hình biết tuốt của tôi, có thể sáng tạo ra các nhãn hiệu ô tô, quần áo hay rượu, đi theo những trình tự tư pháp mà tôi nghĩ phải thế chứ không bị bó chặt vào những luật lệ, sắc lệnh hay quy định thực tế… Bạn có thể đáp lại rằng chẳng có gì ngăn tôi làm vậy và có lẽ bạn hoàn toàn đúng; đó chắc chắn là việc mà một ngày nào đó tôi sẽ làm. Vả lại, tuyệt đối chân thành mà nói, tôi cũng đã đôi lần làm vậy, một cách thầm lặng, tôi, người viết những cuốn tiểu thuyết trinh thám mà chưa một lần bước chân vào Sở cảnh sát!

Được chứ, bởi cuốn tiểu thuyết này đã trải qua nhiều cuộc đời. Chính xác là ba. Ở cuộc đời thứ nhất, nó ngủ yên mười năm trời trong ngăn kéo bàn làm việc của tôi, dưới nhan đề **L'Ardoise** (tạm dịch: *Đá đen),* trước khi có một nhà xuất bản đồng ý xuất bản. Ở cuộc đời thứ hai, khi được đặt lại tên là **Omaha Crimes** (tạm dịch: *Những tội ác Omaha),* nó hé lộ với tôi thế giới của tiểu thuyết trinh thám. Rồi từ nay trở đi với tên **Gravé dans le sable** *(Vết khắc hằn trên cát),* nó tiếp tục chuyến phiêu lưu tươi đẹp và bắt đầu cuộc đời thứ ba. Trước khi, biết đâu đấy, đến với cuộc đời thứ tư trên màn ảnh rộng…

Thực ra, ý tưởng của cuốn tiểu thuyết này ra đời từ một ảo ảnh điện ảnh. Theo những ký ức về bộ phim **Le Jour le plus long** (tạm dịch: *Ngày dài nhất),* tôi tin mình thấy cảnh các tay lính Mỹ đang tấn công một vách đá, một bức tường bê tông, theo thứ tự đã được ấn định trước do một viên trung úy hô lên. 1, 2, 3, 4… Và tôi xem lại bộ phim: chẳng có chút dấu vết nào của cảnh tượng rùng rợn đó. Nhưng trái lại, cũng không nhà sử học nào có thể khẳng định với tôi là không có một trật tự tấn công nhất định, hay các phương thức xác định trật tự đó. Do thiếu sự thật lịch sử, tôi đã tưởng tượng ra tất cả.

Chúc các bạn đọc sách vui vẻ cùng Alice, Lison, Nick, Ralph, Emilia, Lucky, Ted… Tất cả họ đều có vị trí đặc biệt trong tim tôi, như những người bạn ấu thơ mà ta sẽ nhớ đến nhiều hơn những người ta gặp sau này.

Tôi biết rằng với các độc giả đọc tôi từ đầu, những người từng biết đến **Vết khắc hằn trên cát** dưới tên **Omaha Crimes**, với bìa đen trắng có hình các sà-lan đổ bộ gợi đến một cuốn sách về ký ức chiến tranh, thì cuốn sách này vẫn mang phong vị riêng, và có lẽ vẫn là cuốn sách yêu thích của họ. Thậm chí họ có thể sẽ nhìn cuốn tiểu thuyết địa phương này lan đến khắp các hiệu sách tại Pháp, đến cả những hiệu sách vô danh, dưới tên mới, với

chút ghen tị. Cả một chút buồn nữa, gần giống như khi ta để cậu bé gần nhà ra đi sống cuộc đời mình ở nơi khác, nhưng lại dặn cậu đừng quên nơi mình từ đó ra đi.

Có điều gì đó thần kỳ khi một cuốn tiểu thuyết đầu tay, được một nhà xuất bản địa phương phát hành, vài năm sau, lại ra mắt khắp cả nước, rồi ra thế giới, và hơn cả một cuộc đời thứ ba, là hàng nghìn cuộc đời mới, bởi mỗi lần gặp gỡ với một độc giả là một lần cuốn sách sống thêm một cuộc đời.

MICHEL BUSSI

Dành tặng mẹ tôi

Cuốn sách ly kỳ về cuộc đổ bộ này sẽ khiến bạn thích thú, còn chúng tôi thì vô cùng yêu thích. Tác giả đưa chúng ta trở đi trở lại giữa Mỹ và Normandie, theo bước chân Alice, với những tình tiết hết sức ly kỳ và hồi hộp.

— **Femme Actuelle**

Bussi dẫn dắt những tình tiết hồi hộp tinh quái đến mức một lúc nào đó, độc giả phải tự hỏi mình có bị lừa hay không? Và cuốn tiểu thuyết cũng thật hài hước nhờ viên thám tử tư đầy hăng hái. Một cuốn trinh thám thật thú vị, cuốn hút.

— **Le Parisien Aujourd'hui En France**

Thời kỳ đầu tiên

1944

Chết ở Normandie

1 CUỘC TẤN CÔNG

6 THÁNG SÁU 1944, BỜ BIỂN OMAHA, MŨI GUILLAUME

Chiếc sà-lan mở bụng. Một trăm tám mươi tám biệt kích Mỹ nhào xuống làn nước lạnh rồi nhanh chóng tản đi. Nhìn từ trên cao Mũi Guillaume, họ trông chẳng lớn hơn những con kiến trên tấm khăn trải bàn nhàu nhĩ.

Khó mà ngắm bắn được họ.

Lucky Marry là người đầu tiên vào đến bờ biển, gần như đứt hơi. Anh nằm dài trên cát ướt, khuất sau một khối đá granite nhỏ và thùng chất nổ nặng trịch anh vừa đặt phía trước. Anh nghe thấy tiếng chân chạy nhanh sau lưng và hơi thở gấp gáp. Ralph Finn cũng lao vào nấp sau chỗ trú ẩn tạm bợ.

Còn sống!

Anh quan sát nhanh Mũi Guillaume, chìm trong sương mù tít trên cao, rồi đến bức tường bê tông nằm trước họ năm chục mét. Anh mỉm cười với Lucky, nụ cười của kẻ tử tế bị cuốn vào cảnh hỗn loạn của thế giới, nhưng vẫn sẵn sàng hành xử đến cùng như một anh hùng vô danh.

Một tiếng nổ vang lên cách họ chưa đầy mười mét. Không có tiếng hét nào. Những đám mây cát ướt bốc lên. Alan Woe hiện ra từ trong sương và nằm xuống cạnh Lucky và Ralph.

Anh ta cũng còn sống!

Anh ta nhìn sâu vào mắt Lucky. Một ánh mắt bình tĩnh, đầy chất trí tuệ. Chút nhân tính bổ sung. Điều đó giúp được gì cho anh ta, ở đây?

— Một! – trung úy Dean hô.

Ngay lập tức, như những cỗ máy vận hành trơn tru, Lucky, Ralph, Alan chĩa súng về phía Mũi Guillaume và bắn. Loạt đạn đột ngột vang lên đinh tai. Một cơn mưa đạn trút vào lô cốt nằm cheo leo trên đỉnh vách đá. Vừa ngắm, Lucky vừa tự ép mình nghĩ đến Alice. Anh sẽ bình an, nhờ có cô,như mọi khi.

Một tiếng thét xé rách tiếng đạn nổ ồn ào. Benjamin Yes khốn khổ đã không tiến được xa.

— Hai! – Dean hô.

Đã hai rồi ư?

Vừa tiếp tục bắn một cách mù quáng, Lucky vừa quay đầu lại. Giữa những con sóng đục ngầu trào lên rồi lại rút xuống, trong một thoáng, anh thấy thân xác những đồng đội đã ngã xuống, thân thể những đồng đội bị thương, cả thân thể trơ ì của những người không dám đánh đến cùng, không dám chạy trên bãi biển trống, chỉ nhô đầu lên khỏi mặt nước.

Trong số đó, có Oscar Arlington. Cuối cùng hắn cũng đến được bờ biển. Ướt sũng, bò trong bùn xám, hắn chậm chạp tiến gần đến thùng thuốc nổ.

Hắn run rẩy, không thể giữ chắc súng, đôi mắt đỏ ngầu.

Lucky bắt gặp ánh mắt kinh hoàng của Arlington.

— Ba! – trung úy Dean hô.

Một tiếng nổ dữ dội đáp trả loạt đạn của toán biệt kích Mỹ. Những vụn đất ướt màu son trùm lên họ. Oscar Arlington, người lấm lem đất, nước và nước mắt, gần như không thể nhận ra, đã đến được chỗ họ sau thùng thuốc nổ.

Lucky không nhìn hắn lấy một lần. Anh phải quên đi. Anh phải tập trung vào khuôn mặt Alice, vợ chưa cưới của anh, người vợ chưa cưới xinh đẹp của anh. Nhưng dẫu sao anh cũng sẽ thắng, như mọi khi, bằng cách này hay cách khác, anh sẽ chiến thắng mọi Arlington trên đời.

— Bốn! – trung úy Dean hô.

Một cơn rùng mình lan khắp người Lucky. Anh mỉm cười. Ngay cả khi chơi poker, anh cũng chưa từng cảm thấy kích thích đến thế. Ngay cả trước những món tiền đặt cược khủng nhất. Cuộc đời là một trò chơi tuyệt vời, trò chơi đáng giá 1,44 triệu đô-la! Anh nhắm mắt rồi lại mở mắt: khuôn mặt hiền dịu của Alice giờ đã thay thế màn sương bụi.

Anh là bất tử.

Anh cảm thấy bàn tay mềm oặt của Oscar Arlington tìm cách túm vạt áo rằn ri của anh.

Quá muộn.

Không chần chừ thêm nữa.

Cuối cùng anh cũng sắp biết. Sắp tìm ra câu trả lời cho thương vụ điên

cuồng được tiến hành ba ngày trước. Lucky là người điên rồ nhất hay tài giỏi nhất trong tất cả lính biệt kích của chiến dịch Overlord?

Ba ngày trước…

2 | VÁN XỔ SỐ TỬ THẦN

3 tháng Sáu 1944, cảng Denton, Anh

“Họ về trời vào một ngày mưa rất to.” Câu này ám ảnh Oscar. Hắn hẳn đã đọc được nó ở đâu đó, cách đây không lâu. Hoặc đã nghe thấy nó ở đâu đó, từ miệng một kẻ ngu ngốc. Chẳng thiếu những kẻ ngốc có thể nói câu đó, trên chiếc sà-lan này. Những tên ngốc tự coi mình là nhà tiên tri. Những tên ngốc trở nên thần bí, hai hay ba ngày trước Sự phán xét cuối cùng.

Oscar ấn cái đầu to tròn vào cửa sổ sà-lan và nhìn mưa rơi như trút. Chẳng nhìn rõ được gì ở bên ngoài nữa, không thấy nước ở cảng, bầu trời hay những tấm bạt xám cho các sà-lan, chỉ thoáng thấy ánh sáng nhấp nháy của một chiếc đèn pha, hay một quán bar, rốt cuộc, của một cuộc sống nào đó ngoài kia, phía đằng xa.

Chắc chắn là chúng sẽ rơi xuống, những giọt mưa, vào ngày 6 tháng Sáu chết tiệt này, trên bãi biển chết tiệt này, đằng trước mặt kia. Chắc chắn nước sẽ đóng băng, cát sẽ nặng và dính chặt vào giày của hắn, nếu hắn có thể đến được chỗ cát ấy… Chắc chắn thời tiết sẽ rất xấu, để họ không phải rời mảnh đất này với quá nhiều hối tiếc.

Chắc chắn là trời sẽ mưa ào ạt, những dòng nước mưa to như những sợi thừng!

Và Oscar ngu ngốc nghĩ rằng suốt cuộc đời mình, hắn chưa bao giờ leo lên được sợi dây nào, cả ở trường học lẫn khi tập luyện với đội biệt kích. Hắn luôn lơ lửng cách mặt đất một mét như con lợn béo bị treo. Hắn mỉm cười. Điều đó chứng tỏ rõ ràng hắn chẳng có gì để làm ở đây, trên cái sà-lan này, giữa những anh hùng vô thức kia…

Có tất cả chính xác một trăm tám mươi tám vị anh hùng, một trăm tám mươi bảy nếu không tính Oscar Arlington. Một trăm tám mươi bảy thanh niên Mỹ hợp thành Đội biệt kích số 9, tất cả chen chúc trên chiếc sà-lan này, cùng gánh trên vai sức nặng của một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất khi đổ bộ lên Normandie: chiếm Mũi Guillaume.

Mũi Guillaume là một chỏm núi đá nhô cao trên vách đá bờ biển Normandie, đội trên đầu một cái lô cốt và tua tủa xung quanh là những khẩu đại bác; nó được các chiến lược gia nhìn nhận như một trong những vị trí quan trọng nhất của chiến dịch Overlord. Trên chiếc sà-lan này, chen chúc nhau là một trăm tám mươi bảy thanh niên tình nguyện Mỹ hăng hái, đủ khỏe mạnh để leo lên rồi tụt xuống các vách đá ở Anh suốt một tháng nay, giờ thì việc đó thật dễ dàng vì họ đã có đôi bàn tay rắn chắc và không còn thấy chóng mặt, tối tối họ đến ầm ĩ ở quán bar, uống rượu và cười nói rộn rã, tự tin vào chính mình, vào ngôi sao chiếu mệnh của họ, vào những ngôi sao trên lá cờ vệ quốc mà họ sẽ phải cắm trên đỉnh Mũi Guillaume.

Tuy vậy, trong căn phòng lớn nhất của sà-lan, căn phòng vẫn thường dùng làm quán bar, một sự im lặng tuyệt đối đang ngự trị. Họ đã xếp bài, bia, xúc xắc, tất cả những thứ để giết thời gian xuống dưới tấm bạt. Cả một trăm tám mươi tám lính biệt kích đứng chen chúc ở đây. Một số người tựa

vào cửa sổ giống Oscar, một số khác tìm được chỗ ngồi ở góc bàn hay trên ghế đẩu, một số ngồi dưới đất, đa số đang đứng. Một trăm tám mươi tám thanh niên Mỹ, đầu cạo trọc đầy vẻ hăm dọa, bình thường vốn đầy ắp những câu chuyện dâm dục và ý nghĩ tục tĩu, nhìn nhau trong im lặng. Không khí đầy mùi ẩm ướt, mùi mồ hôi lẫn lộn, những hơi thở nặng mùi, y như phòng thay đồ của một đội bóng đá. Nhưng không ai nói một lời…

Phòng thay đồ của một đội bóng có thể sẽ thua. Nơi mỗi người chờ đợi hình phạt, nơi mỗi người hy vọng hình phạt đó sẽ giáng xuống người khác. Một trăm tám mươi tám cặp mắt nhìn vào chiếc ghế đẩu ngu ngốc đặt ở chính giữa phòng, trên mặt ghế đặt một cái mũ.

Chỉ là một chiếc mũ, thế mà tất cả nhìn chằm chằm vào nó như nhìn một bức tượng quỷ.

Mình làm gì ở đây thế này? Oscar nghĩ.

Oscar vã mồ hôi, nhiều hơn bất cứ ai. Chuyện đó thật hiển nhiên, vì hắn chẳng có gì để làm giữa những vận động viên đầu trọc này. Hắn chẳng có gì để làm ở đây, giữa đám lính biệt kích này. Tất cả họ đều cao lớn, khỏe mạnh, rám nắng ngay cả trong màn mưa nước Anh. Còn hắn thì lùn và béo.

Mình làm gì ở đây thế này?

Mình sẽ làm gì trên cái bãi biển đó?

Chúng sẽ bắn hạ mình ngay tức khắc, mình to tướng thế này cơ mà… Mình thậm chí sẽ không thể nấp sau người khác. Ngay đến một tên lính Đức cận nặng nhất cũng không thể nào bắn trượt mình được!

Và tất cả những chuyện này đều là lỗi của một người.

Oscar Arlington nhắm mắt một lúc.

Emilia Arlington, mẹ đẻ của hắn. Bởi vì đương nhiên là mẹ hắn luôn mong con trai mình trở thành anh hùng. Đương nhiên bà đã nằn nì để con trai gia nhập đội biệt kích, nếu được vào đội đánh ở dốc đá Mũi Guillaume thì càng tốt.

Cảm ơn, mẹ. Chết tiệt! Anh hùng, con á! Trèo lên đỉnh vách đá theo lệnh triệu tập á! Nằm ở giường trên gác lửng con đã thấy Sợ rồi, mà không chỉ hồi bé. Bây giờ vẫn vậy. Nếu còn tồn tại cái gọi là *bây giờ*.

Và toàn bộ đám thanh niên biệt kích ngu ngốc mơ về vinh quang này, chúng tin rằng bọn Đức sẽ bỏ chạy ngay khi thấy bóng dáng một con tàu. Cả đám rồi sẽ chết rũ, người ướt nhẹp mặt vùi trong cát, trước bức tường đá phấn.

Oscar buồn bã nhìn những tay lính biệt kích ngồi im lặng bên cạnh mình.

Những thanh niên vô thức… Giá các cậu biết được… Tôi thì biết, tôi đã trò chuyện rất lâu với Teddy Baur, một trong những bộ óc phát triển hiếm hoi trên cỗ quan tài nổi này. Teddy Baur là một nghệ sĩ, chính anh cũng không hiểu mình đang làm gì ở đây. Nhưng trái lại, anh biết điều gì đang chờ đợi chúng ta. Anh đến Pháp từ trước chiến tranh, để vẽ. Anh thuộc lòng vùng bờ biển Normandie. Cũng bởi thế mà người ta tống anh vào đây. Bản thân anh cũng không đòi hỏi gì, anh là nghệ sĩ, không phải nhà leo núi. Anh đã vẽ chúng, những vách đá Normandie, anh đã quan sát chúng hàng giờ đồng hồ, anh đã đo đạc chúng. Nhất là Mũi Guillaume, anh đã vẽ nó dưới mọi kiểu ánh sáng ban ngày. Mũi Guillaume là một chỏm núi đá phấn, loại đá phấn đặc biệt cứng, cứng đến nỗi biển cả, gió và mọi thứ khác đều không thể bào mòn nó như những nơi khác, tạo thành tòa tháp canh giúp con người giám sát tốt hơn cái pháo đài, chính là vùng bờ biển Normandie. Có

vẻ như đứng trên đỉnh này, từ khi còn là đứa trẻ, vua Guillaume Kẻ chinh phục đã mơ một ngày nào đó chiếm được nước Anh. Và rồi chính tại nơi đây, theo Teddy, Guillaume Con hoang đã trở thành Guillaume Kẻ chinh phục, và đương nhiên, núi đá này giữ cái tên Mũi Guillaume. Cha ông, Robert Vĩ đại, hay còn gọi là Quỷ Sứ, có một lâu đài nhỏ nằm trong đất liền, cách biển một kilomet. Tại đây Guillaume thuở bé, đứa con hoang của ông, thường đến ở. Ngày nay vẫn còn một ngôi làng giữ cái tên Lâu Đài Quỷ. Ít nhất đó là những gì Teddy Baur đã kể.

Lâu Đài Quỷ…

Mục tiêu thứ hai của đội biệt kích, sau chỏm núi đá và cái lô cốt…

Tập hợp tại Lâu Đài Quỷ!

Chí ít thì chương trình hành động cũng được cái rõ ràng. Và những thanh niên điên rồ này tin rằng đường lên Thiên đường đang đợi mình! Theo Teddy Baur, đứng từ đỉnh mũi, ta sẽ có tầm nhìn cực khủng. Từ dưới chân núi cũng rất khủng, anh nói thêm. Một bức tường đá phấn đích thực, một bãi biển dài trống trải rồi đến bức tường lớn không một vết nứt. Ta sẽ chết trên vách đá đó như những con sóng khi triều cường. Sẽ chỉ còn hai, ba vệt đỏ trên lớp đá phấn, vài vết máu, rồi chẳng còn gì sau cơn thủy triều tiếp theo.

Cuối cùng, thứ hoàn thành bức tranh toàn cảnh chính là bức tường bê tông tuyệt vời này. Các sĩ quan mới chỉ nói về nó ngày hôm kia. Ngay cả Teddy Baur cũng không biết. Bức tường chính giữa bãi biển, quân Đức đã xây nó trong chiến tranh.

Để tăng độ phức tạp, Oscar nghĩ, để cho chắc. Như thể vách đá cao sáu mươi mét và đống súng máy trên đó chưa đủ. Thế là lũ người Đức tàn ác ấy

xây một bức tường bê tông để bảo vệ phần chân vách núi. Một bức tường cao nhiều mét, đủ xa vách đá để tránh móc bám ném lên, đủ thấp so với lô cốt để không thể nấp phía sau, chăng dây thép gai tua tủa đủ để không ai có thể leo lên mà không bị mắc lại, chờ một kẻ nào đó trên kia sẽ kết liễu đời mình. Nói tóm lại, những sĩ quan Mỹ tàn ác đó đã quyết định thông qua cái miệng của kẻ tàn ác nhất trong số họ, trung úy Dean, từ trước cả khi phát động tấn công, rằng cần phải thổi bay bức tường bê tông nằm giữa bãi biển, hoàn toàn trống trải.

Đó sẽ là một cuộc tàn sát, Dean nói bằng giọng nghiêm trọng. Một cuộc tàn sát… Và Dean dành ra một khoảng lặng, để cả một trăm tám mươi tám viên lính biệt kích này, gần như toàn bộ đều là lính tình nguyện, nắm rõ tình hình. Mọi người chờ đợi phần tiếp theo. Toán lính biệt kích không tin là sẽ có cuộc tàn sát ấy. Người ta sẽ không phái đi một đội biệt kích, một đội biệt kích Mỹ, để bị tàn sát, nhưng họ cũng biết bức tường đó không phải chuyện đùa. Vậy nên họ đợi giải pháp, chiến thuật tài tình do các sĩ quan tham mưu nghĩ ra để chống lại cái bẫy này của quân Đức. Họ chờ đợi trong tin tưởng, dán mắt vào miệng trung úy Dean. Khoảng lặng kéo dài.

Trừ phi, sau một lúc viên trung úy nói thêm, trừ phi chúng ta không để quân Đức tàn sát chúng ta, phải vậy không, các chàng trai? Chúng ta sẽ không rơi vào bẫy của chúng, phải không, các chàng trai? Chúng ta sẽ tìm ra giải pháp để giảm thiểu xuống mức thấp nhất thiệt hại về người.

Giảm thiểu xuống mức thấp nhất thiệt hại về người.

Ý tưởng bốc mùi đần độn! Oscar Arlington nghĩ ngay.

Và đó đúng thật là một ý tưởng đần độn. Thay vì toàn bộ đội biệt kích cùng bị súng máy bắn khi chạy về phía bức tường bê tông, ý tưởng của Dean và các sĩ quan là chỉ phái một số tay lính, từng người một, mang

thuốc nổ đến đặt quanh bức tường, sau đó quay về thật nhanh nếu có thể, rồi cho nổ tung tất cả để mở một lỗ hổng trên bức tường. *Một số tay lính,* họ đã nói vậy.

Ai?

Đây là phần tàn ác nhất trong ý tưởng của họ: *chúng ta sẽ bốc thăm!* Họ sẽ cho một trăm tám mươi tám mẩu giấy với một trăm tám mươi tám số, từ 1 đến 188, vào một cái mũ. Người nào bốc được số 1 sẽ lên đầu tiên, và cứ thế… Đây là giải pháp công bằng nhất, Dean cho rằng cần nói thêm như thế, đương nhiên anh ta không tham gia bốc thăm, cách này sẽ giúp tiết kiệm tối đa sinh mạng.

Để xem nào, Oscar nghĩ. Ngay sau đó hắn nói chuyện với Teddy Baur. Teddy Baur rất dứt khoát: những người bốc trúng các số từ 1 đến 20 coi như đã mất mạng! Khoảng cách đến tường quá xa. Với trọng lượng thuốc nổ phải mang thì không thể nào bò được. Những người đầu tiên sẽ bị bắn chết như những con thỏ. Ta chỉ có thể tiến lên thật chậm, từng mét một, qua từng cái xác. Hai mươi gã bị kết án tử, Teddy nói. Như thế nghĩa là để chắc ăn, phải đặt cửa từ 30, thậm chí hơn nữa. Phải tránh bốc trúng các số trong khoảng từ 1 đến 40.

Mồ hôi Oscar toát ra mỗi lúc một nhiều khi nghĩ lại toàn bộ những điều đó.

Lần ấy, đứng trước chiếc mũ, hắn cùng mọi người tập hợp trong căn phòng để thực hiện trò bốc thăm chết tiệt. Chưa gì hắn đã run rẩy như một chiếc lá, chỉ là bốc một mẩu giấy thôi mà. Ở đó sẽ thế nào nhỉ? hắn nghĩ, giữa ban ngày, trên bãi biển… Dù sao thì mình cũng sẽ chết chìm trong nước, kể cả nước chỉ sâu có năm chục phân. Mình sẽ không bao giờ đến được bãi biển. Thế nên, dù mình có bốc trúng số 1 hay 188 đi nữa…

Tuy vậy, cũng giống như mọi người, hắn vẫn nhìn chằm chằm chiếc mũ đặt trên ghế đẩu.

Im lặng gần như không thể chịu nổi. Không ai dám tiến đến chiếc mũ. Mỗi người đều nghĩ về số phận mong manh của mình. Tôi, Oscar Arlington, đang làm gì ở đây thế này? Đáng ra mẹ có thể cho tôi phục viên hai mươi lần cũng được, nếu mẹ muốn làm thế. Mẹ có quen biết cá nhân với một nửa số sĩ quan Mỹ. Đáng ra mẹ có thể cho tôi làm việc trong văn phòng, trả lời điện thoại hay dán những con tem, một công việc an toàn, thậm chí cũng hữu ích, tôi không quan tâm, an toàn là được! Nhưng không, con trai mẹ phải là một anh hùng, anh hùng tử nạn thì vẫn là anh hùng. Điều quan trọng nhất là uy tín của gia đình. Và sự nghiệp chính trị của Emilia Arlington! Không được phép có quá mười phụ nữ làm chính trị tại Mỹ, và một trong số họ phải là mẹ tôi.

Gia đình đáng nguyền rủa!

Dòng họ Arlington chết tiệt! Từ mẹ tôi cho đến người nhà Arlington đầu tiên đi con đường ngược lại, từ Anh đổ bộ lên Mỹ. Còn tôi, tôi đã quá ngu ngốc không dám thốt ra bất kỳ điều gì, để phản kháng. Tôi sợ phải hỏi mẹ: Mẹ, mẹ thấy đấy, con không muốn đi đến đó, đến nơi có chiến tranh, nếu như có thể, con không muốn chết khi vẫn còn trẻ thế này, cho một cuộc chiến mà con chẳng liên quan gì cả. Vậy nên mẹ thấy đấy, giá mà có thể bỏ lại chỗ của con, chờ đợi một chút… Thêm nữa con cũng thiếu rèn luyện, và trên đất nước này có biết bao thanh niên chỉ mơ được thế, được đến đó và khoác lên mình vinh quang, đấy, mẹ ạ, ai thì cũng phải đến lượt, nhà Arlington đã cống hiến từ năm 1787 rồi. Nhưng không, người nhà Arlington không nói với nhau như thế! Rốt cuộc, lạy Chúa, những điều đó quá rõ ràng mà! Một người mẹ lẽ ra phải hiểu mà không cần ai nói chứ!

Một người mẹ lẽ ra phải khóc cho đứa con trai ra đi có lẽ không thể trở về chứ. Mẹ biết rõ nó không muốn đi đến đó, con trai yêu dấu của mẹ, để bị đạn bắn thủng người ở Normandie. Ai lại muốn thế chứ? Bất cứ người mẹ nào, nếu có khả năng, đều sẽ cố gắng cứu con mình. Bất cứ người mẹ nào nhưng không phải Emilia Arlington, bà đầm thép của bang Virginia, Emilia Arlington cánh hữu và sắt đá mà báo chí vẫn nhắc đến. Chết tiệt! Có lẽ mẹ mong tôi chết giống cha tôi. Tôi chỉ nhớ đến một cái xác sống mặc pyjama dành cả cuộc đời để khạc nhổ và ho. Cha mất năm ông 31 tuổi, còn tôi 6 tuổi. Ông bị viêm phế quản khi ở trong chiến hào, năm 1918. Khí độc, thứ gặm nhấm bạn từ bên trong từng chút một. Nhưng với Emilia Arlington, một anh hùng trong gia đình là chưa đủ. Bà đã bén mùi thứ vinh quang đó!

Oscar vẫn nhìn chằm chằm cái mũ, vẫn không tay lính biệt kích nào dám lại gần.

Không, thế này quá dễ dàng! Tôi sẽ thoát khỏi chuyện này! Tôi sẽ không chết ở đây nhân danh số phận bi thảm và anh hùng của gia đình. Con trai mẹ sẽ là một anh hùng, thưa mẹ, nhưng không phải một anh hùng thiệt mạng. Sự nghiệp của mẹ, vận may của mẹ, con cũng sẽ lợi dụng chúng, rất lâu đấy, tin con đi!

Trò xổ số tử thần bắt đầu.

Vài lính biệt kích đầu tiên bắt đầu bốc, vì dũng cảm hay vì mê tín. Người đầu tiên đọc to số mà anh ta bốc được, 123. Và những người khác nghĩ rằng bắt chước anh ta là chuyện đương nhiên, như thể đó là một phần của nghi thức.

Phải đến hơn mười lăm viên lính biệt kích đã bốc số. Chết tiệt, Oscar nghĩ, những số nhỏ không được bốc ra sớm. Hắn chờ. Cần phải chờ, chờ, chờ, hắn nghĩ. Không có gì phải sợ! Trên bãi biển, mày sẽ là tên lính tồi của

đội, nhưng tại đây, giữa đàn bò rừng này, mày có trí thông minh riêng của mình, vậy nên tính toán đi, lạy Chúa, hãy tính đi.

Một anh hầu bàn trẻ tuổi ở Denver với ánh mắt hiền lành mà Oscar không biết tên, vừa bốc phải số 3. Anh ta đứng sững người. Những người khác không dám nhìn vào ánh mắt vẫn hiền lành nhưng giờ đã ngấn nước của anh. Phù, Oscar nghĩ. Chọn phe phái thì luôn phải vậy đấy. Hãy cùng chờ tiếp.

Barry Monroe tiến lên bốc. Thường thì anh ta luôn là tay to mồm của đội, nhưng lần này lại không nói gì. Oscar ghét anh ta. Hắn thấy anh ta tầm thường, nhưng trên hết, điều không thể chịu đựng được ở Monroe, là anh ta thích chiến tranh, anh ta là tên vua con ở đây, ông trời con của cái sà-lan. Anh ta có quyền làm ở đây những thứ thông thường anh ta bị cấm, được vận dụng sở trường của mình: hận thù và bạo lực. Chiến tranh cho anh ta một cơ hội khó tin để tỏa sáng, ít nhất là một lần trong đời. Điều đó đã làm thay đổi sự tầm thường nơi anh ta phải sống hằng ngày, tại đây anh ta sẽ trả thù, trả thù ông chủ của anh ta, giáo viên của anh ta, cha mẹ anh ta, có lẽ cả vợ anh ta, tất cả những ai đã sỉ nhục anh ta suốt cuộc đời. Với Oscar, đây là điều tồi tệ nhất, tệ hơn cả bản thân cuộc chiến: bị buộc phải chung phòng ngủ với những con lợn suốt ngày đánh rắm, ợ hơi và đóng đinh ảnh những cô ả trần trụi lên tường.

Barry Monroe bốc phải số 5. Đáng đời, Oscar hớn hở trong lòng, rốt cuộc mình sẽ tin vào Chúa mất thôi! Monroe hét lên, đầu tiên anh ta ngửa cổ lên trần, sau đó đấm mạnh vào tường, vẫn tiếp tục hét, cuối cùng anh ta tìm một ánh mắt để bấu víu; tất cả mọi người cúi gằm, thế là đột ngột, Monroe bật khóc nức nở như một đứa trẻ.

Oscar vẫn đợi. Hắn sẽ là một trong những người cuối cùng lên bốc, hắn đã quyết định thế. Hắn bấu víu vào niềm hy vọng điên rồ rằng tất cả các số

từ 1 đến 20 sẽ sớm được bốc trước. Đội lính biệt kích tiếp tục nối nhau bốc số, từng người một, với mức độ may mắn không giống nhau; Teddy Baur, anh chàng họa sĩ, bốc phải số 19…

Vận may mong manh quá, Oscar nghĩ. 19… Anh chàng Teddy sẽ khó mà ngủ nổi. Anh ta sẽ cố đo đi đo lại trong đầu độ rộng của bãi biển, khoảng cách đến bức tường, số mét trung bình một viên lính biệt kích hy vọng có thể vượt qua khi mang theo thuốc nổ, nhân tất cả với 19. Anh ta gần như không ngủ. Đáng đời anh ta! Anh ta chỉ làm rệu rã tinh thần chúng ta. Ai rồi cũng đến lượt!

Lucky Marry lên bốc. Tên này Oscar cũng không thể ngửi nổi. Lucky, biểu tượng may mắn của trung đoàn, tên con rể lý tưởng, đẹp mã, không ngu, và luôn tươi cười, cái tên rác rưởi ấy. Anh ta như bước ra từ phim Hollywood, một Errol Flynn lạc vào hiện thực, nhưng vẫn tiếp tục diễn bộ phim của mình như thể những viên đạn đều không có thật; hình mẫu thu nhỏ của hình ảnh mà nước Mỹ thích khoác lên mình, của lý do mà họ ở đây, cuối cùng là cho hình ảnh của nước Mỹ và của mẹ hắn, bà Arlington. Bởi tất cả những điều đó mà hắn không thích anh ta, cái tên Lucky Marry đó. Bởi thế và bởi cả vận may khó tin của anh ta, thứ đã trở thành huyền thoại trên chiếc sà-lan này: vận may của quỷ sứ trong tất cả mọi việc, nhất là khi chơi bài poker. Anh ta đã lột sạch toàn trung đoàn, anh ta đã thắng hết toàn bộ tiền, vét tận đáy mọi chiếc túi, tất cả những gì còn lại của các thủy thủ, dễ chừng một nửa sà-lan đã thuộc về anh ta… Lucky là người duy nhất vừa tiến đến gần vừa mỉm cười. Anh ta lục nhanh chiếc mũ và bốc lên số 148. Lucky không có thêm biểu hiện gì, mọi người cảm thấy anh ta gần như xấu hổ, anh ta nhanh chóng rời đi.

Tên rác rưởi! Oscar nghĩ. Nếu đúng thật thì đây là trò gian lận!

Số phận thật trớ trêu, ngay sau Lucky, một sinh viên trẻ ngành luật,

Benjamin Yes, bốc trúng số 1. Cậu là người nhút nhát, gần như không ai biết đến. Cậu nhắm mắt. Có lẽ cậu nghĩ về gia đình, cậu còn một hoặc hai ngày để sống, rồi người ta sẽ mở những cánh cửa của chiếc sà-lan to tướng và vài phút sau, cậu sẽ chết. Đó là ý nghĩa của số 1 này.

Chỉ còn mỗi số 4, Oscar nghĩ ngay. Tất cả các số từ 1 đến 25 đều đã được bốc, trừ số 4. Sau đó chỉ còn số 31 và 39. Nếu mình đếm đúng, còn khoảng mười lăm người chưa bốc. Rốt cuộc, mọi chuyện có vẻ tốt đẹp. Kiên nhẫn, kiên nhẫn thêm chút nữa, chỉ cần không sợ hãi, thật ra, một chút thông minh là đủ.

Một anh lính trẻ tiến lên, anh bốc được số 121. Tiếp theo, đến lượt người mà cả trung đoàn gọi là *Thẩm Du* tiến lên, anh ta bốc được số 69; tất cả phá lên cười. Không khí quái quỷ gì đang diễn ra trên những chiếc sà-lan vậy, Oscar nghĩ, chết tiệt, có lẽ thà ở lại trên bãi biển đó còn hơn phải chịu đựng những con bò này đến tận Paris… Các anh có thể chết sạch ngay ngày mai hoặc ngày kia đấy! Còn lại mấy người nhỉ? Mười hai, tôi nghĩ vậy, có thể ít hơn. Số 4 vẫn chưa được bốc! Một hình ảnh ám ảnh hắn: lúc càng có nhiều khả năng số 4 sẽ rơi vào hắn. Hiện tại, xác suất là một trên mười hai. Một người nữa tiến lên. Mình không quen người này, Oscar suy luận. Nhưng anh ta có vẻ ngây dại, khuôn mặt đờ đẫn của người bị kết án. Nào, cố gắng lên, thằng ngốc của ta, bốc số 4 đi!

Anh ta bốc được số 98.

Rác rưởi! Một trên mười một!

Một người nữa tiến lên… Nào nào Johnny, làm Oscar vui đi.

59.

Chết tiệt! Một trên mười! Oscar cảm thấy mình cần phải lên. Một trên mười. Đây là thời điểm lý tưởng. Nếu chậm hơn thì khó mà chịu đựng

được. Tuy thế Oscar không thể cử động. Nào nào, chết tiệt, giờ chỉ còn đám sợ sệt giống mày, những kẻ đang sợ rúm ró. Đi nào, chết tiệt! Nhưng cơ thể Oscar từ chối tuân theo. Hắn không nhúc nhích.

Một người gầy nhỏ, lưng còng và run lẩy bẩy, đến bốc số. Kiểu người chưa bao giờ gặp may, chỉ tin vào định mệnh, cam chịu từ trước cả khi cầm vào mẩu giấy, chắc chắn sẽ chọn số cuối cùng có một chữ số. Anh ta sẽ bốc trúng số 4, số 4. Nào, lạy Chúa… Con thề với Người trên dòng họ Arlington thần thánh, con sẽ không có những ý nghĩ tục tĩu trong nhà thờ của Người nữa.

Con người bị kết án, trước sự kinh ngạc của Oscar, bốc được số 113.

Một trên chín, chết tiệt… Và vẫn còn số 31 và 39! Nào, nào, lạy Chúa.

Oscar không tin mình có thể nhưng hắn cũng bước lên được. Hắn cảm thấy đè nặng lên lưng mình ánh nhìn của tất cả các tay lính khác. Oscar biết họ không thích hắn, bởi vì hắn khác biệt, vì mẹ hắn nổi tiếng, vì hắn giàu, vì hắn làm vấy bẩn họ và cuộc chiến chết tiệt này, vì hắn không có ý định chết ở Normandie!

Hắn thò tay vào mũ, chạm vào lớp thép lạnh ngắt, đầu ngón tay cầm vào một mẩu giấy, hắn do dự một lúc. Hắn cảm nhận thấy ánh nhìn thù địch của những gã Mỹ trung lưu, tâm trạng tiêu cực của họ. Hắn thả mẩu giấy xuống, khuấy lung tung đáy mũ rồi lấy mẩu giấy khác.

Oscar mở ra, đọc trên mẩu giấy: 4.

3 | KẺ ĐÀO NGŨ Ở LÀNG

6 THÁNG SÁU 1944, BỜ BIỂN OMAHA, LÀNG LÂU ĐÀI QUỶ

Trong suốt cả ngày 6 tháng Sáu năm 1944, Lison Munier và cha mẹ cô trú trong tầng hầm ngôi nhà nhỏ bằng đá của họ nằm giữa làng Lâu Đài Quỷ. Ngôi làng bị ném bom suốt ngày hôm nay. Ở dưới hầm, Lison có cảm giác giống như những ngày Chủ nhật trời mưa hồi cô còn nhỏ, khi đó cô không được phép ra khỏi nhà trong khi tất cả những đứa trẻ khác đều đang chơi bên ngoài. Buổi tối, mọi người nghe tiếng bom xa dần, như một cơn dông đi qua. Lison cùng cha mẹ bước ra ngoài nhìn lên vạt trời ngay trước nhà. Họ là những người đầu tiên trong làng liều lĩnh bước ra ngoài, vì phải nhượng bộ trước sự sốt ruột của Lison.

— Phải đi xem có người lính Mỹ nào bị thương không, – Lison nói với bố, – giọng kích động.

— Gì cơ?

— Trên bãi biển. Họ chắc chắn đang ở đó. Chúng ta không thể để mặc họ như thế! Chúng ta cách họ có năm trăm mét.

— Để xem đã, Lison, người Mỹ sẽ không bỏ mặc những người bị thương của họ. Họ sẽ mang những người đó đi và điều trị…

— Thật vậy sao! Bố nói xem liệu họ có thời gian để kiểm tra trong khi những tên Đức đang xả đạn trên đầu không… Những người bị thương, đó là trách nhiệm của dân thường!

Cha Lison nhún vai, mẹ cô không có vẻ muốn tham dự câu chuyện.

Bỏ cuộc trước sự bảo thủ của bố, điều mà hẳn là cô đã lường trước, Lison vừa nói vừa nhảy lên xe đạp.

Cô hai mươi tuổi, xinh đẹp, cô biết điều đó. Cô muốn dốc hết sức đạp xe đến vách đá, khiến chiếc váy thôn nữ bay bay trong gió, như một nữ anh hùng trong tiểu thuyết, một nữ anh hùng bất tử theo thời gian… Vùng Lâu Đài Quỷ hẻo lánh này ngẫu nhiên bị biến thành bãi biển nơi số phận nhân loại sẽ được định đoạt, và nơi mà các anh hùng đến để bại trận, khi chỉ cách vương quốc của họ có hai bước chân… Ôi không, Lison không muốn để lỡ cơ hội.

— Con ở lại đây, Lison! – Cha cô hét lên, cuối cùng ông cũng ý thức được quyết tâm của con gái. – Có mìn ở khắp nơi! Lison, nghe lời ta, ta cấm con đi tiếp! Chúng ta không sống sót qua năm năm chiến tranh để con tự giết chính mình vào ngày giải phóng đâu!

Lison dừng chân.

Khựng lại.

Chiếc xe đạp đổ xuống bùn, làm vấy bẩn chiếc váy công chúa của cô… Thực ra là chiếc váy phồng thôn nữ. Cô đột ngột không còn là nữ anh hùng trong tiểu thuyết. Những lời cha nói đã phá tan giấc mơ của cô. Cô là Lison Munier, con gái của Jean Munier, một người thợ xây nhỏ bé nhát gan, đặc

biệt là không có tinh thần kháng chiến, thậm chí cũng không hợp tác với địch. Nhát gan, chỉ vậy, nhát gan đến tận cùng. Cô vô cùng oán giận ông. Cô sẽ mãi mãi chỉ là con gái của ông Jean Munier này, và sự di truyền vớ vẩn này có vẻ bất công với cô, khiến cô thấy phẫn nộ, cô đáng giá hơn thế này rất nhiều, cô, Lison, muốn nhiều hơn thế này rất nhiều.

— Bố làm con thấy kinh tởm! – Lison bùng nổ. – Chính vì bố mà họ, những người Mỹ, đã chết ở đây… Họ trạc tuổi con, họ chẳng dính dáng gì đến chúng ta, thế mà họ đã đến và chết ở đây. Họ trèo lên vách đá và bị xả súng vào người, chỉ vì chúng ta… Còn chúng ta, trong lúc đó, chúng ta núp trong hầm. Và thậm chí sau đó, khi tất cả đã chết, tất cả trừ một vài vị cứu tinh của chúng ta chưa chết hẳn, có lẽ vậy, chúng ta vẫn núp, biết đâu đấy… Xin lỗi bố, con đi đây!

— Lison!

Nhưng cô đã đi và Jean Munier đứng ngây ra nhìn theo, rồi ông ném ánh nhìn bất lực cam chịu vào vợ, bà nhìn lại ông với ánh mắt dữ tợn.

Mẹ nào con nấy!

Jean Munier tội nghiệp không còn lựa chọn khác ngoài chạy đến chiếc xe đạp của mình rồi vừa đuổi theo con gái vừa nguyền rủa, cả cô lẫn mẹ cô.

Chỉ sau đó một chút, toàn bộ cư dân làng Lâu Đài Quỷ đổ ra nhìn bầu trời với con mắt nghi hoặc. Họ chỉ thấy cha con nhà Munier đang quả cảm đạp xe đến vách đá, trước ánh mắt tự hào và cương trực của bà Munier. Điều đó khiến họ hơi ngạc nhiên, nhất là về phần Jean Munier, người vốn không đặc biệt nổi tiếng trong làng về sự liều lĩnh. Nhưng cũng phải… Người ta chỉ có thể thực hiện những hành động đặc biệt trong những hoàn cảnh đặc biệt, và chính trong những thời điểm đặc biệt khi thế giới bị đảo lộn này, những anh hùng đích thực cũng đành tháo bỏ chiếc mặt nạ một

người giống như bao người của mình.

Lúc này, Jean Munier vừa đạp xe hộc tốc, rõ ràng không đuổi kịp con gái, vừa chửi rủa trảng đất, mà không biết rằng cuộc đi dạo không chỉ định này về sau sẽ mang đến cho ông vinh quang dài lâu trong vùng. Vài năm sau, việc ông khẩn trương hỗ trợ lính Đồng minh đã giúp ông có vị trí tốt trong hội đồng nhân dân vùng Lâu Đài Quỷ, và thậm chí ông còn trở thành thị trưởng từ năm 1958 đến năm 1977. Ở cấp tỉnh, ông vẫn bị những người kháng chiến đích thực tẩy chay.

Lison đạp xe ngược gió và ngược trảng đất méo mó đầy những hố rộng ngoác. Cha cô ở tít xa đằng sau. Lison nhìn chằm chằm mục tiêu của mình, vài thứ đồ vật lấp lánh phía xa trong ánh nắng nhạt. Chắc chắn là những chiếc mũ, mũ của quân đội Mỹ. Cùng lúc, cô thấy năm cái xác nằm rải rác, một trong số đó động đậy. Có thể là do gió, hoặc do cô tưởng tượng, nhưng trong nỗi ngờ vực, cô vẫn gắng sức đạp mạnh gấp đôi.

Đó không phải là tưởng tượng!

Trong một cái hố nhỏ, gần như bị vùi dưới bốn xác lính biệt kích, một người lính Mỹ đang rùng mình, run rẩy… thở!

Ngay cả khi Lison và người lính biệt kích sống sót có tính cách đối lập khủng khiếp, ngay cả khi một trong hai người lúc đó đang cực kỳ xấu xí, nhưng có vẻ họ vẫn yêu nhau. Hoàn cảnh thật quá khắc nghiệt. Lison nâng nhẹ đầu người lính Mỹ, cẩn thận cho anh uống nước, nhẹ nhàng lau mặt anh, hai con mắt to màu xanh lam và nụ cười với hàm răng trắng tinh hiện ra trên khuôn mặt đen đúa.

Anh lính biệt kích thấy cô đến như một điều kỳ diệu. Anh thấy mình

đang chết dần dưới cái hố pháo đầy bùn đã bốc mùi xác của các bạn anh, và sự giải thoát đến với anh dưới hình dáng chiếc váy hoa tung bay quanh cặp chân trần mà anh được dịp chiêm ngưỡng đến tận giữa đùi. Hai vị anh hùng không thể làm gì khác ngoài yêu nhau vào thời khắc đó! Họ yêu nhau, và họ còn yêu nhau rất lâu sau đó nữa.

Jean Munier thấy anh lính Mỹ đã ở trong tay mình đúng lúc ông xuống xe định nghỉ lấy hơi. Hai người đưa anh lính về nhà để cầm máu; anh ta trúng một viên đạn vào lưng.

Sau đó không lâu, anh ta kể lại những ký ức cuối cùng: năm người họ tách ra từ đội biệt kích để đi trinh sát quanh làng Lâu Đài Quỷ. Họ chẳng thấy gì, cũng chẳng hiểu gì. Chỉ trong tích tắc, họ nghe thấy Stan Robinson, người đi sau cùng đội trinh sát, hét lên. Một tràng súng máy át đi đoạn cuối câu nói của anh ta. Họ không kịp quay đầu lại, cả năm người bị bắn vào lưng, không biết do ai và vì sao. Có lẽ họ đã đi qua một tên lính Đức đơn độc mà không thấy. Tên lính đang ẩn nấp và sợ hãi này có lẽ đã hy vọng đội lính Mỹ trinh sát sẽ đi tiếp mà không thấy hắn. Stan Robinson, người đi cuối hàng, có lẽ đã quá cảnh giác, một ánh mắt có lẽ đã dừng lâu quá một giây, và ngay sau đó năm thanh niên Mỹ ngã xuống đáy một cái hố mà không kịp chống trả, và sẽ không ai nghĩ đến việc tìm họ ở dưới ấy.

Bác sĩ của thị trấn đến làng Lâu Đài Quỷ ngay trong ngày hôm đó để phẫu thuật cho anh lính biệt kích. Ông nói thêm rằng anh cần được nghỉ ngơi, phải báo chuyện này cho quân Mỹ, họ đã đặt một bệnh viện dã chiến ở Colleville, cách đây mười lăm kilomet. Lison nói cô sẽ lo chuyện đó, nhưng cô chẳng làm gì cả. Cô giữ anh lính Mỹ ở nhà mình và anh cũng không đòi đi.

Từng chút một, anh lính biệt kích sống sót dần hé lộ về bản thân với những người cứu mạng mình: anh nói với họ anh tên là Alan Woe. Anh

không có gia đình tại Mỹ, gần như không có người thân nào để khóc cho anh. Ở Mỹ, chẳng ai biết đến sự tồn tại của anh. Với những người Mỹ ở đây, anh đã chết. Alan không hề muốn tiếp tục chiến đấu, kể cả chỉ trong vài tháng. Anh có cảm giác đã cống hiến đủ cho cuộc chiến này rồi. Với lại, anh cứ nằm bẹp trên giường, như xác ướp quấn băng, là tù nhân trong căn phòng này bên cạnh cô gái Normandie xinh đẹp chăm lo cho anh, cả ngày lẫn đêm. Chuyện này cho anh rất nhiều lý do hợp lý để đào ngũ.

Và anh đã đào ngũ; anh ở lại làng.

Sau chiến tranh, trước tiên, anh làm gần như tất cả những công việc có ở đây. Không thiếu đá phải chuyển, gỗ phải đốn hay phải kéo, những xó xỉnh phải xây lại hoàn toàn. Do anh khỏe hơn mức trung bình của một người Normandie, và anh học tiếng Pháp cũng nhanh như Lison học tiếng Anh, nên anh nhanh chóng được người trong vùng chấp nhận.

4 VÀ PHẤN LẠI THÀNH VÁCH ĐÁ§

19 tháng Mười Một 1944, Normandie

Trong chiếc xe khách đi từ Caen đến làng Lâu Đài Quỷ, Alice Queen nhẩm trong đầu bài thơ về nước Pháp mà cô Porcy đã dạy họ, bài thơ viết trong chiến tranh. Của một tác giả mà Alice chưa bao giờ nghe nói đến. Jacques Prévert. Bài thơ nói về chim thiên cầm. Tên loài chim lạ này khiến Alice tò mò. Bài thơ cũng nói về vách đá.

> Phấn lại thành vách đá.
>
> Những bức tường lặng lẽ sụp đổ.
>
> Kính lại trở thành cát.
>
> Mực lại trở thành nước.

Alice chầm chậm nhắm mắt, cô muốn quên đi tất cả, quên đi những gì cô đang thấy, quên đi chiếc xe khách chậm chạp lăn bánh trên những tàn tích còn lại của con đường, không nghĩ đến thứ cô sẽ gặp ở cuối con đường này, không nghĩ đến gì khác ngoài bài thơ…

Phấn lại thành vách đá.

Kính lại trở thành cát.

Nhắc lại nào! Cô giáo nói. Trước khi lũ chim thiên cầm bay qua… Nhắc lại nào!

Alice lại nhắm mắt thật chặt, cô đang ở xa đống đổ nát này, trong một lớp học màu trắng ở Washington, cùng những cô gái trạc tuổi cô, cô Porcy mỉm cười với cô.

Nhắc lại nào!

Hai thêm hai là bốn.

Bài thơ của Prévert bắt đầu bằng một phép cộng, một phép cộng đơn giản dễ thuộc.

Hai thêm hai là bốn.

Bốn thêm bốn là tám.

Tám thêm tám mười sáu.

Nhắc lại nào! Cô giáo nói.

Alice nhắc lại. Lần thứ mười lăm, cô lần trong đầu chuỗi tràng hạt thế tục. Nhưng giờ cô đã thuộc đến nỗi nó không còn đủ để ngăn cô nghĩ đến thứ khác. Chẳng hạn như nghĩ đến con đường sụt hỏng vùng Normandie khiến lưng cô đau điếng này. Alice ngồi ở ghế ngay trên bánh xe, cách tài xế hai hàng. Cô đã không để ý, cô không nghĩ rằng đường sá tại Pháp lại có thể tồi tệ như thế. Với cô, nước Pháp, vùng Normandie, là một bức tranh theo trường phái ấn tượng. Là ánh sáng, cỏ cây, vài bông hoa, biển, gió khuấy đảo tất cả và hòa trộn các màu điểm xuyết, xanh lá cây, vàng, xanh lam. Cô biết rất rõ Normandie, cô đã ngắm vô số cảnh quan nơi đây từ Bảo

tàng Mỹ thuật Quốc gia nằm trong công viên National Mall ở Washington. Normandie là bức tranh màu phấn, là sự pha trộn hài hòa của những cánh đồng màu lục bảo, những cánh buồm trắng, những chiếc mũ vàng rơm và vải đăng ten.

Chiếc xe khách nẩy lên khi lăn bánh qua những cục đá trên con đường gồ ghề, còn phải đi tiếp nửa giờ đồng hồ nữa mới đến làng Lâu Đài Quỷ. Alice muốn nghĩ đến nước Mỹ, đến ngôi làng của cô, làng Litchfield, đến thời gian trước đây, cô muốn nghĩ đến Lucky, đến Lucky còn sống. Cô muốn nhắm mắt và không thấy những ngôi làng Normandie khủng khiếp vẫn đang mù mịt khói nữa, cô những muốn thấy ở đây một mái nhà sơn, một ngôi nhà tranh, một vũng nước, một cây dương, cô những muốn nghĩ về Litchfield, ngôi làng của cô, ngôi làng vĩnh cửu của cô.

Khi đến làng Litchfield, bang Ohio, Alice vừa tròn mười lăm tuổi. Thời đó, đến Litchfield chẳng khác nào đến địa ngục. Còn tệ hơn cả trại trẻ mồ côi nơi cô lớn lên: cô được xếp làm người học việc bán hàng trong cửa hàng tạp hóa Litchfield, nơi hẻo lánh nhất nước Mỹ. Với nơi ngủ là căn phòng áp mái ba mét vuông nằm phía trên hiệu tạp hóa. Bây giờ khi nghĩ lại, cái chuyện đi đến Litchfield ấy, cô thấy thật đáng sợ. Cô đã khóc và van xin rất nhiều để không phải rời trại trẻ. Và rồi ngay lập tức, Lucky Marry xuất hiện khiến tất cả thay đổi. Alice nhớ Lucky khi anh cũng mười lăm tuổi. Trong vòng ít nhất một tháng, cô không nhìn thấy cảnh tượng nào khác ngoài Lucky chạy trên đường, con đường duy nhất của làng, và vừa chạy vừa cười.

Anh không phải một chàng trai, mà là một vòi rồng. Anh cười với bạn chỉ vừa đủ để bạn xao lòng, rồi chạy vụt đi mất, thậm chí còn không để lại cho bạn một hình ảnh đủ rõ nét để mơ về anh. Dần dần, Lucky nhận ra

trong cửa hàng duy nhất ở Litchfield có một người lạ, một cô gái không phải người ở đây. Và điều kỳ diệu xảy ra, anh cũng thấy xao lòng. Biểu tượng may mắn của làng, đội trưởng đội bóng chày Litchfield yêu một người ngoài làng. Ban đầu, điều đó cũng gây chút đàm tiếu. Nhưng người dân ở Litchfield không độc ác, ít ra cũng không độc ác một cách vô lý, và họ chẳng có lý do gì để giận Alice, cô bé mồ côi đáng yêu làm việc suốt ngày suốt đêm mà không bao giờ kêu than. Alice nhanh chóng rời bỏ căn gác áp mái và đến ở với cha mẹ Lucky. Họ nhận cô làm con gái. Rồi Alice lại được đi học, học tiếng Pháp. Cô tỏ ra rất có năng khiếu. Litchfield không còn là nơi địa ngục trần gian, mà trở thành ngôi làng trong truyện cổ tích, của nàng Bạch Tuyết, nhưng không có các chú lùn mà có chàng hoàng tử quyến rũ.

Đó là quãng thời gian vui vẻ. Cô nhanh chóng trở thành một điều đặc biệt, thậm chí một thanh danh nho nhỏ về những khả năng biểu đạt tinh tế nhất. Cô có khả năng biến khuôn mặt khả ái của mình thành gương mặt quỷ dữ chỉ trong tích tắc, rồi ngay lập tức lại trở lại khả ái khi cô phá lên cười. Đó cũng chính là điều quyến rũ Lucky, vẻ xinh đẹp tự nhiên của Alice, vẻ xinh đẹp thường ngày, xinh đẹp ngay cả khi ở sau quầy hàng, trong đám khói bụi trên vỉa hè hay khi cô mồ hôi nhễ nhại đứng trên bậc sân vận động. Xinh đẹp ngay cả khi cô ăn mặc kiểu tomboy, xinh đẹp ngay cả khi cô nhăn nhó mặt mày. Cô thật xinh đẹp trong mắt Lucky.

Đôi mắt Lucky…

Chiếc xe khách đi nhanh dần. Một cú phanh gấp làm Alice mất tập trung. Cô nhăn trán thật mạnh để tiếp tục nhắm nghiền mắt. Thật xinh đẹp trong mắt Lucky… Giờ làm sao cô có thể xinh đẹp, nếu Lucky không ở đây? Không có anh, cô sẽ không bao giờ có thể nhăn mặt nữa. Cô sẽ không bao giờ còn xinh đẹp, hay xấu xí, cô sẽ chẳng còn là gì. Không có Lucky,

cô lại trở nên trong suốt.

Chiếc xe chạy chậm lại để tránh đống đất đá choán hết một nửa con đường. Lẽ nào ta sẽ không bao giờ đến nơi? Alice muốn tua nhanh hơn dòng ký ức. Những hình ảnh chớp nhoáng diễu qua, những buổi khiêu vũ ngày 4 tháng Bảy dưới ánh mặt trời, giữa tiếng cười của tất cả các thế hệ cư dân Litchfield tụ họp lại. Alice gào hét trên đường biên của sân bóng chày. Hét lên vì Lucky, người lại một lần nữa một mình giúp cả đội giành chiến thắng. Lucky được cả làng công kênh sau khi giành cúp, năm 41. Và Alice tự hào, tự hào được ôm hôn người anh hùng của cả làng, được là người phụ nữ duy nhất mà người anh hùng yêu, anh hùng bé nhỏ của một ngôi làng bé nhỏ ở Ohio. Trung tâm thế giới của riêng mình cô.

Chiếc xe phanh gấp. Alice phải mở mắt dù không muốn. Một bà béo mặt đỏ húp híp thở phì phò, loay hoay mất một lúc lâu mới trèo được lên xe. Bà ta ngồi hàng ghế đầu, gần tài xế. Bà ta lại mất một lúc nữa để luồn qua được mấy cái ghế với chiếc váy hoa bẩn thỉu và cặp chân to dưới gấu váy xơ chỉ.

Alice thấy một sự ghê tởm dâng lên trong người. Nước Pháp là thế này ư?

Đây chính là điều mà những tác giả cô hằng yêu mến giấu giếm phải không, chính là nền văn minh thời kỳ Ánh Sáng, của Zola, của Hugo phải không? Những người Normandie mang số phận đặc biệt mà Maupassant hay Flaubert mô tả?

Những bà già hay rên rỉ.

Chính vì nó, một vùng nông thôn xấu xí đầy những con người xấu xí mà thanh niên Mỹ đã lên đường để không trở về ư? Sự ghê tởm dâng lên, nhưng Alice kìm lại: không, không nên nghĩ như thế.

Không…

Kể cả khi bà ta bốc mùi, bà nông dân vừa lên xe đó. Kể cả khi bà ta hôi nồng nặc như lũ bò ở Litchfield. Kể cả khi bà ta không ngừng ngọ nguậy. Kể cả khi giờ đây bà ta bắt đầu nói chuyện. Kể cả khi bà ta nói chuyện rất to với ông tài xế. Alice cố nhắm mắt và quên đi tất cả những chuyện đó. Không, Lucky không thể chết được, cô không thể tin chuyện đó, anh luôn gặp may mắn, Lucky luôn thành công trong mọi việc anh làm, anh biến mọi thứ mình chạm tay vào thành vàng; anh là thế, Lucky, hạnh phúc, được các vị thần ban phúc lành và bảo vệ!

— Ông dừng ở Deux-Jumeaux nhé, – bà già Normandie hét lên với tài xế. – Ôi chuyến đi chết giẫm, đường sá gồ ghề quá!

Một con bò, Alice nghĩ. Mụ đàn bà Normandie này là một con bò.

Họ ở đâu, những quý cô với chiếc váy dài che ô, những quý cô dùng bữa trưa trên bãi cỏ và tắm khỏa thân?

Khi tất cả thanh niên làng Litchfield phải lên đường đến Anh để chiến đấu ở Normandie, các cô gái trong làng Litchfield đều khóc. Tất cả trừ Alice.

— Hình như cả ở Colleville cũng đánh nhau phải không?

Alice không khóc trên sân ga nơi đoàn tàu đưa toàn bộ trai tráng làng Litchfield ra đại dương. Cả cô lẫn Lucky đều không khóc. Lucky biết mình là bất khả chiến bại. Anh biết rõ rằng không chuyện gì có thể xảy đến với mình. Alice cũng biết điều đó. Lucky không phải một người như bao người khác, và một cuộc chiến sẽ chẳng thể nào chia lìa họ.

Một cuộc chiến, một cuộc chiến là cái thá gì mà đòi sánh với tình yêu và tuổi trẻ của họ? Nhất là một cuộc chiến ở tít xa, tận châu Âu. Và thêm nữa, Lucky, chết ư? Không, không thể nào hình dung được Lucky mà lại chết.

Lucky tự tin lên đường và Alice yên tâm đợi anh. Có một niềm tin chắc chắn là người ta không chết ở Normandie!

— Ở Deux-Jumeaux cũng thế, tan hoang lắm! Mà không chỉ có bọn Đức. Cũng rơi từ trên đó…

Alice muốn bịt tai lại.

Người ta không chết ở Normandie!

Bịt tai, nhắm mắt, không còn nhìn thấy gì khác của Normanide này ngoài những bức vẽ ấn tượng, các mặt tiền nhà cảng Vieux Bassin d'Honfleur, nhà thờ lớn Rouen từ bình minh đến hoàng hôn, các vách đá ở Etretat.

— Margot, những gì họ kể có đúng không, về cuộc ném bom ấy? – vị tài xế hỏi.

— Ờ thì, lại còn có đúng không nữa, – bà nông dân hóa ra tên là Margot ấy trả lời. – Ngôi làng bị phá hủy 99%. Là hiến binh đã nói thế: 99%! Tôi không biết họ tính toán thế nào. Nhất là cái 1% còn lại. Tôi chẳng thấy cái 1% còn lại đó. Trừ phi họ tính cả các tầng hầm và giếng… Không kể mười bảy người chết. Mười bảy người chết trong một cuộc chiến tranh, đó không phải điều gì to tát, chắc chắn vậy, nhưng với một ngôi làng có một trăm ba mươi cư dân thì lại khác! Tôi chẳng mất ai… Đó là lợi ích của việc sống một mình. Ngoại trừ con chó của tôi… Với tôi, thế đã là đau khổ lắm rồi, tôi không nói dối đâu, nhưng dù sao tôi cũng không phải người nên than vãn nhất. Với họ, những người Anh ấy, thì không nhẹ nhàng chút nào…

Người ta không chết ở Normandie, Alice cố nghĩ.

Không nghe cuộc trò chuyện của họ. Nghĩ đến Lucky. Lucky vẫn còn sống!

— Họ là người Anh à? – vị tài xế hỏi. – Chắc chắn chứ?

— Chắc chắn. Chúng tôi đã nhìn thấy họ, lúc đi ẩn nấp, dẫu cũng không nấn ná nhìn trời quá lâu. Sau đó hiến binh cũng nói với chúng tôi. Họ giải thích toàn bộ: thật ra, Rémi ạ, ông có biết vì sao họ lại thả bom không, những người Anh ấy?

— Ừ thì, tại bọn Đức. Để giết bọn Đức, còn gì nữa… Dĩ nhiên không dễ mà nhắm trúng bọn Đức từ trên máy bay, nên có chút vạ lây ra xung quanh, nhưng dẫu sao chúng ta cũng không thể giận họ, những người Anh đó…

— Ông nói thế nào. Hoàn toàn không phải thế! Chẳng có lấy một tên Đức nào, hay của quý của tên Đức nào trong làng. Và họ, những người Anh, biết rõ điều đó. Thật ra, Rémi ạ, họ làm nổ tung ngôi làng để chặn đường!

— Để chặn đường?

— Đúng vậy, Rémi ạ. Họ biến nhà cửa của chúng tôi thành đống gạch vụn để chặn đường.

— Họ làm nổ tung cả ngôi làng để biến nó thành chướng ngại vật sao?

Mong cho họ im đi! Alice không thể tập trung được nữa.

Hãy giữ nỗi bất hạnh lại cho riêng họ đi! Đau buồn thực sự đâu cần phải gào toáng lên như thế. Bất hạnh là thứ dễ lây!

— Đúng vậy, đó chính xác là ý định của họ, – Margot nói tiếp. – Biến trang trại của chúng tôi thành chướng ngại vật. Họ làm vậy để cắt đường quốc lộ, từ Isigny đến Caen. Ở Isigny có một đội quân đồn trú của Đức, thế nên không thể để chúng đến được bãi biển quá nhanh khi quân Mỹ đổ bộ. Vậy là họ đã quyết định chặn đường bằng cách đánh bom Deux-Jumeaux.

— Nhưng, – Rémi hỏi sau một thoáng suy nghĩ, – chúng, quân Đức ấy,

đâu còn ở Isigny nữa. Chúng đã lên đường từ hôm mùng. 3 tháng Sáu. Ở đây ai cũng biết chuyện đó.

— Ừ đúng…

— Bà muốn nói với tôi vụ ném bom Deux-Jumeaux chỉ để chặn đường những tên Đức đã đi qua đó từ hai ngày trước rồi à? Lạy Chúa! Vậy là họ đã chết vô ích cả sao? Cha Duval… Léonard de Corneville và đứa con trai… các xơ ở Carrouges… Tóm lại là mười bảy người thiệt mạng ấy… Tất cả họ đã chết vô ích ư?

Một khoảng lặng bao trùm trong xe, hay đúng hơn không còn nghe thấy gì khác ngoài tiếng kêu thất thường của động cơ và lớp sắt han gỉ rung bần bật. Alice không thể tập trung thêm vào những kỷ niệm.

Giờ thì quá yên lặng. Cô lắng nghe.

Rémi bực tức bóp còi đuổi ba con gà đang lề mề sang đường, thờ ơ với nỗi bất hạnh của con người.

— Chết tiệt, – vị tài xế rít lên. – Và các vị đã mở tiệc mừng khi họ, đám người Anh đó, đến ư?

— Tất nhiên… Ông muốn làm gì nào, đây là chiến tranh… Vả lại chàng trai leo lên vách đá không phải là người đã trút bom xuống từ máy bay, yên ổn ở trên cao đó… Và cũng tương tự, cái cậu trút bom xuống từ máy bay lại không phải người đã bảo cậu ta làm vậy, kẻ hẳn đã nấp trong một tầng hầm ở London… Với một tấm bản đồ Normandie to tướng trên một cái bàn lớn, và bé tí tẹo trên tấm bản đồ là làng Deux-Jumeaux. Một chấm đen nhỏ xíu. Và gã đó đã tự nhủ: "Chà, nếu ném bom vào đây cũng không tồi, sẽ làm bọn Đức chậm lại." Gã cũng vậy, gã chỉ làm việc của mình. Thậm chí cả bọn Đức, phần lớn họ chỉ làm việc của mình, họ thấy thế là tốt, ông biết mà, những gã trai chẳng ai độc ác hơn ai, họ tin mình làm điều tốt. Trong chiến

tranh ai cũng tin mình làm điều tốt. Đó chính là điều ngu ngốc nhất…

Alice không nhắm mắt nữa. Bà già Normandie trước mặt không còn bốc mùi nữa. Bà ta cũng giống cô, người phụ nữ đơn độc giữa những người đàn ông chơi trò anh hùng. Alice nhìn những trang trại với lũ bò xung quanh đang thờ ơ gặm cỏ.

Chừng đấy ngôi làng Litchfield nhỏ bé! Là trung tâm thế giới đối với các cư dân ở đó. Chỉ là những chấm đen nhỏ bé trên tấm bản đồ to đối với những người khác.

Giờ đây, với hai mắt mở to, cô nghĩ về bức thư mà cha mẹ Lucky nhận được ba tháng trước: bức thư thông báo Lucky đã chết, anh là một trong những người ngã xuống đầu tiên trong cuộc tấn công tại một vách đá ở Normandie, Mũi Guillaume. Alice không muốn tin điều đó.

Không phải Lucky!

Không thể nào, người ta không chết ở Normandie. Và Lucky càng không thể như người khác! Vậy là cô đến tận đây, đến tận nước Pháp, ngay khi có thể. Cha mẹ Lucky đã trả cho cô chi phí chuyến đi để tìm Lucky, để giải quyết mối hiểu lầm, để mang về tin tốt cho toàn Litchfield. Giờ, khi đi qua cảnh hoang tàn này, niềm tin trong cô rạn nứt. Normandie là vùng đất bi thương. Từ giờ, dù nhìn về hướng chân trời nào, cô cũng chỉ thấy cái chết, kể cả khi nhắm mắt.

Chiếc xe đi vào Deux-Jumeaux. Chẳng còn ngôi làng, không còn gì khác ngoài những đống đổ nát, những ngôi nhà mất nóc che bằng tôn tạm bợ.

Chiếc xe dừng lại một lúc. Margot xuống xe, một mình. Người ta còn có thể sống ở đây ư? Họ đóng một cọc gỗ để đánh dấu bến xe buýt, cùng một

tấm biển carton nhỏ. Họ nhìn thấy lờ mờ đằng xa là những bóng người rầu rĩ lom khom đẩy những chiếc xe bò hay xe rùa dùng để dọn dẹp đống đất đá và gạch vụn nằm rải rác. Nằm giữa những cái bóng đó, trong đó có bóng của Margot đang chầm chậm xa dần, và chiếc xe, có một khoảng đất trống rất lớn. Vị tài xế nhìn sang Alice:

— Đó là vị trí của nhà thờ. Cả đời tôi chẳng mấy khi đi lễ, chắc chắn rồi. Nhưng một ngôi làng không có nhà thờ thì cũng thật buồn cười!

— Họ sẽ xây lại một nhà thờ mới, – Alice khẽ trả lời, – một nhà thờ hiện đại…

— Đó sẽ không phải một nhà thờ! Một nhà thờ đích thực phải già cỗi, phải là thứ cổ xưa nhất của ngôi làng. Xây nhà thờ mới chẳng để làm gì, chỉ là nó phải như vậy, như món đồ mỹ nghệ đặt trên lò sưởi. Nó là để trang trí! Giống như kỷ vật của gia đình được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Một nhà thờ hiện đại sẽ luôn nhắc chúng tôi chuyện gì đã xảy ra ở đây. Xét cho cùng, đó sẽ không phải một nhà thờ. Nó giống như một công trình tưởng niệm người chết!

Ông nổ máy. Biển chỉ cách vài kilomet nữa. Từ đây đường đi thu lại thành con đường đất gồ ghề cắt qua trảng cỏ dại. Đi hết đường, vị tài xế cho Alice xuống trước khi vòng lại đường lớn.

— Đây, thưa cô, chính là đây, làng Lâu Đài Quỷ!

Ông nói thêm, gần như ngượng ngùng:

— Can đảm nhé!

Làng Lâu Đài Quỷ chỉ là một xóm nhỏ. Có tất cả chừng hai chục ngôi nhà nằm rải rác quanh một ngã tư. Dấu vết duy nhất của sự sống nằm ở quán cà phê nhỏ góc phố, ngay trước bến xe buýt. Một tấm biển tên treo trên cửa

quán: Le Conquérant§. Có vài bông hoa trên cửa sổ, những tấm rèm ca-rô đỏ: chút màu sắc giữa lớp bụi, chút niềm vui nhỏ nhoi. Toàn bộ phần còn lại của ngôi làng đều buồn bã và hoang vắng. Nhưng đúng là mới 8 giờ sáng.

Alice xuống xe. Cô chỉ phải đợi một lúc. Một chiếc xe Jeep lao hết tốc lực từ con đường dẫn đến vách đá. Một tay lính Mỹ bước xuống.

— Cô là Alice?

Tay lính nhìn chòng chọc Alice, cô ngây thơ coi đó là thái độ của giới nhà binh.

— Vâng.

— Tôi là trung úy Dean. Tôi chỉ huy đội biệt kích thực hiện cuộc tấn công. Tôi đã nhận được thư của cô. Tôi rất tiếc về Lucky. Tôi hiểu việc cô đến đây, tôi nghĩ cần phải đến đây thì mới hiểu. Ở đó, nước Mỹ ấy, người ta không thể hình dung được, phải đến đây cảm nhận cái chết và bụi. Nếu cô đủ can đảm, hãy đi cùng tôi đến bãi biển, cô sẽ hiểu rõ hơn nữa.

Alice bước lên chiếc xe Jeep và ngồi cạnh viên trung úy.

— Tôi…

Alice do dự dùng thì hiện tại. Cuối cùng cô vẫn dùng nó:

— Tôi không thể tin là Lucky đã chết.

Viên quân nhân quay sang Alice:

— Tất nhiên rồi… Tôi có thể đặt mình vào vị trí của cô, tôi cũng quen Lucky, một chút. Cậu ấy, nói thế nào nhỉ, giống như một đứa trẻ. Dường như khó mà hình dung được cảnh cậu ấy chết trong chiến tranh. Chiến tranh, đó không phải trò chơi dành cho cậu ấy. Nhưng không nên ảo tưởng, thưa cô, Lucky đã chết tại đây. Tôi đã thấy cậu ấy, giống như hàng trăm lính biệt kích khác. Cậu ấy là một trong những người đầu tiên ngã xuống trước

khi cuộc tấn công bắt đầu, trong lúc đang mang thuốc nổ. Chừng mười, hai mươi người chúng tôi đã nghiêng mình và khóc bên xác cậu ấy. Đây không phải cuộc chiến dành cho cậu ấy… Nhưng cậu ấy đã chết như một anh hùng, Alice ạ, một anh hùng đích thực, cô hãy tin điều đó…

Viên trung úy đưa chiếc xe Jeep vào bãi đậu ở cuối đường. Họ đi bộ vài mét, vòng qua một lô cốt đã hơi bị rung chuyển vì đạn bắn, rồi lên đỉnh vách đá, nhìn xuống sườn dốc dựng đứng cao sáu mươi mét. Dưới chân dốc là bãi biển màu xám và bẩn thỉu trải rộng, bị những con sóng đang từ từ rút đi bỏ lại. Các binh sĩ, giống những con côn trùng màu xanh lá cây, xếp hàng khẩn trương gỡ mìn, tháo dỡ, dọn sạch hàng tấn sắt vụn vô dụng.

Sao họ có thể đến đâm đầu vào bức tường này? Alice nghĩ. Sao lại như thế?

Cô thấy bãi biển rộng mênh mông, còn vách đá thì cao ngất.

Đã bao nhiêu binh sĩ phải ngã xuống trước khi chiếm được lô cốt này? Làm sao họ có dũng khí để dấn thân? Để chạy trên bãi biển mênh mông trống hoác này và chỉ cầu cho khẩu súng trường trên kia sẽ không chĩa về phía mình?

Cái chết của Lucky, giờ cô đã cảm nhận được, giờ cô đã cảm thấy nó từ tận đáy lòng. Chẳng có chỗ cho vận may ở đây. Cô phải đến đây để tin vào điều đó. Nhưng cô vẫn đặt một câu hỏi:

— Nhưng, thưa trung úy, Lucky là người gặp rất nhiều may mắn… Nếu như… Nói thế nào nhỉ? Anh ấy là người hùng trong làng, anh biết đấy, ở làng Litchfield. Anh ấy không bao giờ thất bại trong bất kỳ việc gì, anh ấy rất…

— Rất tươi vui… Rất được yêu quý… Và cậu ấy đã đến chết ở đây, như hàng nghìn thanh niên Mỹ may mắn, tươi vui và được nhiều người trong

làng yêu quý khác. Chiến tranh không trừ một ai!

— Như hàng nghìn người khác, – Alice nhắc lại.

Họ đứng đó, im lặng. Dean tìm lời an ủi. Cuối cùng anh ta cũng tìm được:

— Nhưng ít nhất Lucky cũng có điều này đặc biệt: có lẽ cậu ấy là chàng lính biệt kích được yêu mến nhất.

Alice quay sang anh ta, ngạc nhiên.

— Alice, cô là người duy nhất, ít ra là người bạn gái đầu tiên của một lính biệt kích hy sinh, đã đến đây. Tháng này tôi đã tiếp vài vị cha mẹ, nhưng cô là người bạn gái đầu tiên. Vậy cũng là sự tưởng nhớ tuyệt vời rồi.

— Tôi có thể ở lại đây một lúc được không?

— Tất nhiên, thậm chí cô có thể đi xuống bãi biển. Chỉ cần chú ý, không đi ra khỏi các đường đánh dấu là được. Mìn vẫn ở khắp nơi…

Trung úy Dean nhìn Alice đi xa dần. Dù có thể không được khách quan, dù suốt mười tám tháng nay gần như chỉ có đàn ông ở quanh, nhưng anh ta không nhớ mình đã từng gặp cô gái nào xinh đẹp như Alice Queen. Anh ta ngắm bóng dáng cô nổi bật đằng xa, trong đám thạch thảo của Mũi Guillaume. Ngay cả khi nhìn từ sau lưng, anh ta vẫn lưu giữ trong trí nhớ hình ảnh ánh mắt cô, đôi mắt to xanh nhạt, màu xanh đã nhiều tuần trời anh ta chưa thấy, giữa vùng biển bẩn thỉu và bầu trời thối rữa này của Normandie. Hàng lông mày bán nguyệt ngự trên đôi mắt Alice, đường cong thuần khiết thanh mảnh đến nỗi tưởng như chúng đã được nhổ đi và vẽ lại bằng bút chì, đôi lông mày làm ánh mắt cô thêm mạnh mẽ, như hai dấu thanh đặt trên các nguyên âm.

Phía xa, Alice bắt đầu bước xuống các bậc thang đục vào vách đá dẫn ra biển. Vóc dáng cô cũng hoàn hảo: Cơ thể thiếu nữ, những đường nét thanh mảnh. Sự hòa trộn giữa vẻ trẻ trung và sự trưởng thành sớm mang đến cho cô vẻ quyến rũ khiến người ta phải bối rối. Hỡi ôi, chẳng bao lâu anh ta chỉ còn được ngắm mái tóc dài vàng óng của Alice, rồi không còn gì nữa.

Alice bước xuống chậm rãi, thậm chí còn không nắm vào tay vịn. Lucky đã chết… Như một anh hùng, với tất cả danh dự và sự tôn kính. Nhưng anh đã chết, vô danh…

Giờ Alice biết điều đó.

Cô bước đi hồi lâu trên bãi biển, nói chuyện với các binh sĩ, chăm chú nhìn mọi thứ để khắc ghi những ký ức này vào trái tim giờ đã hóa đá. Cô đứng lâu trước bức tường đá phấn khổng lồ. Bài thơ của Prévert trở lại với cô.

Và phấn lại thành vách đá.
Và kính lại trở thành cát,
Mực lại trở thành nước…

Cô tự nghĩ ra đoạn sau.

Và da thịt lại thành cát,
và máu lại thành biển.

Thiên nhiên luôn mạnh nhất, mãi mãi là vậy. Các binh sĩ dọn sạch tất cả và sẽ sớm không còn sót lại một dấu vết nào của toàn bộ cuộc tàn sát trên bãi biển này. Thủy triều sẽ đến xóa mọi vết phấn đỏ, vết lốp xe, vết ủng, vết thân người trườn hay đã thôi trườn trên cát. Như trên một tấm bảng đen

khổng lồ. Một nhát xóa bằng bọt biển và ta sẽ lại dùng phấn vẽ nên những trang sử mới. Và rồi tất cả sẽ lại như trước, lũ trẻ lại đến tắm dưới ánh mặt trời, giữa những tiếng cười và đám ô che nắng đủ màu sắc. Và chắc chắn trên cùng bãi biển này, khi người với người đã tha thứ cho nhau, người ta luôn tha thứ rất nhanh, đặc biệt là những điều ghê tởm nhất, để quên đi nhanh hơn, mình trần và rám nắng, không có những bộ quân phục để ngụy trang, người ta sẽ nói tiếng Pháp, Đức, Anh, Nga, Ý… Người cha của một gia đình Đức sẽ tươi cười nhặt quả bóng của một chàng trai Mỹ.

Biển lại dâng lên. Không, vận may chẳng có gì liên quan đến tất cả những chuyện này. Lucky đã chết ở đây và biển gần như đã xóa sạch tất cả. 12 giờ 45, Alice quay lại làng Lâu Đài Quỷ để lên chuyến xe khách.

Chuyến xe đến muộn. Alice không phải người duy nhất đứng đợi. Một tay Normandie ria rậm đã dừng con ngựa già cùng cỗ xe còn già cỗi hơn bên cạnh cô, trên cỗ xe chất đầy cả trăm tấm ván mỏng và hẹp màu trắng. Có lẽ chúng để dùng làm hàng rào, hay thứ gì đó tương tự.

Cuộc sống vẫn tiếp diễn ở Normandie, Alice nghĩ. Cuộc sống đang được tái thiết từng chút một.

Những ngôi nhà, những khu vườn và những hàng rào để ngăn cách nhà và vườn.

Ánh nắng gắng sức xuyên qua một khoảng trời xanh vuông vức mong manh. Trước mặt Alice, bên kia đường, một cô gái Normandie tóc nâu tươi cười đang miệt mài lau những cửa kính bụi bặm của quán bar–nhà hàng Le Conquérant, màu hồng ửng trên má, tay và chân cô gái.

Lison Munier.

Làn da gợi cảm của cô lộ ra, ánh lên dưới hai tay áo xắn và chiếc váy

ngắn màu đỏ vichy, cùng màu với rèm trong nhà hàng. Mười phút trôi qua, chẳng thấy bóng dáng chiếc xe khách nào. Alice không nhúc nhích. Con ngựa vẫn canh giữ cỗ xe của vị chủ ria rậm đã đi vào quán bar trước mặt.

Cuối cùng, Lison cũng xoay người lại: không chỉ tươi vui và rạng rỡ, cô rất xinh. Xinh như con búp bê tròn trĩnh với đôi mắt to sáng trong, như một sự xúc phạm với tất cả đống đổ nát xung quanh. Cô cười nụ cười hồn nhiên với Alice. Có lẽ cô bằng tuổi Alice, suýt soát hai mươi. Alice chỉ đáp lại bằng cách ngước mắt nhìn cô buồn rầu. Lison hiểu ngay và không nấn ná thêm.

Một cô gái Mỹ, điều này thật dễ nhận ra.

Vậy đấy, một cô gái Mỹ trẻ trung buồn bã lạc lõng giữa Normandie… Lý do cho nỗi đau khổ của cô ấy thật hiển nhiên.

Nụ cười đông cứng trên gương mặt Đức Mẹ Normandie của đống đổ nát. Như một sự day dứt, như thể niềm vui sống chợt biến thành nỗi hổ thẹn. Lison đứng sững, yên lặng, tư lự, nhìn Alice, ngại ngùng và lúng túng. Chiếc xe khách rốt cuộc cũng đến và giải cứu cho cô bé Normandie, chia cắt dứt khoát bên vỉa hè của hạnh phúc với bên vỉa hè của tuyệt vọng. Alice lên xe.

Chiếc xe dừng một lúc trước khi khởi động lại. Tài xế – không phải Rèmi mà là người khác – rõ ràng đang đợi chủ nhân cỗ xe ngựa. Tay ria rậm vội vàng chạy ra khỏi quán bar và bắt đầu cùng vị tài xế chất đống ván lên giá trên nóc xe.

Lison tranh thủ chiếc xe đến để quay mặt đi, nhưng cô vẫn đứng trên bậc cửa quán. Đến lượt Alan Woe bước ra khỏi quán Le Conquérant. Anh bước đi hơi khập khiễng. Tay trái bó bột và được đeo chéo lên vai. Mặt vẫn quấn

đầy băng.

Alice nhìn anh chằm chằm hồi lâu.

Anh chàng Normandie này có dáng dấp của một người lính Mỹ hoặc Canada. Nhưng không… Anh ta mặc thường phục trong một quán bar ở Normandie. Anh quàng cánh tay còn cử động được qua eo Lison.

Ngu ngốc! Alice nghĩ. Một số người Pháp, một số người Normandie cũng tham gia cuộc chiến tranh này, mà không chết, họ sống sót và quay về yêu thương vợ mình.

Alice quay mặt đi để không làm cơn giận dữ dâng lên trong lòng. Chiếc xe khách vẫn chưa khởi động lại, tài xế và tay ria rậm vẫn đang nhẩn nha.

— Cậu chuyển giùm chúng đến Colleville, – tay ria rậm nói. – Người Mỹ biết cách rồi. Không khó đâu, họ sẽ hiểu ngay, chỉ việc ghép hai tấm, một ngắn một dài, với nhau. Tôi đã đánh dấu giữa để đóng đinh.

— Quả là đơn hàng ra trò, – tay tài xế nhận xét. – Chừng đó chắc phải cả trăm cây thập tự?

— Chừng này đã là gì, – tay thợ mộc ria rậm trả lời, – chỉ mới là hàng thử thôi. Nếu người Mỹ hài lòng với những gì tôi làm, họ sẽ yêu cầu đến ba mươi nghìn cây thập tự!

— Ba mươi nghìn?

— Phải, ba mươi nghìn cây thập tự giống hệt nhau! Vụ làm ăn của đời tôi! Vậy nên để ý chút, đừng làm gì ngốc nghếch khi giao hàng nhé. Tôi đã tự đi nếu không phải lái xe ngựa rồi.

— Đừng lo, tôi sẽ lo chuyện giao hàng cho ông…

Tay tài xế lên xe.

Ba mươi nghìn cây thập tự trắng, Alice nghĩ. Lucky chỉ là một trong ba mươi nghìn cây thập tự trắng nhỏ bé…

Alice ngoái nhìn lần cuối ngôi làng này, làng Lâu Đài Quỷ. Cô quan sát anh chàng Normandie có cánh tay bị thương. Thật lạ lùng, anh ta nhìn cô đăm đăm, vẻ mặt cực kỳ tập trung, như đang cố nhận ra điều gì trên gương mặt Alice, qua lớp kính mờ của chiếc xe, cố khơi lại một kỷ niệm, cố giải một câu đố bí ẩn.

Ánh mắt đăm đăm đó làm Alice thấy lúng túng, còn hơn cả tình yêu của hai người Normandie này. Thật may, chiếc xe đã khởi động.

Phía sau, trong đám mây bụi đất mà chiếc xe cuốn lên, Alice không thấy anh chàng người Mỹ chạy theo vài mét, vừa khập khiễng vừa cố sức ra những dấu hiệu tuyệt vọng bằng cánh tay lành. Tài xế cũng không thấy, và chiếc xe tiếp tục hành trình đến Caen qua Colleville.

Trên đường đi, qua những ụ đất và vết bánh xe, chiếc xe khách đánh rơi những tấm ván trắng gắn lỏng lẻo trên giá… Hàng chục mảnh thập tự nhỏ màu trắng rơi rải rác trên con đường mà quân Đồng minh đã kịp đặt tên là *đường Tự Do*.

Sau khi chạy được chừng trăm mét, anh chàng Mỹ dừng lại, thở hổn hển giữa đường. Anh húng hắng ho trong đám bụi. Rốt cuộc anh cũng tìm ra điều mà khuôn mặt của cô gái trẻ có ánh mắt buồn trên chiếc xe khách đó đã gợi lại cho anh. Nhưng anh đã mất quá nhiều thời gian để phản ứng. Anh không hề muốn thế. Cô gái đã đi thật rồi.

Trước đó anh chỉ lỡ mất cô có vài giây, nhưng giờ đã quá muộn.

Thật sự quá muộn.

— Alan! Alan? Ai đấy? – Lison hét lên từ đằng xa, vẫn không rời bậc cửa quán Le Conquérant.

— Không có gì, không có ai chả, chắc anh nhầm thôi, – Alan trả lời.

— Ai đấy? – Lison gặng hỏi. – Đó là một cô gái Mỹ, em chắc chắn! Anh quen cô ấy từ trước à? Anh nhận ra cô ấy à?

— Không. Anh tưởng thế, thế thôi…

—Cô ấy cũng dễ thương nhỉ, – Lison vẫn tiếp tục. – Buồn, nhưng rất xinh. Alan, cô ấy là ai?

Alan chậm chạp quay về quán bar, vừa đi vừa thở hổn hển.

— Anh tưởng cô ấy là vợ một người bạn. Một người bạn trong đội biệt kích. Anh tưởng thế, nhưng anh không chắc, em biết đấy. Anh chỉ biết cô ấy qua một tấm ảnh, vậy nên em thấy đấy… Có thể không phải là cô ấy… Thậm chí chắc chắn không phải!

— Một người bạn trong đội biệt kích à. Ai vậy?

— Một người bạn đã chết. Đã chết vì cô ấy!

Lison và Alan đứng bên lề đường, trước quán Le Conquérant, khá lâu sau khi chiếc xe khách đi Caen đã rời khỏi.

— Người bạn đó là ai? – Lison vẫn gặng hỏi.

— Em không quen cậu ấy đâu, – Alan trả lời. – Cậu ấy chỉ cho anh xem đúng một lần bức ảnh người bạn gái, trước cuộc đổ bộ. Chỉ có thế!

— Và anh vẫn nhớ cô ấy! Chỉ nhờ một bức ảnh! Đúng là cô ấy đẹp thật, cái cô người Mỹ đấy.

— Có thể đấy không phải cô ấy mà! Mà cũng chẳng quan trọng.

Alan nhún vai và tìm kiếm quanh mình một cái cớ để đổi chủ đề câu chuyện.

— Alan này, – Lison tiếp tục, – đây là lần đầu tiên em thấy anh chú ý đến một người thuộc về quá khứ của anh. Cô ấy thật sự không hề quan trọng với anh?

— Không, anh nói với em rồi mà. Đó là chuyện quá khứ, tất cả!

— Còn người bạn của anh?

— Cũng là chuyện quá khứ.

— Em không quen người bạn nào của anh, Alan. Em không biết gì về anh ngoại trừ tên anh. Hãy nói với em về người bạn đó. Làm ơn…

— Cậu ấy chết rồi!

— Chính xác! Anh không nên giữ trong mình những cơn ác mộng cũ đó. Anh ta tên là gì, cậu bạn của anh ấy?

Alan tỏ vẻ cam chịu.

— Nếu em thật sự muốn biết tất cả, cậu ấy tên là Lucky. Cậu ấy là bạn tốt nhất của anh, thậm chí, là người bạn duy nhất, trên chiếc sà-lan.

— Tiếp đi…

— Lucky… Lucky là đứa điên nhất anh từng gặp. Cậu ấy, nói sao nhỉ, cậu ấy gặp may mắn trong tất cả mọi việc mình làm. Cậu ấy luôn thành công. Cậu ấy luôn thắng hết của anh trong trò poker, anh và tất cả mọi người.

— Anh chơi poker à! – Lison đùa, giả vờ phẫn nộ.

— Cậu ấy gần như là một hình mẫu, đối với bọn anh. Em thấy đấy, chỉ riêng bạn gái cậu ấy thôi, mỗi lần cậu ấy cho bọn anh xem ảnh, tất cả bọn

anh đều đã mơ sẽ có được cô ấy rồi.

Lison bĩu môi thích thú.

— Trước khi gặp em, ý anh là thế, – Alan sửa lại. – Lucky là đứa hẳn đã có giao kèo với Chúa, có lẽ trên đầu cậu ấy luôn có một thiên thần.

— Thiên thần á?

Lison nhìn về đường chân trời.

— Vậy có lẽ thiên thần của anh ta đã bị đại bác quân Đức bắn hạ ngay trước ngày 6 tháng Sáu! Anh đang nói về may mắn… Đến chết tại đây trên bờ biển!

Cô ôm lấy cổ Alan.

— Tình yêu của em, anh còn may mắn hơn anh ta gấp mười lần… Anh đã sống sót thoát khỏi cuộc đổ bộ! Và anh có người vợ xinh đẹp hơn thế nhiều, không phải vậy sao?

Alan không trả lời và Lison lại bĩu môi lần nữa, lần này kém thích thú hơn.

— Số phận của cậu ấy, – Alan khẽ khàng giải thích, – Lucky luôn làm chủ được nó. Cái chết trên bờ biển, là cậu ấy đã lựa chọn.

Alan im lặng một lúc trước khi nói tiếp.

— Được bảo vệ bởi một thiên thần cũng không ngăn được việc bán mạng cho quỷ sứ.

— Như thế nào cơ?

— Là những chuyện của cánh đàn ông, Lison ạ. Những câu chuyện của đàn ông Mỹ. Những câu chuyện thuộc về quá khứ. Anh tin rằng tốt hơn hết em không bao giờ nên nghe về chúng.

— Anh đã nói quá nhiều về chúng, Alan, – Lison phản đối. – Em cần được biết!

Tuy vậy Lison không bao giờ biết. Alan rất biết giữ bí mật.

← Một câu trong bài thơ **Page d’écriture** (tạm dịch: *Trang viết)* của Jacques Prévert.

← Có nghĩa là *Người chinh phục.*

5 SYDNEY HAY NƠI NÀO ĐÓ…

20 THÁNG MƯỜI MỘT 1944, SÂN BAY LE BOURGET, PARIS

Sau chuyến tàu hỏa từ Caen đến Paris, Alice đi taxi đến tận sân bay Le Bourget. Máy bay đi New York khởi hành vào 18 giờ 59. Alice, vẫn lơ đãng, nhìn chăm chú cái tên này trong sảnh sân bay Le Bourget. NEW YORK.

New York không có Lucky.

Litchfield không có Lucky.

Nhưng có cha mẹ của Lucky, những người bạn của Lucky, tất cả những người thân thuộc với Lucky, hàng chục con người tử tế để an ủi cô, cật vấn cô, quấy rầy cô, bắt cô phải quên.

Bắt cô phải hạnh phúc bất chấp tất cả.

Không, ở Litchfield, họ không phải kiểu người sẽ bỏ mặc cô gái mồ côi trẻ tuổi!

Hỡi ôi… Nhưng đó lại là tất cả những gì Alice ao ước: bị bỏ mặc trong

một xó và không có việc gì khác để làm ngoài nghĩ đến Lucky. Không phải tỏ ra vui vẻ hay buồn bã tùy theo hoàn cảnh. Tất cả những gì Alice ao ước, là được trở nên trong suốt…

New York, 18 giờ 59.

Đây là chuyến bay duy nhất. Sân bay vừa mới trở lại là một sân bay dân dụng. Vài điểm đến hiếm hoi khác được thông báo.

London, 17 giờ 13.

Stockholm, 19 giờ 24.

Sydney, quá cảnh London, 17 giờ 13.

Trở nên trong suốt…

Alice nhìn chăm chú lần cuối các tấm bảng, rồi, như người mộng du, cô tiến tới quầy vé gần nhất. Sydney hay nơi nào đó…

Kể từ giờ, điều gì là quan trọng với cô? Đi thật xa, đơn giản là thế, xa khỏi mọi thứ và xa khỏi mọi người, nếu chừng nào nỗi đau khổ còn tồn tại.

Mãi mãi, cô nghĩ.

Thực tế, lại sớm hơn cô nghĩ rất nhiều.

6 | BÍ MẬT CỦA ALAN

Từ tháng Mười Hai 1944 đến tháng Một 1964, làng Lâu Đài Quỷ, Normandie

Năm 1945, Victor Munier, chủ quán Le Conquérant, cũng là chú của Lison, quay về Provence, quê vợ ông, người chưa bao giờ thực sự đánh giá cao chất hài hước của quán rượu ở Normandie. Victor Munier, giữa ly calvados cuối cùng và ly pastis đầu tiên của mình, đã đề nghị cô cháu gái tiếp quản công việc. Lison đồng ý và Le Conquérant trở thành nơi được ưa chuộng trong vùng: họ được phục vụ ở đó cùng với nụ cười, hoặc của cô gái xinh đẹp nhất vùng, hoặc của *anh chàng Mỹ.*

Và, về hai sức hút này, có vẻ anh chàng Mỹ không hề kém cạnh…

Người ta chen nhau để xem Alan vừa rót những ly vang trắng hay calvados nhỏ, vừa nói tiếng địa phương theo giọng Mỹ khiến những người nông dân trong vùng cười phá lên còn các cô gái trẻ thì mê mẩn, trước ánh mắt cảnh giác của Lison. Alan gần như trở thành niềm tự hào của ngôi làng: anh chàng Mỹ của họ! Những người bạn của anh, những người bạn đích thực, bắt đầu gọi anh là *tên đào ngũ.* Đó là câu đùa của họ. Thực ra, tất cả

những người hay lui tới quán bar này đều yêu quý anh chàng cao lớn hoạt bát trung thực, hơi nhút nhát, luôn tươi cười, người đến từ rất xa và bị bắn tại đây. Điều họ tự hào nhất là anh chàng đến từ đầu kia thế giới này đã dừng chân tại đây, trên mảnh đất nhỏ bé bên bờ biển, và bị thôi miên bởi sự quyến rũ của cô gái xinh đẹp nhất vùng. Ở Normandie, có những ngôi làng sở hữu bảo tàng quân sự, những ngôi làng khác sở hữu nghĩa trang, những ngôi làng khác nữa có công trình tưởng niệm, khác nữa thì có nhà thờ mới.

Những người dân làng Lâu Đài Quỷ sở hữu anh chàng Mỹ!

Lison chưa từng hy vọng được hạnh phúc đến thế. Nữ anh hùng trẻ tuổi cuồng nhiệt băng qua trảng đất đã nhanh chóng lột xác thành người phụ nữ xinh đẹp và tươi vui, nhưng đúng mực. Đơn giản là cô hạnh phúc, không cần phải mơ đến thứ khác ngoài những gì cô đang có. Mãn nguyện với một niềm hạnh phúc vừa đủ, niềm hạnh phúc không chút mây mù đã gắn kết cô với Alan. Hay gần như không chút mây mù, có một hai chú cừu trên bầu trời luôn xanh ngắt của cô.

Vấn đề em bé chẳng hạn. Lison khăng khăng muốn có đứa bé này, thật nhanh, nhưng Alan không chịu nhượng bộ. "Cứ hai mươi năm lại có một cuộc chiến tranh, anh nói. Anh không muốn có một đứa con, nuôi nấng, dạy dỗ nó đến khi trưởng thành, rồi nhìn nó trở thành tên sát nhân, hay xác chết, hay cả hai, ở một góc nhớp nháp trên hành tinh này." Và khi Lison phản đối, anh trả lời rằng cô không thể hiểu được, cô chưa từng bị động viên, cô chưa từng bị nhồi nhét trên một chiếc sà-lan trong bão tố, cô chưa từng chạy trên bờ biển giữa làn đạn, cô chưa từng bắn những con người trạc tuổi mình chỉ đơn giản vì họ không nói cùng ngôn ngữ với mình. Lison không thể nói gì. Cô vẫn kiên nhẫn, cô nghĩ rằng theo thời gian Alan sẽ thay đổi, cuối cùng Alan sẽ bị thuyết phục. Dù sao, cả hai đều còn trẻ.

Nhưng thời gian chẳng giúp ích gì, và sự bướng bỉnh của Alan khiến

Lison tò mò, dù cô không dám gặng hỏi anh. Alan rất yêu con của những người khác, khi chúng đến quán bar. Vậy sự cự tuyệt này là sao? Liệu có một nguyên nhân khác không, từ trước khi chiến tranh xảy ra, ở Mỹ?

Alan không thích nói về quá khứ của mình, anh hầu như không bao giờ nhắc về nó, dù sao cũng không bao giờ nhắc đến một cách nghiêm túc. Anh chỉ nói mình không còn gia đình, không còn ràng buộc nào, không còn gì cả. Lison cũng đành bằng lòng với câu trả lời đó, dù rằng đôi khi, cô không thể ngừng những suy nghĩ cứ quanh quẩn trong đầu: nếu như tên thật của bạn trai cô không phải là Alan Woe? Lỡ như anh đã có gia đình Mỹ? Lỡ như anh đã có vợ ở đó? Lỡ như anh đã có con? Điều đó hẳn sẽ giải thích được… Lison không muốn nghĩ như vậy, đám mây nhỏ này thật vô nghĩa trước bầu trời mênh mông xanh ngắt của cô. Nhưng lại có cả những bức thư. Con cừu nhỏ thứ hai trên bầu trời.

Một cách đều đặn, Alan nhận được thư từ Mỹ, luôn từ cùng một người gửi, nét chữ phụ nữ và phong bì có mùi thơm. Alan luôn trả lời thư, không cho Lison xem phong bì, lén lút đi gửi như một cậu thiếu niên vụng về. Ban đầu, Lison nài nỉ, lúc do tò mò, lúc do ghen tuông. Đây thậm chí là lý do duy nhất, độc nhất khiến cả hai cãi cọ, nhưng Alan luôn từ chối nói bất kỳ điều gì về những bức thư ấy. Không có gì quan trọng cả, anh thề, đơn giản chỉ là một bí mật anh muốn chỉ mình anh phải mang. Sau vài năm, Lison nhượng bộ và không nài nỉ nữa, nhưng dẫu vậy, trí tưởng tượng của cô đôi lúc vẫn lạc theo hướng tồi tệ nhất, với chu kỳ đều đặn, theo nhịp của những bức thư đến từ Mỹ.

Tháng Một năm 1964, toàn bộ vùng bờ biển Normandie chuẩn bị kỷ niệm hai mươi năm cuộc đổ bộ. Tại làng Lâu Đài Quỷ, đơn giản hơn, họ đã lên kế hoạch tổ chức một lễ hội vào mùa xuân nhân dịp hai mươi năm cuộc gặp

gỡ giữa Lison và Alan, ngay cả khi cả hai chưa bao giờ làm lễ kết hôn.

Hộ tịch của Alan không được hợp pháp cho lắm.

Sáng ngày 10 tháng Một, một buổi sáng mùa đông bình thường, Alan đứng trước mặt Lison, vẻ mặt lạ lùng. Thông thường, trong hai người, Lison mới là người khó chịu khi thức dậy. Nhưng đêm trước đó, Alan đã không ngủ. Điều này chưa bao giờ xảy đến với anh kể từ sau những cơn ác mộng vào năm 1945. Mà hôm qua, Alan và Lison còn trải qua một tối cười nói vui vẻ với những người bạn trong làng: Chaventré, anh họ của Lison; Téton, *tình yêu thời thơ ấu* của cô; Paul Teyssier, người ta gọi anh là anh giáo mà không biết liệu anh có thật đã từng là thầy giáo không; Fernand Prieur, viên chức ở sở lưu trữ Caen. Quán bar đóng cửa muộn, họ ôn lại vô số những kỷ niệm cũ.

Lúc này, Alan và Lison đang ở trước mặt nhau, ngồi trong căn bếp lạnh lẽo, chỉ ngăn cách bằng một chiếc bàn nhỏ và một tấm vải dầu trắng đen. Alan có vẻ suy sụp, Lison run rẩy khi thấy anh như vậy.

— Lison, – anh nhẹ nhàng nói, – anh cần phải về Mỹ.

Lison không trả lời.

— Anh sẽ không đi lâu, chỉ là một việc phải giải quyết thôi.

Lison cố nghĩ, Alan gần đây không nhận được thư, cũng không có ai ghé thăm. Cô tự hỏi điều gì có thể khiến anh bồn chồn đến mức này, cô liền hỏi anh.

— Không, Lison, anh xin lỗi, anh không có quyền nói với em về chuyện đó. Em hiểu mà. Tốt hơn em nên đứng ngoài tất cả những chuyện này.

Suốt hai mươi năm đã qua, Lison chỉ có duy nhất một nỗi sợ: rằng một ngày

Alan sẽ ra đi, vì chán ngấy, rằng anh sẽ trở về với cuộc đời anh đã bỏ lại vì cô vào năm 1944. Vì vậy, cô rất sợ hãi những lá thư đó, những lá thư như sợi dây tiếp tục kết nối Alan với nước Mỹ. Nhưng tại sao lại đi vào lúc này, sau hai mươi năm, thậm chí còn vào lễ kỷ niệm hai mươi năm ngày họ gặp nhau?

Hai mươi năm lưu vong, thế là đủ với anh?

Lison bùng nổ.

— Hai mươi năm ở Pháp, thế là đủ với anh rồi à? Anh chán ngấy em, anh chán ngấy con bé Pháp của anh! Nếu anh không đi ngay, anh sợ rồi mình sẽ quá già. Sẽ kết thúc cuộc đời mình tại Pháp.

— Không, Lison, anh thề với em. – Alan cố gắng trả lời một cách bình tĩnh nhất có thể.

— Là người phụ nữ đó, – Lison cắt lời. – Người phụ nữ đã viết thư cho anh phải không? Bạn gái anh à? Vợ chưa cưới à?

Cô thoáng im lặng.

— Vợ anh à? Cô ấy đợi anh ở đó, thậm chí có thể là cùng với một đứa con?

— Không, Lison.

— Vậy thì giải thích cho em đi, Alan! Tại sao? Tại sao bây giờ anh lại ra đi? Giải thích cho em ai viết những bức thư đó.

— Không nên thế… Lison, bình tĩnh nào, anh sẽ chỉ đi vài tuần thôi.

— Thế thì đưa em đi cùng.

— Không, anh không thể, anh phải đến đó một mình!

Lison cảm thấy cơn dông bùng nổ trong cô đã qua.

— Xa lắm đấy, Alan, nước Mỹ ấy.

— Anh sẽ viết thư cho em… Vài tuần, Lison ạ, sẽ qua nhanh thôi.

Cơn dông trong Lison đã biến thành cơn mưa nhỏ lất phất buồn bã, tựa cơn mưa phùn vùng Normandie mà người ta tưởng như không bao giờ dứt.

— Em sẽ đợi anh, Alan, – cô nói, – dù anh có trở về hay không. Dù anh ra đi có phải vì một người phụ nữ khác hay không, em sẽ đợi anh. Mãi mãi…

— Lison, hãy tin anh, anh xin em! Phải, anh đến đó vì một người phụ nữ, người phụ nữ đã viết thư cho anh! Nhưng không phải vì anh yêu người ấy, ôi không, hãy tin anh, không phải vì anh yêu người ấy, mà vì ngược lại cơ!

Alan dừng lại ở đó. Những giọt lệ trào ra từ khóe mắt Lison, rơi xuống tấm vải dầu, như chiếc khăn mùi soa lạnh băng, không vỡ ra mà tiếp tục lăn xuống đất.

Alan không quen nói những lời dịu dàng, nhưng vẫn xoay xở không đến nỗi tệ.

— Lison, anh sẽ cho em một đứa con, nếu em muốn, khi anh quay về… Chúng ta chưa đến bốn mươi tuổi. Nếu may mắn, đứa bé sẽ quá trẻ cho cuộc chiến tranh tiếp theo và quá già cho cuộc chiến tranh tiếp nữa. Nhưng trước đó, anh cần phải đi, đó là một lời hứa mà anh phải giữ thực hiện, một lời hứa cũ, anh không có lựa chọn.

Lison ngồi lại hồi lâu và khóc trên tấm vải dầu. Lison vẫn còn khóc đằng sau chiếc xe khách khởi hành đến Caen.

— Em sẽ đợi anh, – cô nói thầm trong màn bụi.

Cô đã đợi anh.

Nhưng cô không bao giờ gặp lại Alan.

Cơn mưa phùn buồn bã xám xịt đã vĩnh viễn ngự trị trong cô.

Thời kỳ thứ hai

1964

Máu của kẻ phản bội

7 TAN TRƯỜNG

THÁNG NĂM 1964, BLUE HILL, OKLAHOMA

Cơn mưa rào bất ngờ đổ xuống Blue Hill, đặc biệt xuống trường Blue Hill, một lúc trước khi lũ trẻ tan học. Những chiếc ô bật mở gần như ngay lập tức, như một phép mầu, như những cây nấm mọc khi có hơi ẩm. Đã quen chuyện này, các bà mẹ tiếp tục nói chuyện, bất chấp tiếng mưa rơi lộp độp trên lớp vải căng ra, những chiếc ô đứng sít gần nhau của họ tạo thành một căn lều ngẫu hứng nhiều màu sặc sỡ.

Alan Woe, đứng hơi lùi lại phía sau, là một trong số những người đàn ông hiếm hoi đứng đợi trước cổng trường. Anh cũng là một trong số những người hiếm hoi không che ô. Alan nghĩ hẳn họ coi anh như một kẻ tà dâm, khi anh ôm chặt chiếc áo mưa ướt sũng vào người, đứng lấp ló cách cổng trường ba mươi mét, chăm chăm rình mò các bà mẹ và con họ. Dẫu sao, anh cũng chẳng quan tâm, ở đây chẳng ai quen anh. Đã nhiều tuần nay anh hầu như không nói chuyện với ai, có lẽ ngoại trừ bà Park, chủ quán trọ Le Lac.

Mưa rơi nặng hạt hơn. Vài chiếc ô tô trên quốc lộ 108 đi qua ngôi làng

quá nhanh làm bắn bùn ra xung quanh. Không, với cơn mưa này, không ai chú ý đến anh. Không ai chú ý đến những kẻ rình rập. Thêm nữa, cuộc điều tra của anh đang đến hồi kết… Cô ta đang ở đây, người phụ nữ tóc đỏ đó, giữa hàng chục người mẹ đang đợi con mình.

Một người phụ nữ tóc đỏ?

Tất cả các bà mẹ đều đội mũ, trùm mũ hay che ô. Người phụ nữ nào trong số những người này là bóng ma mà anh đã đuổi theo từ một tháng nay?

Mary Tanner, cô giáo trường tiểu học, huýt gió và lũ trẻ đầu trần ùa ra tựa cơn bão, như thể chúng hy vọng mình sẽ chạy nhanh hơn những giọt mưa. Giữa đám đông chậtních, Alan cố gắng phân biệt các mái tóc: hai đứa bé tóc đỏ…

Khi lũ trẻ chạy đến, những tán ô tách rời nhau, từng bà mẹ chuẩn bị che chắn cho con mình. Đám đông tự động giải tán và mỗi đứa trẻ chạy đến trú dưới mái nhà bằng vải của chúng.

Hai đứa bé tóc đỏ, bé trai mười ba tuổi và bé gái bốn tuổi, chạy ào về phía một người phụ nữ.

Vậy đây là cô ta rồi!

Alan đi theo họ suốt dọc quốc lộ 108. Người phụ nữ đi khom người để che cho hai đứa bé. Bởi thế ba người họ đi không nhanh lắm. Với Alan, vụ theo dõi này không hề dễ dàng, càng khó khăn hơn khi ngôi làng chủ yếu nằm gọn hai bên con đường họ đang đi, thực sự không có chỗ nào để anh nấp. Anh bắt buộc phải để khoảng cách giữa mình và gia đình tóc đỏ che ô lúc một lớn thêm. Cách anh hai trăm mét về phía trước, người phụ nữ và hai đứa con sang đường và biến mất trong một con phố nằm vuông góc. Alan bước nhanh hơn.

Sau lưng anh, một chiếc ô tô đang đậu bật đèn pha. Hai cần gạt nước xua cơn mưa. Động cơ bắt đầu quay, chiếc xe từ từ khởi động. Cuối cùng anh cũng đến đối diện con phố nằm vuông góc mà gia đình như ảo ảnh kia đã đi vào. Anh bước nhanh hơn dưới cơn mưa rào để không mất dấu người mẹ trẻ và hai đứa con. Anh băng qua phố mà thậm chí không chú ý đến chiếc xe đang đi rất chậm, chỉ ở sau lưng anh chừng trăm mét.

Chậm đến mức nguy hiểm.

8 GÓA PHỤ VÀ NHỮNG NGƯỜI LÍNH

THÁNG SÁU 1964, LÀNG LÂU ĐÀI QUỶ, NORMANDIE

Dịp kỷ niệm hai mươi năm cuộc đổ bộ, thời tiết âm u bao phủ khắp Normandie, trời không đủ đẹp để tổ chức lễ hội, cũng không đủ u ám để gợi nhớ thời tiết mùa xuân năm 44 cho những người có tuổi.

Alice ngồi phía sau chiếc xe khách. Cô đã do dự rất lâu liệu có nên tham gia lễ kỷ niệm này tại Normandie không, nhưng cuối cùng chuyến viếng thăm cũng khá dễ chịu. Kỷ niệm ùa về với cô từng đợt, trong chiếc xe này, trên con đường Normandie từ Caen đến Isigny, qua Mũi Guillaume. Tuy vậy chuyến đi này không có gì to tát so với chuyến đi cô thực hiện hai mươi năm trước trên cùng hành trình: chiếc xe khách ngày nay tiện nghi hơn rất nhiều, quốc lộ nhân dịp này được trải nhựa mới và nhẵn nhụi đến hoàn hảo; Alice không ngồi sau tài xế mà ở phía sau xe; những ngôi làng họ đi qua chỉ đầy những lá cờ tung bay, những dây trang trí chăng khắp nơi, lũ trẻ con ca hát và cười đùa. Tất cả dường như đều đã quên đi chiến tranh, hoặc ít ra là muốn vậy.

Alice thì không, hoặc chỉ muốn rất ít. Cô gần như là người phụ nữ duy

nhất trong nhóm, ngoại trừ vài người bà, hay đúng hơn là vài phụ nữ có tuổi, đến khóc cho con trai mình, những người đã chết trước khi kịp giúp họ trở thành bà. Không kể một hay hai người vợ lính, những người có vẻ ngán ngẩm ghê gớm và hối tiếc vì đã đến tận Normandie cùng người chồng dành cả ngày để kể với đám đàn ông khác những giai thoại cợt nhả. Như thể toàn bộ cuộc chiến này chỉ là một trò đùa khổng lồ. Cuộc hội ngộ của các cựu binh Đội biệt kích số 9 còn tệ hơn cuộc nhậu sau trận bóng chày, không gian nơi phụ nữ bị xua đuổi. Những người phụ nữ hiếm hoi này định trò chuyện với Alice, nhưng Alice chưa bao giờ lấy làm thích thú với việc chia sẻ những kỷ niệm của cô.

Tuy vậy, cô có cảm tình với mẹ của một người lính đến từ Wyoming, Christina Adams. Bà có phần gợi cho cô nhớ đến mẹ của Lucky. Con trai Christina cũng ngã xuống trong cuộc tấn công Mũi Guillaume. Christina một mình nuôi nấng cậu: bà đã mất tất cả, buổi sáng tháng Sáu ấy. Christina Adams cũng hiểu những năm tháng cô đơn đằng đẵng là như thế nào. Đó có lẽ là điều khiến họ xích lại gần nhau. Lần đầu tiên, giữa những chuyến đi dài trên xe khách và những đêm khách sạn, Alice kể chuyện đời mình cho một ai đó.

Alice ở lại Úc mười lăm năm. Tại đó, cô nhanh chóng trở thành giáo viên tiếng Pháp, nhưng chưa bao giờ thay thế Lucky, cả ở trong tim lẫn trên giường. Đầu những năm 50, Alice nối lại liên lạc với gia đình Lucky, bằng thư, sau hơn năm năm im lặng. Ở Litchfield, mọi người nghĩ cô đã tự tử, đâu đó trên đất Pháp. Thư từ giữa Úc và Litchfield dần trở nên đều đặn hơn, những bức thư từ Litchfield được viết với giọng ngày càng nài nỉ hơn.

Cách đây khoảng hơn năm năm, năm 1959, Alice đã nhượng bộ. Cô quay về sống tại Litchfield: khi đó họ đang tìm kiếm giáo viên tiếng Pháp cho trường cấp hai, Alice hoàn toàn phù hợp. Và Alice đã lấy lại một cuộc

sống gần như bình thường, một cuộc sống chỉ thiếu tình yêu; cô đã gạt đi nhiều lần, ở Úc hay ở Litchfield, những đồng nghiệp trẻ mê mẩn sự quyến rũ nguyên sơ của góa phụ xinh đẹp. Cô từ bỏ mãi mãi chuyện yêu đương. Cô mỉa mai chuyện đó. Và cô cũng gặp nhiều phụ nữ cùng hoàn cảnh với mình, những người hoàn toàn không màng đến tình yêu, vì bị đám đàn ông phán xét là xấu xí, bị lừa vào một cuộc hôn nhân và phải có con sớm, hay vì đủ loại lý do khác… Alice ở tuổi bốn mươi cảm thấy mình không có gì phải phàn nàn. Ít nhất, cô cũng từng biết mùi yêu đương, hai mươi năm trước. Một tình yêu đến giờ vẫn còn nguyên vẹn, so với thứ tình yêu đã mòn vẹt của những người phụ nữ cùng tuổi cô.

Chiếc xe khách đi qua làng Deux-Jumeaux mà không dừng lại. Ở phía sau xe, Alice mở to mắt. Cô chỉ kịp nhìn thấy một bãi đậu xe lớn bao quanh ngôi nhà thờ mới, ngôi nhà thờ vuông vức bằng bê tông, không có gác chuông. Alice thoáng nghĩ đến người phụ nữ đã sống ở đây, hai mươi năm trước. Margot. Cô vẫn chưa quên tên bà. Bà ấy giờ ra sao rồi?

Vài phút sau, chiếc xe khách đi đến ngã tư giao với làng Lâu Đài Quỷ. Quán bar Le Conquérant vẫn nằm ở góc đường, với những tấm rèm ca-rô đỏ. Chiếc xe từ từ chậm lại để quay sang Mũi Guillaume. Họ đã bị chậm so với chương trình chính thức, vào lúc trưa, vì nán lại nhà hàng tại Cabourg. Các cựu binh đã hơi quá chén, tiếng cười tiếng hát tưng bừng khắp xe. Một viên đại úy ngà ngà say, đứng phía sau xe, cất giọng hát bài *Five Piggies.*

Alice, thờ ơ, nghĩ về cặp vợ chồng người Normandie nọ, ở cửa quán Le Conquérant hai mươi năm trước. Họ có vẻ rất hạnh phúc, giữa tấn bi kịch. Cô gái Normandie đó có vẻ rất xinh đẹp…

Ngay sau đó, khi chiếc xe tăng tốc trên con đường nhỏ dẫn đến vách đá,

Alice nhận ra một gương mặt trên cửa sổ tầng ba quán Le Conquérant.

Một người phụ nữ đang buồn bã nhìn đoàn người Mỹ hân hoan đi qua.

Một giây đó là đủ để Alice nhận ra gương mặt của cô gái Normandie. Vừa đẹp vừa sầu thảm. Lúc này, Alice tưởng như đang nhìn thấy mình trong gương. Alice những muốn xuống xe, đến nói chuyện với cô ta, an ủi cô ta, cô cảm thấy người phụ nữ ấy lôi cuốn mình, như thể hai người có duyên số gì đó với nhau. Xưa kia cô ta rạng rỡ và vô tư. Có vẻ một nỗi bất hạnh đã giáng xuống cô ta sau đó.

Chiếc xe chở đoàn người Mỹ đi qua lô cốt trên Mũi Guillaume, rồi dừng lại cách đó chừng trăm mét, trên khoảng đất để đậu xe, ngay đối diện tấm biển bằng đá hoa cương mà họ đến để khánh thành, trên tấm biển khắc vài dòng chữ tưởng nhớ Đội biệt kích số 9 và những người anh hùng của đội đã ngã xuống trong cuộc tấn công. Tấm biển được gắn trên một công trình hiện đại và phức tạp có nhiều mũi nhọn, hẳn là để gợi nhắc hình ảnh những chiếc neo móc được quăng ra, nhưng trông giống mạng nhện hay bụi tầm ma hơn. Trong xe, viên đại úy đang đứng ra phía trước và chỉ huy mọi người hát, bắt chước lợn và các loài vật nuôi khác ở trang trại, là người đầu tiên nhận ra cái lô cốt, công trình và vách đá. Ông lập tức im bặt và toàn bộ xe cũng im theo. Lần đầu tiên trong suốt hành trình, không khí nặng nề bao trùm đoàn người hành hương.

Đám lính biệt kích ra khỏi xe trong im lặng, giữa cái lô cốt vẫn còn nguyên vẹn, vách đá bị gió quất tơi bời, bãi biển mênh mông như càng rộng lớn hơn nữa mỗi lần triều rút. Mỗi người như lại lần nữa đối diện với những kỷ niệm, những nỗi sợ của riêng mình, họ chưa từng quên chúng, và lúc này không ai có đủ can đảm đùa cợt để đẩy lùi chúng, như họ đã làm rất tốt từ lúc chuyến đi bắt đầu, từ hai mươi năm nay với một số người. Mấy người phụ nữ trong chuyến hành trình tranh thủ cơ hội mà họ không còn mong đợi

sẽ xuất hiện này để nắm tay hoặc ôm lấy chồng mình.

Cùng Christina Adams, Alice là người phụ nữ duy nhất cô độc. Vài tay lính biệt kích có thể nhận ra Alice không phải vợ lính như những người khác. Lúc này, một tay lính biệt kích có lẽ nghĩ rằng nói chuyện với người phụ nữ xinh đẹp cô độc là cách tuyệt vời để xua đi những lo lắng của chính anh ta.

— Cô không phải vợ của ai hết phải không? – anh ta vụng về hỏi.

Sự vụng về của anh ta làm Alice xúc động.

— Có chứ. Đừng nghĩ rằng tôi chỉ có một mình. Người tôi yêu đang ở đây.

Tay lính biệt kích có vẻ không hiểu. Anh ta nhìn quanh. Alice mỉm cười.

— Hay nói đúng hơn, – Alice nói tiếp, – vách đá này là nơi đưa tôi đến gần với anh ấy nhất trên trái đất.

Tay cựu binh cuối cùng cũng hiểu.

— Tôi xin lỗi…

Anh ta cảm thấy mình hơi ngốc và tự đấm một cú mạnh lên trán, khiến Alice mỉm cười. Anh ta cố gắng tìm một lời đối đáp thông minh.

— Hẳn anh ấy phải tự hào lắm, tôi nghĩ vậy, vì hai mươi năm sau, cô vẫn không quên anh ấy.

— Cảm ơn.

— Tôi tin rằng phần lớn những chàng trai đã ngã xuống ở đây đều không có vợ, hay bạn gái, nói chung là ai đó, khóc thương họ lâu như vậy.

Alice im lặng. Tay lính biệt kích mạnh dạn hơn.

— Dù sao cũng thật uổng phí! Chết ở đây trong khi được một cô gái

xinh đẹp như cô chờ đợi ở Mỹ. Liệu cô có phiền không khi tôi hỏi cậu ấy là ai, chàng trai xấu số đó?

— Lucky Marry.

— Alice! – tay lính biệt kích lập tức đáp lại. – Cô là Alice! Tôi thật ngu ngốc làm sao! (Anh ta lại tự đấm mạnh vào trán.) Đáng nhẽ tôi phải nghĩ đến rồi.

Lần này, Alice là người mở to mắt hoài nghi.

— Chắc chắn rồi, – tay lính biệt kích nói tiếp, – hẳn cô ngạc nhiên lắm khi tôi biết tên cô. Nhưng có những chi tiết ta sẽ nhớ suốt đời như vậy. Khuôn mặt cô, có lẽ tôi không nhận ra, sau hai mươi năm. Lucky chỉ cho tôi xem ảnh cô một hay hai lần gì đó. Nhưng tên cô, thì… Cô biết đấy, Lucky, cậu ấy là ngôi sao của chiếc sà-lan. Ai cũng biết cậu ấy. Cậu ấy kể chuyện đời mình với tất cả mọi người. Mọi người còn nghĩ hẳn cậu ấy đã nói hơi quá. Và cậu ấy cũng nói cả về cô, tình yêu lớn của cậu ấy, Alice. Cậu ấy coi thường chúng tôi, cậu ấy giơ ảnh của cô cho chúng tôi, hôn lên nó mỗi khi thắng poker. Cô đã trở thành một huyền thoại trên chiếc sà-lan, chúng tôi tự hỏi liệu cô có tồn tại thật không hay Lucky chỉ bịp chúng tôi với một tấm ảnh cắt ra từ tạp chí. Khi đó cô rất xinh đẹp, phải nói thật là vậy…

Tay lính biệt kích nhìn Alice và lại cảm thấy ngu ngốc, nhưng kìm lại không đấm thêm cú nữa lên trán.

— Tóm lại, tôi muốn nói, cô vẫn luôn xinh đẹp, cô biết đấy. Nhưng, nói sao nhỉ, khi đó, ý tôi là trên bức ảnh, cô trông vô cùng tươi vui, vô cùng hạnh phúc… Phải nói là… Tất cả chúng tôi đều ghen tị với cậu ấy, tên Lucky khốn kiếp đó.

Ngay lúc ấy, anh ta nhận ra có vẻ mình đã đi quá xa.

— Tôi xin lỗi, thưa cô, – anh ta lúng túng. – Chắc cô thấy tôi ngốc lắm…

— Không sao đâu, – Alice mỉm cười trả lời. – Tôi thích người ta nói về anh ấy như thế.

Tay lính biệt kích tranh thủ mạnh dạn hơn một chút.

— Dẫu sao cũng thật khó tin, – anh ta nói tiếp. – Tôi vẫn luôn nghĩ cô là một huyền thoại. Người ta không được quyền chết khi có một người phụ nữ như cô chờ đợi. Làm sao có thể coi thường cái chết khi được người phụ nữ xinh đẹp nhất thế giới yêu?

— Coi thường cái chết, – Alice đáp lại vẻ ngẫm nghĩ, thản nhiên thấy rõ trước những lời khen ngợi của tay lính. – Lucky đã đây cũng giống toàn bộ các anh. Anh ấy không lựa chọn cuộc chiến này.

— Tất nhiên, tôi biết… Chỉ là trong chiến tranh, ta đã phải trải qua đủ những bất trắc như vậy rồi. Lucky không cần phải làm thêm điều gì ngu ngốc…

Alice do dự giây lát.

— Anh muốn nói gì? Lucky đã làm gì hơn những người khác?

— Ồ cô biết mà.

Tay cựu binh mỉm cười vẻ đồng lõa và nói tiếp:

— Cái trò thêm vào đó… Một trò ngu ngốc hay ho, chắc chắn rồi, nhưng là trò ngu ngốc phải trả giá rất đắt. Như tôi đang thấy cô đây, có lẽ cô là góa phụ buồn bã nhất nước Mỹ… nhưng cũng là người giàu có nhất…

Alice lộ rõ vẻ ngạc nhiên.

— Anh đang nói đến chuyện gì vậy? Lucky làm gì có tiền… Bố anh ấy

là công nhân còn mẹ là phục vụ bàn.

Tay lính nhìn cô, vẻ hoài nghi.

— Cô đùa tôi đấy à? Dù sao cô cũng phải biết rõ câu chuyện…

— Như thế nào cơ, câu chuyện nào?

— Cô không định nói với tôi là cô chưa hề nhận được khoản tiền ấy đấy chứ?

— Tôi với Lucky, chúng tôi còn chưa cưới nhau. Vậy nên khoản tiền, anh thấy đấy…

— Không, không phải thế, chắc chắn rồi… Cô thật sự chưa nhận được gì ư? Cô không đùa tôi đấy chứ?

Bàn tay nắm chặt của anh ta đập mạnh lên trán.

— Chết tiệt… Thằng khốn đó! Tên đê tiện hèn hạ!

Gương mặt Alice đanh lại.

— Anh nói thế về Lucky ư?

— Không phải, đừng hiểu nhầm, Lucky là một vị thánh. Một vị thánh và một kẻ ngốc nhất lịch sử, theo những gì cô nói cho tôi.

Lần đầu tiên Alice cao giọng:

— Tôi chẳng hiểu anh đang cố nói đến chuyện gì. Rốt cuộc anh có định giải thích không?

— Lạy Chúa! Lucky bị chơi một vố đau rồi! Vậy đấy! Đợi chút, tôi sẽ gọi Barry… Anh ta sẽ phải giải thích với cô. Tên Barry đần độn này mà còn sống ngày hôm nay chính là nhờ Lucky. Hãy tưởng tượng cậu ấy biết cô đã không nhận được đô-la nào!

— Barry! – tay lính biệt kích hét.

Một cựu binh hói đầu bụng phệ quay lại. Alice nhận ra anh ta ngay, anh ta thuộc cái nhóm nhỏ ngồi phía trước xe, ngay từ đầu chuyến đi đã tuôn ra toàn những chuyện và bài hát thô tục.

— Gì, gì thế, Jimmy? – Barry trả lời.

— Đến đây gã béo. Đoán xem ai đây?

— Eisenhower[§] à? – anh ta thốt ra.

Anh ta quay đầu lại và nhận ra Alice.

— Chết tiệt, không, con gái của Eisenhower.

— Đến đây, gã đần… Giới thiệu với cậu đây là vợ chưa cưới của Lucky. Phải, Alice đấy!

Tay lính biệt kích húng hắng ho, mặt đỏ bừng, vừa xòe bàn tay to bè vừa ấp úng:

— Barry Monroe, xin lỗi, ờ… Rất hân hạnh, thưa cô!

— Đừng vội cảm ơn cô ấy, – tay lính biệt kích có tên là Jimmy nói tiếp, – cô ấy không biết gì hết. Câu chuyện về Oscar Arlington, tôi muốn nói. Phải, cô ấy đã không nhận được xu nào!

Barry mất một lúc mới phản ứng được, khoảng thời gian để hiểu rằng tình huống tưởng như không thể tin nổi này lại là sự thật. Rồi đến lượt anh ta gào lên:

— Thằng con hoang! Tên chó đẻ! May cho hắn là hắn không tham gia chuyến đi, thằng đểu! Đấy, tôi mà tóm được hắn…

Suốt nhiều phút, anh ta cứ gào to như thế trên vách đá, gió đưa những lời chửi rủa tan vào chân trời.

← Vị tướng 5 sao trong Lục quân Hoa Kỳ kiêm tổng thống Hoa Kỳ thứ 34, từ 1953 đến 1961. Ông tham gia Thế chiến II với tư cách tư lệnh tối cao các lực lượng đồng minh tại châu Âu, có trách nhiệm lập kế hoạch và giám sát cuộc tiến công vào Pháp và Đức năm 1944–1945 từ mặt trận phía Tây.

9 Lễ kỷ niệm

Tháng Sáu 1964, khách sạn Sheraton City Center, Washington

Căn phòng lớn nhất trong khách sạn Sheraton City Center chật ních người. Những dãy người mặc quân phục ngồi trên ghế và những lá cờ rủ xuống từ trần nhà, tất cả đều là cờ sao. Oscar Arlington ngẩng đầu và đếm các lá cờ. Hắn nghĩ làm vậy trông mình sẽ có vẻ mơ mộng, suy tư, tập trung, chứ không phải là gì khác.

Đếm các lá cờ…

Việc này sẽ khiến hắn mất thời gian. Có vẻ ở đây còn nhiều cờ hơn cả trên phố, tức là rất nhiều cờ.

Oscar tự hỏi liệu đã từng có ai nghĩ đến việc tính toán số lá cờ bay trên Washington. Những lúc bình thường thôi, thậm chí không phải vào dịp lễ kỷ niệm như ngày hôm nay. Tổng số lá cờ hẳn phải thách thức trí tưởng tượng. Vì sao nước Mỹ lại phải cảm thấy có nhu cầu tự an ủi quá đỗi phô trương như vậy? Nhất là kể từ sau khi John Fitzgerald bị bắn! Tất cả số cờ sao này tung bay trên bất cứ mái nhà nhỏ xíu nào… Người ta cứ ngỡ sẽ

phải sống giữa một nước cộng hòa chuối[§] ngay sau một cuộc đảo chính.

Oscar Arlington nhanh chóng từ bỏ ý định đếm số lá cờ, nhưng vẫn nhìn chúng, để nhìn một thứ gì đó, thứ gì đó không phải là người. Hắn không thấy thoải mái lắm, trên chiếc ghế da dày cộp màu xanh lá cây này, trước ánh mắt của tất cả mọi người, tức là gần năm trăm cựu binh của trận đổ bộ, những người đã không thể thực hiện chuyến đi đến Normandie thêm lần nữa. Hắn sẽ còn thấy khó chịu hơn trong vài phút nữa, hắn biết vậy, khi nhận huân chương. Bởi vì hắn ở đây để nhận huân chương. Huân chương gì? Chuyện ấy thì hắn hoàn toàn không biết, vả lại hắn cũng không quan tâm, hoàn toàn không quan tâm. Một huân chương gì đó cho người đã phụng sự đất nước.

Cảm ơn, mẹ…

Oscar nghiêng mình sang người ngồi cạnh, người mà, dù tuổi đời còn khá trẻ, đã phô ra trên ngực nửa tá huân huy chương sáng chói. Có lẽ là một trong số những tấm huân chương này, Oscar nghĩ, một trong những tấm huân chương đẹp đẽ làm bọn con gái thích mê, thứ cho phép ngay cả đám đàn ông mạnh mẽ cũng được mang những món trang sức mạ vàng của riêng mình. Hay là một loại khác, có lẽ còn có những tấm huân chương khác. Trong lĩnh vực này, giới quân nhân có trí tưởng tượng đáng ngạc nhiên… dành cho các quân nhân! Người hùng ngồi cạnh tôi hẳn chưa có đủ bộ sưu tập, nếu không anh ta đã không ở đây. Nào, vinh quang cho người sống sót! Họ đã hứa với bạn, về tấm huân chương mạ vàng với tên của bạn ở trên, nếu bạn vẫn khôn ngoan mà nghe lời, nếu bạn chạy mà không nhũn ra trên bờ biển… Nào, thôi nuốt nước bọt đi, những người sống sót, suốt hai mươi năm nay họ đã bắt bạn chờ, giờ phút vinh quang đã đến! Và, dẫu sao, cũng không nên lo lắng, các chàng trai ạ, tất cả đều đã chiến thắng. Hãy nhìn xem, ngay cả tôi, họ cũng sẽ trao huân chương cho tôi! Ngay cả tôi cũng có

quyền nhận giải độc đắc! Ngả mũ nào, mẹ! Con trông thế nào, trên chiếc bục này, trước mắt tất cả mọi người?

Trong số năm trăm anh hùng kia, hẳn có vài người biết câu chuyện của tôi, một, hai người biết rằng lúc này, đáng nhẽ tôi đang mục rữa trên cát ở Normandie; một, hai người khéo léo phân chia nhau ngồi giữa những người dự lễ để lan truyền tin đồn nhanh hơn. Chắc hẳn họ đang cười sau lưng tôi, trên những băng ghế, khi thấy tôi ở đây, trên chiếc ghế bành nhung, chơi trò anh hùng. Vì sao mẹ lại có ý tưởng về chiếc huân chương này? Con đã rất ổn khi không gặp lại chúng, hai mươi năm nay, những tên đần mặc kaki kia. Con đã cư xử như một kẻ thô lỗ ghê tởm, nhưng con mặc kệ ý kiến của chúng. Chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa, chúng ta không thuộc về cùng một thế giới.

Nhưng điều đó chỉ xảy ra khi không có mẹ tôi và những khám phá thiên tài của bà.

“Đi lấy tấm huân chương của con đi, con trai!” Mẹ, ngay cả khi không thể ngờ về sự khốn nạn của con trai mình, thì ít nhất mẹ cũng phải nhận ra nó không hề có dáng dấp của một anh hùng. Mẹ phải biết điều đó, mẹ à, dù gì thì cũng vì chiếc kén của mẹ mà con cứ mãi là một con ấu trùng, dù gì thì cũng vì cái bóng của mẹ và con đã héo tàn sớm như thế.

Tích cực lên nào… Đáng nhẽ mẹ có thể nảy ra ý tưởng tuyệt đỉnh là để con quay lại đó, quay lại Normandie. Có vẻ họ đã thành công trong việc nhồi đầy một chiếc xe khách toàn cựu binh để quay về Mũi Guillaume ca ngợi một tấm biển bằng đá hoa cương, trên đó ghi tên những người đã chết.

Không có tên con!

Lạy Chúa, con sẽ không bao giờ có thể chấp nhận tấm huân chương này.

Có bao nhiêu người đã biết? Mười, hai mươi, năm mươi, nhiều hơn nữa? Dù sao con cũng không phải kẻ đào ngũ duy nhất trong đám người dự lễ kia. Nào, nếu trong phòng này có kẻ đã sắp xếp để mình không phải ra chiến trường thì hãy đứng lên đi!

"Oscar Arlington," vị tướng hai bên thái dương tóc điểm bạc tuyên bố bằng giọng trầm trầm. Oscar từ từ đứng dậy, mắt ngước lên, vẫn nhìn chằm chằm những lá cờ sao. Tất cả mọi người đều cười, hắn nghĩ, tất cả mọi người đều cười mình. Họ biết hết.

Viên tướng đón hắn với nụ cười đồng lõa khiến Oscar bối rối. Chiếc huân chương lấp lánh quanh cổ ông ta. Oscar suy nghĩ, hắn biết người này, viên tướng này, hắn nhận ra người này, nhưng không nhớ ra tên: ông ta từng nhiều lần đến ăn tại nhà Oscar. Lần gần nhất diễn ra cách đây không lâu lắm. Oscar đặc biệt nhớ bà vợ, một bà vợ rất xấu, đeo những món trang sức còn lấp lánh hơn cả huân chương của ông chồng, và không bao giờ để ông chồng có dịp nói hết một câu trong suốt buổi tối. Thảo nào người ta không thể vừa có hai quả cà lại vừa thăng tiến trong quân đội. Giá mà tôi biết thế từ trước!

— Oscar, Oscar…

Cuối cùng Oscar cũng đưa mắt xuống nhìn viên tướng với bàn tay đeo găng đang chìa vào khoảng không. Oscar phản ứng và bắt tay ông ta.

— Chúc mừng, Oscar.

Thật may, ông ta không nói thêm: "Mẹ cậu sẽ tự hào…"

Vài giờ sau, tấm huân chương như kéo cổ Oscar xuống còn rượu sâm banh bắt đầu bốc lên đầu. Hắn đã uống quá nhiều, hắn biết thế, và hắn uống tiếp… Ngày hôm nay, hắn nghĩ, lẽ ra mình đã chết trên một bãi biển ở

Normandie, vậy thì sao phải nhịn những sự sung sướng này? Chuyện này sẽ giúp mình trả nợ… Mình xứng đáng với điều gì trong số những điều có được ngày hôm nay? Tấm huân chương đang thắt cổ mình đây, mình đã đánh cắp nó… Tiền của mình, nhà của mình, chiếc Plymouth của mình, bộ sưu tập nhạc Chuck Berry của mình, họ đã cho mình tất cả… Cảm ơn mẹ! Không, mình chẳng xứng đáng chút nào với tất cả những thứ đó. Đám con gái ư? Nhân loại bị áp bức và những người khốn khổ trên trái đất hãy yên tâm, tiền và một chiếc ô tô là không đủ. Ta có thể gần bốn mươi tuổi, lái một chiếc Plymouth, và vẫn là trai tân. Đúng thế đấy, mẹ ạ! Nào, mình sẽ bỏ qua mẹ khi liệt kê. Mẹ… À không, cả mẹ nữa, mình cũng không xứng với mẹ!

Oscar quan sát một lúc đám đông cựu binh chen nhau ăn buffet, hồi tưởng, và cười nói huyên náo. Tại đây hòa trộn mọi tầng lớp xã hội Mỹ, mọi chủng tộc, tôn giáo, tất cả tập hợp lại trong lý tưởng lớn lao và ký ức vĩ đại này.

Đội quân của tự do!

Toàn bộ người Mỹ, ngay cả những người yếu ớt nhất xuất thân từ vùng ngoại ô nghèo khổ hay từ các trang trại, đều nhân dịp này thể hiện một lòng dũng cảm mẫu mực. Còn hắn, hắn là kẻ duy nhất bị loại khỏi khối thống nhất lớn lao. Chú vịt con xấu xí của đội quân tự do. Vậy, hắn có bao giờ làm được điều gì chăng? Chết tiệt, tấm huân chương quanh cổ hắn nặng quá.

Oscar uống tiếp. Hắn chợt cảm thấy mặt đất dưới chân như hẫng đi. Hắn cố gắng trong tuyệt vọng níu vào tấm khăn trải bàn buffet, nhưng tấm khăn không chịu nổi trọng lượng của hắn và trôi tuột đi, kéo theo hàng tá ly sâm banh và hai đĩa bánh ngọt may mắn là đã gần hết.

Một khoảng im lặng. Mọi người ngoái lại. Viên tướng đích thân đến đỡ

Oscar dậy và nói thầm vào tai hắn: "Anh bạn Arlington thân mến, anh uống quá nhiều rồi. Để chúng tôi đưa anh về, hãy nghĩ đến mẹ anh…"

Đồ ngu, Oscar Arlington nghĩ.

— Tôi không phải là Arlington, – hắn gào toáng lên. – Tôi là số 4. Ông nghe đây, số 4! Là người chết sống lại!

Viên tướng và một chuẩn úy tận tâm gắng sức đưa Arlington ra ngoài, đến khu vườn trước phòng hội nghị. Họ đặt hắn tựa vào một đài phun nước bằng thạch cao.

— Hít thở đi, anh bạn thân mến, – viên tướng vừa nói vừa tranh thủ dùng nước trong đài phun gột sạch tay áo bộ quân phục đã bị Oscar nhỏ dớt dãi lên. – Hít thở và bình tĩnh lại! Giờ anh là một anh hùng của nước Mỹ. Kể từ tối nay, anh đã kết hôn với nước Mỹ, anh đang mang chiếc nhẫn cưới trên cổ… Anh có bổn phận với nước Mỹ, anh hiểu chứ? Vậy nên anh bạn thân mến, cố lên nào!

Oscar giật tấm huân chương và ném vào đài phun nước.

— Tôi là kẻ đội mồ sống lại, ngài tướng của tôi ạ, số 4 là một người chết sống lại.

Viên tướng nhún vai và thì thầm với viên chuẩn úy:

— Thật tội nghiệp! Thật là điều ô nhục cho mẹ anh ta! Hãy kín đáo bám theo anh ta. Tôi không muốn anh ta ra đường trong tình trạng này.

Viên chuẩn úy quay đầu lại: Oscar Arlington không còn dựa người vào đài phun nước nữa. Lo lắng, anh ta cúi nhìn về phía trước: không, hắn cũng không ở bên trong đài phun nước! Một lúc sau, anh ta thấy ở đầu lối đi một chiếc Plymouth màu xanh lục vỏ chai khởi động, tránh được một cách kỳ diệu đám ô tô công vụ treo cờ nhỏ đậu ngay gần đấy.

← Thuật ngữ khoa học chính trị dùng để chỉ một quốc gia có nền chính trị bất ổn ở Mỹ La tinh với nền kinh tế phụ thuộc nặng nề vào việc xuất khẩu một loại sản phẩm hữu hạn nhất định nào đó, ví dụ chuối, khoáng sản… Ở đây tác giả sử dụng với mục đích chơi chữ, vì từ *bannière (cờ)* trong tiếng Pháp gần giống với từ *bananaere (chuối)*.

10 GIAO KÈO

THÁNG SÁU 1964, MŨI GUILLAUME, NORMANDIE

Barry Monroe tiếp tục rống lên bằng giọng khàn khàn:

— Vậy là cô không biết gì cả, thưa cô. Thật sao? Chết tiệt! Nếu lúc đó Lucky nghe tôi… Phải nói với cô, Alice, rằng tôi vẫn còn sống, đó là nhờ Lucky. Chỉ thế thôi, tôi đã rất muốn được ôm cô rồi.

— Đừng có lợi dụng hoàn cảnh, lão già hư hỏng, – Jimmy cắt lời. – Tôi không gọi anh đến đây để làm thế… Đừng dài dòng nữa, kể toàn bộ câu chuyện đi.

— Rồi rồi. Tôi kể đây! Toàn bộ sự vụ liên quan đến lần bốc thăm chết tiệt trên chiếc sà-lan đó, ba ngày trước cuộc đổ bộ. Chuyện này thì cô biết chứ, Alice?

— Vâng. Các sĩ quan đã giải thích cho tôi. Lucky bốc phải số 4.

— Đó thật sự là những gì họ kể cho cô sao, cái lũ đần ấy? Và cô đã tin như vậy, Alice! Lucky bốc phải số 4, với cái vận may của kẻ đen tình[§] mà anh ta có sao!

— Vô duyên quá đấy, Barry! – Jimmy bình luận.

— Thưa cô, – Barry tiếp, Lucky ấy mà, cậu ấy không bốc phải số 4, cậu ấy bốc được số 148. Thật đấy! Cậu ấy đã thoát nạn. Tôi thì coi như đã chết rồi, tôi bốc phải số 5, vậy nên cô nghĩ xem… Tôi đã khóc, từ lúc đó cho đến khi đổ bộ. Xem này!

Barry Monroe chỉ cho Alice xem vết sẹo trên nắm tay.

— Tôi đã tự gây ra nó, đấm vào tường sà-lan, ngay sau cuộc bốc thăm. Chưa hết, lúc đó, suýt thì tôi còn đập cả đầu mình. Thế rồi tên chó đẻ Oscar Arlington bốc phải số 4. Hắn, không ai có thể ngửi được, tôi thì càng không. Một thứ rác rưởi, nhát gan, lắm tiền, bám váy mẹ. Có lẽ cô cũng biết bà ta, Emilia Arlington, bà ta làm việc ở Quốc hội.

Alice lắc đầu ra hiệu không biết. Cô không quan tâm tí nào đến chính trị.

— Tôi, – Barry tiếp, – tôi không yên tâm khi biết Arlington chạy ngay trước mình, tôi biết tên đểu đó sẽ không chơi trò anh hùng. Khi bốc trúng số 4, hắn thật sự sợ mất mật, và không ai đùa cợt cả, mặc dù chẳng ai ưa hắn. Hắn đã bốc trúng số 4. Hắn là một trong những người bị kết án tử treo, hắn cũng vậy, giống tôi. Ngay cả khi hắn là một tên đểu, việc cùng bị hành hình sau bốn mươi tám giờ nữa cũng khiến người ta đoàn kết… Nhưng, thật lòng thì, tôi nghĩ trên sà-lan có hẳn một đám rất hài lòng khi thấy Arlington thuộc nhóm đầu tiên. Bản thân tôi đã không còn nghĩ đến mấy chuyện đó, với số 5 của mình!

Alice nhíu mày để ghi nhận tất cả, miệng mở hé, liên tục gạt ra sau mái tóc dài vàng óng bị gió thổi tung. Hình ảnh trong tưởng tượng thời trai trẻ của họ đã trở thành hiện thực đúng vào giai đoạn khủng hoảng tuổi trung niên, Alice có vẻ không mấy ý thức được sự quyến rũ tỏa ra từ cô lên những tay lính biệt kích xung quanh.

— Đừng kể chuyện đời mình, vào thẳng vấn đề đi, – Jimmy ngắt lời.

— Anh làm sao mà hiểu nổi, anh bốc được số 127. Được rồi, tôi sẽ kể ngắn gọn tâm trạng của mình để chuyển sang nói về tâm trạng của Arlington, kẻ chả có mấy tâm trạng, cái tên con hoang ấy! Ngay tối đó, hắn đã loan tin sẵn sàng đổi số của mình cho bất kỳ ai, mười nghìn đô-la mỗi số cách biệt… Tất cả mọi người đều thấy chuyện đó thật ghê tởm, ghê tởm và ngu ngốc, bởi chắc chắn sẽ không ai đồng ý. Họ tự nhủ rằng hắn, một lần nữa, lại đang làm trò cười. Rằng hắn còn hèn hơn cả hèn, hắn thậm chí còn không biết phải chết thế nào. Tất cả làm thinh với con số của hắn. Không khí gần như trở nên trang nghiêm. Và hắn đã đặt hàng triệu đô-la vô giá trị lên bàn cân.

Alice khẽ nói:

— Và Lucky đã nói đồng ý…

— Phải, thưa quý cô, cái gã ngớ ngẩn đó đã đồng ý. Cậu ấy có số 148. Tính thử, thì cậu ấy đã đổi số của mình lấy 1,44 triệu đô-la. Cả một gia tài, chắc chắn rồi… Đương nhiên, không sĩ quan nào biết sự việc, có biết hẳn họ cũng sẽ không đồng ý. Lucky đã chấp nhận giao kèo điên rồ đó: thế chỗ cho Oscar để lấy 1,44 triệu đô-la. Oscar phải chuyển toàn bộ số tiền ngay khi trở về Mỹ.

— Chuyển tiền… Chuyển tiền cho một người đã chết, – Alice thì thầm. – Lucky không ngây thơ đến thế. Anh ấy phải biết khi đã mang trên mình số 4, anh ấy đang liều mạng.

— Phải, tôi không biết nữa… Bọn tôi nói với cậu ấy rằng cậu ấy mất trí rồi. Nhưng khi bọn tôi nói về vách đá, quân Đức, đống súng máy, cậu ấy nhún vai. Tôi không biết cậu ấy không ý thức được hay đang giả vờ. “Lỡ như cậu nằm lại đó thì sao,” bọn tôi bảo cậu ấy. “Vậy thì, món tiền sẽ thuộc

về vợ chưa cưới của tôi!” Tôi thề với cô, Alice, cậu ấy đã nói thế. Tôi vẫn nhớ như thể mới ngày hôm qua. “Tất cả chúng ta ở đây liều mạng vì điều gì cơ chứ?” cậu ấy nói. “Vì những điều không chút quan trọng, vì những thứ vớ vẩn tầm phào, vì mệnh lệnh của những vị tướng mà thậm chí chúng ta còn chẳng hiểu, với nỗi sợ hãi đào ngũ. Trong khi đó, tôi, cái mạng tôi, tôi sẽ đánh đổi nó lấy 1,44 triệu đô-la… Chuyện đó sẽ đem lại chút kích thích cho trọng trách anh hùng, không phải sao? Chuyện đó khiến tôi như được mọc thêm cánh.”

Đứng bên cạnh, Jimmy khẽ giậm chân, cố cắt lời người đồng đội, nhưng có vẻ một khi Barry đã bắt đầu nói thì không thể ngăn anh ta lại.

— Mọi người nói cậu ấy điên rồi, – anh ta nói tiếp. – “Khi các bạn chết trên bờ biển,” Lucky trả lời chúng tôi, “người ta sẽ trả lại cho cha mẹ các bạn, bạn gái các bạn, thứ gì từ các bạn? Các bạn để lại gì cho họ? Bộ quân phục thủng lỗ chỗ đầy vết máu, cái hộp thiếc, vòng tay kim loại khắc tên, chiếc đồng hồ đeo tay vỡ nát? Không gì cả! Không những các bạn chỉ sống được có hai mươi năm, mà hơn nữa, các bạn sẽ chết như những tên ngốc. Vừa sinh ra đã chết, đã bị lãng quên… Còn tôi, tôi để 1,44 triệu đô-la trong di chúc! Trên bãi biển nơi ta phải băng qua như những con chuột trong lồng, ta khác nào hàng nghìn tờ vé số của trò xổ số lớn, mỗi người có con số của riêng mình. Nhưng tôi sẽ là tờ vé chiến thắng!”

— Các anh đã để anh ấy làm thế, – Alice chậm rãi nói.

— “Cẩn thận đấy, Lucky”, tôi nhắc đi nhắc lại với cậu ấy. “Cẩn thận đấy, Oscar là một tên bịp!”

Đồ giả tạo! Jimmy nghĩ. Anh ta không thể ngăn mình chen vào:

— Cậu không thêm thắt tí đấy chứ, hử?

— Thật sự tôi có nói với cậu ấy rằng Oscar là tên bịp mà! Và có lẽ còn

tệ hơn. Tên Arlington ấy, tôi sợ gì hắn chứ. "Các anh đừng lo," Lucky trả lời chúng tôi, "tôi đã chuẩn bị chu đáo. Tất cả đã nằm trong giao kèo. Nếu tôi bị giết, một triệu rưỡi đô-la sẽ thuộc về vợ chưa cưới của tôi, Alice." Tôi thề với cô, Alice, có tên cô trên giao kèo, ảnh của cô, địa chỉ của cô, và địa chỉ của cha mẹ Lucky, tại Litchfield. Cô thấy đấy, tôi nhớ cả ngôi làng của cô. Tất cả đã được tính trước. Nếu Oscar bị giết trong cuộc đổ bộ, mẹ của tên Arlington sẽ phải trả khoản nợ, Oscar ghi điều đó như ý nguyện cuối cùng trong giao kèo.

— Thế cái giao kèo đó, nó ra sao rồi?

— Điều bí ẩn là ở chỗ đó, thưa cô. Lucky chọn hai người làm chứng. Tôi tự đề cử nhưng Lucky không muốn. Vậy đấy, giá mà cậu ấy biết! Nếu cậu ấy chọn tôi, cô đã không phải biết toàn bộ chuyện này sau hai mươi năm!

Jimmy nhún vai. Sao anh ta lại có ý tưởng ngu ngốc là đi tìm Barry nhỉ? Toàn bộ chuyện này, anh ta cũng có thể tự kể với cô búp bê tóc vàng kia, người đã không còn nhìn anh ta nữa, mà chỉ nhìn Barry không rời mắt! Nắm tay và trán anh ta ngứa ngáy.

— Họ là ai, những nhân chứng đó? – Alice hỏi.

— Người thứ nhất, là một cậu tên Alan gì đó tôi không rõ lắm. Một chàng trai can đảm… Không nhiều lời lắm. Theo những gì tôi nhớ thì cậu ấy đã chết trong cuộc đổ bộ. Chính xác hơn thì, cậu ấy được ghi là mất tích. Chuyện đó không làm thay đổi gì nhiều, bởi cũng giống hàng nghìn người khác, cậu ấy không bao giờ xuất hiện trở lại… Nhân chứng còn lại, trên sà-lan, bị tất cả mọi người gọi là *Thẩm Du*… Cậu ta bị gọi thế vì mọi người bắt gặp cậu ta đang… Ờ thôi, tôi sẽ không nói kỹ quá. Với lại, tôi tin mình chính là người tìm ra biệt danh đó cho cậu ta. Cậu ta, cậu Thẩm Du đó, không tinh quái lắm, tôi nghĩ thế. Rốt cuộc, chủ yếu là cậu ta nhút nhát, nên điều này cũng không giải quyết được gì. Phải nói rằng chúng tôi là kiểu

người đùa dai. Thời đó, chúng tôi không được ý nhị cho lắm. Chỉ duy nhất Lucky gọi cậu ta theo kiểu khác, Lucky và Alan… Trái lại, tên chính xác của Thẩm Du, tôi chưa bao giờ biết. Cậu ta đã thoát, tôi nghĩ vậy.

— Thế hôm đổ bộ, anh có biết chi tiết gì về…?

— Về cái chết của Lucky? Về chuyện đó phải không? Cho đến tận lúc chúng tôi đổ bộ, Lucky vẫn tin vào ngôi sao may mắn của mình. Cậu ấy tin mình sẽ thoát, ngay cả với số 4. Tôi, như tôi đã nói với cô, tôi có số 5. Số 1 và 2 bị kết liễu khi chưa đi được mười mét. Số 3 mang thuốc nổ đi xa được hơn một chút. Nhưng khi bắt đầu, tôi thấy mình như kẻ bị kết án, và tôi không phải người duy nhất. Ngay cả những người có số từ 50 cũng không thể yên tâm, bởi vì chỉ cần ló mặt ra là ăn đạn ngay. Rồi Lucky lao đi và cơn mưa đạn như dạt ra trước mặt, loạt đạn sượt qua mà không chạm được vào cậu ấy. Những viên đạn đầu tiên chỉ bắn trúng tay, vai, và chân cậu ấy. Cậu ấy tiếp tục chạy, tôi không biết làm cách nào. Tất cả mọi người đều chờ thấy cậu ấy ngã xuống, từng khắc một. Tôi đã sẵn sàng lao tới, không nghĩ ngợi gì, như một cỗ máy, như những người khác. Như thế đấy, chúng tôi không nghĩ ngợi nữa. Nhưng dưới cơn mưa đạn, Lucky lại đặt thuốc nổ thành công. Dưới chân bức tường bê tông, cậu ấy được bảo vệ hơn một chút. Cậu ấy kích hoạt thuốc nổ rồi chạy về phía chúng tôi, như thể vẫn tin vào điều đó. Cậu ấy chạy gấp gáp, ở ngay trước mặt chúng tôi. Chúng tôi thấy cậu ấy, cậu ấy mỉm cười, vừa chạy vừa cười, cậu ấy biết mình đã thành công. Từ sau lưng, cậu ấy là mục tiêu lý tưởng cho lũ quân Đức đang không còn mong gì hơn. Chúng nã đạn vào cậu ấy. Cậu ấy bị trúng mười phát, hai mươi phát, nhưng không gì có thể cản bước cậu ấy. Khi ngã vào vòng tay chúng tôi, cậu ấy vẫn mỉm cười, nhưng cậu ấy đã chết. Tôi không biết cậu ấy chết chính xác vào lúc nào. Nhưng tôi gần như chắc chắn rằng cậu ấy đã chết trong lúc tiếp tục chạy. Như thể ý muốn kết thúc nhiệm vụ trong cậu ấy còn mạnh hơn tất thảy. Rồi bức tường bê tông nổ tung và chúng tôi đồng

loạt xông lên.

Barry Monroe ngừng một lúc. Anh ta nhìn Alice, ngập ngừng định xin lỗi vì những chi tiết mình vừa nói, nhưng lại cảm thấy Alice muốn biết, biết tất cả. Jimmy cũng thấy xúc động. Rốt cuộc, anh ta đã đúng khi gọi Barry. Bản thân anh ta, Jimmy, với số 127, sẽ không thể kể hay như thế. Anh ta hoàn toàn không tham gia vào cùng một cuộc chiến như họ…

— Vậy đấy thưa cô, – Barry tiếp, – nhờ Lucky mà tôi vẫn sống. Và có lẽ nửa số lính biệt kích của đội cũng có thể nói như thế.

Trong lúc Monroe kể, kha khá người trong nhóm cựu binh đã tiến lại. Tin đồn nhanh chóng lan đi, sự hiện diện của Alice, khoản nợ của Arlington. Christina Adams tiến lên và nắm tay Alice, điều mà không tay lính biệt kích nào dám làm, dẫu đó là ước muốn của họ. Ai nấy đều xác nhận những lời của Barry Monroe. Ai nấy đều muốn lại gần Alice, nói với cô một lời, nhấn mạnh hơn nữa những gì Barry vừa nói, nhắc lại lòng dũng cảm của Lucky, nguyền rủa Oscar Arlington.

— Còn Arlington, – rốt cuộc Alice hỏi, – hắn có thoát không?

— Chắc chắn là thoát rồi, – Barry trả lời. – Không một vết xước. Cô nghĩ mà xem, lúc nào cũng nấp ở sau. Tôi không biết liệu hắn có bắn nổi viên đạn nào không… Tên đểu giả! Luôn núp sau đồng đội, thậm chí núp sau cả xác đồng đội. Nhưng thôi, chuyện đó không quan trọng. Tệ nhất là hắn đã phản bội lời hứa. Cô thật sự không hề nhận được đô-la nào ư?

— Tôi đã ở Úc mười lăm năm…

— Chết tiệt, bây giờ, cô đã trở về! Hắn còn có địa chỉ của cha mẹ Lucky. Tôi đánh cược họ chưa bao giờ chuyển nhà, phải không?

Alice lắc đầu để trả lời không.

— Họ, cha mẹ của Lucky, biết cô đang ở Úc. Tôi cá với cô hắn cũng chưa bao giờ liên lạc với họ.

Alice lại trả lời không.

— Thế nhưng ai cũng biết Lucky đến từ làng Litchfield. Arlington thì càng biết, trong giao kèo đã ghi! Không, Alice, đừng tìm cách biện minh cho tên đểu cáng đó. Thật ghê tởm, nhưng dẫu sao với hắn thì cũng nên lường trước. A, giá như tôi là nhân chứng! Giờ, hai mươi năm sau, cô khó mà tìm lại được tiền của mình. Kể cả khi tôi sẵn sàng làm chứng.

Câu nói “Tôi cũng vậy.” vang lên từ mọi phía.

— Nhưng cô biết đấy, – Barry tiếp, – tôi tin không một sĩ quan nào biết chuyện. Sẽ là cả một vụ bê bối.

— Còn giao kèo mà. Có người đã lấy nó à?

— Có bốn bản: mỗi nhân chứng một bản, Alan Woe và Thẩm Du, một cho Lucky và một cho Arlington. Bản của Arlington, cô có thể ngồi lên§. Bản của Thẩm Du, hắn ta có thể tìm lại.

— Thế bản của Lucky, ai đã lấy nó?

— Là Alan, tôi nghĩ vậy, cậu ấy là bạn thân nhất của Lucky trong đội biệt kích, cậu ấy giữ mọi đồ đạc của Lucky. Nhưng Alan…

— … đã được ghi nhận là mất tích, – Alice nhẹ nhàng nói. – Anh ấy và hai bản giao kèo anh ấy đang giữ.

— Đừng buông xuôi, thưa cô! – một tay lính biệt kích vô danh thốt lên.

— Arlington không thể thoát được dễ dàng như thế! – người thứ hai nói.

— Tôi sẵn sàng kể lại tất cả! – những người khác hô lên.

Lần đầu tiên, kể từ rất lâu rồi, Alice mỉm cười, nhìn những người quanh

mình, có vẻ rốt cuộc cô đã tìm thấy ý nghĩa nào đó cho cuộc đời.

Trong chuyến quay về, Alice tiến hành xác nhận các chi tiết, bắt đầu xây dựng kế hoạch, ghi lại những địa chỉ. Cô giải thích rằng tiền bạc không có liên quan gì. Cô không quan tâm đến tiền.

Kể cả đó là một gia tài, 1,44 triệu đô-la.

Điều quan trọng với cô, là Lucky không chết như những người khác trên bãi biển. Cái chết đó, anh đã quyết định nó, anh muốn nó. Lucky không tham chiến, anh chơi đùa. Anh không chết, anh chỉ đơn giản là thua trong cuộc chơi, thua tạm thời, chừng nào Arlington còn chưa trả giá.

Nhưng rốt cuộc Lucky vẫn thắng, như mọi lần, Alice sẽ đảm nhận việc đó, từ giờ Alice sẽ chỉ sống vì việc đó.

Toàn bộ lính biệt kích có mặt trên xe khách hiểu điều này.

Từ giờ, Alice được lập trình để chỉ thực hiện một nhiệm vụ, một nhiệm vụ duy nhất: bắt nhà Arlington phải trả giá.

Bắt họ phải trả món nợ.

← Nguyên văn tiếng Pháp: *la chance de cocu.* Hàm ý *đen tình đỏ bạc.*

← Hàm ý không có giá trị gì.

11 KHU SỨ QUÁN

THÁNG SÁU 1964, KHU SỨ QUÁN, ĐÔNG BẮC WASHINGTON

Tại Washington, khu sứ quán tạo thành một thế giới thu nhỏ kỳ lạ, như một bản tóm lược nho nhỏ địa chính trị thế giới, tập trung trong diện tích vài héc-ta. Đại sứ quán là chiếc tủ kính của một nước đặt ở nước ngoài. Đại sứ quán tại Mỹ, là chiếc tủ kính to nhất. Hẳn toàn bộ văn hóa của một nước được thu gọn về đây, trong một căn nhà duy nhất. Một số sứ quán hiếm hoi chọn đặt ở trung tâm Washington, đó là Úc, Chile, Indonesia… Nhưng phần lớn các quốc gia khôn ngoan chọn cách tránh vùng trung tâm thành phố, nằm trong một khu dân cư nhỏ vô hại, phía Đông Bắc, phía bên kia công viên Rock Creek.

Khu sứ quán khiến những người đi dạo hay các du khách lạc đường có thể mải mê với trò giải trí nho nhỏ: đoán các quốc gia mà đương nhiên là không đọc tên quốc gia đó trên cổng… Cách thứ nhất là nhận dạng cờ, vốn thường cao vượt trên ngọn cây và làm cho toàn vùng luôn mang không khí hội chợ, không khí lễ hội, nhưng không phải cấp một quốc gia, mà cấp hành tinh. Tuy nhiên, để nhận ra một nước nhờ vào cờ của nước đó, ngoại trừ

Trung Quốc, Canada, Vương quốc Anh và có lẽ cả Brazil nữa, cần phải giỏi địa lý. Mà giỏi địa lý lại hiếm khi là trường hợp của những khách bộ hành người Mỹ, vốn thường cam chịu nhầm lẫn những lá cờ tầm thường, không có sao hay hình vẽ, chỉ có các dải màu dọc ngang, bất kể đó là nước nào. Tệ nhất là các nước châu Âu nhỏ bé này, Pháp, Đức, Bỉ, Ý, Ireland, thê thảm tới mức cờ nước nào cũng chỉ có ba màu, chứng tỏ một sự thiếu trí tưởng tượng không thể chối cãi.

Cách thứ hai để nhận ra một nước thú vị hơn cách đầu tiên: đó là tưởng tượng về đất nước đó bằng cách quan sát kiến trúc của sứ quán. Cổng sứ quán có hình dạng phức tạp và nhiều màu sắc rực rỡ có thể dễ đoán là sứ quán Trung Quốc; ngôi nhà to lớn và trang nghiêm với phong cách Victoria thuần khiết nhất cho phép đoán là sứ quán Vương quốc Anh; sứ quán Đức, trông giống boong-ke hơn lâu đài, có lẽ là sứ quán oai vệ nhất; vườn tược, những bức tượng và các đài phun nước là những điểm nổi bật nhất để nhận ra sứ quán Ý. Những ngôi nhà nhỏ hơn rất nhiều, san sát nhau, nằm trên mặt phố và lại càng không lẫn khuất trong góc một công viên rộng lớn, với cờ treo lòng thòng trên cửa sổ, thường đại diện cho những đất nước bị thờ ơ, hay nói cách khác là các nước châu Phi, các nước ở phía Nam châu Phi, những nước mà dẫu có nói tên cho họ thì đám người Mỹ ấy có lẽ cũng chưa bao giờ nghe đến.

Sứ quán Pháp còn khác biệt hơn: hiện đại, được xây theo những hình hình học phức tạp lạ lùng, có màu trắng như một trạm vũ trụ, đặt giữa một công viên to lớn và giản dị với sự cân bằng tài tình. Có lẽ không phải được xây dựng, mà một ngày nọ nó đã hạ cánh xuống đây, chỉ để ghé thăm, sẵn sàng cất cánh, như nơi nương náu của một quốc gia nếu không phải phi địa cầu, thì ít nhất cũng là phi Hoa Kỳ…

Nhà Arlington sống trong sứ quán cũ của Ecuador, nơi đã bị bỏ hoang sau Thế chiến II để chuyển sang một tòa sứ quán khác, hiện đại hơn. Giờ tòa sứ quán chỉ còn là một căn nhà thuộc địa xinh đẹp, các cột nhà theo phong cách tân La Mã đã rất cũ, nhưng thảm thực vật phong phú đã khéo léo che đi các nếp gợn.

Maria dậy vào lúc 6 giờ như mọi sáng. Bà dọn ra nước cam, cà phê, ba lát bánh mì phết bơ. Bà trải khăn phủ bàn, đặt lên đó bát, thìa, mỗi thứ hai chiếc, rồi đặt tờ *Washington Post* gập đôi vào chỗ của bà Arlington. Bà nhìn tủ lạnh một lúc và bắt đầu nghĩ đến thực đơn cho ngày. Bà nhìn đồng hồ đeo tay: 6 giờ 15. Phải rồi, hạt tiểu hồi, cậu Oscar sẽ thích. Chỉ còn phải tìm ý tưởng để làm món cá. Bà khép cánh cửa sau lưng rồi, như mọi sáng, đi đến góc giao giữa Prospect Street và phố 38 để đợi chiếc xe tải chở hoa quả đi vào chợ. Đó là mẹo của bà, chiếc xe tải sẽ dừng một phút tại ngã tư để phục vụ bà. Bà là người đầu tiên được mua hoa quả… Đó là đặc quyền khi làm việc cho bà Arlington.

Ra khỏi nhà, bà thấy ngay chiếc Plymouth màu xanh lục đậu ở góc phố. Vậy là, bà nghĩ, cậu Oscar đã không để xe trong ga-ra… Bà ngẫm thấy như vậy không hợp lý, cậu Oscar thật sự là đứa con được nuông chiều quá mức. Một chiếc ô tô tuyệt đẹp như vậy, một chiếc xe mui trần, lại bị bỏ mặc ở đây, cửa mở toang, trong khu phố vắng vẻ ban đêm, tại thành phố có tỷ lệ phạm tội cao nhất nước Mỹ. Rốt cuộc, bà tiếp tục suy luận, vẫn sẵn sàng tha thứ, đúng thật là tối qua, cậu Oscar nhận huân chương…

Bà mỉm cười và tiếp tục bước đi. Bà giật nẩy mình khi bước qua chiếc xe: cậu Oscar!

Cậu ấy đang ngủ!

Cậu ấy đã ở trong xe suốt cả đêm như thế, mũi tì lên cửa xe! Dù sao thì thế này cũng không giống cậu ấy. Cẩu thả, phải, nhưng không kỳ quặc đến

mức này! Bà thoáng do dự. Bà có thói quen không can dự vào những chuyện không liên quan đến mình. Bà nên đi qua chiếc xe, ví dụ thế, nhưng không quay đầu lại nhìn, bà chẳng thấy gì cả. Một, hai tiếng nữa, cậu ấy sẽ dậy, đến ăn sáng và bà sẽ không hỏi một câu nào.

Bà cố ép mình ngoảnh đi khi bước qua chiếc Plymouth, nhưng sự tò mò quá mạnh, hoặc đó có thể là phản xạ của người quản gia đã chăm sóc Oscar, đứa trẻ to xác, từ rất lâu rồi. Bà liếc vội: Oscar đang ngủ trong một tư thế kỳ lạ. Người ngợm co rúm. Bà chỉ nhìn thấy phần tóc trên đầu Oscar, một nhúm tóc bị kẹt ở kính xe… Và…

Chúa ơi…

Máu!

Một vệt đỏ chảy từ phía trên tấm kính xuống khuôn mặt bị khuất của Oscar. Maria đứng bất động, chỉ có ánh mắt là hoạt động. Bà nhìn kỹ vết máu đã khô, bộ quân phục nhàu nhĩ, bao súng trống rỗng, khẩu súng ngắn rơi xuống sàn, dưới chân Oscar. Và một bức thư, thậm chí còn không được gấp lại, đặt chỏng chơ ở đó, rất dễ thấy, trên bảng đồng hồ ô tô, do Oscar viết tay, với nét chữ to, tròn, ngập ngừng. Nét chữ con gái.

Hơn ba mươi năm phục vụ Emilia Arlington, bà đã kiên nhẫn học cách kiểm soát sự tò mò. Nhưng cảm xúc sáng hôm đó quá mạnh. Từ hơn ba mươi năm nay, Oscar cũng gần như là con của bà. Cậu Oscar, đã chết, tự sát. Không, như thế không giống với cậu ấy lắm… Bà cần phải hiểu cho ra. Maria đọc lá thư mặc dù không muốn, bà biết rõ mình đang phạm phải một lỗi lầm nghiêm trọng. Những gì đọc được không làm bà thấy yên tâm:

> Tôi là tên hèn. Một chàng trai bằng tuổi tôi đã chết thay tôi trên một bờ biển ở Normandie. Lần đầu tiên trong cuộc đời mình, tôi quyết định sẽ chứng tỏ sự can đảm… Tôi quyết định chấm dứt cuộc sống dối trá này… Oscar Arlington.

Chỉ có vậy, bốn dòng chữ to trên đầu tờ giấy, như một di chúc viết vội.

Maria đặt tờ giấy vào chỗ cũ, rồi lập tức quay về biệt thự Arlington, như một cỗ máy được lập trình cẩn thận, để đánh thức bà Arlington. Maria đã thực hiện bổn phận của mình. Giờ, bà có thể khóc. Bà không kìm nén chuyện đó. 6 giờ 30, chiếc xe tải chở hoa quả đi qua góc phố, chờ một lúc, rồi đi tiếp vào chợ cùng với hạt tiểu hồi và những thứ khác.

Rất trang nghiêm, mặt trắng bệch nhưng không biểu lộ cảm xúc gì, bà Arlington cúi xuống chiếc Plymouth, nhặt tờ di chúc mà con trai bà viết, đọc nhanh, rồi bỏ vào túi.

— Có lẽ phải để nó lại, — Maria gợi ý. — Để cảnh sát…

— Gì cơ? — bà Arlington hỏi.

— Ừm, tờ giấy…

— Tờ giấy nào, Maria?

— Ừm vâng…

Maria nhanh chóng hiểu ra, nhưng bà Arlington nhấn mạnh hơn nữa.

— Chưa từng có tờ giấy nào, Maria ạ, chưa từng! Bà hiểu rõ ý tôi chứ?

12 LAN ĐI, BÍ MẬT ĐANG LAN ĐI

Maria đã hiểu rõ. Maria đã giữ lời. Bà không nói về tờ giấy, không bao giờ, với bất kỳ ai.

Tuy vậy, bà đã thuộc lòng nó, những dòng chữ sẽ mãi khắc sâu trong trí nhớ của bà. Chuyện về người đã chết ở Normandie, dẫu sao cũng là một câu chuyện kỳ lạ… Ngay cả khi không hiểu được hết, bà vẫn ngửi thấy mùi tai tiếng quanh chuyện này. Có rất nhiều người oán giận nhà Arlington.

Vậy nên, bà không bao giờ nói về chuyện đó. Chỉ trừ một lần, một hay hai tuần sau đó, vào một buổi tối, với chồng của bà, Jack.

Câu chuyện đã đi vào cuộc nói chuyện như vậy. Nhưng nói với chồng thì khác, đó không hẳn là tiết lộ điều bí mật. Tội lỗi đích thực, chính là không kể hết mọi chuyện cho chồng mình, không phải vậy sao? Maria tự trấn an mình khi nghĩ đến chuyện đó trong lúc dọn dẹp biệt thự nhà Arlington. Sau đó, dù sao Maria cũng đã bắt Jack hứa không bao giờ được kể lại, và Jack đã hứa. Chuyện này rất quan trọng, công việc của Maria đang ở trong tình thế bấp bênh, đây là nguồn thu nhập duy nhất của họ kể từ khi Jack không thể đi làm ở công trường được nữa vì đau lưng. Chưa kể tiếng tăm của bà

Arlington. Nếu những chuyện thế này mà lan ra…

Bà Arlington xưa nay vẫn luôn đối tốt với họ. Bà tìm cho họ một căn hộ, giúp đỡ họ khi Jack mổ lưng, viết thư cho ông chủ hãng Beverly Clothes để Jane, con gái họ, được tuyển vào làm bán hàng. Và, Maria tự trấn an để quên hẳn chuyện này, Jack, chồng bà, không phải dạng hay đưa chuyện.

Jack lại càng không bao giờ nhắc đến chuyện này. Ông đã thề với vợ mình. Rốt cuộc, chính xác hơn thì, ông chỉ nhắc đến một Lần duy nhất, lúc nửa đêm, giữa ván poker, với ba ông bạn, Jim, Pat và Jerry. Cả ba đều đã say whisky. Hiếm khi như vậy. Vả lại Jack chỉ chơi một hai lần một năm, nên Maria luôn tha thứ cho ông. Chắc chắn, không ai trong số cả ba bạn chơi bài của ông có khả năng tin, thậm chí là nhắc lại được những gì Jack vừa nói. Ông chỉ kể cho có chuyện. Hẳn những người kia tin rằng đó chỉ là chuyện bịp bợm, cũng như trò poker. Dẫu sao, họ cũng sẽ không rêu rao chuyện đó. Họ hiểu đó là loại tâm sự chỉ nên giữ trong lòng.

Jim, độc thân, không nhắc đến chuyện đó bao giờ, với bất kỳ ai. Ông ta là một người thô lỗ, vả lại ông ta thậm chí còn không biết bà Arlington là ai.

Suốt một thời gian dài, Pat cũng không có cơ hội để nói về chuyện đó, ông ta cũng không phải người nhiều chuyện, và ông ta chẳng bao giờ gặp ai khác ngoài vợ, hai đứa con gái, cha mẹ và ông bố vợ. Tuy nhiên, vài tháng sau, trong đám cưới một người em họ, ông ta thấy mình đứng bên phải một gã làm chính trị. Pat không hề mở miệng trong suốt bữa ăn đã bắt đầu từ nhiều giờ trước và vẫn không có vẻ muốn kết thúc. Ông ta cố cưỡng lại rất lâu, rồi sau năm giờ đồng hồ im lặng, ông ta hỏi:

— Ông có biết bà Arlington không?

Tất cả mọi người nhìn ông ta, như thể họ ngạc nhiên vì ông ta không hề bị câm. Những chuyện còn lại đến một cách tự nhiên. Pat kết luận, dựa theo phản ứng không mấy quan tâm của người ngồi cạnh, rằng hoặc người đó không tin ông ta, hoặc anh ta theo phe Cộng hòa, giống bà Arlington đó, và muốn giữ im lặng.

Ngay hôm sau ngày diễn ra ván poker, Jerry nói chuyện đó với vợ. Sáng hôm ấy vợ ông dậy sớm. Trong vòng một buổi sáng, bà lan truyền thành công tin nóng, “con trai nhà Arlington có những điều không được minh bạch trong lương tâm”, cho ba người bán hàng và năm bà bạn *tình cờ gặp.* Về nhà, sau khi đã lê la đủ trong khu phố và gặp tất cả các bà bạn hay gặp, bà gọi khoảng chục cú điện thoại và tám lần thành công trong việc đưa giai thoại này vào các cuộc trò chuyện. Những ngày tiếp theo, bà lại có những chuyện ngồi lê đôi mách khác để kể lể…

13 EMILIA ARLINGTON

5 THÁNG BẢY 1964, KHU SỨ QUÁN, WASHINGTON

Alice kiên nhẫn đợi trong phòng khách của bà Arlington. Maria đã ân cần đưa cô vào. Nụ cười của Maria, sự giản dị ở bà phá vỡ khung cảnh lạnh lùng trong nhà Arlington. Để đến được phòng khách, phải đi qua tiền sảnh rộng lớn giả cẩm thạch, đi lên rồi đi xuống những cầu thang vô dụng và nực cười màu trắng trơn tuột, chỉ có vài bậc dẫn từ hành lang tới vườn, rồi lại dẫn từ vườn ra hàng hiên. Nước chảy ra đây đó dọc theo hòn non bộ hoặc dọc những cái cây có phần ngoại lai. Tổng thể chỉ có màu trắng hoặc xanh lá cây, nhẵn, sạch và sáng. Ý tưởng là muốn giống kiểu cổ điển, nhưng không cũ mòn; cổ, nhưng vẫn thiết thực. Vẻ đạo đức giả trong kiến trúc khiến Alice thấy khó chịu, cũng giống như toàn bộ thành phố Washington này.

Tường phòng khách màu trắng và lớp nhung trên ghế bành màu xanh lá cây giống đám cây ngoại lai bên ngoài. Những công dân Mỹ khúm núm đến xin xỏ vị nữ thượng nghị sĩ giúp đỡ phải chịu đựng sự dò xét của cả một bộ sưu tập tranh treo trên tường, thể hiện hình ảnh rất nhiều vị anh hùng Mỹ

đội tóc giả và mặc quân phục, đứng hoặc ngồi trên lưng ngựa. Alice không rành lắm về mặt này. Cô nhận ra Washington, đương nhiên, có lẽ cả Adams, Jefferson… Trên tổng số hai mươi bức tranh, như thế không phải là nhiều.

Alice không có mấy tâm trạng giải đố. Đã gần một tháng nay cô tìm cách gặp Oscar Arlington. Ngày nào cô cũng gọi điện, nhiều lần mỗi ngày, tổng cộng hơn năm mươi cuộc. Nhưng không thể, Oscar Arlington không ra nghe, phải thông qua bà mẹ! Mỗi người đều nhận được các lệnh giống nhau, thư ký, tùy viên, Maria… Và cũng không hề dễ gặp được Emilia Arlington.

Alice đã tìm hiểu về nhà Arlington. Cái họ này gợi cho cô nghĩ ngay đến tên của nghĩa trang quốc gia. Rồi cô biết rằng đó là một trong những dòng họ lớn nhất bang Virginia, nơi mà từ một trăm năm mươi năm nay, họ đã làm giàu nhờ bông và chính trị, luân phiên nhau hoặc cùng lúc. Trong vòng một trăm năm mươi năm, dòng họ Arlington đã cống hiến bảy thượng nghị sĩ bang Virginia cho Quốc hội Mỹ…

Nhà Arlington không liên quan gì đến quận Arlington nổi tiếng, nằm ở Tây Nam Washington. Tuy nhiên, cần biết rằng họ của họ, vốn đã rất nổi tiếng, càng trở nên nổi tiếng hơn nữa khi năm 1868, tướng Montgomery quyết định biến ngọn đồi nhỏ Arlington thành nghĩa trang quốc gia. Trong tâm trí thường dân Mỹ, kể từ đó, rõ ràng Nghĩa trang Quốc gia Arlington và các thượng nghị sĩ Arlington có cùng gốc gác. Arlington không còn là tên một ngôi làng, mà là họ của một nhân vật lừng danh, có lẽ là bạn hữu thuở hàn vi của George Washington, và nhà Arlington, những người ngày nay đang làm chính trị, là hậu duệ trực tiếp của người đó.

Nếu bỏ qua sự nổi tiếng có được nếu không phải do chiếm đoạt thì ít nhất cũng không mót nhặt được từ chiến trường, thì Jonathan Arlington là tên tuổi lớn cuối cùng của dòng họ và chứng minh được sự độc đáo nhờ xây

dựng sự nghiệp trong quân đội. Tuy vậy, ông lại không may trở thành tướng ngay trước khi nước Mỹ tham gia Thế chiến I. Khi quay lại châu Âu, ông ho dữ dội. Ông trải qua phần đời còn lại tại nhà riêng, trong bộ áo choàng ngủ, nhổ khạc từ sáng đến tối. Những cơn ho khiến việc nói chuyện trở nên khó khăn, với ông cũng như với những người khác. Ông chịu đựng tình trạng đó không được bao lâu và sau cùng thì không ra khỏi phòng mình nữa. Ông thử sức vài tháng với việc viết lách, có vẻ ông không hào hứng cũng chẳng có tài năng. Rồi ông cho chở đến nhà mình nhiều thùng sách về lịch sử nước Mỹ và yên vị trong một chiếc ghế bành lớn bằng da. Ông chết tại đây sau đó ít lâu, thậm chí chưa đọc xong cuốn sách đầu tiên trong số ba trăm năm mươi tám tác phẩm đặt mua. Khí độc trong các chiến hào đã mất năm năm ba tháng để giết chết ông. Và chỉ nhờ có vậy, Jonathan Arlington trở thành anh hùng.

Người vợ, Emilia, treo chân dung ông trong phòng khách, giữa George Washington và Benjamin Franklin; các vị khách không quen biết ông hẳn sẽ phải vò đầu bứt tai để đoán xem ai có thể là nhân vật vinh quang của lịch sử nước Mỹ này. Quá trình suy sụp dai dẳng của người chồng đã trao lại toàn bộ quyền lực cho Emilia. Trước tiên, bà áp đặt sự chuyên chế lên ngôi nhà, rồi lên cơ ngơi của họ tại Tysons Center, bang Virginia. Cuối cùng, bà lao vào chính trị và thành công một cách đáng ngạc nhiên. Bà tranh thủ tên họ của chồng, thậm chí còn tạm thời chuyển đến sống ở quận mang tên Arlington trong thời gian tranh cử, nơi có vị trí lý tưởng, ở Virginia nhưng đối diện thẳng với Washington, trên hữu ngạn sông Potomac: không ai chống lại một nữ ứng cử viên có thể bỏ qua khâu dán áp phích… Họ Arlington được ghi khắp nơi, Cầu tưởng niệm Arlington, Nghĩa trang quốc gia Arlington, Đại lộ Arlington, Nhà tưởng niệm Arlington… Ngay cả khi vị nữ ứng cử viên hoàn toàn không phải chủ nhân của những nơi này, thì

các cử tri bình thường cũng vẫn bị ấn tượng.

Bà là người phụ nữ thứ ba của nước Mỹ được bầu vào Quốc hội, năm 1959. Con đường chính trị của bà thường được lấy làm gương, bà, người sinh ra chỉ là con gái út của một chủ tàu buôn Baltimore, với cái họ Ba Lan rất phức tạp, được lén lút Mỹ hóa. Một gia đình khá giàu có, nhưng không có tiếng tăm lẫn quá khứ. Kể từ đó, bà là bà Emilia Arlington. Bà nhanh chóng chuyển đến gần như vĩnh viễn tại Washington, chỉ quay lại cơ ngơi Virginia ở Tysons Center hai tháng một lần, vào ngày Chủ nhật đầu tiên của các tháng lẻ.

Vì tất cả những lý do đó, bà Arlington là người phụ nữ bận rộn rất khó gặp. Đường dây điện thoại của bà tắc nghẽn những cuộc gọi từ báo chí, từ đồng nghiệp trong Quốc hội, từ công chức của các cơ quan khác nhau, từ đám công dân tìm kiếm sự giúp đỡ, đủ loại kẻ quấy rầy… Alice gọi đến vì một sự việc hết sức nghiêm trọng, không, thưa bà, cô không muốn nói qua điện thoại, cô đã rất vất vả mới khiến bà chịu nghe đến mình. Alice không muốn tiết lộ chút nào về quá trình tìm kiếm của cô, không muốn cho nhà Arlington thời gian chuẩn bị phòng vệ. Các thư ký không muốn làm phiền bà Arlington vì cuộc gọi nghe giống như một trò đùa cợt này.

“Xin hãy nói rõ hơn, thưa cô. Bà Arlington có lịch làm việc rất bận rộn…” Alice viết cả thư, rất nhiều lần, vẫn giữ nội dung mập mờ, chỉ nhấn mạnh rằng cô cần một cuộc hẹn. Rốt cuộc, có lẽ các thư ký thấy họ sẽ mất nhiều thời gian để chuyển điện thoại của cô đi loanh quanh ba lần một ngày hơn là tìm cho cô mười lăm phút trống trong lịch làm việc của bà Arlington.

Mười lăm ngày trước, cuối cùng Alice cũng có được ngày hẹn với nhà Arlington. Sáu ngày trước, cô đọc trên báo thấy tin báo tử của Oscar Arlington, được tìm thấy đã chết trong xe của mình vào lúc sáng sớm.

Tự sát, cảnh sát kết luận, do không có chứng cứ nào khác. Hắn đã tự sát

bằng khẩu súng ngắn quân đội, trong khoảng từ 3 đến 4 giờ sáng. Có dấu vân tay của hắn trên súng, nhưng không hề có nhân chứng hay di thư nào để giải thích hành động đó. Người ta chỉ biết ngày hôm trước hắn đã gây ra một vụ lộn xộn ngay trong buổi lễ kỷ niệm hai mươi năm cuộc đổ bộ. Hắn đã uống quá chén, có vẻ vậy. Người ta cũng tiết lộ trên báo rằng Oscar Arlington chịu đựng từ sau cuộc chiến tranh căn bệnh trầm cảm kéo dài và chưa bao giờ hoàn toàn hồi phục. Có một số lời chứng từ bạn bè và những nhân vật ít nhiều gần gũi, những gợi nhắc về lịch sử đáng ca ngợi của dòng họ Arlington và món nợ mà quốc gia nợ họ (người ta lưu ý rằng chính Oscar Arlington đã được trao huân chương, vài giờ trước khi thực hiện hành động bi thảm đó), và cuối cùng là những chương xúc động về nghị lực mẫu mực của Emilia Arlington, người phải gánh chịu hậu quả tàn khốc của hai cuộc chiến tranh thế giới vừa qua, hết chồng rồi đến con trai…

Số phận bi thảm!

Tuy vậy, các báo không hề ghi lại bất kỳ tuyên bố nào từ phía gia đình.

Cái chết của Oscar Arlington không hề làm suy suyển quyết tâm của Alice. Hắn ta chỉ đơn giản là chết mà thôi! Oscar vẫn là một anh hùng. Hắn đã được trao huân chương, ngay hôm trước khi chết. Trên mọi tờ báo, hắn được giới thiệu như một cựu binh trong Thế chiến II, một chiến binh không thể bị lãng quên. Còn Lucky, anh chưa từng được quân đội vinh danh, kể cả danh hiệu truy tặng cũng không. Không, báo chí phải nói về Oscar Arlington như một tên hèn, một tên sát nhân. Và nói về Lucky như một anh hùng.

Dòng họ Arlington phải trả món nợ của họ.

Cánh cửa mở ra.

Một cặp vợ chồng ăn mặc xúng xính đến thăm bà Arlington để xin xỏ thứ gì đó quan trọng rụt rè đi ra. Alice bước vào.

Bà Arlington không đẹp. Bà có khuôn mặt vuông, cái cổ nặng nề, đôi vai rộng, đó là tất cả những gì Alice thấy ở bà thượng nghị sĩ đang ngồi bất động sau bàn làm việc. Ở nửa thân trên đồ sộ, đôi mắt bà trông lạc lõng, đôi mắt sắc sảo và long lanh có lẽ sẽ là nét quyến rũ trên mọi khuôn mặt khác. Nhưng trên khuôn mặt và thân hình hà khắc kia, chúng giống như những con vật nhỏ xảo trá, những tên gián điệp lén lút và láu cá, rình mò phục vụ cho một bộ não thông minh, lạnh lùng và rành mạch. Dường như không gì để lộ bản chất con người bà Arlington, không một cái nhăn mặt, không một chút run rẩy. Đôi tay bà được đặt một cách khéo léo, ngoan ngoãn. Dường như toàn bộ cơ thể bà được kiểm soát hoàn hảo.

Alice đã tìm hiểu trước. Bà Arlington là người phụ nữ được trời phú cho một khí chất đặc biệt. Kỳ tích đầu tiên, thứ khiến bà trở nên sớm nổi tiếng và tên tuổi được biết đến rộng rãi với những người nông dân, đó là mùa hè năm 1953, bà đã tự mình giới hạn được mức tín dụng cấp cho kế hoạch Marshall tại châu Âu để rót quỹ sang những các chủ trang trại tại miền Nam nước Mỹ bị ảnh hưởng bởi hạn hán.

Ánh mắt Alice dừng lại trước dấu hiệu duy nhất của nhân tính trong căn phòng khô khan, một loạt ảnh đen trắng được ghim bằng đinh lộn xộn trên một khung ảnh nhỏ bằng gỗ đặt trên bàn làm việc.

Emilia Arlington xẵng giọng cất lời.

— Như đã nói với cô, thưa cô, các thư ký của tôi tuyệt đối không hiểu gì về câu chuyện của cô. Đó là một vụ việc bí mật… liên quan đến con trai tôi? Cô sẽ hiểu, giờ không thực sự phải lúc.

Giọng bà không run lấy một lần.

Bà ta biết chăng? Alice tự hỏi.

Bà ta biết, hay bà ta đang đóng kịch! Dù thế nào, cũng không quan trọng. Bất chấp bà Arlington có quả quyết ra sao, Alice ít nhất cũng cảm thấy mình mạnh ngang bà. Và cô, Alice, không có gì để mất.

Alice, cũng bình tĩnh và lạnh lùng, kể lại chi tiết câu chuyện mà các cựu binh biệt kích đã kể. Cô kết luận đơn giản bằng việc nói rõ rằng chỉ một tháng trước, cô hoàn toàn không biết gì, điều này giải thích sự im lặng của cô suốt hai mươi năm qua, nhưng không thể nghi ngờ những chuyện đó, bởi có hơn hai mươi nhân chứng đã chứng thực.

Emilia Arlington không hề dao động. Cặp mắt nhỏ láo liên của bà giờ nhìn chòng chọc vào Alice, và dù không muốn, cô đành cụp mắt xuống. Cô tranh thủ lúc này nhìn kỹ hơn mấy bức ảnh treo lộn xộn. Trong ảnh là một đứa bé béo tốt, chắc là Oscar, và một quân nhân tai vểnh, có lẽ là Jonathan, trước khi ông bị ốm. Alice tìm kiếm bà Arlington trên các bức ảnh nhưng không thấy.

— Vậy giờ, chính xác là cô muốn gì? – bà Arlington hỏi.

— Trước tiên, hãy công khai sự thật, – Alice trả lời không hề bối rối. – Rồi thu hồi một triệu rưỡi đô-la. Bà hãy hiểu rằng tiền không phải điều quan trọng. Điều quan trọng là giao kèo được lập vào tháng Sáu năm 44 phải được tôn trọng. Để tưởng nhớ Lucky Marry.

— Hiểu rồi, thưa cô, – Emilia Arlington vừa nói vừa mỉm cười trơ trẽn. – Tiền, không phải thứ quan trọng nhất. Tiền chỉ là thứ yếu… 1,44 triệu đô-la, là gì chứ? Hiểu rồi, cô làm tất cả những chuyện này vì danh dự. Danh dự nhờ tai tiếng! Tôi sẽ cố gắng giữ bình tĩnh, thưa cô, nhưng tôi hy vọng cô ý thức được sự nhục nhã trong điều cô làm. Cô làm vấy bẩn ký ức về con trai tôi chưa đầy một tuần sau cái chết của nó!

— Tôi rất tiếc về chuyện đó, nhưng cuộc hẹn này đã được đặt từ mười lăm ngày trước…

Đôi mắt Alice sau khi phóng ra những tia nhìn nhọn như dao găm đã rơi xuống trở lại những bức ảnh. Cô nhìn một bức ảnh chụp Oscar lúc bé, trong vòng tay một vị tướng mà Alice nhận ra: Eisenhower! Và bên cạnh họ, đang cười rất tươi, là *Jonathan Tai vểnh,* ông cũng mặc quân phục. Vẫn không có Emilia Arlington trong các bức ảnh.

— Thật hèn hạ! – bà thượng nghị sĩ nói tiếp. – Cô kể một câu chuyện bịa đặt, cô cáo buộc mọi sự đồi bại này cho con trai tôi trong khi nó không thể tự bênh vực mình được nữa. Tôi cứ tưởng lũ kền kền sẽ chờ đợi lâu hơn trước khi sà vào đống xác.

— Tôi yêu cầu cuộc hẹn này từ một tháng nay, các thư ký của bà sẽ xác nhận. Vả lại, bà cũng biết rõ chuyện đó mà.

— Nãy cô đã nói rồi. Đi ra, ngay bây giờ, thưa cô, chắc cô phải biết, nếu cô có tìm hiểu ở mức tối thiểu về tôi, rằng tôi không phải loại phụ nữ chịu nhượng bộ trước một lời đe dọa tống tiền, và nhất là lời đe dọa tống tiền dựa trên câu chuyện lố bịch như vậy. Cô điên rồi, hoặc bị ngớ ngẩn, tôi không biết, nhưng mong rằng tôi sẽ không bao giờ gặp lại cô nữa.

Bà Arlington có vẻ thực sự tức tối, căm phẫn. Tuy vậy, Alice thầm cảm thấy tất cả những chuyện này chỉ là một màn kịch. Có thứ gì đó khập khiễng. Thái độ quá đỗi hung hăng khi bảo vệ danh dự cho con trai, có lẽ thế. Một người mẹ hiểu rõ con trai mình. Vậy nên bà hẳn phải hiểu hắn không phải một thiên thần, hắn chỉ là tên nhát gan hoàn toàn có thể yêu quý mạng sống mình hơn danh dự bản thân và gia đình. Nếu tuyệt đối không biết gì về vụ việc, thì dù sao bà cũng phải thấy chút nghi ngờ, dù sao bà cũng sẽ bị chấn động, sẽ tiếp nhận câu chuyện của Alice như một cú điện giật, một cái chết

thứ hai của đứa con trai. Không, bà Arlington biết câu chuyện của Alice là thật. Và có lẽ bà biết về nó trước cả khi Alice can dự.

— Đây không phải tống tiền, thưa bà, – Alice nói tiếp. – Hoàn toàn ngược lại, và bà hiểu rõ điều đó! Đây là một giao kèo cần được tôn trọng!

— Giao kèo ư? Xin cô, hãy cho tôi xem nó…

Alice biết mình đã bất cẩn. Tuy vậy, cô vẫn đáp:

— Tôi có cả một trung đoàn lính biệt kích sẵn sàng làm chứng.

— Vậy là không có giao kèo? Cô tự mâu thuẫn rồi đấy, cô Queen ạ. Đáng nhẽ cô nên chuẩn bị những lời dối trá kỹ càng hơn!

Alice lên giọng, lần đầu tiên:

— Dừng màn kịch này lại đi! Bà coi tất cả những người lính thoát chết của đội biệt kích ở Mũi Guillaume là những kẻ dối trá sao?

— Họ thì biết gì, những tên cựu binh đó? Họ nhớ được gì, sau hai mươi năm? Những tin đồn, những chuyện ngồi lê đôi mách, bao giờ mấy chuyện đó chẳng đeo bám các nhân vật được chú ý. Bao giờ đám người ghen ghét, đố kỵ chẳng rêu rao lan truyền mấy tin như thế… Về từng người trong số chúng tôi. Đó là số phận của những gia đình có thế lực. Một giao kèo bí ẩn ư? Những nhân chứng bí ẩn đã chết hoặc mất tích ư? Cô chẳng có bất cứ bằng chứng gì, một mẩu bằng chứng nhỏ nhất cũng không!

Emilia Arlington cũng lên giọng, lần đầu tiên:

— Hãy cút đi và để tôi để tang con tôi!

Mặc kệ, Alice nghĩ, chính bà ta mới là người muốn gây chiến. Cô quyết định tung ra một trong những lý lẽ đã luẩn quẩn trong đầu từ lúc đầu, một lý lẽ nặng như búa bổ, không cao quý lắm, mà cô muốn thà không dùng thì hơn, nhưng nó chắc chắn sẽ làm lung lay người phụ nữ cứng đầu này.

— Bà Arlington, – Alice nhẹ nhàng hỏi, – vì sao bà nghĩ con trai bà tự sát? Ngay lúc tôi có được cuộc hẹn với bà? Anh ta sợ phải đối diện sự thật, thưa bà. Con trai bà là một tên nhát gan, bà biết rõ điều đó! Anh ta đã dành cả cuộc đời để chạy trốn. Cuộc chạy trốn cuối cùng vào cái chết sẽ không cứu được anh ta. Không, Lucky Marry sẽ không chết uổng phí!

Bà Arlington vẫn nhất mực không lay chuyển, như thể bà đã lường trước đòn tấn công của Alice. Cách bà phản công thậm chí còn dữ dội đến bất ngờ. Alice mới là người bị chao đảo.

— Đúng vậy, thưa cô, rằng rõ ràng việc con trai tôi chết trước khi cô đến đây trình diễn tiết mục của mình rất thuận lợi cho cô. Thậm chí đó còn là điều không thể thiếu đối với trò tống tiền của cô. Thưa cô, tôi có niềm tin sâu kín rằng con trai tôi không tự sát. Nhưng cho đến hôm nay, tôi không thấy ai có thể có lợi ích khi giết nó. Cho tới khi cô ghé thăm, thì tôi đã biết!

Tình thế đảo ngược khiến Alice chết lặng một lúc. Emilia Arlington vừa thẳng thừng buộc tội cô gây ra vụ giết người. Alice càng bối rối hơn khi cô có cảm giác lạ lùng rằng lần này Emilia Arlington đã thành thật, rằng đòn trả miếng này không phải là một thủ đoạn, một bằng chứng mới cho niềm tin sai lầm của bà. Bà Arlington thực sự nghĩ con trai mình bị giết!

Ánh mắt Alice trốn về phía chiếc khung ảnh nhỏ. Không, chắc chắn bà thượng nghị sĩ không có mặt trong bất kỳ bức ảnh nào. Quá xấu, Alice buộc phải suy nghĩ ác ý như vậy, quá xấu ngay cả khi ở tuổi hai mươi. Bà hẳn phải thấy kinh tởm với hình ảnh của chính mình.

Vậy là Alice buộc mình phải tiếp tục cuộc tranh cãi. Giờ cô mong rút ngắn nó:

— Bà Arlington, nếu bà không tôn trọng giao kèo này, tôi sẽ đệ đơn kiện! Bà sẽ không thoát khỏi tai tiếng đâu.

— Kiện à? Nhưng bằng chứng là gì? Cô sẽ khoác lên mình toàn chuyện nực cười. Có và sẽ luôn chỉ có một sự thật: con trai tôi là một anh hùng chiến tranh. Nó đã chết sau khi được trao huân chương. Đó là sự thật duy nhất bây giờ và mãi mãi. Tên tuổi dòng họ Arlington sẽ không bị vấy bẩn. Tôi khuyên cô không nên kéo con trai tôi xuống bùn, nhất là vào lúc này. Tôi nghĩ mình có thế lực mạnh hơn cô rất nhiều đấy, thưa cô.

— Những bức thư của các cựu binh biệt kích, lời chứng của những người trung lập trong chuyện này sẽ không làm bà thay đổi ý kiến, tôi đoán vậy?

— Tuyệt nhiên không, tôi đã nói với cô những gì tôi nghĩ về mấy chuyện ngồi lê đôi mách.

— Vậy ta sẽ gặp lại nhau tại phiên tòa! Tôi không biết bà có thành thật không, bà đã biết toàn bộ chuyện này hay là tôi nói bà mới biết. Nhưng bà nên nhớ rằng tôi chỉ còn một mục tiêu duy nhất trong đời: khiến món nợ này phải được trả.

— Về phần tôi, thưa cô, cô nên nhớ rằng tôi còn không đặt vấn đề đó cho mình. Cô không thành thật! Cô là kẻ dối trá ghê tởm, kẻ thủ đoạn với mục đích duy nhất là tiền. Tôi đã có chút kinh nghiệm với việc nhìn người rồi, tin tôi đi. Cách làm của cô hạ nhục cả ký ức về cái cậu Lucky mà cô định bảo vệ danh dự đó. Tôi cũng vậy, từ giờ tôi chỉ có duy nhất một mục đích, khóc không phải là đặc quyền của cô đâu, thưa cô. Chồng tôi đã chết. Con trai tôi cũng vậy. Mục đích của tôi, là giữ cho căn nhà này trong sạch. Căn nhà này và tên tuổi mà họ đã giao phó cho tôi!

Bà nhấn vào chiếc điện thoại nội bộ nhỏ trên bàn làm việc và Maria bước vào. Bà nhẹ nhàng hộ tống Alice ra khỏi phòng làm việc, và đóng cánh cửa sau lưng cô.

— Đồ rắn độc, – bà Arlington khẽ càu nhàu ngay khi cánh cửa khép lại. Con rắn độc nhãi nhép… – Maria, – bà nói, lần này là nói to. – Bà xếp lịch hẹn cho tôi được không, chiều nay?

— Đương nhiên rồi. Bà hẹn với ai?

Bà Arlington lấy ra một tấm thẻ nhỏ từ ngăn bàn làm việc rồi đưa cho Maria.

Maria đọc: *Ted Silva, cắt tóc nam nữ, 1351 Farraguth North.*

Tò mò, bà hỏi để xác nhận:

— Chiều nay ư? Ted Silva, cắt tóc…?

Bà Arlington, khó chịu, cằn nhằn hơn là trả lời:

— Maria, dù sao bà cũng biết đọc mà?

Maria biết đọc… Nhưng đã hơn bốn mươi năm nay bà Arlington không bước chân đến hiệu cắt tóc.

Bà ghê sợ nơi đó.

14 DẤU BỘ TỨ

5 THÁNG Bảy 1964, VĂN PHÒNG THÁM TỬ Nick Hornett, 115, PHỐ 11

Nick Hornett trở thành thám tử tư như một sự thách thức. Suốt tuổi trẻ của anh, cha mẹ anh đã dập tắt mọi cuồng nhiệt và chơi bời nơi anh để anh chỉ chuyên tâm học hành nghiêm túc, để anh thi đỗ các loại bằng cấp, để anh thành công hơn họ, những công nhân vô danh tại Bisenstein, một nhà máy hóa học ở ngoại ô Washington. Vì muốn tốt cho anh, họ chọn ngành học tai ác nhất: cử nhân luật. Ngay khi có bằng giắt túi, Nick tìm công việc thú vị nhất mà người ta có thể làm sau khi học xong ngành học chán ngắt như thế: anh trở thành thám tử tư và vì vụ này anh thật sự bất hòa với cha mẹ, họ nguyền rủa đứa con trai vô ơn mà vì nó họ đã hy sinh tất cả.

Có vẻ thời gian đã trừng phạt anh! Anh mấp mé bước sang tuổi bốn mươi và vẫn sống độc thân, từ rất sớm, tóc anh đã bạc kỳ lạ, và anh phải tăng cường đi bộ mỗi sáng để ngăn cơ thể phát tướng. Nick chịu đựng khá tốt sự cô đơn. Anh đã sống bảy năm với một người phụ nữ anh không thực sự yêu, nhưng không đủ ghét để rời xa cô ta. Kỳ diệu thay, họ không có con nên không trói buộc được nhau mãi mãi. Kỳ diệu hơn nữa, người phụ nữ

kia đem lòng yêu bạn thân nhất của anh, và họ dám thú nhận điều đó với anh trong hổ thẹn mà không biết mình đã giúp Nick nhiều thế nào. Giờ đây, khi đã hiểu những gò bó của cuộc sống vợ chồng, anh nhấm nháp nỗi cô đơn một cách ngon lành.

Mái tóc bạc, Nick thích gọi là tóc hoa râm hơn, không phải điều gì đó thiệt thòi, mà còn mang lại cho anh vẻ ngoài trưởng thành tự nhiên, một sự đảm bảo về thái độ nghiêm túc, và có thể nói, một đẳng cấp nhất định, điều rất hữu ích trong công việc, và trong đời sống tình cảm, khi anh có hứng.

Khi Nick Hornett nghe tiếng chuông cửa, báo hiệu có người đang đi lên cầu thang và sẽ vào văn phòng của mình, anh lập tức lấy tư thế thản nhiên mà anh thấy rất hợp với một thám tử tư. Chân bắt tréo trên bàn làm việc, ghế có bánh lùi lại hết cỡ, mông đặt thăng bằng trên mép ghế. Điếu thuốc trong tay. *Một gã chất chơi,* Nick nghĩ, *tư thế của một gã chất chơi không chờ đợi ai, không làm toáng lên vì có thêm hay bớt đi một cuộc viếng thăm. Hoàn toàn đối lập với một gã không gặp bất cứ khách hàng nào từ một tháng nay và đang sốt ruột chờ đợi họ. Hoàn toàn đối lập với mày!*

Alice bước vào.

Ôi chết tiệt, Nick nghĩ. Trong một thoáng, anh cảm thấy chuyển động vì bất ngờ đó đã phá vỡ tư thế cân bằng yếu ớt của anh và chiếc ghế gắn bánh xe có xu hướng rời xa bàn làm việc một cách nguy hiểm, mông anh bắt đầu tìm kiếm thứ gì đó để tựa lên mà vô ích. Chỉ nhờ sức chịu đựng không ngờ của mắt cá chân mà anh tránh được thảm họa, hay nói cách khác là nỗi xấu hổ khi đón tiếp nữ khách hàng xinh đẹp vừa bước vào trong tư thế chân giơ lên cao còn mông tiếp đất.

Vì, lạy Chúa, cô ấy xinh đẹp làm sao… Đó là điều thu gọn trong câu *Ôi chết tiệt* mà Nick nghĩ.

Không phải ngày nào cũng có khách hàng bước vào căn phòng mày… Nhưng những cô gái như cô ấy… Thường thì khách hàng đến đây toàn là những gã nhỏ thó, đầu hói và bụng phệ… Họ đến đây để điều tra một vụ dan díu, họ chìa ra ảnh vợ mình, mụ đàn bà lẳng lơ đã lừa dối họ, họ chắc chắn như vậy. Mụ đàn bà lẳng lơ ấy thường xấu đến mức ai cũng phải bỏ chạy, tuy vậy các bức ảnh đã được chỉnh sửa, bà khách hàng đã phải chọn trong số mười lăm cuốn album bức ảnh trông ổn nhất. Nói ngắn gọn, người đàn bà được nói đến vừa già vừa xấu, đến mức phải tự hỏi làm sao bà ta lại tìm được một ông chồng. Tìm được tình nhân thì lại càng kỳ diệu, như thể một người trúng xổ số đến hai lần… Nhưng được rồi, người đàn ông tin chắc bà ta có tình nhân, điều đó hẳn khiến ông ta yên tâm, khiến ông ta tin rằng vợ mình vẫn còn quyến rũ. Vậy là mày theo dõi người phụ nữ được cho là đang ngoại tình, mày không nghĩ gì cả, mày tồn tại và hờ hững bước qua những cô gái xinh đẹp nhất trên vỉa hè, ánh mắt mày chỉ dán chặt vào bà già nhăn nheo trước mặt. Mày còn chụp ảnh bà ta. Bằng ống kính tiêu cự dài, chụp cận cảnh, vừa chụp vừa nguyền rủa những gã săn ảnh trên các hòn đảo, được nấp sau cây dừa lén ngắm phóng to những cô người mẫu hàng đầu tắm trần trên đại dương xanh ngắt.

Ấy vậy mà một mỹ nhân vừa bước vào căn phòng mày… Không thể nào, cô ấy nhầm cửa hàng rồi, cô ấy sẽ hỏi mày có phải ở đây cho thuê xe Jaguar hay tỉa lông chó poodle không, cô ấy sẽ mỉm cười thật tươi với mày rồi biến mất.

Nick nghĩ nhanh, anh không bao giờ ngừng nghĩ, rất nhanh, quá nhanh. Nick cho đó là lợi thế lớn trong công việc của mình, ngay cả khi bài thể dục não bộ ấy khiến anh rất nhanh bị đau đầu. Anh cố ngừng suy nghĩ trước khi cơn đau nửa đầu xảy ra, bằng lòng với việc chỉ tận hưởng cảnh tượng trước mắt!

Alice mặc váy ngắn kẻ ca-rô và anh nhìn thấy đôi chân cô.

Lạy Chúa, sao mà con yêu đôi chân phụ nữ đến thế… Nhất là đôi chân này.

Nick ngước mắt lên nhìn Alice. Cô mặc áo len màu xanh lá cây rộng thùng thình.

Với những phụ nữ để hở vai, mình yêu cả bộ ngực. Thực ra, mình yêu những gì phụ nữ chỉ trưng ra một nửa. Người đẹp xa lạ, trong lúc chờ đợi được ngắm phần còn lại, tôi quyết định sẽ yêu đôi chân cô!

Mặc dù Nick suy nghĩ rất nhanh, nhưng Alice đã bắt đầu mất kiên nhẫn. Tuy nhiên, Nick chẳng hề có ý định lịch sự và mời cô ngồi. Đôi chân như thế này không phải để giấu sau bàn làm việc! Tuy vậy, Nick vẫn nghe thấy chính mình đang nói:

— Xin thứ lỗi, thưa cô, tôi mải nghĩ đến chuyện khác… Mời cô ngồi.

Alice ngồi.

Sao mày lại nói vậy, thằng ngu? Mày đâu có tệ đến thế trong việc đóng vai một thằng cha thô lỗ hư hỏng. Nào, giờ hãy cầu nguyện đi, cầu nguyện để cô ấy không đến vì gã chồng, kẻ lừa dối cô ấy nhưng cô ấy vẫn yêu… Cô ấy không muốn chia tay. Để tránh tai tiếng… Vì mấy đứa con!

Alice bắt đầu kể toàn bộ câu chuyện lần thứ hai trong ngày.

Tôi biết mà, với đôi mắt buồn thế kia (và đôi chân thế kia), cô không ở đây vì một chuyện ngoại tình bẩn thỉu. Ồ không, cô ở tầm cao hơn những chuyện như thế. Nỗi buồn này, ý định này, phẩm hạnh này, không phải là của một nữ khách hàng vừa bước vào, Nick nhỏ bé ạ, mà là của một nữ anh hùng trong tiểu thuyết! Vậy nên, đừng mất tập trung, Nick, hãy lắng nghe những gì cô ấy nói với mày…

Alice đang nói đến giao kèo.

Bốn bản giao kèo… Dấu bộ tứ… Cứ như trong một tác phẩm của Conan Doyle. Một bí mật, một giao kèo, bốn bản… Lạy Chúa, vụ này cũng đẹp gần bằng người phụ nữ kia! Bí ẩn và quyến rũ… Nào, Nick, mỉm cười đi, cố giữ vẻ thông minh, tỏ vẻ thông thạo, lắc đầu, duỗi cơ, xoay cổ để trưng ra phần thái dương có tóc điểm bạc tạo nên toàn bộ nét quyến rũ của mày: làm những gì mày muốn nhưng để cô ấy không bỏ đi, lạy Chúa!

Alice bắt đầu nói về bà Arlington.

Quý bà trong Quốc hội, đó là điều cô ấy nói, một nữ thượng nghị sĩ của bang Virginia ư? Cô ấy nói điều đó như thể mình phải biết bà ta. Dù sao mình vẫn ra vẻ quen biết bà ta, nhưng không muốn cắt lời cô ấy. Bạn đùa chắc, cứ như thể tôi quen biết bất cứ đại biểu Quốc hội nào không bằng. Tôi ấy à, về chính trị, ngoài tổng thống ra thì… Dòng họ Arlington, cô ấy đã nói thế phải không? Về họ Arlington, mình chỉ biết mỗi Tom Scott-Arlington, cái gã đã chơi nửa mùa cho đội bóng Cougars của San Diego, năm 56. Một tên thô bạo trong một câu lạc bộ hạng hai, nhưng là người mang họ Arlington duy nhất mình biết.

— Đấy, – Alice kết luận kèm nụ cười đầy sức công phá. – Anh nghĩ thế đã đủ để thắng kiện chưa?

Nick đang nghĩ về chuyện khác.

Nếu tóm tắt lại, gã trai duy nhất mà sinh vật trong mơ này có trong đời, là một tên đã chết cách đây hơn hai mươi năm. Thật không thể tin được, Nick! Là lũ bạn đã hùn tiền và gửi đến cho mày cô người mẫu này để giúp mày bước tiếp. Trong nỗi nghi ngờ, Nick, tiến lên, lao vào, chơi lớn nào, đây là cơ hội cho cuộc đời mày!

— Chúng ta sẽ thắng, thưa cô, – Nick hào hứng tuyên bố, – chúng ta sẽ

thắng, trong vụ kiện này. Với từng đó nhân chứng, chuyện sẽ dễ như bỡn, mọi thứ sẽ được giải quyết trong ngày một ngày hai.

Sao mày lại nói thế, thằng ngu! Phải nói điều ngược lại, rằng chuyện đó sẽ kéo dài nhiều năm, rằng cô ấy sẽ phải cộng tác lâu dài, phải thức hàng chục đêm cùng mày.

— Tôi trông cậy vào anh, – Alice nói tiếp, – bởi tôi không rõ lắm phải bắt đầu từ đâu…

Nào, đến lúc rồi, tiếp tục bằng sự thông thái đi, chứng tỏ cho cô ấy xem người chuyên nghiệp là thế nào đi.

Nick ngồi thẳng dậy trên chiếc ghế bành:

— Mọi chuyện không phức tạp lắm, cô biết đấy, vấn đề quan trọng nhất là phương pháp. Trước tiên, cần thu thập chứng cứ. Tất cả, kể cả khi chuyện đó không dễ dàng. Lý tưởng nhất là có lời chứng của các sĩ quan. Nhưng hoàn toàn không chắc chắn là có những sĩ quan biết chuyện. Thêm nữa, phải tìm ra nhân thân của người này, Thẩm Du… Chuyện đó có lẽ không quá khó. Một khi có tên anh ta, ta sẽ tìm được anh ta, anh ta sẽ cho chúng ta tờ giao kèo, và vụ việc thế là xong. Ta thậm chí có thể tránh được vụ kiện! Manh mối cuối cùng, ít chắc chắn nhất, nhưng không nên coi thường chi tiết nào: Alan. Cần đăng tin vặt khắp cả nước. Anh ta được ghi nhận là mất tích, nhưng có thể anh ta chưa chết. Vả lại, dẫu anh ta chết vào năm 44, đó vẫn là giả thiết khả dĩ nhất, thì một ai đó, một thành viên trong gia đình, có lẽ đã thu nhận đồ đạc của anh ta. Thoạt đầu, anh Alan này sở hữu bản giao kèo của mình, rồi thêm bản của Lucky! Vậy là ta có ba hướng điều tra. Trong khi có những vụ không có lấy một manh mối để bắt đầu, thì ở đây mọi chuyện lại như thể bà Arlington trứ danh kia đã ký sẵn séc cho cô!

Vậy đấy, ổn rồi! Nếu sau đây cô ấy đến bấm chuông một tên đồng

nghiệp thám tử khác, mình sẽ tình nguyện đến Việt Nam!

— Giá mà vậy, – Alice nói.

Giá mà gì cơ? À phải rồi, tấm séc… Nhưng sao cô ấy lại nói giá như?

— Bởi vì, lúc này, – Alice nói tiếp, – tôi không thực sự đủ khả năng tài chính để thuê thám tử tư, nhất là với danh tiếng của anh.

Cô ấy đang hài hước hay nói thật vậy? Trả tiền cho tôi theo danh tiếng của tôi? Đây là đòn khéo để bịp tôi à?

— Nhưng tất nhiên, – Alice nói tiếp với nụ cười mê hoặc, – nếu tôi thắng kiện, với khoản tiền một triệu rưỡi đô-la, anh cứ lấy bao nhiêu tùy thích.

Không hề ngốc chút nào… Tham gia có chia lãi… 1,44 triệu đô-la… Ngay cả với 1% khoản đó, mình cũng sẽ làm việc suốt ngày đêm và bắt cả gia đình, đến tận mấy thằng em họ ở Arkansas, cùng làm.

— 1,44 triệu, là một khoản rất lớn, – Nick nói.

Câu này thật vô nghĩa. Đừng quên, thằng ngốc, rằng trước mặt mày là một nữ anh hùng trong tiểu thuyết, không phải bà bán thảm.

— Xin đừng nghĩ tôi làm chuyện này vì tiền, anh Hornett. Tôi không quan tâm hàng triệu đô-la đó.

Vậy đấy, giữ mồm giữ miệng lại nào.

— Hàng triệu đô-la đó, tôi sẽ không động đến. Tôi làm chuyện này chỉ để tưởng nhớ Lucky. Anh ấy đã chết vì giao kèo kia. Vậy nên, tôn trọng giao kèo, là hành động để anh ấy không chết vô ích. Anh hiểu không? Hai mươi năm sau, có thể hơi ngu ngốc khi đào xới tất cả lên như vậy, nhưng đó là cách tôi mang lại ý nghĩa cho cuộc đời mình. Và nhất là cho cuộc đời Lucky. Để dứt khoát xóa hết tất cả. Để phấn lại thành vách đá…

Gì cơ?

— Gì cơ?

— Ồ, xin lỗi, – Alice ấp úng. – Tôi buột miệng. Đó là câu trích từ một bài thơ, một bài thơ Pháp. Tôi quên nói với anh là tôi dạy tiếng Pháp. Jacques Prévert, có lẽ anh biết?

Cô biết đấy, người đẹp, tôi, ngoài bóng chày ra… Tên các nhà văn Pháp, số tên tôi biết gần ngang với số tên các họa sĩ được vẽ hình trên chum Pakistan.

— Không, rất tiếc…

— Bài thơ được viết trong chiến tranh. Dẫu sao, cũng không thể dịch nó sang tiếng Mỹ.

Alice của tôi… Cô là viên kim cương bên trong tinh khiết, còn bên ngoài thì quyến rũ. Còn mày, Nick bé nhỏ, mày đang phải lòng. Cẩn thận đấy, tao chưa từng thấy mày thế này kể từ… kể từ… chưa bao giờ, thật ra là thế.

— Tất nhiên rồi, – Nick ấp úng.

Tất nhiên cái gì cơ? Nói thêm gì đi. Tất nhiên rồi, *một câu thật nực cười… Cô ấy rốt cuộc sẽ coi mày là tên đần độn nhất trần đời.*

— Cô Queen, – Nick nói thêm, – cô yên tâm, đào xới tất cả lên sau hai mươi năm, không phải là ngu ngốc. Chuyện đó thậm chí còn khơi gợi sự tôn trọng, khơi gợi một đam mê nào đó, vẫn nguyên vẹn, sau hai mươi năm.

— Cảm ơn anh, anh Hornett. Anh biết đấy, dẫu nghe thì có vẻ lạ lùng, nhưng Lucky là người đàn ông duy nhất tôi từng yêu, và là người đàn ông duy nhất tôi sẽ mãi yêu.

Chết tiệt!

15 BUỒN BÃ CHỜ ĐỢI

THÁNG BẢY 1964, ISIGNS, NORMANDIE

Đến phải tin rằng toàn bộ cư dân Isigny và các vùng lân cận có hẹn vào cùng một giờ tại văn phòng bưu điện nhỏ xíu này. Làm sao mà ở cái góc nông thôn vắng vẻ này, hàng người chờ đợi lại dài đến thế trước quầy giao dịch duy nhất của bưu điện?

Nhân viên ngồi sau quầy giao dịch không có vẻ gì là vội vã. Trong hàng người luôn có một nhóm khách quen kinh điển vẫn kiên nhẫn chờ.

Một công nhân người nước ngoài muốn chuyển vài trăm franc cho gia đình tại một ngôi làng ở vùng hẻo lánh của Mali, và nhân viên bưu điện mở to mắt trước mặt ông khách, như thể đây là lần đầu tiên người ta yêu cầu anh ta điều gì đó phức tạp như vậy, một người bà muốn rút hết, hoặc gần hết, tiền trong tài khoản, rồi ra về với số tiền tiết kiệm cả đời trong bị; một người đàn ông đứng không vững lắm và nói rất to không chịu tin rằng ông ta chẳng còn gì, thậm chí không có lấy một tờ tiền để rút; một người bán hàng mang theo tiền quỹ của tuần, ba túi to đựng những tờ tiền màu vàng, đếm, từng đồng một, thành từng chồng mười tờ; lũ trẻ kích động chạy lộn

xộn khắp nơi và đu lên quầy giao dịch.

Lison Munier không quan tâm. Cô có thời gian. Với cô, bưu điện Isigny đã trở thành điểm hành hương nhỏ hằng tháng, nghi thức tưởng nhớ một người mất tích, như những người khác đến nghĩa trang. Chờ đợi trong hàng là một phần của nghi thức, như một đám rước, một cuộc diễu hành cố ý đi chậm để bắt trí óc phải suy nghĩ, phải cầu nguyện, phải nhớ lại hai mươi năm qua, Alan, cuộc sống trước đó… Cô đi theo hàng người tiến lên chậm chạp, chìm đắm trong những kỷ niệm của mình. Thường xuyên có một số vị khách tranh thủ sự mơ mộng của cô để chiếm lượt.

Nực cười! Như thể họ chen lượt trong lễ mixa khi dự một buổi ban thánh thể!

Cuối cùng cũng đến trước quầy giao dịch, Lison đưa những chiếc phong bì cho nhân viên bưu điện, người luôn tránh bắt gặp ánh mắt buồn rầu của cô.

— Đi Mỹ à? – anh ta hỏi để xác nhận.

— Đi Mỹ.

Lison trả tiền và đi khỏi. Kể từ năm tháng nay, tháng nào cô cũng cho đăng những mẩu tin vặt lên các tờ báo Mỹ.

> Tìm Alan Woe, 41 tuổi, sinh tại Knutson, Ohio. Không tin tức gì từ tháng Hai 1964. Liên lạc với Lison Munier, làng Lâu Đài Quỷ, 14250, Calvados, Pháp.

Cô tuyệt nhiên không nhận được lời hồi đáp nào cho đến lúc này.

Lison xem đồng hồ đeo tay. Mới 11 giờ 15. Cô còn thời gian trước khi chuyến xe khách buổi trưa đến. Rốt cuộc, hàng người chờ chưa bao giờ dài như hôm nay. Cô nghĩ xem mình có thể làm gì. Đến mấy cửa hàng? Cô

hoàn toàn không có nhu cầu.

Cô đã bỏ quán cà phê–bar Le Conquérant từ một tháng nay. Chỉ có một mình, cô không còn dũng khí, không còn muốn cười, không còn muốn cả ngày nghe những chuyện bông đùa hay sự khốn khổ của người khác. Một anh chàng cùng làng đã tiếp quản Le Conquérant, René Mulot, một người tử tế. Từ đó Lison ở nhà và sống lay lắt. Cô nhận may vá thêu thùa theo đơn đặt hàng. Những chiếc váy cưới, áo lễ trắng cho lễ ban thánh thể, đồ vải cho khách sạn–nhà hàng. Thậm chí cô còn có mối sao chép mẫu với bảo tàng Bayeux. Trước đây, cô ghê sợ những chuyện đó, thêu, may… Giờ, cô khâu hết mũi này đến mũi khác như một chiếc máy, chính xác và đều đặn. Chuyện đó khiến cơ thể bận rộn mà không làm phiền trí óc. Tại làng Lâu Đài Quỷ, các khách quen của quán Le Conquérant, mỗi khi cô ghé qua quán bar, đặt cho cô biệt danh là *Pénélope,* hay *Mathilde.*§

Giờ càng lúc càng hiếm dịp cô ghé qua đó.

Làm gì trong lúc chờ chuyến xe khách buổi trưa? Đọc một tờ báo? Để đọc thấy gì trên đó chứ? Cuối cùng, cô quyết định đến ngồi trước điểm xe dừng. Cô không phải người đến đầu tiên. Một bà già bẩn thỉu, vừa vứt bánh mì cho lũ chim sẻ vừa chửi rủa chúng, đã ngồi chiếm mất một nửa băng ghế.

← **Penelope:** vợ của Odysseus trên đảo Ithaca, người anh hùng đã triệt hạ được thành Troy, nhân vật chính trong *Sử thi Odysseus* của Homer. Bà đã chung thủy chờ chồng suốt mười năm. **Mathilde:** một phụ nữ góa chồng trong huyền thoại nước Pháp.

16 BÀ GIÀ VÀ NGƯỜI THỢ CẮT TÓC

6 THÁNG BẢY 1964, 1351 FARRAGUTH NORTH, WASHINGTON

Cuối buổi chiều. Emilia Arlington là vị khách duy nhất của Ted Silva. Hôm nay hắn đóng cửa muộn hơn bình thường. Do bà Arlington nài nỉ, và bà Arlington thì dù sao cũng đâu phải bất cứ ai! Nhìn từ bên ngoài, người ta chỉ nhận ra hiệu cắt tóc của Ted Silva qua một cánh cửa nhỏ kính mờ quay ra phố Farraguth North, con phố nơi người ta thường đi qua bằng ô tô, chứ gần như không đi bộ bao giờ. Để đến đây làm tóc, phải quen biết trước.

Ted Silva đã nghe nói về Emilia Arlington, dĩ nhiên. Đó là nghề của hắn, những nhân vật có thế lực tại Washington. Ted Silva biết chuyện. Vụ tự sát của Oscar Arlington, hắn nhớ rất rõ, hắn có trí nhớ tuyệt vời với những chuyện ngồi lê đôi mách kiểu này.

Bà Arlington để mặc hắn làm, áo măng-tô trong tủ treo quần áo sơ-mi xanh lam, đầu ngửa ra sau, đôi tay tinh tế của Ted Silva đặt trên vai bà, dầu gội, nước nhỏ giọt trên cổ, những ngón tay đàn ông mát xa da đầu, khẽ ấn để ra hiệu cho bà quay đầu.

Thật khủng khiếp!

Kể từ hồi hai mươi tuổi, bà đã thề sẽ không bao giờ quay lại một hiệu cắt tóc nào.

Bà tự gội và cắt tóc.

Và tay Ted Silva ấy nói với bà đủ mọi thứ chuyện, sự bẩn thỉu của thế giới, vẻ đẹp của mái tóc bà…

Chúng thật gớm ghiếc, mái tóc tôi, cũng như những thứ khác. Bà Arlington ý thức rõ điều đó. Vì thế, trong số những thứ bà ghét, có thợ cắt tóc. Thật là cực hình khi phải nhìn hình ảnh của chính mình in trong tấm gương lớn suốt nhiều phút đằng đẵng, khuôn mặt còn kinh khủng hơn với mái tóc ướt sũng, bị kéo ra sau, những nếp nhăn hiển hiện… Mái tóc rũ xuống thành từng túm này…

Và gã Ted Silva này vẫn tiếp tục nói. *Nói… Lại một cực hình khác,* Emilia Arlington nghĩ. Sao mọi người lại có thể dễ dàng dốc bầu tâm sự với thợ cắt tóc của mình như thế? Tâm sự với một gã không quen biết, lại còn trong cửa hiệu chật ních các bà già tóc cuốn lô đến chỉ để rình mò từng chuyện ngồi lê đôi mách nhỏ nhặt nhất. Sao có thể tranh luận với những người không quen biết, những người xa lạ? Sao có thể nói chuyện, kể chuyện đời mình hay bất cứ chuyện gì, với người bán hàng, thư ký hay người giúp việc, với người ngồi cạnh tình cờ gặp trong phòng đợi, tóm lại chỉ là người ngồi cạnh? Sao có thể chịu đựng tất cả những câu chào, những nhận xét về thời tiết, thời gian trôi qua, cỏ mọc, trẻ con lớn lên, những chuyến đi nghỉ ngắn ngủi, thuế má quá cao? Tất cả những trò chuyện bắt buộc và ngu ngốc ấy. Những điều tầm phào nhạt nhẽo được tôn lên thành chân lý khiến bà thấy ghê sợ.

Bà chỉ muốn nói chuyện với những người cùng đẳng cấp, về những chủ

đề sâu sắc và có chọn lọc. Đáng nhẽ bà không bao giờ có thể trở thành người trúng cử *tại địa bàn,* bắt những bàn tay, đi đến các khu phố gặp người dân, giả vờ quan tâm đến những vấn đề của họ, lắng nghe họ với vẻ thấu hiểu… Những chuyện đó đáng nhẽ nằm ngoài khả năng của bà. Tuy vậy, Emilia Arlington lại thấy đó không phải thứ gây trở ngại cho chức tước của mình: bà coi phần lớn các chính trị gia là những kẻ đạo đức giả. Các chính trị gia được bầu ra để quản lý đống hồ sơ một cách có phương pháp, có khoảng lùi và sự trung lập. Sự xa cách của bà với quần chúng, với cử tri và những công dân không đủ năng lực, là bằng chứng tốt nhất cho sự liêm khiết ở bà!

Và người kia vẫn nói luôn mồm trong lúc mân mê tóc bà. Giờ hắn nói về những công trường trên đường. *Vào giờ này, chúng ta chẳng nghe thấy gì nữa, đã quá muộn, họ đều đã xong ngày làm việc của mình, những kẻ lười biếng trong ngành xây dựng. Nhưng vào ban ngày, những công trường, thật không thể chịu nổi. Địa ngục. Tất cả chừng đó để làm một cái vỉa hè. Một cái vỉa hè! Tôi hỏi bà, tôi có cần một cái vỉa hè không? Để bất kỳ ai đi dạo trên phố cũng có thể dòm ngó qua kính cửa, đi vào nhà tôi. Tôi chỉ làm việc nhờ truyền miệng thôi! Chỉ cho một nhóm khách hàng chọn lọc thôi! Tôi không bắt khách trên vỉa hè! Thế đấy!*

Nói ít thôi, bà Arlington tự nhủ. Tay Ted Silva này có vẻ không phải kiểu người thích vào việc trước. Hắn ta diễn thật ngọt vai người thợ cắt tóc xun xoe. Vả chăng đó cũng chính xác là những gì người ta yêu cầu hắn, phải công nhận điều này, nhưng hắn lại có vẻ lấy thế làm thích thú. Nếu không phải Horace Haldas đã nói với bà về các dịch vụ đặc biệt của Ted Silva, bà Arlington hẳn sẽ nghĩ đây chỉ là một trò đùa bỡn. Nhưng Horace tội nghiệp, bị đám nhà báo theo dõi kể từ khi gã xây khách sạn sang trọng của mình bằng tiền từ quỹ công, lại còn ở Louisiana, trên những vùng dễ bị ngập, dĩ nhiên đâu có tâm trạng mà đùa bỡn. Có thể tin tưởng Horace Haldas với

kiểu chỉ dẫn này. Và do vậy, tin tưởng cả Ted Silva. Emilia Arlington tự ghi nhận điều đó, vụ tai nạn xe máy chết người của tên nhà báo trẻ tọc mạch có vẻ như là quá may mắn cho Horace.

Mình đoán rằng, bà Arlington nghĩ, *khách hàng là bên phải lên tiếng vào việc trước.*

— Mỗi người một nỗi buồn phiền riêng, ông Silva ạ, – bà thượng nghị sĩ kết luận. – Ông thấy đấy, ngày nay, chẳng có ai thoát.

— Kể cả những người cao quý như bà ư, bà Arlington? Kể cả những người có sức ảnh hưởng như bà ư?

— Nhất là họ… Những người nổi tiếng nhất thường là mục tiêu của những kẻ ác ý nhất, những kẻ không thể chịu đựng được sự thành công, chúng che đậy sự tầm thường của chúng sau hận thù dai dẳng.

— Tôi hoàn toàn hiểu rõ chuyện ấy…

— Lữ ký sinh đó. Những kẻ không còn biết tôn trọng gì nữa. Truyền thống, công việc, gia đình lại càng không! Gia đình…

— Đó là điều quý giá nhất, thưa bà. Bản thân tôi…

Emilia Arlington ngắt lời hắn. Bà không đến đây để nghe nói về gia đình Silva. Chắc chắn đó là một bộ lạc lớn vô tận! Bà muốn chơi trò đạo đức giả này, nhưng không nên chơi thêm nữa.

— Ông hiểu đấy, ông Silva, gia đình tôi nằm ngoài mọi nghi ngờ. Một gia đình bị bất hạnh giáng xuống, bầm giập… Nhưng là một gia đình có tự trọng, nhất là trong đau đớn!

— Ai có thể nghi ngờ điều đó chứ, bà Arlington?

— Thế mà loại người đó có tồn tại.

Ted Silva là người kín đáo, đó là chiến lược độc nhất của hắn. Tỉ mỉ và kín đáo, khẩu hiệu của hắn là thế. Hắn chỉ nhìn bà với vẻ dò hỏi.

— Chẳng đâu xa, ngay sáng nay, – bà thượng nghị sĩ nói tiếp, – tôi đón tiếp trong văn phòng mình một trong những kẻ ký sinh đó… Alice Queen! Cô ta ở đường Indiana Avenue, số 318…

Ted Silva ghi nhớ, vẫn tiếp tục làm tóc cho khách, mọi chuyện diễn ra trơn tru tuyệt vời.

— Một con quái vật, – bà thượng nghị sĩ tiếp tục tâm sự. – Con rắn độc muốn làm vấy bẩn danh dự con trai tôi, vị anh hùng vừa nhận huân chương Chữ thập Can đảm Xanh§. Thứ đê tiện muốn tống tiền tôi!

— Chúa đặt những tạo vật đó trên hành trình của chúng ta để thử thách, – Ted nhẹ nhàng nói.

— Những thử thách này thật không thể chịu nổi, – bà Arlington xẵng giọng đáp.

— Chúng chỉ thoáng qua thôi, bà hãy tin vậy… Nếu bà muốn, tôi sẽ cầu nguyện cùng bà.

Ted Silva ngừng tay kéo một lúc và lôi ra từ ngăn kéo tủ bên phải một tấm thẻ nhỏ màu trắng, chìa cho bà Arlington.

Ex-voto, Emilia đọc thấy trên tấm thẻ.

— Đây là một hiệp hội nhỏ, – Ted giải thích hơi có phần rụt rè. – Một hiệp hội nhỏ kiểu gia đình, một nhóm cầu nguyện, nhập định. Chúng tôi cố gắng phần nào chống lại sự xấu xa và những nỗi khốn khổ trên thế giới này. Đôi khi, Chúa nghe thấy, lắng nghe, thấu hiểu chúng tôi. Thiên đường nên là một chính quyền không biên giới. Tôi không huênh hoang đâu, nhưng lời cầu nguyện của chúng tôi thường xuyên ứng nghiệm. Có lẽ viên chức trên

trời phụ trách những thỉnh cầu của chúng tôi là người đặc biệt hăng hái.

Emilia Arlington đọc tấm thẻ chăm chú hơn. Mọi thứ thật hoàn hảo. Không có lấy một cái tên, ngoài tên của hiệp hội, Ex-voto. Ở phía dưới bên phải, có thể đọc thấy một tài khoản ngân hàng.

— Chúng tôi là một hiệp hội tự nguyện nhỏ, – Ted nói tiếp. – Chúng tôi chỉ sống bằng sự đóng góp của một vài ân nhân hào hiệp.

Rồi Ted nói sang chuyện khác, khu ổ chuột da đen, đang lấn ngày một gần về phía trung tâm thành phố, về phía Farraguth North, một ngày nào đó họ sẽ đuổi hết người da trắng ra khỏi trung tâm thành phố.

— Khi đóng cửa hàng sau 8 giờ, tôi đã không còn thấy tự hào. Không giống như lúc trước. Ít nhất thì không giống vào giữa ban ngày… Bà có nhận ra, tại Washington, người da trắng bị đuổi khỏi công viên National Mall không? Khỏi Bộ Ngoại giao? Điện Capitol? Công viên Tây Potomac?

Bà Arlington không nghe nữa. Ted Silva thật sự hoàn hảo. Vụ việc được thu xếp với sự kín đáo cao nhất, sau chưa đầy hai phút, chỉ trong vài câu. Không ai nói về vụ ám sát, kẻ giết người, lời đặt hàng. Một nữ khách hàng đến tâm sự với thợ cắt tóc của mình. Còn gì tự nhiên hơn? Người thợ cắt tóc ở đây cũng là một tín đồ Cơ đốc ngoan đạo. Còn gì bình thường hơn? Ít nhất theo những gì Horace Haldas đã nói, thì việc rót một khoản nhỏ, và khá nhanh, cho hiệp hội Ex-voto, là chuyện rất bình thường. Một khoản khích lệ cho những lời cầu nguyện… Rồi, nếu những lời *cầu nguyện* này được chấp thuận và nếu một tai nạn kỳ diệu giải thoát cho khách hàng một mối trở ngại, thì chuyện rót một khoản kha khá vào tài khoản của Ex-voto cũng là lẽ tự nhiên. Món tiền quyên góp sau cùng đương nhiên phụ thuộc vào sự kín đáo và mức độ hài lòng của khách hàng. Phần lớn mọi người, để tạo tin tưởng hơn nữa, sẽ gửi thành từng khoản nhỏ, thường xuyên và trong

thời gian dài. Dĩ nhiên không có hợp đồng nào. Toàn bộ các giao dịch này dựa trên sự tin cậy lẫn nhau. Ted Silva, theo lời Horace nói nhỏ, chỉ làm việc cho một nhóm khách hàng có chọn lọc, và chỉ thông qua truyền miệng. Ở Washington, tâm điểm của mọi tai tiếng khắp nước Mỹ, Ted Silva có lẽ không thiếu việc.

Cơn giận của Chúa trời, được phát động từ những lời cầu nguyện của Ted, giáng xuống rất nhanh chóng, chính xác và tỉ mỉ.

Sự độc đáo trong hệ thống mà Ted tạo ra, ngoài chuyện người ta chỉ phải thanh toán khi điều kỳ diệu hoàn tất, dựa trước tiên trên nguyên tắc lương tâm của các gia đình Thanh giáo đầy tai tiếng nhưng nhát gan này. Làm sao tưởng tượng nổi những con người tư sản Cơ đốc giáo chăm chỉ đi lễ ấy lại có thể đến nói về chuyện giết người? Thậm chí làm sao tưởng tượng nổi họ có thể dựng nên trong cái tư tưởng đúng đắn của mình kế hoạch thuê một kẻ sát nhân? Không, ở đây, ta nói về công lý của Chúa trời. Ta nói về công việc, về gia đình, về đạo đức, về lợi ích quốc gia. Sau đó, chỉ còn việc lặng lẽ đọc báo. Nếu ý trời đã được thực hiện, vậy thì việc cảm tạ cũng thật tự nhiên, thông qua trung gian là một khoản đóng góp rộng rãi cho hiệp hội từ thiện. Quả là đơn giản… Sau đó, mỗi người tự dàn xếp với lương tâm của mình, nhưng một chút ác ý là đủ để quên đi rất nhanh những mánh khóe đen tối ấy và tin rằng mình hoàn toàn vô tội.

Những trò đóng kịch, thói đạo đức giả đó, bà Arlington không quan tâm! Bà không có gì để thanh minh với lương tâm mình. Án mạng theo đơn đặt hàng này, bà chịu trách nhiệm về nó, bà chịu trách nhiệm hoàn toàn. Điều bà tìm kiếm ở tay Ted Silva, là hiệu quả và sự kín đáo. Tất cả những thứ còn lại với bà đều có vẻ rất… phù phiếm. Lúc này, tất cả đã được dàn xếp, cái giá cho bà chỉ là một buổi làm tóc mệt nhọc. Bà gắng nghe ở mức tối thiểu những lời nhạt nhẽo mà tay thợ cắt tóc liên tục tuôn ra, dẫu sao cũng

để hắn không quá mất lòng. Biết đâu đấy… Dù sao, bà vẫn lưu lại chút dấu ấn từ nơi đó trên mái tóc bù xù cứng đời khủng khiếp của mình.

Ted Silva nói liên tục, như cái máy, và làm tóc, như robot. Khi hắn ta nhận ra rõ ràng những lời phỉnh phờ của mình không làm bà thượng nghị sĩ thích thú, vốn là người kín đáo, hắn ta thôi nói và bắt đầu huýt sáo, việc đó giúp hắn ta xem xét lại vụ làm ăn mới này.

Một vụ ngon lành. Bà Arlington là một nữ khách hàng trong mơ. Vượt trên mọi sự nghi ngờ. Một người có đạo đức gương mẫu. Và nhất là khả năng chi trả đảm bảo. Dạo gần đây, hắn đã buộc phải hạ tiêu chuẩn khách hàng. Khủng hoảng… Tai tiếng không lan truyền trên phố nữa, hoặc các nhà báo đã nhanh chân hơn hắn và khiến chúng bùng nổ quá sớm. Tiếp theo, các vụ tai nạn trở nên tế nhị, ít đáng tin cậy. Tháng trước, hắn khó khăn lắm mới bắt được một tay bác sĩ xoàng xĩnh trả tiền, vợ ông ta đâm sầm ô tô vào cây liễu trên bờ kênh chạy dọc Đảo Columbia. Tay bác sĩ khẳng định mình không quen Ted, ông ta chỉ đến đúng một lần để cắt tóc, tuy ông ta có kể chuyện, thậm chí còn quyên góp cho hiệp hội Ex-voto, nhưng nếu từ đó mà tạo ra mối liên hệ giữa món quyên góp và vụ tai nạn của bà vợ… “Tuy việc đó giúp tôi thừa kế một gia tài vững chắc, ông Silva ạ, nhưng làm ơn, hãy tôn trọng nỗi đau của tôi…” Ted Silva bắt buộc phải di chuyển (hắn rất ghét chuyện này, cực kỳ ghét, chuyện này rất nguy hiểm) và nhắc nhở tay bác sĩ bé nhỏ ấy về quy luật hàng loạt. *Quy luật hàng loạt? Phải, số phận khủng khiếp của các gia đình bị bất hạnh giáng xuống nhiều lần. Một vụ tai nạn có thể ẩn chứa một vụ tai nạn khác, ông hiểu ý tôi chứ? Ông muốn gọi cảnh sát à? Nhưng để nói gì với họ?* Sau đó, rốt cuộc hắn cũng được trả đủ tiền khá nhanh, nhưng hắn không thích chuyện đó. Thật ti tiện và rất khó khăn, những cuộc tranh cãi, những lời đe dọa… Công việc của hắn trái ngược hoàn toàn với những chuyện mặc cả này.

Ít nhất, với Emilia Arlington, vụ việc được giải quyết nhẹ nhàng, như hắn muốn. Không một lời thừa. Một hai lời ám chỉ, vài mong muốn, một cái tên, một địa chỉ, và hấp. Thậm chí có thể bà thượng nghị sĩ có quyền làm thế, có thể bà ta thực sự là nạn nhân của một kẻ tống tiền táo tợn. Những kẻ tống tiền thực sự là tai họa đối với nền dân chủ. Hắn làm công việc đảm bảo an toàn công cộng, nói cho cùng, hắn gột rửa tấm áo bẩn mà công lý Mỹ không muốn có. Về khoản ác ý, Ted Silva biết thể hiện mình cũng tài giỏi không kém khách hàng của hắn.

Thật là một ngày tươi đẹp! Thêm nữa, Ted khá tự hào về kiểu tóc hắn làm, không hề dễ dàng, cho mái tóc cứng đơ của bà Arlington.

Bằng một động tác của hiệp sĩ đấu bò, hắn cởi bỏ tấm áo choàng cắt tóc màu xanh lam, nhẹ nhàng chải những sợi tóc cuối cùng dính trên vai và cổ, đưa tấm gương ra sau gáy vị khách nữ một cách tự hào.

Không tệ! Bà Arlington phải công nhận; bà công nhận và Ted Silva cảm thấy điều đó, bởi hắn thấy lời khen này thành thực. Sự thành thực là thứ khá hiếm gặp trong cửa hàng của hắn. Dù Ted Silva vẫn coi trọng việc các *khách hàng* rời khỏi cửa hàng của hắn phải được cắt tóc tử tế!

Emilia Arlington vội vã đi khỏi, gã này rốt cuộc khiến bà thấy bực mình. Ted Silva đòi bà những hai mươi ba đô-la cho kiểu đầu, với vẻ vô cùng thản nhiên, trả lại khoản tiền thừa mà bà Arlington không hề muốn, rồi cuối cùng hắn ta bỏ vào túi sau nhiều lần cúi đầu. Hắn mở cửa cho bà, tươi cười, và để kết thúc, thốt ra câu nói quen thuộc:

— Những lời cầu nguyện của chúng ta sẽ bay thẳng lên trời. Tôi biết rõ các đường ngang ngõ tắt.

— Tôi cũng rất tin như vậy, ông Silva ạ.

Bà Arlington kiểm tra để yên tâm là không có ai trên vỉa hè. Bà liền rít

vào tai Silva:

— Hãy giết con khốn đó cho tôi trước khi nó kịp khuấy đảo mớ lộn xộn này!

Bà muốn thấy ít nhất một lần nụ cười bất động trên gương mặt gã đàn ông bà có thể không bao giờ còn gặp lại nữa. Tên kền kền này cũng sống bằng cách đeo bám thùng rác của các gia đình lớn.

Ted Silva ngúng nguẩy như đứa bé thấy tội lỗi khi vô tình nghe một từ tục tĩu. Hắn lo lắng quay về cửa hàng và thấy nhẹ nhõm khi nhớ ra ngay là hắn chỉ có một mình, con bé học việc Teresa đã rời đi từ hơn một giờ nay, và vỉa hè vào giờ này cũng vắng tanh.

Công việc chết tiệt, hắn vừa nghĩ vừa đóng cửa tiệm.

← Nguyên văn tiếng Anh: *Blue Bravery Cross.*

17 NHỮNG BÓNG MA Ở CÔNG VIÊN NATIONAL MALL

6 THÁNG BẢY 1964, CÔNG VIÊN NATIONAL MALL, WASHINGTON

Đêm dần xuống trên công viên National Mall, đại lộ lớn dành cho người đi bộ và phủ đầy cỏ ở Washington, khởi đầu từ điện Capitol, đi qua công viên Ellipse và Nhà Trắng, kết thúc gần sông Potomac, tại đài tưởng niệm Lincoln.

Từng cuộn sương mù lớn bốc lên từ dòng sông, dâng lên một chút và bao phủ các tòa nhà hành chính đồ sộ nằm cách đó vài trăm mét. Chỉ còn phân biệt được những người đi bộ, dưới làn sương mù, với đỉnh các tòa nhà, phía bên trên: vòm Capitol, mũi tháp Tượng đài Washington, và ở đâu đó, bất kể hướng nào, lá cờ Mỹ, miếng vải bị hơi ẩm lạnh làm cho cứng đơ như tấm vải liệm.

Cỏ trên công viên National Mall ẩm ướt. Điều này không mấy làm Alice bận tâm, cô thích bầu không khí có phần thơ mộng ấy. Ở cách cô không xa, một nhóm thiếu niên vừa ngẫu hứng một hiệp bóng chày. Trong sương mù, họ chẳng nhìn thấy gì. Chuyện đó khiến các cô gái trẻ cười như nắc nẻ, với các cô, có hứng thú tham gia chơi môn thể thao này là bước chuyển bắt

buộc để quyến rũ một chàng trai. Chính Alice cũng từng trải qua chuyện đó.

Cô rời xa những cái bóng rúc rích cười đó để dừng lại lâu hơn trước bồn nước lớn, Hồ Phản Chiếu. Cả cái hồ này, với kích thước của nó, cũng tạo ra bầu không khí mù sương riêng biệt. Alice thích nước lạnh, nước lạnh và tĩnh lặng trong một cái hồ, một cái bồn, một đài phun nước vô tri, khi không còn mặt trời nhuộm vàng mặt nước, khi không còn gió làm lớp vàng ấy lấp lánh, khi không còn người qua lại, không còn lũ chim, không còn ai nhuộm màu nước bằng hình phản chiếu của mình. Khi nước chết, lạnh và đen, không một gợn sóng. Alice yêu loại nước ấy một cách bệnh hoạn. Nó gợi cho cô nhớ về một bờ biển vắng vẻ, một vách đá phấn dốc đứng.

Ở cuối công viên National Mall, bất động trong công trình uy nghiêm được tạc để tưởng nhớ ông, bức tượng Lincoln có vẻ không quan tâm chuyện đó. Ngồi vững chãi trong chiếc ghế bành lớn, vị tổng thống trông giống quan tòa tối cao, Chúa, Alexander Đại đế, thần Zeus, vua Pharaon… Có lẽ đó là điều các nhà điêu khắc muốn diễn đạt. Họ đã thành công! Ông ngắm nhìn màn đêm buông, trong tư thế thoải mái, ánh mắt hướng thẳng về phía trước. Sương mù đùa nghịch râu ông, như thể nhà thông thái già vẫn đang hút tẩu. Lincoln dõi theo thành phố của mình, đất nước của mình, công lý, trong màn đêm đang buông chầm chậm và lặng lẽ.

Bóng ma màu trắng này khiến Alice yên lòng. Sau tất cả, cô chỉ là một cô gái Mỹ trung lưu lớn lên trong giấc mơ Mỹ. Tự cô cũng tin vào nó, cô muốn tin vào nó, vào công lý, vào pháp luật sẽ chiến thắng, những kẻ có thế lực sẽ không được yên ổn. Cô nghĩ đến sự bối rối vui nhộn của Nick, cách anh nói lắp, thiện ý rõ ràng của anh. Cô nhận thấy điều đó với một chút vui thích, niềm vui thích xen chút ngạc nhiên, rằng cô vẫn còn khả năng quyến rũ, nếu cô dụng công. Chiều nay, cô đã vận dụng hết sự quyến rũ của mình, mặc một chiếc váy ngắn, để thuyết phục vị thám tử làm việc miễn phí. Vì

nghĩa vụ, vì Lucky…

Phải, cô vẫn còn khả năng quyến rũ. Nhưng thực ra, cô chẳng còn muốn làm thế chút nào. Cô là một khối nước lạnh, đen và cương quyết.

18 NĂM MƯƠI MỐT NHÂN CHỨNG, ÍT NHẤT LÀ THẾ

3 THÁNG CHÍN 1964, VĂN PHÒNG HORNETT, SỐ 115, PHỐ 11

— Hãy thành thật nào, anh Hornett, – Alice hỏi, – thực sự thì chúng ta có gì để làm quân át chủ bài? Chúng ta còn mười ngày là đến phiên tòa. Chúng ta chính xác đang ở đâu?

Cô ấy đẹp quá, kể cả khi mặc váy dài!

Nick nhìn Alice say đắm.

Đúng vậy, mười ngày nữa, phiên tòa: sao không phải là mười năm nữa nhỉ? Mười ngày nữa, Alice sẽ không còn là khách hàng của mày. Nào, Nick, tích cực lên, chứng minh cho quý cô thấy mày đã làm việc rất tốt, cô ấy sẽ tự hào về mày, cô ấy sẽ yêu mày rất nhiều! Hãy nghĩ đến phiên tòa. Nếu chúng ta thắng, cô ấy sẽ nhảy cẫng lên vì vui sướng, sẽ nhào vào vòng tay mày, thậm chí ôm hôn mày… Còn nếu cô ấy không làm thế, mày sẽ có cơ hội tốt để làm.

— Chúng ta sẽ thắng vụ kiện này, Alice ạ, bản thân tôi cũng rất mong.

Mình có vẻ thành thật, chắc chắn mình có vẻ thành thật.

— Chúng ta sẽ bình tĩnh điểm lại tình hình, Alice. Có những điều tốt và chưa tốt…

Ổn rồi, đừng sợ…

— Đầu tiên, tôi có năm mươi mốt nhân chứng nhớ rõ đã thấy Oscar rút phải số 4, và bốn mươi ba nhân chứng đã thấy Lucky rút được số 148. Trong báo cáo tấn công của trung úy Dean, Lucky chính thức là lính biệt kích thứ tư lao về bức tường bê tông cùng khối thuốc nổ. Về năm mươi mốt nhân chứng, tôi đã có ba mươi tám lời khai bằng văn bản, và ba mươi tư người trong số họ sẵn sàng đến dự phiên tòa. Trung úy Dean cũng đồng ý. Cô thấy đấy, còn hơn cả những gì cần thiết để thuyết phục bất kỳ thẩm phán nào!

— Vụ trao đổi số, phải… Nhưng mục đích của cuộc trao đổi này, giao kèo đó?

Phải rồi, đương nhiên, đừng coi cô ấy là con ngốc nữa…

— Phải, đương nhiên rắc rối nằm ở đó. Vụ trao đổi số, không ai có thể phủ nhận. Nhưng, tôi chỉ có hai mươi ba nhân chứng từng nghe nói về câu chuyện giao kèo 1,44 triệu đô-la này…

- *Chỉ* có hai mươi ba nhân chứng? Nhưng hai mươi ba nhân chứng, – Alice gần như hét lên, – thế đã là quá nhiều!

Tôi biết, người đẹp ạ, đúng là phi thường, hai mươi ba nhân chứng, không ai khác có thể đạt đến mức đó. Chỉ có mình tôi, nhờ tình yêu dẫn đường…

— Ờ phải, rốt cuộc, tôi đã mất khá nhiều thời gian, chắc chắn vậy, nhưng mọi chuyện không tuyệt vời như vẻ bề ngoài. Bởi với hai mươi ba nhân chứng này, chúng ta sẽ nhanh chóng giậm chân tại chỗ.

— Sao lại như vậy được?

— Tôi thực sự mới chỉ tìm được năm người nhớ là chính họ có nghe Oscar đề xuất vụ đổi số, với mười nghìn đô-la mỗi số cách biệt.

— Năm nhân chứng, thế là đủ lớn rồi, không phải sao?

— Ờ thật ra, không hẳn, bởi nếu khiêu khích họ một chút thôi, họ sẽ nói mình không biết lời đề nghị của Oscar là thật hay đùa. Cứ cho là họ đều coi đó là một lời đề nghị nghiêm túc, ở mức cao nhất, thì có thể đó vẫn chỉ là trò đùa, tuy có màu sắc rùng rợn…

— Và các nhân chứng của anh, người ta sẽ *khiêu khích* họ, trong phiên tòa?

Khiêu khích… Cái động từ khêu gợi này qua miệng cô mới khiến người ta rạo rực làm sao, người đẹp Alice ơi…

— Một luật sư giỏi, mà chắc chắn là Arlington sẽ có luật sư giỏi nhất, sẽ khiêu khích họ, như cô đã nói rất đúng…

— Còn giao kèo?

— Giao kèo… Tôi nói về nó đây… Trong số hai mươi ba người lính của tôi biết về giao kèo, nếu khai thác một chút, tìm hiểu xem làm thế nào họ nghe được chuyện này, thì chỉ còn bốn người có nguồn tin, nói sao nhỉ… trực tiếp… Với bốn người này, Lucky là người trực tiếp cho họ biết câu chuyện. Oscar chưa bao giờ nói gì, với bất cứ ai.

— Những tin đồn đã lan khắp sà-lan, và Oscar chưa bao giờ phủ nhận!

Đúng vậy, lý luận tốt lắm, Alice của tôi.

— Rất chính xác, đó là một điểm quan trọng. Nhưng thế đã đủ chưa? Nếu tóm tắt lại, ta chắc chắn đã có vụ trao đổi số thăm: ít nhất năm mươi mốt nhân chứng trực tiếp. Toàn bộ phần còn lại, chúng ta không có bằng

chứng nào, chỉ là một tin đồn, dựa trên những tuyên bố của Lucky trước khi anh ấy chết.

— Và sự im lặng của Oscar.

— Alice, hoàn toàn thành thật mà nói thì, tất cả những điều này có nguy cơ hơi khó để bắt bà già Arlington khạc ra một triệu rưỡi. Bất chấp niềm tin chắc chắn của chúng ta, cả cô và tôi, trong vụ này.

Làm khá lắm, Nicky, câu cuối cùng, "niềm tin chắc chắn của chúng ta, cả cô và tôi". *Một tia sáng đã lóe lên trong mắt cô ấy, mình đã trông thấy nó! Niềm tin chắc chắn, đã thấy rõ rồi… Và câu* cả cô và tôi, *như hai kẻ đồng lõa vậy…*

— Còn bốn bản giao kèo? Alan… Thẩm Du?

Tôi nói đến chuyện đó đây, nói đến đây, tôi không nhác việc đâu, Alice của tôi, trong vòng một tháng qua, tôi đã không đuổi theo các bà vợ thiếu chung thủy, tôi toàn tâm toàn ý với vụ của cô.

— Bốn bản giao kèo… Nào… Bản của Oscar Arlington, dù sao thì ta cũng có thể ngồi lên.

Chú ý nào, Nick, nói như thế hơi thô thiển đấy. Cẩn thận từ ngữ đi, Alice sẽ không bao giờ yêu một gã thô thiển đâu.

— Alan Woe, – Nick nói tiếp, – về lý thuyết là sở hữu hai bản, bản của anh ta và bản thu về từ đồ đạc cá nhân của Lucky, sau cuộc tấn công. Alan không còn gia đình. Chỉ còn một người bác, nhưng ông ta không có tin tức gì kể từ khi Alan mất tích năm 1944.

— Alan cũng mồ côi à?

— Phải.

— Thảo nào…

— Phải… Hiện tại, những tin vặt đáng ngẫu nhiên không mang lại gì. Tôi vẫn sẽ tiếp tục, nhưng Alan của chúng ta có vẻ đã thật sự biến mất.

— Anh có đăng tin vặt ở Normandie không?

— Ở Normandie á, sao lại ở đó?

— Ừm tôi không biết, nếu anh ấy chỉ bị thương trong cuộc đổ bộ, có thể có ai đấy ở đó đã chăm sóc anh ấy…

Lạy Chúa, thật là hiển nhiên, cần phải bắt đầu từ đó chứ! Mày thật ngu làm sao! Hổ thẹn muôn đời với người đẹp Alice. Mày quả là tên kỵ sĩ già hết thời…

— Ờ… Phải… Rốt cuộc thì, sao lại không, nhỉ? Ta luôn có thể thử, mất gì chứ?

Lại còn đạo đức giả nữa! Đó là một ý kiến xuất sắc, đừng cố tự thuyết phục mình ngược lại, mày đã phạm sai lầm rồi. Mày muốn yêu cô ấy thế nào khi chưa gì đã bắt đầu nói dối cô ấy?

— Nếu không, – Nick ấp úng, – đương nhiên vẫn còn trường hợp của Thẩm Du..

Được rồi, xin lỗi Alice, tôi chỉ có thể là một tên thô thiển, tôi sẽ không gọi anh ta là tay thủ dâm đeo mặt nạ *hay* người lạ có cổ tay thép…

— Tôi đã hỏi hơn một nửa đội biệt kích. Không ai nhớ tên anh ta. Tất cả đều gọi anh ta là *Thẩm Du.* Hiện tại tôi chỉ có một miêu tả chi tiết.

— Là như thế nào?

— Tóc nâu, vóc người trung bình, mắt sáng, hơi nói giọng miền Nam, đáng nhẽ anh ta làm việc trong ngành xây dựng, và cuối cùng, theo lời các đồng đội của anh ta thì anh ta không phải người hay chuyện trò. Cũng phải, với cái tên như thế!

— Không được chi tiết lắm.

Tôi đang làm những gì có thể, Alice xinh đẹp của tôi ơi, không hề dễ dàng, cô biết đấy, câu chuyện của cô, đã quá lâu, tất cả mọi thứ.

— Mọi chuyện xảy ra đã hơn hai mươi năm, Alice. Vụ điều tra như thế này là rất đặc biệt.

— Phải, tôi biết, tôi xin lỗi, Nick.

Nick, cô ấy gọi mày là Nick! Lần đầu tiên cô ấy không gọi mày là anh Hornett. *Ôi chao!*

— Dù sao thì, vòng tròn đang siết lại. Thẩm Du không phải một trong những lính biệt kích mà tôi liên lạc. Ít ra tôi cũng hy vọng thế. Có thể đích thân tôi đã gặp người này qua điện thoại và anh ta không muốn thú nhận với tôi để tránh gặp rắc rối, hoặc ngu ngốc hơn thì là vì anh ta muốn mãi mãi quên đi cái biệt danh nực cười đó. Cô tưởng tượng được cuộc nói chuyện không, Alice? Tôi hỏi: “Alo, tôi tìm một người có biệt danh là Thẩm Du. — Tôi đây… — Rất vui được gặp anh… anh… — Không sao, gọi tôi là Bob.” Với lại, nếu khi tôi gọi, có vợ, con anh ta, toàn bộ gia đình thánh thiện bên cạnh anh ta, ngồi trên tràng kỷ, những người đương nhiên chưa bao giờ nghe về cái biệt danh đó, chắc chắn có vài khả năng để người đàn ông này giả vờ là không nhớ biệt danh của mình.

— Không có triển vọng lắm.

— Đúng vậy. Tại sao Lucky lại tìm một người như thế làm nhân chứng? Sau cùng, trước thành ý của tất cả những người trao đổi thư từ với tôi, dựa theo những chỉ dẫn nhặt nhạnh được, tôi có sự lựa chọn trong khoảng chục cái tên. Nhưng cũng có những lính biệt kích đã đổi địa chỉ và tôi không thể tìm được. Vậy đấy.

Vậy đấy, người đẹp của tôi, toàn bộ là vậy. Tôi sẽ không nói với cô điều

này, nhưng nên nhớ rằng để thực hiện tất cả những chuyện ấy, từ một tháng nay, tôi đã phải làm việc như điên, như thể tôi chưa bao giờ làm việc. Mỗi đêm tôi nằm ngủ trên đống hồ sơ của cô, thay vì nằm ngủ trên người cô. Và tất cả những chuyện đó chẳng để lấy một đô-la nào! Nào, hãy mỉm cười đi, Nick, ngay lúc này, khuôn mặt quay sang ba phần tư, vầng thái dương bạc hướng ra trước…

— Anh đã làm được một việc phi thường, Nick.

Cảm ơn…

— Trong khoảng thời gian rất ngắn…

Cảm ơn, lần nữa…

— Tiếc là tôi không thể ứng trước cho anh chút tiền nào. Không có anh, tôi không biết mình phải làm gì nữa.

— Không có gì đâu, Alice, tôi chỉ làm việc của mình thôi…

Không phải, không phải, cô ấy mới là người có lý, mày đã làm được hơn thế rất nhiều, nhiều đến nỗi có khi kể cả nụ cười của Alice cũng không đủ để bù đắp những vất vả của mày.

— Anh đã làm được quá nhiều, Nick ạ!

— Chỉ một nụ cười của cô là đủ bù đắp rồi!

Ôi chao, hoan hô, sao mày lại nói thế? Giờ, cô ấy mỉm cười với mày và mày trông thật ngu ngốc! Còn nữa, tao chắc chắn mày đang đỏ ửng đến tận mang tai kìa. Tuyệt lắm! Và giờ thì, chàng Valentino, hãy tiếp tục. Nói gì đi!

— Chúng ta sẽ thắng vụ kiện này, Alice ạ, cô sẽ thấy. Tôi chắc chắn là thế. Còn có Lucky ở bên chúng ta, anh ấy không thua bao giờ, cô biết thế mà. Vận may ở về phía chúng ta!

— Cảm ơn, Nick.

Vận may ở về phía chúng ta… *Câu nói mới vô nghĩa làm sao! Mày đang phong độ, Nick thân mến ạ! Ấy thế mà, mày lại khơi dậy bóng ma Lucky. Mày nói với Alice về nụ cười của cô ấy, mày đỏ mặt… Và để kết thúc, biết đâu đấy, một cách kỳ diệu, trước vẻ quyến rũ hoa râm với đôi tai đỏ lựng của mày, cô ấy có thể đã bắt đầu quên đi quá khứ, thì mày lại nhắc lại với cô ấy về Lucky! Khuấy động những kỷ niệm! Thằng ngu, cút đi, mày không xứng với cô ấy!*

19 NHỮNG BÔNG HOA Ở NATIONAL MALL§

3 THÁNG CHÍN 1964, CÔNG VIÊN NATIONAL MALL, WASHINGTON

Mặt trời tỏa chói chang trên công viên National Mall vào giữa buổi chiều. Mọi thế hệ và màu sắc đều phơi mình ngoài trời. Những quả bóng lăn giữa những chiếc xe nôi. Lũ vịt bơi trong hồ nước ních căng bụng quà chiều của bọn trẻ con được cưng nựng. Các tòa nhà trắng nhễ nhại như những dinh thự mới tinh ngoại ô. Cuối công viên, với ánh mắt lặng lẽ, Lincoln quan sát đàn chiên của mình gặm cỏ trên cánh đồng xanh rì. Như để tỏ lòng biết ơn ông, những chàng lính trẻ hóa trang thành binh lính thế kỷ mười tám và chơi những đoạn điệp khúc độc lập bằng trống và sáo trong một ki-ốt. Mùa hè kết thúc bình yên. Cỏ trong công viên chưa bị người da đen cùng giấc mơ của Martin Luther King hay người da trắng tóc dài lắng nghe tiếng guitar khóc lóc của Joan Baez giẫm lên.

Khi ra khỏi văn phòng của Nick, phố 11, Alice quyết định đi tắt qua công viên trước khi trở về căn hộ của mình trên đại lộ Indiana. Lần đầu tiên kể từ rất lâu rồi, cô thấy vui. Phiên tòa đang đến gần, tất cả các nhân chứng sẵn sàng khẳng định ký ức về Lucky: không, vụ kiện này, cô không thể

thua. Ngay cả khi không có chứng cứ rõ ràng thì tất cả những ai có thiện chí cũng biết ngay sự thật nằm ở đâu.

Một viên chức trẻ đi ngang qua Alice. Vội vã như mọi viên chức của thủ đô, nhưng ông ta lại dành vài giây trong quỹ thời gian quý báu của mình để quay lại nhìn khi cô đi qua.

Giờ người ta còn quay lại nhìn cô! Tuy vậy, trong lòng, cô vẫn cảm thấy mình thật trong suốt… Có lẽ, rốt cuộc, cũng không phải hoàn toàn thế. Alice nghĩ đến Nick.

Cô rất quý anh.

Trong một kiếp khác, có lẽ cô sẽ thích anh. Anh là người vui nhộn, khi tìm từ, khi cau mày, như thể luôn suy nghĩ xem tiếp theo phải nói gì, mà vẫn cứ nhầm lẫn, thầm cáu kỉnh mỗi lần nói hớ, rồi sau đó lại tiếp tục nói nhầm; khi anh thể hiện rất rõ những cảm xúc đang cố che giấu… Điều đó khiến cô mỉm cười. Cô thậm chí còn thấy chuyện này có phần ngộ nghĩnh, phải thừa nhận như vậy. Lúc nào cô cũng đau khổ, chỉ bận tâm đến vụ kiện, đến ký ức về Lucky, nhưng đôi khi vẫn buông ra một cái liếc mắt, một lời nói dịu dàng, chừng ấy khích lệ để bù đắp những nỗ lực của vị thám tử tận tụy làm việc không công cho cô.

Khích lệ chuyện gì? Để anh hiểu rằng sau này, khi tất cả đã đâu vào đó, tại sao không…

Tại sao không?

Alice chưa bao giờ thực sự tự đặt câu hỏi này cho chính mình, và cũng không muốn hỏi mình điều đó. Dù sao cũng không phải lúc này, khi chưa thắng vụ kiện. Sau khi… Sau khi… Lúc này, cô muốn duy trì thái độ lửng lơ với Nick. Nick cũng không phải tên ngốc, Nick diễn giải mọi chuyện thật hoàn hảo. Lucky vẫn là bóng ma giữa hai người chừng nào sự hy sinh của

anh chưa được đền đáp. Rồi thì… Có thể bóng ma đó sẽ ra đi chăng, để Alice tự do, khi đã thỏa mãn. Làm sao để biết được?

Lần đầu tiên, Alice thấy cô đang cân nhắc số phận của mình, cân nhắc sự gắn bó với Lucky, theo một cách mới mẻ, gần như thoải mái.

Nick ư? Tại sao không?

Lúc này, duy trì thái độ lửng lơ là cách tốt nhất để đem lại động lực cho anh ta, bởi cô không có tiền…

Dọc theo công viên National Mall, Alice đi qua bảo tàng Nghệ thuật Quốc gia. Cô nghĩ mình đã không dừng chân tại đây từ hai mươi mốt năm nay. Thời đó, cô dành cả ngày trời ở bảo tàng. Hồi cô học tiếng Pháp…

Người ta thường phê phán những bất công ở Mỹ, nhưng ít nhất ở Washington có một ưu tiên, quyền tự do tiếp cận văn hóa không phân biệt chủng tộc hay giàu nghèo vốn ít thấy ở những đất nước kém tự do hơn: các bảo tàng đều miễn phí với cánh cổng luôn rộng mở. Để vào bảo tàng Nghệ thuật Quốc gia, không có hàng dài người chờ đợi, không có lục soát, không quầy bán vé, thậm chí không có cả cánh cửa để đẩy vào. Bạn bước chân vào bảo tàng như bước vào một nhà ga. Bạn có thể ghé qua, tùy ý, một phút hay cả ngày trời trước Vinci, Botticelli, Van Dyck, Goya, Renoir, Cassatt, Monet… Bạn có thể đến ngồi trên ghế băng trước một kiệt tác hội họa và đọc báo, viết thư, đợi một người bạn, không phải đề nghị gì và cũng không ai hỏi gì bạn.

Trong quãng thời gian học tại Washington, từ 1942 đến 1944, trước khi có chiến tranh và những chuyện sau đó, Alice ở bảo tàng Nghệ thuật Quốc gia hàng giờ đồng hồ, trước các họa sĩ ấn tượng là chủ yếu. Cô đến đây ôn bài cho gần như toàn bộ các kỳ thi. Chính tại đây, cô đã khám phá ra những

phong cảnh phi thực của vùng Normandie, vùng đất mà cô nghĩ rằng ở đó người ta sẽ không thể nào chết được.

Những cô thường ôn bài trước bức tranh lớn của Renoir nhất, *Bé gái và chiếc vòng,* một bé gái nước da tái, nụ cười kỳ lạ, nghiêm túc so với tuổi đời rất trẻ, trên tóc buộc một dải ruy băng xanh lam vừa quý tộc, vừa khắc khổ. Bé gái đó nhìn bạn đăm đăm, bất động, lo lắng trên lối đi rải sỏi của một sân chơi. Nỗi buồn nào có thể ẩn giấu sau bé gái này, nặng nề đến mức chiếc vòng trên tay cô bé trông giống một vật thừa thãi?

Alice đã thực sự quên cô bé đó với chiếc vòng, trong nhiều năm, ở nơi rất xa xôi, tại Úc, tại Litchfield. Hôm nay, đi qua bảo tàng Nghệ thuật Quốc gia, lần đầu tiên Alice nhớ đến cô bé đó, với một chút xấu hổ, như một người bạn ấu thơ không được ta báo cho tin tức gì, dẫu đã hứa hẹn với nhau.

Alice bước vào bảo tàng, nhưng không đến thăm người bạn với chiếc vòng ngay. Đầu tiên cô đi lững thững, để cô bé kia chờ đợi, ngắm vẻ đẹp lạnh lùng kiểu Ý thời kỳ Phục hưng, những cảnh ghê rợn máu me của lịch sử Tây Ban Nha, những thử nghiệm lập thể đầu tiên của Picasso. Cô bước nhanh trước những bức tranh phong cảnh vùng Normandie, cũng như trước chân dung những người Mỹ vinh quang thuở đất nước mới thành lập, chúng gợi cô nhớ ngay đến một nữ thành viên trong số những người hiện sống bằng lương của Quốc hội…

Cuối bảo tàng, cô bé với chiếc vòng đang ở đó.

Nước da trắng như sữa của cô không một nếp nhăn. Cô nhìn Alice đăm đăm, bằng ánh mắt búp bê dường như đã có sức sống, ánh mắt đã bớt buồn so với trong ký ức của Alice.

Phải, Alice chính là người mà cô bé nhìn đăm đăm, không màng đến

những đứa trẻ khác trong công viên Paris kia. Chính vì nhìn Alice mà cô bé đã dừng chơi và quay lại.

Không, Alice không còn trong suốt nữa.

← Nguyên văn trong tiếng Pháp: *Les fleurs du Mall* - đồng âm với bài thơ **Les fleurs du Mal** *(Hoa khổ đau)* của thi sĩ Charles Baudelaire.

20 ĐOẢN MẠCH

3 THÁNG CHÍN 1964, 318 ĐẠI LỘ INDIANA, WASHINGTON

Nelson Raffle, như mọi ngày, ngồi sau chiếc mũ lưỡi trai đặt ngửa trước mặt người qua đường, lưng tựa vào tường, chắn ngang một nửa vỉa hè để tất cả người đi bộ đều phải bước qua, dưới chân tòa nhà số 318 đại lộ Indiana, tòa nhà của Alice. Ngày ngày, gã nhìn Alice đi qua, thường là những chuyến đi ngắn vì những việc thường nhật, hay để mua thức ăn. Hôm nay, ngược lại, cô chẳng có gì trong tay và lần đầu tiên cô mỉm cười, mỉm cười thật sự, cô có vẻ thực sự hạnh phúc. Ánh nắng tháng Chín, có lẽ vậy… Nelson biết cách quan sát mọi người, chặn bắt các ánh mắt, đó là điều cơ bản trong công việc kiếm cơm của gã. Gã thích nhìn Alice cứ đi qua như vậy. Mọi khi cô chỉ xinh đẹp, hôm nay cô vừa xinh đẹp vừa vui vẻ. Tóm lại là rạng rỡ, ngay cả khi gã chợt nhớ ra rằng Alice, dù tâm trạng buồn bã, cũng không bao giờ quên thả một đồng xu vào mũ của gã, ấy thế mà hôm nay cô vừa đi qua trước mũi gã mà không bước chậm lại.

Hạnh phúc khiến người ta trở nên ích kỷ, gã tự nhủ, đầy bi quan. Alice trở ra ngay sau khi bước đến chân cầu thang của tòa nhà, và một nụ cười

làm nguôi ngoai Nelson:

— Xin lỗi, Nels, suýt thì tôi quên mất ông, tôi mải nghĩ đến chuyện khác…

Rồi cô thả đồng tiền như mọi ngày vào cái mũ.

Tiếc thật, Nelson, kẻ có tài quan sát nhưng bi quan hết thuốc chữa, tự nhủ. Niềm hạnh phúc của cô ấy hẳn chưa được hoàn hảo cho lắm.

Alice ấn lên chiếc công tắc hẹn giờ cáu bẩn và nhẹ nhàng đi lên năm tầng nhà ngăn cách cô với căn hộ của mình, cô nhìn, lần đầu tiên kể từ hai tháng sống ở đây, những cái tên trên cửa. Cô để ý thấy có những tấm thảm chùi chân, mỗi tầng một màu khác nhau, những tấm decal dán trên cửa, những tuyên ngôn tình yêu hay hận thù trên tường, dưới dạng hình vẽ graffiti, khá vui mắt.

Alice biết cô chỉ có đúng khoảng thời gian trên chiếc công tắc hẹn giờ để đi lên các tầng, lấy chìa khóa ra, mở khóa và mở cửa. Nhưng hôm nay, cô mặc kệ, cô đi chậm lại một chút. Cô mở lần lượt ba chiếc khóa to. Cô nghĩ về vụ kiện mà cô chắc chắn sẽ thắng; đến gương mặt bà Arlington, người sẽ phải cụp mắt, thừa nhận rằng con trai bà ta chỉ là thứ rác rưởi thối rữa vì một khoản tiền mà hắn đã quá luyến tiếc, nhưng bà ta rồi sẽ phải khạc ra, cùng với những lời xin lỗi, không phải cho cô, mà cho Lucky, nhân danh con trai mình.

Như cô lo ngại, công tắc hẹn giờ của cầu thang tắt quá sớm. Alice chỉ vừa kịp xoay chìa ở ổ khóa thứ ba, cũng là ổ khóa cuối cùng khi thềm nghỉ đột ngột chìm trong bóng tối. Mặc kệ, Alice không đủ can đảm bước đến mò mẫm tìm nút bấm công tắc nằm giữa thềm nghỉ. Trong bóng tối, cô mở cửa và luồn một cánh tay vào trong, vừa lần ngón tay tìm công tắc của lối vào căn hộ vừa tránh bước vào nhà: người đưa thư thường luồn thư dưới

cửa và cô không muốn giẫm lên chúng trong bóng tối.

Alice đưa cánh tay ra trong bóng tối: cái nút đáng ghét đó có thể ở đâu nhỉ?

Bàn tay đang lần tìm cuối cùng cũng tìm thấy công tắc, ngón trỏ có nhiệm vụ bật sáng căn hộ.

Cô ấn công tắc. Vụ nổ thổi tung cô!

Cánh cửa hé mở bay thành nhiều mảnh, cùng một nửa căn hộ của Alice: tủ để đồ trên lối vào; điện thoại và phích cắm; thảm trải sàn bị bật lên; hỗn hợp thạch cao và giấy dán tường hoa vàng xấu xí mà Alice không quan tâm; những bức ảnh ghim trên tường, tạo ra cơn mưa buốt nhói với những bức chân dung rách vụn của Lucky thời trẻ; quần áo, một nửa cái tủ lạnh, một giá sách và các loại mứt quả màu đỏ do cha mẹ Lucky gửi; hàng chục quyển sách. Tất cả bị thổi bay thành cơn cuồng phong và tung tóe khắp bốn mươi lăm bậc thang của năm tầng nhà.

Alice bị văng xuống tám bậc. Cô gục trên thềm nghỉ phía dưới, rồi lãnh trọn cánh cửa. Cùng toàn bộ những thứ còn lại.

21 MỘT GIAI THOẠI

3 tháng Chín 1964, 318 đại lộ Indiana, Washington

Ted Silva quan sát vụ nổ từ một góc phố.

Vụ nổ tuyệt đẹp!

Gã da đen đóng giả người tàn tật dưới chân tòa nhà là người đầu tiên vội vã lao đến cầu thang, thậm chí còn không nhặt cái mũ lưỡi trai. *Trông hắn có vẻ ốm yếu, cái tên đó,* Ted nghĩ. Đám đông hiếu kỳ dần xúm lại, Ted Silva nhẹ nhàng rời đi.

Mọi chuyện thế là xong, bà Arlington sẽ hài lòng, việc này đã được làm cẩn thận. Tuy vậy, khí nổ không thuộc chuyên môn của hắn lắm. Nhưng với một cuốn sách giáo khoa tốt và một chút óc phán đoán… Ted lại mỉm cười, đó là một cú đẹp, không phải cú đẹp nhất trong sự nghiệp của hắn, nhưng dù gì vẫn là một cú đẹp.

Hắn mỉm cười, hắn mỉm cười vì một việc khác. Trong khu phố này, hắn đã từng *hành nghề* một lần, một vụ ngu ngốc, một trong những vụ đầu tiên… Một hôm, một người phụ nữ, không thật sự giàu có, điều đó hơi

khiến hắn ngạc nhiên, đến làm tóc. Suốt cả buổi bà ta chỉ nguyền rủa ông chồng. Ted làm việc của mình, một giàn giáo lung lay hơi quá mức đổ sập đúng lúc ông chồng đi qua. Hoàn toàn sạch sẽ. Ted đợi tấm séc nhưng chẳng có gì đến. Hắn dò tìm, rình mò một chút, rồi cũng gặp được bà khách cần tìm: bà ta đang ở tuần trầm cảm thứ ba và có vẻ thực sự không hiểu gì những câu nói đa nghĩa của Ted, bà ta tự hỏi tay thợ cắt tóc mà bà ta chỉ tình cờ ghé qua đúng một lần có thể mong muốn gì ở bà ta. Suốt một lúc lâu, Ted nghĩ bà ta không để ý đến mình. Rồi hắn đành công nhận điều hiển nhiên: bà ta chỉ là một người khách thông thường, chỉ nổi giận với ông chồng đúng vào hôm đến làm tóc. Bà ta thổ lộ vì Ted biết cách gợi chuyện. Lão kia đã chết một cách ngu ngốc, vì một sự hiểu lầm, do bà vợ quá nhiều chuyện và một tay chuyên nghiệp có tâm quá mức.

Kể từ đó, Ted Silva chú ý cẩn thận hơn. Đó là những tình huống phiền phức, mặc dù theo thời gian, Ted chỉ còn ghi nhớ khía cạnh kỳ cục của cuộc phiêu lưu. Nếu một ngày hắn viết hồi ký… Với lại, không ai thích làm việc không công! Ted không đòi người phụ nữ đó thanh toán hóa đơn. Ngay cả trong công việc của hắn, cũng cần chút tế nhị tối thiểu. Hắn nhớ rõ, đó là một căn hộ nhỏ ở tầng một, nằm tại góc giao giữa phố 7 và đại lộ Pennsylvania.

Ted đi qua đó. Căn hộ đóng cửa, cửa chớp đóng kín, có vẻ từ lâu rồi. Tường và cửa gỗ phủ đầy những tấm áp phích rách nát và khẩu hiệu phân biệt chủng tộc.

22 THẨM DU

THÁNG CHÍN 1964, TOPEKA, ARKANSAS

Tabatah vừa biến Jean-Pierre thành một con kỳ lân. Jean-Pierre tội nghiệp gặm cỏ trong vườn, vẻ rầu rĩ, khi Tabatah nấp giữa đống đồ chơi, mong trốn được Samantha, người đang đảo đôi mắt tròn giận dữ tìm kiếm cô bé.

Phải… Tập phim này chỉ làm Ralph Finn thích thú một nửa. Vậy nên anh ta chỉ xem TV một cách lơ đãng; nửa chú ý còn lại, anh ta lật giở tờ báo. Một đứa bé chừng mười tuổi ngồi cạnh anh ta trên tràng kỷ. Nó mặc quần soóc đấm bốc và đội mũ lưỡi trai *World Boxing Association*§. Đứa bé cự nự:

— Bố, bố để ý tờ báo đi. Che hết TV của con rồi.

— Con cũng nên đọc báo đi. Bổ ích hơn là xem những thứ ngu ngốc đó.

— Bố cũng xem những thứ ngu ngốc đó mà.

— Không. Con vừa nói với bố đấy thôi, bố đọc báo. Suy nghĩ chút đi, Cassius Clay§!

Thế là *Cassius Clay* kéo nhẹ tờ báo để chơi. Bố cậu bé kéo lại, đáp trả trò chơi. Hai người nhanh chóng lăn tròn, đè lên nhau trên chiếc tràng kỷ và cười vang, thỉnh thoảng Ralph giả vờ thua. Vợ anh ta trong bếp mỉm cười thấy hai bố con chơi với nhau như vậy. Samantha nhăn mũi cũng vô ích, phép thuật của cô không thể khiến Jean-Pierre trở lại hình người, cũng không thể làm thành viên nào trong gia đình Finn quan tâm đến những đau khổ của cô. Đúng lúc đứa bé đang tập đấm bốc bắt đầu có chút lẫn lộn quá mức giữa trò chơi và sự tàn nhẫn, thì Ralph dứt khoát giả vờ thua và nhường tờ báo cho con trai. Cũng không quan trọng, anh ta đã đọc xong. Tự hào, Cassius Clay bé nhỏ bỏ mũ, làm tư thế giống bố, ngồi sâu thoải mái trong tràng kỷ, vẻ tập trung, và mở to tờ báo để che mắt bố. Ralph Finn chẳng biết Jean-Pierre còn là kỳ lân hay không. Chuyện đó sẽ không khiến anh ta mất ngủ.

— Bố ơi, bố nghe này! Buồn cười quá!

— Cái gì?

— Tin vặt…

— Hả? Tin gì vậy? Mấy tên nghĩ mình đẹp mã, hài hước, sở hữu một nửa Texas, nhưng vẫn độc thân?

— Không ạ, là một ông đi tìm một ông khác..

— Chuyện đó thì buồn cười à?

— Không ạ, mà tên của ông đó cơ ạ. Ông ấy cũng tham gia chiến tranh, giống bố, bố ạ. Bố nghe này: "Tìm cựu binh thuộc đội biệt kích số 9 tháng Sáu năm 1944 đã tham gia trận tấn công Mũi Guillaume, chúng tôi chỉ biết duy nhất biệt danh, *Thẩm Du.* Hậu tạ lớn. Mọi chi tiết, xin liên hệ Nick Horn…"

— Mẹ cấm con đọc mấy thứ kinh khủng đó, – một giọng hét lên từ dưới

bếp. – Ralph, làm gì đi!

Ralph bật dậy, giật tờ báo từ tay con trai rồi ném vào ngọn lửa của chiếc lò sưởi nhỏ trong góc.

— Sao vậy bố, chỉ là đọc cho vui thôi mà, – đứa bé càu nhàu, phật ý.

Phật ý chủ yếu là vì phản ứng hung dữ của bố. Bình thường bố cậu chẳng bao giờ căng thẳng như thế, thật chẳng giống bố cậu chút nào, những hành động dữ tợn đó. Trong một thoáng, thậm chí cậu còn nghĩ bố sẽ tát mình.

Cậu vào bếp lánh nạn, để bố lại một mình nhìn ngọn đuốc bốc cao và nhanh chóng tàn lụi của tờ báo cháy. Phía sau ngọn lửa, Ralph nghe thấy những tiếng cười, những tiếng cười dưới những chiếc mũ quân nhân. Giờ anh ta lại như nhìn thấy ánh mắt giễu cợt của những người lính.

Những người đàn ông đội mũ quân nhân đang cười và nhìn anh ta.

Thẩm Du, họ nói thế khi nói chuyện với anh ta.

— Bố, Cassius Clay đây! Ta làm hòa chứ? – đứa bé trong bếp hét lên để xin tha. – Bữa ăn đã sẵn sàng!

Thật không thể chịu nổi, cái sà-lan. Khi đi qua nhau, trong những hành lang chật hẹp, họ bắt buộc phải chạm vào nhau.

Xin lỗi, Thẩm Du!

Không thể nào được ở một mình, không bao giờ, trong bất kỳ hoạt động thường nhật nào, càng không thể khi đi ngủ.

Này, ngủ rồi à, Thẩm Du?

Các tay lính như bị ngọn lửa trong lò sưởi nhỏ ngấu nghiến, nhưng họ

mặc kệ lửa, và vẫn tiếp tục trò mỉa mai của mình.

Ê, Thẩm Du…

— Bố ơi, sẵn sàng rồi!

Mày đấy à, Thẩm Du…

— Bố ơi, bố ra chưa?

Ê, Thẩm Du!

— Bố ơi?

— Ừ, bố ra đây, con trai… Bố ra đây.

← Hiệp hội quyền Anh Thế giới.

← Tên thật của vận động viên quyền Anh Muhammad Ali.

23 QUÂN Q CƠ

3 THÁNG CHÍN 1964, 318 ĐẠI LỘ INDIANA, WASHINGTON

— Đó là một vụ tai nạn, chỉ là tai nạn thôi, – Nick khăng khăng. – Nào, uống đi, Alice… Phải, cạn chén! Một chút rượu sẽ làm cô thấy khá lên…

— Tôi đã rất sợ, – Alice vừa thì thầm vừa run lập cập.

Đừng sợ gì cả, tôi ở đây rồi, Alice nhỏ bé của tôi.

— Cô làm tôi ngạc nhiên đấy, Alice, – Nick nói tiếp. – Không thể tin được cô đã thoát nạn như vậy, gần như không bị thương chút nào. Chỉ cánh tay chảy máu và vài vết thương trên mặt. Chỉ cần bước một bước vào trong căn hộ là cô tan xác rồi. Bức tường đã bảo vệ cô, chỉ có cánh tay phải chịu đau đớn một chút. Rồi thì, tuy cô hứng trọn cánh cửa nhưng nó lại thành lá chắn che cho cô khỏi những thứ còn lại. Dù sao cô cũng bị vùi dưới cả mét gạch vụn. Thật may khi cái ông Nelson đó phản ứng nhanh như vậy, cô phải biết ơn ông ta lắm.

Alice, vẫn đang sốc, nhìn Nick.

Họ ngồi trong cầu thang, tầng bốn. Người hàng xóm tầng dưới, nhân

viên bảo vệ về hưu của Hội Địa lý Quốc gia Hoa Kỳ, đã cho cô trú nhờ trong lúc Nick đến. Nhờ thế, Alice, người dây đầy mứt quả và đủ loại mảnh vụn, đã được tắm. Ông già nhỏ bé ân cần thậm chí còn cho cô hàng xóm tầng trên mượn chiếc áo choàng mặc trong nhà độc nhất của mình: một chiếc áo choàng lông dài cũ màu đỏ, lông nhiều như một số loại chăn trải giường hay ghế lười sặc sỡ thời thượng. Đằng trước áo cài hai cúc to bản hình túm bông, cũng sặc sỡ không kém.

Chiếc áo choàng thảm hại khoác lên người ông già bảo vệ hẳn trông cũng rất đáng thương. Nhưng khi Alice mặc vào, nó liền trở nên trơ trẽn lạ lùng. Được may cho ông già nhỏ thó cao một mét sáu, chiếc áo choàng mặc lên người Alice chỉ dài qua mông một chút, để lộ toàn bộ đôi chân trần. Cổ áo thõng xuống, lỏng lẻo, và cúc áo túm bông lọt thỏm trong các lỗ khuyết quá rộng chẳng che chắn được gì đáng kể. Nick chỉ cần đưa mắt nhìn xuống là có thể ngắm ngực Alice.

Anh kiềm chế. Hoàn cảnh đang giúp đỡ anh. Anh chỉ ngắm khuôn mặt cô thôi. Tóc vẫn ướt, dính sau lưng, trừ vài lọn bất trị rủ xuống mắt, Alice trông giống người mẫu cho một loại kem dưỡng ẩm hay một loại nước hoa. Một trong những cô người mẫu tạo dáng ướt át trên lớp giấy láng bóng của tạp chí phụ nữ, chiếm trọn một trang.

Cô ấy thật đẹp, lạy Chúa… Chọc mù mắt mày đi, Nick, trước khi quá muộn. Gì cơ? Đã quá muộn rồi sao? Lạy Chúa, chuyện gì xảy ra với mày thế? Ai có thể ngờ sau khi tắm cùng các tiên nữ, lúc mặc lại y phục, thần Vệ nữ của Botticelli lại khoác một tấm áo choàng đỏ cũ rích?

Alice vẫn đăm đăm nhìn vị thám tử, có vẻ cô chờ được nghe những lời an ủi khác.

— Tóm lại, – Nick vẫn nói được bằng giọng tự nhiên, – một tình huống ngẫu nhiên kỳ lạ. Công tắc hẹn giờ tắt, cánh cửa rơi đè lên cô, người ăn

mày đóng vai anh hùng. Quả là may mắn lạ thường, Alice…

— *May mắn,* Nick, anh có biết…

— Phải, tôi biết, không phải lúc nào cũng có may mắn như thế, và cô nghĩ đến Lucky khi nói vậy. Nào, đừng nghĩ đến nó nữa trong một chút thôi.

Kìa, hôm nay mày nói hay thế, Nick yêu quý. Là cảm xúc cho mày cảm hứng, hay là tấm áo choàng mở rộng trong tưởng tượng của mày?

— Tôi đã nói chuyện với đội cứu hỏa, – Nick nói tiếp. – Có vẻ đó là do một vết gỉ, một vết gỉ rất nhỏ làm ống gas bị rò. Chuyện rất hiếm khi xảy ra. Rồi tất cả nổ tung khi bóng đèn bật sáng. Có thể là một tia lửa nhỏ, có thể chỉ do sức nóng. Dù thế nào cô cũng có thể kiện chủ tòa nhà, chắc chắn cô sẽ thắng!

Alice mỉm cười. Cô kéo nhẹ cổ áo choàng để che cao lên, nhưng nó lại tụt xuống ngay.

Thật hay họ làm sao, vụ kiện chủ tòa nhà. Rốt cuộc, tối nay mày thật hào hứng, Nick thân mến ạ.

— Đó là tai nạn à? – Alice hỏi. – Anh chắc chắn chứ?

— Phải. Hoặc cũng cần phải điều tra… Không, không thể xảy ra được, cần phải lọt được vào nhà cô mà không bẻ khóa, phá ống gas, hoặc thay một ống gas khác đã hơi gỉ vào ống gas của cô, phải là loại giống hệt, tính toán lượng gas sẽ rò ra cho đến khi cô về nhà, không quá nhiều, không quá ít. Tạo ra một tia lửa vào lúc bóng đèn bật sáng. Không, chỉ có thể là trong hư cấu.

Hoặc là… Không, không, đó là chuyện hư cấu! Mày đừng tưởng tượng này nọ!

— Anh làm tôi thấy yên tâm, Nick ạ, tôi có những ý nghĩ rất đen tối nảy ra trong đầu. Vụ tai nạn này, mười ngày trước phiên tòa… Trong đầu tôi đang nghĩ tới những kế hoạch khủng khiếp.

— Liên quan đến Emilia Arlington à? Tôi hiểu. Nhưng cô yên tâm, vụ tai nạn này chỉ là tình cờ. Mọi thứ trong tòa nhà này đều hỏng hóc hết rồi. Cô phải biết rõ điều đó chứ!

Nào Nick, bây giờ chính là cơ hội hoặc không bao giờ, hãy hỏi cô ấy có sợ không, nếu có, hãy ôm cô ấy, và theo đà, hãy đề nghị đón cô ấy đến ở!

— Alice, cô có sợ không?

— Không, không phải vậy. Tôi không sợ cho tính mạng mình, tôi không quan tâm đến nó. Nhưng vụ tai nạn này giống như một điềm xấu. Tôi chỉ sợ chúng ta sẽ không thắng trong cuộc chiến chúng ta đang theo.

Màn ôm thất bại rồi! Hãy thử sang vụ đón tiếp. Biết đâu…

— Dọn dẹp căn hộ của cô hẳn sẽ mất chút thời gian, tôi nghĩ vậy. Nếu cô muốn, Alice, từ giờ cho đến phiên tòa, cô có thể qua nhờ chỗ tôi. Tôi có… Chúng ta ở chật một chút vậy!

— Anh thật tử tế, Nick, – Alice trả lời với nụ cười làm tan chảy của một cô gái hiểu mọi chuyện và không muốn làm phật ý. – Nhưng sẽ ổn thôi. Tôi vẫn cần sự cô đơn. Tôi sẽ đến ở khách sạn.

— Tùy cô thôi, Alice.

Alice nhìn sang hướng khác, vẻ suy tư. Dù không muốn nhưng Nick cảm thấy ánh mắt anh nhìn xuống. Chỉ một thoáng, một thoáng liếc trộm.

Đáng nhẽ mày không được…

Để trần và thả tự do trong chiếc áo choàng, Nick nhìn rõ bầu ngực trắng trẻo của Alice. Anh nảy ra ý nghĩ kỳ cục rằng hẳn chúng phải được treo

bằng một loại dây vô hình nào đó, để thách thức mọi định luật trọng lực và giữ thăng bằng, thẳng, gần như dựng đứng bất chấp kích thước mê hoặc, và được trí tưởng tượng của anh phóng to thêm nữa.

Võng mạc Nick như bị thiêu đốt.

Cho đến lúc này, trong số những cô gái anh quen, những cô có ngực không chảy xệ là bởi họ hoàn toàn không có ngực!

Nick ngước mắt, chuyện đó chỉ kéo dài thoáng chốc, Alice có vẻ vẫn đang chìm trong dòng suy nghĩ.

Đừng tiếc gì cả, Nick thân mến. Hãy tưởng tượng cô ấy đã chấp nhận lời mời của mày. Tưởng tượng cô ấy đi đi lại lại trong bộ đồ lót trước mặt mày, suốt cả ngày, trong căn hộ hai phòng của mày. Một góa phụ đã nguyện giữ gìn trinh tiết… Mày sẽ phát điên, hay tâm thần. Và sẽ phải vào trại tâm thần hoặc bị cảnh sát phong tục bắt! Mày hiểu chứ?

Hiểu?

Chắc không?

Nào, anh bạn, giờ mày có thể dừng tưởng tượng cô ấy mình trần đi lại trên thảm rồi đấy!

24 QUÂN Q BÍCH

4 tháng Chín 1964, khu sứ quán, Washington

Như mọi sáng, Emilia Arlington thức dậy vào lúc 6 giờ 30. Bà đã mặc quần áo, bà ghét xuống nhà trong bộ áo choàng mặc nhà. Rất ít người có thể khoe mình đã thấy Emilia lúc đã trưởng thành trong trang phục nào khác ngoài váy và khăn choàng.

Như mọi ngày, bà thấy một cốc nước cam, cốc cà phê, ba lát bánh mì phết bơ. Một bát, một thìa, Maria từ giờ không dọn thành bộ đôi nữa. Bà Arlington thấy cả tờ báo gập đôi, *Washington Post,* đặt bên tay phải. Như mọi khi, bà nếm cà phê, thấy quá nóng, rồi đọc tờ báo từ cuối lên đầu: Sở chứng khoán, ảm đạm; quay lại những mục in tít to; bỏ qua mục thể thao và xem lướt tình hình chính trị nước ngoài. Đó không phải thứ bà quan tâm. Bà nán lại lâu hơn ở mục chính trị trong nước, nhúng một chiếc bánh tartine vào cà phê.

Tuần tự, một đoạn, một miếng, một đoạn, một miếng…

Được nói đến nhiều nhất là tình trạng phân biệt chủng tộc, người ta chỉ

nói mỗi chuyện này kể từ khi tên của Luther King được xướng lên trong lễ trao giải Nobel Hòa bình! Phù, bà thượng nghị sĩ không hứng thú với câu chuyện. Sự phân biệt, thậm chí chẳng đáng để bàn đến, là kiểu sự nghiệp đấu tranh chưa khởi xướng đã bị kết án thất bại đối với những kẻ bảo vệ sự phân biệt hợp pháp: chúng ta nhất định sẽ đạt được bình quyền giữa người da trắng và người da đen. Và cũng là kiểu sự nghiệp chưa đấu tranh đã bị kết án thất bại đối với những người tin mình có thể xóa bỏ bất công xã hội. Bất chấp quyền của họ, người nghèo vẫn sống với người nghèo, người giàu vẫn sống với người giàu, người da đen sống với người da đen. Bà Arlington lại nghĩ như thế rất tốt. Các khu biệt cư không làm bà lo lắng. Những kẻ khẳng định rằng phải chấm dứt sự tồn tại của các khu biệt cư, phải trộn lẫn người nghèo người giàu trong các khu, chẳng giải quyết được gì: cách của họ không làm giảm số người nghèo, mà chỉ đơn giản là che giấu số người nghèo kỹ hơn. Họ còn dám nói đến cả tình đoàn kết, cái lũ đạo đức giả đó! Không, tất cả những tranh cãi này sẽ chẳng đi đến đâu!

Gần như không có tin gì về kinh tế. Tờ *Washington Post* rõ ràng ngày càng sa vào mị dân. Có lẽ bà nên thử đọc tờ *Mirror,* nhưng có những thói quen không dễ thay đổi. Bà kết thúc bữa sáng bằng thói quen kỳ cục là uống nước cam, và lục tìm ngẫu nhiên các bài trên các trang khác. Bởi thế bà thích đọc theo đường chéo, tổng hợp thông tin của một trang chỉ bằng cách lướt mắt chỗ này chỗ kia và đọc chậm hơn ở vài dòng tít. Như khi bà phải tóm tắt các báo cáo hay hồ sơ dày hàng trăm trang chỉ trong vòng vài giờ. Bà thích rút gọn vô số chi tiết này thành một thông tin duy nhất, một ý tưởng duy nhất, rõ ràng, đơn giản, chính xác, áp dụng được. Điều này đòi hỏi phải luyện tập trí óc khủng khiếp. Phải cùng lúc phân tích hàng nghìn thông tin. Lọc, phân loại, lựa chọn và loại trừ. Tiếp tục phân tích những gì còn lại, lọc, phân loại, lựa chọn, loại trừ trở nên càng lúc càng khó. Lặp đi lặp lại vô số lần trong đầu, cho đến khi chỉ còn lại duy nhất một phương

trình giải thích toàn bộ đống hỗn độn. Người ta luôn khen ngợi óc tổng hợp của bà. Thật ra chìa khóa là khả năng ra quyết định cực nhanh: không nấn ná chần chừ, quyết định không do dự, không quan tâm đến các chi tiết, chỉ giữ lại trong đầu duy nhất mục tiêu cuối cùng, biết loại trừ, tiếp tục loại trừ, để chỉ giữ lại ý chính.

Ngụm nước cam thứ ba, Emilia Arlington bắt gặp bài báo ngắn:

> NỔ TẠI ĐẠI LỘ INDIANA
>
> Một căn hộ nhỏ trên tầng sáu số nhà 318, đại lộ Indiana, đã bị thổi bay hoàn toàn vào cuối giờ chiều ngày hôm qua do một vụ nổ rất lớn, mà theo đội cứu hỏa, nguyên nhân là do rò gas. Một cách kỳ diệu, vụ nổ không có nạn nhân nào. Người thuê căn hộ, Alice Queen, giáo viên tiếng Pháp, đang về nhà khi xảy ra vụ nổ, chỉ bị thâm tím nhẹ. Tuy vậy, vụ nổ một lần nữa đặt ra vấn đề tình trạng cũ nát trong các tòa nhà tư nhân cho thuê giữa khu phố lịch sử của thủ đô. Đến khi nào mới thực sự có chính sách về việc sửa chữa nâng cấp các tòa nhà cũ?

Năng khiếu loại trừ, bà Arlington nghĩ.

Thế mà Horace Haldas đã giới thiệu Ted Silva cho bà như một viên ngọc trai… Và bà cũng không hề bủn xỉn trong việc trả tiền cho hiệp hội Ex-voto! Còn mười ngày là đến phiên tòa, thế là hỏng rồi. Nếu Ted Silva thông minh, và hẳn là hắn cũng thông minh ở mức tối thiểu, hắn sẽ không thực hiện âm mưu thứ hai quá sát vụ thứ nhất. Hai vụ tai nạn, kể cả ít khả nghi nhất, khi chúng nối tiếp nhau, thì sẽ không còn là tai nạn nữa. Viên cảnh sát ngu ngốc nhất cũng sẽ nghi ngờ.

Vậy là rắn độc sẽ có mặt ở phiên tòa.

25 TRẬN CHIẾN

14 THÁNG CHÍN 1964, TÒA ÁN FOGGY BOTTOM, WASHINGTON

— Ngài hãy hình dung vách đá đó, thưa chủ tọa, một bức tường màu trắng cao hơn sáu mươi mét, súng máy chĩa tua tủa, pháo đài kinh khủng nhất mà con người có thể dựng lên… Bờ thành đó chính là nơi bắt đầu cuộc tấn công!

Teddy Baur nói kiểu cách. Anh ta có cả một phòng đầy các cử tọa đã bị chinh phục từ trước. Một nửa trong số họ là các cựu binh biệt kích, nửa còn lại là bạn bè và gia đình của Lucky Marry. Vậy nên anh ta đủng đỉnh miêu tả quang cảnh, tái tạo bầu không khí, anh ta phải xứng với danh tiếng họa sĩ của mình.

Phiên tòa diễn ra tại một trong những tòa án mờ nhạt của nước Mỹ, hơi hào nhoáng rẻ tiền với lớp gỗ lát tường và những lá cờ, vốn quen thuộc với khán giả truyền hình khắp thế giới, những người biết đến tòa án Mỹ nhờ thường xuyên xem phim hay đọc tiểu thuyết đăng báo, những người biết tòa án Mỹ thậm chí còn rõ hơn tòa án nước mình.

Robin Le Gris, luật sư của bà Arlington, có vẻ căng thẳng… ngay cả khi ông ta không thực sự căng thẳng. Đó chỉ là bề ngoài. Trong ba mươi năm làm nghề, ông ta chưa bao giờ thôi được những tật lặt vặt bẩn thỉu của mình, gặm móng tay, nhai bút chì, vo viên giấy, tất cả những gì có thể khiến hàm hoặc răng bận rộn. Ông ta chỉ có thể tập trung khi làm vậy. Người khác coi đó là sự căng thẳng, ông ta biết, ông ta đã thử sửa, nhưng chẳng có tác dụng: những thói tật, những hành động ký sinh, các chuyên gia mà ông đến khám nói vậy, vẫn cứ trở lại. Ông ta phải rất tập trung để tránh cho các ngón tay vung vẩy bởi đó chính là lúc ông ta trở thành một luật sư tầm thường, một luật sư chỉ lơ đãng lắng nghe là một luật sư tầm thường. Vậy là ông ta bỏ cuộc. Giờ ông ta chẳng quan tâm, chuyện đó không thể ngăn ông ta là một trong những luật sư danh giá nhất Washington, và khi ông ta đứng dậy để nói, chẳng có mấy người còn nhìn tay ông ta.

Lúc này, ông ta sắp sửa gặm hẳn nắp chiếc bút dạ Waterman tuyệt vời mà con gái ông ta tặng cách đây một tháng. Hầu như năm nào người ta cũng tặng ông ta bút, việc này giúp gia đình ông ta khỏi đau đầu vào dịp Noel, bút dạ được ưu tiên. Người ta từng một lần tặng ông ta bút máy, nhưng thói quen gặm đến thủng cả ống mực quả là thảm họa. Le Gris ngắt nắp bút bằng một nhát cắn cáu kỉnh rồi nhìn quanh xem người ta có đang nhìn mình không. Dù sao những tật này cũng không tệ như nghiện thuốc, không đắt tiền hơn cũng chẳng nực cười hơn.

Robin Le Gris, dẫu rất chuyên nghiệp, lại không được tập trung lắm. Phải nói tên Teddy Baur này là nhân chứng thứ mười sáu lên vành móng ngựa kể lại chính xác cùng một câu chuyện, hơn thế nữa, hắn lại còn đủng đỉnh miêu tả quang cảnh nữa. Nghề nghiệp: họa sĩ. Mà còn không hề căng thẳng.

Hai mươi ba nhân chứng tất cả. Tất cả những gì bên nguyên tìm được.

Do thiếu bằng chứng chất lượng, họ phải dựa vào số lượng. Nhưng chuyện đó chẳng bịp được ai, mà ngược lại! Mỗi nhân chứng đều kể cùng một câu chuyện và mỗi bài diễn văn chân thành rõ ràng có thiện ý của họ, khi xếp chồng lên nhau, lại dẫn tới giả thiết đây là tin đồn. Có thể tạo ra cả nghìn nhân chứng cùng nghe phong thanh về một tin đồn, chuyện này không hề chứng minh được rằng tin đồn đó là có căn cứ, rằng đó không phải là trò đùa, trò lừa, trò bịp, trò vu khống. Vậy thì một tin đồn từ hai mươi năm trước, mà tất cả các nhân vật chính trong đó đã chết hoặc mất tích, không có một bằng chứng bằng văn bản nào…

Vụ kiện này cứ bình tĩnh mà làm, Robin Le Gris vừa nghĩ vừa tìm cách cắn bút mà không bị dây mực trước khi đến phần biện hộ của mình.

Khán phòng nhỏ chật ních cử tọa, và gần như tất cả đều đến vì Lucky. Emilia Arlington không công bố thông tin gì, ngay cả các thành viên trong gia đình bà cũng hầu như không hay biết và không được mời. Bà định giải quyết vụ việc nhanh chóng và kín đáo.

Trên những băng ghế là các tay lính biệt kích đến để nghe câu chuyện về tuổi trẻ của mình. Còn có cả phần lớn cư dân làng Litchfield, cha mẹ Lucky, ngồi sát vào nhau, các chú bác và anh em họ, những người bán hàng trong làng, những người bạn, tất cả những người quen Lucky thời trẻ, họ đều ăn mặc trang trọng để lên Washington, bảo vệ người anh hùng của làng, đánh đổ *mụ Arlington,* mụ thượng nghị sĩ vẫn mạo xưng bảo vệ quyền lợi người nông dân. Họ cũng tranh thủ dịp này để phản đối chính trị, phản đối những tên đeo cà-vạt trong điện Capitol hay trong Nhà Trắng, những kẻ làm ngơ trước các nông dân ở những ngôi làng như Litchfield; gộp chung vào rọ món nợ của Arlington với Lucky và món nợ của chính phủ với những người chăn nuôi miền Tây, những tiểu thương, những người về hưu sống giữa

Litchfield hẻo lánh, không được hưởng mạng lưới giao thông công cộng xứng tầm một đất nước văn minh.

Tóm lại, là một căn phòng đầy thù địch, quá thù địch. Điều này lại làm Robin Le Gris thích thú, cái kiểu trộn lẫn các loại người ấy. Sẽ làm phe kia rối trí. Củng cố thêm ý nghĩ về một yêu sách mơ hồ và không có căn cứ, về một vụ kiện trên danh nghĩa chứ không có tính thực tế. Thẩm phán, Carteron, một tay lão luyện của công lý mà ông ta thuộc lòng từng phản xạ, sẽ không để một đám đông hừng hực khí thế nhưng ngây thơ như thế uy hiếp mình.

Alice Queen, bên nguyên, có vẻ khác biệt, thật xinh đẹp và đầy tự trọng trong đớn đau. Không nhặng xị, chỉ có một quyết tâm không thể lay chuyển. Hai mươi năm sau, một ý chí như thế, thật đáng nể. Ngoài ra, góa phụ này thật sự trông rất trẻ. Phải, cô thực sự gợi lên hình ảnh nữ anh hùng trong tiểu thuyết. Cô còn nguy hiểm, có sức thuyết phục, bằng thái độ, bằng sự im lặng, hơn cả trăm kẻ ủng hộ ồn ào và hai mươi nhân chứng kia.

Robin nghĩ sự nể phục ông ta dành cho Alice có lẽ còn đến cả từ nghề nghiệp của cô: giáo viên tiếng Pháp. Họ của ông ta cũng là họ Pháp, Le Gris. Chính xác thì Le Gris không phải họ thật của ông ta. Rất ít người biết rằng, họ thật của vị luật sư là Robin Grey, nhưng ông ta luôn thấy cái họ này thật tầm thường đến khốn khổ. Một hôm, trong một bộ phim Canada, ông ta đọc thấy tên của một diễn viên trong danh sách những người thực hiện bộ phim, Hyacinthe Le Gris. Ông ta biết dịch. Ông ta thấy Le Gris nghe hay hơn Grey nhiều nếu lấy làm tên cho một luật sư có tiếng tăm, dù khi đó ông ta vẫn chưa thành danh. Còn lại là câu chuyện về tiền bạc.

Đã đến nhân chứng thứ hai mươi ba, cũng là nhân chứng cuối cùng, tay lính

biệt kích thứ hai mươi ba, Barry Monroe. Tay này không phải là nhà thơ.

— Cần phải trải qua vụ đó mới có thể hiểu được mọi chuyện, thưa chủ tọa, đến bốc một con số trong cái cặp lồng! Tôi sẽ nhớ chuyện này suốt cuộc đời thảm hại của tôi. Tôi vẫn có thể kể tên từng người lính biệt kích với con số họ đã bốc: Oscar Arlington số 4, Lucky Marry số 148. Chẳng có gì phải ngập ngừng! Chuyện đó xảy ra cách đây hai mươi năm nhưng như thể mới hôm qua vậy!

Phải, chúng tôi có thể hình dung, anh bạn ạ, Robin Le Gris nghĩ. *Anh là người thứ hai mươi ba kể lại cảnh tượng đó cho chúng tôi, vậy nên chúng tôi bắt đầu có ý niệm khá chính xác về con tàu!* Họ không đến đây để làm chứng, họ đến đây để tự kể cho nhau về tuổi trẻ của mình, tiêu diệt những con quỷ ám họ suốt hai mươi năm trời, chấm dứt những cơn ác mộng hằng ngày. Đây không còn là tòa án nữa, mà là một phòng trị liệu tâm thần khổng lồ.

Robin Le Gris chờ cho nhân chứng cuối cùng kể xong. Ông ta nhét phần còn lại của chiếc bút Waterman vào túi rồi đứng dậy:

— Thưa ông Monroe, ông là nhân chứng cuối cùng, tôi có thể hỏi ông vài câu hỏi được không?

— Chắc chắn rồi…

— Trong số hai mươi ba nhân chứng chúng ta vừa nghe, không có một ai là sĩ quan. Có phải điều này chỉ là tình cờ?

— Không, ông nghĩ xem, chuyện trao đổi số thăm, rồi bản giao kèo ấy, không sĩ quan nào biết chuyện. Ông phải hiểu rõ họ sẽ không chấp nhận một chuyện như thế chứ. Oscar đã bí mật đưa ra đề nghị!

— Bí mật? Tôi không hiểu… Đề nghị đó, ông có chắc đó thực sự là một đề nghị? Chính xác thì Oscar Arlington đã đưa ra vụ đó như thế nào?

— Ờ, anh ta khá suy sụp, giống những người khác, giống tôi, giống bất cứ ai bốc phải một con số nhỏ. Anh ta lấy tay ôm mặt, rồi nói như sau: “Số 4 chết tiệt, tôi sẽ bán cho ai muốn, tôi sẵn sàng trả đến mười nghìn đô-la cho mỗi số cách biệt!”

— Ông chắc chắn đó là những lời của ông ấy?

— Ờ, đã cách đây hai mươi năm. Nhưng cũng đại loại như thế…

— Không phải ông ấy có thể đã dùng thức điều kiện§ sao?

— Thức gì cơ?

— Có thể Oscar Arlington đã nói gì đó đại loại như: “Số 4 này, mình những mong không bốc phải, mình sẵn sàng đánh đổi gia tài của mình để không bốc phải nó!”

— Phải, kiểu như thế. Có gì khác với điều tôi vừa nói à?

Robin Le Gris chỉ tỏ vẻ nuối tiếc.

— Phải, – Barry Monroe tìm cách chống trả, hiểu rằng tên luật sư đang tìm cách thao túng mình. – Nhưng chính tôi đã ở đó! Có thể tôi không nhớ chính xác từng từ của Arlington, nhưng tôi nhớ rõ đó là một lời đề nghị rõ ràng và thẳng thắn, không mơ hồ chút nào! Tất cả chúng tôi đều hiểu nó như thế!

— Có lẽ vậy… Nhưng có thể với Oscar, đó chỉ là lời nói vô hại do quá buồn bã, tuyệt vọng, chẳng có ẩn ý nào hết. Ta khó có thể lên án danh dự của một người, hơn nữa còn là người đã mất, dựa vào cách những người khác diễn giải tuyên bố của người đó, mà lại từ những ký ức mơ hồ. Thêm nữa không ai quý Oscar, tất cả các nhân chứng đã nói với chúng ta hoặc làm chúng ta hiểu như thế: những lời của ông ấy sẽ được tự động diễn giải theo lòng tham mà họ gán cho ông ấy. Dẫu chẳng qua chỉ là ông ấy cam chịu!

Tôi thấy tất cả những lời chứng này có vẻ hơi quá đồng nhất. Trong một nhóm, nhất là trong một nhóm đàn ông, và càng rõ ràng hơn trong một nhóm đàn ông tham gia chiến tranh, luôn có một vài người đứng đầu nổi bật lên. Và một người phải giơ đầu chịu báng, bị cô lập, bị đổ hết lên đầu mọi tội lỗi, dù là tội lỗi có thật, giả định hay bịa đặt. Không gì tốt hơn là tạo ra một người giơ đầu chịu báng để giúp một nhóm được bền chặt, gắn kết, thống nhất.

— Arlington không phải kẻ giơ đầu chịu báng! – Monroe tự vệ lần cuối. – Ôi không, thưa ông! Anh ta là tên hèn nhát, kẻ nhát gan sẵn sàng làm tất cả để giữ cái mạng mình…

— Cảm ơn ông.

Suốt phần còn lại của phiên tòa, mỗi người đều chỉ nhắc lại những luận điểm và lời chứng theo hướng này hay hướng khác. Không có tiến triển gì đáng kể.

Sau hơn một giờ tranh cãi qua lại, cuối cùng Robin Le Gris đứng lên kết thúc phần biện hộ, một cách tự tin. Vụ kiện này đúng là một vụ hời, với một lòng nhiệt huyết đẹp đẽ vượt quá sức các diễn viên, được củng cố thêm bằng những tình tiết bay bổng trữ tình, những ký ức về nước lạnh và sương mù, đạn rít vèo vèo, người tốt và kẻ xấu, những số phận lớn lao lụi tắt, cùng chuyện tình ngắn ngủi giữa cô gái mồ côi và tay liều lĩnh của làng, những cảm giác mạnh mẽ, rất nhiều cảm xúc, và nhất là… không có thứ gì cụ thể, rõ ràng, không có gì đủ để dẫn đến một sự kết án nào đó.

Robin Le Gris, trong phần biện hộ, nhanh chóng trở lại ý kiến về người giơ đầu chịu báng, nhưng không quá nhiều, không nên coi thẩm phán Carteron là tên đần. Ông ta công nhận, với phe đối nghịch, rằng đúng là đã có sự trao đổi số thăm giữa Oscar và Lucky (đây là điều tối thiểu ông ta có

thể nói, rất khó để làm cho một người bất kỳ tin rằng cả một trung đoàn quân đội đứng trước chiếc mũ đã là nạn nhân của một ảo giác tập thể).

— Vậy đúng là đã có cuộc trao đổi, – Le Gris nói. – Rất có thể. Nhưng dựa trên căn cứ nào? Tại sao? Khoản tiền trao đổi là bao nhiêu? Rõ ràng chúng ta chẳng biết gì. Tất cả những gì chúng ta biết về cuộc trao đổi ấy đều là qua miệng Lucky Marry, chính ông ấy khẳng định mình đã bán số 148 lấy 1,44 triệu. Ông ấy và chỉ duy nhất ông ấy! Không một nhân chứng nào có mặt ở đây đã đọc, thậm chí nhìn thấy, bản giao kèo trứ danh đó. Các nhân chứng chỉ nhắc lại những gì Lucky Marry muốn nói với họ, nhưng không một bản nào của giao kèo trứ danh được trình ra trước tòa, không ai trong số hai nhân chứng *chính thức,* những người, theo lời kể lại, sở hữu mỗi người một bản giao kèo, có mặt ngày hôm nay.

Do thiếu các bằng chứng, nên rốt cuộc chúng ta rút về một khả năng duy nhất: đối chứng lời nói của Lucky Marry với lời nói của Oscar Arlington. Lucky Marry khẳng định ông ấy đã đổi vị trí của mình lấy 1,44 triệu. Oscar Arlington không nói gì cả, nhưng cũng không trả tiền, điều này có vẻ chứng minh rằng ông ấy không có cùng ý kiến với cách thức trao đổi số thăm. Vậy là một trong hai người đã nói dối. Cả hai đều đã chết. Chúng ta không có lý do gì để tin người này hơn người kia. Đây là trò sấp hay ngửa ngẫu nhiên. Liệu ta có thể thực sự kết tội Oscar Arlington, và cùng với ông ấy là toàn bộ gia đình Arlington, phẩm hạnh của một gia đình Mỹ cao quý, một cách ngẫu nhiên? Chẳng phải trong ngành tư pháp Mỹ có thứ gọi là suy đoán vô tội ư?

Nếu các vị kết tội Oscar Arlington ở đây, thì ngày mai, tại sao tôi lại không thể? Tôi sẽ đi kể rằng một hôm, cách đây rất lâu rồi, hai hay ba mươi năm, chẳng hạn thế, tôi hình như đã cứu mạng người về sau là tổng thống Kennedy và ông ấy hứa đổi lại sự giúp đỡ đó bằng vài triệu đô-la, ngay khi

có thể đặt tay lên tập séc. Rồi ông ấy biến mất. Tôi kể chuyện đó cho tất cả bạn bè, tôi thậm chí còn kể tôi đã ký một giao kèo, rằng tôi có những nhân chứng đã, hỡi ôi, chuyển nhà đi, khó tìm một cách bí ẩn, hoặc đã chết. Vài tuần sau vụ ám sát tổng thống Kennedy, tôi đến cùng câu chuyện không thể kiểm chứng của mình để lấy mấy triệu đô đó! Ai sẽ công nhận là tôi đúng?

Nghiêm túc nào! Phải, trong vụ việc liên quan đến chúng ta hôm nay, có thể đã có vụ trao đổi. Nhưng cái giá là gì? 1,44 triệu đô-la? Gấp đôi thế? Hay một nửa? Hoàn toàn không đồng nào? Vì một thỏa thuận bí mật giữa Lucky và Oscar? Vì một khoản nợ chơi bài poker? Không, nghĩ cho kỹ thì chắc chắn không phải vì một khoản nợ chơi bài. Lucky chơi poker rất giỏi, ông ấy là người chơi cừ, ông ấy không thua bao giờ, tất cả các nhân chứng đã nói thế với chúng ta. Lucky chơi poker giỏi không phải vì ông ấy may mắn. Không. May mắn chẳng bao giờ tạo ra những người chơi poker cừ khôi. Để là một người chơi poker cừ khôi, thưa quý ông quý bà, hẳn tôi không cần phải dạy quý vị điều đó, chỉ có một quy tắc: phải biết lòe bịp!

Tôi xin cảm ơn.

Robin Le Gris nhìn thẳng vào đám đông đối địch: vậy là rốt cuộc, cũng không quá tệ nhỉ, người nhai bút? Ông ta đã làm giảm, thậm chí, ông ta chắc chắn điều này, làm lung lay niềm tin nơi các tín đồ không chịu thỏa hiệp của Lucky.

Khi tự lắng nghe mình, chính ông ta cũng gần như bị thuyết phục. Bởi thành thật mà nói, ông ta hẳn nhận ra rất rõ, tuy không có bằng chứng nào, niềm tin của chiến tuyến bên kia. Con trai nhà Arlington là một con sên nhả ra vàng. Rất có thể đã diễn ra vụ trao đổi và Oscar sợ đến ướt quần khi còn ba ngày là đến cuộc đổ bộ, hẳn là hắn không hứa đổi một thanh kẹo cao su và ba điếu thuốc cho tên mất trí Lucky để người này đồng ý thế chỗ.

Không, hắn Oscar Arlington sẵn sàng khạc ra mọi thứ trên chiếc sà-lan, toàn bộ gia sản nhà Arlington từ một thế kỷ nay, với biệt thự ở Virginia, cánh đồng bông và các nô lệ. Tất cả để không phải chết… Và một khi quay về, nỗi sợ súng đạn đã biến mất, nỗi sợ duy nhất còn lại là mẹ hắn, nhỡ bà ta biết vụ mặc cả. Hắn giấu nhẹm mọi chuyện. Nhưng có lẽ không giấu được nỗi hối hận. Phiên bản này giết chết lương tri, nhưng hỡi ôi, góa phụ xinh đẹp kia chẳng có bằng chứng nào! Ngay cả vị luật sư trước mặt, Jonas Jones, người không hề xoàng, hơi trẻ nhưng không xoàng, cũng không thể làm gì để bù đắp việc thiếu chứng cứ này.

Còn bà Arlington, bà ta có thể nghĩ gì, về toàn bộ chuyện này? Le Gris nghĩ nhanh, chỉ có ba giả thiết: hoặc bà ta có thành ý, và mù quáng vì tình yêu với con, nên thực sự tin con trai yêu dấu của mình vô tội. Giả thiết này ít có khả năng nhất, bởi nó giả định bà Arlington có khả năng yêu thương, yêu thương đến mất đi cả nhận thức thông thường. Tình yêu thương đến mụ mị đó, kể cả là với con trai mình, không hề tương xứng với nhân vật này.

Giả thiết thứ hai là trong đáy lòng bà ta, nữ thượng nghị sĩ hẳn đã phải thừa nhận: con trai bà đã gây ra một sai lầm, thêm vào với những sai lầm trước đó, và đưa toàn bộ gia đình thần thánh đến một bờ rãnh đầy bùn. Nhưng bà ta có lẽ thà nhổ đám lông mũi và râu cằm rất dài của mình, hơn là thừa nhận lỗi lầm của con trai và đưa ra lời xin lỗi công khai. Giả thiết này giả định Emilia Arlington có ý thức lớn về danh dự, về gia đình, và có một ý chí thép. Như thế giống với bà ta hơn nhiều.

Cuối cùng, giả thiết sau cùng, bà thượng nghị sĩ biết tất cả, bà ta biết chuyện, con trai bà ta đã kể hết, khi trở về từ cuộc chiến, hoặc sau đó, lúc hắn tự sát. Bà Arlington biết sự thật và tìm mọi cách phòng thủ. Tóm lại, ta lại quay về giả thiết thứ hai, chỉ có điều chuyện thay vì chỉ là ác ý, như luật sư của bà chẳng hạn, thì bà thượng nghị sĩ là kẻ đồng lõa. Bà ta cố tình, chủ

định không đưa Alice Queen một triệu rưỡi đô-la của cô. Theo quan điểm nếu không phải đạo đức thì ít nhất cũng ở khía cạnh hình sự, chuyện đó dù sao cũng làm thay đổi rất nhiều thứ.

Phiên thảo luận diễn ra ngắn ngủi. Thẩm phán Carteron công nhận đã có cuộc trao đổi số thăm. Ngay cả khi không một sĩ quan nào biết, đó là điều không cần bàn cãi. Nhưng các yếu tố trong vụ kiện không cho phép biết chắc những điều khoản của cuộc trao đổi là gì. Bởi vậy, do thiếu vật chứng, bà Arlington không nợ gì Alice Queen cả. Oscar Arlington vẫn là anh hùng chiến tranh và giữ nguyên tất cả các huân chương quân đội.

Đám đông đứng dậy và càu nhàu, những nắm tay giơ lên, mẹ Lucky gục vào vòng tay chồng, đám lính biệt kích kêu lên đây là nỗi hổ thẹn và vứt huân chương của họ.

Họ có chút phẫn nộ, họ hét lên vài câu *Mua hết rồi, Trò hề công lý, Nhà Arlington được bao che rồi.* Nhưng không phải dễ dàng gì bởi vị thẩm phán này trông khá tử tế, với chòm râu Lincoln, hoàn toàn không phải loại thẩm phán gian xảo có thể mua chuộc hoặc được hưởng lợi từ bà Arlington. Vị thẩm phán nhiều lần nhẹ nhàng nhắc mọi người bình tĩnh ra về. Cuối cùng, mọi người cũng lặng lẽ và buồn rầu rời khỏi khán phòng.

Robin Le Gris đứng trước mặt Emilia Arlington, không tỏ ra tự phụ không đúng chỗ, chỉ thỏa mãn vì nhiệm vụ đã hoàn thành. Trong phiên tòa, Emilia Arlington đã từ chối vị trí *nổi bật* cạnh luật sư của mình. Bà không phải người bị buộc tội, mà là con trai bà. Điều đó cho phép bà được ngồi kín đáo giữa các cử tọa.

— Thắng rồi, – Le Gris nói.

— May quá, – Emilia Arlington càu nhàu. – May mà vẫn còn tồn tại công lý trên cái đất nước này.

Nhưng vị luật sư, dù không muốn, không thể ngăn mình mỉm cười trước điều mà ông đánh giá là một dấu hiệu nữa của ác ý. Bà thượng nghị sĩ không thích điều đó:

— Rốt cuộc, ông cũng như những người khác, Le Gris ạ, thú nhận đi. Ông về phe con phù thủy Queen đó. Tôi trả tiền cho ông, một khoản khá là đằng khác, và ông bảo vệ danh dự con trai tôi, không quá tệ, tôi công nhận điều đó. Nhưng sâu trong lòng, ông tin rằng lẽ phải thuộc về ả tóc vàng đó. Rằng cô ta chỉ là một nạn nhân đáng thương và con trai tôi là kẻ vô lại!

Vị luật sư không dám phủ nhận. Ông chỉ nghĩ: chắc gọi mình là luật sư làm bà ta thấy ngượng mồm.

— Ông nên biết hai điều, Le Gris ạ, – bà thượng nghị sĩ nói tiếp, – hai sự thật mà tôi sẽ không nhắc lại trước bất kỳ phiên tòa nào: thứ nhất, Oscar không tự sát. Nó không phải kẻ giết người. Nó hẳn không bao giờ đủ can đảm giết ai. Tự giết mình thì lại càng không. Ông tin hay không thì tùy, nhưng tôi biết điều đó, bất kể bề ngoài là như thế nào. Sự thật thứ hai, ông sẽ càng khó mà thừa nhận, rằng ả góa phụ sướt mướt đó, thật xinh đẹp, thật cao quý, thật cao thượng và càng cao thượng hơn nhờ số phận của ả, ả Alice Queen đó rất biết cách sử dụng sắc đẹp không thể chạm tới của mình để mê hoặc những người đàn ông ả gặp, ông đừng nói ngược lại, Le Gris ạ. Rốt cuộc, nói ngắn gọn, Alice Queen chỉ là một ả điếm và tiền là mục đích duy nhất của ả. Alice là một kẻ dối trá, một con rắn độc. Một con rắn độc nham hiểm… Khó nuốt, phải vậy không? Nhưng tôi biết, có thể ả đoán được tôi không dễ bị lừa, nhưng ả cũng biết ý thức về danh dự và gia đình buộc tôi phải giữ im lặng!

Bà ta điên rồi, Robin Le Gris nghĩ. *Bà ta lẩm cẩm rồi. Đã đến lúc bà ta*

nên quay về Virginia với cái trang trại của mình và chỉ còn áp đặt quyền lực lên một chục gia nhân, thay vì lên Quốc hội.

— Chỉ duy nhất một điều, Le Gris ạ, mà tôi không hiểu trong câu chuyện này, đó là tại sao Chúa trời lại bảo vệ con người đó cho đến tận bây giờ. Quỷ tha ma bắt ả đi, ngay lập tức!

Bà ta điên rồi, Robin LeGris lại nghĩ, lần này thì tin chắc. Ông ta luôn diễn giải những lời viện dẫn Chúa trời và quỷ sứ là những dấu hiệu không thể bác bỏ của sự điên loạn, một sự điên loạn thường xuyên xảy ra và không thể đảo ngược ở con người vào một độ tuổi nhất định! Cầu Chúa che chở cho ông ta khỏi chuyện đó!

Alice, cùng lúc đó, đang đứng một mình với Nick trên bậc thềm gần như vắng tanh của tòa án.

— Lucky đã chết vô ích, – Alice nói. – Mọi chuyện hỏng cả rồi.

— Không đâu, Alice ạ, – Nick trả lời. – Chỉ là bước đầu tiên, để đánh giá tương quan lực lượng hiện tại. Chúng ta sẽ kháng cáo. Làm vậy chúng ta sẽ có thời gian để tìm các nhân chứng và tờ giao kèo chết tiệt đó. Có rất nhiều hướng mới. Vòng tròn đang khép lại quanh Thẩm Du. Từ một tuần nay tôi đã cho đăng những mẩu tin vặt ở Normandie, để tìm Alan Woe. Thẩm phán đã nói rồi, trong lòng ông ấy đồng ý với chúng ta, ông ấy chỉ đợi chúng ta mang các bằng chứng đến.

— Nick, anh thật tử tế. Nhưng anh sẽ không dành cả đời cho một vụ điên khùng thế này chứ?

— Cô đánh giá tôi thấp quá, Alice ạ.

— Vụ này, từ một tháng nay, đã không mang lại cho anh một đô-la nào.

Nếu cô biết, Alice, rằng ba tháng nay, tôi chẳng có khách hàng nào khác… Vậy thì, giữa vụ việc khùng điên của cô và thất nghiệp…

— Lúc này thôi… Nick trả lời. Nhưng tôi hy vọng cô không quên số phần trăm đã hứa trên tờ séc của Arlington.

— Nick, chúng ta thật nhỏ bé so với họ… Anh đã nghe luật sư của bà ta, Le Gris. Ông ta xoay chuyển tình thế thật dễ dàng…

— Còn cô, cô đã thuê được thám tử tư giỏi nhất thủ đô!

Cô ấy còn không mỉm cười! Tuy vậy, thường thì… Ngày hôm nay, sẽ khó mà làm cho cô ấy, nàng Alice xinh đẹp, tươi vui lên được.

— Nick, tôi đã thuê anh cho đến khi diễn ra phiên tòa. Anh đã làm một công việc phi thường. Hãy cho tôi biết tôi nợ anh bao nhiêu. Tôi sẽ hoàn trả. Sẽ hơi mất thời gian một chút, nhưng tôi vẫn làm ra tiền mà. Xin anh đừng cảm thấy mình buộc phải dành cả sự nghiệp vào vụ này. Đây là số phận của tôi, vấn đề của tôi. Chỉ mình tôi thôi.

— Đừng nghĩ vậy, Alice. Tôi không hề muốn vụ này dừng lại. Bản thân tôi cũng đánh cược rất nhiều vào vụ này.

Mày đang đâm đầu vào đâu thế hả, Nick? Mày không định giở trò tán tỉnh cô ấy, ngay hôm nay, trên bậc thềm tòa án đấy chứ?

— Anh đánh cược gì mà lớn vậy, Nick?

— Xua đuổi những bóng ma quanh cô, Alice, để mang nụ cười trở lại với cô.

Tầm thường, Nick ạ, tầm thường quá.

— Anh thật tử tế, Nick…

Tôi biết, thậm chí quá tử tế… Đáng nhẽ tôi phải là tên đểu và ôm hôn

cô, ngay tại đây, dù cô muốn hay không!

— Đừng nghĩ vậy. Tất cả những chuyện này tuyệt đối không phải vô tư. Có rất nhiều ẩn ý sau sự tận tụy của tôi!

Mày đi chệch hướng rồi, Nick. Nào, làm cô ấy cười đi, tìm thứ gì đó…

— Alice…

Nick do dự không biết có nên nói tiếp hay không.

Một phần nghìn cơ hội để cái chai trên biển của mày không vỡ...

Và rồi anh vẫn tiếp tục:

— Nếu tôi nói với cô rằng tôi yêu cô, tại đây, ngay lúc này, cô sẽ trả lời tôi rằng giờ không phải lúc…

Alice chỉ mỉm cười, nụ cười khiến người khác không khỏi tan chảy:

— Đúng thế, Nick ạ, giờ không phải lúc.

— Quá sớm. Do những bóng ma à?

Alice gật đầu.

— Thêm nữa, bậc thềm tòa án, không phải nơi lý tưởng nhỉ?

Alice lại mỉm cười:

— Không hẳn…

— Mặc kệ, – Nick kết luận, – ít nhất tôi cũng làm cô cười được rồi…

Mày lại tự làm đau mình thêm rồi, đồ ngu! Liệu cô ấy có nhận ra, kẻ phản bội cùng với số phận bi thảm của cô ấy – sùng bái một kẻ yêu mình nhưng đã chết, còn ít đau khổ hơn sùng bái một người phụ nữ vẫn sống nhưng không yêu mình?

← Nguyên văn: *le conditionnel,* thức điều kiện, một thức của động từ trong tiếng Pháp, để chỉ điều không chắc chắn, điều chưa hoặc không xảy ra.

Thời kỳ thứ ba

1964

Kèn hiệu của những bóng ma

26 | RƯỢU CALVADOS BUỔI SÁNG

17 THÁNG Mười 1964, QUÁN Le Conquérant, LÀNG Lâu Đài Quỷ, Normandie

Những vị khách thường xuyên ghé quán Le Conquérant đang thong thả, làng Lâu Đài Quỷ dần thức dậy dưới cơn mưa nhỏ và lạnh. Cơn mưa bụi dai dẳng không thôi thúc ai ra khỏi nhà trong buổi sáng mùa thu Normandie này. Quán cà phê Le Conquérant, rất ấm áp, bị chia cắt khỏi thế giới xung quanh bằng lớp cửa kính ướt nhòa,giống như con tàu Noah đối với vài người còn sống sót, Eugène Tétrion, Lucien Chaventré, Fernand Prieur, Paul Teyssier, họ chạy trốn cơn đại hồng thủy, tức vợ, con, công việc và cơn mưa bên ngoài.

— Tôi có một tin không tệ, – chống khuỷu tay trên bàn, Eugène Tétrion (mà mọi người ở đây đều gọi là Téton§ thốt lên. – Có một gã đến tòa thị chính…

— René, – Lucien Chaventré hét, cắt lời Téton. – Tôi kêu một cà phê calvados, không phải cà phê suông!

— Tôi cho calvados vào rồi mà, Chacrevé§ (cũng là cách mọi người trong làng gọi Lucien Chaventré), – René trả lời từ sau quầy. – Chính mắt anh thấy tôi rót còn gì! Nên đừng có nói bậy!

— Liệu hồn, – Chacrevé đáp lại từ góc trong cùng quán bar. – Tôi thấy cậu lôi ra một cái chai không nhãn từ dưới quầy, rồi rón rén rót một ít thứ chất lỏng không màu đựng trong cái chai đó vào tách của tôi. Nhưng do trong tách của mình, tôi chỉ ngửi thấy mỗi mùi cà phê, cùng một chút xíu dư vị táo, nên cậu phải hiểu là tôi khá nghi ngờ thứ đựng trong cái chai cậu giấu dưới quầy chứ.

— Rượu hai mươi năm tuổi đấy, đồ đểu cáng! Anh lại còn muốn mọi người tưởng đó là nước đái à! Kệ xác anh, lần sau mà còn…

— Anh nói làm gì, – Fernand Prieur ngồi trong góc nói. – Sáng nay Chacrevé ấy mà, cậu ta say đến nỗi không tài nào nhìn ra được sự khác biệt. Chacrevé, tôi tự hỏi sao cậu vẫn có thể cho cà phê vào calvados được nhỉ?

— Tao đập chết mày, thằng khốn. Tao thích uống gì thì uống nhé! Tao làm việc ngoài trời, tao đấy. Mày ra làm việc trên đồng mà trong bụng chỉ có kẹo Banania xem! Cái loại viên chức!

— Nào, René, – Fernand đáp với giọng hòa giải giả tạo. – Đừng khốn nạn nữa, cho cậu ta rượu đi. Nếu không cậu ta nổi khùng đấy.

— Không đời nào, – René nói, – nếu muốn, thì trả thêm tiền… Rượu hai mươi năm tuổi đấy!

— Để rồi xem! – Chacrevé gào lên. – Với cái mức rượu rót cho khách của cậu, thì chắc cái món calvados đó đã phải được trăm tuổi rồi!

— Các vị, – thầy giáo tiểu học chen vào (Paul Teyssier thật sự từng là thầy giáo tiểu học, ở Haute-Loire,nhưng vì một sự tình cờ bất ngờ mà ông đến nghỉ hưu ở vùng bờ biển Normandie), – đám say khướt các vị có thể hạ

giọng một chút được không, tôi muốn tập trung đọc tờ *Le Courrier bessin.* Thế nên René, hãy thương xót gã nghiện rượu mà ai cũng biết này đi và tống rượu cho gã đi, để chúng ta được yên! Nếu các vị không quấy rầy việc đọc của tôi quá mức, thì các vị ạ, ngay bây giờ tôi sẽ cho các vị nghe một câu đố hay ho, tiếp đến là một mẩu thông báo tôi vừa đọc.

— Chuyện là, – Téton tranh thủ, – có một gã đến tòa thị chính…

— Tôi khá là đồng ý với thầy giáo đấy, – Chacrevé nói tiếp. – Không phải về hình thức, nghĩa là ai cũng biết chuyện tôi nghiện rượu, mà đồng ý với nội dung, nghĩa là hãy rót rượu cho tôi đi.

— Không đời nào! – René khẳng định. – Cậu uống chùa ở đây lâu quá rồi, sáng, trưa rồi tối!

— Tối là không đúng, vì tôi đến nốc ở chỗ ông bố vợ! Và với ông ta thì calvados, có thể không được hai mươi năm tuổi, nhưng không bao giờ có chuyện rót tí một tí một… Nếu còn tiếp tục thế này, tôi sẽ đến ăn sáng ở chỗ ông ta luôn!

— Thế đấy, – René rên rỉ, – nhờ những kẻ tâm địa như thế mà các quán cà phê mới lần lượt đóng cửa trên đất Pháp. Cũng như tất cả các quán ở những nơi khỉ ho cò gáy. Ông ta, de Gaulle ấy, đã nói rằng tất cả mọi người đều cuốn gói khỏi thành phố, thế rồi bây giờ mọi người đều ở nhà nốc rượu trước TV. Thế nên các quán cà phê cứ lần lượt đóng cửa!

— Tôi không biết liệu de Gaulle có thực sự nói thế không, – thầy giáo nói.

— Có chứ, thưa thầy! – René hét lên và đập tay xuống quầy. – Xin thầy thứ lỗi, thầy giáo ạ, nhưng tôi vẫn biết chứ. Đó là nghề của tôi mà, không phải sao? Thậm chí de Gaulle, ông ta còn gọi đó là quy hoạch lãnh thổ! Và các quán cà phê cũng nằm trong kế hoạch của ông ta, cùng các ngành

thương mại khác. Các vị sẽ bớt vui nếu tôi nghỉ bán. Các vị sẽ đến nốc ở đâu nếu tôi đóng cửa quán? Nếu chẳng còn quán cà phê nào trong làng?

— Chúng tôi sẽ đến uống calvados ở nhà bố vợ Chacrevé, – Fernand mỉa mai.

— Như vậy thì thật ngu ngốc, không còn quán cà phê nào trong làng, – Chacrevé suy tư. – Chết tiệt, thế thì chết… Ngay cả quân Đức trong chiến tranh cũng không động đến các quán cà phê, quân Anh lại càng không. Chúng xóa sổ nhà thờ, phải, nhưng các quán cà phê, chúng trân trọng!

— Vậy nên nghĩ đi, Chacrevé, trước khi muốn nốc *sữa* của tôi mà không trả tiền.

— Có một gã, hắn đến tòa thị chính…

— Được rồi, Téton, kể chuyện của cậu đi, – Chacrevé ngắt lời. – Làm chúng tôi cười đi, vì de Gaulle nói chúng tôi không có quyền nốc. Ít nhất chúng tôi cũng có quyền cười chứ. Chuyện đó chẳng tổn hại gì đến quy hoạch lãnh thổ cả, chuyện cười đùa ấy, René nhỉ?

René nhún vai.

— Hắn, – Téton nói lại từ đầu, – hắn đến tòa thị chính, vì hắn vừa có con, nên hắn đến khai báo. Ông muốn đặt tên bé là gì, cô thư ký hỏi hắn. Thế là, hắn trả lời: “J’ai-trois-quins!”

Chacrevé phá lên cười:

— J’ai-trois-quins! Thằng ngu!

— Theo tôi, Chacrevé ạ, – Fernand chỉnh, – chuyện của Téton chưa hết.

Chacrevé làm bộ ngây người:

— Phải thế không, Téton?

— Ừ phải, – Téton chán ngán trả lời, – thường thì, chưa nên cười đoạn đó…

— Vậy à? Mới vậy thôi tôi đã thấy câu chuyện của cậu không tệ rồi…

— Nào, Téton, – Fernand giục. – Tiếp đi. Cậu có bảo gã đó đặt tên con mình là *Thẩm Du* thì hắn cũng cười phá lên như thế thôi, Chacrevé ấy.

— Không còn quyền được cười… Không cả quyền nốc… Buổi sáng khốn kiếp!

— Nào, tôi nói tiếp được chứ? – Téton sốt ruột. – Vậy là cô thư ký nhìn hắn rồi nói chuyện đó là không thể, không thể gọi tên con như vậy được. Thế là gã đó, hắn nổi khùng, hắn nói rằng ở tòa thị chính, người ta có ngoại lệ cho những ai nổi giận, rằng họ phải chấp nhận những cái tên mà họ muốn theo ý khách hàng. Cô thư ký thì không hiểu điều đó.

— Chuẩn bị nào, Chacrevé, – Fernand chen vào. – Sắp đến đoạn nên cười rồi đấy.

— Cẩn thận cái mồm! Kể nốt chuyện đi, Téton!

— Nếu các vị không ngắt lời tôi liên tục, – Téton thở dài, – thì tôi đã kể đến đoạn cuối rồi. Để kết thúc nhanh trước khi lại có người nói điều ngu ngốc nào đó quấy rầy, gã đó nói thế này với cô thư ký: “Bà hàng xóm của tôi, bà ta đặt tên con gái mình là J’ai-six cats[§]!”

Tất cả mọi người đều phá lên cười, kể cả Chacrevé, tất cả, trừ thầy giáo…

— Phải, cậu nói đúng, Téton, – Chacrevé nói, – dù sao bà ta cũng khá hơn, về tổng thể.

— Kỳ diệu gớm, – Fernand nói. – Chacrevé hiểu câu chuyện! Lôi ủng ra đi, mọi người, trời sẽ mưa suốt ba tháng đấy.

— Câu chuyện không làm ông cười sao, thầy giáo? – Téton thất vọng hỏi. – Dù sao lần này, câu chuyện cũng không dơ dáy…

— Đúng là lần này thì không, – Fernand nhấn mạnh.

— Câu chuyện không dơ dáy, – thầy giáo trả lời, – quả thật, nhưng nó cũng không mới. Tôi đã biết chuyện này rồi. Và tôi thậm chí còn không phải người ở đây!

— Ai chả biết câu chuyện đó, – Fernand nói rõ. – Nhưng nó vẫn buồn cười mà! Mà do kể đi kể lại nhiều, rốt cuộc Chacrevé cũng đã hiểu và cười gần như đúng lúc nên cười.

— Tao đập chết mày, Fernand, ủy viên hội đồng thành phố cái mông tao đây này. Tao không định bầu cho mày nữa đâu!

— Nào nào, thầy giáo thốt lên. Như đã hứa, sau đây là một câu đố nhỏ, nó sẽ kích thích các vị hơn cả bộ óc ngập chất cồn cơ đấy. Trước mắt tôi đang có một mẩu tin vặt. Các vị có thể cho tôi biết họ của tay người Mỹ từng là chủ quán bar này trước René không?

— Tay người Mỹ ư? – René hỏi.

— Tên đào ngũ á? – Téton nói.

— Người đó tên là Alan! – Fernand trả lời.

— Họ của tay đó cơ! – thầy giáo nhắc lại.

— Ừm, ờ, tên đào ngũ, Alan tên đào ngũ! – Fernand thử.

Thầy giáo lắc đầu, khẽ mỉm cười hài lòng.

— Tất cả những gì tôi biết, – Chacrevé nói, – là khi cậu ấy đứng sau cái quầy kia, không phải so đo gì chuyện đổ rượu calvados vào cà phê. Đúng là thời hoàng kim!

— Đương nhiên, – René đáp, – cậu ta cặp với Lison em họ cậu còn gì! Thế họ tìm cậu ta, tay người Mỹ đó, trên mẩu tin vặt à?

— Phải, cậu nói chính xác, – thầy giáo trả lời.

— Vậy phải có họ của cậu ta, tay người Mỹ đó, trên mẩu tin. Họ không thể chỉ gọi cậu ta là *Alan.*

— Phải, có họ của cậu ta, – thầy giáo xác nhận, – nhưng tôi muốn chắc chắn rằng đó chính là cậu ta. Có nhiều hơn một người Mỹ tên là Alan.

— Ông chỉ cần đọc cho chúng tôi họ của cậu ta, – René nói. – Rồi chúng tôi sẽ cho ông biết có đúng thế không. Trúng hoặc trượt.

— Không đâu! – thầy giáo trả lời. – Thế dễ quá. Tôi không đọc ra, để không làm các vị bị ảnh hưởng. Nào, thay vì uống rượu thì các vị hãy nghĩ đi, sẽ nhớ lại thôi.

— Thật phiền phức, ông cũng thế! – René thốt lên.

— Hãy nghĩ đến quy hoạch lãnh thổ trước khi sỉ nhục khách hàng của mình, – thầy giáo đáp, giọng phật ý.

— Tôi mặc xác, quy hoạch lãnh thổ, và cả de Gaulle, – René nói rõ.

— Có phải một cái họ hơi giống của Nga không? – Téton gợi ý.

Chacrevé nãy giờ không nói lời nào, vẻ như đang chìm sâu vào ký ức, đột nhiên đập bàn, làm tách cà phê và đống gạt tàn nẩy tưng lên.

— Woe! Cậu ta tên đầy đủ là Alan Woe. Rót thưởng một cốc đi!

— Chính xác, thầy giáo nói. Chính là cậu ta.

— Chà, Chacrevé, – René công nhận vẻ ấn tượng, – ông làm tôi bất ngờ đấy!

— Họ này không giống của Nga lắm, – Fernand nói với Téton.

— Ờ, không… Tôi nhầm…

Thật ra, Téton đưa ra ý về cái họ Nga để theo sau là: “Không phải anh ta tên là *J’ai-douze-vacs* sao?” Nhưng do hấp tấp nên đã qua mất cơ hội rồi. Thế cũng tốt, thực lòng ông cũng không chắc mình sẽ không thất bại… Ông sẽ thử làm lại lần sau nếu có dịp.

— Thế họ muốn gì ở cậu ta? – René hỏi.

— Họ đang tìm cậu ta.

— Họ là ai vậy?

— Một người Mỹ khác, có vẻ thế.

— Ở Mỹ người ta nhanh nhẹn ghê nhỉ, – Fernand nói. – Lẽ ra cậu ta phải quay lại trung đoàn mình được hai mươi năm rồi chứ! Họ mà lên Mặt trăng với cái tốc độ đó…

— Mày có chắc không phải nó đến từ Lison không, cái tin đó? – Chacrevé hỏi. – Sáu tháng nay con bé gửi cả tá tin vặt sang Mỹ.

— Không, ở đây ký bằng một cái tên Mỹ, văn phòng Nick Hornett.

— Vậy thì, con bé sẽ hài lòng, Lison của tôi. Khi biết rằng đã có tin tức mới. Sáu tháng nay con bé cứ nhũn như bún, Lison của tôi ấy, kể từ khi Alan ra đi. Hy vọng đây là tin tốt…

— Dù sao thì cũng lạ, – thầy giáo suy nghĩ. – Alan Woe đào ngũ Normandie hai mươi năm trời, nhưng không một ai ở Mỹ lo lắng cho cậu ta. Và đúng lúc cậu ta trở về đó, thì người Mỹ lại đến đây tìm…

— Chưa chắc chuyện đó đã liên quan đến việc đào ngũ, – René nói. – Hai mươi năm sau, họ còn moi chuyện đó ra làm gì nữa, những người Mỹ ấy?

— Có thể họ muốn gửi cậu ta sang Việt Nam để hoàn thành nốt những tháng tham chiến mà cậu ta không thực hiện tại Pháp!

— Đừng có nói những thứ như thế, Fernand, – Chacrevé nói, – tao rất quý gã, cái tay người Mỹ ấy.

— Hay anh ta là một gián điệp Nga chăng? – Téton rụt rè nêu ý kiến.

— Sao cậu nói thế? – Chacrevé hỏi.

— Ờ ờ, tại vì… Không, tôi lại nói điều ngu ngốc mất.

— Nói đi xem nào! – Chacrevé giục.

— Rặn đi nào, rặn quả trứng của cậu ra đi, – Fernand nói nốt. – Nãy giờ cậu ngứa mông quá nhỉ, cứ chăm chăm xoay quanh Nga để tìm cách kể mấy chuyện ngu ngốc.

— Thôi, vớ vẩn ấy mà.

— Nói đi!

— Ừ thì. Là các ông cứ thúc đấy nhé? Bí danh gián điệp Nga của cậu ta có thể là “J’ai-douze-vacs”!

Cả quán im lặng.

— Ừm phải, cậu nói đúng, vớ vẩn thật! – Fernand kết luận.

Téton cau có, nghĩ chẳng phải mình đã cố suy nghĩ đến vỡ cả đầu để làm mấy tên rác rưởi này cười sao.

Trừ phi có một bộ óc thực sự ngon lành.

— Được rồi, – Chacrevé vừa nói vừa đứng dậy, – không phải tôi chán ngấy những gã kỳ quặc như các cậu, nhưng vì rượu ở đây cũng giống như quái vật hồ Loch Ness, ta chỉ nghe nói chứ chẳng thấy bao giờ, tôi về đây. Tôi còn việc phải làm. Tôi có mười hai con bò cần vắt sữa, như

Khrouchtchev nói.

Đồ ngu! Téton nghĩ.

— Với lại, – Chacrevé nói tiếp, – nhất là tôi phải qua nhà Lison của tôi để cho con bé biết tin. Thầy giáo, ông không phiền nếu đưa tôi trang báo có thông báo đó chứ?

← Tiếng Pháp nghĩa là núm vú.

← Ghép giữa *Cha,* phát âm giống *Chat,* và *crevé:* Mèo chết.

← Truyện cười của người Ch'ti, chơi chữ tiếng Pháp và tiếng Anh, *J'ai-six-cats* (dịch: tôi có sáu con mèo), phát âm gần giống cái tên phổ biến *Jessica,* với *J'ai-trois-quins* (dịch: tôi có ba cô gái đẹp).

27 NHỮNG NGÀY DÀI NHƯ HÀNG NĂM TRỜI

18 tháng Mười 1964, văn phòng Nick Hornett, 115, phố 11

— Alo, cô Alice à? Tôi Nick đây!

Alice trả lời bằng giọng ngái ngủ.

— Có chuyện gì vậy, Nick? Giờ là 3 giờ sáng.

— Tôi có tin cực quan trọng đây!

— Vào giờ này ư? Đợi tôi hai giây, anh vừa làm tôi bật dậy khỏi giường, tôi khoác chút quần áo.

Nick, cái loại quý ông mắc dịch! Cô gái xinh đẹp nhất nước Mỹ đang khỏa thân, đang nói chuyện với mày… nhưng là qua điện thoại! Lạy Chúa, tại sao mày không đến thẳng chỗ cô ấy để báo tin? Thay vì ở đầu dây điện thoại mà tưởng tượng!

— Xong rồi, Nick, tôi trông ổn rồi, có thể nói vậy. Vậy tin đó là gì thế?

— Cuối cùng chúng ta cũng câu được một nhân chứng!

— Thật sao? Anh có nhân chứng rồi à?

— Phải!

— Thẩm Du à?

— Cô đoán trượt rồi… Là Alan Woe!

— Alan Woe? Thật không thể tin nổi! Anh ấy không chết năm 44 sao? Anh ấy vẫn còn sống, và anh đã tìm ra anh ấy?

— Không… Cũng không hẳn… Chuyện khá phức tạp. Thật ra, Alan không hề mất tích, trong suốt hai mươi năm nay. Ngược lại, giờ đây, khi ta tìm ra dấu vết của anh ấy, thì có thể nói, một cách nào đó, anh ấy mới thật sự mất tích!

— Nhưng anh vừa nói đã tìm thấy anh ấy?

Từ từ thôi nào, Nick, từ từ thôi, ta sẽ nói lại chậm rãi, cần phải nói cho cô ấy tất cả.

— Ừm, giải thích thế nào nhỉ…

— Dấu vết của anh ấy, như anh nói, Nick, anh đã thấy nó ở đâu?

Thế đấy, tất nhiên rồi, rốt cuộc cô ấy cũng hỏi về chuyện đó!

— Ở Normandie…

Nào, Alice, hãy tuôn ra những câu mỉa mai, hãy nói tôi chỉ là tên vô dụng, rằng lúc trước nếu tôi nghĩ ngay đến việc phát thông báo ở Normandie, thì có lẽ ta đã biết điều này từ cách đây một tháng, và có lẽ đã tìm được Alan Woe trước khi phiên tòa diễn ra. Nào, hãy nói rằng tất cả đều hỏng bét là tại tôi.

— Nick? Nick? Anh còn đấy chứ? Nào, nói tiếp đi nào! Anh ấy, Alan, đã làm gì ở Normandie?

Cảm ơn, Alice, vì sự im lặng của cô, cô thật sự hoàn hảo…

— Tình yêu, Alice ạ, tình yêu! Anh ấy bị thương trong cuộc tấn công, bị bỏ lại tại chỗ trong hoảng sợ. Anh ấy được một cô gái trẻ người Normandie, Lison Munier, đưa về, và cô ấy là người liên lạc với tôi. Bởi vậy tôi mới gọi điện cho cô vào giờ này. Lison Munier gọi tôi cách đây mười lăm phút, cô ấy có vẻ không rõ lắm về chuyện lệch múi giờ. Tóm lại, từ năm 1944, Lison và Alan đã sống chung với nhau trong hai mươi năm, ở Normandie.

— Thế thì anh đang luyên thuyên gì vậy, chúng ta đã tìm thấy anh ấy!

— Không hẳn. Cách đây sáu tháng, Alan quay về Mỹ. Lison Munier không rõ tại sao. Có vẻ chuyện này khiến cô ấy đảo lộn. Anh ấy đã hứa sẽ sớm quay về. Cô ấy nhận được vài tấm bưu ảnh, ban đầu thì thế, còn từ ba tháng nay thì không có gì.

— Lạ thật…

— Phải, đó là điều tối thiểu ta có thể nói. Tôi kể cho cô ấy nghe vắn tắt toàn bộ câu chuyện của chúng ta. Cô ấy không biết gì cả. Alan không nói gì với cô ấy! Ngược lại, đứng vững nhé, Alice, cô sẽ không bao giờ đoán ra nhỉ?

— Nào nói đi, vì tôi sẽ không đoán đâu.

Phải rồi, nào, tên đần, cô ấy nói đúng. Đừng có chơi chữ với cô ấy, cô ấy giỏi hơn mày.

— Lison biết cô! Thật sự! Cô ấy mô tả cô qua điện thoại như thể mới gặp cô ngày hôm qua!

— Mô tả tôi ư? Thật nực cười! Tôi chẳng quen ai ở Normandie, chẳng có Lison nào cả. Chắc cô ấy nhầm rồi.

— Không! Cô sẽ không bao giờ đoán ra cô ấy đã thấy cô ở đâu…

Tên đần, mày cứ khăng khăng… Đêm nay là đêm đố vui à?

Alice nói thành tiếng những suy nghĩ đang lướt nhanh trong đầu.

— Normandie, tôi mới đến đó hai lần, và tôi không gặp nhiều người ở đó. Một cô gái trẻ Normandie trạc tuổi tôi, anh vừa nói… Đúng rồi! Nick, nghe này. Lison và tôi, chúng tôi đã bắt gặp nhau một góc đường, chỗ có quán cà phê, quán Le Conquérant. Anh chỉ biết giọng cô ấy, Nick ạ, nhưng Lison Munier là một người phụ nữ quyến rũ, anh sẽ thích cô ấy, cô gái tóc nâu rạng rỡ…

Vậy đấy, mày thắng rồi, trong trò hề với đống câu đố của mày. Mày vẫn chưa hiểu cô gái này là phù thủy hay sao?

— Cô làm tôi ngạc nhiên quá, Alice. Cô vẫn nhớ cô gái cô mới gặp một lần duy nhất, chỉ trong hai phút, cách đây những hai mươi năm!

— Nick à, có những ngày ta có nhiều kỷ niệm hơn nhiều năm trời. Và điều anh không biết, cả Lison cũng vậy, tôi đoán thế, là tôi đã nhìn thấy cô ấy lần thứ hai, cách đây bốn tháng, khi tôi quay lại Normandie, vào tháng Sáu. Tôi thoáng thấy cô ấy một tích tắc ở cửa sổ quán Le Conquérant. Cách đây hai mươi năm cô ấy rạng rỡ bao nhiêu thì ngày hôm đó, trông cô ấy buồn bấy nhiêu. Gương mặt của một góa phụ đau xót. Giờ tôi đã hiểu, khi đó, Alan vừa rời bỏ cô ấy.

— Có lẽ bởi vậy mà cô ấy in đậm trong trí nhớ của cô, Alice. Thật xinh đẹp, thật rạng rỡ ở tuổi hai mươi, thật buồn bã ở tuổi bốn mươi, một số phận song hành cùng số phận của cô…

Khá lắm, Nick, mày giỏi tâm lý học hơn là đố vui…

— Có lẽ vậy, Nick ạ.

Phải, chắc chắn rồi!

— Tôi nghĩ tôi cũng đã gặp cả Alan, Alice nói tiếp. Anh ấy vịn vào tay

Lison, năm 44. Anh ấy đã nhìn tôi rất lạ. Tôi nghĩ anh ấy cố nhớ lại khuôn mặt tôi. Nhưng anh ấy không nhận ra tôi.

— Có đấy, Alice ạ, nhưng vài giây sau, khi đã quá muộn cơ! Chiếc xe khách đã lăn bánh. Anh ấy chạy theo một đoạn, nhưng cô không ngoái lại. Cuộc đời nhiều khi thật lạ lùng. Nếu anh ấy nhớ ra cô sớm hơn ba giây thôi, vào năm 44, thì chắc anh ấy đã nói cho cô biết vì sao Lucky lại chết, có lẽ anh ấy cũng đưa cho cô tờ giao kèo.

— Tôi không chắc chuyện đó có thể thay đổi điều gì, Nick ạ! Thời ấy tôi ở quá xa vinh dự đó, một triệu đô-la đó.

Có chứ, Alice, chuyện đó có lẽ sẽ thay đổi tất cả… Dù có hay không có tiền. Bởi vì nếu thế…

— Phải nhưng nếu thế, – Nick nói nhỏ, – thì có lẽ chúng ta sẽ không gặp nhau.

— Đúng vậy, Nick ạ. Anh thật tử tế. Tôi thật ích kỷ.

Cô im lặng suy nghĩ một lúc.

— Tuy vậy, Nick, có điều không hợp lý. Sao Alan có thể nhớ tôi, anh ấy chưa gặp tôi bao giờ?

— Thử nghĩ xem, Lison nói với tôi…

— Tôi không nghĩ ra… Ngoại trừ một tấm ảnh… Đúng rồi, tấm ảnh, đương nhiên rồi! Lucky có một tấm ảnh của tôi, và Alan là bạn thân của anh ấy. Lucky có lẽ đã cho Alan xem ảnh tôi, trên sà-lan. Tuy vậy vẫn thật kỳ lạ, nhận ra tôi như thế, năm tháng sau, chỉ từ một tấm ảnh…

Nào, Nick, một cơ hội như thế này, không thể bỏ lỡ được.

— Một người đàn ông không nhớ mãi về cô, sau khi đã gặp cô dù chỉ một lần, dù chỉ qua ảnh, thì không phải người đàn ông thực thụ…

Nói hay đấy.

— Nick này… Anh vẫn hay khen ngợi nhiều thế giữa đêm à? Đó đúng là bức ảnh tôi chụp trước đây, hồi tôi vẫn còn cố gắng để được yêu thích.

Thế đấy… May mắn là tôi đã không quen cô, Alice ạ, khi cô hai mươi. Cô bốn mươi tuổi mà tôi đã phát điên rồi. Vì sao Lucky lại có thể làm vậy? Sao ta có thể mạo hiểm đời mình khi đã được một người như Alice đang tuổi hoa mộng đem lòng yêu? Đó là sự lãng phí chết tiệt, anh bạn Lucky ạ… So với cô ấy, một triệu rưỡi đô-la mà lũ kia quỵt của anh cũng chẳng là gì?

— Nick? Nick?

— Vâng?

— Anh đang mơ à? Thế bây giờ, mọi chuyện ra sao?

— Lison Munier phải gửi cho cô một bức thư. Tôi nói cô ấy có thể viết cho cô bằng tiếng Pháp, không vấn đề gì. Tôi đã cho cô ấy địa chỉ của cô, cô ấy phải kể tất cả những gì cô ấy biết và gửi cho cô toàn bộ số bưu ảnh của Alan mà cô ấy nhận được từ Mỹ. Đây sẽ là khởi đầu tốt cho hướng điều tra. Ta đang nắm một đầu sợi chỉ, Alice ạ. Đây là phần khó nhất. Giờ ta có thể lặng lẽ lần ngược lại toàn bộ cuộn chỉ.

— Anh thật biết cách mang đến hy vọng, Nick ạ. Ngủ ngon…

Ngủ ngon, tình yêu của tôi… Và nếu Lison gửi cho chúng ta những tấm bưu ảnh Florida hay California, thì tôi sẽ đưa cô đi điều tra cùng, Alice của tôi ạ!

28 … CHUYỆN ĐÃ XẢY RA Ở ĐÂY

THÁNG MƯỜI 1964, 19 ĐẠI LỘ LOUISIANA, WASHINGTON

— Khi chồng tôi qua đời, – vừa nói bà Waters vừa nhẹ nhàng đặt những chiếc bánh nho khô vào giữa ấm trà và tách trà, – họ làm phiền tôi đủ kiểu trên đời vì cái phòng trà. Dẫu vậy, mọi giấy tờ đều ghi tên cả hai chúng tôi, cứ như thể một thân một mình phụ nữ thì không lo nổi cửa hàng vậy!

— Tôi chẳng ngạc nhiên, – Cyd Cabell xác nhận, vị khách nữ duy nhất vào lúc sáng sớm này. – Tất cả những người làm chính trị đều là đàn ông, sao bà có thể mong họ quan tâm đến những vấn đề kiểu thế?

— Đúng thế thật, – bà Waters đồng ý, – mọi sự từ đó mà ra. Đáng nhẽ phải có nhiều phụ nữ làm chính trị hơn. Nhưng chuyện đó, không phải ngày một ngày hai. Chính trị, là chuyện của cánh đàn ông. Cần phải có can đảm, đối với một người phụ nữ, để bước vào chính trị…

— Phải, chúng ta khó mà thấy một nữ tổng thống!

— À này… Cầm lấy, xem đi, Emilia Arlington, bà biết chứ, nữ thượng nghị sĩ của bang Virginia, người bảo vệ cho giới chủ trang trại. Không ai

biết, nhưng họ đã kiện bà ấy, có vẻ là liên quan đến người con trai bà!

— Ai vậy, *họ* ấy?

— Chuyện đó thì, tôi cũng không biết nhiều để kể cho bà… Nhưng đó lại là một vụ dàn dựng chống lại một người phụ nữ chính trực rất thành công, hơn nữa còn làm chính trị. Thật ra, vụ kiện này, là một trò bịp bợm, họ hoàn toàn chẳng tìm thấy gì, họ đã buộc phải thú nhận điều đó! Dẫu vậy chúng vẫn là đám đểu giả! Đó đúng là trò của các gã đàn ông, âm mưu tấn công một phụ nữ bằng cách công kích con trai bà ấy!

Bà Waters đặt khay trà lên bàn của Cyd Cabell và ngừng nói một lúc, cố tìm chủ đề trò chuyện mới.

Tuy vậy, Cyd Cabell lại là người đầu tiên gợi lại cuộc trò chuyện ban nãy, giọng thì thào như nói gì đó bí mật lắm:

— Tại vì bà không biết phải không?

Cyd Cabell rất ngạc nhiên khi biết có một tin đồn mà có vẻ bà Waters, chuyên gia chuyện ngồi lê đôi mách (chẳng phải bà ấy đã làm chủ phòng trà này mười bảy năm nay hay sao?), chưa từng nghe nói đến. Cyd Cabell, tuy ít kinh nghiệm trong lĩnh vực này, nhưng cũng cố điều khiển sức ảnh hưởng của mình.

— Biết gì cơ? – bà Waters vừa hỏi vừa giả vờ tỏ ra dửng dưng, bận dọn dẹp những chiếc bàn xung quanh.

— Về cái chết của con trai nhà Arlington, – Cyd Cabell thì thầm cố làm giọng kịch tính, – có vẻ mọi người không biết toàn bộ…

— Ôi, bà biết đấy, – bà Waters trả lời bằng giọng mạnh mẽ. – Những loại chuyện ngồi lê đôi mách về các chính trị gia, nhất là chính trị gia nữ…

— Ừ thì, – Cyd Cabell nói tiếp, hơi thất vọng vì tin mình nói ra không

mấy tác động, – hình như cậu Arlington có để lại vài lời để giải thích hành động của mình. Nhưng lời nhắn đó bà mẹ đã lén cất đi và không hề nói cho một ai.

— Vậy sao bà biết được?

Cyd Cabell im lặng, mở to đôi mắt cận thị, như để phát hiện xem có tên gián điệp nào không:

— Nhờ bà giúp việc! Bà ấy là người phát hiện ra thi thể cậu Arlington. Đó là mối quan hệ, nói sao nhỉ, ờ, ít nhiều trực tiếp với tôi…

Bà Waters tiếp tục lau bàn, giả vờ vẫn lơ đãng lắng nghe, với vẻ nghi ngại. Nhưng Cyd Cabell, tuy ít kinh nghiệm, cũng nhận ra chiếc bàn mà bà Waters đang lau đã sạch từ đời nào. *Bà ta cắn câu rồi!* Tuy tỏ vẻ không để tâm, nhưng bà ta đang khao khát biết toàn bộ câu chuyện. Cyd Cabell sẽ vờn bà ta.

— Ừ thì, – bà Waters vừa nhận xét vừa nhún vai, – bà mẹ nào hẳn cũng sẽ làm vậy. Chẳng bà mẹ nào đăng thư tuyệt mệnh của con trai mình lên trang nhất tờ *The Post* cả!

— Bà nói phải, bà Waters ạ, chuyện như thế nên được giữ kín. Tốt hơn là tôi không nên kể thêm với bà nữa.

Bà ta thổi nhẹ tách trà, tự hào về chính mình:

— Với lại, tôi đã hứa sẽ giữ im lặng.

Bà Waters thả miếng bọt biển, lấy ghế, rồi đến ngồi cạnh vị khách của mình:

— Cyd này, tôi sẽ thẳng thắn với bà. Trong vấn đề đạo đức của chuyên tâm sự, lĩnh vực mà nói không phải khoe chứ tôi có những kỹ năng gần như chuyên nghiệp, có một quy tắc, một quy tắc duy nhất: không nói gì hoặc nói

toàn bộ! Không nói nửa chừng, ngụ ý, mặc kệ tự đoán, đó là những việc khiến những người trung thực thấy khó chịu. Nếu buộc tội, thì phải có bằng chứng!

Cyd Cabell nhìn bà Waters, tiu nghỉu. Hiển nhiên, bà chỉ là người nghiệp dư trong lĩnh vực này.

— Bà tin thật à?

— Đương nhiên! Bà ngụ ý bà Arlington che giấu một bí mật khủng khiếp, một bí mật về người con trai. Tóm lại, bà vu khống bà ta. Thậm chí hoàn toàn vô căn cứ. Rồi sau đó, người ta có thể tưởng tượng ra đủ chuyện, kể lại đủ kiểu: "Hình như con trai nhà Arlington là dân đồng tính, phải, phải, bà Cabell cam đoan với tôi thế!"

— Lạy Chúa tôi, thật khủng khiếp! – Cyd Cabell thét lên, khuất phục. Bà nói đúng, tôi nên kể hết với bà.

Tuy vậy, bà ta vẫn tranh thủ thổi chén trà thêm lần nữa.

— Đó, – bà ta kể, – là chuyện liên quan đến vụ đổ bộ. Con trai nhà Arlington đã được trao huân chương, nhưng thực ra, anh ta không phải là anh hùng chiến tranh, mà hoàn toàn ngược lại, là một tên hèn nhát. Hình như một người lính khác đã bỏ mạng thay anh ta ở Normandie. Dù sao thì đó là điều anh ta đã thú nhận trong bức thư.

Bà Waters tỏ vẻ thất vọng:

— Phải rồi, đúng như tôi nghĩ, chẳng có gì chính xác, đúng thế thật.

Bà quay về làm việc sau quầy rồi nói sang chuyện khác.

Mười lăm phút sau, Cyd Cabell uống xong tách trà, chào tạm biệt bà Waters, rồi rời quán.

Từ lúc đó, bà Waters rình rập các khách hàng nữ bước vào phòng trà

bằng cái nhìn hau háu của kẻ săn mồi, hy vọng gặp được sớm nhất một người nào đó quen biết xa gần với Emilia Arlington: một người bạn của bà thượng nghị sĩ mà bà ta có thể báo tin buồn, hoặc hay hơn, một trong số những kẻ thù của bà thượng nghị sĩ mà bà ta có thể khiến cho thèm rỏ dãi.

Cyd Cabell ngốc nghếch chẳng hề ý thức chút nào về giá trị của bí mật mà bà ta vừa tiết lộ. Một vụ scandal nghe được từ nguồn tin đầu tiên, đâu phải sáng nào cũng có thứ sốt dẻo như thế lọt vào tai.

Ngày hôm nay khởi đầu thật mỹ mãn.

29 LÁ THƯ TỪ BÊN KIA ĐẠI TÂY DƯƠNG

27 tháng Mười 1964, Washington

Alice nhận được thư của Lison ngay sáng hôm ấy. Cô không xé phong bì ngay. Cô quyết định đi dạo, rồi mở bức thư ở một góc yên tĩnh, dưới bóng cây, như cô từng đọc thư của Lucky ngày trước.

Lần đầu tiên kể từ khi quay lại Washington, cô muốn đi dạo quanh thành phố từ phía Nam, dọc theo sông Potomac, như cô từng hay làm cách đây hai mươi năm. Giữa thành phố và dòng sông, vẫn còn rất nhiều không gian, những bãi cỏ rộng để ăn uống ngoài trời. Có lẽ điều này không phải ngẫu nhiên: các kiến trúc sư của thành phố, những người biết nhìn xa, đã cố ý giữ lại những héc-ta đất chưa khai thác ở vị trí lý tưởng này, ngay trước điện Capitol hay Nhà Trắng.

Ngay từ đầu, kiến trúc sư của Washington, Pierre L'Enfant người Pháp, đã khiến lối sắp xếp các khối nhà theo hình bàn cờ chặt chẽ ở các thành phố Mỹ thêm phần phong phú bằng những đường trổ chéo lớn, tạo ra vô số phối cảnh mới. Do đó, có thể nhìn thấy Nhà Trắng từ bùng binh Washington Circle, quảng trường Mount Vernon, bùng binh Thomas, điện Capitol… Và

thấy điện Capitol từ hàng chục đại lộ. Vào thời Pierre L'Enfant, thành phố chỉ đơn giản bao quanh một đại lộ hình chữ L: Nhà Trắng, tượng đài Washington, điện Capitol. Lịch sử nước Mỹ thời đó chỉ ngắn bằng đại lộ chính của thành phố thủ đô.

Nhưng lịch sử vẫn tiếp diễn, và cần phải nối dài đại lộ, chính là National Mall. Phải mất một thế kỷ để lấy phần lớn sông Potomac và xây dựng trên đó đài tưởng niệm Jefferson đối diện Nhà Trắng và đài tưởng niệm Lincoln đối diện điện Capitol. Mới đây, đại lộ lịch sử thậm chí còn nối qua sông Potomac, và trên bờ phải con sông từ nay bùng cháy ngọn lửa vĩnh cửu của John Kennedy, nhưng vẫn tôn trọng phối cảnh của các công trình tưởng nhớ các vị tiền bối vinh quang. Sớm thôi, chắc chắn thế, sẽ phải có chỗ tưởng nhớ những người lính đã chết trong cuộc chiến Việt Nam, rồi chỗ tưởng nhớ những người tiên phong trong lĩnh vực không gian, và cả các anh hùng của cuộc chiến tranh thế giới tiếp theo…

Những người kế nhiệm Pierre L'Enfant sẽ phải chứng tỏ được khả năng vừa tiết kiệm diện tích đất vừa giữ được cảnh quan kiến trúc về lâu dài. Vậy nên họ giữ lại những khoảng đất trống vẫn luôn được thèm khát ở gần trung tâm thành phố, để công trình tưởng nhớ các vị anh hùng tương lai của nước Mỹ sẽ không bị dồn ra vùng ngoại ô vì thiếu chỗ. Đại lộ lịch sử nước Mỹ sẽ nhích dài thêm từng chút một, theo trật tự logic và thời gian, luôn luôn về phía Tây, có lẽ là đến tận Thái Bình Dương, sau vài thiên niên kỷ nữa, giống như những lối đi lát đá chạm trổ dài nhiều kilomet án ngữ lối vào lăng mộ các vua nhà Minh ở Trung Quốc.

Đó cũng là hình ảnh Washington trong mắt Alice. Năm 1940, do để dành đất cho những công trình dự kiến trong tương lai, hai bờ sông vẫn là một góc nông thôn giữa lòng thành phố.

Ngày thứ Ba của tháng Mười năm 1964 đó, Alice thấy thất vọng ngay

khi cô đến sông Potomac. Có vẻ như các nhân vật lịch sử tương lai của nước Mỹ sẽ phải dời đi nơi khác thật xa. Người ta sẽ xây đài tưởng niệm lính Mỹ chết tại Việt Nam trong khu phố Tàu hoặc đâu đó.

Không còn đất hoang. Đám chủ thầu đã thắng!

Dọc theo con sông, những khoảng đất trống trước kia giờ đan xen chằng chịt các đường tránh lớn, hàng chục nút giao thông lập thể khổng lồ với những con đường đôi bốn làn chồng lên nhau rối rắm, tất cả những con đường đó gợi cho Alice hình ảnh một đĩa mì khổng lồ lúc nhúc những sinh vật nhỏ tí: những chiếc ô tô… những chiếc ô tô của các viên chức mong chạy trốn thành phố thật nhanh, rời bỏ hàng nghìn văn phòng ở trung tâm này để đến khu Northwest, Georgetown, Bethesda, Chevy Chase… càng nhanh càng tốt. Các khu này có nhiều vùng trũng và bóng râm, những ngôi nhà không quá lớn hay độc đáo, nhưng ít nhất cũng mang tính cá nhân! Những khu vườn thậm chí còn chẳng cần rào ngăn với nhà hàng xóm cũng làm cùng công ty… Những lô nhà nơi ta quay lại vào mỗi tối và nơi sau cùng ta có thể vừa đi chậm lại, mỉm cười, vừa hy vọng thậm chí sẽ phải lái xe thật chậm bên cạnh một đứa bé, đứa con của chúng ta, đi xe đạp ra đón ta.

Tóm lại, đống đường tránh khiến Alice lộn mửa này tạo thành dòng sông thứ hai, dòng sông xe cộ, hiếm khi cạn, thường xuyên tràn trề, và tình trạng ô nhiễm đáng lo ngại: một con sông không có cầu, giam cầm vùng trung tâm hẹp của thành phố như một hòn đảo, nơi không có gì khác ngoài làm việc, và là chỗ ngủ cho những người nghèo khổ nhất.

Alice cuối cùng cũng đủ can đảm rời xa hơn trên bờ sông Potomac. Giao thông tắc nghẽn cuối ngày cho phép cô thoải mái lội qua dòng sông ô tô nhiều lần, và xa hơn một chút, các kiến trúc sư đã có ý tưởng tốt về việc giữ lại trên phần tiếp nối của bờ sông một con đường mòn nhỏ, chỗ là đường

đất, chỗ trải nhựa, dành cho người đi dạo, người đi xe đạp hoặc em bé trong xe đẩy. Những chiếc xe hai bánh, bốn bánh hoặc không có bánh cố gắng chung sống trên hành lang hẹp này, đi qua nhau, sóng đôi nhau, mà không gây tai nạn.

Alice, cùng nỗi thất vọng to lớn, cũng không tìm lại được những vùng phụ cận xưa kia quanh khu cảng nhỏ Washington, nơi thời ấy ta vẫn có thể bắt gặp vài người dân chài chính hiệu và mấy con cá hấp hối quẫy trên sạp hàng. Giờ đây, nơi này cắm những chiếc ô che nắng sặc sỡ tô điểm sân hiên các nhà hàng chuyên hoặc không chuyên phục vụ hải sản.

Alice đi tiếp, bướng bỉnh. Cô tiến xa hơn một chút về phía Tây, đến nơi hợp lưu của sông Potomac và dòng sông nhỏ Rock Creek. Chính tại đây, trong những căn hộ cũ nhìn ra sông, Alice từng ở trọ khi cô theo học tiếng Pháp, trong bốn năm từ 1940 đến 1944, ở đại học Georgetown, cách vài dặm về phía Bắc. Alice rất yêu những tòa nhà nhỏ gần như nằm ở nông thôn này. Đây có lẽ là nơi duy nhất ở Washington, hoặc cũng có thể là nơi cuối cùng, có những người thuộc đủ mọi sắc tộc, tôn giáo, quốc gia, độ tuổi cùng chung sống. Một dạng vùng quá cảnh nhỏ dành cho những cư dân mới của thủ đô, trước khi từng người một, một khi đã gia nhập thành phố, sẽ không quay trở lại nơi chốn tạm bợ của mình, Georgetown, Chinatown, các khu phía Bắc bẩn thỉu quanh đại học Howard…

Trên các tấm bản đồ năm 1964, cô để ý thấy những tòa nhà tồi tàn này không còn tồn tại. Từ xa, cô thấy, thay vào vị trí của chúng là một công trình đồ sộ cao dần lên khi cô tiến lại gần. Một tòa nhà bằng kính, mà trên bản đồ cô đọc thấy cái tên mang nhiều ý nghĩa: Watergate.

Cánh cổng nước.

Chẳng thiếu thứ gì, đài phun nước, hoa, tất cả đều mới và sạch. Khuôn viên tòa nhà hình tròn cho phép những người bên trong có thể tùy chọn vị

trí theo ý mình để ngắm quang cảnh oai nghiêm trên sông Potomac, hay quang cảnh trữ tình trên sông Rock Creek.

Alice ngồi lên một băng ghế ở khoảng sân rộng bên trong, nơi này không đẹp bằng phần còn lại. Quá nhiều sỏi… Ngay cả khi quang cảnh đã thay đổi, cô vẫn có thể nhận ra. Ở gần đây, nhưng trên một chiếc ghế băng cũ hơn, cô vẫn thường lui tới buổi tối, dưới ngọn đèn đường, và đọc thư của Lucky, hoặc trả lời thư anh. Dù sao thì, góc sân này vẫn được chiếu sáng, thậm chí còn sáng hơn trước rất nhiều. Cuối cùng, Alice cũng mở bức thư của Lison.

Làng Lâu Đài Quỷ, ngày 18 tháng Mười 1964

Alice thân mến,

Tôi vẫn nhớ cô rất rõ. Dù chỉ nhìn thấy có một phút trong đời, từ cách đây đã rất lâu rồi, nhưng tôi luôn lưu giữ giây phút ấy trong cuốn album nhỏ chứa kỷ niệm cá nhân của mình. Cô cũng vậy, phải không? Tôi dám chắc điều đó. Ta chẳng thể quên được những khoảnh khắc như vậy, nhất là vào độ tuổi chúng ta lúc ấy… Khi đó trông cô thật buồn, còn tôi lại vui vẻ, vậy nên tôi rất bối rối khi bắt gặp ánh mắt cô, ánh mắt nhìn mông lung, như thể cô muốn mình trở nên trong suốt…

Cùng một cơn thủy triều, cùng một chiếc sà-lan, đã mang đến cho tôi tình yêu, một tình yêu lớn lao, còn với cô lại là sự tang tóc… Sự đối lập trong cảm xúc của chúng ta khiến tôi có cảm giác thật khủng khiếp, như thể trên đời này không có hạnh phúc quá mức, cũng như đau khổ quá mức, mà chỉ có sự cân bằng giữa hai điều đó, và để có hạnh phúc cho tôi, một người khác lại phải hy sinh hạnh phúc của họ, như một thỏa thuận với con quỷ hiếu chiến nào đó…

Sống hạnh phúc với tôi, cô gái Normandie này, dường như bỗng thành việc không phải đạo, khi nhìn thấy cô như vậy, vào cái ngày mùa hè năm 1944 ấy. Tôi đoán cô là người Mỹ, đang yêu, đã trở thành góa phụ, đã mất tất cả… Mỗi người dân Normandie hẳn sẽ phần nào cảm thấy hổ thẹn, ít nhất tôi cũng mong vậy, trước những người đã chết, những người còn quá trẻ, mỗi người dân Normandie hẳn sẽ tự đặt cho mình câu hỏi: Liệu tôi có thực sự xứng đáng khi

những người xa lạ đó đến chết ở đây để giải phóng chúng tôi, tự do của chúng tôi có đáng giá thế không, chúng tôi có xứng đáng với sự hy sinh ấy không? Với tôi mọi thứ còn tệ hơn. Lucky đến bỏ mạng ở Normandie, ở cái xó xỉnh tận cùng thế giới này, để giải phóng những con người xa lạ hèn nhát ngu ngốc chờ đợi người ta đến chết thay mình. Còn tôi, một trong những cô gái xa lạ hèn nhát đó, trớ trêu thay, thay vì để tang những người lính giải phóng ấy, tôi lại yêu và sống những giờ phút tươi đẹp nhất của đời mình. Xin thứ lỗi, tôi nói hơi nhiều, tôi biết, nhưng tôi vẫn luôn thấy rất hổ thẹn vì sự thiếu biết ơn của các đồng bào mình… Nhưng ở cả điểm này, tôi cũng không thể khách quan, cuộc đổ bộ đã mang đến cho tôi nhiều hơn cho họ.

Alice ạ, hôm nay tôi đã hiểu cảm xúc đó. Muốn trở nên trong suốt. Alan đã đi. Tôi cũng những muốn làm như cô, khi Alan ngừng cho tôi biết tin tức, đến Mỹ, đến tận nơi để thấy. Đáng nhẽ tôi đã hiểu, như cô đã hiểu khi đến Normandie. Nhưng thật ngu ngốc, tôi không có tiền để làm vậy. Vậy tôi nên chỉ đăng hàng chục tin lên báo, gọi vài cú điện, chẳng để làm gì…

Suốt một thời gian dài, tôi từng nghĩ Alan có một cuộc sống khác ở Mỹ, một người phụ nữ… Những bức thư anh ấy đều đặn nhận, điều bí mật anh ấy muốn giữ… Thực ra, ý nghĩ đó giúp tôi không nghĩ đến điều tệ nhất, ru tôi bằng ảo tưởng rằng, ít nhất, Alan hạnh phúc, ở nơi đó, bên người phụ nữ mà anh ấy đã đi tìm lại. Cho đến trước khi tôi nói chuyện với Nick Hornett, viên thám tử của cô, vào sáng nay, tôi vẫn còn tin thế. Điều ông Hornett tiết lộ khiến tôi hiểu ra rất nhiều từ sự im lặng của Alan, khi anh ấy nói về Lucky, về cô, hay đúng hơn là khi anh ấy từ chối nói về hai người. Càng nghĩ tôi càng thấy mọi chuyện khớp với nhau, ứng với Alan. Làm nhân chứng cho Lucky chắc chắn là vấn đề danh dự đối với Alan. Phải, rất có thể anh ấy quay về Mỹ vì chuyện đó. Thậm chí tôi còn thấy lạ là sao anh ấy không làm thế từ trước.

Từ đó, một linh cảm khác cứ làm tôi băn khoăn, còn kinh khủng hơn cả linh cảm trước, về cuộc sống thứ hai… Nếu anh ấy đã quay về Mỹ vì vụ giao kèo này, thì là để gặp cô, báo cho cô biết. Cô đã từ Úc về từ rất lâu rồi, theo những gì ông Hornett nói với tôi. Vậy nên chắc chắn Alan đã cố tìm gặp cô. Nhưng anh ấy không làm thế. Anh ấy chưa bao giờ làm thế. Tại sao? Tôi sợ rằng họ đã ngăn cản chuyện đó. Alan còn giấu tôi chuyện khác ngoài vụ giao kèo không được thực hiện này, một chuyện khác còn kinh khủng hơn, chuyện gì đó anh ấy đã khám phá ra và đẩy anh ấy vào nguy hiểm khi trở lại Mỹ sau hai mươi năm,

chuyện gì đó mà chính anh ấy cũng sợ…

Từ khi anh ấy lên đường, tôi chỉ nhận được ba tấm bưu thiếp, tất cả đều gửi vào hai tháng đầu năm, những tấm bưu thiếp tầm thường, trấn an, trấn an quá mức… Tôi gửi kèm chúng cho cô. Hy vọng chúng có thể giúp cô tìm ra tung tích anh ấy.

Alice ạ, cô là chiếc cọc tiêu bất ngờ trên đại dương bấp bênh của tôi. Chắc tôi sẽ chẳng bao giờ đủ tiền để điều tra tại Mỹ, để thuê thám tử tư. Hãy đều đặn cho tôi biết tin tức, bất cứ điều gì cô tìm ra.

Số phận của chúng ta bắt gặp nhau lạ lùng, tôi cảm thấy gần gũi với cô đến kỳ lạ, Alice ạ, và với cả cảm xúc của cô. Nick Hornett (có vẻ vị thám tử này thực sự say đắm cô) nói với tôi rằng cô đã để tang từ hai mươi năm nay. Tôi hy vọng vụ việc này sẽ giúp cô quên hẳn. Ở tuổi bốn mươi, cô vẫn còn cả cuộc đời phía trước. Về phần tôi, tôi cầu nguyện mình không phải để tang vào lúc cô đã thôi. Tôi hiểu bản thân mình, cũng giống như cô, tôi sẽ để tang rất lâu, ít nhất là hai mươi năm. Điều đó sẽ kết án tôi, vào tuổi này, phải chịu đau khổ vĩnh viễn. Tôi hy vọng chúng ta sẽ gặp nhau. Phải, tôi tin vậy. Tôi hy vọng đó sẽ không phải cuộc gặp giữa hai bà góa, bệnh tật, kể cho nhau nghe về tình yêu đã chết của mình.

Lison Munier

Chiếc phong bì đựng một bức ảnh Alan Woe và ba tấm bưu thiếp.

Trên tấm thứ nhất, một chiếc máy nông nghiệp đỏ chót trưng bày trên bệ gỗ. Mặt sau tấm bưu thiếp ghi: *Jonathan Feed, 1863, chiếc máy gặt bó tự động đầu tiên, bảo tàng Máy móc Nông nghiệp, Ashland, Kentucky.*

Trên tấm thứ hai, một vị tướng cưỡi ngựa trên bệ đá hoa cương. Mặt sau tấm bưu thiếp ghi: *Tướng Howard D. Linford, 1798–1859, Trận Effingham, 1837, Effingham.*

Trên tấm thứ ba, một dòng sông có vẻ hung dữ đang miễn cưỡng đẩy vài chiếc xuồng và thuyền kayak đi, thân thuyền và áo phao cứu hộ màu cam của những người trên thuyền nổi bật trên nền xanh lá bao quanh. Ở dưới

bên phải tấm bưu thiếp ghi *Sông Des Moines, Valentine, Iowa.*

Alice đọc lướt lời nhắn của Alan, vài câu chung chung, mang tính trấn an. Alan viết rằng mọi thứ vẫn ổn, anh sẽ sớm quay về, anh mong Lison hiểu và kiên nhẫn, anh gửi lời hỏi thăm những người bạn ở Normandie, kết thúc luôn là những lời âu yếm kín đáo.

Ashland, Effingham, Valentine… Alan đóng vai cậu bé Ngón tay cái. Tìm lại dấu vết của anh, sau sáu tháng, hẳn không phải việc quá khó.

30 ASHLAND, BẢO TÀNG MÁY MÓC NÔNG NGHIỆP

7 THÁNG Mười MỘT 1964, QUỐC LỘ 452, RICHMOND–FRANCKFORT

Quốc lộ 452, sau đoạn ngoằn ngoèo ngắn xuyên qua dãy Appalachia, trải tấm thảm nhựa đường thẳng tắp về phía Đông, đến tận đồng bằng sông Mississippi rộng lớn. Con đường vắng vẻ, như trong các phim hành trình của điện ảnh Mỹ hay trong các quảng cáo sử dụng những con đường thẳng và vắng để phô diễn sức mạnh dung tích xi lanh của chiếc ô tô đang bán.

Vắng vẻ, hoặc gần như vậy. Chỉ có một, hai chiếc ô tô: một chiếc Ford Fleetwood, đang đi chậm, và cách đó vài trăm mét, một chiếc Cadillac Eldorado đỏ chót.

Chậm chạp quá, chết tiệt, Nick, chậm như rùa bò! Chẳng phải mày là người muốn đưa nàng công chúa của mày đến California sao?

— Chiếc xe không nhúc nhích, – Nick vừa nói vừa bực dọc đập tay lên tay lái chiếc Ford của mình. – Tôi xin lỗi, Alice.

— Vì gì cơ? – Alice, ngồi cạnh Nick, trả lời.

— Vì chiếc xe của tôi không nhúc nhích, thật thảm hại. Chúng ta lê lết với tốc độ 50 dặm/giờ. Ta đã mất sáu tiếng để đi hai trăm bảy mươi dặm.

— Nghe này, Nick, anh đã làm tất cả những việc này mà không tính phí. Tôi còn có thể phàn nàn vì điều gì chứ? Anh dùng xe của chính mình, tôi thậm chí còn không có bằng. Những gì anh làm là không thể đo đếm nổi.

— Có cảm giác như chúng ta đang đứng một chỗ. Tại sao Chúa lại tạo nên những cảnh vật đơn điệu thế này? Rồi những tên xây đường còn làm chúng tệ hơn nữa?

Nick bực bội tắt chiếc radio trên xe đang kêu lạo xạo nghèn nghẹt, chỉ nghe thấy loáng thoáng một bản country giữa những tạp âm.

— Rồi thì, chúng ta còn chẳng bắt sóng được thứ gì trong cái hốc này!

— Anh không thích ra khỏi Washington sao, Nick?

— Sao cô đoán vậy? Do tình trạng cái xe Ford của tôi à? Nó không chạy nhanh, phải, nhưng dù gì cũng là một chiếc Fleetwood, hồi mới ra lò nó cũng thuộc hàng top đấy. Cách đây hai mươi năm.

— Cả vì tâm trạng của anh nữa…

Bây giờ cô còn quan tâm đến vì tâm trạng của tôi sao, Alice? Lần đầu tiên tôi nổi cáu… Mày chắc chắn là quá lãng mạn rồi, anh bạn Nick ạ… Mày thấy đấy, mày cun cút phục tùng mà chẳng được gì, phụ nữ chỉ thích những tên lưu manh và cách xử sự khó chịu thôi.

— Đúng là tôi không thích, Alice ạ, tôi không phải người ưa đi đây đi đó. Tôi thấy ổn khi ở thành phố của mình.

— Tôi cảm ơn anh vì tất cả những gì anh làm, Nick ạ. Tôi có cảm tưởng rời khỏi Washington là sự hy sinh lớn lao đối với anh.

— Chủ yếu là đối với cái xe của tôi…

Im lặng suốt một dặm.

Nào Nick, đừng có nhẹ nhàng nữa, giở trò đê tiện đi vì chỉ có vậy mới bù đắp được…

— Giá đây là một chuyến trăng mật, – Nick lẩm nhẩm.

Alice không đáp lại.

Im lặng suốt bốn dặm, im lặng dài đằng đẵng, với vận tốc 50 dặm/giờ.

Tìm thứ gì hay ho để nói đi, Nick, nghĩ đi!

— Quả là rộng lớn nhỉ, vùng Ashland này? – Nick hỏi.

Tuyệt lắm, Nick già! Về khoản trò chuyện thì cả nước này không có người thứ hai giống mày đâu.

— Chỉ là một chấm nhỏ trên bản đồ, – Alice trả lời với giọng cố làm ra vui vẻ. – Chờ chút, để tôi mở chỉ dẫn… Ashland, dân số 2.428 người… Được biết đến với bảo tàng Máy móc Nông nghiệp nổi tiếng.

— Ghê rợn quá!

— Vì sao? – Alice hỏi. – Tôi thấy có vẻ thú vị.

— Đúng thật, tôi quên mất, cô cũng sống ở nông thôn.

— Vì được nhận nuôi thôi. Chắc do vậy mà tôi thấy gắn bó với nông thôn.

— Thậm chí còn không có đến hai nghìn năm trăm cư dân… Tôi cuộc rằng ở đây chỉ có duy nhất một khách sạn…

— Trong sách chỉ dẫn không nói về chuyện đó.

— Có đấy, hãy tin tưởng một chuyên gia truy tìm, chỉ có duy nhất một khách sạn thôi! Nên Alan chắc chắn phải ngủ ở đó. Tối nay, chúng ta sẽ

bước theo dấu chân anh ta, có thể chúng ta sẽ còn ngủ trên giường anh ta nữa. Nếu tối nay chúng ta kịp đến khách sạn đó…

Im lặng suốt hai dặm.

Chết tiệt, không có tiếng nhạc mới khốn nạn làm sao! Tìm chủ đề hay ho khác đi, Nick.

— Hát cho tôi nghe đi, Alice.

Alice mỉm cười, vặn núm chiếc radio và một giai điệu guitar điện lạo xạo choán đầy chiếc Ford cũ kỹ.

Nick à, nhiều khi mi khiến ta ngạc nhiên quá đỗi, mi mới thật vô dụng làm sao!

Hai người đi qua tấm biển CHARLESTON, 140 DẶM.

Một phút sau Ted Silva đi qua tấm biển CHARLESTON, 140 DẶM.

Không đúng, hắn càu nhàu. *Họ định không đi quá 50 dặm/giờ trên suốt đoạn đường đấy chứ? Hy vọng ít nhất họ cũng không kéo mình ra thăm Thái Bình Dương. 50 dặm/giờ! Đúng là bõ công tậu một chiếc Cadillac Eldorado mới coóng!*

Radio trên xe lạo xạo không rõ một giai điệu rock. *Chết tiệt!* Hắn nhìn chiếc radio có kèm đầu đọc băng cassette: *mẫu mới nhất!* Chiếc Cadillac của hắn là một trong những chiếc xe đầu tiên có những tiện nghi như vậy. Hắn bực bội nhét vào đài cuộn băng cassette của nhóm Everly Brothers, cuộn băng chạy bài *Bye Bye Love* và các bài còn lại lần thứ sáu. *Sao mình không mang thêm băng khác đi nhỉ? Ngu quá!*

Ted đã buộc phải gấp gáp lên đường. Hắn ghét những chuyến khởi hành vội vã, đặc biệt là vì hắn bắt buộc phải đóng cửa hiệu tóc. Trong bao lâu?

Đôi chim cu kia sẽ khiến hắn phải dạo lòng vòng ở vùng nông thôn này bao lâu? Đáng nhẽ hắn nên giao hiệu tóc cho Teresa, nhưng con bé học việc không thể xoay xở một mình được. Có lẽ nó sẽ làm khách hàng của hắn phát điên trong lúc hắn đi vắng. Teresa! Nó mà không phải con gái Gina, chị gái hắn, thì hắn đã tống cổ nó ra khỏi cửa từ lâu rồi!

Bởi vì dù sao, dẫu chỉ tính các khách hàng *bình thường,* thì rốt cuộc hiệu tóc cũng kiếm được khá. Các con của hắn, Sergio và Lella, giờ cũng đã lớn. Liệu có ổn không, khi vào tuổi này rồi mà hắn vẫn cứ đi săn với chỉ độc chiếc bàn chải đánh răng? Về hưu ư? Tại sao không, rốt cuộc… Vợ hắn, Elena, có lẽ sẽ vui, cô ta luôn nói hắn làm việc quá nhiều. Họ sẽ xuống miền Nam, họ sẽ sống gần Lella và chồng con bé. Elena xứng đáng với những điều đó, kể từ khi hắn nói dối cô, người vợ sùng đạo không hề biết tưởng tượng.

Phải, rốt cuộc, sao không về hưu nhỉ? Sau giao kèo này, đương nhiên. Dù hắn có ngửi thấy mùi thất bại thảm hại của kế hoạch, của cái giao kèo Arlington này thì cũng vô ích, cam kết là cam kết. Ted có danh dự của mình. Giao kèo, nhất là giao kèo không ký tên, cần được tôn trọng!

Sự tập trung chuyên nghiệp giúp hắn lên tinh thần chút ít. Hắn nhận ra mình đang vô thức tăng tốc độ.

Chầm chậm nào, Ted, mày biết không gì khó hơn theo dõi bằng ô tô trên đường vắng mà. Nhất là khi chiếc Eldorado của mày không hề kín đáo… Giá mà biết được chúng định dẫn mình đi đâu, cái đôi chim cu kia!

Ashland là thị trấn nhỏ nằm lùi bên trong ngã tư xa lộ lớn được quy hoạch hai mươi năm trước nằm giữa quốc lộ 452 Richmond–Franckfort và quốc lộ 18 Nashville–Cleveland. Ngoài ra, thủ đô của máy móc nông nghiệp lúc này đang ầm ĩ tiếng cần cẩu và xe ủi, chúng tất bật hoạt động để mở rộng

đường hơn nữa, và biến ngã tư nổi tiếng nguy hiểm này thành nút giao thông hiện đại. Các cư dân nơi đây đang trông đợi rất nhiều từ những cơ sở hạ tầng mới tương tự, chúng sẽ đưa họ lên bản đồ như một điểm chiến lược quan trọng. Một thủ đô thực sự! Các đơn vị quản lý địa phương tin tưởng đến khó hiểu rằng đường cao tốc sẽ giúp họ đảm bảo sự phát triển, trong khi ngược lại, điều dễ thấy nhất là đường sá lưu thông tốt hơn sẽ khiến người đi qua vùng này từ nay ít dừng lại hơn, và khiến dân bản địa rời đi nhiều hơn.

Nick đã quá bi quan về khả năng của chiếc Ford Fleetwood. Họ đến Ashland trước khi đêm xuống rất lâu. Tuy nhiên, anh lại đúng về chuyện khách sạn, chỉ có duy nhất một cái. Đó là một trạm nghỉ cho dân lái xe và buôn bán, một nhà nghỉ thuộc chuỗi Hometown, bản sao y sì của hàng nghìn nhà nghỉ khác hiện diện gần như khắp nước Mỹ. Một người đàn ông đeo cà-vạt và mái tóc hoa râm, rất bảnh bao, không thể tin nổi công việc hằng ngày của ông ta là đổ thùng rác khách sạn, dọn giường và quét gầm giường, ông ta đón tiếp họ với nụ cười chân thành; đón khách là công việc ít khổ sở nhất trong số các việc ông ta làm.

Nick không vòng vo tự giới thiệu mình là thám tử tư và nói về Alan Woe, khách trọ ở đây, vào tháng Ba năm 1964. Vị quản lý khách sạn bĩu môi vẻ hoài nghi và giải thích ông mới chỉ ở đây từ ba tháng nay, thế đã là lâu rồi, theo ông. Người ta đâu có chen lấn để tốt nghiệp trường nội trú Hometown để rồi bị mắc kẹt ở chốn khỉ ho cò gáy này. Vậy nên các quản lý khách sạn phải được xoay vòng. Tuy nhiên, có sổ ghi chép, nên có thể xem qua. Họ cùng tìm: 21 tháng Ba 1964. Alan Woe đúng là đã ngủ ở đây, hai đêm.

— Tốt rồi, – Nick kết luận, – chúng ta chỉ còn phải tìm hiểu xem Alan đến tìm kiếm gì ở cái nơi hẻo lánh này. Tôi không nghĩ anh ta đam mê các loại máy móc nông nghiệp đến mức bỏ mặc người đẹp Lison ở Normandie

để đi thăm thú cái xó này. Chúng ta sẽ phải hạ trại ở đây, Alice ạ.

Phải rồi, Alice, giờ khắc của sự thật đã đến… Đêm đầu tiên chúng ta ở chung!

— Các vị muốn phòng có nhà vệ sinh, vòi hoa sen, và TV không? – vị quản lý hỏi, mừng rỡ ra mặt khi có khách.

— Thế nào cũng được, văn phòng Hornett sẽ thanh toán, – Nick hào phóng tuyên bố. – Tôi sẽ xếp đó là chi phí công tác cùng các khách hàng nữ!

— Vậy cho chúng tôi phòng không có vòi sen và TV, – Alice trả lời.

— Alice, văn phòng cảm ơn cô đã rất tiết kiệm.

— Nhưng chúng tôi lấy hai phòng! – Alice tinh nghịch nói thêm.

Khá lắm, cô quỷ nhỏ đáng yêu.

Đêm đã buông xuống Ashland từ nhiều giờ nay. Alice thấy khó ngủ. Cô đứng trên ban công phòng, một khoảng ban công nhỏ bằng gỗ màu xanh lá cây, cùng tông màu với mặt tiền khách sạn, phỏng theo phong cách Viễn Tây. Ngôi làng Ashland đang say ngủ này gợi cho cô nhớ về Litchfield, ngôi làng đã nhận nuôi cô. Cửa sổ phòng cô có lẽ là ô cửa duy nhất trong làng còn sáng đèn. Giờ có lẽ đã 3 giờ sáng. Alice chăm chú nhìn vào bóng tối và cả sự thinh lặng, những kỷ niệm khi cô mười lăm tuổi nối nhau ùa về, những kỷ niệm rối bời ở Washington giữa tiếng ồn của thủ đô nước Mỹ, rồi trở lại với sự tĩnh lặng của những không gian rộng lớn. Cô cảm thấy dễ chịu, đêm thật yên bình.

Cửa sổ căn hộ bên cạnh mở. Nick bước ra.

Sao mà lạnh thế này! Phải can đảm lắm, Roméo bé nhỏ của ta, mới ra

ngoài vào giờ này mà chỉ khoác đồ ngủ để ngắm người đẹp của mi trên ban công. Nào, gồng cơ bắp lên và lôi cây đàn mandolin ra đi!

— Cô không ngủ à, Alice?

— Không… Còn anh?

— Ờ… Tôi đang ngủ… Tôi dậy uống nước. Tôi thấy có ánh đèn trên ban công.

Một khoảng im lặng, đủ cho một ngôi sao băng lướt qua.

Nick chưa từng thấy Alice với ít quần áo thế này, chỉ trừ lần cô mặc chiếc áo choàng tắm màu đỏ, có lẽ vậy, hôm xảy ra vụ nổ. Giờ đây cô chỉ mặc áo phông màu hồng thiếu nữ, trên áo có hình một con chó xù màu xám với đôi mắt âu yếm. Chiếc áo phông, hơi quá chật, bó sát vào thân hình Alice.

Lạy Chúa cô ấy quá đẹp… Hẳn người ta sẽ nghĩ cô ấy mới chỉ mười tám.

Trong cảnh tranh tối tranh sáng, trên người mặc chiếc áo phông màu hồng bó sát, trông Alice gần như đang khỏa thân. Lớp vải bị kéo căng càng làm nổi bật những đường cong, bầu ngực săn chắc thiếu nữ, cặp mông tròn hoàn hảo… Dáng đùi cô, không bị vải che, cũng không kém phần lôi cuốn.

Cô ấy có ý thức được về sắc đẹp của mình không? Sắc đẹp khiến người ta bối rối… Tê liệt? Còn mày? Bây giờ, khi đã giở trò rình trộm rồi, mày định làm gì đây? Nếu không còn gì khác để nói với cô ấy, hãy rút lui một cách có chiến thuật… Quay về giường cùng đống mơ tưởng của mày đi! Mày đã thao thức bốn tiếng đồng hồ vì chúng rồi đấy!

— Ừm, ờ… chào Alice, tôi về ngủ tiếp đây… Mai chúng ta còn có việc.

— Vâng, anh nói đúng, tôi cũng cố ngủ đây.

— Cô đang nhìn gì vậy, Alice?

Cô quay người lại ba phần tư và nhìn vị thám tử với đôi mắt cũng dịu dàng như chú chó trên áo cô.

— Không có gì… Không có gì quan trọng cả… Tinh cầu B612, chắc vậy…

— Gì cơ?

— Tinh cầu B612… Đừng tìm, Nick ạ, anh không hiểu được đâu.

Thật phát ngán việc cô ấy cứ coi mình là tên ngốc!

— Đã rõ. Chắc chắn bởi vì tài xế của cô không đủ thông minh, không vấn đề gì. Anh ta sẽ quay về ngủ tiếp để bộ óc bé nhỏ yếu ớt của anh ta được nghỉ ngơi.

Alice mỉm cười và quay hẳn người về phía Nick.

— Không phải đâu, Nick, không phải thế…

Nick ngước lên trời để mắt không dán vào đầu ngực Alice như muốn xuyên thủng lớp vải hồng.

— Vậy cô không tin tôi đủ lãng mạn sao?

— Không phải đâu, Nick, đừng phật ý. Nếu anh không hiểu được, thì chỉ đơn giản vì anh là người lớn.

Người lớn? Toàn bộ con người tôi cảm thấy điều đó. Còn cô cũng thế, Alice, tôi chắc chắn với cô, cô không còn là một bé gái đâu… Ôi không!

— Thế thì, – cuối cùng Nick cũng hỏi được. – Người lớn thì không thể thấy được tinh cầu B612 đó à?

— Ờ không… Anh chưa đọc *Hoàng tử bé* à?

— Chưa. Rất tiếc. Cô biết tôi đấy, văn học, nhất là văn học Pháp…

— *Hoàng tử bé* được viết ở New York, anh biết chứ… Bằng tiếng Pháp, tôi thừa nhận với anh. Người ta chưa từng viết ra câu chuyện nào đẹp hơn thế, tôi tin chắc. Đó là cuốn sách, nói sao nhỉ, về hạnh phúc, tuy cái kết lại rất buồn. Cuốn sách của hy vọng, ngay cả khi nó được viết vào thời cuối chiến tranh. Gần đúng vào thời kỳ Lucky bỏ mạng…

— Thế tinh cầu 612 có liên quan gì đến những chuyện đó?

— Đó là nơi Hoàng tử bé sống. Khi tác giả, Saint-Exupéry, thấy buồn, ông chỉ cần nhìn ngắm bầu trời để nhớ đến người bạn đã quay về sống trên ngôi sao của mình là đủ. Anh thấy đấy, vừa buồn vừa vui… Cái ý nghĩ rằng có một ngôi sao dành cho từng người khi họ qua đời.

Ted Silva, trái lại, thấy khó mà không chìm vào giấc ngủ. Chiếc Cadillac Eldorado thật dễ chịu, quá dễ chịu. Dù chính hắn đã chọn nó cho vụ này, phòng trước những nhiệm vụ ngoài Washington. *Quá ngu ngốc,* Ted nguyền rủa, *thật đơn giản.* Chỉ có một chiếc ô tô, một chiếc ô tô duy nhất, trong bãi đậu xe vắng vẻ này. Một chiếc xe bị phá hoại, chẳng phải thứ nghệ thuật gì to tát, nhưng hẳn Emilia Arlington thích tính hiệu quả của các vụ tai nạn hơn là tính độc đáo.

Đã muộn và Ted thấy mệt, sau cả một ngày chạy xe với tốc độ chậm. Sau cùng cô ta cũng sẽ tắt đèn, dẫu sao cô ta cũng không định cắm chốt trên ban công suốt cả đêm để ngắm sao… Lại còn khỏa thân nữa! Chắc chắn ai cũng sẽ nói cô ta đang khỏa thân! Điên thật rồi!

Còn gã kia nữa?

Tay thám tử ấy? Sao hắn không bình thản nằm trên giường cùng cô ta, cô gái tóc vàng trên ban công, rồi lăn qua lăn lại như bom giội, trên người

không mảnh vải? Như thế ít nhất mình cũng được rảnh tay… May mắn thế nào mình lại rơi trúng vào tên thám tử đồng tính duy nhất ở Washington!

Ted uống một chút, dấp nước lên mặt, rồi tiếp tục vùi đầu vào đọc tờ *Hair Mag 64,* tạp chí chuyên dành cho thợ cắt tóc ở Mỹ, và so sánh lần nữa giá các loại máy hấp tóc.

31 NẾU SO SÁNH, THÌ CHIẾN TRANH CHẲNG LÀ GÌ HẾT

THÁNG MƯỜI MỘT 1964, TOPEKA, ARKANSAS

Ralph Finn, nằm trên giường của hai vợ chồng, cũng không ngủ ngon lắm.

Cửa mở, anh ta nghe thấy những tiếng thì thầm, nhưng không nghe được rõ từng lời.

— Suỵt, Barry, đừng làm ồn, có người đang ngủ.

— Không đời nào, tôi sẽ không cởi quần áo trong bóng tối đâu, tôi bật đèn đây.

— Đồ điên, đang nửa đêm đấy.

— Mặc xác, chiến tranh mà!

Barry bật đèn:

— Này Jim, đến đây mà xem, có đứa đang thủ dâm trên giường. Đúng rồi, đúng thật này!

— Gì cơ?

Barry đã chạy ra hành lang đập vào cửa từng phòng:

— Mọi người ơi, đến mà xem, có đứa thủ dâm trong phòng bọn tôi. Thật đấy. Thẩm Du, Thẩm Du…

Ralph choàng tỉnh, người ướt đầm. Đã từ lâu rồi Barry và Jim không trở lại ám ảnh anh ta. Vợ anh ta đang ngủ bên cạnh, hơi thở nhẹ nhàng. Cô chẳng nghi ngờ gì, cô chưa bao giờ biết, câu chuyện đó, cái biệt danh ngu ngốc đó. Không thì anh ta đến chết vì nhục nhã mất.

Phải, khoảnh khắc đó còn tệ hơn cả chiến tranh. Hiển nhiên rồi, nếu so với nó, thì chiến tranh chẳng là gì cả. Nhất là những ngày sau đó… Khi một nhóm hình thành, cần tạo ra những mật mã, những hệ quy chiếu chung, những cách nói, biệt danh, giai thoại để chia sẻ, nhằm giúp nhóm gắn bó với nhau và giữa các thành viên có sự thông đồng.

Thẩm Du.

Biệt danh này, giai thoại này là để phục vụ điều đó.

Giúp nhóm gắn bó nhau… chống lại anh ta!

Cách đây không lâu, anh ta có đọc được rằng theo một cuộc thăm dò, 86% nam giới thủ dâm. Nghĩa là 86% nam giới thú nhận điều đó với người thực hiện điều tra. Ngoài tỷ lệ này, ta có thể tính thêm một số người không dám nói, nhưng vẫn làm chuyện đó. Tổng thể thì đây là đại diện của một phần rất đông nam giới. Thêm nữa, cuộc thăm dò được thực hiện trong thời bình, khi những người đàn ông đi dạo trên phố giữa những cô gái không phải lúc nào cũng nói không, không phải như trong thời chiến, khi những người đàn ông bị biển cả chia lìa khỏi vợ hoặc bạn gái mình. Ralph kết luận rằng gần như tất cả lính biệt kích trên chiếc sà-lan đó đều phải thủ dâm, lúc này hay lúc khác. Anh ta đã không gặp may, thế thôi!

Giờ, khi nghĩ lại, anh ta phải thú thực rằng sau vài ngày chịu đựng

những lời đùa cợt nặng nề của cả trung đoàn, đối với phần lớn đám lính, biệt danh Thẩm Du chỉ còn là biệt danh như bao biệt danh khác, không có ác ý đặc biệt, như những người khác được gọi là Mickey, Batman hay Tarzan… Phần lớn đội lính biệt kích còn không biết cả họ lẫn tên anh ta. Với họ, anh ta chỉ là Thẩm Du. Có lẽ thậm chí vài người còn tưởng đó là tên anh ta thật, trên sà-lan đúng là có những kẻ khùng điên như vậy.

Ralph Finn trở mình để cố ngủ, nhưng những giọng nói vẫn còn đó. Nhất là những câu: "Cà phê không, Thẩm Du?" "Chơi poker không, Thẩm Du?"… Đôi khi là những lời đã cứu sống anh ta: "Cẩn thận đấy, Thẩm Du!" "Này, Thẩm Du, chạy đi, tôi che cho!"…

Nhưng anh ta, ngược lại, không bao giờ có thể quên được. Cái tên ấy luôn khiến anh ta đau khổ. Nếu như, một cách kỳ diệu, đạn của quân Đức đã né anh ta, thì anh ta vẫn bị thương rất nhiều trong cuộc đổ bộ ấy: mỗi lần nghe thấy cái biệt danh đó, anh ta đều miễn cưỡng quay lại để đáp, thậm chí để mỉm cười, bởi đó là tên mới của anh ta.

Những người khác không thực sự ý thức được những nhát dao họ phóng ra, chỉ trừ hai ba tên ngốc, Barry là gã thứ nhất. Thật kỳ lạ, ở trường, trong các kỳ nghỉ cùng nhà máy của bố, hồi còn bé, Ralph không hề là đứa bé nhút nhát, không hề là một trong số những đứa thu mình lại và bị cả nhóm có ác cảm ngay lập tức vì nó khác biệt, vì nó chạy không nhanh, vì nó tè dầm, vì nó hay khóc… Không, việc bị cho ra rìa đó, anh ta chưa bao giờ phải nếm trải. Thậm chí anh ta còn thuộc nhóm nổi trội, ở trường. Không phải thủ lĩnh, chưa bao giờ, nhưng thường xuyên là phó nhóm… Anh ta nghĩ đến Mỡ Béo, tên gã là gì nhỉ? Luis, đúng rồi… Hai người học cùng lớp trong năm năm. Trong trí nhớ của mình, anh ta gần như luôn gọi gã là Mỡ Béo… Không có ý xấu… Về sau, hai người thậm chí còn trở thành bạn thân, họ cùng nhau đi câu nhiều lần ở hồ Beaver. Không, Mỡ Béo, người ta

không gọi thế để chế giễu, trừ lúc đầu, có lẽ vậy… Đó gần như là dấu hiệu của sự trìu mến. Bây giờ, anh ta chắc chắn điều này, Mỡ Béo hẳn đã phải chịu đau khổ, như một con chó, trong năm năm trời. Còn anh ta, Ralph, chỉ chịu đựng có bốn tháng!

Ralph dậy uống nước. Căn nhà hoàn toàn tĩnh lặng.

Trừ các sĩ quan, trong số một trăm tám mươi thành viên đội biệt kích, chỉ có Alan và Lucky gọi anh ta bằng tên thật, Ralph.

Alan, đơn giản vì cậu ấy là người thấu hiểu mọi chuyện. Có lẽ cậu ấy từng là *Tiểu Dắt, Ngộ Chữ, Đàn Bà* của một lũ độc ác khi còn là trẻ con. Không phải như thế không giống Alan. Chỉ đơn giản là cậu ấy tinh tế hơn những người khác!

Lucky cũng không gọi Ralph là Thẩm Du, nhưng không giống Alan. Lucky không phải kẻ cuối cùng biến một gã lính trơn tội nghiệp thành trò cười cho cả nhóm, cậu ấy hoàn toàn có thể tỏ ra độc ác. Nhưng Lucky quá yêu thích việc trở nên khác người… Vì tất cả các tay lính khác đều gọi Ralph là Thẩm Du, nên Lucky sẽ giữ thể diện cho mình bằng cách gọi Ralph bằng tên thật. Nhưng nếu Lucky tìm được một biệt danh khác cho Ralph, có khi còn kinh khủng hơn cái trước, thì hẳn cậu ấy sẽ dùng nó ngay, không ngại ngần.

Ít nhất là lúc đầu. Sau đó, không, Lucky hẳn sẽ không làm điều đó. Nhưng sao lại nghĩ đến chuyện này nhỉ? Lucky chưa bao giờ làm vậy! Sau đó, anh ta và Lucky thành bạn. Ít ra đó là điều Ralph muốn tin. Có ai không muốn làm bạn với một người luôn rạng ngời như Lucky? Một cách tự nhiên, Ralph đã làm thân với Lucky, một trong số những người duy nhất trên chiếc sà-lan gọi anh ta bằng tên thật. Điều đó giúp anh ta, Thẩm Du, trở thành một trong số những người thân thiết, được ngồi cùng bàn Lucky. Như một phó nhóm trung thành!

Lucky rất khéo, cậu ấy biết cách làm người khác yêu quý mình. Để giành được tình bạn của Ralph, chỉ cần làm một việc.

Không bao giờ gọi anh ta là Thẩm Du.

Cậu ấy cũng là một người tinh tế!

Rốt cuộc, Alan và Lucky là hai người duy nhất tử tế hơn cả trong đội biệt kích. Còn anh ta, Ralph, anh ta về phe họ. Một trong số họ… Một trong số bốn người họ!

Ralph đặt nhẹ chiếc cốc xuống bồn rửa, cố gắng không gây ra tiếng leng keng.

Một trong số bốn người họ! Anh ta nhớ lại khoảnh khắc như không có thực đó, khi cả bốn người, Oscar Arlington, Lucky Marry, Alan Woe và anh ta, cùng ở trong căn phòng đó, để soạn bản giao kèo. Lucky chọn anh ta làm người làm chứng, cùng Alan. Chọn Alan là chuyện bình thường! Nhưng còn anh ta…

Vì sao lại là anh ta? Vì sao lại chọn Thẩm Du? Vì anh ta gợi nên sự thương hại, có lẽ vậy, sự đồng cảm, nghĩa là sự trung thực. Có lẽ vậy… Đêm đó Oscar run rẩy… 1,44 triệu, thời ấy, là khoản tiền khổng lồ. Ralph tự hỏi hai người đó ai là kẻ điên hơn, Lucky hay Oscar. Dù sao thì, ngày hôm ấy, Lucky đã tin tưởng anh ta! Trong khoảnh khắc rất quan trọng ấy, chính anh ta, Ralph, là người mà Lucky đã chọn, không phải một tên khác trong số đám ranh ma cùng Lucky uống rượu suốt nhiều đêm và chơi cùng cậu ấy, nghĩ rằng mình là bạn của cậu ấy. Không, tất cả những tay lính đó chỉ là những tên hề, bạn tốt nhất của Lucky, chính là anh ta!

Ralph lại nghĩ đến dòng tin vặt, viên thám tử ở Washington đang tìm anh ta, tìm Thẩm Du, để làm chứng.

Một giọng nói nhỏ văng vẳng. “Mày là người Lucky đã tin tưởng!”

Không! Lucky tin tưởng Thẩm Du, nhưng giờ đã quá muộn. Thẩm Du chết rồi, chết hẳn rồi. Ralph không thể chịu đựng việc lại mang cái biệt danh đó lần nữa, trước mặt những cựu binh biệt kích, trước tòa án đầy giễu cợt, trước…

Mồ hôi ướt đẫm trên trán anh ta.

Chỉ nghĩ đến việc vợ mình có thể biết về biệt danh đó, con trai mình có thể phát hiện ra biệt danh đó cũng khiến anh ta run rẩy…

Xin lỗi, Lucky!

Thẩm Du đã chết… Chết thật rồi.

Giờ đây, khi nghĩ lại, cái biệt danh đó, rốt cuộc, lại cho anh ta sức mạnh. Khi từ cuộc chiến trở về, anh ta đã thề với chính mình sẽ không bao giờ là tên ngốc của nhóm nữa. Kẻ bị khinh miệt… Không bao giờ! Anh ta đã thề với chính mình sẽ xây dựng một cuộc sống đích thực, với gia đình, một gia đình sẽ tự hào về anh ta, anh ta sẽ trở thành người cha và người chồng không chê vào đâu được.

Tất cả những gì anh ta đã xây dựng trong đời từ năm 1944, phần lớn là để không bao giờ còn là Thẩm Du nữa.

Ralph có vẻ lấy lại được một chút bình tĩnh. Lúc này, sự vô liêm sỉ xâm chiếm anh ta khi bóng ma Barry và Jim đã bay đi.

Xin lỗi, Lucky ạ. Thật tệ. Cậu chọn sai người làm chứng rồi… Alice của cậu sẽ còn phải tìm tôi dài dài!

32 CÀ PHÊ ĐEN

8 tháng Mười Một 1964, Ashland, Kentucky

Ở Ashland, ánh đèn cuối cùng trong làng, ánh đèn trong phòng Alice, đã tắt.

Đến lúc rồi!

Ted cố gắng lên tinh thần… 5 giờ sáng. Hắn tự hỏi có phải mình vừa ngủ không. Không, không hẳn, chắc khoảng mười lăm phút, vừa đủ thời gian để rét cóng. *Nào, Ted, phải đến đó,* hắn lầm bầm. *Nhúc nhích đi, anh bạn, đến lúc rồi.*

Cơ thể Ted khó nhọc tuân lệnh, mười lăm phút ngủ có vẻ là không đủ. Nào, dậy đi, Ted tiếp tục tự động viên. Kết thúc công việc này và ngày mai mày sẽ ngủ ngon hơn.

Nhưng cũng phải mất gần mười phút Ted mới rời được mấy cái ghế êm sâu trên chiếc Cadillac. Hắn loạng choạng bước trên bãi đậu xe vắng vẻ. Không khí lạnh giúp hắn hết thấy đờ đẫn.

Nào, phần khó khăn nhất đã qua. Giờ chỉ là những việc quen thuộc.

Hắn lại gần chiếc Ford Fleetwood.

Hãy hoàn thành thật nhanh rồi quay về. Không cần tinh tế gì, chỉ là rò xăng thôi, tất cả sẽ nổ tung khi hắn ta xoay chìa khóa khởi động. Sẽ không quá thuyết phục để khiến người khác tin vào giả thiết tai nạn, nhưng ở cách Washington hơn bốn trăm dặm, sẽ không ai nghĩ đến việc buộc tội Arlington. Lại càng không ai buộc tội mình. Và rồi rốt cuộc, nhìn tình trạng chiếc xe tồi tàn đó, biết đâu đấy, rất có thể điều ấy sẽ khiến đám cớm tin vào giả thiết tai nạn.

Ted đang bắt đầu mò mẫm quanh bình xăng thì nghe thấy có tiếng động phía sau. Hắn quay lại. Không, chẳng có ai, không ánh đèn, không cả một con chó. Chẳng có gì cả!

Hắn đợi một lúc, nghe ngóng, rồi lại cúi xuống nắp bình xăng. Tiếng động lại vang lên. Lần này Ted đã xác định được vị trí phát ra âm thanh: có vẻ mơ hồ, nhưng nó đến từ bên trong quán bar–nhà hàng tồi tàn kia, loại dành cho dân lái xe, ở ngay đối diện bãi đậu xe.

Nhưng dù sao nó cũng không mở cửa vào lúc 5 giờ sáng chứ, cái quán bar đó!

Từ tấm mành quán phát ra tiếng kim loại, một vệt sáng hiện ra trên nền đất, rồi lan lên, như mặt trời mọc ở đường chân trời.

Gã đó mở cửa quán lúc 5 giờ sáng thật!

Ted chỉ có thể thấy một bóng người thoáng quay vào trong quán để đặt xuống đất đống ghế đẩu xếp trên bàn.

Không đúng! Ted nghĩ. *Đây là cơn ác mộng, mình sẽ tỉnh thôi. Chẳng có quán bar nào trên đời mở cửa vào giờ này! Không một quán nào cả!*

Ted do dự một thoáng về những gì nên làm tiếp theo. Rốt cuộc, hắn

nghĩ, gã trong quán kia chắc sẽ không thể nhận ra mình, khi đã ngụy trang trong chiếc áo trượt tuyết, và ở khoảng cách xa thế này. Thậm chí còn không chắc gã nhìn thấy mình.

Mặc xác, Ted không có thói quen chuốc lấy rủi ro, nhưng chuyện này kéo dài đủ rồi. Biến chiếc xe kia thành cỗ xe địa ngục có lẽ đã khá khó vào lúc này, nhưng hắn vẫn có thể kín đáo cưa hệ thống lái, đủ khéo để nó rời ra sau khi đi được vài chục dặm. Sẽ không ai thấy mối liên quan, lúc đó hắn đã ở xa.

Ted quay lại cốp xe tìm dụng cụ.

Đúng lúc đó, một chiếc xe tải, đèn pha bật sáng, chạy qua trước mặt hắn. Ted nhìn thấy sáu người đàn ông da đen cao lớn trong thùng xe, họ ngồi trên một đống cát, không thể không nhận ra họ trong tấm áo mưa phản quang màu vàng, và một người đàn ông da trắng râu ria lởm chởm, cũng mặc áo mưa phản quang màu vàng, nhưng người này ngồi sau vô-lăng. Họ đậu xe giữa chiếc Cadillac và chiếc Ford. Họ mỉm cười với Ted, như để nói với hắn với vẻ thông đồng: “Sáng nay không được ấm áp nhỉ. Đứng đây trong cái giờ này quả là khốn nạn, nếu không phải công việc, thì lên giường kềnh một giấc cho xong.” Không nấn ná thêm, họ ồn ào bước vào quán bar.

Chết tiệt! Ted nghĩ. *Mình gặp đen ở cái xó này. Bảy người bọn chúng đã nhìn thấy mình cầm cưa đứng trước xe. Khốn nạn! Cả một đêm trắng vô ích!*

Ted thậm chí chẳng muốn ngủ nữa.

Những gã đó làm việc trên ngã tư… Ted suy nghĩ. *Có cái xó nào trên đất nước chết tiệt này không phải là công trường không? Tại sao những gã này lại bắt đầu làm việc sớm thế? Còn gã trong quán bar, ở xó này gã ít khách đến nỗi phải chấp nhận phục vụ vào giờ này ư? 5 giờ sáng! Mình còn làm*

gì được đây? Đã đến nước này thì chỉ còn cách đi vào quán cà phê cùng lũ da đen đó!

Nick thức dậy, đầy phong độ. Alice cũng vậy. Cô ngủ ít, nhưng đã quen như vậy rồi. Họ ăn một bữa sáng thịnh soạn. Họ là những vị khách duy nhất, được ăn mọi thứ tùy thích, nước cam, thịt hun khói, các món chế biến từ sữa, hoa quả…

Cuối bữa, Nick chìa cho Alice xem một bức ảnh của Alan Woe:

— Tôi đã sao ra nhiều bản. Cô sẽ thấy, Alice ạ, làm thám tử rất thú vị.

Suốt buổi sáng, hai người chia nhau đi quanh làng và cho những người qua đường họ bắt gặp xem ảnh của Alan. Không thu được gì. Sau đó, họ vào hỏi những người bán hàng, cũng không kết quả. Sau cùng, họ gõ cửa từng nhà. Vẫn không có gì.

Alice sắp gần như tuyệt vọng thì gặp một bà lão đang đưa cháu gái đi dạo ở công viên nhỏ sau bảo tàng.

— Không, con gái à, rất tiếc, bà lão nói với cô. Tôi chưa từng thấy người này.

Cô bé, khoảng chừng mười tuổi, kéo tay áo Alice để xem bức ảnh. Cô bé nhướng mày:

— Người ta gọi ông ấy là ông xấu xa, bà ạ!

— Ông xấu xa nào cơ, Sarah?

— Bà biết mà, bà, là người mà bà không muốn chúng cháu nói chuyện cùng ấy. Người luôn đứng trước cổng trường nhìn chúng cháu trong sân trường.

— Cháu nghĩ thế à? Không…

— Bởi vì bà chưa bao giờ thực sự nhìn ông ấy, bà ạ. Nhưng cháu thì chắc chắn!

— *Ông xấu xa* ấy là ai vậy, bà? – Alice hỏi.

— Một kẻ cuồng dâm, cô ạ, – Sarah trả lời. – Chính cha mẹ cháu đã…

— Suỵt, – người bà gầm lên, – đừng có kể linh tinh, Sarah! Câu chuyện mà cháu tôi nói với cô xảy ra khoảng sáu tháng trước. *Ông xấu xa,* tôi không biết đó có phải người cô đang tìm không, không biết từ đâu, đã đến đây, vào một buổi sáng. Anh ta đứng trước cổng trường và nhìn gì đó. Chuyện này đương nhiên đã khiến dân làng xôn xao chút ít. Ngày hôm sau anh ta lại quay lại, mọi người bắt đầu nghi ngờ. Bọn trẻ được dặn phải cẩn thận. Nhưng thực ra, cũng phải thừa nhận anh ta không có vẻ là người vô gia cư, hay một kẻ bệnh hoạn, không giống vậy chút nào cả, nhưng tốt hơn vẫn nên chú ý. Sau đó, anh ta biến mất và không ai thấy anh ta trở lại.

— Trong làng có ai từng nói chuyện với anh ta không?

— Không, tôi nghĩ là không, chẳng ai có thời gian. Này, cô ở bên cảnh sát phải không? Rốt cuộc hắn là tội phạm à?

— Không phải đâu, bà ơi, Sarah giải thích tiếp. Bố cháu bảo ông ấy là tên cuồng dâm.

Cái tát giáng xuống và Alice thấy mình có một phần trách nhiệm.

Hai giờ sau, Nick và Alice trở lại chiếc Ford.

— Nào, – Nick nói, – lại lên đường thôi. Tổng kết bước đầu tiên: rất khiêm tốn! Cô thấy đấy, Alice, nghề thám tử tư rốt cuộc thật bạc bẽo!

— Tôi không thấy vậy. Trái lại, khá là hứng thú đấy chứ.

Vậy à, để thấy đó là một nghề nhiều hứng thú… Nhất là khi cô bắt tréo chân trên xe tôi. Gây hứng thú, nhưng cũng làm thất vọng, người đẹp của tôi ạ!

— Gây hứng thú, đương nhiên… Nhưng cũng khiến ta thất vọng nữa!

— Tôi không thấy thế, Nick ạ, sao anh nói vậy?

Láu cá lắm, nào, giờ mi tự xoay xở đi!

— Ừm… Cô không thấy chuyện này làm người khác thất vọng à, cô… Ờ… Đi năm trăm dặm để khám phá ra thực ra Alan là tên đồi bại đứng rình trước cổng trường! Tôi hy vọng cô không viết điều đó cho Lison tội nghiệp!

— Nick! Lạc quan lên nào! Chúng ta đi nhanh hơn Alan rất nhiều. Ngay cả với chiếc xe của anh! Chúng ta chỉ mới ngủ ở đây một đêm còn anh ấy là ba. Với tiến độ này, chúng ta rồi sẽ bắt kịp anh ấy. Nào! Lên đường theo tấm bưu thiếp thứ hai: Effingham, Illinois. Nổi tiếng vì trận đánh ở đó, có vẻ thế…

— Rất hứa hẹn.

— Phấn chấn lên nào, chỉ năm trăm dặm thôi.

— Nói nhỏ thôi, Alice, chiếc Ford của tôi biết nghe đấy!

33 EFFINGHAM, TRẬN ĐÁNH, VIÊN TƯỚNG VÀ XƯỞNG THUỘC DA

8 tháng Mười một 1964, Effingham, Illinois

Chặng thứ hai còn nhanh hơn chặng đầu tiên.

Xưa kia, Effingham từng rất phồn thịnh và nổi tiếng. Giờ có lẽ chỉ vài sử gia địa phương là còn thấy vậy.

Danh tiếng thoáng qua của Effingham có được trước tiên là nhờ trận đánh tại đây: năm 1837, một vị tướng địa phương, Howard D. Linford, đã dập tắt những đợt phản kháng cuối cùng của một bộ lạc người Sioux, trước đó từng cắt cổ vài viên lính công binh bất cẩn sống trong những trang trại bị cô lập trong làng, khiến quân đội có cớ tiến hành cuộc tàn sát.

Vinh quang thứ hai của Effingham đến từ xưởng thuộc da của vùng, xưởng Meryll, một trong những xưởng quan trọng nhất nước Mỹ suốt một thời gian dài. Nhà máy đặt trên sông Kalastia, một chi lưu nhỏ của sông Mississippi, trước chiến tranh, cung cấp da thuộc cho các thương hiệu đồ da lớn nhất, chủ yếu là các thương hiệu Mỹ. Sau đó, cuối những năm 50, xưởng này dịch chuyển xuống phía Nam, gần biển và các đàn cừu hơn,

trong vùng ngoại ô Houston.

Nhưng khu vực xưởng Meryll tại Effingham lại được hiện đại hóa trong những năm 50: người ta đã xây những tòa nhà mới để làm vui lòng người thừa kế cuối cùng của người sáng lập xưởng, Thomas Meryll. Ông của ông, Israël Meryll, người đặt bẫy anh hùng thời kỳ tiền thuộc địa của Mỹ, đã lao vào ngành thuộc da cũng tại vùng Effingham, khoảng năm 1820, ở tuổi năm mươi, khi đôi tay run rẩy không cho phép ông tiếp tục chèo thuyền giữa những mỏm đá trên ghềnh. Khi người thừa kế cuối cùng của dòng họ Meryll qua đời, năm 1957, các cổ đông không ngại ngần cũng không hoài nhớ, rời bỏ chốn hẻo lánh này, nơi mà việc tiếp cận luôn khiến những người phụ trách vận tải và hậu cần phải đau đầu.

Nhà máy Effingham đóng cửa đồng nghĩa với việc chấm dứt hoạt động bán đồ ăn trưa, kết thúc các khoản hỗ trợ dành cho nhà ở hay đội bóng đá, kết thúc những chuyến xe ca miễn phí sáng sáng đưa đón công nhân, trẻ em, thu gom thùng rác… Một số người đi theo nhà máy đến Texas, số khác muốn ở lại, nhưng rồi cũng phải đi nơi khác, khi mà trường học, cửa hàng, mọi chỗ còn lại đều đóng cửa. Phần lớn những ngôi nhà mái bằng giống hệt nhau ở Effingham không còn một bóng người, và nếu có còn lại những người Sioux tự do, thì hẳn họ cũng sẽ không gặp khó khăn gì trong việc chiếm lại vùng lãnh thổ từ nay chỉ còn được bảo vệ bởi vị tướng già Linford, người vẫn kiên cường trên bia mộ, không còn biết mệt mỏi hay đau đớn, tay nắm chặt sợi dây cương của con ngựa đang lồng lên.

Nick và Alice đi vào con phố chính của Effingham vào khoảng 4 giờ chiều, con phố dài với những ngôi nhà bằng gạch dẫn đến quảng trường Howard D. Linford. Một bà lão nhỏ nhắn tươi cười vẫy chào họ với đôi bàn tay màu đỏ, không phải dấu hiệu chứng tỏ gốc gác người da đỏ, mà chứng tỏ một đời làm nghề thuộc da, đôi bàn tay nhúng trong chậu thuốc nhuộm

màu đất son.

Chiếc xe Ford dừng lại. Alice bước ra gặp người phụ nữ làm nghề thuộc da đã về hưu, bà cho họ biết khách sạn cuối cùng đã đóng cửa từ ba tháng nay, và không, bà không quen người trong bức ảnh, có thể anh ta đã đến Effingham, đương nhiên, nhưng bà không nhận ra anh ta, họ có thể hỏi thăm tin tức ở nơi khác, đương nhiên, nhưng họ đã gõ đúng cánh cửa lưu giữ ký ức của ngôi làng và nếu như bà không nhận ra một người xa lạ, thì bà khá nghi ngờ có một ai khác trong làng có thể nhận ra. Nhưng dù sao cũng chúc may mắn.

Bất chấp điều đó, họ vẫn hỏi thăm những cư dân bản địa hiếm hoi, và phải công nhận là bà lão làm nghề thuộc da có lý: chẳng ai biết gì hơn bà. Hai người thử vận may ở cạnh ngôi trường, nhưng nơi này cũng đã đóng cửa nhiều năm rồi.

— Alan có thể đến ngôi làng ma này làm gì được chứ? – Nick tự hỏi. – Tôi không thể hiểu nổi…

— Không có khách sạn, – Alice nói, – đầy thực dụng. Ta làm gì đây?

— Ta không có quá nhiều lựa chọn. Nơi này rất hấp dẫn, đồng ý là thế. Với người thích du lịch công nghiệp… Nhưng do tôi không có người bạn nào sở hữu nhà nghỉ mát ở ngôi làng thiên đường này, nên e rằng chúng ta phải rút ngắn thời gian lưu trú. Viên sỏi thứ ba của cậu bé Ngón tay cái của chúng ta nằm ở đâu?

— Tấm bưu thiếp thứ ba à? Valentine, bang Iowa, trên sông Des Moines.

— Thời gian dự kiến?

— Cả chục tiếng…

— Với tôi thì ổn. Tôi thấy khỏe. Vậy là cô muốn đi thẳng đến Valentine?

Chúng ta sẽ ở đó vào giờ ăn sáng sáng mai.

— Anh là người lái mà, Nick. Nhưng còn chiếc Ford?

— Gì cơ, chiếc Ford của tôi làm sao? Tôi lái xe, không phải sao?

Vậy đấy, công việc… Hay làm sao để bằng sự khéo léo chỉ có thể có được từ đam mê, mình tỏ ra là người có lương tâm chuyên nghiệp đáng nể. Và mình sẽ trải qua đêm đầu tiên với Alice!

Đêm vẫn chưa xuống khi Alice chìm vào giấc ngủ trên ghế hành khách. Cô ăn mặc như mọi khi, trung tính, với chiếc chân váy xòe, sơ-mi nữ trơn, áo len vắt trên vai. Dần dần, cơ thể cô thả lỏng, để lộ những vùng tối khêu gợi, giữa lớp vải hở của chiếc váy ngắn và nơi bắt đầu của đùi, giữa chỗ khoét cổ của chiếc áo sơ-mi và đoạn đăng-ten trắng, căng phồng một cách khêu gợi.

Đồi bại!

Thế là Nick chuyển sang lái chậm: anh chỉnh gương chiếu hậu trong xe hướng vào khuôn mặt Alice. Anh đã có một đêm tuyệt vời.

Vị trí của gương chiếu hậu làm Nick không thể nhận ra mình đã bị đi theo từ nãy đến giờ. Nhưng bản thân Ted Silva lại không hề hay biết điều đó, hắn vẫn phải tiếp tục nỗ lực phi thường để lái xe thật linh hoạt nhằm không tiếp cận quá gần, nhưng không bỏ quá xa tránh bị mất dấu. Sau hơn một nghìn dặm theo dõi, thì như thế thật quá sức chịu đựng!

Ted càu nhàu. Hắn chẳng tìm được gì ăn trong cái làng toàn xác sống đó.

Hắn đói. Buồn ngủ nữa. Và hắn kinh hãi nhìn chiếc Ford Fleetwood đi qua những nhà nghỉ hiếm hoi bắt gặp trên đường mà không hề chạy chậm lại.

Lũ đểu cáng, chúng định chơi mình sao! Chúng định chạy suốt đêm sao! Mình lại sắp lao vào đêm trắng thứ hai! Thêm nữa, không biết hắn, tên thám tử kia, có chuyện gì tối nay, nhưng hắn đang chạy còn chậm hơn mọi khi. Mình nào hình dung được chuyện này có thể xảy ra! Khốn khổ làm sao! Giá mà ít ra mình biết chúng đi đâu, cái đôi chim cu ham hố chạy lăng xăng khắp nơi kia…

Ted chống lại cơn buồn ngủ. Không được thất bại, đó là điều ám ảnh hắn. Trường hợp tệ nhất là một ngày nào đó bị bắt cũng không khiến hắn chán nản bằng chuyện này. Một khi đã vào tù, hắn sẽ buộc phải thú nhận tất cả, hắn ưa vinh quang nhưng sợ ăn đòn. Khi ấy, hắn sẽ trở nên nổi tiếng dù không muốn. Người ta sẽ nói về những tội ác của hắn. Hắn sẽ xuất hiện trên trang nhất các báo, người ta sẽ xếp hắn vào hàng tội phạm của năm, của thế kỷ cũng nên. Nhưng nếu xác hắn quấn quanh cây tiêu huyền một cách vô danh hay chết co quắp trong rãnh nước, thì sẽ chẳng ai biết hắn từng là tên giết người tài năng thế nào. Hắn sẽ mãi là tên thợ cắt tóc bé nhỏ thảm hại ở Farraguth North. Không nên tin rằng các nhà hảo tâm của Ex-voto, nhất là các nhà hảo tâm nữ, sẽ công khai tỏ lòng biết ơn hắn sau khi hắn chết!

Ted Silva khẽ lắc đầu. Không, một thiên tài tội ác như hắn không thể chết vô danh trong một vụ tai nạn tầm thường được.

Hắn luôn tự hứa sau này sẽ viết một cuốn hồi ký, khi đã nghỉ hưu, rồi công bố sau khi chết. Như thế, hắn sẽ khiến cả thế giới ngỡ ngàng, hắn sẽ vén màn những vụ bê bối khó tin. Cuốn sách sẽ gây tiếng vang! Và vợ hắn, các con hắn, cả gia đình hắn, chị gái Gina, con bé Teresa đần độn, sẽ sửng sốt biết chừng nào. Hắn, con cháu chính hiệu của bộ tộc Silva, kẻ duy nhất không bao giờ dính líu vào những vụ tranh chấp vụn vặt của khu phố, ma túy, trộm cắp và tụ tập băng nhóm…

Chúng mày thật quá thảm hại, những người anh em họ ạ. Ted Silva ở

một đẳng cấp khác…

Một hậu duệ tuyệt vời biết chừng nào!

Nhưng ngược lại, Ted Silva biết rằng, khi còn sống, hắn sẽ không bao giờ đủ can đảm thú nhận một chuyện như thế. Hắn luồn cúi trước gia đình, trước cô vợ Elena của hắn, đương nhiên, nhưng trước cả những người khác nữa. Hắn không thể làm gì chống lại sự phục tùng đó. Không gì giúp hắn chống trả được. Hắn đã phân tích nó, hắn là đứa con út bé nhỏ của bộ tộc Silva và được nuôi nấng bởi một người mẹ quá sức bao bọc. Là thế đấy. Hắn cần một cuộc đời kép để giải phóng con người thật trong hắn.

Để giết thời gian, hắn bắt đầu tìm nhan đề cho cuốn hồi ký của mình. Ted tự thấy ngoài những tài năng khác, hắn còn được thừa hưởng khả năng viết văn.

"Máu dính trên kéo"… Hay, được! Giữ lại.

"Khách hàng nữ của tôi, cái lũ khốn ấy!" Thú vị đấy, chắc họ sẽ khó chịu lắm.

"Những tội ác của tôi luôn hoàn hảo". Phù, không, quá tự phụ.

"Kẻ giết các quý bà"… Càng không được. Elena chắc sẽ không thích.

"Cầu cho ý muốn của quý vị được thực hiện"… Không tệ… Có vẻ hơi giống sách của linh mục…

"Thiên thần đen"… Sao lại không nhỉ?

Hắn nhanh chóng bực mình vì phải chọn, hắn có quá nhiều cái tên tuyệt vời trong đầu. Làm sao hắn có thể chỉ giữ lại một? Chuyện đó cũng bất khả thi như tóm tắt mọi cuộc phiêu lưu của hắn trong chỉ một tập sách. Hắn bực mình nhét cuộn băng cassette vào chiếc radio trên xe.

Bye Bye Love…

34 | VALENTINE, DÒNG SÔNG, CON ĐẬP

9 THÁNG Mười MỘT 1964, VALENTINE, IOWA

Trái ngược với Effingham, chỉ trong vòng vài năm, Valentine đã chuyển từ một ngôi làng lên vị thế một thành phố nhỏ không ngừng gặm nhấm những cánh rừng bao quanh. Tất cả là do con đập lớn của sông Des Moines khánh thành năm 1960.

Ban đầu, toàn bộ cư dân ở Effingham phản đối con đập này. Thực ra, *toàn bộ cư dân* chỉ ngả theo ý kiến của vài nông dân to mồm hơn những người khác và giải thích rằng một con đập sẽ làm xấu cảnh quan, làm rối loạn dòng chảy của các thác nước, và thói quen của lũ cá, lũ chim di trú…

Rồi *toàn bộ cư dân* nghe các nhà kỹ trị hứa hẹn về những tiến bộ và nuốt nước bọt trước mô hình đẹp đẽ tươi sáng của thung lũng này trong tương lai. Một thượng nghị sĩ còn đích thân di chuyển đến đây. Vị thị trưởng nhanh chóng hiểu ra sẽ kiếm được rất nhiều tiền, và thế là mọi người đều tán thành con đập, trừ vẫn những nông dân đó, ruộng của họ nằm về phía dưới thấp nên đã phải chịu cảnh bị nhấn chìm, chuyện này thì họ đã hiểu từ đầu, ngay cả khi họ không nói về nó.

Các nông dân cố thủ trong nhà cùng với súng, như tổ tiên của họ từng làm trước người da đỏ, thật anh hùng và có thể một ngày nào đó sẽ có người nảy ra ý định làm một bộ phim truyền hình về sự kiện này. Nhưng đống xe ủi đã đến, chứ không phải toán kỵ binh, và các nông dân chỉ còn biết đứng trong vườn, nghiêm trang, nhìn ngôi nhà của mình biến thành đống đổ nát. Tuy vậy họ chờ đợi, ở tạm bợ trong nhà, nhìn con đập được xây, cười khẩy, tự thuyết phục mình rằng người ta sẽ không thể chế ngự được con sông Des Moins.

Một buổi sáng, vị thượng nghị sĩ lại đến thăm, cầm theo một cây kéo, cắt băng khánh thành trên sông và các nhà chức trách mở van. Trong lúc nghe tiếng nước đổ ầm ầm, những người bám trụ cuối cùng bỏ chạy lên cao, nắm tay giơ lên.

Ngoài họ ra, không ai phàn nàn: Con đập cung cấp điện cho vùng trong bán kính sáu mươi dặm, nước dùng thỏa thích và lần đầu tiên trong lịch sử của vùng người ta trồng được cà chua cùng các loại cây có sức chống chịu kém khác. Con đập còn chế ngự nước của dòng thác, đám thuyền kayak xuất hiện khắp hồ, chở theo hàng nghìn du khách, và mở ra xung quanh hàng tá cửa hàng buôn bán.

Khi Nick và Alice đến Valentine, tuy là vào sáng sớm, nhưng thời tiết đã rất tốt. Phía xa, những cây sung dâu thức giấc, cành vẫn đóng lại vì sương giá, nghiêng xuống làn nước hồ ngắm bóng mình phản chiếu.

— Nick, – Alice thì thầm, vừa ngắm nghía phong cảnh vừa mở đôi mắt vẫn còn ngái ngủ. – Cảnh đẹp quá!

— Ồ, – Nick trả lời giọng chán chường. – Không bằng cảnh tôi đã ngắm đêm qua…

Alice ngẫm nghĩ một lúc, đầu óc vẫn còn mơ hồ, rồi từ bỏ việc cố hiểu

lời ám chỉ.

— Anh mệt à, Nick?

— Phải… Tôi đã cố trụ cho đến tận Valentine, nhưng tới nơi tôi sẽ thuê khách sạn đầu tiên mình thấy, có thể Alan đã nghỉ ở đấy hoặc không, rồi tôi ngã xuống giường. Sau đó, ta sẽ xem.

— Kìa, Nick, đừng buồn cười như vậy!

Chà, lời của cô ấy như đâm xuyên qua mình! Mình chạy xe suốt đêm và câu đầu tiên cô ấy nói với mình sau khi thức dậy là: “Nick, đừng buồn cười như vậy!” *Và tệ nhất là, Nick bé nhỏ ạ, mày sẽ lại lắc đầu một cách ngu ngốc và nói những thứ đại loại như:* “Tôi đùa thôi, Alice… Dĩ nhiên, chúng ta sẽ chỉ vào khách sạn mà Alan đã nghỉ! Dù có phải tìm kiếm khách sạn ấy suốt ba giờ…”

— Theo lệnh cô, thưa chỉ huy, – sau cùng Nick chán nản buông thống.

Có năm khách sạn ở Valentine. Quán trọ Le Lac là nơi thứ ba họ ghé vào.

Quán trọ Le Lac, được xây dựng với chiều cao vừa phải, nằm hơi xa thành phố, từng mang tên *quán trọ Thác Nước* trước khi thung lũng ngập trong nước. Trong quá trình diễn ra vụ dìm ngập, quán trọ đã thoát nạn ngoạn mục: nước hồ dâng lên cách bậc thang quán trọ mười mét! Nhưng cũng bõ, vì từ đó trở đi, quán trọ có thể khoe mình là khách sạn có hồ bơi lớn nhất nước Mỹ. Có thể lao xuống hồ từ bất kỳ ban công nào quay mặt về hướng Nam.

Bà Park, người quản lý quán trọ từ hơn hai mươi năm nay, đã đi từ nghèo khó lên sung túc như thế. Bà nhớ ngay ra Alan, bà mời họ vào, hai người trông có vẻ rất mệt. Với vẻ niềm nở chuyên nghiệp, bà mời họ ngồi vào một phòng khách cũ, căn phòng cho thấy rõ từ hơn một thế kỷ nay, đây

là nơi rất thịnh vượng và sang trọng.

— Nếu nhìn thấy quán trọ trước khi có cái hồ này, – bà Park mở đầu, – chắc hai người sẽ không nhận ra. Tôi còn phải từ chối bớt khách vào mùa hè!

Alice hỏi bà kỹ hơn về Alan.

— Phải, tôi nhớ rõ người đàn ông trẻ tuổi đó. Thật thú vị, anh ta nói mình là thám tử tư, giống như các vị.

Câu nói khiến Nick hơi giật mình.

— Nhưng tôi không tin thế lắm, – bà Park nói tiếp. – Các vị thì đúng, nhưng anh ta thì không. Tôi không biết tại sao. Vả lại anh ta chỉ đi có một mình. Anh ta cũng có vẻ buồn hơn các vị. Anh ta hơi giống một người đàn ông bị vợ bỏ, rồi chạy theo cô vợ, nếu các vị hiểu ý tôi muốn nói. Hay một người đang tìm lại những đứa con mà mình không biết mặt, kiểu kiểu như vậy. Ngoài ra, anh ta hay hỏi về trường học, về những đứa trẻ đi học ở đó. Nhưng trên hết, anh ta tìm một người phụ nữ, chắc chắn thế. Anh ta ở lại đây mười lăm ngày, nhưng không nói gì thêm với tôi. Vả lại, hầu như anh ta cũng chẳng nói gì với tôi, mọi chuyện đều là tôi suy đoán, nhờ đối chiếu nhiều nguồn, hỏi chuyện mọi người.

Chúng ta đang giậm chân tại chỗ, Nick bé nhỏ ạ, cuộc điều tra đang giậm chân tại chỗ.

— Bà không nhớ thêm gì khác về anh ấy sao? – Alice hỏi.

— Tôi không biết chuyện này có làm các vị quan tâm không, nhưng anh ta rất thích món ăn Pháp. Lúc đó chúng tôi có một cô gái au pair[§] đến từ Nantes, trên Đại Tây Dương. Anh ta rất thân với cô bé. Anh ta cho tôi vài công thức, những món có kem. Có vẻ như anh ta từng ở lại Normandie một thời gian, không phải chỉ là khoảng thời gian đổ bộ. Nếu không…

Alan đã ở lại Normandie! Bà cụ ơi, tin của bà sốt dẻo thật! Vụ này luẩn quẩn rồi. Hẳn phải có một, hai câu rất thú vị để hỏi bà, nhưng tôi quá mệt không muốn nghĩ nữa.

Đôi mắt Nick dần nhắm lại trên chiếc trường kỷ êm ái. Anh mơ về những món có kem được một cô gái trẻ au pair đến từ Nantes phục vụ. Alice ở quá xa để có thể đá cho anh vài cú.

— Hai vị muốn uống cà phê không? – bà Park hỏi. – Tôi thấy hai vị có vẻ rất mệt. Thật sự hai vị đã lái xe suốt đêm từ Illinois sao?

— Cảm ơn, Nick vừa nói vừa giật mình khi chỉ thoáng nghe thấy từ *cà phê.* Vậy những ngày ở đây anh ấy làm gì? – viên thám tử hỏi, như phản xạ của một học sinh bị bắt quả tang không nghe giảng nhưng lại muốn chứng tỏ điều ngược lại.

— Để xem, theo những gì tôi nhớ, rồi hỏi han mọi người, giống như vai thám tử tư mà anh ta muốn sắm. Anh ta có đọc cả báo, thường xuyên đọc. Anh ta luôn trở về với một chồng báo, và… Tôi nhớ ra rồi! Anh ta còn gửi cả tin rao vặt. Ngày nào cũng gửi! Tôi nghĩ anh ta cũng đang tìm một người. Nhưng không phải người trong làng này, vì anh ta tìm người đó bằng các mẫu tin vặt. Tôi sẽ đi lấy cà phê.

Một lúc sau, bà Park dọn cho họ bữa sáng. Có cà phê, bánh sừng bò, bơ và mứt quả Pháp. Nhưng không còn cô gái au pair…

— Để xem nào, – bà Park tiếp tục. – Về các mẩu tin vặt, ở tòa soạn *Des Moines Valley News,* tờ báo địa phương, trên phố Ravine, họ lưu giữ cả tá báo, họ đặt mua gần như mọi tờ báo xuất hiện trên cả nước. Hãy hỏi Bill Bosman, một người bạn cũ của tôi, ông ấy sẽ nói cho hai vị tất cả mọi điều hai vị muốn biết. Ông ấy sẽ vui lắm, ông ấy là ông già mê tiểu thuyết trinh thám.

— Ngoài chuyện đó ra, – Alice ngập ngừng hỏi, – bà có phỏng đoán nào về nơi Alan Woe đến sau khi rời khách sạn của bà không?

Alice sợ câu trả lời. Cô có lý.

— À không, hoàn toàn không. Một hôm anh ta rời đi, vẫn quyến rũ như mọi ngày, nhưng không nói thêm một lời. Anh ta biến mất không để lại địa chỉ. Như tất cả các vị khách khác của tôi thôi, quả vậy!

Sau khi cảm ơn bà chủ quán trọ, Alice và Nick cuối cùng cũng tỉnh táo nhờ không khí mát mẻ bên bờ hồ.

— Thế là, – Nick nói, – chẳng còn viên sỏi trắng nào nữa. Đến cuối con đường rồi, Alice ạ!

— Có lẽ các mẩu tin vặt…

— Ờ…

← Cụm từ bắt nguồn từ tiếng Pháp được quốc tế hóa để chỉ các bạn nam nữ tuổi từ 18 đến 29 được sang nước ngoài (một nước có ngôn ngữ khác tiếng mẹ đẻ) sống trong một gia đình bản xứ như một thành viên, nhằm học tập, trao đổi ngôn ngữ, văn hóa thông qua các hoạt động thực tiễn như giúp đỡ gia đình đó các công việc hằng ngày, giúp các em nhỏ học bài…

35 NHỮNG MẨU TIN VẶT

9 THÁNG MƯỜI MỘT 1964, VALENTINE, IOWA

Phố Ravine§ đúng như tên gọi của nó. Valentine, ít nhất là phần xưa cũ nhất của thị trấn, được xây dựng trên một mỏm đá nhỏ, vốn được lính công binh lựa chọn làm nơi trú ẩn đề phòng con sông lên xuống thất thường, trước khi bị con đập chế ngự. Xung quanh thị trấn và bao lấy phần chân mỏm đá là một con đê cũ bằng đá trước kia dùng làm tường ngăn lũ sông cho những ngôi nhà ở vùng thấp nhất. Công sự hình tròn khiến ngôi làng Mỹ này mang dáng vẻ kém trang nhã của một công sự thời trung đại, một trong những kiểu làng cheo leo điển hình ở châu Âu. Phố Ravine bắt đầu từ nhà thờ, trên đỉnh mô đất, rồi đi xuống theo một con phố hẹp đến con đê nằm dưới cùng.

Người đi bộ, ô tô, xe tải chở hàng, ghế ngoài hàng hiên, giá đựng bưu thiếp, những món đồ thủ công bày la liệt trên những chiếc bàn hoặc thảm tạm bợ, tất cả giành giật nhau không gian trong con phố nhỏ xinh đẹp nằm giữa trung tâm này. Một Mont–Saint–Michel thu nhỏ giữa lòng Iowa, không có biển, nhưng dù sao cũng có hồ nước và đôi khi có cả thủy triều,

tuy cả hai đều là nhân tạo.

Alice và Nick phải đậu xe ở khá xa. Nhưng họ dễ dàng tìm thấy tòa soạn tờ *Des Moines Valley News* và chiếc cửa kính đỏ trắng lòe loẹt, minh họa bằng những tấm poster chụp mấy gương mặt lạ hoắc, có lẽ là những người nổi tiếng trong vùng. Bill Bosman, một người tóc vàng mặt đỏ au, đón tiếp họ với nụ cười của đứa bé to xác mập mạp trên truyền hình Mỹ:

— Tôi biết chuyện rồi, – bà Park đã gọi cho tôi. – Tôi nhận ra hai người ngay. Một người để râu và một người đẹp tóc vàng, bà Park bảo tôi vậy! Vậy ra anh là thám tử? – ông ta nói vẻ ghen tị với Nick. – Và quý cô đây là trợ lý của anh, – ông ta nói thêm, với vẻ ghen tị ít nhất là ngang bằng lúc trước.

Ông ta mời hai người đi trước, khi Nick đi qua, ông ta nở nụ cười như muốn nói "Ái chà, gã khốn của ta, làm nghề như anh thật chẳng chán chút nào!"

Nick định bày tỏ thái độ, không phải để giải thích hiểu lầm, mà để đáp trả "Không đâu lão à, lão nghĩ gì thế?", nhưng vẫn chú ý để Alice không nhìn thấy. Bill vượt lên họ từ bên trái để di chuyển mấy cái ghế có thể ngáng đường hai người, vừa thu dọn vài món hồ sơ vừa xin lỗi vì sự bừa bộn, rồi tự hào nói: "Ngài đây là thám tử…" với các thư ký đang bận việc hoặc không mấy tập trung, và thậm chí là "Thám tử đấy!" với một người đàn ông đeo kính đang tập trung vào tờ giấy và chiếc bút của ông ta, rõ ràng là đã nghe thấy, nhưng chẳng thấy có gì ấn tượng, ngay cả khi ông nhìn cô trợ lý lâu hơn.

— Đáng nhẽ ta nên báo trước, – Nick khẽ thì thầm với Alice, – có lẽ họ sẽ trải thảm đỏ đón chúng ta.

— Đừng đùa nữa, – Alice trả lời, – những nhà báo ở thành phố nhỏ, tôi

biết họ rất rõ, họ bắt buộc phải phô trương kho tàng trí tưởng tượng để làm độc giả hứng thú. Để gán tiếng vang toàn cầu cho mấy tranh cãi chính trị ở quy mô địa phương. Để biến hành trình của một con bò sổng chuồng thành tiểu thuyết trinh thám mùa hè. Những việc đó cần rất nhiều tài năng đấy!

Họ đi lên thư viện, ở tầng hai.

— Ông biết đấy, – Bill nói, – ở đây chúng tôi không quen lắm với những việc kiểu này. Chúng tôi là một tờ báo nhỏ. Nhưng rốt cuộc, tôi vẫn tin các vị sẽ thấy vui. Cứ tự nhiên như ở nhà, nếu các vị cần, hãy gọi. Đừng ngại làm bừa bộn, tôi sẽ dọn lại sau!

— Không cần vất vả thế đâu, – Nick nói thêm trong lúc Bill đi xuống tầng, – trợ lý của tôi sẽ lo việc đó.

Alice nhăn mặt, rồi lè lưỡi với Nick.

Đó chẳng phải là hành động tỏ tình sao, Nick thân mến.

Alice và Nick đứng trước một loạt giá đựng đầy báo phủ kín tường: cả thảy khoảng mười lăm tờ báo quốc gia, không kể các tờ báo địa phương bao phủ đến một phần tư nước Mỹ.

— Ái chà, – Nick thì thầm, – hẳn ở đây họ bực mình lắm thì mới đọc cả đống báo thế này.

— Không bằng những người ở thành phố dành thời gian để viết ra toàn bộ số báo đó.

— Vâng thưa cô… Nếu cô nói như thế! Tôi xin nhắc là chúng ta phải tìm lại tất cả các số của tất cả các tờ báo từ 15 đến 29 tháng Tư năm 1964. Tôi đề xuất ta bắt đầu với những tờ báo địa phương lớn nhất.

— Vì sao?

— Bởi vì đó là cách logic nhất.

— Nếu thế, – Alice vừa nói vừa tiến về phía một chồng báo *South–Paper,* – người đầu tiên tìm ra…

— Sẽ được gì?

— Quyền đóng vai thám tử ở chặng tiếp theo, và người kia trở thành trợ lý.

— Nếu cô thích thế, – Nick thở dài. – Dù sao thì, sẽ không ai bị lừa đâu. Cô đóng hoàn hảo vai thư ký riêng, nhưng hoàn toàn không đạt vai thám tử tư!

Alice lại nhăn mặt, lần này thành công hơn. Những thói quen đang dần hình thành.

Alice và Nick cắm đầu vào đọc.

Mày không tập trung gì cả, Nick bé nhỏ ạ, hoàn toàn không.

Mày hiểu quá rõ chuyện gì xảy đến với mày, phải không? Người đẹp Alice không còn chỉ là nữ anh hùng không thể với tới. Giờ, cô ấy là, là… Nói thế nào nhỉ… Vô liêm sỉ như mày, mày không hề nghĩ rằng mày có thể có được một cô gái như thế, một cô gái không chỉ quyến rũ, mà còn là người khiến mày cảm thấy… nói sao nhỉ… tuyệt vời, hoàn toàn tuyệt vời khi ở bên. Thậm chí còn hơn cả thế. Đó là cảm giác hòa quyện. Khi đóng vai đôi tình nhân sợ sệt, mày tỏ ra là một kẻ luôn si tình, có hơi lãng mạn, nhưng trong lòng mày hiểu rõ đây chỉ là một trò chơi đóng vai, vụ đánh cuộc, sự tính toán… Một trò chơi mà mày có thể tự cho phép mình làm mọi thứ, bởi mày biết trước mình sẽ thua cuộc. Sau đó là đến tình yêu… Thế nhưng đây, vào lúc này… không còn là trò chơi nữa! Bằng bộ óc đầy lý tính của mình, mày tự nghĩ mình được yên ổn, miễn nhiễm, cùng trái tim sắt đá. Nhưng không! Người con gái này đã tung một cú thật mạnh, làm đổ sụp những niềm tin vững chắc của mày!

Anh ngắm nhìn Alice đang tập trung vào một tờ báo, nửa khuôn mặt cô khuất sau mái tóc dài vàng óng rủ xuống bàn.

Thật khác với một Alice xuất hiện ở văn phòng mình năm tháng trước, khi đó nàng thật tuyệt vọng… Như thể cuộc truy tìm sự thật mà chúng ta thực hiện này, cũng là cuộc truy tìm chính mình của nàng. Bí mật của Lucky và Arlington, gần giống như trò ghép hình tượng trưng cho trái tim nàng. Mỗi sự thật được hé lộ lại giúp nàng gắn lại từng mảnh trái tim. Hay đúng hơn là gỡ đi từng lớp vỏ bọc đang bao lấy trái tim nàng.

Còn mày, anh bạn Nick ạ, mày ở đó, từ khi bắt đầu. Qua từng giai đoạn cuộc đời của đóa hoa mới mẻ đang nở từng cánh ấy, mày đều hiện diện. Và nếu mày vẫn ở đó khi tấm màn che phủ trái tim nàng đã hoàn toàn được gỡ bỏ, thì ai có thể chắn ngang giữa mày và nàng? Không ai cả, Nick ạ! Không ai cả! Nàng yêu mày, giờ mày biết điều đó! Vậy nên đừng tự bịt mắt mình nữa, nàng yêu mày…

Chí ít nàng cũng yêu mày theo cách của nàng. Nghĩa là nếu một ngày nào đó nàng yêu một ai đó, đó sẽ là mày! Sẽ chỉ có thể là mày.

Đó là điều chắc chắn, Nick già ạ. Vấn đề bây giờ chỉ còn là phải kiên nhẫn.

Tuy vậy, sâu trong lòng mình, vẫn có một linh cảm giày vò anh, một linh cảm mà Nick không dám định hình rõ ràng, thậm chí cả trong suy nghĩ: một cảm giác phi lý trí nói với anh rằng Alice sẽ không bao giờ là của anh, bất chấp những khao khát từ cả hai phía, sự say mê cả hai người có với nhau, rằng hoàn cảnh của hai người sẽ luôn chiếm thế thượng phong.

— Thấy rồi! – Alice đột ngột thốt lên.

Nick ngước mắt lên. Họ mới tìm kiếm được năm phút. Alice cầm tờ *South–Paper* ngày 18 tháng Tư năm 1964. Nghe này, Nick: Tìm Ralph Finn

– Rất quan trọng – Tình tiết mới về giao kèo của Lucky Marry – Arlington không trả – Liên lạc Alan Woe – Quán trọ Le Lac – Valentine – Iowa.

— Nick, – Alice kêu lên, – đây không phải bằng chứng à! Giá như ta có thể tìm thấy Alan để anh ấy làm nhân chứng kể lại chứ không cần thông qua tin vặt…

— Còn hơn cả bằng chứng, Alice ạ. Đoán xem ai là anh chàng Ralph Finn đó?

— Tôi không có ý tưởng nào.

— Cô sẽ thấy vai trò thư ký là đủ với cô. Tôi sẽ giúp cô. Trong chiến tranh, những tên đồng đội bé nhỏ xấu tính của Ralph Finn đã tìm ra cho anh ta một biệt hiệu rất hóm hỉnh.

— Không lẽ Ralph Finn là Thẩm Du ư? Anh chắc chắn chứ?

— Gần như chắc chắn. Ralph Finn là một trong số mười thành viên cuối cùng của đội biệt kích mà tôi không thể xác định. Và từ đầu chúng ta đã cho rằng Thẩm Du là một trong số những người đó. Tôi có thể kiểm tra lại, tôi có để hồ sơ trên xe, nhưng tôi chắc chắn, tôi thuộc lòng những cái tên cuối cùng này. Thêm nữa, Alan sẽ cầu viện sự giúp đỡ của tay cựu binh nào, nếu không phải là nhân chứng còn lại của nhóm bốn người?

— Phải. Hiển nhiên rồi… Chỉ là anh làm tôi không kịp phản ứng, Nick ạ, nhưng đáng nhẽ tôi đã tìm ra… Nếu một ngày chúng ta viết câu chuyện này, tôi không muốn mình là con ngốc lúc nào cũng suy luận chậm chạp! Cứ như bác sĩ Watson…

Gượm đã nào, người đẹp… Phát này là tôi chiến đấu trong địa hạt của mình mà. Chính tôi đã suy nghĩ cả ngày lẫn đêm từ hai tháng nay về vụ này đấy! Và trong địa hạt này, chẳng cần là Sherlock Holmes, tôi cũng khoe được chút kỹ năng.

— Chà, tôi tin lời cô mà, hãy nghĩ đến chuyện này xem. Làm sao tìm được anh chàng Ralph Finn kia, vốn được biết đến nhiều hơn trong nhóm lính với biệt danh buồn cười Thẩm Du, nếu biết rằng anh ta nằm trong số mười tay lính biệt kích mà tôi đã không thể tìm được địa chỉ?

— Ừ thì….

— Làm thế nào?

Alice vắt óc suy nghĩ, không ra kết quả.

— Thế nào, Watson?

Một cái nhăn mặt gần như hoàn hảo của Alice.

— Thật ra, rất sơ đẳng thôi, – Nick bắt đầu. – Chỉ cần vận dụng chút tâm lý học. Cho đến hiện tại, chúng ta cho đăng tràn ngập các mẩu tin vặt tìm kiếm Thẩm Du, và chẳng ai hồi đáp. Tại sao? Vì người đàn ông ấy, sau hai mươi năm, không muốn gia đình, họ hàng thân thích biết về biệt danh đó.

— Phải, chúng ta đã nghĩ đến chuyện đó.

— Nhưng giờ, ta đã biết tên anh ta. Vậy nên, thử tưởng tượng ta đăng một mẩu tin vặt kiểu như "Tìm Ralph Finn, hay còn gọi là Thẩm Du". Trước tiên là đăng một cách kín đáo, sau đó tăng dần quy mô của mẩu tin và độ lớn của tờ báo. Anh chàng Ralph đó sẽ nhanh chóng hiểu ra rằng anh ta cần đến gặp chúng ta nếu muốn giữ lại chút thể diện ở nơi mình sống, chẳng hạn với ông hàng bánh mì hay cô giáo tiểu học của lũ trẻ. Cô nghĩ sao về cách này?

— Tuy không phải cách đàng hoàng lắm, nhưng hẳn cũng đủ để làm cho vị nhân chứng của chúng ta phải ra mặt.

Không đàng hoàng lắm… Nhưng là cách tốt nhất! Thiên tài thuần túy đấy, đúng vậy. Cô còn chưa thấy gì đâu, Alice ạ!

— Chuyện đó chỉ là trò trẻ con thôi, Alice ạ. Giờ là câu đố khó hơn một chút để thử khả năng sáng suốt của cô: giờ phải làm thế nào để tìm ra dấu vết của Alan Woe?

— Ờ, cũng đăng tin vặt…

— Nào, thử nghĩ đi, Watson. Chúng ta đã thử làm thế từ hai tháng nay. Và Lison là sáu tháng. Nhưng chẳng thu được kết quả gì dù là nhỏ nhất!

— Đúng thật. Ừ thì…

Alice nghĩ mãi nhưng không ra, thậm chí có vẻ đã thấy vấn đề này là không thể giải quyết được.

— Tôi thực sự không có ý tưởng nào, than ôi. Nick, anh thật sự có cách để tìm ra Alan à?

— Tất nhiên, cô nghi ngờ tôi ư?

— Không, đương nhiên. Thực sự xin lỗi anh, tôi nghe đây, thưa thầy.

Nào, Nick, chơi lớn nào…

— Ờ thì, thật ra cũng khá đơn giản. Ta sẽ ở lại đây, chốn thiên đường này, cho đến khi tìm ra manh mối. Và mặc kệ nếu như phải mất cả đời. Để tiết kiệm, ta sẽ thuê một phòng, chỉ một phòng duy nhất, ở quán trọ Le Lac. Người ta trong làng sẽ coi ta như cặp đôi đang hưởng tuần trăng mật, như thế ta sẽ được họ tâm sự mà không nghi ngờ gì. Đổi lại, ta sẽ phải đi dạo tay trong tay và thỉnh thoảng lại ôm hôn nhau, khi ngắm hoàng hôn. Vẻ như không có gì, nhưng ta sẽ điều tra, khi mua sắm, khi tắm, khi ôm nhau hàng giờ trên một chiếc ghế băng công cộng, vẻ như đang xa lánh thế giới, nhưng thực ra là đang nghe ngóng.

Chơi lớn quá đi chứ!

— Nửa đêm, – Nick nói tiếp, – từ ban công phòng, chúng ta sẽ khỏa thân

lặn thẳng xuống hồ.

— Để hỏi lũ cá…

— Chính xác, không nên bỏ qua bất kỳ manh mối nào. Hãy công nhận rằng Sherlock Holmes chưa bao giờ đối xử với Watson một cách ân cần như thế.

— Nick! Nghiêm túc chút đi nào! Có phải không được ngủ làm anh thành ra thế này không?

Thật ác độc!

— Phải, đúng là thế Alice ạ, do không được ngủ. Do phải trải qua suốt đêm bên cô… mà không được ngủ.

Mày nói đi đâu thế? Đừng làm hỏng hết, Nick thân mến! Chúng ta vừa nói phải kiên nhẫn xong!

— Nick, – Alice nói tiếp, giọng giả vờ đanh thép, – tôi sẽ ấn tượng hơn rất nhiều nếu anh thực sự tìm ra cách tóm được đầu sợi chỉ mà chúng ta đã để vuột mất, sợi chỉ dẫn đến Alan.

Vậy thì cô sẽ thấy ấn tượng, búp bê xinh đẹp của tôi ạ! Hãy nghe chuyên gia nói đây!

— Được. Vì cô tỏ ra lãnh đạm với những đề nghị cám dỗ nhất tôi đưa ra, nên cô hãy bằng lòng khâm phục suy luận của tôi đây. Và hãy biết rằng nếu tôi tiếp tục hành hạ bộ óc của mình để truy tìm Alan Woe, từ giờ trở đi, thì đó duy nhất là vì Lison, cô gái Normandie xinh đẹp. Chứ không phải vì Alice bạc bẽo (cô gái Mỹ nhăn mặt tuyệt đẹp)… Trở lại với những gì hai ta cùng biết. Alan Woe rời quán trọ Le Lac ngày 29 tháng Tư năm 1964, rồi biến mất để đến nơi nào không rõ. Anh ấy sẽ làm gì khi đến được nơi đó?

— Chọn một khách sạn.

— Sau khi chọn được khách sạn?

— Tìm hiểu các ngôi trường và người phụ nữ bí ẩn…

— Và còn cả…

— Đăng các mẩu tin vặt…

— Tốt. Cô khá hơn rồi. Và ta sẽ đọc được gì trên những mẩu tin đó?

— Ừ thì, anh ấy vẫn tìm kiếm Ralph Finn.

— Rồi sau đó?

— Sau đó? Ừ thì, địa chỉ của… Phải, đương nhiên, sau đó, anh ấy sẽ nói địa chỉ mới của mình, để chờ hồi đáp, như anh ấy đã nêu tên quán trọ Le Lac ở đây! Chỉ cần đọc được một trong số những mẩu tin đó. Nick, anh thật tuyệt vời!

Cô hôn lên chóp mũi anh. Nick giả vờ ngất xỉu và nằm dài ra tấm thảm lát sàn của thư viện.

Tôi yêu cô quá đi mất, Alice ạ!

— Nào, anh chàng đại lãn, – Alice nói. – Đứng dậy! Chúng ta phải tìm một mẩu tin vặt trong ba tấn báo này.

Sau một giờ đồng hồ, cả hai chẳng tìm được gì. Bill Bosman đi lên, ông mang theo một cái khay, trên khay có khoai tây rán, bánh sandwich và Coca có đá.

— Nghỉ trưa nào. Tôi mang lên chút đồ ăn. Tôi còn một tiếng nghỉ trưa, và có thể giúp một tay nếu hai người muốn.

Vậy là ba người tiếp tục vừa tìm vừa ăn, chẳng bận tâm tay mình đã đen sì vì giở những trang giấy in chất lượng kém suốt nhiều giờ đồng hồ. Họ tỉ

mỉ xem mọi tờ báo quốc gia và các nhật báo địa phương lớn, nhưng không thu được gì. Tiếp đến họ xem những tờ báo địa phương nhỏ, làm việc một cách có phương pháp, bắt đầu từ các bang lân cận Iowa, rồi tỏa ra theo vòng tròn đồng tâm.

2 giờ chiều, Bill rời đi, vẻ tiếc nuối. Có vẻ ông nhận ra một giờ làm thám tử tư trong thực tế còn đơn điệu hơn cả trên TV.

— Tôi không biết liệu ý tưởng xuất sắc này có thực sự xứng đáng một nụ hôn không, – một lúc sau Alice nói.

Nick thử bắt chước điệu bộ nhăn mặt của Alice, nhưng không thành công, hoặc là rất tệ.

2 giờ 47, Nick mở tờ *Saturday of Oklahoma,* gần như lơ đãng. Lạy Chúa!

Nick tái mặt, nhìn ngay sang Alice đang điềm tĩnh tiếp tục dò tìm các tờ báo. Anh đứng đó, tự hỏi làm sao có thể nói cho cô tin này. Im lặng đột ngột trở nên nặng nề, Alice gần như ngay lập tức ngẩng đầu lên.

— Anh tìm được gì vậy, Nick?

Nick không đủ can đảm để thông báo cho Alice. Anh đẩy tờ báo về phía cô.

Ở phía dưới trang báo, trong mục tin vắn, có thể thấy rõ gương mặt Alan Woe, chụp cận cảnh, tập trung vào khuôn mặt, đôi mắt nhắm chặt. Bên trên, hàng chữ in đậm, Alice đọc: MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG KHÔNG RÕ DANH TÍNH BỊ XE CHẠY ẨU ĐÂM. Phần nội dung rất ngắn.

> Tai nạn xảy ra vào ngày 6 tháng Năm năm 1964, lúc 5 giờ 30 chiều, tại Blue Hill, quốc lộ 108, cách không xa trường học, dưới cơn mưa rất lớn. Người đàn ông chết ngay tại chỗ. Hiện tại, chưa thể nhận diện nạn nhân. Tai nạn xảy ra dưới cơn mưa rất lớn. Tài xế chạy ẩu không dừng lại. Đến nay, chưa có nhân

> chứng nào xuất hiện. Ông Purney, trên đường đi làm về, đã phát hiện thi thể sau đó bảy phút. Có vẻ cảnh sát nghiêng về giả thiết tai nạn, tầm nhìn bị hạn chế rất nhiều trong cơn mưa rào, và quốc lộ 108 nổi tiếng là nguy hiểm. Rất nhiều phụ huynh học sinh cũng đã phàn nàn. Đề nghị bất cứ ai nhận ra nạn nhân hoặc là nhân chứng của thảm kịch hãy gọi cho cảnh sát Blue Hill.

Alice nghĩ đến Lison. Đến những lời trong thư của Lison. Đó là nỗi đau khôn nguôi. Những số phận đã gặp nhau.

Nick lại gần Alice, để ôm ghì lấy cô, không có ý gì khác.

— Không, Nick, không, – Alice vừa nói nhỏ vừa gỡ ra. – Tôi mang đến chết chóc, tôi biến mọi thứ tôi chạm vào thành xác chết. Hãy nhìn tất cả những vụ tai nạn quanh tôi. Tất cả những cái chết này… Chẳng có cái nào là tự nhiên… Như một lời nguyền. Tôi được sinh ra là để dành cho tang tóc! Tránh xa tôi ra, Nick.

— Đừng thế, Alice! Đừng nói những thứ như vậy nữa. Có cả trăm lý do để cuộc truy tìm của chúng ta kết thúc theo cách tương tự. Cô biết mà. Lison còn biết rõ hơn. Nào, chúng ta chỉ còn một quân bài cuối cùng để lật, Ralph Finn.

— Nếu anh ấy còn sống… Nếu anh ấy còn sống, làm ơn, hãy để anh ấy yên.

— Alice! Tất cả những chuyện này chẳng dính dáng gì đến nguyền rủa cả. Hãy nhớ lại mẩu tin, “Arlington không trả”. Vụ tai nạn này, một cách lạ lùng, lại giúp xử lý vụ của nhà Arlington. Cái chết của Alan Woe có vẻ là một vụ tai nạn rất kỳ lạ. Nhưng nếu ở vào địa vị bà Arlington, hẳn tôi cũng sẽ không yên tâm, giờ có hai góa phụ chống lại bà ta. Hai góa phụ quả cảm…

Ánh mắt Alice trống rỗng và lạnh lẽo.

— Nick, tôi phát ngán sự lạc quan ngớ ngẩn của anh rồi! Hãy kệ chúng tôi đau khổ, kệ chúng tôi ám cái thế giới này và hãy trở lại với thế giới của người sống đi.

Không, Nick, đừng trả lời…

Nick đặt tay lên vai Alice và lay.

Không, Nick, im đi! Mày sẽ phá hỏng tất cả!

— Tôi không được coi trọng lắm nhỉ? Alice, tôi luôn tôn trọng tình yêu cô dành cho Lucky. Nó thật thuần khiết và cao quý. Nhưng nó khiến cô trở nên thật ích kỷ. Alice, chẳng lẽ cô không bao giờ nghĩ rằng, tôi cũng biết yêu, cũng biết đau khổ vì yêu à? Tình yêu của cô đã mất, đồng ý. Tình yêu của tôi chưa bao giờ đến với tôi!

Alice sau cùng cũng để Nick nắm tay mình.

— Đi thôi, Nick, hãy đưa tôi đến nơi khác. Tôi không muốn thấy những tờ báo tận thế này nữa.

Hai người lặng lẽ đi ra, thậm chí còn không nhìn Bill Bosman, ông đã mở miệng, và kịp phản xạ không thốt ra lời nào, nhưng không còn tâm trí đâu để nghĩ đến việc ngậm miệng, mà chỉ đứng đó, lặng thinh.

Phố Ravine gần như chìm trong bóng tối. Buổi chiều sắp tàn, không còn bóng người qua lại trên phố. Alice chậm rãi hít thở, cô nói:

— Giờ thì khá hơn rồi, khá hơn rồi.

— Cứ từ từ, cứ từ từ thôi, – Nick nói.

Rồi một tiếng động vang lên, như tiếng thổi nghèn nghẹt, tiếng thổi của một đoàn tàu trong đường hầm.

Nick ngước mắt và lập tức hét lên:

— Alice!

Một chiếc xe tải chở hàng từ trên đầu con phố đang lao về phía họ, cửa xe mở toang, không hề có tài xế sau tay lái!

Chiếc xe tải nghiền nát trên đường đi ghế, bàn, mái hiên bằng vải, giá đựng bưu thiếp, thảm và những món đồ mỹ nghệ. Không chậm lại cũng không đi lệch hướng!

Alice đứng sững, chiếc xe tải đã ở sát cô. Nick chùng chân bám trụ mặt đường và dùng hết sức đẩy Alice ra.

Tôi yêu em, Alice!

Alice bay như viên đá qua cửa kính tòa soạn báo *Des Moines Valley News;* cùng lúc đó, chiếc xe điên hất tung Nick lên như một con ma-nơ-canh cao su và cùng Nick nằm dồn đống trên con đê cũ bằng đá, dưới đó vài mét.

Người lái xe tải chở hàng mặc áo blouse trắng xuất hiện ngay sau đó, hoảng hốt, hộc tốc lao theo sau chiếc xe, khuôn mặt méo xẹo vì tốc độ và vì cả điều khác. Khi ông lấy lại được hơi thở trước đống tôn, đá và thịt hỗn độn, thì nhiều người hiếu kỳ đã đến trước ông. Người lái xe hoảng loạn phân trần với họ:

— Tôi đã kéo phanh tay rồi, hãy tin tôi, tôi đã kéo nhanh như mọi khi. Thậm chí còn mạnh hơn mọi khi, tôi quá quen cái phố Ravine này… Tôi đã kéo rất chặt! Tôi chỉ đang uống chút ít ở nhà Johnson trên kia, rồi tôi không thấy chiếc xe đâu, tôi ra ngoài và thấy nó đang tự chạy! Tôi đã kéo phanh tay rồi mà, không phải tôi, chiếc xe… Không phải tôi, mọi người ơi, là chiếc xe… Tôi đã kéo rồi, tôi…

Người lái xe thấy mọi người lắng nghe nhưng không nói gì. Họ đang thương hại ông. Ông không muốn điều đó, không cần lòng thương hại của họ! Ông muốn họ tin ông! Ông những muốn hét lên với họ: “Tôi đã kéo phanh tay rồi, chết tiệt!” nhưng không có lời nào bật ra khỏi họng. Ông cảm thấy bất công khủng khiếp: càng nhắc đi nhắc lại câu đó thì họ càng ít tin ông.

Đám người tụ tập nhanh chóng đông hơn. Vài chiếc ô tô đỗ lại. Vài chiếc khác từ từ đi qua. Trong số đó, có chiếc Cadillac Eldorado.

Ted Silva đi hơi chậm lại một chút, chỉ vừa đủ mức cần thiết. Hắn là người duy nhất không nhìn vào lỗ thủng trên con đê bằng đá, mà vào cửa kính vỡ của tòa báo.

“Một cú thế này mà không được trả công”, hắn tự nhủ. Ấy vậy mà ý tưởng dùng xe tải lại là ví dụ mẫu mực cơ đấy! Một ý tưởng đến sau hai đêm thức trắng! Ba ngày bám đuôi để cuối cùng cũng chờ được thời điểm lý tưởng: con phố dốc, chiếc xe tải bị tài xế bỏ không, tai nạn giữa phố, trước hàng chục nhân chứng từ cửa sổ nhà mình. Vụ tai nạn ít khả nghi nhất trên đời, với tay tài xế tử tế giờ cả đời sẽ bị coi là tên giết người. Thành thật mà nói thì, thật không may. Đó là một vố hoàn hảo, một trong những cú đẹp nhất của hắn. Ba ngày rình rập vô ích. Chết tiệt! Hiệu tóc đóng cửa ba ngày vì một kết quả thế này…

Rồi hắn nghĩ tới Francesco, em họ mình, một gã bán lẻ ma túy, rất nổi tiếng trong dòng họ. Gã trút đầy quà vào bộ tộc Silva mỗi dịp Noel. Tháng nào gã cũng làm một chuyến khứ hồi vào Washington, đến cảng Baltimore! Gần như không có nguy cơ gì! Tiền cứ thế đến. Không phải bám đuôi, không phải thức trắng đêm, không gì cả. Nhưng không, Ted Silva cấm mình động đến ma túy. Cái thứ bẩn thỉu đó… Hắn là người cha trong gia đình.

Một giây sau, hắn miễn cưỡng nhìn lại chiếc xe tải nằm bẹp rúm sát tường và những người kinh hãi đứng đằng trước. Hắn là ai để mà phán xét cái nghề bán lẻ ma túy của gia đình mình chứ? Đột nhiên hắn thấy thương hại cho những nguyên tắc nực cười hắn tự áp cho mình để giữ bản thân được trong sạch.

May mắn thay, hắn biết điều đó, những ý nghĩ đen tối ấy rất hiếm khi xuất hiện, tuy giờ ngày càng thường xuyên hơn. Ngoài ra, hắn biết cách giải độc: hắn bắt mình nghĩ đến luồng hormone adrenalin dâng lên lúc hắn bí mật trèo vào chiếc xe tải chở hàng, nằm xoài ra để nhẹ nhàng thả lỏng phanh tay, vừa kịp lúc. Sau đó nhảy ra, vẫn bí mật, khi chiếc xe vừa bắt đầu di chuyển, gần như vẫn bất động nhưng đã bắt đầu lao xuống con phố nhỏ dốc đứng nằm cách vài mét và không thể cản lại. Chuyện này, Francesco, tay viên chức của tội ác, không thể nào biết được. Khả năng ứng biến, khả năng phản ứng trong tích tắc, ra quyết định trong một phần mười giây, sau khi đã quan sát rất lâu các điều kiện, địa hình, các tác nhân… Không ai có thể hiểu. Một ngày nào đó, hắn sẽ viết lại. Và mọi người sẽ nhận ra! *Xe tải điên* sẽ là một chương tuyệt hay.

Ted Silva luôn biết cách vực dậy tinh thần một cách ngoạn mục.

Ồ không, giờ hắn nghĩ, mình chưa phải tên giết người hết thời, còn lâu mới thế! Ồ không, mình chưa phù hợp để về hưu! Xin lỗi, Elena ạ, mặc kệ lũ trẻ. Mình vẫn còn rất nhiều giao kèo béo bở phía trước, và đầu tiên là giao kèo này. Từ giờ mình sẽ coi nó là thể diện, tuy là làm miễn phí, nhưng mình sẽ kết thúc nó! May mắn sẽ không thể mãi đứng về phía con bé Alice kia. Và phải nhìn vào mặt tốt của mọi việc, nếu mình không hạ được cô ta, thì ít nhất cũng đã xử lý xong tên thám tử, cô gái tóc vàng giờ không còn thiên thần hộ mệnh nữa. Và bà Arlington không còn bị ai tọc mạch. Như thế ít nhất cũng xứng đáng một món quà nho nhỏ chứ nhỉ, nếu bà mẹ Arlington

có thành ý. Nhưng không chắc lắm…

Sau cùng, hắn cũng thấy vui vẻ khi ấn lên chân ga chiếc Cadillac. Hắn phải về trong đêm. Hắn tính chắc sẽ mở cửa hiệu tóc ngay sáng mai, lúc 8 giờ. Để con bé học việc Teresa ở một mình với khách hàng đến hiệu tóc trong thời gian ngắn nhất là mối bận tâm mới của hắn. Radio trên xe lạo xạo. Ted Silva thở dài.

Bye Bye Love.

← Nghĩa là phố *Hẻm.*

36 Ý MUỐN CỦA HAI GÓA PHỤ

LÀNG LÂU ĐÀI QUỶ, NGÀY 16 THÁNG MƯỜI MỘT NĂM 1964

Alice thân mến,

Cảm ơn cô đã thành thật với tôi. Ngay cả khi đã chuẩn bị tinh thần đón nhận tin này, thì cú sốc vẫn thật ghê gớm mà tôi tin mình sẽ không thể chịu đựng nổi nếu nó đến một cách hoàn toàn bất ngờ… Và trên hết, nỗi đau không phải thứ chiếm trọn óc tôi: sự giận dữ, ý muốn trả thù chiếm vị trí mà nỗi buồn không thể nào choán hết trong tâm trí tôi. Đó là điều giúp tôi trụ vững.

Ở xa và an toàn thế này thì được gào khóc là chuyện quá dễ với tôi. Đòi hỏi trả thù và công lý sau tất cả những vụ tai nạn quá dữ dội, quá mờ ám này cũng vậy… Có kẻ đã nghĩ đến chúng, những vụ tai nạn này, có kẻ đã sắp đặt chúng, có kẻ đã thực hiện chúng, và ngày hôm nay, kẻ đó đang hân hoan với nỗi đau của chúng ta.

Cô đã viết cho tôi, Alice, rằng cô muốn từ bỏ. Cô thổ lộ với tôi rằng cô nản lòng, cô thấy kinh hoàng trước những cái chết liên tục xảy đến. Ôi hãy tin tôi, tôi hoàn toàn hiểu cô muốn từ bỏ không phải vì sợ, ít nhất không phải vì cô sợ cho chính mình. Mà cô lo sợ sẽ có thêm người bị liên lụy vào câu chuyện này, vào cuộc chơi chết người này.

Ở xa như vậy, tôi thấy mình có phần vô dụng. Nhưng cơn giận dữ của tôi thì

mới mẻ, nguyên vẹn, sôi sục. Giá cơn giận này có thể phần nào giúp che đậy sự bất lực của tôi. Từ nơi này, tôi chỉ có thể cổ vũ cô tiếp tục cuộc chiến đấu, hãy cho sự thật được phơi bày. Từ trong sâu thẳm, tôi tin đó là điều cô mong đợi ở tôi… Bởi vậy tôi xin cô hãy tiếp tục. Cô đã ở rất gần sự thật rồi. Đã có rất nhiều yếu tố, rất nhiều sự trùng hợp… Những vụ tai nạn hẳn đã không được sắp đặt nếu chìa khóa không ở gần đến thế. Alan đã sắp tìm ra toàn bộ sự thật, anh ấy đã đến Mỹ để làm việc đó, anh ấy đã buộc tội Oscar Arlington, giấy trắng mực đen, trên những tờ báo này. Tôi không phải kiểu người buộc tội mà không có chứng cứ, nhưng nếu nhà Arlington có mối liên hệ nào đó với tên lái xe ẩu đã đâm vào Alan, thì họ phải trả giá!

Ngày Alan ra đi, anh ấy nói sẽ quay về, rằng chúng tôi sẽ có một đứa con. Trong những tháng sau đó, một mối nghi ngờ cứ ám ảnh tôi: Alan có nói dối tôi không? Có phải anh ấy nói vậy để dẹp bỏ tôi dễ dàng hơn? Ngày hôm nay tôi biết là không phải thế. Sự an ủi ấy chỉ làm nỗi đau trong tôi lớn thêm, chỉ khiến tôi càng tiếc nuối hơn nữa.

Bà thượng nghị sĩ đó còn có thể làm gì để chống lại ý muốn của hai góa phụ, hai con người hoàn toàn chẳng còn gì để mất?

Hãy đấu tranh, Alice, tiếp tục đấu tranh. Sau đó, hoặc thậm chí trước đó, nếu cô thấy quá mệt mỏi, hãy đến đây, đến Normandie. Trên bờ biển, chúng ta sẽ nói về người chồng đã chết của mình như hai bà già điên.

Hẹn sớm gặp,

Lison

Alice đọc lại câu: *Bà thượng nghị sĩ đó còn có thể làm gì để chống lại ý muốn của hai góa phụ?*

Đó gần như là những lời cuối cùng của Nick, trước khi vụ tai nạn xảy ra. Ý muốn của một góa phụ. Alice từng tin mình rất mạnh mẽ, không thể lay chuyển, có rất ít thứ để mất… Nhưng không phải, cô hoàn toàn không trong suốt. Không phải một bóng ma, không phải chiếc vỏ rỗng.

Những mảnh vỡ cuộc đời không phải không làm cô bị thương khi chúng bắn xuyên qua cô.

Cô chẳng còn mong muốn nào khác ngoài ở đây, giam mình trong phòng, trong bóng tối. Cô những muốn bật chiếc công tắc hẹn giờ ngoài hành lang của căn hộ mới và mọi thứ sẽ nổ tung, cùng với cô. Nhưng những điều kỳ diệu chỉ xảy đến một lần duy nhất.

Xin lỗi, Lucky, em chẳng còn sức lực. Em chỉ muốn ngủ và mơ về anh, về anh trước kia.

37 RAMSES II

21 tháng Mười Một 1964, Washington

Alice đã giữ lời, cô gần như không ra khỏi căn hộ suốt mười ngày sau, ngoại trừ những lúc đi mua thức ăn, gửi thư cho Lison và đến bệnh viện. Sức mạnh cần thiết để chiến đấu tiếp có vẻ đã rời bỏ cô.

Tuy vậy, gần như chống lại ý muốn của cô, số phận đã mang đến tận nhà cô mọi phương tiện cần thiết để báo thù. Điện thoại nhà cô đổ chuông nhiều lần trong mười ngày này.

Chính xác là ba lần.

Lần đầu tiên vào ngày 21 tháng Mười Một, lúc 5 giờ chiều.

— Alo, Alice đấy à? Tôi là Ramses II.

— Xin lỗi, – Alice ngạc nhiên trả lời, – ai vậy? Phát âm rõ hơn đi, tôi không hiểu gì cả!

— Ramses II! Không phải vị pharaon, đương nhiên rồi. Một người rất giống ông ta. Hãy nghĩ đi…

— Chắc ông nhầm số rồi!

— Cô không nhận ra giọng tôi, cũng là chuyện bình thường. Nhưng hãy nghĩ đi, Watson! Chẳng lẽ cô biết nhiều người đàn ông quấn băng nằm trong quách đến thế sao?

— Nick!

Chính hắn ta đấy... Cần nhiều hơn một chiếc xe tải chạy hết tốc độ để khiến cô lìa xa khỏi tôi, Alice xinh đẹp ạ.

— Chính là hắn. Cô được tha thứ vì không nhận ra giọng tôi, tôi không ngậm miệng vào được… Vậy nên không thể phát âm rõ hơn.

— Nick! Tôi đã đến viện thăm anh nhiều lần. Nhưng tình trạng của anh chưa đủ để nhìn thấy, hoặc nghe thấy tôi. Sau đó, họ bắt đầu phẫu thuật và tôi không vào được nữa.

— Phải, bây giờ, với đống băng bó này, tôi trông dễ coi hơn một chút rồi. Tôi mới nói lại được hai ngày nay.

— Anh đau không, Nick?

Đương nhiên là không rồi, Alice. Cô đã quên sự lạc quan ngớ ngẩn của tôi rồi à?

— Không, không sao, tôi chưa bao giờ thấy khỏe như thế này.

— Nick! Thôi đi…

— Phải, đúng vậy, tôi thề với cô, tôi không đau răng nữa, tôi chẳng còn răng. Tôi đã hết bị chuột rút ở cánh tay, tôi chẳng cử động nổi chúng. Tôi đã hết thấy đau ở bàn chân, hay cẳng chân, tôi thậm chí còn không cảm nhận

được chúng. Như thể tôi chẳng còn thân xác, chỉ còn duy nhất phần hồn. Giấc mơ của một thám tử! Nhất là một thám tử như tôi, đầu óc mạnh hơn chân tay. Tôi có thể trở thành một anh hùng đích thực trên truyền hình: người đàn ông nằm trên giường giải mã những ẩn số. Chỉ được trợ giúp bằng chính bộ óc của anh ta. Hay hơn là: sau *người sắt* là *người thủy tinh:* vị thám tử chỉ còn là bộ não đựng trong lọ!

— Nick! Làm sao anh có thể…?

— Được rồi, tôi dừng lại đây. Điều cuối cùng cô nói với tôi, là cô đã phát ngán sự lạc quan ngớ ngẩn của tôi.

— Tôi xin lỗi vì chuyện đó, Nick, tôi xin lỗi vì tất cả. Tôi phải làm gì để được thứ lỗi đây?

— Chỉ cần đến thăm tôi thôi. Đừng e ngại gì cả, những ham muốn của tôi chẳng còn phương tiện để thể hiện ra về mặt thể xác nữa rồi! Tiếc thật, ở đây có vài cô y tá mà nếu trong những hoàn cảnh khác, tôi sẽ đánh giá họ rất… khêu gợi!

Hồi các cô đó hai mươi tuổi và vóc người mảnh mai… Nghĩa là trước chiến tranh cũng khá lâu…

— Nick! Anh muốn làm tôi ghen đấy à?

— Tôi chẳng hy vọng chuyện đó đến thế!

— Các bác sĩ nói gì với anh, Nick?

— Tôi sẽ đi lại được, có vẻ thế, sau một khoảng thời gian nữa, họ nói vậy… Rằng tôi cũng rất may mắn đấy… Không một cơ quan duy trì sự sống nào thực sự bị ảnh hưởng, trừ cơ quan giúp thỏa mãn ham muốn mà tôi vừa kể, nhưng rõ ràng họ không coi đó là cơ quan duy trì sự sống. Ngoài chỗ đó ra, họ khẳng định có thể chữa khỏi gần như tất cả. Họ cho tôi một

cuốn catalogue các kiểu tay và chân nhựa, giống hoặc không giống thật lắm, đắt hoặc rẻ nữa, đương nhiên.

— Nick, thôi đi!

Mày tìm ra khuynh hướng của mày rồi đấy, Nick thân mến. Hài hước một cách vô liêm sỉ bệnh hoạn… Làm xác ướp tạo cảm hứng cho mày phết đấy! Vậy là rốt cuộc mặt khổ dâm trong mày cũng có thể được tự do bộc lộ! Đừng có ngừng lại khi mới chớm bắt đầu, mình chắc chắn Alice thích thế! Trong mỗi người phụ nữ luôn có một cô y tá đang thiu thiu ngủ.

— Tôi nghiêm túc mà, – Nick nói tiếp, giữ nguyên giọng điệu. – Bởi thế tôi mới gọi cô. Giờ chắc chắn tôi cần một phần trong khoản một triệu rưỡi đô-la đó. Nếu không họ sẽ cho tôi dùng hàng vỉa hè. Tay quá ngắn, chân cong, những thứ dùng lại của người già, hoặc của quái vật. Vậy nên chuyện đó rất thôi thúc tôi. Hôm nay tôi không nghỉ nữa, tôi đã bắt đầu làm việc.

— Trong bệnh viện ư?

— Cô thấy đấy, giờ tôi có thể gọi điện. Tôi dùng mũi để quay số điện thoại! Với chất giọng như hiện tại, ban đầu mọi người sẽ thấy tôi hơi giống người Mông Cổ, nhưng thêm chút hài hước là sẽ ổn thỏa. Tôi có tin mới! Nhưng hóa đơn điện thoại của tôi ở bệnh viện sẽ cao ngất ngưởng. Tôi đếch quan tâm, bởi tôi chẳng trả nổi. Dù sao họ cũng không thể lấy thân thể tôi ra cầm cố được. Thêm nữa, tôi sẽ thanh toán hóa đơn khi ra viện. Người nghèo chưa chắc đã được hoàn lại chi phí đâu.

— Suỵt, Nick! Anh nói là có tin mới à?

— À, tôi suýt tưởng là cô đã mặc kệ vụ đó. Cô sẽ không bỏ cuộc chứ, Alice?

— Không, không…

— Không nhiệt tình lắm nhỉ. Ồ, dù sao đó cũng không phải dành cho tôi, người đàn ông cụt chân cụt tay, người dùng răng cản những chiếc xe tải điên, người vực dậy tinh thần cho người phụ nữ xinh đẹp và được yêu mến nhất nước Mỹ.

— Phải, anh nói đúng, vẫn như mọi khi, Nick ạ.

— Nào, giờ nghe tôi nói này. Về vụ tai nạn của Alan Woe, chắc chắn là không có nhân chứng nào. Cảnh sát địa phương đã đóng vụ đó lại. Tôi cũng đã truy tìm tất cả các khách sạn ở Blue Hill, nơi xảy ra vụ Alan bị đâm. Hôm trước đó Alan đã đến Central Hotel. Họ hầu như không nhớ gì về anh ấy. Anh ấy thậm chí còn chưa để lại tên đăng ký. Không có gì đáng chú ý. Nhưng ngược lại, khi gọi điện cho các khách sạn trong vùng, để tìm dấu vết của một tên lái xe ẩu, tôi lại có được một phát hiện tuyệt vời. Đoán xem ai đã ngủ vào cùng ngày hôm đó, tại khách sạn Hamilton, ở Salisbury, tức là cách Blue Hill chưa đầy sáu dặm?

— Cho tôi biết đi…

— Oscar Arlington! Ít nhất, rất có thể hắn đã ở đó. Tôi đã miêu tả hắn với viên quản lý, ông ấy nhớ rất rõ Oscar, một người béo lùn, lông mày rậm, đeo kính đồi mồi, trán hói nhưng tóc tai bù xù. Hắn đến vào tối muộn và ngủ lại đó một đêm, ngày 5 tháng Năm, nghĩa là tối hôm xảy ra tai nạn của Alan. Hắn đăng ký bằng tên giả, đương nhiên. Hắn ghi là Oliver Snow. Nhưng có vẻ người tên Oliver Snow này lại điền thủ tục đăng ký bằng nét chữ to nữ tính, với những chữ hoa rất to và vòng tròn thay cho dấu chấm trên chữ *i,* giống hệt kiểu viết của Oscar Arlington. Thêm nữa, chữ ký trong tờ đăng ký của hắn hoàn toàn không giống Snow, mà giống Arlington hơn. Với tôi, không nghi ngờ gì nữa, đó là người đàn ông chúng ta đang nói đến! Nhân tiện, ta cũng sẽ sớm có bằng chứng, chỉ cần gửi ảnh của Oscar đến cho quản lý khách sạn, và ông ấy gửi cho tôi bản photo tờ đăng ký.

Arlington hết đời rồi. Ngay cả khi đó không phải là bằng chứng.

— Anh thật tuyệt!

— Đó có thể chỉ là trùng hợp, đối với một thẩm phán. Nhưng tôi đồng ý với cô, điều đó có giá trị rất lớn. Ngoài ra thì, không có tin tức của Thẩm Du à?

— Không, – Alice trả lời vẻ tư lự.

— Có lẽ sẽ không quá lâu nữa đâu, tôi đã đăng một tin đáng ghét về anh ta trên báo: Tìm Ralph Finn, còn gọi là Thẩm Du. Tôi để số điện thoại của cô. Theo tôi, chẳng mấy nữa anh ta sẽ trồi lên thôi.

— Không có anh, Nick ạ, chắc tôi đã từ bỏ tất cả. Anh thật…

— Không cần nói đâu. Hãy cho tôi tên diễn viên nam ưa thích của cô thì hơn.

Chuẩn bị nào, Alice, tôi đã mất hai ngày để làm việc đó đấy.

— Xin lỗi?

— Nào… Sean Connery? Cary Grant? Richard Burton? James Mason?

— Tôi không biết… Sao anh lại hỏi tôi chuyện đó?

— Ừ thì, nếu phải làm cho tôi một ngoại hình mới, thì chi bằng chọn kiểu ngoại hình mà cô thích! Vì tôi có thể lựa chọn và vì chúng ta sẽ có tiền để chi trả.

— Nick!

— Được rồi, tôi để cô suy nghĩ vậy. Không phải Anthony Quinn là được! Mai nhé. Chào cô. Con người trong mơ đội lốt thiên thần mang đến cho tôi bần cùng và nghèo khổ!

Thật không nên sáng tác ra thứ này, Nick thân mến! Cái quả cầu nặng

một trăm kilo nhồi trong áo blouse này còn giống thiên thần… hơn là màu giống Cary Grant…

Alice cúp máy, xấu hổ vì ý định mới chớm của mình, có vẻ Nick mạnh mẽ hơn cô nhiều.

Ngày hôm sau, tại bệnh viện, Nick tiếp tục đùa cợt về số phận của mình, hăng hái thảo luận về cuộc điều tra, khích lệ Alice tiếp tục chiến đấu.

Alice nói chuyện với các bác sĩ. "Quả là điều kỳ diệu, họ bảo cô. Anh ấy cần thời gian để tập đi trở lại, phục hồi toàn bộ khả năng sử dụng chân, sẹo sẽ còn, nhưng không có vết thương nào không thể hồi phục. Cũng may mắn là khuôn mặt anh ấy bị ảnh hưởng khá ít, trừ ở hàm. Anh ấy sẽ phải ở lại viện nhiều tháng. Tiếp theo, tốc độ phục hồi và luyện tập phụ thuộc vào ý chí. Anh ấy có thể bằng lòng với việc dùng xe lăn, cố gắng di chuyển bằng nạng, hoặc thậm chí đi lại bình thường nếu chịu đựng được đau đớn để luyện tập trong nhiều năm trời."

Alice thấy mình thật ích kỷ: cô muốn chiến đấu, vì anh, vì sự hồi phục của anh, nhưng không thể tìm được sức lực trong mình. Để tiếp tục, cô cần Nick khỏe mạnh, cần sự hài hước của anh, sự lạc quan của anh.

Cô thấy mình thật nhỏ bé so với tầm vóc của những người đàn ông yêu cô, Lucky… Nick… Cô những muốn cô có một số phận yên bình xiết bao.

38 NGƯỜI CÒN LẠI TRONG BỐN NGƯỜI

23 THÁNG MƯỜI MỘT 1964, 318 ĐẠI LỘ INDIANA, WASHINGTON

Hôm sau nữa, khoảng 4 giờ chiều, điện thoại đổ chuông lần thứ hai.

— Có phải cô Alice Queen?

— Vâng…

— Tôi là Ralph Finn ở đầu dây.

Thẩm Du, Alice nghĩ ngay. Cùng lúc, cô cố gắng sắp xếp đầu óc, nói thật chậm, để tránh nói hớ bằng mọi giá. Nick và cô chỉ gọi anh ta bằng biệt danh suốt nhiều tháng nay.

— Ralph, – cô nói sau một hồi do dự. – Rốt cuộc thì anh cũng lên tiếng! Chúng tôi tìm anh từ rất lâu rồi…

— Tôi biết. Tôi sẽ nói ngắn gọn thôi. Tôi gọi chỉ để nói rằng cô hãy thôi cho đăng những mẩu tin vặt nực cười đó đi. Cô phải biết chúng nhục nhã đến mức nào chứ, chiến tranh qua đã lâu như vậy rồi. Tôi còn có vợ con.

Cho đến giờ, tôi đã, hoặc ít nhất tôi hy vọng, không để tờ báo nào lọt vào tay họ. Nhưng giờ thì phải dừng chúng lại ngay, thưa cô. Những gì cô làm thật không tử tế chút nào, tôi hy vọng cô nhận ra chứ?

— Tha lỗi cho chúng tôi. Chúng tôi làm vậy chỉ để khiến anh có phản ứng, anh đã không hồi đáp những mẩu tin đầu tiên.

— Ờ phải, cô thắng rồi, đương nhiên. Tôi đã phản ứng. Giờ thì hãy nghe đây: đừng có quấy rầy tôi nữa! Tôi không muốn nghe về câu chuyện này, về cái giao kèo đó nữa. Tôi sẽ không bao giờ làm chứng chống lại Oscar Arlington! Tôi nói rõ rồi đấy! Tôi từ chối chuyện đó vì tôi không cho phép họ trưng tên và ảnh tôi lên trang nhất các báo: "Ralph Finn, người có biệt danh là Thẩm Du, tố cáo con trai thượng nghị sĩ Arlington phản bội."

— Chuyện này có thể thu xếp, ta hoàn toàn có thể không nhắc đến biệt danh đó ở tòa.

— Không, cô sẽ không thuyết phục được tôi đâu. "Thẩm Du", nhan đề quả là quá hay. Cô sẽ không thể kiểm soát được cánh nhà báo. Nếu họ hỏi tôi, tôi sẽ nói tôi chẳng biết tí gì về chuyện này.

— Ralph… Anh không thể phản ứng như vậy. Chỉ có bốn người biết về giao kèo. Ba người đã chết! Anh là người duy nhất còn sống, giờ anh là người duy nhất có thể thiết lập lại sự thật.

— Phải, thưa cô, cô tóm tắt tình hình rất tốt. Tôi là người duy nhất còn sống. Và tôi muốn mình vẫn còn sống! Arlington là gia đình rất có thế lực. Nói rất đơn giản thì là thế này, tôi tin rằng chính vì không để lộ tin tức gì nên tôi mới là người duy nhất sống sót.

— Oscar Arlington giờ đã chết rồi.

— Oscar Arlington, phải. Nhưng không phải gia tộc của hắn. Mẹ hắn, gia đình hắn, tên tuổi hắn… Không, thưa cô, không nên gây chiến với

những con người đó! Chúng ta quá bé nhỏ, quá yếu ớt, họ sẽ nghiền nát chúng ta, như nghiền nát những người khác. Cứ làm đi nếu cô muốn, nhưng không có tôi! Đừng đòi hỏi tôi phải chết vì cô. Cô có quyền gì chứ? Tại sao? Hãy tiếp tục một mình nếu cô muốn, nhưng hãy quên tôi đi!

Lúc ấy, Alice nghĩ đến Nick đang nằm trên giường bệnh viện, chiếc xe điên, vụ nổ ở căn hộ của cô… Phải, Thẩm Du có lý, đến làm chứng chắc chắn là nguy hiểm. Cô có quyền gì mà đòi hỏi anh ta phải mạo hiểm tính mạng? Nếu cô cứ nài nỉ, và nếu anh ta chấp thuận, để rồi sau đó chính anh ta trở thành nạn nhân một vụ tai nạn, cô có thể tự tha thứ cho mình được không? Cô tìm kiếm trong lòng ý chí để nài nỉ anh ta.

— Tôi mong ít nhất anh cũng sẽ kể với tôi, Ralph ạ, rằng anh sẽ cho tôi xem bản giao kèo. Tôi phải biết chính xác những gì đã xảy ra. Kể cả khi anh không làm chứng chống lại nhà Arlington, ít nhất hãy đồng ý gặp tôi.

— Cô không thuyết phục được tôi đâu, thưa quý cô. Tôi quên hết rồi! Tôi chẳng biết gì cả. Lucky chưa bao giờ yêu cầu tôi làm nhân chứng cho giao kèo đó. Vả lại, chưa bao giờ có cái giao kèo nào cả! Vậy đấy, cô hài lòng chứ, cô đã biết sự thật! Giờ hãy để tôi yên! Lucky chết rồi, ngày hôm đó không phải chỉ có mình cậu ta. Chuyện cách đây hai mươi năm rồi. Giờ cần phải quên đi, và mỗi người quay về với cuộc đời của mình.

Lucky chết… Như những người khác. Vô danh. Vô ích. Không, đây không phải sự thật! Lẽ ra Thẩm Du không bao giờ nên nói thế! Vài lời như vậy là đủ để nhen lại quyết tâm trong cô.

— Không, Ralph, như thế thì quá đơn giản! Lucky đã chọn anh. Tôi không biết tại sao, nhưng anh ấy đã chọn anh làm nhân chứng trong số cả trăm người lính khác. Anh ấy đã tin tưởng anh, anh không thể quên điều đó! Cách đây hai mươi năm, anh đã chấp thuận sự tin tưởng ấy. Giờ anh phải chịu trách nhiệm!

— Tôi gác máy đây, thưa cô…

— Hẳn là không vui vẻ gì khi ngày nào cũng thế, trên chiếc sà-lan đó, bị gọi là Thẩm Du. Hẳn là rất khó chịu, phải không? Nhưng nếu Lucky đã chọn anh, thì đó là vì anh ấy là bạn của anh, vì anh ấy không gọi anh là Thẩm Du. Không, tôi hiểu Lucky, đó không phải kiểu của anh ấy. Có bao nhiêu tay lính trên chiếc sà-lan đó không gọi anh là Thẩm Du? Ngoại trừ Lucky? Ít nhất có một người khác không? Lucky là bạn anh, Ralph, hãy nhớ lại đi! Anh ấy đã tin tưởng anh! Ngày hôm nay anh không có quyền từ bỏ niềm tin đó!

Alice cảm thấy ở đầu dây bên kia, Ralph đã dao động. Phải nhấn sâu hơn nữa.

— Tôi rất tiếc, thưa cô, – tuy nhiên Ralph nói, – tôi rất tiếc cho Lucky. Cậu ấy là người đáng mến, nhưng đành vậy thôi. Tôi còn có vợ con… Và tôi yêu cái mạng mình. Tôi dập máy đây, các con tôi sắp đi học về, tôi không muốn chúng biết bất kỳ điều gì về chuyện này.

Ralph Finn là kẻ yếu đuối, Alice cảm nhận trong giọng anh ta sự mong manh, chỉ đơn giản là anh ta sợ. Để khiến anh ta mở lời, có lẽ chỉ cần làm anh ta sợ hơn nữa.

— Thôi được, Ralph ạ, vậy thì chúng tôi sẽ tiếp tục. Ý tôi muốn nói là tiếp tục đăng các mẩu tin vặt… Chúng tôi sẽ cho phát lên radio. Rồi lên truyền hình, sẽ đắt hơn nhưng có 1,44 triệu đô-la phần thưởng cơ mà, anh biết đấy. Tôi quyết định rồi. Các con anh, chúng cũng nghe radio và xem TV chứ? Phải, đương nhiên rồi, anh có thể phá hỏng đài và TV, nhưng bạn bè của các con anh, nếu chúng không đọc báo, thì chắc chắn cũng xem TV. Anh có muốn các con mình, giữa sân trường, phải trải qua những gì anh từng trải qua trên chiếc sà-lan không?

Alice ngừng một lúc, để Ralph có thời gian hình dung cảnh tượng không thể chịu đựng nổi ấy.

— Tôi sẽ không buông anh ra nữa đâu, Ralph ạ. Cách duy nhất để anh tự bảo vệ, là nói ra tất cả, nói với cảnh sát mọi chuyện, càng sớm càng tốt. Sau đó, nhà Arlington sẽ không thể làm gì chống lại anh, anh sẽ không phải e sợ gì nữa.

Ralph Finn do dự. Qua điện thoại, đằng sau anh ta vang lên tiếng mở cửa và tiếng la hét của trẻ con.

— Đồng ý, thưa cô, cô thắng rồi. Thật dễ dàng cho cô, khi thúc ép người ta như thế. Tôi sẽ gặp cô, một lần duy nhất, tôi sẽ nói cho cô tất cả những gì tôi biết, và cô phải thề sẽ không quấy rầy tôi nữa.

— Ở đâu? Khi nào?

— Càng sớm càng tốt.

— Anh có thể đến Washington không?

— Tôi sẽ thu xếp… Tôi có thể đến đó vào… thứ Sáu tới, buổi chiều, tôi không làm việc.

— Đồng ý, thứ Sáu, 3 giờ. Quảng trường Lafayette, ngay trước Nhà Trắng, có cảnh sát ở khắp nơi. Ít nhất thì ở đó, anh cũng sẽ không phải sợ gì.

— Đừng có đùa, thưa cô! Tôi không thích thế, không thích chút nào. Trên phim ảnh, trong những tình huống thế này, nhân chứng chính, người nắm giữ thông tin mấu chốt để vạch mặt thủ phạm, sẽ luôn bị giết trước khi kịp tuôn ra bí mật. Người đó sẽ không bao giờ đến được cuộc hẹn. Nếu không, bộ phim sẽ kết thúc sớm hơn một tiếng đồng hồ.

— Đây không phải phim ảnh, Ralph.

— Còn tệ hơn thế. Cô chẳng biết gì về chiến tranh. Nếu biết, cô sẽ hiểu chỉ có duy nhất một việc để làm tiếp theo, khi đã trở về: quên!

— Hẹn thứ Sáu, Ralph. Từ giờ đến hôm đó, chúng tôi sẽ dừng đăng tất cả các mẩu tin vặt, tôi hứa với anh!

39 ANH TA SẼ GHÉ QUA ĐÂY…

24 tháng Mười một 1964, 318 đại lộ Indiana, Washington

Ngày hôm sau, chuông điện thoại reo lần thứ ba, và là lần cuối, lúc 6 giờ 45.

Alice vẫn đang ngủ. Như mọi khi, đêm trước cô đi ngủ khá muộn.

Cô lảo đảo tiến đến chỗ chiếc điện thoại đang réo gọi gấp gáp. Trong đầu cô rối tung, chỉ có thể là tin xấu.

Một vụ tai nạn bí ẩn nữa. Không hiểu vì sao, cô nghĩ ngay đến Thẩm Du.

— Alo, Alice à, cô Ponnie đây!

— Cô Ponnie?

Cô Ponnie này có thể là ai nhỉ? Bộ óc đang ngái ngủ của Alice tự hỏi. Cô chẳng quen ai tên vậy.

— Cô Ponnie, ít nhất cháu cũng nhớ cô chứ?

Alice cố tập trung để xua tan màn sương mù buổi sớm đang bao phủ trí nhớ, nhưng không hề, cái tên buồn cười của cô Ponnie chẳng gợi điều gì cho cô. Cô giữ im lặng.

— Cô Ponnie, chị của Maxime! Chồng của Jane! Em gái của bố Lucky. Cháu đã gặp cô hôm kỷ niệm hai mươi năm ngày cưới của Maxime và Jane, sau đó ở tang lễ chú Alex nữa. Nhớ ra chưa? Chà, có vẻ cháu chưa tỉnh ngủ lắm!

Alice cố nghĩ nhanh hết mức có thể: bố Lucky, được rồi… Jane, em gái ông, cô đã gặp khá thường xuyên, cùng với Maxime, họ cũng sống ở Litchfield… Ponnie? Thực ra, Maxime có một người chị, một phụ nữ khá điên loạn mỗi khi say, người luôn phá hỏng các buổi nghi lễ mỗi khi thức dậy và hát những bài hát không thể chịu đựng nổi mà ai cũng ngán ngẩm. Cô Ponnie? Chắc là vậy… Khá xa xôi… Nhưng người phụ nữ này có thể muốn gì ở cô?

— Ponnie! – Alice vẫn trả lời, cố gắng tỏ ra tin tưởng. – Chị chồng của Jane, đương nhiên rồi… Cô khỏe không?

— Mình xưng hô thân mật cũng được, cháu yêu ạ. Cô đã nghĩ, chắc cô đánh thức cháu. Cháu biết đấy, ở Litchfield, chúng ta sống khá khác biệt. Thêm nữa cô muốn chắc chắn cháu sẽ bắt máy. Cô theo dõi vụ kiện của cháu, Alice, cháu biết đấy, cũng như tất cả mọi người trong làng, ngay cả khi, thứ lỗi cho cô, cô không đến dự được, đến Washington ấy. Cùng lúc đó bọn cô có chuyến du lịch người cao tuổi ở Florida. Thôi, cô sẽ không giữ cháu lâu quá đâu, cô đã hứa với cô Macintyre, cháu nhớ chứ, cô chủ hiệu sách ngày xưa, tội nghiệp, cô ấy hoàn toàn mất trí rồi. Chả là cô đã hứa sẽ đưa cô ấy đến chợ cây, nếu ta đến sau 9 giờ, sẽ chẳng còn gì ngoài đống cây héo úa thảm hại.

— Nhưng, cô gọi cháu vì việc gì vậy, cô Ponnie? – Alice hỏi, cố gắng tỏ ra nhã nhặn nhất có thể.

— À ừ, phải rồi, cô xin lỗi, cô nói nhiều quá, nói nhiều quá… Cháu chắc cũng bận rộn lắm! Thật ra, có một chuyện liên quan đến vụ của cháu. Chuyện này vẫn cần được xác minh, nhưng dù sao, chắc nó sẽ làm cháu quan tâm. Hôm thứ Hai vừa rồi, như vẫn thường mỗi năm một hai lần, cô đến Washington một ngày. Cô biết, cháu định bảo thỉnh thoảng cô có thể đến thăm cháu, khi cô ở Washington. Nhưng cô không dám, một bà già như cô, cô sẽ quấy rầy cháu chứ chẳng được tích sự gì mất.

Ở đầu dây bên này, Alice bắt đầu thấy cực kỳ khó chịu, nhưng cô vẫn luôn giữ thái độ rụt rè của thiếu nữ mới lớn trước gia đình chồng chưa cưới. Như thể, hai mươi năm sau cái chết của Lucky, cô vẫn còn phải chứng tỏ với gia đình anh rằng mình là người bạn đời lý tưởng của anh. Vậy nên Alice ngoan ngoãn lắng nghe, không bình luận lời nào.

— Chuyện là, – cô Ponnie tiếp tục, – hôm thứ Hai, cô đi giải quyết mấy việc linh tinh. Sau khi xong, như mọi khi, cô đến dùng trà ở chỗ bà Waters. Cháu còn nhớ không? Không, cô ngốc thật, họ đã rời Litchfield từ lâu trước khi cháu đến. Tóm lại, đó là người hàng xóm cũ, giờ đang có một phòng trà ở đại lộ Louisiana. Chồng bà ấy đã mất cách đây vài năm. Phải nói bà Waters có lẽ đã không nể nang ông ấy lắm, như người ta vẫn nói về một phụ nữ cá tính. Nhưng ngoài chuyện đó ra, bà ấy cũng là người phụ nữ biết rất nhiều thông tin. Đó cũng gần như là điều bắt buộc trong nghề của bà ấy mà, cháu sẽ nói thế. Chắc chắn rồi. Nếu bà ấy chẳng có gì để kể, thì cô sẽ không phí thời gian mà dừng chân ở đó lúc đến thủ đô, trong khi cô thậm chí còn chẳng có thời gian đi thăm họ hàng của mình. Không phải vậy sao? Chà, cô nói vào chuyện đây: đoán xem, cháu yêu, bà Waters tiết lộ điều gì cho cô về vụ nhà Arlington?

— Cháu thật không biết…

— Tin cô đi, chuyện này sẽ làm cháu tỉnh ngủ, cháu yêu ạ! Liên quan đến vụ tự sát của con trai nhà Arlington. Bà Waters nghe được từ một bà khách, bà khách rất đáng tin cậy, bà ấy khẳng định với cô thế. Không phải người thích ngồi lê đôi mách, không, đó không phải kiểu của bà Waters. Chà, cô phải nhanh lên nếu không cô Macintyre sẽ nghĩ cô gặp tai nạn vì không thấy cô đến. Cô ấy có thể báo cảnh sát. Thế này, theo bà Waters, Oscar Arlington hình như đã để lại một bức thư giải thích cho việc mình làm, bức thư mà bà Arlington hẳn sẽ không bao giờ cho bất kỳ ai xem.

— Và bà ấy kể cho cô nghe bức thư đó viết gì ư?

— Từng từ một, cháu yêu ạ! Có vẻ gã con trai nhà Arlington đã nói cuộc đời hắn chỉ toàn là dối trá, hắn muốn kết thúc chuyện đó, hắn đáng ra phải chết thay cho một người khác trên một bờ biển ở Normandie. Giấy trắng mực đen, hắn viết như thế!

Alice cảm thấy khá phấn chấn, nhưng cũng không mấy tin tưởng người phụ nữ đang nói chuyện với mình. Cô cố gắng thăm dò mức độ đáng tin cậy của thông tin mà không làm phật lòng người cô bên nhà chồng chưa cưới:

— Cô Ponnie, cô đừng khó chịu, nhưng chuyện này có vẻ rất giống tin đồn. Làm sao ai cũng có thể biết nội dung bức thư đó như vậy được? Và, ờ, không phải là cháu nói thế về cô, nhưng cô bảo cháu bà Arlington không cho ai xem bức thư cơ mà. Vậy là sao?

— Chính bà giúp việc của bà ta là người kể, – cô Ponnie trả lời, hơi cụt hứng. – Bà ấy là người phát hiện ra con trai nhà Arlington, vào buổi sáng hắn tự sát.

Alice bắt đầu nghĩ rằng sau cùng, câu chuyện cũng có vẻ thuyết phục.

— Cháu cảm ơn cô, cô Ponnie ạ. Đúng là đáng để gọi cháu dậy sớm thế

này.

— Chuyện bình thường thôi, cháu yêu. Mọi người ở làng đều nghĩ đến cháu. Thôi, cô dập máy đây… À nhân thể, chúng ta sẽ gặp nhau vào lễ kỷ niệm ba mươi năm ngày cưới của Ben và Goldie.

— Ơ… Chắc thế ạ, – Alice trả lời, cô không có chút khái niệm gì về hai người đó. – Cháu cảm ơn cô lần nữa…

Khi Alice gác ống nghe, là hơn 7 giờ một chút. Cô rất nóng lòng muốn báo cho Nick, rốt cuộc, cô đã tin câu chuyện đồn đại đó. Cô đi loanh quanh trong căn hộ để cố gắng kiềm chế, rồi gọi cho anh lúc khoảng 9 giờ.

Đúng như cô đoán, Nick rất nghiêm túc với manh mối này.

— Tuy có vẻ ngoài khó tin, nhưng dạng tin đồn này có thể rất giống một bằng chứng. Cuối cùng cũng có một manh mối! Chuyện đó, cộng thêm Thẩm Du, mọi việc đang bắt đầu tiến triển. Giá chúng ta có thể thuyết phục thẩm phán thực hiện lệnh khám xét nhà bà Arlington… Chắc chắn bà ta giữ bức thư đó ở nhà. Một người mẹ sẽ không bao giờ ném thư tuyệt mệnh của con trai mình vào lửa hoặc thùng rác, ngay cả những người mẹ tồi tệ nhất cũng sẽ không làm thế. Ngay cả Emilia Arlington.

Hôm sau, Nick báo cho Kaplan, thẩm phán phụ trách hồ sơ vụ án. Từ đầu đến giờ Kaplan tỏ ra khá rụt rè, rõ ràng đang cố gắng không gây quá nhiều ồn ào. Ông ta đang ở trong vị thế nguy hiểm. Bà Arlington là nhân vật chính trị rất vững chắc, còn ông ta là thẩm phán nhỏ, không phải mới vào nghề nhưng dù sao cũng rất hứa hẹn, ít ra ông ta hy vọng thế. Kaplan lắng nghe từng lời từ miệng Nick nói ra, những yếu tố mới của cuộc điều tra, những sự trùng hợp liên tiếp.

Mà không bình luận gì.

Thẩm phán Kaplan không đặc biệt coi mình là *người truy tìm công lý,* kiểu thẩm phán rình tóm mọi vụ đút lót, chống lại kẻ mạnh, cứu giúp kẻ yếu… Không, hoàn toàn không giống thế. Ông ta chỉ là một thẩm phán nhỏ, có tham vọng nhẫn nại nhưng kiên quyết. Cho đến giờ, lương tri (tức đầu óc tham vọng) của ông ta đã định hướng cách ông ta hành xử trong vụ này: nghiêng theo người có nhiều khả năng thắng hơn trong câu chuyện điên khùng này, và đó là Emilia Arlington. Nhưng những yếu tố mới mà Nick mang đến cho ông ta có vẻ đã chứng minh rằng, ngày qua ngày, tình thế đang đảo ngược. Một ngày nào đó, một bằng chứng không thể chối cãi sẽ lật ngược hoàn toàn vụ việc.

Thẩm phán Kaplan cân nhắc tình hình. Ông ta có thể giữ an toàn, tiếp tục đóng vai vị thẩm phán yếu đuối và tránh buộc tội bà thượng nghị sĩ, nhưng như thế rất rủi ro, nếu bà Arlington thua, ông ta sẽ trở thành tên thẩm phán chết nhát, sợ sệt, quỵ lụy trước quyền lực. Tệ hơn, sao lại không chứ, là một thẩm phán biến chất: ngay cả khi không có bằng chứng, thì sự thật cũng rõ rành rành! Trong khi có thể ông ta đang nắm trong tay cơ hội độc nhất để được vang danh suốt nhiều năm chỉ nhờ một vụ. Đúng là tấn công trực diện một nữ thượng nghị sĩ thì cũng liều lĩnh. Vẫn chưa có nhiều yếu tố cụ thể trong chuyện này. Nhưng ông ta sẽ trở thành thẩm phán được truyền thông chú ý, một trong những thẩm phán được cánh nhà báo ca ngợi vì sự liêm khiết. Những thẩm phán sẽ đi đến cùng để sự thật được phơi bày, bất chấp tất cả, thậm chí đặt sự nghiệp của mình vào nguy hiểm.

Đặt sự nghiệp của mình vào nguy hiểm ư! Đùa chắc!

Sẽ chẳng ai mạo hiểm bênh vực bà Arlington nếu các bằng chứng trở nên quá rõ ràng. Còn trong trường hợp ngược lại, nếu đến lục soát mà không tìm thấy bằng chứng, thì họ có thể làm gì chống lại ông cơ chứ? Di

lý vụ án một cách kín đáo, thậm chí còn đảm bảo cho ông được thăng cấp ở nơi khác! Thực ra, thẩm phán Kaplan thầm nghĩ, ở đất nước này, không phải sự trung thực của các thẩm phán sẽ cho phép công lý được thực thi và thoát khỏi quyền lực của những người có thế lực, mà là tham vọng! Không một vị trí nào trên đời, không một va-li đô-la nào có thể nặng hơn việc được thấy tên mình trên năm cột ở trang nhất của mọi tờ báo trên khắp đất nước. Được thấy mặt mình trên TV. Được là anh hùng của đất nước.

Thẩm phán Kaplan ra lệnh khám xét bất ngờ nhà Emilia Arlington vào thứ Năm, hai ngày sau. Cảnh sát ập đến nhà bà ta vào buổi sáng. Bà ta đã ăn mặc tươm tất, đang đọc báo và uống cà phê. Cuộc lục soát kéo dài chưa đầy mười phút. Bà Arlington, không mảy may nghi ngờ, giữ bức thư tuyệt mệnh của con trai mình trong chiếc bàn đầu giường.

Khi cảnh sát rời đi, bà thượng nghị sĩ im lặng nhìn Maria, và Maria hiểu bà sẽ không bao giờ làm việc cho bà Arlington nữa, bà sẽ bị sa thải, ngay lập tức, và thậm chí bà còn phải dọn đi cùng với ông chồng ốm bệnh, đi thật xa, xa khỏi Washington.

40 QUẢNG TRƯỜNG LAFAYETTE

28 tháng Mười một 1964, quảng trường Lafayette, Washington

Đó sẽ là một buổi chiều thật đẹp, nếu không có những cơn gió dữ dội tràn vào từng đại lộ lớn của Washington. Những lá cờ sao bay phần phật. Lá cây, đầu mẩu thuốc lá, lon Coca-Cola và đủ thứ rác rưởi linh tinh, những thứ khi thời tiết bình thường vốn nằm trong rãnh thoát nước và chẳng làm ai phiền lòng, giờ bay tràn lan khắp các vỉa hè, khiến những khách bộ hành vội vã phải né tránh. Đội lính gác trước cửa Nhà Trắng không thể giữ được tư thế nghiêm vững chắc như tượng sáp mà phải dùng cả hai tay để giữ mũ. Các vị khách du lịch thấy cảnh tượng này thật khôi hài, dù sao cũng đủ để giải thích cho việc họ cười phá lên và chụp ảnh.

Ngay đối diện Nhà Trắng, hàng cây trên quảng trường Lafayette tạo thành nơi trú ẩn nhất định.

Công viên là nơi lánh nạn của đủ loại người, nhưng có hai loại người chiếm số đông nhất thống trị ở đây: các viên chức chính phủ đứng tạm ở đây một lúc trước khi tiếp tục hành trình, và những người vô gia cư, thất nghiệp, không có gia đình, không có tiền nhưng hiếm khi vô vị, họ ngồi

cùng nhau, nếu không phải trên cùng băng ghế, thì cũng là trên băng ghế ngay cạnh. Người nọ đi qua người kia mà không đụng vào nhau, nhưng cũng không cố lảng tránh ánh mắt nhau.

Những băng ghế, cây cối và quang cảnh Nhà Trắng thuộc về tất cả mọi người…

Các viên chức trẻ tuổi mải mê đọc những tờ báo nghiêm túc, mặc dù khi tiến đến gần họ, ta thấy họ gần như chỉ đọc chậm lại ở mục kết quả thể thao. Rồi họ vò nhàu tờ báo ném vào thùng rác, hoặc đơn giản là bỏ lại trên ghế. Một tên không ai biết là ai liền vớ lấy tờ báo, đọc lướt qua, rồi dùng nó để gói cái chai của hắn. Bởi ở Mỹ, người ta có thể cho người khác thấy mình nghèo khổ, nhưng không phải tên nát rượu. Bất cứ ai uống rượu giữa phố cũng phải ngụy trang cả thứ bên trong chai lẫn cái chai. Tờ báo dày mới chỉ mở đến trang tin thể thao rốt cuộc đã biến thành vỏ bọc cho chai rượu whisky dở ẹc.

Alice ngồi trên băng ghế ở quảng trường Lafayette đã mười phút nay, bên cạnh một tờ báo bị bỏ lại nhưng chưa có ai nhặt. Một con sóc con từ góc công viên nhìn cô chòng chọc, thái độ pha trộn giữa sợ hãi và tò mò. Alice đang nhìn sang hướng khác, về phía Nhà Trắng lấp ló sau đám cây trên quảng trường.

Có vẻ nơi đó, Nhà Trắng, thật thảm hại! Alice nghĩ. Có lẽ xưa kia nó từng gây ấn tượng rất mạnh, vào thời của kiến trúc sư Pierre L’Enfant, từ đại lộ nào cũng có thể nhìn thấy. Nhưng ngày nay, nơi mà vận mệnh của hành tinh được quyết định, nơi diễn ra mọi huyễn tượng trong mắt toàn thế giới, nơi chứa chấp mọi bí mật, lại là công trình xây dựng thấp nhất trong khu phố, dưới bóng tòa nhà Bộ Ngân khố Hoa Kỳ, bảo tàng Decatur House, nhà khách tổng thống Blair House, Bộ Thương mại, bảo tàng nghệ thuật

Corcoran… Nhà Trắng có vẻ nhỏ bé, như một bà già nhăn nhúm, như một cái cây nhỏ trong rừng, bao quanh là hàng chục tòa nhà cao gấp năm lần. Từ bất cứ ô cửa sổ nào trong số hàng trăm cửa sổ bao quanh, dường như đều có thể nhắm bắn tổng thống vào bất cứ thời điểm nào trong ngày.

Còn bản thân Nhà Trắng có vẻ chỉ được bảo vệ bằng hàng rào thấp màu vàng đó cùng vài con rối. Với Alice, có lẽ bất cứ tay lính biệt kích được đào tạo chút ít nào cũng có thể xông vào làm chủ những địa điểm này. Không, đây không phải Versailles, không phải Tử Cấm Thành, không phải điện Kremlin… *Rốt cuộc có thể là họ cố ý làm vậy,* Alice nghĩ. Để minh họa cho giấc mơ Mỹ. Để biểu tượng hóa đất nước này, nơi mọi thứ đều có thể, nơi những địa điểm bất khả xâm phạm lại hoàn toàn không phải vậy, nơi những người quyền lực nhất lại không phải bất khả tiếp cận.

Kể cả các nữ thượng nghị sĩ… Kể cả Emilia Arlington.

Có tiếng nổ vang lên trong công viên. Chú sóc nhỏ thấy Alice thân thiện và đang yên tâm nhích lại phía cô từ nhiều phút nay, từng centimet một, đã chạy biến lên cái cây của mình. Alice ngoái lại. Tim cô đập dồn dập.

Một chiếc xe máy phân khối lớn phóng qua rất nhanh, khạc ra tiếng nổ thứ hai và thứ ba. Không có chuyện gì cả. Tiếng ồn xa dần rồi mất hút trong thành phố.

Alice đã thấy sợ. Cuộc hẹn này khiến nỗi sợ đeo bám cô. Nỗi sợ sẽ có chuyện gì đó xảy ra với Ralph Finn; hay là đã xảy ra… Cô nhìn đồng hồ, còn chưa đến 3 giờ.

Sao lại phải hoảng sợ nhỉ?

Alice thoáng tự hỏi liệu có phải cô cũng lo lắng cho bản thân mình không. Cô vẫn biết, luôn có kẻ nào đó trong thành phố này có nhiệm vụ làm cho cô biến mất. Chính cô là người bị nhắm đến trong những vụ tai nạn liên

tiếp ấy. Tên giết người đó, hắn có thể là bất cứ ai. Cô quan sát công viên. Có thể là bất cứ ai trong số những người đang lặng lẽ chờ đợi trên ghế băng. Một gã nghiện rượu giả tạo, một gã khác giấu mặt sau tờ báo, vị khách du lịch ồn ào sau lưng cô… Một tên sát nhân trong thành phố, đang theo dõi cô? Không, chắc chắn là không, chuyện đó không làm cô hoảng sợ. Chuyện gì phải đến tất sẽ đến. Không phải cô sợ cho bản thân mình. Cô nhìn đồng hồ lần nữa: 3 giờ 03. Ralph chưa đến muộn, chưa hẳn.

Tiếng còi hú khiến cô giật mình lần nữa. Một chiếc ô tô cảnh sát màu trắng hú còi ầm ĩ hộc tốc lao vào phố 17, xăm xăm phi ngược chiều, không dừng trước đèn giao thông, chuyển làn gấp rồi đánh lái ngoắt sang như đuôi cá. Như để gây ấn tượng mạnh nhất với người đi đường.

Thấy xe cảnh sát lao đi vội vã là chuyện thường xuyên ở Washington. Các bộ phim truyền hình dài tập, vì muốn tỏ ra đáng tin cậy, đã bắt chước cách làm việc của FBI, nhưng kể từ đó, ngược lại, cảnh sát Mỹ lại cố bắt chước các anh hùng hư cấu. Bất cứ thám tử nào cũng xử sự như thể họ có cả một ê-kíp truyền hình bám sát theo từng bước chân mình. Ô tô cảnh sát không thể nào di chuyển trong im lặng, với tốc độ chậm. Một viên cảnh sát không thể lao ra khỏi xe mà không hét toáng lên. Những chuyện như thế chẳng làm phiền ai. Tiếng ồn chẳng làm ai ở Mỹ khó chịu. Thậm chí nó còn nêm chút hương vị bất ngờ cho cuộc sống thường ngày của cư dân thành phố.

Bản thân cô, Alice, không quen với chuyện này. Cô không thể ngừng cảm thấy có mối liên quan giữa chiếc xe cảnh sát đó với vụ việc của mình.

Kể ra cô cũng không nhầm.

Cô thấy đó là điềm xấu.

Ở điểm này, thì cô lại sai!

Chiếc xe cảnh sát, sau cú phanh ken két, rẽ sang trái và biến mất vào đại lộ Pennsylvania…

Về phía Farraguth North.

41 LỐI TẮT LÊN THIÊN ĐƯỜNG

28 THÁNG MƯỜI MỘT 1964, 1351 FARRAYUTH NORTH, WASHINGTON

Chiếc xe cảnh sát đậu xịch ngay trước cửa hiệu làm tóc của Ted Silva, một nửa xe chờm lên vỉa hè.

Qua lớp cửa kính, Ted nhìn cảnh sát bước xuống xe. Hắn đã học được cách không hoảng sợ. Rốt cuộc, họ có thể đến vì bất cứ lý do gì. Cũng có thể họ nhầm. May mắn thay, hắn nghĩ, trong cửa hiệu chỉ có duy nhất một vị khách nữ, một bà khách *vô tội,* như cách hắn nói. Thật mừng cho thanh danh của bà ta! Cho đến giờ chưa từng có tên cớm nào vượt qua ngưỡng cửa hiệu của hắn. Còn có Teresa, nhưng Ted cho rằng con bé quá ngu ngốc để hiểu bất cứ chuyện gì.

Một viên cảnh sát vóc người bệ vệ, dạng cảnh sát thích nhai kẹo cao su, nhưng Ted không kịp xác minh, đẩy hắn ra và giơ tờ lệnh khám xét mà Ted cũng không kịp kiểm tra. Rồi họ bắt đầu…

Cảnh sát rạch tung bộ ghế bành da mới mua được đúng hai năm, lúc mua đó là bộ ghế mới tinh, họ dốc cạn những các chai dầu gội đầu vào bồn rửa

hoặc bên cạnh bồn rửa, những chai Sandrelli sáu mươi đô-la một chai, họ dỡ thảm lót sàn (dù sao Ted cũng đã tính thay chúng); họ bắt đầu các con ma-nơ-canh trên giá, từng con một.

Ted bắt đầu hiểu ra… Dẫu sao hắn cũng thấy yên lòng một chút.

Đến lượt đầu con ma-nơ-canh kiểu người thuộc địa với mới tóc xoăn đen dày bị ném xuống sàn. Heroin bắn tung tóe khắp cửa hàng và mỗi người phải cố không hít thở quá nhiều trong đám mây ấy.

Kẻ nào đó đã bán đứng mình, Ted nghĩ. *Francesco chăng?* Hắn ta là người duy nhất biết chuyện. Hoặc tên đần đó đã nói quá nhiều với một trong số khách hàng của hắn.

Thật đáng đời mình, Ted phân tích nhanh. *Lẽ ra mình chỉ cần không đụng gì đến đống ma túy bẩn thỉu này, như mình vẫn luôn thề với bản thân. Lẽ ra mình chỉ cần nói không với hắn, với Francesco!*

Quả thực, đây là lần đầu tiên Ted tham gia buôn ma túy. “Chỉ hai ngày thôi,” tên em họ Francesco đảm bảo. “Hiệu tóc của anh là nơi cất giấu lý tưởng. Còn ít khả nghi hơn các căn hầm ở Vatican hay bồn cầu của Liên Hợp quốc.” còn hắn, Ted, cuối cùng đã nói ừ, thậm chí không phải vì năm trăm đô-la khốn kiếp mà Francesco hứa với hắn. Mà để phục vụ gia đình. Cũng một phần nhỏ vì nếu từ chối, mọi chuyện sẽ có vẻ ám muội. Francesco có lẽ sẽ nghĩ Ted giấu giếm chuyện gì đó liên quan đến hiệu tóc.

Ted Silva cay đắng thấy mình sẽ lụn bại vì thứ đó: ma túy giấu trong óc một phụ nữ da đen!

Mỉa mai làm sao! Vụ này đi tù nhiều năm là ít! Các thẩm phán độ này làm việc rất hăng hái.

Lũ cớm sẽ tra hỏi hắn, khiến hắn sợ, bắt giam hắn, hăm dọa hắn chút ít, một cách ngạo mạn, tin rằng mình đã tóm được một tên bán lẻ ma túy. Mà

không bao giờ ngờ rằng chúng đang nắm trong tay chìa khóa của vô số bí ẩn, những vụ tai nạn, những vụ giết người khiến đám đồng nghiệp thuộc bộ phận cảnh sát hình sự của họ phải vò đầu bứt tai. Họ sẽ không bao giờ hình dung ra sự liên quan… Các thành viên trong hiệp hội Ex-voto của hắn đều là thành viên ma, hoàn toàn không có liên quan rõ ràng nào với hắn. Ngoại trừ ma túy, hắn trong trắng như tuyết, tuy cách nói này có vẻ không phù hợp lắm.

Nhà tù đang đợi hắn!

Hắn nghĩ đến Elena. Nàng sẽ khóc, sẽ thấy nhục nhã, nhưng vẫn sẽ đến thăm hắn, nguyền rủa Francesco, nói chuyện về mấy đứa con, chúng cũng thấy nhục nhã, nhưng chúng vẫn ổn, tất nhiên! Chúng ôm hôn hắn… Rốt cuộc tại sao anh lại làm thế? Elena! Giá nàng hiểu…

Toàn cảnh sát đã lục soát xong, toàn bộ số heroin được quét lại rồi đổ vào túi nilon, lẫn với hàng búi đủ loại tóc: như thế sẽ làm khối lượng tang vật thu được nặng thêm một chút khi tổng kết! Ted bắt Teresa đang đứng khóc nức nở im miệng và đưa cho con bé chùm chìa khóa của hiệu tóc… Như thể người ta có thể tin tưởng trao gửi cho con bé thứ gì đó!

Hiệu tóc tiêu rồi, hắn cũng vậy!

Trong lúc họ tra còng và đưa hắn lên ngồi phía sau xe cảnh sát, hắn nghĩ về sự nghiệp của mình, sự nghiệp thực sự.

Nó cũng tiêu rồi. Chấm hết. Về hưu sớm.

Đương nhiên, không lâu nữa hắn sẽ ra tù. Nhưng toàn bộ các thương vụ hắn tiến hành đều dựa cả vào sự vô tội tuyệt đối và tư cách đáng kính của hắn. Tóm lại, công việc hắn làm đòi hỏi một lý lịch tư pháp trong sạch.

Sẽ không ai thực hiện bất cứ một giao kèo nào dù là nhỏ nhất với một tên lừa đảo đã có tiền án tiền sự, ít nhất là không ai trong số các khách quen

của hắn, theo cách quen thuộc của hắn. Dù sao thì, với lương tâm chuyên nghiệp, hắn hẳn cũng sẽ từ chối.

Thế là hết!

Sự nghiệp của kẻ làm nên những điều kỳ diệu, của người thực hiện những lời cầu nguyện đã kết thúc như thế, buồn thảm, chóng vánh, chỉ tại tình cảm hắn dành cho gia đình và tên em họ ngớ ngẩn, lắm mồm. Rốt cuộc, nghĩ kỹ thì, như thế này có lẽ lại tốt hơn. Dừng lại trước khi chấp thuận một giao kèo sẽ khiến hắn lộ mặt… Như vận động viên đua xe dừng sự nghiệp của mình vì vết thương nhẹ, khi đó anh ta nguyền rủa nó, những vết thương có lẽ đã giúp anh ta tránh được cái kết cục là chết trên đường đua.

Vậy là giao kèo cuối cùng của hắn vẫn còn dở dang, trên dự định. Quá tệ cho bà Arlington. Quá may cho con bé Queen.

Chiếc xe cảnh sát lại ầm ĩ quay lại và đi vòng vèo trên phố 17, để lại Nhà Trắng ở đằng sau.

Nào, sau cùng, Ted Silva hy vọng sẽ đi tù lâu, ít nhất năm năm! Như thế, hắn sẽ có thời gian để viết ra những hồi ức, một mình, không có cháu chắt đòi hắn phải đá bóng cùng, không có vợ hỏi hắn muốn ăn gì và cố nhìn qua vai xem hắn đang viết gì. Yên tĩnh, tập trung vào công việc, tránh xa mọi ánh nhìn.

“Lối tắt lên Thiên đường”, đó sẽ là nhan đề!

Nhan đề phần giới thiệu sẽ là thứ gì đó kiểu như: “Điều kỳ diệu, là một nghề chết tiệt!” Rồi mình sẽ bắt đầu thế này: “Khoảng thời gian đó, tôi chấp nhận lời thỉnh cầu của những người có thế lực. Tôi thực hiện những điều kỳ diệu cho những con người bất lực mặc dù thường thì họ sở hữu mọi quyền lực.”

Lần đầu tiên từ rất lâu rồi, Ted cảm thấy hạnh phúc, nhẹ nhõm. Tiếp theo, lời đề tặng cũng sẽ là thứ gì đó kiểu như “Dành tặng Francesco vì đầu óc đần độn và sự ba hoa có khả năng giải thoát của cậu ta.”

42 HƯỚNG GIÓ

28 tháng Mười Một 1964, quảng trường Lafayette, Washington

— Cô là Alice Queen?

Alice ngoái lại.

— Vâng?

Một người đàn ông khá cao lớn, tóc xoăn, khuôn mặt tái nhợt (Có lẽ do hoàn cảnh nhiều hơn là do bản chất nước da mặt), đang đứng trước mặt cô.

— Ralph Finn. Xin lỗi, tôi đến hơi muộn.

— Không sao cả, cảm ơn anh đã đến. Anh ngồi đi.

Cô đẩy tờ báo ra và dành chỗ cho anh ta trên băng ghế.

— Cảm ơn, – Ralph thì thầm. – Cảm ơn đã dừng đăng các mẫu tin. Tôi không có nhiều thời gian. Chính xác thì cô cần gì ở tôi?

Ralph đứng thẳng, anh ta cố tạo vẻ tự tin, nhưng Alice không mắc lừa: anh ta đang sợ.

— Một lời chứng, giấy trắng mực đen. Bản giao kèo của anh nữa.

— Hiểu rồi, giờ cô đang khống chế tôi…

— Emilia Arlington ngã ngựa rồi, anh biết đấy. Thẩm phán Kaplan về phe chúng tôi, họ đã lục soát nhà bà ta, họ tìm thấy lời tự thú của Oscar Arlington, ngay trước khi hắn tự sát.

Ralph bật một tiếng thở dài nhẹ nhõm không thể là giả tạo.

— Vậy giờ, – Alice nói tiếp, – thêm cả lời chứng của anh… Và bản giao kèo…

— Về lời chứng, sẽ phải bàn bạc đôi chút. Còn bản giao kèo, không nên hy vọng gì!

— Sao lại như vậy? Anh có một bản cơ mà?

— Tôi *đã từng* có một bản. Có chút khác biệt ở đây. Cô biết đấy, cô đã không công bằng, hôm nọ, trên điện thoại, khi nói tôi là tên bội thề, khi dám chắc là tôi không xứng đáng với sự tin tưởng mà Lucky dành cho tôi. Cậu ấy là người có rất nhiều điều để tôi học theo. Gần giống như một hình mẫu, nếu cô hiểu?

Alice gật đầu tỏ ý rằng cô hiểu.

— Tôi đã thực hiện nghĩa vụ nhân chứng của mình, cô biết đấy! Năm 44, tôi đã đến Washington, để kể hết cho cô. Tôi có địa chỉ của cô. Bà gác cổng của tòa nhà cô ở, ở Rock Creek, có thể làm chứng, chính bà ấy đã nói với tôi chẳng còn bất kỳ tin tức gì của cô. Bà ấy chắc chắn vẫn nhớ tôi. Kiểm tra thì dễ thôi. Cô thấy đấy, chính cô đã không ở nơi như trong thỏa thuận. Chứ không phải tôi!

Alice suy tư một lúc. Chú sóc nhỏ lúc nãy đã leo xuống cây và lại nhìn cô từ xa, ánh mắt giật giật. Alice thoáng nghĩ nó giống Ralph, cũng đa nghi

như thế.

— Rồi sau đó anh làm gì, Ralph?

Ralph do dự một lúc. Thân hình anh ta đột nhiên rung lên qua những cử động rất nhỏ, như chú sóc kia:

— Không gì cả! Không gì cả! – anh ta nhắc lại. – Tôi có thể làm gì thêm nữa cơ chứ? Cô đã biến mất. Chiến tranh đã kết thúc. Tôi sống cách Washington năm trăm dặm. Tôi đã rất bực mình khi Arlington thoát được vụ đó như vậy, nhưng cô nói xem, tôi còn có thể làm gì được chứ?

— Thế còn cha mẹ của Lucky, ở Litchfield?

— Tôi không còn địa chỉ của họ.

— Trên giao kèo có ghi mà! Ít nhất đó là điều họ nói với tôi.

— Phải, đúng thế, cô được kể kỹ càng đấy. Nhưng chính xác thì, tôi sẽ nói về giao kèo đó. Nó không kéo dài lâu. Một trong hai chiếc xe Jeep vận chuyển đồ đạc của Đội biệt kích số 9 đến làng Lâu Đài Quỷ đã phát nổ trên bờ biển, ngay giữa cuộc đổ bộ. Đồ đạc của tôi ở trong xe. Tất cả chỉ còn lại tro tàn. Thật không may!

— Anh không mang bản giao kèo theo mình ư?

— Cô nghĩ xem! Chúng tôi phải lặn xuống nước mà không biết nước sâu bao nhiêu. Khi tôi nhảy xuống từ sà-lan, nước ngập đến vai. Vậy nên, không, tôi không giữ bản giao kèo theo mình! Tôi đâu có ngu đến thế. Nhưng sau cùng thì như thế cũng chẳng thay đổi được gì! Cô, địa chỉ của cô ở Washington, tôi còn nhớ chút ít, nhưng cha mẹ của Lucky! Phù… Chết tiệt, tôi chẳng việc gì phải thanh minh! Chiến tranh kết thúc rồi, tôi đã làm việc của mình, còn cô chỉ việc chờ ở đó! Chính cô đã bỏ đi! Tôi còn có cuộc sống riêng. Vậy nên tôi chỉ có một mong muốn, là quên câu chuyện

này đi, và toàn bộ những thứ khác dính dáng đến cuộc chiến!

Alice đột ngột phác một cử chỉ bực mình. Chú sóc đã lại gần cách cô chưa đầy hai mét, ngạc nhiên, quay lại trốn lên cây. Bình tĩnh nào, Alice tự nhủ, kiềm chế nào. Đầu tiên phải thuần hóa Ralph. Không làm anh ta sợ. Kể cả không có tờ giao kèo, thì lời chứng của anh ta có lẽ cũng đủ.

— Vì sao anh không trả lời những mẩu tin chúng tôi đăng, Ralph? Vì cái biệt danh à?

— Phải… Có lẽ thế… Thật ra thì, không, thành thật mà nói, có lý do khác! Cách đây gần sáu tháng, tôi đã thấy Alan Woe.

— Anh thấy ảnh trên báo à?

— Không, trên TV. Một chương trình kêu gọi nhân chứng. Trong số một chục người chết vô danh khác, tôi đã thấy bức ảnh cái xác! Một vụ tai nạn ô tô, theo như họ nói. Ngay cả sau hai mươi năm, cũng không nghi ngờ gì, đó chính là cậu ấy. Chúng tôi khá thân hồi chiến tranh. Ngày hôm đó, tôi hiểu mình có lý do để giả vờ chết. Thay vì chết thật, nếu cô hiểu những gì tôi nói?

Mình phải tóm được anh ta, Alice nghĩ, *bằng cách này hay cách khác, trước khi anh ta trốn mất:*

— Ralph, giờ anh có chấp thuận làm chứng không?

— Tôi được lựa chọn sao?

— Không hẳn. Tên anh đã nằm trên bàn làm việc của thẩm phán Kaplan! Và ông ấy đột nhiên trở nên rất bướng bỉnh.

— Khá lắm, tôi đã mắc bẫy phải không? Nhưng tôi có thể kể bất cứ thứ gì mình muốn, với thẩm phán cũng như trước tòa. Tôi rất muốn giữ cái mạng mình, tôi nói với cô rồi. Giờ tôi là nhân chứng trực tiếp duy nhất của

giao kèo đó. Emilia Arlington sẽ không thích nếu tôi nói sự thật đâu!

— Vậy thì sao? Nếu kế hoạch của anh là mãi núp dưới bóng của kẻ mạnh hơn, theo phe kẻ thắng, thì trong trường hợp này, phải làm chứng chống lại Emilia Arlington! Ralph, nếu chúng ta muốn mọi chuyện thuận buồm xuôi gió, chỉ bằng cách đơn giản là thả trôi mình theo dòng nước, thì ít nhất cũng phải cảm nhận được gió thổi từ đâu tới chứ. Hôm nay gió đã đổi chiều, Ralph ạ! Gió không thổi từ Virginia đến nữa đâu.

— Hướng gió… Thật dễ dàng cho cô khi trở lại xới tung mọi thứ lên sau hai mươi năm. Thật dễ dàng khi người ta chẳng có gì để mất, khi người ta mặc kệ tất cả, trừ, 1,44 triệu có lẽ thế.

Bình tĩnh nào, Alice tự nhủ, *đừng trả lời, chưa phải lúc, hãy thuần hóa anh ta.*

— Tôi không yêu cầu anh điều gì khác ngoài nói ra sự thật, Ralph. Sự thật mà Lucky đã buộc anh phải có trách nhiệm. Anh sẽ làm chứng chứ?

— Đương nhiên. Cô còn tệ hơn cả nhà Arlington. Hãy hứa với tôi các vị chỉ gọi tôi là Ralph Finn tại phiên tòa, chỉ Ralph Finn thôi. Rất quan trọng đấy.

— Tôi hứa với anh.

Ralph nhìn Alice vẻ hoài nghi.

— Ít nhất anh cũng phải tin tôi chứ? – Alice nói thêm. – Tôi có thể đề xuất với anh một bản giao kèo có chữ ký, nhưng anh có thể sẽ đánh mất nó!

Alice thoáng chốc tự giận mình vì đã hung hăng như vậy. Nhưng cô có cảm giác rằng bây giờ, khi cô đã nắm được Ralph, thì để anh ta thực sự hợp tác, một cách trọn vẹn, anh ta cần phải thấy cô mạnh mẽ, kiên quyết, sẵn sàng làm mọi việc. Như anh ta đã nói, còn tệ hơn cả bà Arlington!

— Cô thật tàn nhẫn, – Ralph nói. – Phải tin tôi chứ, tôi rất yêu quý Lucky.

— Tôi cũng vậy!

43 | CÔNG LÝ!

13 THÁNG MỘT 1965, TÒA ÁN FOGGY BOTTOM, WASHINGTON

— Không thể tin nổi, thưa thẩm phán, – Ralph Finn kể, – những thứ người ta có thể làm trong chiến tranh. Trước hay thậm chí là sau chiến tranh, nếu người ta yêu cầu tôi trèo lên một ngôi nhà, cao chừng bốn năm mét, tôi sẽ chẳng đời nào làm nổi. Vậy mà, chúng tôi đã trèo lên đỉnh núi cao sáu mươi mét, dưới làn đạn súng máy, người sũng nước lạnh buốt, mà không sợ sệt chút nào! Cũng điên đấy nhỉ? Phải nói rằng khi Lucky gần như băng qua làn đạn và làm bức tường bê tông nổ tung, chúng tôi như được tiếp thêm sức mạnh. Chúng tôi lao lên không nghĩ ngợi gì cả. Không gì có thể cản đường chúng tôi nữa.

Robin Le Gris phải công nhận rằng Thẩm Du, anh ta đã xoay xở không tệ trong tư cách nhân chứng. Anh ta đã sợ, có thể thấy rõ điều đó, nhưng anh ta đã vượt qua. Cũng phải nói rằng anh ta là *khách mời ngôi sao* cho màn hai này của vụ kiện. Không ai cho rằng mời lại hai mươi ba nhân chứng là có ích. Và anh ta là người sẽ khôi phục toàn bộ sức nặng tình cảm của vụ này: tái hiện bối cảnh, cái bối cảnh trứ danh đó. Anh ta làm việc ấy

một cách tài tình, tay Thẩm Du này. Cho dù anh ta đang nhấn chìm họ, chính bản thân ông ta và bà Arlington…

Robin Le Gris vừa lắng nghe theo thói quen vừa ngọ nguậy đôi tay. Ông ta đã phát hiện thấy, thò ra trên chiếc ghế bọc vải ca-rô của mình, là đầu một mẩu chỉ xanh lá cây. Vậy là Le Gris mải mê xoắn chặt mẩu chỉ quanh ngón trỏ, vẻ rất bồn chồn, để lại một vệt đỏ nhỏ. Rồi ông ta lại tuần tự kéo duỗi năm centimet sợi chỉ xanh ấy ra, nhẹ nhàng, để không làm nó bị đứt, rồi lại quấn nó quanh ngón tay. Sợi chỉ xanh siết sâu vào thịt làm trỗi dậy cảm giác hơi đau khoan khoái. Ông ta thấy nhẹ nhõm…

Bởi vì đây quả là một vụ kiện bốc mùi! Robin Le Gris thấy mình lần này như một tay mơ. Tên dự thẩm thấp bé, tay Kaplan đó, đã biết đổi phe đúng lúc. Nhưng còn ông ta, Robin Le Gris, luật sư, lại mắc kẹt. Ông ta đang có chuỗi hai mươi tư vụ kiện bất bại, trong đó mười bảy vụ miễn truy tố. Còn ai có thể cãi giỏi hơn? Ông ta luôn lựa chọn tỉ mỉ các vụ. Nhưng còn vụ này! Thất bại hoàn toàn! Thêm nữa, mới đây, vụ kiện lại có mùi xác chết, và ông ta ghét chuyện đó, những vụ hình sự… Ông ta thích xử lý những vụ tranh chấp tài chính, tài sản thừa kế, phá sản, những con số, cùng lắm là các vụ vì tình, ngoại tình… Nhưng tội phạm bạo lực thì không, đó không phải sở trường của ông ta! Tệ hơn nữa, vụ kiện này có mùi dối trá, và ông ta còn căm ghét điều đó hơn nữa! Bà Arlington đã không nói sự thật với ông ta! Không gì có thể khiến Robin Le Gris bực mình hơn thế…

Ông ta siết sợi chỉ quanh ngón tay mạnh hơn một chút, rồi kìm lại, sợ nó đứt mất. Thẩm Du vẫn đang nói.

Robin Le Gris cảm thấy bực mình hơn bao giờ hết: dù sao, đó là điều tối thiểu phải làm, nói sự thật cho luật sư của mình! Làm sao có thể làm việc nghiêm túc mà không có lấy chút tin tưởng nào chứ? Làm sao cha xứ có thể rửa tội khi người ta không thú tội? Ai mà chẳng ý thức được rằng dù có là

vị cha xứ ngu ngốc nhất thì ông ta cũng vẫn biết giữ mồm giữ miệng chứ! Bà ta tưởng thế nào, cái mụ Arlington ấy?

Trên vành móng ngựa lúc này, chiến tranh đang kết thúc, tiếng đại bác đang xa dần, Ralph đang trở về nước, cùng những người bạn anh hùng, trong tiếng hò reo chào mừng. Chẳng mấy chốc nữa là đến lượt ông ta. Vẻ như không, người đàn ông tên Ralph kia, tay Thẩm Du kia, đã đánh lừa được tất cả bọn họ! Anh ta là nhân chứng duy nhất tận mắt chứng kiến cuộc giao kèo nổi tiếng đó, anh ta đã xác nhận tất cả, vụ trao đổi số, khoản tiền một triệu rưỡi đô-la, người được nhận, Alice Queen… Nào, vào việc thôi! Cứu lấy những gì còn cứu vãn được… Ông ta yêu cầu thẩm phán Carteron để được nói, vẻ mặt sau chòm râu Lincoln của ông ta vẫn rất bình thản.

Robin Le Gris đứng dậy, ngón trỏ giật đứt không thương tiếc sợi chỉ nhỏ màu xanh: ông ta biết rằng sự kháng cự yếu ót của sợi chỉ trước khi bị đứt sẽ khiến cảm giác đau ở ngón tay mạnh hơn một chút, dễ chịu hơn một chút. Điều đó cho ông ta dũng khí.

— Ông Finn, – tay luật sư nói. – Ông hiểu rằng giờ ông là nhân chứng trực tiếp duy nhất của toàn bộ câu chuyện…

— Ừm, phải…

— Điều đáng tiếc là, lại một lần nữa, chúng ta không có một bằng chứng vật chất nào. Chỉ có những lời chứng đã hơn hai mươi năm tuổi.

— Tôi đã giải thích với ông, bản giao kèo đã bị cháy cùng chiếc xe Jeep…

— Một vụ nổ kỳ diệu đấy nhỉ!

Đám lính biệt kích gầm gừ trong phòng xử. Một trong số những người bạn của họ đã chết sau tay lái của chiếc Jeep đó! Thẩm phán Carteron phải gõ búa: “Yêu cầu yên lặng trong phòng xử.”

Mình đã không tinh tế, Robin Le Gris nghĩ ngay. *Sao mình lại nói* kỳ diệu *nhỉ? Bởi vì mình phải nói gì đó. Làm sao mình có thể thoát khỏi những tình huống thế này cùng mụ thượng nghị sĩ từ chối nhận trách nhiệm kia?*

— Tóm lại, – Le Gris điềm nhiên tiếp tục, – bằng chứng duy nhất mà chúng ta có từ câu chuyện của ông, là thành ý của ông.

— Ừm, phải…

— Ông không phải là bạn thân của Lucky Marry trên chiếc sà-lan đó sao?

— Bạn thân ư, từ đó có rất nhiều ý nghĩa. Nhưng chúng tôi là bạn, đúng. Thì sao?

— Với tư cách là bạn và nhân chứng duy nhất, ông có thấy việc nhận từ Alice Queen một khoản, gọi là gì nhỉ, đền bù, một phần trong khoản tiền một triệu rưỡi đô-la là chuyện bình thường không? Có phải họ đã hứa với ông như thế để đổi lấy lời chứng của ông?

Ta sẽ chẳng bao giờ biết được, Robin Le Gris nghĩ. *Cần phải thử thứ gì đó… Đến nước này rồi, cần phải thả mồi hú họa. Rốt cuộc, một sự dàn xếp như thế rất có khả năng xảy ra, và tên Ralph chết nhát này sẽ sụp đổ trước mặt tất cả mọi người.*

— Tôi… – Ralph Finn ấp úng. – Tôi chưa từng đòi hỏi điều gì như thế cả, tôi…

Vẻ mặt sửng sốt của Ralph chứng tỏ anh ta nói thật.

Tiếc thật! Le Gris nghĩ.

Jonas Jones, luật sư của Alice, kêu lên đó là lời buộc tội hối lộ nhân chứng, quá quắt và tùy tiện. Thẩm phán Carteron đồng ý.

Robin Le Gris mỉm cười không chút bối rối rồi quay lại chỗ ngồi.

Thẩm phán Carteron lên tiếng:

— Các biên bản mà trung úy Dean của Đội biệt kích số 9 trình ra với tòa rất rõ ràng: chiếc xe Jeep 1 mang theo hành lý của các thành viên đội biệt kích có tên từ A đến Jackson; chiếc xe Jeep 2 của những thành viên có tên từ Jacob đến Z. Jeep 1 là chiếc đã cháy thành tro ngày 6 tháng Sáu do đạn súng cối của quân Đức, trên bãi biển Mũi Guillaume.

Phải, Le Gris nghĩ lại, *kỳ diệu* có vẻ là từ hơi quá.

Thẩm phán chuyển sang các sự kiện khác. Ông nói về tờ giấy tìm thấy ở nhà bà Arlington trong cuộc lục soát, những lời trăng trối của Oscar. Ông đọc chậm rãi:

> Tôi là tên hèn. Một chàng trai bằng tuổi tôi đã chết thay tôi trên một bờ biển ở Normandie. Lần đầu tiên trong cuộc đời mình, tôi quyết định sẽ chứng minh sự can đảm. Tôi quyết định chấm dứt cuộc sống dối trá này… Oscar Arlington.

Nhiều chuyên gia đã xác thực nét chữ và chữ ký của Oscar. Le Gris không thể tìm được chuyên gia nào chấp nhận nói ngược lại. Không có nghi ngờ gì về tác giả của thông điệp.

Còn có thể nói gì sau việc này? Robin Le Gris nghĩ. *Vì sao Emilia Arlington vẫn có thể tiếp tục phủ nhận sự việc?*

Robin Le Gris vừa nhìn quanh phòng xử vừa lần mò, cố tóm được đầu một mẩu chỉ thòi ra trên ghế. Họ đều đến tham dự trận lượt về, đám lính biệt kích và số dân làng ít ỏi ở Litchfield, tất cả đều bình tĩnh hơn lần trước rất nhiều.

Chắc chắn rồi! Robin Le Gris đã mang về một chiến thắng ngắn ngủi trong trận lượt đi, nhưng trận lượt về thì hoàn toàn giống trận Berezina§. Vậy nên tất cả bọn họ đều ăn mặc đẹp.

Đúng là lần này báo chí đã có mặt. Viên thẩm phán bé nhỏ Kaplan đã khéo thực hiện mọi việc. Vậy nên tất cả mọi người trong phòng xử đều ăn vận đẹp, hy vọng sẽ được xuất hiện trên một góc màn hình TV, ở vị trí làm nền, hay thậm chí là sau một chiếc micro, tại sao không.

“Phải, Lucky, ông nghĩ tôi không biết à. Cậu ấy sống cạnh nhà tôi. Ôi, thật là điều tuyệt vời hơn tất thảy!” Thậm chí có thể còn hy vọng vào một khoản gì đó trong số một triệu rưỡi đô-la mà Alice chắc sẽ có được.

Thẩm phán Carteron giờ đang nêu các sự kiện ở Blue Hill, vụ tai nạn của Alan Woe.

Hứa hẹn đây, Le Gris nghĩ. *Chúng ta đã rơi vào sự bẩn thỉu!*

Quản lý khách sạn Hamilton đã đến tận đây. Một người ngay thẳng và khô khan. Ông ta làm chứng và thề rằng người tên Oliver Snow đã ngủ tại khách sạn của mình ngày 6 tháng Năm năm 1964 chính là Oscar Arlington trên tấm ảnh ông được cho xem. Ngoài ra, các chuyên gia cũng đã phân tích chữ ký trên tờ đăng ký của khách sạn Hamilton: không nghi ngờ gì nữa, đó là chữ ký của Oscar…

Các bằng chứng trút xuống như mưa, tất cả đều theo cùng một hướng!

Các ngón tay của Robin Le Gris cuối cùng cũng nắm được đầu một sợi chỉ, nhưng nó đứt phựt sau khi kéo vài centimet.

Chết tiệt, làm sao mình thoát được đây? Ông ta quay đầu nhìn khắp phòng, cố tìm thứ gì đó để trấn tĩnh.

Ông ta chỉ thấy duy nhất một phương thuốc: Alice Queen! Nữ nguyên đơn vẫn xinh đẹp như thế, cốt cách như thế. Thế quái nào ông ta lại là luật sư cho mụ già Arlington chứ không phải cho cô gái tóc vàng trong mơ kia? Chưa kể nếu làm vậy ông ta hẳn sẽ thắng vụ kiện thứ hai mươi lăm liên tiếp. Tuy vậy, ông ta nhận ra khi quan sát Alice chăm chú hơn, cô có vẻ

buồn hơn phiên tòa trước, xa xăm hơn… Nhưng cô đã thắng, hiện tại chắc chắn là vậy. Có thể cô cảm thấy khi vụ kiện kết thúc, lý do tồn tại cuối cùng của cô cũng kết thúc theo. Có lẽ thế…

Nhưng đó không phải vấn đề của ông ta! Robin Le Gris bắt đầu nhắc lại các luận điểm trong đầu, không có thứ gì để các ngón tay mân mê khiến ông ta bực mình, tệ hơn, nó còn khiến ông ta mất tập trung!

Thẩm phán tổng hợp lại các sự kiện. Emilia Arlington không nhúc nhích dù chỉ một sợi lông mi.

Luật sư của Alice, Jonas Jones, ra đòn mạnh mẽ suốt phần biện hộ của mình. Jonas Jones là một người bạn Nick quen khi còn học ở khoa luật. Rất thông minh nhưng lập dị. Anh đồng ý biện hộ mà không đổi lấy gì, vì nhớ lại khoảng thời gian tốt đẹp khi xưa, và cũng vì đôi mắt tuyệt đẹp của Alice khiến anh hứng thú và làm việc nhiệt huyết chưa từng thấy. Anh tập trung vào bản giao kèo, đương nhiên, khoản tiền một triệu rưỡi đô-la, và cả vụ tai nạn của Alan Woe mà theo anh chắc chắn là vụ giết người, do Oscar Arlington thực hiện. Sau cùng, anh tỏ ý nghi ngờ những tai nạn bí ẩn xảy ra liên tiếp mà Alice và Nick là nạn nhân. Ngay cả khi, đương nhiên, không thể quy trách nhiệm cho Oscar Arlington…

Đến lượt Robin Le Gris diễn xuất. Ông ta đã quyết định: để cứu vãn những gì còn có thể cứu vãn, ông ta quyết định tự ý bỏ qua một triệu rưỡi đô-la và tập trung phản đối các cáo buộc giết người. Tức những thứ chưa được chứng minh. Phải chơi bám riết, chơi đúng vào điểm mà ở đó mọi thứ đều buộc tội Oscar. Mọi thứ, liệu có hơi quá không?

— Oscar đã ra đi, – Le Gris tiếp tục. – Một cách hoàn toàn tự nguyện… Ông ấy để lại một lý do chính thức: món nợ cũ trong chiến tranh. Nhưng

chúng ta sẽ chỉ biết được câu chuyện này qua phiên bản của người khác, tất cả những người khác. Chứ không phải phiên bản dưới góc nhìn của Oscar Arlington. Câu chuyện được kể cho chúng ta từ miệng của tất cả những người lính ghen tị với tiền bạc, gia đình ông ấy, những người không hiểu sự khác biệt của ông ấy… Tóm lại là những người không thích ông ấy. Như thể trong một phiên tòa, chỉ một trong hai luật sư có quyền được nói! Chúng ta chẳng bao giờ biết được câu chuyện này đúng đến mức nào, hay đã bị bóp méo theo vô thức của đám đông. Vô thức và thời gian. Chúng ta không bao giờ biết Oscar có phải là nạn nhân của một sự thông đồng, một liên minh ghen tị, một sự bức hại… Hay một vụ tống tiền, sao lại không chứ…

Có vài tiếng huýt gió trong phòng.

— Phải, tôi nhấn mạnh, một môi trường đầy những binh lính thù nghịch. Trong đó ông Ralph Finn, nhân chứng duy nhất của chúng ta, người khơi mào mọi lời buộc tội, là ví dụ tốt nhất. Chẳng phải ông sao, ông Finn, một trong những tay lính bị Lucky mê hoặc? Viên trung úy đầu tiên, người bạn tốt nhất của ông. Nhưng cũng là một tay lính bực tức, hằn học, thù oán những người khác. Có phải vậy không, ông Finn? Hay tôi nên gọi ông là Thẩm Du?

Một vài tiếng cười hiếm hoi vang lên trong số cử tọa. Các cựu binh của trung đoàn số 9 thấy việc dùng biệt danh đó thực sự là sự sỉ nhục. Thậm chí họ thấy tay luật sư này đã trở thành một tên đểu cáng khi tiết lộ biệt danh đó một cách công khai. Mà quên mất rằng chính họ là những người đã nghĩ ra biệt danh đó!

Robin Le Gris tránh ánh mắt của Ralph Finn và Alice Queen. Ông ta không thích chơi mấy trò bạo dâm lắm. Nhưng khi cần thì…

— Môi trường thù nghịch, – ông ta nói tiếp, – thù nghịch đến mức, khi

vụ việc này xuất hiện trở lại, Oscar bị đẩy đến chỗ phải tự sát thay vì chống trả.

Có những tiếng huýt gió to trong phòng xử. Thật quá quắt. Chính họ, những cựu binh, giờ lại bị buộc tội giết người! Thẩm phán ho sau chòm râu và thấy bực mình. Ai nấy trật tự trở lại.

— Đó là những vụ việc trong chiến tranh, – Le Gris nói tiếp, vẻ hài lòng thấy rõ trước hiệu ứng mình tạo ra. – Người nào thời nay, ở quá xa thời đó, có thể phán xét chúng? Thậm chí ai có thể hiểu được chúng? Kỷ niệm nào có thể được khẳng định là khách quan, sau thời gian dài như vậy? Còn có một sự sỉ nhục khác, hỡi ôi… Sau khi con thú nằm đo đất, bị lũ chó săn tóm được, người ta sẽ đổ mọi tội lỗi xấu xa lên nó! Nó sẽ không thể tự vệ được nữa. Oscar Arlington đã thà tự trừng phạt mình. Nhưng điều đó là chưa đủ với lũ chó rừng.

Có tiếng ghế và tiếng răng nghiến ken két trong phòng xử.

— Trái lại, ta sẽ tranh thủ chuyện đó, đổ cho nó tất cả mọi tội ác. Tệ hơn, tất cả mọi tai nạn trên đời! Alan Woe bị một tay lái ẩu đâm vào? Không nghi ngờ gì nữa, chính là do ông ấy! Ông ấy sẽ chẳng thể đến đây mà nói ngược lại được! Một chiếc xe tải tông vào vị thám tử, ba tháng sau khi ông ấy chết… Chắc lại là ông ấy nhỉ, trỗi dậy từ hư không để tháo phanh tay giữa phố? Sự vô hình hẳn sẽ giúp các hồn ma làm việc dễ dàng hơn… Và vụ sát hại Kennedy, cũng do Oscar Arlington phải không?

Phòng xét xử ồn ào. Thẩm phán gõ hai tiếng búa.

— Hoàn toàn chẳng có gì có thể khiến ta nghĩ Oscar Arlington là kẻ giết người. Chẳng có gì chứng minh ông ấy đã gặp Alan Woe ngày 6 tháng Năm năm 1964 đó. Đêm hôm sau ông ấy ngủ cách nơi đó sáu dặm. Giống như hàng nghìn con người khác. Hàng nghìn con người lái ô tô vào ngày hôm

sau, dưới mưa… Và ngay cả nếu Oscar Arlington gặp Alan Woe ở Blue Hill, nếu họ đã thảo luận, về vụ việc này, hoàn toàn có khả năng họ đã tạm biệt nhau trong êm thấm… Rồi Oscar Arlington về lại khách sạn…

— … dưới một cái tên giả! – có ai đó trong phòng xử hét lên.

Thẩm phán tỏ vẻ thực sự bực mình.

— Rồi Oscar Arlington trở về khách sạn, – luật sư tiếp tục, – và Alan Woe bị một tay lái ẩu đâm vào, trên con đường nổi tiếng là nguy hiểm, trong điều kiện thời tiết tồi tệ. Một vụ tai nạn như thế, hỡi ôi, có hàng nghìn vụ xảy ra đất nước này mỗi năm. Trung bình cứ ba phút có một vụ. Ít nhất năm người đi bộ trên đất nước này đã chết do ô tô đâm trong lúc tôi đang biện hộ. Ai gây ra những vụ đó? Oscar Arlington?

Thẩm phán chăm chú nhìn những người hay rống lên, Barry Monroe và vài người khác, mà ông đã tìm ra trong số cử tọa. Ông vẫn giữ yên lặng. Le Gris tiếp tục:

— Tôi thành thật nói với các vị điều này. Cứ phán xét Oscar Arlington nếu các vị muốn, nếu các vị cảm thấy mình quyền lực, vì một lời hứa hẹn diễn ra trong những điều kiện mà, may mắn thay, chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được và vượt quá lý trí của chúng ta. Nhưng đừng buộc tội giết người cho một người không còn có thể tự vệ, chỉ với việc kết nối vài sự trùng hợp, một giả thiết không chắc chắn và một tội *có tính chất tồi tệ.* Tôi xin cảm ơn các vị.

Thẩm phán Carteron thôi tập trung chú ý. Cử tọa tin mình được phép thể hiện sự không hài lòng. Ông không cấm họ!

Như vậy chứng tỏ mình đã làm tốt, Robin Le Gris tự nhủ. *Mình đã chọc tức họ, mấy tên nông dân! Mình sẽ thua vụ kiện này, nhưng không thể nói mình đã ngã xuống mà không chiến đấu!*

Thời gian chờ tòa tuyên án dài lê thê và nặng nề. Hai đối thủ chính, Emilia Arlington và Alice Queen, vẫn lãnh đạm, hoàn toàn tương phản với tất cả những người khác ít nhiều có liên quan, người thì bồn chồn, người thì bực dọc, như thể cuộc đời họ phụ thuộc vào lời tuyên án.

Sau cùng tòa cũng tuyên án. Thẩm phán Carteron đọc bản án bằng giọng đều đều. Ông công nhận cuộc trao đổi vị trí trong cuộc tấn công Mũi Guillaume, giữa Oscar Arlington và Lucky Marry, đã xảy ra, với số tiền 1,44 triệu đô-la. Do vậy, gia đình Arlington bị tuyên án phải trả cho Alice 1,44 triệu đô-la bồi thường và lãi theo tỷ lệ lạm phát hai mươi năm nay. Tòa để các quan chức quân đội quyết định có tước bỏ các danh hiệu và huân chương của Oscar Arlington hay không. Ngược lại, không ghi nhận cáo buộc giết người nào đối với Oscar Arlington.

Chúng ta thoát nạn không quá tệ, Robin Le Gris nghĩ.

Cử tọa như vỡ òa. Một số người chạy ngay đến chỗ Alice, một số khác vây quanh cha mẹ của Lucky, vài người tinh quái hơn, chạy ra ngoài đầu tiên để xuất hiện trước micro và camera.

1,44 triệu đô-la! Lại còn cộng thêm tiền lãi nữa! Đây không còn là tòa án, đây là sân khấu trò chơi truyền hình mà khán giả ùa vào sau khi nữ thí sinh giành được khoản tiền thưởng khổng lồ.

Một tia sáng ánh lên trong mắt Alice, như một niềm vui rất lớn trong lòng, một sự mãn nguyện. *Rốt cuộc,* Robin Le Gris tự nhủ, *nỗi buồn của cô gái đó trong phiên tòa, có lẽ chỉ là sự lo lắng. Cô ta đã thắng. Cô ta có vẻ nhẹ nhõm.*

Trái lại, bà Arlington thì không như thế…

Sau phòng xử án thù nghịch, Le Gris nghĩ, *mình còn việc khó khăn nhất: đối mặt với con chó bull!*

← Trận huyết chiến diễn ra từ ngày 26 tới ngày 29 tháng Mười một 1812, trong cuộc chiến tranh Pháp–Nga. Ban đầu quân Pháp chiếm được Moscow, nhưng sau đó quân du kích Nga tấn công dồn dập khiến quân Pháp phải rút lui.

44 PHIÊN BẢN CỦA ARLINGTON

13 tháng Một 1965, tòa án Foggy Bottom, Washington

Phòng xử án dần thưa người, Robin Le Gris tiến lại chỗ nữ thượng nghị sĩ và nói vài lời an ủi.

— *Ông quá tệ,* bà Arlington xẵng giọng. *Ông thật sự quá tệ, Grey!*

Vì sao mụ già này biết họ thật của ông ta là Grey, chứ không phải Le Gris? Chuyện này càng khiến vị luật sư bực mình thêm một chút. Không bàn đến thói gàn dở đáng ghét của mụ ta là không bao giờ gọi ông ta là *luật sư.* Mụ đàn bà này có khả năng luôn tìm ra từ ngữ chính xác để khiến người ta ghét mình.

— Trong chuyện gì, thưa bà? – ông ta cũng trả lời được với thái độ kiềm chế chuyên nghiệp.

— Ông quá tệ vì ông không tin tôi. Ông nghĩ tôi đã nói dối ông! Phần biện hộ của ông không thành thật, ông không đáng tin cậy… Chuyện đó thấy rõ!

— Nhưng, bà Arlington…

Trong túi áo, khuất tầm nhìn, các ngón tay vị luật sư đang vò một cục giấy, lần này là các ghi chép của vụ kiện trước khi biện hộ.

— Chúng ta đã thỏa thuận là biện hộ không có tội. Chỉ có vậy!

— Đó là điều tôi đã làm…

— Không! Ông đã cố ý chọn hy sinh danh dự người lính của con trai tôi để tránh cho nó bị kết án là kẻ giết người.

— Tôi đã làm không tốt ư? Danh dự người lính của con trai bà khó mà…

— Đủ rồi, Grey!

— Nhưng cuối cùng, tất cả mọi người…

— Với khoản thù lao mà ông nhận được, tôi không ngờ rằng ông sẽ suy nghĩ như mọi người! Và thôi lấy ngón tay vặn vẹo cái gì đó như thằng nhóc bị phạt đi. Nếu ông căng thẳng thì hãy hút thuốc, ra dáng lên xem nào!

Robin Le Gris bị chỉnh đốn gay gắt. Ông ta ảo tưởng mình có thể kiềm chế được trong mọi hoàn cảnh. Nhưng mụ Arlington độc mồm này thách thức thần kinh ông ta tột độ.

— Đây là vụ đầu tiên tôi thua từ bảy năm nay, – vị luật sư trả lời bình tĩnh nhưng vẫn không thôi vầy vò tờ ghi chép thành cục. – Nếu như từ trước bà nói cho tôi toàn bộ sự thật…

— Sự thật ư, Grey? Tôi hy vọng ông đủ tinh tế để hiểu ra mà không cần tôi phải kể! Ông đã nhận ra, hy vọng là thế, rằng tôi sẽ không bao giờ thú nhận công khai rằng một người nhà Arlington có thể cư xử hèn nhát trong một trận chiến… Rằng một người nhà Arlington có thể bán mạng mình! Ngay cả khi tất cả mọi việc chứng minh điều ngược lại, tôi vẫn sẽ tiếp tục phủ nhận. Đây là vấn đề danh dự! Cái họ Arlington này, Jonathan chồng tôi

đã giao phó cho tôi khi ông ấy qua đời. Nhiệm vụ duy nhất của tôi trên cõi đời này là giữ cho nó được trong sạch! Tôi có thể nói với ông rằng ngày mai tất cả các vị tướng đến nhà tôi rửa táo từ hai mươi năm nay sẽ được triệu tập và họ sẽ không hứng thú gì việc cố tước bỏ bất cứ huân chương nào dù là nhỏ nhất của con trai tôi! Sự thật đấy, luật sư Grey ạ! Sự thật mà tôi muốn thấy được bảo vệ trong phiên tòa này! Không phải là quá khó hiểu đối với bộ óc siêu phàm như của ông đấy chứ. Con rắn độc Alice Queen đó đã quá hiểu điều ấy, cô ta…

— Nhưng, – vị luật sư tự vệ, – dù sao bà cũng phải thừa nhận, bà Arlington, vụ việc của bà không thể bảo vệ được! Trừ phi bà hối lộ được tất cả mọi người. Các tình tiết đều rõ như ban ngày!

— Các tình tiết ư?

Emilia Arlington cảm thấy, một việc hết sức hiếm hoi, bà bắt đầu mất kiểm soát bản thân.

— Các tình tiết, ông nói vậy ư, Grey?

Emilia Arlington suy nghĩ hồi lâu, rồi dường như phải đưa ra một quyết định rất đau đớn với bản thân. Chỉ còn lại họ trong phòng xử án, nhưng không ai yêu cầu họ ra ngoài. Có vẻ nhân viên chấp hành ở tòa không dám làm phiền họ. Bà thượng nghị sĩ ngồi xuống và mời Robin Le Gris làm theo.

— Grey, ông có muốn tôi thổ lộ với ông như với một cha xứ?

Le Gris gật đầu xác nhận.

— Vậy ông sẽ được biết sự thật. Nhưng hãy biết rằng nếu ông nói về chuyện đó với bất kỳ ai…

Le Gris coi lời đe dọa là nghiêm túc, nhưng vẫn nhún vai để tỏ ra chuyên nghiệp.

— Cho đến tận bây giờ, – bà thượng nghị sĩ bắt đầu, – tất cả mọi người đều coi rằng trong chuyện nợ nần này, con trai tôi chưa hề trả đồng nào cho Alice Queen. Và do vậy Alice Queen chưa hề nhận được chút gì! Đó là chìa khóa của vấn đề, phải không? Nhưng điều gì chứng minh cho chúng ta điều đó, rằng đó là sự thật?

— Ừm…

Vị luật sư chưa hề nghĩ đến chuyện này.

— Ừ thì, – ông ấp úng, – lời của Alice…

Robin Le Gris nhận ra lập luận của bà thượng nghị sĩ không hề ngu ngốc. Ông ta tự hỏi có thể đẩy nó xa đến đâu.

— Phải, lời của Alice, và chỉ mình cô ta… Nếu ngược lại, ta cho rằng Oscar đã trả món nợ của mình vào năm 1945, nó đã trả cho con oắt Queen đó, ta có thể hình dung ngày hôm nay cô ta quay trở lại để đòi hỏi lần cấp tiền thứ hai không dự kiến trong giao kèo. Tăng gấp đôi khoản tiền: 1,44 triệu đô-la, đó là một khoản tiền lớn!

— Ta có thể hình dung như vậy… phải… nhưng…

— Luật sư Grey! Hãy nghe kỹ những gì tôi sắp nói với ông! Ông là người đầu tiên tôi tiết lộ. Năm 1945, con trai tôi đã rút 1,44 triệu đô-la, tiền mặt, từ tài khoản cá nhân! Tôi không thể ngăn nó làm chuyện đó, tôi chỉ có thể kiểm tra tài khoản. 1,44 triệu đô-la! Nó luôn từ chối nói với tôi vì sao. Nó kể cho tôi một câu chuyện kỳ quặc về sưu tầm ô tô, hoàn toàn không có thật, về sau tôi đã kiểm tra. Nhưng ngược lại, tôi không hề khó khăn khi tìm hiểu và tìm ra những chuyện ngồi lê đôi mách của đám lính biệt kích. Oscar xử sự một cách hèn nhát trong chiến tranh, nó đã mang một món nợ. Nhưng

sau khi trở về, nó đã trả khoản nợ cho con bé Queen đó! Chuyện này được ghi lại giấy trắng mực đen trong tài khoản gia đình của chúng tôi! Ông có thể kiểm tra!

Lạy Chúa, Le Gris nghĩ. *Làm sao bà ta có thể kể cho mình một câu chuyện như thế nếu đó không phải là sự thật? Bà ta được gì từ chuyện này? Không, chẳng có lý do gì để đây không phải sự thật…*

Ông ta nhìn quanh phòng xử án. Không có ai cả! Ông ta bắt đầu hối tiếc vì đã đòi hỏi sự thật, việc là người duy nhất biết các tài khoản bí mật của nhà Arlington không làm ông ta yên tâm.

— Vì sao bà không hề nhắc đến chuyện đó? – vị luật sư hỏi. – Với thẩm phán, chẳng hạn…

— Thừa nhận Oscar đã trả món nợ, nghĩa là thừa nhận nó có một món nợ. Một món nợ danh dự… Một vết nhơ danh dự với gia đình chúng tôi. Vết nhơ đó, tôi đã và sẽ luôn phủ nhận, như tôi đã nói với ông, Grey, ngay cả khi ông ném trước mũi tôi những bằng chứng rõ rành rành! Tôi sẽ không bao giờ có thể công khai thừa nhận rằng một người nhà Arlington đã dùng tiền đổi lấy mạng sống của mình, lại còn vào thời chiến, lại còn là người thừa kế duy nhất của nhà Arlington! Con trai tôi! Tôi không biết ông có thể hiểu điều đó không, Grey?

Bởi vì tôi, luật sư nghĩ, *họ thật của tôi, tôi đã xấu hổ đến nỗi phải đổi nó ư? Đó là điều bà muốn nói sao, bà già?*

— Vậy bà khẳng định Alice Queen đã có món tiền lớn đó vào năm 1945. Như vậy có vẻ…

— Hãy thử, Grey ạ, hãy thử tóm tắt lại câu chuyện này và chỉ thay đổi một chi tiết nhỏ: con trai tôi thực sự đã trả món nợ của nó vào năm 1945. Chuyện đó không làm vụ việc thêm phức tạp, ngược lại, rất nhiều thứ vì thế

mà trở nên rõ ràng. Ngay sau chiến tranh, Alice đến Úc trong nhiều năm… Thật kỳ lạ, phải không? Vì sao lại lên đường đột ngột như thế? Vì sao lại chạy trốn cha mẹ Lucky, tất cả bạn bè anh ta, trong thời điểm tuyệt vọng như thế? Phải chăng cô ta đã biến mất đến Úc… sau khi nhận được 1,44 triệu đô-la? Đó là lý do cụ thể giải thích chuyển ra đi vội vã ấy. Sẽ dễ dàng hơn khi tiêu xài món tiền đó một mình. Biến mất đến một nơi xa, bản thân thì giàu có, để lặng lẽ tạo dựng một cuộc sống khác, khuất mọi ánh nhìn… Ngoài ra, chẳng có gì chứng minh, ngoại trừ lời nói của cô ta, là cô ta đã thực sự ở Úc trong chừng đó năm. Có thể đơn giản cô ta đã chi tiêu số tiền của mình trên khắp nước Mỹ!

Sự sợ hãi tan biến chút ít. Giả thiết bắt đầu kích thích trí tò mò của Le Gris một cách thú vị.

— Rồi sau đó?

— Mười lăm năm sau, cô ta trở lại. Có lẽ cô ta đã tiêu hết. Làm thế nào, đó là điều bí ẩn… Nhưng đó là loại con gái có thể làm nên kỳ tích ấy lắm chứ, tiêu 1,44 triệu đô-la trong vòng mười lăm năm! Khi trở lại, cô ta nhận ra rằng trong gia đình Lucky, không ai biết về số tiền của vụ giao kèo này. Cả hai nhân chứng đều không xuất hiện. Họ đã chết hoặc biến mất! Vậy thì, sao không tống tiền nhà Arlington nhỉ? Một gia đình sẵn sàng giữ lấy danh dự bằng mọi giá, để tránh cho câu chuyện này bị bại lộ, sau hai mươi năm. Alice Queen thậm chí còn không bị buộc phải bày ra vụ này dưới dạng tống tiền. Đơn giản hơn thế nhiều. Cô ta chỉ cần đóng vai cô gái ngây ngô, giả vờ mình chưa bao giờ nhận được gì và đòi hỏi trả nợ. Cô ta tạo sự tin tưởng khi quay về Pháp, giữa đám lính biệt kích. Nếu không, tại sao lại quay lại đó? Đương nhiên, khi cô ta công khai danh tính, người ta sẽ dâng ngay cho cô ta câu chuyện trao đổi số, và cô ta chỉ việc giả vờ ngạc nhiên, một nạn nhân ngây thơ. Thế là mọi người sẽ ngay lập tức về phe góa phụ bị lừa dối chống

lại nhà Arlington bội ước. Kế hoạch được dàn dựng rất tốt, không có điểm yếu. Cô ta biết mình quyến rũ, thêm nữa, con rắn độc đó, cô ta thực sự sở hữu tài năng đóng vai góa phụ sướt mướt. Những phụ nữ xinh đẹp tới nỗi không thể không an ủi…

— Thái độ như vậy sẽ không ngăn cô ta trở thành một góa phụ sướt mướt chân thành, – Le Gris gợi ý. – Trở thành một góa phụ thực sự nguyền rủa sự mất mát của nhà Arlington. Chuyện đó giải thích việc cô ta mạo hiểm. Bắt Oscar Arlington trả tiền, không bao giờ tha thứ cho cậu ấy, bắt cậu ấy trả tiền tiếp…

— Có thể… Ông cũng dành cho cô ta những cảm xúc rất thơ mộng! Đừng quên, Grey ạ, ông cũng thế, ông cũng bị cô ta quyến rũ. Đừng chối… Tôi đã quan sát ông trong phiên tòa. Kể cả Carteron, lão già bẩn thỉu đó, cũng nhìn cô ta với ánh mắt âu yếm! Vậy nên đừng tìm cách bào chữa cho cô ta. Với vẻ ngoài như diễn viên ngôi sao và số phận của nữ anh hùng, cô ta có thể dắt mũi bất kỳ người đàn ông nào. Một cách mù quáng! Ông đã quỵ gối trước cô ta, cả ông đấy, Grey ạ… Ngoài ra, nếu trong vụ kiện này ông làm việc tệ như thế, có lẽ chính là do sự có mặt của cô ta!

Vẫn thật chuyên nghiệp, vị luật sư không ngẩng đầu lên. Ông ta ti tiện nghĩ rằng mình sẽ còn tiếp tục móc hầu bao của bà ta đậm hơn nữa, con cú già này! Chuyên nghiệp nhưng đắt tiền! Cộng với một triệu rưỡi đô-la, vụ kiện này sẽ khiến bà thượng nghị sĩ sạt nghiệp!

— Không, Grey, cứ tin những gì ông muốn, nhưng tôi thấy cô ta là kẻ tính toán đầy mánh khóe, một diễn viên tài năng. Một diễn viên nhẫn nại. Khi diễn kịch vào tháng Sáu năm 1964, cô ta biết rằng không sớm thì muộn, mọi người sẽ tìm ra các bằng chứng, các nhân chứng… Và rằng tôi sẽ luôn phủ nhận tất cả, dù có thế nào. Rằng như thế cuối cùng cô ta sẽ thắng. Rằng tôi thà trả tiền lần nữa chứ không thừa nhận lỗi lầm của con trai

mình.

— 1,44 triệu đô-la… Là một khoản tiền khổng lồ! Bằng cách im lặng, bà đã tặng một món quà tuyệt vời cho kẻ thù tồi tệ nhất.

— Chúng tôi là gia đình khá giàu có, Grey ạ… 1,44 triệu, không phải là không có giá trị gì, đúng vậy. Nhưng không đáng kể gì trước danh dự dòng họ chúng tôi!

Cục giấy trong túi Robin Le Gris giờ đã hoàn toàn nhẵn và cứng. Ông ta lăn nó trong lòng bàn tay. Làm vậy giúp ông ta có thể suy nghĩ. Vụ này khiến ông ta liên tưởng đến trò tangram… Trò chơi ghép hình kỳ lạ của Trung Quốc với các mảnh ghép có thể tạo thành những hình thù khác nhau tùy theo cách người ta ghép chúng. Câu chuyện có vẻ thật đơn giản, thật hiển nhiên… Nhưng chỉ cần sắp xếp các sự việc theo một cách khác để tìm ra một thủ phạm khác, các yếu tố liên kết với nhau cũng vẫn rất logic. Tuy vậy, vẫn còn một khoảng tối trong phiên bản này. Điều tồi tệ nhất chưa được nhắc đến: các tội ác, các tai nạn…

— Thế còn những cái chết? – vị luật sư hỏi. Những vụ tai nạn? Đó là câu chuyện đê tiện hơn nhiều so với một vụ tống tiền đơn giản.

— Phải, Grey ạ, ông nói đúng. Điều duy nhất có thể phá hỏng kế hoạch rất trơn tru của Alice: Oscar! Bởi chỉ có duy nhất hai người được cho là biết Oscar đã trả nợ: Oscar và Alice! Oscar biến mất, Alice giữ toàn bộ các lá bài trong tay. Tất cả mọi chuyện khiến người ta nghĩ Oscar chưa bao giờ thú nhận hành vi của mình, nhất là với mẹ. Alice không thể ngờ tôi đã xem các tài khoản của con trai mình. Để cho kế hoạch của cô ta thành công, chỉ cần làm một việc: Oscar phải biến mất!

— Nhưng cậu ấy đã tự sát!

— Phải… Đúng ngay lúc Alice xuất hiện trở lại để đòi con trai tôi trả

món nợ mà nó đã trả, thì nó tự sát… Trùng hợp kỳ lạ, ông không thấy sao? Hãy nghe kỹ đây, Grey. Tôi biết con trai mình không tự sát! Một người mẹ có thể cảm nhận được những chuyện như thế. Oscar là đứa hèn nhát, tôi thừa nhận điều đó trước mặt ông, cách tôi giáo dục nó có lẽ là nguyên nhân. Nhưng nó sẽ không bao giờ tự sát. Ôi không, nó sẽ không bao giờ đủ dũng khí cả! Không bao giờ có chuyện nó tự tay bóp cò. Điều đó thì tôi biết rõ, tôi tin chắc như thế.

Cục giấy giờ đã ươn ướt trong lòng bàn tay nhớp mồ hôi của Robin, ẩm và mềm. *Mụ già không nói dối, có thể thấy rõ điều đó.*

— Oscar có thể đã bị giết? Vậy còn lá thư tự thú?

— Một thứ như bức thư đó cũng không giống với con trai tôi.

— Nhưng các chuyên gia rất dứt khoát, chính cậu ấy đã viết nó! Đó là chữ ký của cậu ấy!

— Oscar đã say, vào đêm đó. Bất kỳ ai cũng có thể tiếp cận nó, lấy súng, đe dọa để nó viết lời tự thú đó, rồi sau đó… hạ sát nó!

Le Gris vẫn hoài nghi:

— Dù sao cũng thật kỳ lạ… Kể cả khi say, mà viết những điều như *Tôi sẽ kết thúc cuộc sống này,* trước sự đe dọa của một khẩu súng, thì đó không phải là viết lời tự thú, đó là viết ra án tử nhưng lại cho kẻ sát nhân được miễn tội…

— Ai mà biết được… Hãy coi đây là một điều chắc chắn, Grey: con trai tôi không tự sát! Và người duy nhất được lợi khi giết nó là ả Alice đó. Lời tự thú của con trai tôi giống như miếng mồi… Chúng có ý rằng: “Con đã hối hận, thưa mẹ, người phụ nữ tóc vàng xinh đẹp sẽ đến gặp mẹ, cô ấy nói sự thật… Khoản tiền một triệu rưỡi đô-la mà cô ấy sẽ yêu cầu mẹ, mẹ hãy đưa cho cô ấy.” Tôi đoán Alice Queen nghĩ toàn bộ chuyện này sẽ không

dẫn đến kiện cáo, và tôi sẽ đầu hàng trước, dưới sức ép của việc tuyên bố câu chuyện. Cô ta không thể ngờ tôi đã biết trước… Nhưng ngay cả trong trường hợp ấy, ngay cả khi mọi việc dẫn đến phiên tòa, thậm chí hai phiên tòa, thì thời gian vẫn ủng hộ cô ta. Cô ta chẳng gặp rủi ro gì, không chút nào. Chúng tôi giờ là hai người duy nhất biết sự thật, cô ta và tôi, và cô ta biết tôi sẽ không bao giờ nói ra, ít nhất là nói ra công khai. Và tôi không thể làm gì chống lại cô ta… Ít nhất là, theo cách hợp pháp!

Ít nhất là, theo cách hợp pháp… Đôi mắt bà thượng nghị sĩ già ánh lên. Từ trước đến giờ, Robin Le Gris không hiểu vì sao bà đầm thép Emilia Arlington lại tỏ ra bị động trước những mánh khóe của Alice như vậy, bà ta chỉ lựa chọn im lặng. Giờ ông ta chú ý những lời lấp lửng: *Ít nhất là, theo cách hợp pháp…* Những vụ tai nạn quanh Alice Queen và Nick Hornett, chính là do bà ta! *Chết tiệt,* ông ta nghĩ. Ông ta đã dính líu đến mức nào? Nỗi sợ hãi xâm chiếm ông ta. Cục giấy trong túi nát bươm như tờ giấy bồi. Ông ta đã vò nó quá nhiều. Mọi lập luận của Emilia Arlington liên kết với nhau thật logic. Thật kinh khủng. Tuy vậy, Robin không thể tưởng tượng được Alice Queen là kẻ thủ ác, kể cả để trả thù. Sâu xa mà nói, có thể bà thượng nghị sĩ có lý, Alice có thể đã mê hoặc tất cả! *Tốt hơn mày nên quên toàn bộ chuyện này đi,* Robin suy luận. Nhưng trí tò mò của ông ta vẫn mạnh hơn.

— Thế còn Alan Woe? – vị luật sư rụt rè hỏi.

— Tôi không biết gì cả. Nhưng ta có thể đoán dễ dàng. Việc Oscar đến ngủ một đêm ở Blue Hill có thể khó hiểu, nhưng thật dễ dàng để Alice Queen dụ nó đến đó, khuyên nó dùng tên giả. Alan Woe là người thứ hai gây vướng víu cho cô ta. Có lẽ ngay từ đầu cậu ta đã biết Oscar Arlington đã trả món nợ, nếu không cậu ta đã hành động. Kể cả từ Normandie, cậu ta

cũng có thể làm rùm beng! Cậu ta là người trung thực và quyết đoán! Hẳn cậu ta sẽ không đợi hai mươi năm mới đột ngột quay lại Mỹ rồi đăng những mẩu tin vặt viết hú họa rằng Oscar chưa trả gì hết! Tại sao không nói gì suốt từ 1945 rồi lại ập đến vào năm 1964? Ý này không ổn. Vậy mà còn bảo rằng đó là luận điểm chính thức! Không, Alan Woe quay về Mỹ, chính xác vào tháng Sáu 1964, đúng lúc Alice Queen thực hiện kế hoạch, bởi vì cậu ta phản đối ý tưởng đó: bắt nhà Arlington trả khoản tiền lớn kia lần nữa. Có thể cậu ta biết tin đó từ một tay lính biệt kích, có thể Alice Queen đã cẩn thận liên lạc với cậu ta? Con rắn độc đó có lẽ đã cố thuyết phục cậu ta. Bằng sự quyến rũ. Bằng tiền. Và để kết thúc bằng thanh chắn sốc của ô tô…

— Cô ấy còn không biết lái xe…

— Đấy là cô ta nói thế! Có gì chứng minh nào?

— Còn những mẩu tin vặt mà Alan Woe cho đăng, những mẩu tin tuyên bố Oscar Arlington chưa hề trả tiền?

— Có gì chứng minh là Alan Woo đã cho đăng chúng? Lại một bằng chứng dễ dàng tạo ra, và thật đúng lúc!

Bà Arlington có câu trả lời cho mọi việc. Hiển nhiên, nếu bà ta nói sự thật, nếu Oscar thực sự đã trả món nợ vào năm 1945, thì phiên bản của bà ta là phiên bản duy nhất khả dĩ.

. Robin Le Gris bị thuyết phục rằng bà Arlington đã nói với mình sự thật. Bà ta chẳng có lý do gì để nói dối ông ta. Vậy là có lẽ Alice Queen đã giật dây tất cả, ngay từ đầu. Có lẽ cô ta đã quyết tâm làm vậy, với sự quyến rũ và thông minh cần thiết. Tuy vậy, có hai điều không ăn khớp với Alice trong chuyện này: bạo lực và lòng hám tiền. Có lẽ còn có thứ gì khác.

Một câu chuyện lạ đời… Hấp dẫn, đương nhiên, nhưng thực sự quá tàn

nhẫn với ông ta.

— Vậy giờ, – vị luật sư hỏi để kết thúc, – bà sẽ làm gì?

— Trả tiền… vì tòa án đã quyết định như thế… Trả tiền… rồi bóp cổ Alice Queen bằng chính đôi tay tôi!

45 KÈN HIỆU CỦA NHỮNG BÓNG MA

14 tháng Một 1965, bệnh viện Hahnemann, Washington

Alice bước vào phòng 668, phòng của Nick, giấu mặt sau một bó hoa lớn!

— Hoa, Nick ạ, để mừng chiến thắng của chúng ta! Tôi sẽ mang thêm hoa nữa cho anh. Hoa đầy phòng… Để bông hoa súng của anh phải thấy ghen tị!

Nickkhông giật mình. Anh vẫn dính chặt người trên giường, nhưng mặt và tay trái của anh đã cử động được hoàn toàn từ một tuần nay. Alice gọi điện ngay hôm qua cho anh để thông báo phán quyết của tòa án, nhưng cô không được phép đến thăm anh trước sáng nay. Căn phòng bệnh viện rộng và sáng, với vách ngăn y tế và những cái tủ lớn. Quả là một căn hộ nhỏ đích thực! Đây là kiểu phòng dành cho những bệnh nhân lưu trú dài ngày.

Nick có vẻ nghĩ ngợi. Anh đón nhận chuyến ghé thăm của Alice với nụ cười miễn cưỡng.

Mọi chuyện kết thúc rồi, Nick… Chuyến phiêu lưu diệu kỳ đã đến hồi

kết. Nó đã kết thúc tốt đẹp. Vậy nên hãy cười lên, tươi vui, rạng rỡ lên đi!

— Nick?

Thật ra, cô ấy đã nói với mày lúc đi vào. Về hoa súng, có vẻ thế… Phải phải, đôi tai nhựa không đánh lừa mày. Cô ấy nói về hoa súng!

— Xin lỗi, Alice? Hoa súng nào cơ?

— Anh chưa đọc Boris Vian bao giờ à?

— Chưa… Tuy vậy, Chúa biết rằng tôi đang bắt đầu, với văn học Pháp… Tôi đảm bảo với cô! Bệnh viện ít nhất cũng phục vụ tôi thứ đó. Hai giờ mỗi tối, một giờ buổi sáng. Simenon giúp tôi ngủ, các cuốn truyện tranh Tintin giúp tôi tỉnh giấc. Chưa đến Balzac hay Proust, nhưng tôi đang đắm chìm dần dần.

Alice mỉm cười.

— Tôi mới là đứa ngốc, *Bọt tháng ngày* chắc chưa được dịch ở Mỹ. Dẫu sao, tác phẩm đó cũng không thể dịch. Kể cả nếu có dịch, thì với người Mỹ nó cũng không thể hiểu nổi.

— Phải luôn thử… Tôi đã không xem một trận bóng đá nào ba tuần nay! Tôi đang từ từ tự giải độc. Chuyện về hoa súng đó là như thế nào?

— Đó là một ẩn dụ. Ẩn dụ về bệnh tật… Theo Boris Vian, phải mang đến cho người bệnh nhiều hoa để khiến hoa súng ghen tị và ngừng mọc. Nhân vật chính, Colin, đã sạt nghiệp vì mua hoa để cứu Chloé, vợ mình, cô có một bông hoa súng mọc trong phổi.

— Brừ… Thế câu chuyện kết thúc thế nào?

Alice do dự giây lát.

— Cũng ổn… Cũng ổn…

Cô đặt bó hoa khổng lồ xuống cạnh giường.

— Tôi để các y tá của anh lo phần trang trí trong phòng, cô nói với giọng tươi vui nhất có thể. Nick, anh biết rồi chứ, chúng ta đã thắng!

— Ừ phải! Tôi chẳng đã nói với cô từ đầu còn gì?

— Phải… Mọi chuyện đi tới đích được là nhờ anh! Nick… Tôi có thể trả anh ngay bây giờ. Hãy yêu cầu những gì anh muốn…

Giá mà tôi dám!

— Không phải vội đâu, Alice. Không phải vội… Với lại, vẫn còn vài điều bí ẩn. Công việc của tôi vẫn chưa xong hoàn toàn. Vì sao Alan Woe lại trở về Mỹ vào mùa hè 1964 vừa rồi? Ai đã cố giết chúng ta, hay đúng hơn là cố giết *cô,* Alice? Vẫn còn việc phải làm.

— Chuyện đó không quan trọng, Nick ạ.

— Đúng là không quan trọng. Nhưng chuyện đó khiến tôi hơi do dự khi liên tục đổ hết mọi chuyện lên cùng một người, Oscar Arlington.

Alice có vẻ ngạc nhiên. Cô ngồi xuống chiếc giường bệnh viện, giữa bó hoa và Nick.

— Như thế nào cơ?

— *Haro sur le baudet,* Nick trả lời với giọng Pháp gần chuẩn.

— La Fontaine à? – Alice ngạc nhiên. – *Các loài vật phải bệnh dịch hạch!* Về văn học Pháp thì anh đã qua giai đoạn Tintin rồi đấy!

— Không, đó là một kỷ niệm thời niên thiếu… Năm duy nhất tôi học tiếng Pháp, thời cấp ba: một cô giáo hắc ám bắt chúng tôi phải học thuộc lòng toàn bộ các bài thơ. Những bài thơ chúng ta không hiểu ngay, nhưng còn lại mãi trong tâm trí.

Tên dối trá bẩn thỉu! Mày có dám nói với cô ấy tối qua mày mất hai tiếng để học thuộc lòng bốn từ chết tiệt đó không. Và mày còn suýt quên mất chúng lúc thốt ra!

— Tuyệt vời, Nick! Nhưng có một thứ tôi không hiểu: chúng ta mất năm tháng để tóm Oscar Arlington và giờ, tôi có cảm giác như anh đang bảo vệ hắn.

Cô ấy nói đúng, mày đúng là tên gàn dở. Đây không còn là lương tâm nghề nghiệp, đây là chứng loạn thần. Đừng cố nữa, Nick, đừng cố kéo dài thêm. Kết thúc rồi, cuộc điều tra này! Kết thúc rồi!

— Tôi biết… Nhưng tôi muốn đi đến cùng mọi việc. Tôi hơi do dự khi dồn tội lỗi cho một người đã tự sát. Trong tình trạng suy nghĩ hiện tại của tôi, nói thật lòng, tôi thấy Emilia Arlington đã thoát đẹp. Bà ta sẽ có quyền rút lui trong huy hoàng như một người phụ nữ tiết hạnh thất vọng vì số phận bi thảm của con trai mình. Không phải lo lắng gì! Tuy vậy, ai có thể muốn giết chúng ta, ngoại trừ bà ta? Tôi tự hỏi bà ta giật dây tới mức nào trong chuyện này, ngay từ đầu. Vụ tai nạn của Alan Woe và mọi chuyện khác. Con trai bà ta chỉ là con rối, không có một chút ý chí nào, ai cũng biết điều đó. Thậm chí có thể hắn, cậu con trai, không có nhiều lựa chọn, khi câu chuyện bắt đầu được chú ý… Có thể đích thân người mẹ đã đặt khẩu súng công vụ vào tay hắn hôm hắn về nhà trong trạng thái say xỉn.

— Nick, giờ ta mặc kệ hết đi! Người nhà Arlington ai cũng như nhau thôi. Những gì tôi quan tâm, là nhờ anh, Lucky đã không chết vô ích: họ đã trả khoản nợ với anh ấy!

— Phải, tôi biết… Cô là người chỉ huy. Nào, vụ Arlington đã đóng lại. Chắc cô rất muốn dọn dẹp hồ sơ, lên trên giá, tít trên cao…

Giọng nói có vấn đề, Alice nhận ra.

— Có chuyện gì vậy, Nick?

Vậy đấy, đến lúc rồi…

— Giờ cô sẽ làm gì, Alice?

— Tôi không biết.

Chỉ một lần, một lần duy nhất và cuối cùng, tình yêu của tôi, đừng coi tôi là tên ngốc!

— Có chứ, cô biết chứ! Cô không phải người do dự trước khi đưa ra quyết định. Cô biết. Cô biết chứ, và điều làm tôi buồn, là cô không muốn nói với tôi điều đó!

— Tôi vẫn chưa quyết định. Nhưng Lison Munier đã mời tôi đến Normandie. Tôi rất muốn gặp cô ấy. Ở lại đó một thời gian… Khi anh ổn hơn, Nick ạ.

Alice hơi ngập ngừng đứng lên rồi nhặt bó hoa để cắm vào lọ gần cửa sổ. Nick nhìn động tác của cô.

Cô ấy đã khép mình. Như con hàu. Vĩnh viễn.

Chỉ một thoáng chốc, ta tưởng cô ấy sẽ trở lại đường đời, nhưng không, thế là chấm hết những cái nhăn mặt và tiếng cười rộn ràng. Vĩnh viễn.

Vì sao? Mày sắp biết rồi, Nick ạ. Mày là thám tử, người dùng đầu óc, hãy chứng tỏ sức mạnh trong việc phân tích của mày:

Giả thiết 1: cô ấy đang thực hiện một nhiệm vụ lạ lùng, nhưng chỉ tạm thời, giữa thế giới của người sống, để tưởng nhớ Lucky. Nhiệm vụ của cô ấy đã hết, đương nhiên cô ấy sẽ quay về với những bóng ma của mình. Chào, Nickie! Đừng phải lòng ai đó không phải người trần!

Giả thiết 2: cô ấy đang đi trên đường đời, chậm rãi, cô ấy đang học lại.

Cô ấy cần thời gian, bình tĩnh, không phải những cú sốc, sự khéo léo của một chuyên gia về cuộc đời, mày, Nick già… Chuyện đó có thể xảy ra lắm chứ, nếu mày không bị xe tải đâm vào mặt còn Alan không bị ô tô đâm vào lưng. Sự gục ngã lần thứ hai thật dữ dội, chết chóc… Chào, Nickie! Đừng đóng vai anh hùng!

Giả thiết 3: người đẹp đã, đang và sẽ mãi dị ứng với cuộc đời. Cô ấy chỉ miễn cưỡng phải mỉm cười vài cái, liếc mắt và nhăn mặt một cách có tính toán, để giăng lưới một nhà điều tra tận tụy mà sau đó cô ấy sẽ bỏ rơi. Chào, Nick! Đừng đóng vai lũ bồ câu!

Alice đã cắm xong hoa vào lọ. Cô đặt lọ hoa lên chiếc bàn nhỏ trước cửa sổ rồi ngắm qua lớp kính quang cảnh buồn bã của vùng ngoại ô phía Bắc Washington.

Nick tiếp tục suy nghĩ:

Không, giả thiết 3 thật nực cười. Xùy, bỏ đi! Giả thiết 2 thật quyến rũ… Nhưng mình thiên về giả thiết 1: tiếc thật, Nick già, mày đã và sẽ không bao giờ có cơ hội nào với nàng!

— Tôi đã khỏe hơn rồi, cô biết đấy, – Nick nghe thấy mình nói vậy.

Alice quay lại và lại ngồi xuống giường.

— Cô tự do, Alice. Rốt cuộc, nếu tôi có thể nói vậy. Vì cô chưa được giải phóng khỏi những bóng ma của cô… Vụ này chỉ là một dấu ngoặc, một kỳ nghỉ ngắn trong thế giới người sống. Giờ đây, họ, những bóng ma của cô, sẽ quay lại tìm cô, họ sẽ níu chân cô. Họ đang gióng kèn hiệu… Và giờ tôi là người đắm đuối với một con người sắp biến mất.

Alice nhẹ nhàng nắm bàn tay trái của Nick, bàn tay duy nhất hoạt động, trong tay mình.

— Nick, mọi nụ cười của tôi đều miễn cưỡng. Không một biểu hiện vui vẻ nào là tự nhiên. Tôi cũng từng thoáng tin vào nó, vào cuộc đời sẽ bắt đầu lại, như động cơ của một chiếc xe cũ bị vứt bỏ. Nhưng không, nó đã kẹt ở cái gờ đầu tiên. Từ giờ trở đi, niềm vui của tôi chỉ là đóng kịch, nếu có thể nói như vậy… Và tôi không muốn nói dối anh, Nick ạ. Ta không xây dựng tình yêu trên những cảm xúc giả tạo. Hoặc tôi sẽ nói dối anh, hoặc tôi sẽ khiến anh đau khổ. Tôi nên trở về với những bóng ma của mình, Nick ạ, một khoảng thời gian, ít nhất là thế…

Đừng rụt tay lại, Alice, hãy để tôi mơ thêm một chút.

— Nào, – Nick nói. – Hãy chuyển lời chào tới những bóng ma của cô từ một người bạn là tôi… Thỉnh thoảng hãy thương lượng để được ra ngoài. Hãy làm cuộc sống của họ trở nên khó khăn. Đừng nhượng bộ gì cả!

— Nick, cười với tôi đi, một nụ cười thật lòng. Vụ này kết thúc rồi, nhưng nó kết thúc tốt đẹp mà, phải không?

— Tất nhiên, cô nói đúng… Cảm xúc thật lạ, khó mà bày tỏ. Hãy nói đơn giản rằng *trong tim tôi có một chiếc cầu vồng.* (Nick cũng đọc những từ này bằng tiếng Pháp.).

Hãy trân trọng, Alice, đây là cuộc chiến danh dự của tôi!

— Hay quá, Nick, – Alice vừa nói vừa nắm chặt hơn bàn tay vị thám tử. – Một chiếc cầu vồng trong tim. Hình ảnh của mưa và nắng hòa trộn với nhau. Vẫn là cô giáo hắc ám môn tiếng Pháp thời cấp ba à?

Cô ấy chưa bao giờ tồn tại, Alice ạ. Tôi nghĩ ra cô ấy để lòe cô thôi. Cô giáo tiếng Pháp hắc ám duy nhất tôi biết, chính là cô!

— Không. Nhưng tôi biết một ngày nào đó tôi sẽ bắt được cô, Alice ạ. Phải xem lại vốn văn học cổ điển của cô: *một chiếc cầu vồng trong tim,* Tintin, truyện *Bông sen xanh.* Trang cuối. Khi Tintin chia tay Tchang.

Alice nhẹ nhàng siết chặt tay Nick trong đôi tay mình.

— Nick, giấc mơ điên rồ nhất của anh là gì? Ý tôi là giấc mơ thuở bé… Nào, không suy nghĩ…

Chà…

— Không, không được nghĩ trước khi trả lời. Chỉ một lần thôi!

— Chà…

— Nào, nhanh nào. Không được nghĩ, tôi nói rồi!

— Cô muốn biết đấy nhé. Giấc mơ yếu đuối lắm, tôi nói trước. Những giấc mơ xa xưa nhất của tôi, là mở một văn phòng quốc tế truy tìm phả hệ, đặc biệt là những gia đình nổi tiếng nhất. Một văn phòng nơi những công chúa, những ngôi sao, những người thừa kế giàu có, tóm lại là tất cả những người nổi tiếng trên khắp thế giới sẽ đến nhờ tôi tư vấn để truy tìm dòng họ của mình.

— Tiếp đi…

— Trở nên quan trọng với những con người đặc biệt đó. Trị vì một cung điện lớn bằng kính, một cung điện có các thư ký và thám tử yêu quý tôi… Đặt cung điện bằng kính đó ở một thế giới luôn đẹp trời, ấm áp, gần biển xanh, nơi có các cô gái da rám nắng và khỏa thân đang tắm… Đương nhiên có cả một đường băng hạ cánh riêng, để tiếp đón giới tinh hoa, những vị khách của tôi…

— Anh sẽ có nó, Nick ạ, tôi tặng anh!

Thời kỳ thứ tư

Tháng Mười 1975

Cất cánh

46 HAI BÀ ĐIÊN

THÁNG MƯỜI 1975, LÀNG LÂU ĐÀI QUỶ, NORMANDIE

Hai bà điên, như cách mọi người trong làng trìu mến gọi họ, Alice và Lison, thường đi dạo trên trảng đất.

Thứ Ba.

Thứ Ba, bảo tàng đóng cửa. Hai người thường tranh thủ những lúc này, khi thời gian cho phép, để thực hiện chuyến đi dạo dài. Mười hai kilomet. Họ bắt đầu đi từ trang viên Quỷ, ba đống đổ nát này nổi tiếng là những gì còn lại của lâu đài trứ danh, nơi ở của công tước Guillaume, khi còn nhỏ, trong các kỳ nghỉ. Một tấm biển bằng gỗ dành cho du khách mới đây đã chính thức hóa truyền thuyết đó.

Họ đi sâu vào bên trong, giữa những sườn dốc dựng đứng, những con đường trũng nơi lũ bò sữa bắt gặp trên đồng như nhìn họ từ trên một cái ban công. Thỉnh thoảng, một con ngựa thuần chủng trong trại ngựa giống La Pommeraye lại đi theo họ, từ đằng sau hàng rào, suốt vài trăm mét. Đi được một kilomet, hai người đến một đoạn dốc ngắn cắt vuông góc thung lũng,

rồi cuối cùng mở ra vách đá. Cách vùng nông thôn thanh bình vài mét, các tàn tích của chiến tranh, những lô cốt và lỗ đạn trái phá, vẫn luôn ngự trị khung cảnh.

Hai bà điên đã mở bảo tàng của riêng mình năm 1969. Ồ, một bảo tàng vụn vặt… Chiếm đúng tầng một của một ngôi nhà nhỏ hiện đại: một hành lang, một phòng lớn bên phải, hai gian phụ để đồ lặt vặt bên trái. Tên bảo tàng mà hai người giữ lại, bảo tàng Cuộc Tấn công, nghe khá tự phụ.

Thực ra, bảo tàng này dù sao cũng đã tồn tại từ trước khi được hai người khánh thành. Nó từng là nơi tập hợp các đồ vật thu được trong vùng sau cuộc đổ bộ. Những chiếc mũ quân nhân, súng trường, giày, bản đồ tham mưu ghi nguệch ngoạc, một cái dù nhảy, ma-két các chiến dịch quân sự trong vùng được một người lính kháng chiến già đã về hưu thực hiện và tặng cho bảo tàng, những tấm bưu thiếp thể hiện hình ảnh làng Deux-Jumeaux, trước cuộc oanh tạc, rất cảm động, ít nhất là với những người sống ở đây: những bức ảnh nhà thờ, chợ, những con phố lát gạch, những người đội mũ lưỡi trai tạo dáng trên bậc cửa nhà mình.

Thị trưởng làng Lâu Đài Quỷ, cũng là cha của Lison, Jean Munier, cho chất đống mọi thứ vào tầng áp mái của tòa thị chính. Với bản năng dự cảm chính trị mà giờ ông rất tự hào, rằng một ngày nào đó tất cả chúng sẽ có ích… Rồi sẽ có những khoản trợ cấp từ tỉnh, vùng, nhà nước, và thậm chí cả châu Âu nếu người ta biết cách vận hành, để làm bừng nở loại bảo tàng này gần như khắp mọi nơi. Để thu hút khách du lịch, ông từng đề xuất một nơi trú ẩn thú vị nằm không xa bờ biển khi trời mưa, điều không hiếm gặp ở đây.

Bảo tàng này là một giấc mơ xa xưa đối với Jean Munier, người hẳn khi sống lùi lại một chút đã vô thức cảm thấy xấu hổ vì không hành động nhiều hơn trong chiến tranh. Một bảo tàng dành cho cuộc đổ bộ lên làng Lâu Đài

Quỷ có lẽ sẽ cho phép một người vẫn đóng vai nhà kháng chiến giả vờ là ông được gột rửa lương tâm, và cho vị thị trưởng là ông hiện tại được để lại một tác phẩm bất diệt.

Tuy vậy, bất chấp ý chí bền bỉ của ông, bất chấp những sự giúp đỡ, công cuộc khôi phục hình ảnh cái lò tàn sát trong chiến tranh mà ông từng hình dung, cái lò tàn sát vốn nằm chính giữa làng, công cuộc ấy, dẫu chỉ ở quy mô làng Lâu Đài Quỷ, đối với ông, vẫn như thể sánh ngang tầm tham vọng của các pharaon. Khi biết về dự án cũ này, Alice đã không do dự một giây, rót ngay vài chục nghìn franc để cân đối ngân sách, số tiền không phải nhỏ đối với dân làng Lâu Đài Quỷ, những người vẫn biết ơn chị sâu sắc.

Họ đã mất anh chàng người Mỹ xưa kia, họ nồng nhiệt đón nhận người phụ nữ Mỹ này. Người phụ nữ triệu phú và đấng Mạnh Thường Quân của vùng.

Một nguồn lợi khác cũng rất quan trọng với ngân sách thành phố: Lison và Alice đồng ý làm người trông coi bảo tàng, không tính công. Và bảo tàng Cuộc Tấn công mở cửa tháng Sáu năm 1969, đúng lúc hiệu bánh, cửa hàng gần như cuối cùng của xã, đóng cửa. Làng Lâu Đài Quỷ chỉ còn lại hai nơi mở cửa, là quán cà phê Le Conquérant và bảo tàng này.

Người dân Normandie ban đầu có ghé đến đôi chút, ít nhất một lần. Để xem. Từ đó, bảo tàng nhỏ thỉnh thoảng tiếp đón, khi trời âm u, vài vị khách Paris ướt sũng, và tùy theo mùa, vài vị khách người Mỹ, người Canada hay người Anh đến hoài niệm. Và thậm chí vài người khách Đức, từ hai ba năm nay. Tổng số khách tham quan đạt dưới một nghìn người một năm.

Lượng khách lui tới hơi làm Jean Munier thất vọng, nhưng ông đành nhanh chóng chấp nhận: bảo tàng chẳng đáng giá với ai và thêm nữa, nó chỉ khiến con gái ông bận rộn chút xíu. Khi bắt gặp dáng vẻ buồn bã của Lison, ông thường bồi hồi nhớ lại cô gái trẻ trung đầy năng lượng là con gái mình

hồi hai mươi tuổi, trong chiếc váy vàng bay bay lúc đạp xe hộc tốc trên trảng đất.

Alice đến Normandie thăm Lison tháng Tư năm 1965 và chưa hề rời đi. Đơn giản là chị tìm thấy ở đây sự tĩnh lặng phù hợp với mình. Chị còn có thể ở nơi nào khác gần gũi hơn với Lucky?

Chị thường xuyên viết thư về Litchfield, cho gia đình Lucky. Chị cũng thường xuyên viết, nhưng là những bức thư dài hơn, cho Nick.

Hiện giờ, Nick đã chuyển đến San Sebastiano, một hòn đảo nhỏ ở Brazil, ngoài khơi São Paulo, được bảy năm. Văn phòng truy tìm phả hệ của anh hoạt động khá tốt. Anh nhanh chóng nổi tiếng khắp thế giới. Người ta nói đến anh rất nhiều, đầu những năm 70, trong vụ về triều đại Romanov. Con cháu trực hệ của vị Sa hoàng Nga cuối cùng, Nicolas II, cố gắng xây dựng lại cây phả hệ cho dòng họ mình đầy đủ nhất có thể. Dòng họ lớn này rải rác khắp châu Âu sau cuộc Cách mạng tháng Mười, hầu hết đều thay tên đổi họ để giữ an toàn. Năm mươi năm sau, rất khó thực hiện việc phân chia những người đích thực là họ hàng và những người không phải!

Toàn bộ việc đó, theo những gì Alice đọc và những gì Nick viết, rất phức tạp, phức tạp hơn nhiều một cuộc điều tra cổ điển. Cần phải lấy máu, đo kích thước tai, khoảng cách giữa hai mắt, vấn đề về gen, giám định chữ viết… Tất cả như bước trên trứng mỏng! Nhưng Nick cũng không giấu, đối với phần lớn các khách hàng nổi tiếng đang lưu lại tại thiên đường nhỏ của anh ở San Sebastiano, việc truy tìm phả hệ chỉ là cái cớ, một kiểu đi nghỉ độc đáo hơn so với một chuyến chữa bệnh hay sử dụng liệu pháp biển. Giữa những lần tắm nắng và các hoạt động trên thuyền, khách hàng dành vài giờ vui vẻ mỗi tuần để kể những kỷ niệm thời thơ ấu cho một điều tra viên hoặc tra cứu các tài liệu lưu trữ thư viện trung tâm. Những chuyến đi nghỉ này

nhanh chóng trở nên rất nổi tiếng… và đắt đỏ! Nick thường xuyên đề nghị trả lại tiền cho Alice. Chị khăng khăng từ chối.

Trong các bức thư, Nick có vẻ hạnh phúc. Anh thống trị một bầy thư ký mẫn cán. Giờ anh đã đi lại được… Khập khiễng vừa đủ để có thể thỉnh thoảng trông giống một kẻ tử vì đạo, đôi khi lại giống người không để tâm đến khuyết tật của mình, tùy theo từng khách hàng, tùy theo tâm trạng.

Những bức thư vui vẻ của Nick, luôn chứa đầy hàm ý, đều đặn khuấy động cuộc sống hằng ngày đầy hoài niệm của chị.

Alice cũng tiếp tục hỗ trợ một số thám tử tư, để theo đuổi việc tìm kiếm tên lái xe ẩu bí ẩn ở Blue Hill, những cuộc điều tra sa lầy từ lâu, sa lầy, như giày của hai bà điên trên con đường bùn lầy ngoằn ngoèo xuyên qua trảng đất dẫn đến Mũi Guillaume.

Rìa vách đá mốc trắng trong thời tiết buồn bã quen thuộc, như ba trăm ngày trong năm. Người ta không thể phá các lô cốt, nên họ trang trí chúng. Trên mặt trước khối bê tông mở toang hoác, phía bờ biển, những người đi nghỉ có thể đọc thấy dòng chữ khổng lồ SONIA, ANH YÊU EM.

Lison kể với Alice rằng cha chị vừa bán ba lô cốt, cùng các trảng đất rộng lớn xung quanh. Cho các nhà đầu tư Thụy Sĩ… Họ hy vọng có thể sắp xếp lại bên trong các khối bê tông này và biến chúng thành những căn hộ có đồ đạc để cho thuê. Với hướng nhìn tuyệt vời! Ý tưởng có vẻ rất kỳ lạ đối với Alice.

Những chỗ trũng và các ụ trên trảng đất, vốn hình thành nhân tạo do bom vào mùa xuân 1944, nay cũng được dùng làm nơi tổ chức đua xe cho vùng, hoặc làm nơi vứt tủ lạnh cũ và cánh cửa ô tô bị móp, đôi khi cả hai, và đã xảy ra tai nạn.

Từ Mũi Guillaume, về lý thuyết có thể trông thấy vịnh Isigny và ngọn hải đăng Saint-Marcouf. Nhưng ngày nay, chẳng thấy gì cả! Alice nhớ đến câu nói ưa thích của Chaventré, anh họ của Lison. Nếu từ Mũi Guillaume có thể nhìn thấy hải đăng Saint-Marcouf, nghĩa là trời sắp mưa! Nếu như không thấy… nghĩa là đã mưa rồi!

Lần đầu tiên, điều đó khiến Alice mỉm cười. Người dân trong làng luôn có khiếu hài hước thật tự nhiên. Như thể mục đích duy nhất trong một ngày của họ, cộng thêm nhiều ngày tích tụ lại, thành mục đích duy nhất của đời họ, đơn giản là cười hoặc làm người khác cười, mỗi người một cách. Nói ra một từ hay, chuẩn bị một giai thoại, nghĩ đi nghĩ lại về nó suốt nhiều ngày dài làm việc, trong im lặng. Như trong những phòng khách thượng lưu nhất ở Paris. Chị trìu mến nghĩ về những lời càu nhàu của Chaventré, sự vô liêm sỉ của Fernand, những câu chuyện cười đầy ẩn ý của Téton, những châm ngôn của vị thầy giáo tiểu học… Alice và Lison buộc phải đều đặn ghé quán bar cũ mà René vẫn duy trì, dù anh dọa đóng cửa từ hơn mười năm nay, vì sự quá khích và ngu dốt của đám khách. Khách khứa của quán Le Conquérant là gia đình của họ. Một gia đình lý tưởng, phù hợp từng hoàn cảnh, không đòi hỏi lợi ích gì, mà ta sẽ bắt gặp ở quầy nếu ta cần, nhưng sẽ không bao giờ áp đặt ngược lên ta, không bao giờ đòi hỏi ta điều gì để đền đáp lại. Gia đình của những người đơn độc kết nối với nhau. Họ chỉ đòi hỏi duy nhất quyền gọi hai chị là hai bà điên.

Hai bà già điên!

Alice và Lison bước trên lớp lát bê tông dốc lên Mũi Guillaume. *Đài tưởng niệm neo móc* sáng lóa lưu giữ ký ức về kỳ tích của đội lính biệt kích tháng Sáu năm 44. Jean Munier tự tay đánh bóng nó mỗi tháng!

Thường Alice và Lison sẽ rời nhau vào lúc này. Alice thích bước đi trên

cát hơn, trên lớp cát nơi Lucky đã ngã xuống. Lison lại dạo bộ trên trảng đất, nơi chị tìm thấy Alan, vào buổi sáng cuộc đổ bộ. Hai người lặng lẽ đi khắp nơi, không bao giờ quá nửa giờ đồng hồ, rồi gặp lại nhau trước đài tưởng niệm.

Thông thường, hai người ít nói chuyện về Lucky và Alan. Sau nhiều năm, họ đơn giản đã đạt đến khả năng chấp nhận sự cô đơn, để sống theo cùng một nhịp, để cùng cảm nhận nhu cầu được cô đơn và tĩnh tâm, để cùng lúc có ý muốn trò chuyện, tâm sự với nhau, cùng ép nhau ra ngoài, để nói chuyện với những người khác trong làng.

Nhờ thế, hai người cũng đạt đến khả năng không chìm đắm trong điên cuồng, hoặc đơn giản là cảnh tách biệt hoàn toàn. Dẫu cả hai đều giữ thái độ dửng dưng với mọi thứ còn lại trên đời.

Hai bóng ma trên trảng đất… Hai bóng ma, nhưng là những bóng ma vào giờ cố định. Những bóng ma chỉ xuất hiện vào những hôm bảo tàng đóng cửa. Thứ Ba.

Cũng là hai bóng ma giàu có và hào phóng. Những đồng đô-la của Alice cạn dần, từng chút một. Phần lớn bị hút vào việc xây dựng khách sạn hạng sang ở Brazil của Nick. Phần còn lại cho bảo tàng Cuộc Tấn công.

Ngay từ năm 1966, Alice đã quyết định đóng góp cho mỗi cuộc chiến một phần trong gia tài của mình. Cho Hội Chữ Thập Đỏ, cho các bác sĩ, cho những thủ lĩnh nào đó đang chiến đấu vì dân chủ ở một nơi rừng rú. Mỗi lần hàng chục nghìn franc. Gồm có Biafra, cao nguyên Golan, Hàn Quốc, Campuchia, Tây Sahara, vùng Casamance, vùng núi Hoggar của người Tuareg, vùng Kashmir, Sri Lanka, Việt Nam, Ireland, tỉnh Irian Jaya, vùng Kurdistan, Panama, El Salvador… Các giải thưởng quốc tế, giống như giải Nobel Hòa bình, trao thưởng hào phóng, nhưng chỉ sau khi sự kiện diễn ra,

cho những người chịu đau khổ và phải chiến đấu để tạo ra thuốc, băng, áp phích, nơi trú ẩn, và cả vũ khí, từ những gì sẵn có… Alice cố gắng trao thưởng trước cho những người sẽ cần. Để làm vậy, chị đọc rất nhiều, những tờ báo chị thu thập từ khắp hành tinh. Nhờ việc giỏi cả tiếng Anh và tiếng Pháp, chị có thể đưa ra những ý kiến nhìn chung là tốt. Chị cố gắng bảo vệ những sự nghiệp tranh đấu chính trực nhất. Chuyện đó không phải lúc nào cũng dễ dàng, chị đã nhiều lần đánh giá nhầm, chị biết điều đó. Nhưng tình cảm với những sự nghiệp tranh đấu xa xưa giúp chị trụ vững.

Chị nghĩ, chi số tiền mà Lucky đã đánh đổi bằng mạng sống, là cách tưởng nhớ anh mang tính biểu tượng nhất. Cái chết của Lucky không chỉ mang đến hai mươi năm sống thêm cho tên Oscar Arlington bẩn thỉu. Mà nay còn giúp cứu hàng trăm cuộc đời con người trên khắp hành tinh!

Mùa thu thật buồn. Alice thích mùa hè và những bãi biển ồn ào hơn; ồn ào và nhiều người thuộc nhiều chủng tộc… Trong vòng mười năm, chị có thể quan sát thấy sự thay đổi đáng ngạc nhiên: năm 1966, gần như không bắt gặp một du khách nước ngoài nào. Nhưng bây giờ, trên những bờ biển Normandie, có lẽ số người nước ngoài ta gặp còn nhiều hơn cả người Pháp. Không ai phàn nàn về chuyện đó ở đây. Alice thấy việc này mang một ý nghĩa lịch sử, một sự hòa trộn giữa các dân tộc chưa từng có trong lịch sử nhân loại, một dấu hiệu không thể lay chuyển của sự tiến bước của thế giới, hay ít nhất là của châu Âu, về phía hòa bình!

Cũng có sao đâu nếu như địa đàng trần gian mà loài người đã theo đuổi kể từ khi xuất hiện này không hình thành trong salon của những con người đắc cử, mà lại hình thành trong những lều trại chật ních đầy mùi thịt nướng, quanh một bàn bi sắt, giữa những du khách bụng phệ đội mũ lưỡi trai.

Vào mùa thu, chẳng còn nhiều người.

Sau khi gặp lại nhau trước đài tưởng niệm, Alice và Lison quay thẳng về làng, trên con đường mòn trải nhựa đi qua quán Le Conquérant.

Trên đường đi, hôm thứ Ba đó, họ bắt gặp một bà lão mà cả hai đều không quen. Bên cạnh bà lão, một đứa bé bốn tuổi đang đạp xe ngoằn ngoèo. Một bà lão người Paris, một trong những người cuối cùng sót lại của mùa hè.

Xung quanh làng cũng có ngày càng nhiều nhà nghỉ dưỡng, chủ yếu là của người Paris. Đường cao tốc từ Paris sẽ sớm đến được tận Caen, bộ trưởng d’Ornano đã hứa như vậy. Dù sao, người Paris cũng không phải những kẻ xâm chiếm đáng ngại.

Nếu là những người trẻ, họ thường đi thành đôi, tình tứ, trên một chiếc xe xập xệ đến nỗi khiến họ buộc phải chọn một trong những bãi biển gần thủ đô nhất cho cuối tuần lãng mạn. Venice thì để sau.

Nếu nhiều tuổi hơn, họ đi cùng gia đình, với đầy nhóc những công dân Paris nhỏ tuổi khám phá hương vị của quả chín và mùi phân bò, những ông bố giải thích vẻ hiểu biết, những bà mẹ hạnh phúc. Đám nông dân đi gặt vào Chủ nhật liền biến thành những diễn viên cho các gia đình đi dã ngoại ngạc nhiên với vở diễn.

Sự sôi động này giúp ngôi làng ven biển ngủ vùi từ chiến tranh đầy ắp tiếng cười nói. Ngôi làng có vẻ bực bội, nhưng trong sâu thẳm nó rất thích điều đó, như người bà nhăn nhó khi đứa cháu trai đầu tiên chào đời.

Đứng trước các lô cốt, bảo tàng Cuộc Tấn công, hay những vết đạn trên tường của tòa thị chính, các công dân Paris nhỏ tuổi hỏi: “Sao lại thế hả bố? Sao nhà thờ không có gác chuông? Người ta làm thế nào để đi vào những ngôi nhà hình khối vuông trên bãi biển, chẳng có cửa sổ, chẳng có cửa ra vào, chỉ có tường xây để mộc? Sao cửa hàng duy nhất chúng ta thấy mở cửa

ở đây lại bán cả đại bác và súng trường gỉ sét?”

Thường đã khá muộn khi Alice và Lison về đến cuối đường, đi qua những ngôi nhà đầu tiên của làng Lâu Đài Quỷ. Thỉnh thoảng họ về thẳng nhà, căn hộ nằm phía trên bảo tàng. Thỉnh thoảng, nếu chưa đến đêm, họ dừng lại vài phút tại quán Le Conquérant.

47 CHUYẾN VIẾNG THĂM NGÀY CHỦ NHẬT

CHỦ NHẬT 26 THÁNG MƯỜI 1975, BẢO TÀNG CUỘC TẤN CÔNG, LÀNG LÂU ĐÀI QUỶ

— Guillaume! – Madeleine hét lên. – Yên lặng nào! Không lâu lắm đâu. Xem những bức ảnh này!

Thằng bé Guillaume, những bức ảnh ấy hả, nó mặc kệ. Chúng thậm chí còn không có màu! Nó chỉ muốn ra bãi biển. Dù có mưa cũng chẳng sao. Mọi người đã bảo nó là sẽ ra biển!

Không lâu lắm đâu, Madeleine thành thật nghĩ. *Trong vòng mười phút, chúng ta đã tham quan một vòng bảo tàng đó. Ba căn phòng, đầy những mũ lính và vũ khí gỉ sét… Sẽ nhanh thôi, tham quan một vòng ngắn, và hấp, chúng ta về trước khi tắc đường. Thật đau khổ, cái ngày Chủ nhật này! Rốt cuộc, Jacques đã hứa với cha là sẽ đưa ông đi. Từ cái hồi mà…*

Vậy nên cả hai người họ, Madeleine và Jacques, ở đây để đỡ ông già Léonce đang khó nhọc bước xuống hai bậc cấp của bảo tàng.

Làm sao có thể tin được, Madeleinenghĩ, khi nhìn ông thế này, *Léonce*

khốn khổ, trong chiến tranh, ông từng là một trong những người kháng chiến hăng hái nhất vùng, đặc biệt ông đã nhảy dù từ London để tổ chức tấn công từ bên trong? Léonce nhảy dù ư? Bây giờ đi xuống hai bậc cấp mà ông còn thấy khó khăn!

Guillaume tiến lại chỗ con dao đặt ngang tầm thằng bé trên giá.

— Guillaume! – Madeleine hét lên. – Không được động vào nó. Gỉ hết rồi kìa!

Mình không thể giúp nó, cô nghĩ, *ít nhất phải hai người mới đỡ được ông già Léonce khốn khổ này. Thật tai họa, cái thằng bé đó, vào lúc này! Nó được gọi tên như thế vì mình và Jacques đã yêu nhau lần đầu ở đây, trên Mũi Guillaume. Bọn mình đã làm chuyện ấy trong lô cốt! Brừ, mỗi khi nghĩ đến, lại thấy rùng rợn! Anh nói về một buổi cuối tuần lãng mạn… Jacques khi đó không một xu dính túi! Khi còn trẻ người ta có thể ngu ngốc biết chừng nào!*

Léonce lết xuống bậc cuối cùng, cô dùng hết sức bình sinh đỡ lấy ông.

Thật phiền phức khi về già! Đừng giúp tôi, nhất là anh đấy, Jacques ạ! Dù gì cũng là bố anh cơ mà! Chà, chúng ta sắp thực hiện xong rồi, chuyến hành hương này, ông già quấy rầy chúng ta với cuộc đổ bộ của mình suốt nhiều năm nay rồi!

Léonce đứng hồi lâu, cố đọc những tấm pa-nô ố vàng được ghép từ những tờ báo thời bấy giờ. Thường thì ông sẽ phát bực và hỏi Jacques hoặc Madeleine: “Trên kia viết gì thế, đấy, sau chỗ: *cuộc oanh tạc đã khiến mười bảy người chết…?”*

Chuyện này sẽ không kéo dài lâu, Madeleine nghĩ tiếp. *Mình lạc quan hơi sớm! Một khi tới nơi, sẽ khó mà kéo ông già Léonce ra khỏi đó được. Ông già biết rằng trong nhà dưỡng lão, sẽ chẳng còn nhiều lần được cho*

phép thế này, vậy nên ông phải tận dụng thời cơ! Vẫn còn ma mãnh lắm, ông già kháng chiến…

— Jacques, – Léonce gọi. – Đưa bố ra xem tờ bản đồ đằng kia, có thứ gì đó bố không hiểu. Năm 44 làm gì có đường để lên Les Hauts-Poiriers. Đó là nơi viên đại tá ẩn mình cùng đống vũ khí! Hay là bố nhầm. Ta sẽ kiểm tra trên bưu thiếp sau vậy. Bảo tàng này quả là một mỏ vàng, nhỉ?

— Bao giờ mình đi hả mẹ?

Madeleine lườm con trai với đôi mắt giận dữ.

— Mai con còn phải đi học mà, – Guillaume nói tiếp vẻ láu cá.

Léonce đang ngồi trước mô hình ngôi làng, có thêm vài người lính bằng nhựa và những mũi tên màu để dễ hiểu diễn biến hơn. Madeleine ra mượn ghế từ một phụ nữ ở cổng vào, một phụ nữ quyến rũ.

Léonce không nói gì nữa, ông ngồi đó, trầm ngâm nhìn mô hình, có lẽ ông đang tự nhủ vài tuần của năm 44 này là tất cả cuộc đời ông. Toàn bộ những gì sau đó chỉ là để lấp vào. Madeleine cũng không nói gì nữa. Bầu không khí ấm cúng của bảo tàng khốn khổ này, nỗi hoài niệm của ông già nhỏ bé mà cô luôn coi nhẹ trong những chuyến ghé thăm viện dưỡng lão, tất cả lại bắt đầu khiến cô thấy mủi lòng.

Mặc kệ những đoạn tắc đường tối nay kéo dài đến tận Villeparisis. Còn chưa kể đến khúc ngoặt phải đi qua để đưa Léonce về nhà dưỡng lão. Léonce tội nghiệp! Ông không còn ở đó nữa, ông đã ở trong mô hình. Ông chỉ còn là một trong những tay lính bé nhỏ bằng nhựa trong mô hình bằng ván ép.

Phút mộng tưởng của Madeleine đột ngột bị cắt ngang bởi một tiếng ầm lớn, theo sau là đám mây bụi dày và tiếng khóc của Guillaume. Tranh thủ lúc tất cả người lớn đều không chú ý, và hiểu rằng dù người lớn có hứa hẹn

thế nào, thì chuyến đi này vẫn có nguy cơ kéo dài rất lâu, thằng bé bèn leo lên giá to nhất, có vẻ như được hàn vào tường, để nhìn gần hơn khẩu súng hình như là của Đức phía trên cao. Một khẩu Luger. Một vũ khí đặc biệt có vẻ ít han gỉ nhất, có lẽ vì vậy mà nó được đặt trên cao như thế.

Nhưng giá trưng bày không được hàn, hoặc hàn rất ít, nên không thể chịu được sức nặng của vị công dân Paris mười tuổi khá mảnh khảnh. Toàn bộ giá trưng bày đổ ập xuống Guillaume, cùng toàn bộ những món đồ cổ trên đó, tức là cả một phần tư kho báu của bảo tàng Cuộc Tấn công.

Jacques và Madeleine hốt hoảng quay lại, vì con trai mình trước tiên, sau mới đến những thiệt hại. Chỉ có Léonce hơi quay lại một chút. Ông vẫn đang chìm đắm trong cuộc oanh tạc và có vẻ không còn phân biệt được đâu là thực đâu là mơ.

Alice và Lison có thói quen để khách đến thăm tự khám phá bảo tàng, lặng lẽ, tĩnh tại. Họ đón tiếp trong bảo tàng của mình nhiều người hành hương hơn là khách du lịch. Họ đợi ở bên cạnh, ở bàn tiếp đón hay trong căn hộ bên trên. Khi nghe thấy tiếng động, họ liền chạy đến ngay.

— Có chuyện gì thế?

— Guillaume, con không sao chứ…?

— Cái giá đáng nguyền rủa, đáng nhẽ phải gắn nó chắc hơn từ lâu rồi chứ…

— Mẹ…

Mỗi người thốt ra hàng tràng lời xin lỗi. Thằng nhóc Guillaume không việc gì nhưng cứ khóc để trì hoãn cuộc trừng phạt tất yếu. Madeleine xin lỗi lần nữa, Jacques rút ra tập séc, Lison và Alice trấn an rằng không sao cả, họ đã được bảo hiểm, đó là lỗi của họ, đáng nhẽ cái giá phải được gắn chắc hơn. Dù sao thì họ cũng nên lọc những món đồ cũ trong số này từ lâu rồi.

Kéo theo Guillaume và Léonce, Madeleine và Jacques lại lên đường, vẫn thấy bối rối, về phía những con đường tắc nghẽn, để quay lại nhà dưỡng lão.

Alice và Lison nhìn nhau mỉm cười: hai người lại có việc… Họ bắt đầu nhấc món to nhất trong đống bụi. Sau đó họ cố gắng di chuyển một chiếc hòm sắt cũ mà Alan mang về ngay sau chiến tranh, nhưng họ rất hiếm khi dùng đến. Hai người đã đặt nó lên cao trên giá trong bảo tàng, chỉ bởi vì nó là đồ cổ. Chiếc hòm rơi xuống từ độ cao hai mét. May mắn là không rơi vào đầu thằng bé. Cuối cùng hai người cũng lật lại được để nắp hòm ở phía trên, rồi nhấc nó dịch sang bên cạnh.

Rồi Alice nảy ra ý kiểm tra xem hòm còn mở được không. Nó vẫn mở được! Về lý thuyết, cái hòm phải rỗng không. Nhưng Alice vẫn mở nắp. Ngay lập tức chị thấy dưới đáy hòm một tấm sắt méo mó.

Đáy hòm?

Có vẻ không phải: tấm kim loại đã hơi xê dịch sau cú va chạm hình như che giấu thứ gì đó.

Có đáy thứ hai à?

Lison cũng nhìn vào, tò mò. Chị kéo nhưng tấm sắt không nhúc nhích. Lison, vẫn kiên quyết, nhặt con dao găm quân đội treo trong bao cạnh bộ quân phục lính biệt kích như biểu tượng canh giữ lối vào bảo tàng. Chị tấn công dữ dội tấm kim loại lần nữa. Sau mười phút, Alice thay phiên chị. Rồi, khi Alice có vẻ đã sẵn sàng bỏ cuộc, thì Lison quay lại làm tiếp.

Bốn mươi phút sau, bị nhát dao cuối cùng chinh phục, đáy kim loại thứ hai chịu thua.

Lison phát hiện ra, đặt dưới đáy thật của chiếc hòm, là một chiếc ví nâu.

Chiếc ví nâu chị chưa từng thấy bao giờ.

48 TANG VẬT

CHỦ NHẬT 26 THÁNG MƯỜI 1975, BẢO TÀNG CUỘC TẤN CÔNG, LÀNG LÂU ĐÀI QUỶ

Năm phút sau, những gì bên trong chiếc ví được bày lên tấm khăn trải in hoa trên bàn phòng ăn, trong căn nhà của Alice và Lison. Trong phòng đã rất tối, Lison buộc phải bật chiếc đèn treo phía trên bàn.

Một tấm ảnh.

Hai tờ giấy gập.

Mười một bức thư.

Một bức ảnh Alice. Hồi chị chưa đầy hai mươi. Miệng cười tươi, trông chị như đang chế nhạo người chụp và cố che khuôn mặt mình sau những lọn tóc vàng. Đằng sau bức ảnh có ghi: *Em sẽ đợi anh. Alice, tháng Tư 1944.*

Alice mỉm cười:

— Có lẽ nhờ tấm ảnh này mà Alan nhận ra tôi, vào tháng Sáu năm 1944. Lucky đã mang theo rất nhiều ảnh.

— Chị xinh thật, – Lison nói.

— Đã từng như vậy… Nhưng chị thấy đấy, như thế cũng không đủ để níu giữ Lucky. Alan chưa từng cho chị xem những thứ này ư?

— Không, chưa bao giờ. Đó là bí mật của anh ấy. Có lẽ anh ấy lôi chúng ra vào ban đêm, khi tôi ngủ. Anh ấy thường ngủ sau tôi.

Hai tờ giấy gập làm tư…

Hai người phụ nữ đang ngồi bên bàn. Vẻ như không ai muốn là người đầu tiên giở chúng ra.

— Chị có nghĩ đây chính là bản giao kèo không? – Alice hỏi.

Lison không trả lời.

— Ai quyết định? – Alice nói tiếp.

Lison chộp lấy hai tờ giấy, giở chúng ra, mỉm cười, và đưa một bản cho Alice. Hai người cùng đọc:

> Denton, ngày 5 tháng Sáu 1944
>
> Tôi, người ký tên Lucky Marry phía dưới, bị điên nhưng không quan trọng, chấp nhận đổi vị trí của mình, số 148, trong cuộc tấn công vào Mũi Guillaume cho vị trí của Oscar Arlington, số 4.
>
> Tôi, người ký tên Oscar Arlington phía dưới, hoàn toàn tỉnh táo cả về thể chất và tinh thần, cam kết chuyển cho Lucky Marry, đổi lấy vị trí đề cập bên trên, 1,44 triệu đô-la, ngay khi tôi trở về Mỹ.
>
> Nếu Lucky Marry thiệt mạng trước khi chiến tranh kết thúc, tôi cam kết sẽ

chuyển nguyên số tiền đó cho bạn gái của Lucky Marry, Alice Queen, trú tại số 144, tòa nhà Rock Creek, Washington DC, hoặc ông bà Marry, 621 đại lộ Hobart, Litchfield, Alabama.

Nếu bản thân tôi thiệt mạng, tôi trịnh trọng đề nghị mẹ tôi, Emilia Arlington, thay tôi thực hiện giao kèo này.

Một bức ảnh của Alice Queen sẽ được đính kèm cùng với bản giao kèo của Oscar Arlington.

Theo sau là bốn cái tên. Lucky Marry, Oscar Arlington, Alan Woe, Ralph Finn, và bốn chữ ký.

Hai bản giao kèo của Alice và Lison giống hệt nhau.

— Bản giao kèo của Lucky và của Alan, – Lison thì thầm. – Thật kỳ lạ, vậy là Alan đã không mang chúng đến Mỹ…

— Bằng chứng cuối cùng, – Alice nói tiếp. – Bằng chứng vật chất trứ danh còn thiếu. Từ giờ, mọi vòng vây đã khép, Emilia Arlington sẽ không bao giờ có thể phủ nhận.

— Thế mà chúng lại ở ngay đây.

— Và đáng nhẽ chúng sẽ còn ở đó thêm cả trăm năm nữa mà không ai phát hiện ra. Chuyện này làm tôi thấy hơi buồn cười, đã có cả đống bí mật xung quanh bản giao kèo nổi tiếng này. Rốt cuộc, chỉ là vài dòng chữ, mà chúng ta gần như đã biết đầy đủ.

— Vài dòng chữ chết chóc… Cái cách họ cố gắng xếp đặt câu chữ cho giống văn bản chính thức khiến tôi lạnh người. Cảm giác như họ đang trao đổi một chiếc ô tô.

— Vẫn còn những bức thư, – Alice nhẹ nhàng nói.

Đêm đã buông xuống làng Lâu Đài Quỷ. Không còn gì chuyển động trong

căn nhà của họ, trừ những cánh hoa trong bó thu thủy tiên trắng trên chiếc tủ buffet kiểu Normandie, lặng lẽ lìa đài hoa và rơi xuống đều đặn. Những bông hoa hái vào thứ Ba, đúng hôm họ thực hiện chuyến đi dạo hằng tuần, đã gần tàn.

Anh mắt Lison dán chặt vào chiếc đồng hồ cát thực vật ấy. Đột nhiên chị trở nên quyết liệt và quyết định mở các bức thư.

Chị giở ra trước mắt toàn bộ mười một bức thư, tất cả đều cùng một nét chữ, đều gửi cho Alan. Nét chữ tròn và nữ tính. Dấu bưu điện cho biết chúng đến từ đâu.

Chính xác hơn, bốn bức thư đến từ Ashland, bang Kentucky; ba bức đến từ Effingham, bang Illinois; bốn bức đến từ Valentine, bang Iowa…

— Đây là những bức thư đã làm tôi rất nghi ngại, – Lison vừa giải thích vừa hơi rùng mình. – Những bức thư này được gửi từ một người phụ nữ. Mối liên hệ cuối cùng giữa Alan và nước Mỹ… Alan chưa bao giờ muốn giải thích với tôi, nói cho tôi biết ai gửi chúng. Tôi đã phát điên vì ghen! Tôi tự dựng nên một kịch bản, tôi nghĩ rằng một ngày nào đó, anh ấy sẽ trở về Mỹ, vì những bức thư này, vì người phụ nữ đã viết chúng. Người phụ nữ yêu anh ấy, có lẽ thế…

Alice không nói gì.

— Thực ra tôi đã đúng, – Lison nói tiếp. – Anh ấy ra đi vì cô ta, anh ấy đã thú nhận với tôi như thế. Rồi không bao giờ trở lại! Suốt một thời gian dài tôi vẫn tự hỏi tại sao. Người phụ nữ đó là ai? Giờ đây, tôi rất sợ phải khám phá sự thật.

Chị cười một tiếng ngắn và miễn cưỡng:

— Sau cùng, chúng ta sẽ biết Alan đã đi đến những nơi khỉ ho cò gáy giữa lòng nước Mỹ đó để làm gì?

Lison mở phong bì đầu tiên, gửi từ Ashland.

Phía trên bên phải, có ghi ngày tháng: *Ashland, ngày 21 tháng Một năm 1946.*

Phía trên bên trái, Lison đọc thấy dòng địa chỉ: *51b, phố Beecher, Ashland, Kentucky.*

Bức thư mở đầu bằng *Alan thân mến,* rồi các từ ngữ nhòa đi trước mắt Lison. Chị chỉ trượt mắt qua các dòng chữ mà không đọc. Trước hết, chị muốn biết tên người phụ nữ viết bức thư này. Chị lật bức thư và đọc mặt sau cũng nhanh như thế.

Phía bên dưới, bức thư có ký tên.

Lison đọc rõ.

Bức thư ký tên Alice Queen!

Đã hơn 23 giờ tối Chủ nhật đó. Alice và Lison không ăn tối. Tất cả lặng lẽ, bất động. Không cánh hoa thu thủy tiên nào rơi nữa. Bóng đèn không chụp treo phía trên bàn rọi sáng căn phòng một cách quá yếu ớt: bóng đồ đạc mang kích thước khổng lồ, kéo dài thành những cảnh tượng lạ lùng.

Alice Queen!

Lison không còn hiểu gì nữa.

— Có chuyện gì thế, Lison? – Alice hỏi, giọng lo lắng.

Lison không trả lời. Trước tiên chị muốn hiểu, nên chị đọc bức thư. Nhất định có một lời giải thích. Chị đọc nhanh theo đường chéo.

Alan thân mến,

Tôi viết thư để anh yên tâm, để anh yên tâm và để cảm ơn anh. (…) Oscar Arlington hôm qua đã đến trả món nợ, không có khó khăn gì cả. 1,44 triệu đô-la tiền mặt, đó quả là con số không thể tin nổi. (…) Anh ta có vẻ khá do dự, hơi hổ thẹn nữa. Anh ta đã chứng tỏ mình khá tinh tế, tôi buộc phải công nhận thế, ngay cả khi một tiếng nói sâu thẳm bên trong nói với tôi rằng anh ta là người chịu trách nhiệm trước cái chết của Lucky. Tôi không biết. Tôi không biết nữa, Lucky đã cố ý chọn cách chơi đùa với mạng sống của mình. Có lẽ tôi không yêu anh ấy đủ… Giờ thì đã quá muộn. (…) Cảm ơn vì đã viết thư cho Oscar Arlington, để nhắc anh ta về những nghĩa vụ với tôi. Chính Oscar đã kể với tôi chuyên đó, anh ta cũng cho tôi địa chỉ của anh, ở Normandie. Oscar Arlington khẳng định với tôi rằng, dù thế nào, anh ta cũng sẽ trả nợ: tôi không biết anh ta nói thật hay là vì anh đe dọa sẽ tiết lộ mọi chuyện mà anh ta quyết định làm vậy. Nhưng cũng không quan trọng lắm.

Và thế là, tôi đã hỏi Arlington địa chỉ của anh để biết cho anh yên tâm và cảm ơn anh. Để làm quen với anh nữa… Tôi rất muốn biết thêm mọi chuyện đã xảy ra thế nào, vào tháng Sáu năm 1944. Sao ý nghĩ điên rồ này lại đến với Lucky? Anh là bạn anh ấy, Oscar Arlington nói vậy với tôi. (…) Cảm ơn anh cất công trả lời, nhưng nếu anh không muốn thì cũng không sao cả, anh đã thực hiện nghĩa vụ nhân chứng của mình rồi. Ngoài ra, cũng vì chuyện này mà tôi muốn biết cho anh, nếu anh cần tiền, đừng ngại ngần nói với tôi. (…) Vài tuần tới, tôi sẽ không ở Washington nữa, quá nhiều kỷ niệm níu kéo tôi ở đây. Anh có thể xem địa chỉ mới của tôi ở trên đầu bức thư (…), tôi cần ở một mình một chút, tôi nghĩ tôi sẽ đi du lịch tiếp. (…) Tôi không chắc lắm mình sẽ làm gì với số tiền này, để nó sang bên, để dành cho sau này, nếu tôi có cảm hứng sống trở lại, để dành một ngày nếu tôi có con. Tôi không muốn động đến nó bây giờ, đó là tất cả những gì Lucky để lại cho tôi.

Tôi xin hết lòng cảm ơn anh.

Có vẻ anh rất hạnh phúc với cuộc sống mới, theo như trong thư của anh. Hãy trả lời tôi và rồi chúng ta hãy quên hết tất cả… Tôi hy vọng một cuộc đời mới đang chờ đợi chúng ta.

Alice Queen

Lison thả bức thư như thể nó khiến chị bị bỏng.

— Alice… – chị thì thầm giọng kinh hãi. – Suốt chừng đó năm, chính chị là người viết thư! Chị không ở Úc à? Oscar rốt cuộc đã trả tiền cho chị, sau chiến tranh… Vậy sao chị không nói gì cả? Tại sao còn đòi nhà Arlington trả tiền lần nữa?

Alice đứng bật dậy.

— Lison, chị nói linh tinh gì thế? Toàn bộ chuyện này là sao?

Trước sự im lặng đến ngây người của Lison, Alice giật lấy bức thư và đọc. Ban đầu chính chị cũng kinh ngạc, rồi chị bắt đầu suy nghĩ.

— Đây không phải chữ của tôi, – Alice quả quyết. – Đối chiếu bức thư này với tất cả thư mà tôi gửi chị đi. Không phải chữ của tôi! Tôi chưa bao giờ viết nó!

Lison ngước mắt lên. Chị tưởng tượng mình đang bị giam trong căn hầm tối đầy ác mộng.

Rõ ràng đây không phải nét chữ của Alice! Chị đã hấp tấp rơi vào cái bẫy rành rành này mà không hiểu gì cả.

— Quả vậy, Alice ạ, chị nói đúng. Đây không phải nét chữ của chị. Tôi ngu thật.

— Không đâu.

— Có chứ… Nhưng tôi chẳng hiểu gì nữa. Ai là người phụ nữ ký tên chị? Người phụ nữ này rất khác chị. Ai muốn quên tất cả, ai lại thấy Oscar Arlington là người khá dễ mến?

— Tôi không biết. Có thể có một cách giải thích logic.

Alice và Lison mở ngẫu nhiên các bức thư khác, rồi đọc nhanh, theo đường chéo.

Ashland, 18 tháng Ba năm 1948

Alan thân mến, Mọi chuyện vẫn ổn, cảm ơn anh đã đều đặn gửi thư… Cuộc sống ở đây đang ổn định trở lại. Đã bốn năm kể từ sau tấn thảm kịch đó. Tôi có bạn trai mới vài tháng rồi, tôi không nghĩ chúng ta có thể quên nhanh như thế. (…) Thật kỳ lạ, mọi thứ thay đổi rất nhanh, nước Mỹ cũng thay đổi, nước Pháp có lẽ cũng vậy. (…) Tôi không nghĩ sẽ có ngày mình quay lại đó, quá nhiều kỷ niệm, không phải những kỷ niệm đẹp cho lắm. (…) Mọi chuyện cũng có vẻ ổn với anh… Đừng ngại cho tôi biết tin tức.

Thân mến.

Alice Queen

Effingham, ngày 23 tháng Hai năm 1950

Alan thân mến,

Tôi rất tiếc gì vài năm nay chỉ cho anh biết rất ít tin tức, mọi thứ diễn ra quá nhanh. (…) Một số thư của anh gửi đến Ashland không được hồi đáp. (…) Chúng tôi tiếp tục đi quanh nước Mỹ, như anh thấy trên địa chỉ gửi thư. Thời gian gần đây, rốt cuộc tôi cũng có ý muốn có con, kể từ lúc bạn trai cứ quấy rầy tôi về chuyện đó (…) Còn anh, anh cũng vẫn chưa có con. (…) Giờ đây, mọi thứ, chiến tranh, đã thật xa. Anh là mối liên hệ duy nhất tôi còn giữ… Normandie cũng thật xa.

Trìu mến

Alice Queen

Effingham, ngày 13 tháng Ba năm 1954

Alan thân mến,

Trong bức thư trước, tôi có nói với anh tôi đang mang thai. Giờ, con trai chúng tôi đã ba tuổi! Nó chiếm rất nhiều thời gian của tôi, nhưng tôi biết đó không phải lý do giải thích việc tôi viết thư cho anh ít như vậy (…) Chúng tôi đang lưỡng lự không biết có nên cho nó một đứa em gái hay không (…) Ở đây, chúng tôi khó mà thấy mùa đông kết thúc. Vùng này khá hoang dã, mà nói thật thì, không dễ chịu lắm. Rốt cuộc, mọi thứ sẽ khá hơn với những ngày nắng đầu tiên (…) Còn anh? (…) Tôi mong được thấy những hình ảnh của Normandie,

trên TV, vào tháng Sáu, để kỷ niệm mười năm cuộc đổ bộ.

Những kỷ niệm đẹp nhất.

Alice Queen

Valentine, ngày 10 tháng Năm năm 1961

Alan thân mến,

Lại một địa chỉ mới nữa! Nhưng Valentine là một nơi tuyệt vời, không hề giống Effingham. Nhất là từ khi có con đập này! Tôi nghĩ chúng tôi sẽ ở lại đây một thời gian. Lần này, thư của anh sẽ không thất lạc đâu (…) Cuộc sống vẫn tiếp tục ở đây.

Vậy đấy, em gái của Mick đã chào đời, từ gần hai năm trước, bé tên là Jenny, rất dễ thương (…) Xin anh thứ lỗi, thư của tôi lúc nào cũng khá ngắn, chắc là rất tầm thường nữa, nhưng hãy tin tôi, trong thư là rất nhiều hoài niệm, mối liên hệ mong manh này rất quan trọng, nó giúp tôi ghi nhớ. Anh cũng vậy phải không?

Luôn hết lòng vì anh

Alice Queen

Những bức thư khác không cung cấp nhiều chi tiết hơn. Bức cuối cùng đề ngày 12 tháng Chín năm 1963.

Lison không đợi đọc hết các bức thư mới tự hỏi.

— Nếu không phải chị, – chị hỏi Alice, – thì ai có thể viết những bức thư này? Người phụ nữ đó là ai? Alice Queen đó là ai? Người phụ nữ nào đã thế chỗ chị? Người phụ nữ nào đã nhận tiền thay chị?

Alice suy nghĩ một lúc.

— Không, tôi thấy chuyện này có vẻ không khả thi, không ai có thể lấy được tiền thay tôi cả. Oscar Arlington có địa chỉ riêng và ảnh của tôi. Viết trong giao kèo mà. Hắn phải trả tiền tận tay tôi chứ! Tôi không có chị em sinh đôi! Hắn không ngu ngốc đến mức đưa số tiền đó cho một người chẳng

biết là ai. Thêm nữa, người phụ nữ thế chỗ tôi ký nhận tiền có vẻ biết câu chuyện đến từng chi tiết nhỏ nhất. Không, có thứ gì đó khác…

— Ít nhất chuyện đó giải thích được một bí ẩn, – Lison nhận xét. – Tôi vẫn luôn tự hỏi vì sao Alan không quan tâm kiểm tra xem Oscar Arlington đã thật sự trả món nợ chưa, trước năm 1964. Khi đó chị ở Úc, nhưng anh ấy có thể liên lạc với cha mẹ Lucky ở Litchfield! Anh ấy đã không làm thế. Thật chẳng giống anh ấy chút nào! Lời giải thích, chính là những bức thư này: anh ấy thật lòng tin vụ này đã kết thúc, rằng Oscar Arlington đã trả tiền. Anh ấy không thể ngờ Alice Queen viết thư cho anh ấy lại không phải là chị!

Một tia sáng ánh lên trên gương mặt Alice.

— Tất nhiên rồi, – chị gần như hét lên. – Tất nhiên… Tôi hiểu rồi, Lison ạ! Tên Oscar này không ngu như ta vẫn nghĩ! Alan, năm 1945, viết thư cho Oscar Arlington để nhắc hắn về khoản nợ, và đe dọa sẽ làm ầm lên nếu hắn không trả tiền. Đó là điều ta biết từ bức thư đầu tiên của người phụ nữ. Oscar Arlington có thể phản ứng thế nào với bức thư đó? Hắn biết mình phải trả tiền, hoặc Alan sẽ làm rùm beng lên. Có thể hắn biết lúc đó tôi đã biến mất không để lại dấu vết, và hắn yên tâm, nhưng lương tâm lại muốn hắn trả tiền cho cha mẹ Lucky, những người chưa bao giờ rời khỏi Litchfield. Tóm lại, hắn phải trả món nợ, nếu không cả thế giới sẽ biết chuyện. Hắn có những lối thoát nào? Hối lộ hoặc thủ tiêu các nhân chứng… Ralph Finn không phải là vấn đề. Thẩm Du không hề có dấu hiệu còn sống. Chỉ còn Alan: Alan rất khó bị thủ tiêu, ở đây, tại Normandie. Còn hối lộ anh ấy…

— Không thể! – Lison chắc chắn.

— Phải, hẳn hắn cũng lo chuyện đó. Thậm chí còn cố quay lại tự kết tội mình. Hắn còn những lựa chọn nào? Nếu không trả, Alan sẽ tiết lộ vụ việc

với báo chí, quân đội, với mẹ hắn. Không có tin tức từ Alice, Alan có lẽ sẽ viết thư cho cha mẹ Lucky. Hắn đã mắc kẹt, hắn phải trả tiền! Hắn có vẻ không còn lựa chọn khác. Phải nhả tiền ra hoặc đối mặt với vụ bê bối…

Lison nghe suy luận của Alice và thấy rất ấn tượng.

— Nhưng nghĩ kỹ thì, – Alice nói tiếp, – còn một giải pháp nữa cho Oscar Arlington. Giải pháp duy nhất! Một ý tưởng đơn giản, gần như không có nguy cơ gì, sẽ cho phép hắn tránh được việc trả tiền mà không gây ồn ào. Alan ở xa, tận Normandie, trong thời gian dài, có thể là mãi mãi… Tôi thì biến mất, cũng lâu như vậy. Thời đó, giả thiết có vẻ hợp lý nhất là tôi đã tự tử, ở đâu đó. Vậy là Oscar chỉ cần gửi một bức thư cho Alan, ký tên *Alice Queen,* khẳng định người phụ nữ này đã nhận 1,44 triệu đô-la, một bức thư được viết khéo, thậm chí còn hứa cho Alan một phần trong một triệu rưỡi đô! Chỉ một bức thư đơn giản và mọi chuyện êm thấm.

Mọi chuyện có vẻ thật rõ ràng.

— Chị nói đúng, Alice ạ, – Lison đồng ý. – Oscar Arlington không có lựa chọn khác. Còn Alan không có lý do gì để nghi ngờ nguồn gốc của bức thư đó.

— Không, không có nguy cơ lớn nào với Oscar Arlington. Thậm chí không một chút nào, nếu Alan ở lại Normandie và nếu tôi không bao giờ xuất hiện trở lại.

— Đáng nhẽ Alan có thể viết thư cho cha mẹ Lucky.

— Phải… Không có tin tức từ tôi, hẳn đó là điều anh ấy sẽ làm. Đó là lý do Oscar tiếp tục thỉnh thoảng viết thư cho Alan, cho anh ấy những địa chỉ đó, những tin tức mới. Để tránh việc Alan tự mình đến tìm hiểu, ở chỗ cha mẹ Lucky chẳng hạn.

— Phải, – Lison nói thêm, – và làm thế cho phép hắn kiểm soát việc

Alan vẫn ở Normandie.

Lison cảm thấy trống rỗng, kiệt quệ. Chị không thể phân định được là những yếu tố này tạo thành tin tốt hay tin xấu. Chị đứng dậy đi đun nước. Chị đề nghị với Alice để mình làm việc đó. Sau khi suy nghĩ, chị thấy nhẹ nhõm. Việc bất ngờ đọc thấy cái tên *Alice Queen* phía bên dưới bức thư đã khiến chị chao đảo. Trong vòng vài giây, chị tưởng tượng ra những lời dối trá khủng khiếp, giờ chị lại thấy hơi xấu hổ về những ý nghĩ ấy. Kết luận hợp lý của Alice đã làm chị yên lòng.

— Cho tôi xin lỗi vì phản ứng lúc nãy, Alice ạ, – Lison nói khi mang nước nóng quay trở lại. – Cẩn thận kẻo tôi làm chị bỏng. Tôi đã nói những điều ngu ngốc, tôi đã tưởng tượng ra đủ thứ.

— Không sao đâu.

Vài phút trôi qua, hai người lặng yên, trước mặt mỗi người là tách trà đang ngấm.

— Lạ thật, – sau cùng Lison nói. – Cô nàng Alice thứ hai đó, theo chị, là một bóng ma do Oscar Arlington tạo ra. Những vụ chuyển nhà, con cái chào đời, toàn bộ cuộc đời được kể trong những bức thư, chỉ là hư không. Chị nghĩ Oscar tự viết những bức thư đó ư?

— Có thể. Oscar Arlington có nét chữ tròn to, kiểu chữ nữ tính, các chuyên gia phân tích chữ viết đã nhiều lần chỉ ra điều đó trong vụ kiện. Tôi nghĩ hắn hoàn toàn có thể tự tạo cho mình một nhân cách thứ hai, nhân cách phụ nữ.

Chị suy nghĩ một lúc.

— Nhưng tác giả thư, – chị nói tiếp, – cũng có thể là Emilia Arlington. Nick đã luôn nghĩ bà mẹ của Oscar là người giật dây tất cả. Bà ta đủ ma mãnh để có thể nghĩ ra toàn bộ màn giả trang này nhằm tránh vụ bê bối.

Lison nhấp môi vào nước trà nóng bỏng.

— Sẽ phải gửi một trong những bức thư này cho ông bạn Nick của chị. Ông ấy có cả tá chuyên gia đủ mọi lĩnh vực sẵn sàng nghe lệnh. Ông ấy sẽ lập tức giải quyết giúp chúng ta!

— Phải, chị nói đúng.

— Vậy là, – Lison suy nghĩ thành tiếng, – Alan chạy theo một con ma, ở Mỹ, ở Ashland, Effingham, Valentine, Blue Hill… Dù sao cũng vẫn kỳ lạ. Mỗi nơi anh ấy ở lại nhiều ngày. Nhưng anh ấy có địa chỉ chính xác ở từng thành phố, tên các con của Alice giả đó. Nếu tất cả các chi tiết này đều hoàn toàn là bịa đặt, thì hẳn Alan vẫn sẽ nhận ra ngay địa chỉ lấy hú họa từ danh bạ và những chi tiết địa phương chép từ một cuốn từ điển bách khoa chứ. Thêm nữa, khi Alan viết thư cho Alice giả đó, ở Ashland hay Valentine, thì cũng phải có ai đấy ở đó nhận chúng!

— Nhà Arlington rất quyền lực. Có thể họ có kẻ tiếp tay,hoặc có thể họ dùng những ngôi nhà bỏ hoang chỉ còn dùng được hòm thư.

— Có thể. Hoặc thật sự có tồn tại một người phụ nữ tiếp tay đóng vai chị. Một người bạn của Oscar Arlington… Tình nhân của hắn, tại sao không! Dù sao đó cũng không phải một bóng ma, mà thực sự là một phụ nữ, người đã có hai con, sống ở Ashland, Effingham, Valentine. Nếu không, tại sao lại nghĩ ra tất cả những chi tiết này? Người phụ nữ và những đứa con đó là những người Alan cố gắng đi tìm. Chị từng nói với tôi: trong ngôi làng đó, Alan đi loanh quanh khắp các trường học!

— Sao lại không nhỉ… Nhưng vẫn dễ dàng cho Oscar Arlington hơn khi bịa ra toàn bộ chuyện này.

— Phải, – Lison vẫn cứng đầu khăng khăng. – Nhưng Alan đúng là đang truy tìm thứ gì đó, một ai đó cụ thể: Thậm chí có lẽ anh ấy đã tìm được, nếu

không, họ đã không giết anh ấy! Cuối cùng, có lẽ tại Blue Hill, anh ấy đã tìm ra người viết mười một bức thư này. Alice Queen đó không phải là chị! Anh ấy chết vì phát hiện ra điều đó. Ai đợi anh ấy ở cuối chặng đường? Nếu là Oscar Arlington, giờ có lẽ tôi đã có bằng chứng.

Lison uống một ngụm trà nóng, thậm chí không nhăn mặt. Chị nở một nụ cười căng thẳng.

— Oscar đóng giả làm phụ nữ, như trong phim *Psycho!*

Chị ngừng một lúc.

— Alice…

— Tôi hiểu chị định nói gì, Lison ạ. Chị muốn lần theo dấu vết của Alan.

— Đúng, đó là bí ẩn của tôi. Đến lượt tôi đóng vai người báo thù! Chị biết đường đi từ Ashland đến Valentine rồi, Alice ạ. Nhưng lần này, chúng ta biết mình tìm kiếm cái gì: một người phụ nữ, một đôi vợ chồng với hai đứa con, Mick và Jenny… Chúng ta còn có các địa chỉ chính xác!

— Tôi cũng thế, – Alice vừa nói vừa nhìn Lison vẻ đồng lõa, – tôi cũng muốn đi lại con đường từ Ashland đến Valentine. Tôi muốn gặp Alice Queen đó. Alice đó không thể là tôi. Một Alice hạnh phúc, giàu có, đã quên Lucky, đã tái hôn, đã có những đứa con. Một Alice quá sức giả tạo. Tôi khó mà tin được bà ta có thể tồn tại!

— Chúng ta sẽ lần theo bước chân của Alan! – Lison vừa nói vừa đứng dậy, đột nhiên trở nên phấn khích. – Chúng ta sở hữu chính xác những yếu tố giống hệt như khi anh ấy rời bỏ tôi năm 1964. Mười một bức thư, ba địa chỉ… Chúng ta sẽ bước chính xác trên những bước đi của anh ấy.

Alice chậm rãi uống tách trà chị đã để nguội. Lison thầm xây dựng trong

đầu một kế hoạch cho cuộc tìm kiếm. Đột nhiên chị lo lắng:

— Nhưng chúng ta vẫn thiếu yếu tố quan trọng nhất!

Alice ngẩng đầu.

— Phải, – Lison giải thích. – Vì sao Alan lại đột ngột ra đi năm 1964? Anh ấy đã tìm ra điều gì?

— Có thể anh ấy đã tìm ra sự dối trá, – Alice trả lời. – Phát hiện ra rằng người viết thư cho anh ấy hai mươi năm nay không phải là tôi. Vậy là khoản nợ của Lucky chưa được trả, và anh ấy phải quay về Mỹ, để tìm hiểu, để sửa chữa lỗi lầm… Đó là cách ta có thể diễn giải những mẩu tin vặt anh ấy đăng ở Mỹ, phải không? Có thể Alice giả đó đã mắc phải sơ suất nào đấy? Có thể bà ta nói hớ, tự mâu thuẫn trong một bức thư. Alan không nhận được bức thư nào ngay trước lúc lên đường à?

Lison lắc đầu.

— Không, chị nhấn mạnh. Chị nghĩ mà xem, tôi đã hỏi người đưa thư cả nghìn lần để xem ông ấy liệu có lén đưa bức thư nào cho Alan không.

— Còn những ngày trước đó không có chuyện gì xảy ra sao, không có chuyện gì đặc biệt, không có cuộc gặp nào?

— Không, không gì cả. Tôi chắc chắn đấy, tôi lật đi lật lại khoảng thời gian đó trong đầu suốt mười năm nay rồi!

Đã quá nửa đêm. Alice và Lison cùng biết rằng giờ hai người cần ngủ, hay đúng hơn là mỗi người cần về phòng cùng nỗi cô đơn của mình. Lison bỏ lại các bức thư vào trong phong bì, rồi cất đống phong bì vào ví. Alice giữ tấm ảnh mình trong tay, ngắm với vẻ hoài niệm, rồi lật lại, đọc lần nữa: *Em sẽ đợi anh. Alice, tháng Tư năm 1944.*

Gương mặt chị sáng bừng lên.

— Đương nhiên rồi, Lison, tôi biết…

— Gì cơ?

— Làm thế nào Alan phát hiện ra trò gian dối! Làm sao anh ấy biết không phải tôi viết những bức thư đó! Nét chữ, ở sau ảnh, chữ ký này, là của tôi, của Alice Queen thật… Nó không có gì giống nét chữ trong những bức thư Alan nhận được sau đó. Xem này, nét chữ của tôi nghiêng, sít vào nhau.

Lison xem.

— Oscar, – Alice giải thích, – hay bất kỳ ai đó khác, không thể đoán được Alan đã có một mẫu nét chữ của tôi. Alan mất hai mươi năm mới hiểu ra. Anh ấy chẳng có lý do gì để nghi ngờ, để so sánh hai nét chữ, và tìm ra sự khác biệt. Hẳn anh ấy đã tình cờ phát hiện ra, vào một ngày nào đó, khi lục lại những kỷ vật cũ. Anh ấy hẳn có thể phát hiện chuyện này ngay khi nhận được bức thư giả đầu tiên năm 1946, hay có lẽ là mười năm sau, ba mươi năm sau, hoặc không bao giờ.

— Anh ấy đã không muốn nói với tôi, – Lison thì thào.

— Và anh ấy hiểu chỉ có nhà Arlington có lợi ích khi dựng nên màn bịp bợm này. Anh ấy hiểu rằng tình thế đang nguy hiểm. Anh ấy không muốn kéo chị dính vào.

Đêm đó, hai ngọn đèn trong hai căn phòng bên trên bảo tàng Cuộc Tấn công rất lâu sau mới tắt. Đèn phòng Lison sáng lâu hơn đèn phòng Alice.

Lison nghĩ về những chuyện nghiêm trọng này, những chuyện nghiêm trọng và đơn giản. Suốt cuộc đời mình, chị luôn nói sự thật, sự thật trần trụi, không bận tâm đến hậu quả, vả lại cũng chẳng có hậu quả nào nghiêm trọng. Chị còn thường xuyên nói ra cảm giác khó chịu chị dành cho vị thị

trưởng ngu ngốc là cha mình.

Vì sao đám đàn ông cứ phải phức tạp hóa mọi chuyện, nói dối và giấu giếm, vì sợ bị chê cười hay không được người khác hiểu?

Nỗi đa nghi nào khiến cho chị tin tưởng những cử tri đần độn?

Phức cảm nào đã khiến Oscar Arlington tin rằng bà mẹ sẽ không thể tha thứ cho hành động của hắn trong chiến tranh?

Nỗi sợ nào đã khiến Alan ít tin tưởng chị đến thế?

Cuộc đời đáng lẽ có thể đơn giản hơn nhiều.

49 QUÁN CÀ PHÊ CỦA NHỮNG CHUYẾN KHỞI HÀNH

2 tháng Mười Một 1975, quán cà phê Le Conquérant, làng Lâu Đài Quỷ

Buổi sáng hôm đó ở làng Lâu Đài Quỷ, thời tiết trong xanh tuyệt đẹp. Màn sương mù buổi sáng đã gần như tan biến hoàn toàn. Những vị khách đến quán Le Conquérant muộn cũng không thể lấy lý do trời mưa hay lạnh. Alice và Lison ngồi trong góc gần cửa sổ, trước mặt là hai tách trà.

— Vậy chính xác thì bao giờ các cô lên đường? – thầy giáo tiểu học hỏi.

— Một tuần nữa, – Alice trả lời. – Ngày 10 tháng Mười một. Mọi thứ xong xuôi rồi…

— Mọi thứ xong xuôi rồi, nói thì đơn giản làm sao, – thầy giáo tiếp tục. – Lên đường lần nữa cùng một chục bức thư vàng ố! Chỉ hai người phụ nữ để giải quyết một việc như thế. Có thật tỉnh táo không?

— Tỉnh táo ư? – Chaventré hét lên và đập vào chiếc bàn trước mặt mạnh đến nỗi cái gạt tàn bật nẩy lên. – Tỉnh táo là từ không tồn tại trong từ điển

của họ, của hai bà điên đó!

— Chúng tôi đã đánh điện cho Nick Hornett, thám tử của chúng tôi, – Alice nói rõ. – Chúng tôi cho anh ấy biết mọi thông tin. Chúng tôi cũng cho anh ấy biết hành trình. Vả lại, anh ấy thuộc lòng nó rồi. Anh ấy sẽ nhập hội với chúng tôi ngay khi có thể.

— Các vị thấy đấy, – Lison nói thêm, – chúng tôi rất tỉnh táo!

— Hai bà già điên, phải, – Chaventré nói tiếp. – Đào xới tiếp mọi chuyện lên thì hai cô được gì? Hai cô không thể quên hết cho xong à!

— Không! – cả hai đồng thanh.

Khiến mọi người gần như cười phá lên.

— Hai con người khốn khổ, cũng không nên quá ưu tiên cho chuyện này như thế! – Chaventré nói oang oang. – Hai người đâu phải duy nhất trên đời chịu cảnh rơi nước mắt. Và khi người ta may mắn có được đôi mắt xinh đẹp như của hai người, tôi nói cả hai, không phân biệt ai, thì một ngày nào đó, phải biết khóa tuyến lệ lại!

Hai bà điên đều biết cái điệp khúc này. Hai người trả lời bằng một nụ cười. Đó cũng là điều Chaventré tìm kiếm.

— Đừng nghĩ rằng, – Chaventré nói tiếp, – bởi ở đây mọi người suốt ngày kể những chuyện ngu ngốc nghĩa là họ bị cuộc đời bỏ rơi. Mỗi người đều phải chịu phần đau khổ của mình! Như bất cứ ai!

— Đó không phải cớ để uống calvados buổi sáng, – Fernand thốt lên, – nhưng điều đó giải thích…

— Phải, – René xác nhận. – Ông nói đúng, Fernand ạ. Quán cà phê của tôi mang nhiệm vụ xã hội! Trong thế giới đau khổ này, tôi giúp mọi người quên đi nỗi bất hạnh của mình. Phải! Như bác sĩ tâm thần ở thành phố! Lẽ

ra tôi phải được trợ cấp!

— Anh không hoàn toàn sai đâu, René ạ, – thầy giáo tiểu học nói thêm. – Chính ở vùng nông thôn tỷ lệ tự tử lại thường là cao nhất. Nhất là trên các cánh đồng có bờ cây bao quanh. Các chuyên gia giải thích là do sự tách biệt.

— Tôi thích nghe ông nói điều đó, thầy giáo ạ, – René rạng rỡ đáp. – Tôi có thể kể cho ông cả đống trường hợp, những gã ông biết đã kết thúc cuộc đời bằng cách treo cổ trong sàn kho thóc! Và ở khắp nơi tại những nơi hẻo lánh không còn ngô! Ở làng Lâu Đài Quỷ, ông có thể kể tên một người treo cổ không?

— Không một ai! – Chaventré hét lên quả quyết. – Mong sớm đến ngày mỗi ly calvados uống tại quán sẽ được hệ thống an sinh xã hội hoàn tiền!

Lison và Alice lại mỉm cười trong góc của họ. Họ sẽ nhớ lắm, những cuộc tranh luận kiểu Normandie bất tận này.

— Ôi, sáng nay các vị bệnh hoạn hết rồi, – Téton nói, – anh ta bị kiểu trò chuyện này làm cho căng thẳng.

— Vì ông không thể chịu được, – Chaventré gầm gừ, – khi thấy hai người đẹp duy nhất của vùng tích đi mất?

— Ông ấy không quan tâm đâu, – Fernand nói. – Téton, ông ấy thích gái Hà Lan cơ, những cô tắm trần trên bãi biển Vaches Noires đó!

Téton đỏ mặt tía tai. Trước giờ chưa bao giờ họ nói về bãi biển Vaches Noires. Đó là điều cấm kỵ! Họ lại còn đợi ngày Lison ở đây để nói ra cơ! Lũ khốn! Lison sẽ mang theo kỷ niệm gì về anh ta đến Mỹ chứ?

— Tôi từng đến Vaches Noires tắm trước đám gái Hà Lan ấy rồi! – Téton vụng về tự vệ.

Ông ta thấy yên tâm một chút trước nụ cười bao dung của Lison.

— Với lại chuyện tiêu thụ gái Hà Lan, – Fernand đế thêm vào, – cũng như dưa hấu, rất mang tính thời vụ. Vào mùa thu, chẳng còn tìm được gì nhiều.

— Phải, tất cả đều đi hết, – René nói. – Và phụ nữ luôn là người đi đầu tiên. Gái Hà Lan vào mùa hè. Gái Mỹ vào mùa thu. Đông này tôi phải đóng cửa quán thôi. Thế đấy! Làng Lâu Đài Quỷ chẳng còn gì ngoài quán bar và bảo tàng. Bảo tàng thì sắp đóng cửa! Vậy tôi còn bám trụ một mình làm gì?

50 FERNAND NÓI TIẾNG ANH

3 THÁNG MƯỜI MỘT 1975, TYSONS CORNER, VIRGINIA

Nhìn từ sau lưng, hẳn người ta sẽ nói đó là một người đàn ông: áo sơ-mi kẻ ca-rô ô to màu đỏ, quần jean xanh bó chặt cặp đùi to, đôi bốt da to cao cổ, cơ thể lực lưỡng, hai tay chắp sau lưng đang siết chặt một chiếc roi ngựa. Toàn thân bất động, hoàn toàn bất động.

Hẳn người ta sẽ nói đó là một người đàn ông, nhưng Emilia Arlington mặc kệ những gì người ta nói về mình. Khi còn ở Quốc hội, bà cũng từng trang điểm đôi chút. Vậy nên, giờ đây, khi đã xa rời tất cả những thứ đó, xa rời chính trị, đến định cư tại trang trại của mình ở Tysons Corner, nằm lọt thỏm giữa lòng Virginia, bao quanh là những đầy tớ mà bà từng gặp khi còn là những đứa bé, vẫn còn ở truồng, rồi lớn thành những thiếu niên; đám phụ huynh của họ cũng từng gặp bà khi bà còn là một bé gái, vẫn ở trần, rồi là một thiếu nữ…

Bà mặc kệ vẻ ngoài của mình! Vẻ ngoài duy nhất quan trọng với bà, là của Tennessee, con ngựa hồng thuần chủng đang tập luyện để tham gia một cuộc thi mang tính quyết định, bốn tháng nữa, tại Richmond. Tennessee sẽ

sẵn sàng, bà Arlington coi đó là một thách thức. Lần bong gân mắt cá cách đây hai tháng của nó chỉ còn là một ký ức tồi tệ. Nó sẽ sẵn sàng, nhờ luyện tập, vào buổi sáng và buổi chiều. Bất chấp việc Rod Kinley, người cưỡi nó, một nài ngựa tài năng, nhưng ngu ngốc, khăng khăng đòi phải cho Tennessee nghỉ ngơi.

Cho Tennessee nghỉ ngơi! Khi chỉ còn vài tuần là đến giải Grand Prix! Cho Tennessee nghỉ ngơi, tên Rod Kinley đần độn sẽ làm điều đó ngay khi bà quay lưng. Chỉ có điều bà không bao giờ quay lưng!

— Bà Arlington, có điện thoại! – gã choai Davies hét lên. – Có điện thoại! Bà Arlington, có điện thoại!

— Được, tôi biết rồi! – bà thượng nghị sĩ về hưu hét trả. Emilia Arlington miễn cưỡng thôi đảo mắt, không quên ném cái nhìn đe dọa về phía Rod Kinley. Cái nhìn của một giáo viên sẽ vắng mặt chốc lát nhưng có thể quay lại bất cứ lúc nào.

Bà Arlington nghe điện:

— Tôi đây?

— Tôi là Fernand, bà Arlington, Fernand Prieur. Bà biết Fernand ở làng Lâu Đài Quỷ chứ. Bà nhớ lại đi, bà đã nói với tôi, tôi phải báo cho bà nếu có chuyện gì xảy ra…

— Ừ, thế nào?

— Lison Munier và Alice Queen đã sắp xếp hành lý để đến Mỹ! Có vẻ họ đã tìm thấy các giấy tờ cũ. Những thứ quan trọng, tôi nghĩ thế.

— Kể hết cho tôi đi.

Fernand kể hết, kể chi tiết những gì ông ta biết về các thứ đựng bên trong chiếc ví được tìm thấy, nói cụ thể ngày tháng, các địa chỉ, hai người

phụ nữ đó để lại mọi thứ ở làng, phòng trường hợp…

— Cảm ơn, ông Prieur, ông làm rất tốt. Toàn bộ chuyện đó xác nhận một cách tuyệt vời những gì tôi nghĩ ngay từ đầu.

Một khoảng im lặng. Thậm chí trong một thoáng Fernand còn sợ hãi nghĩ rằng người đàn bà Mỹ kia đã gác máy.

— Thưa bà! – ông ta gần như hét lên.

— Sao?

— Thế còn, rốt cuộc, ờ?

— Sao?

Bà Arlington không hề mất đi năng khiếu tàn nhẫn là khiến những người mắc sai lầm vì làm việc với bà phải lúng túng, mà không một giây nào đánh mất vẻ trang nghiêm.

— Ờ, về séc cho tôi… Rốt cuộc, đó là điều bà đã hứa.

— Tiền hoa hồng, chắc ông muốn nói thế.

— Ờ vâng…

— Chúng ta chưa thống nhất ư?

— Ờ rồi…

— Có thay đổi gì không?

— Ờ không…

— Vậy thì, sao ông còn đòi tôi? Đương nhiên ông sẽ nhận được, như đã thỏa thuận! Còn gì nữa không?

— Ờ không…

— Ông vừa giúp tôi rất tốt, ông Prieur. Nếu có thông tin gì mới, đừng do

dự.

— Không, tất nhiên rồi… Cảm ơn, bà Arlington. Chào bà.

Bức điện tín của Nick đến quá muộn. Chaventré nhận được ngay sau hôm Alice và Lison lên đường. Bức điện chỉ nói Nick thấy thật tuyệt vời khi cuối cùng họ cũng có thể chạm tay vào bản giao kèo trứ danh, hiện anh đang thực hiện một vụ với các hoàng thân Cộng hòa Trung Phi, phức tạp nhưng rất béo bở, anh sẽ cố giải quyết nhanh nhất có thể rồi bắt kịp họ ở chặng từ Ashland đến Valentine. Anh vẫn nhớ đường, đương nhiên, toàn bộ cơ thể anh vẫn nhớ và đã run rẩy sẵn.

51 PHÒNG SUITE CỦA KHÁCH SẠN RAMADA INN

11 tháng Mười một 1975, Washington

Lison gần như chưa bao giờ rời khỏi Normandie. Chị đã thú nhận điều đó với Alice trên máy bay. Chị chỉ lên Paris một hai lần, và dĩ nhiên là xuống Lourdes một lần. Thực ra, nếu chị chưa bao giờ lên đường tìm Alan ở Mỹ, thì là bởi chị không có tiền, đương nhiên, nhưng có thể còn do chị sợ đi đến nơi khác, nơi xa lạ. Lison chưa từng biết đến nơi nào khác ngoài làng Lâu Đài Quỷ và mười ngôi nhà ở đó, nơi chị là nữ hoàng. Ở nơi khác, chị cảm thấy mình chẳng khác nào một bé gái lạc đường.

Tối muộn, máy bay đưa họ hạ cánh xuống Washington, sân bay quốc gia nằm ngay cạnh Lầu Năm Góc. Tất cả những gì Lison thấy tối hôm đó là ánh sáng của một sân bay, ánh mắt thù địch của một nhân viên hải quan, một con phố mênh mông, dòng xe cộ dài đến khó tin nối đuôi nhau qua lại, Lison chưa từng nhìn thấy nhiều xe đến thế bao giờ. Một chiếc taxi tồi tàn mà Alice vẫy được một cách kỳ diệu trong cảnh tranh tối tranh sáng, chỉ bằng một động tác đơn giản và gần như không thể nhận ra. Một người đàn ông, cũng thảm hại như chiếc xe, vội vã lao ra sắp xếp hành lý. Ánh sáng

trắng trên những con đường, lóa mắt, phía trên, phía dưới, như trong vòng đu quay buổi tối, bóng những tòa nhà lớn ở phía sau, rồi đột nhiên xuất hiện ánh sáng đỏ của một khách sạn, Ramada Inn, cái tên viết bằng đèn huỳnh quang. Hành lý lần lượt được lấy ra. Ở quầy đón tiếp, có những người đàn ông râu ria mặc trang phục màu bordeaux, tất cả đều giống nhau, theo phong cách Puerto Rico, ít nhất đó là điều Lison có thể nói. Tươi cười, quá mức, kiểu mờ ám nữa. Lison muốn xua ý nghĩ này ra khỏi đầu. Sao lại mờ ám? Chị lý luận là trông anh ta giống cha mình mỗi lần ông nhìn về cuối đường thấy xuất hiện đoàn xe của người du mục. Chị tự giận mình chuyện đó, nhưng không vì thế mà xua được cảm giác bất an. Thảm trải sàn ở khắp nơi, màu tím đỏ, một chiếc thang máy mạ vàng nhưng chậm chạp. Một chiếc chìa khóa nhỏ với móc khóa to tướng bằng sắt bao quanh là cao su. Một căn phòng, đúng hơn là phòng khách sạn nhưng có nhiều buồng, chính xác là ba buồng, với chừng đó giường, TV, tủ lạnh, thêm một căn bếp.

— Rộng thật, Alice ạ, – Lison nói, vẻ ấn tượng.

— Ở đây cái gì cũng to lớn, – Alice trả lời. – Người Mỹ phải làm thứ gì cũng to để thấy yên tâm. Phòng khách sạn chẳng hạn. Vào bữa sáng ngày mai chị sẽ thấy trên khay kích thước các tách trà, cốc cacao, độ dày các tờ báo. Người Mỹ luôn sợ không đủ, và không bao giờ ăn hết được. Lãng phí làm họ thấy yên tâm! Ngày mai, bên ngoài, chị sẽ thấy xe ô tô, đương nhiên, nhưng cả nhà cửa, phố xá, thành phố, tất cả đều quá khổ. Chị sẽ thấy, cả con người cũng quá to béo!

Rồi Lison nhanh chóng chìm vào giấc ngủ trên chiếc giường có chiều rộng ăn đứt chiều dài. Do lệch múi giờ và mọi lý do khác.

Ngày hôm sau, khi vừa mở mắt, chị thấy Alice đã dậy, ăn vận chỉnh tề, tươi cười:

— Chị cứ ngủ và nghỉ ngơi đi. Chị thấy mệt là bình thường, quả là

chuyến đi chết tiệt với một phụ nữ Normandie bé nhỏ.

Lison duỗi người một chút trên giường, chị thấy dễ chịu.

— Cứ nghỉ đi, – Alice nói tiếp, – tôi sẽ tranh thủ đi thuê ô tô, mua một tấm bản đồ và rút tiền. Chắc tôi không đi lâu đâu. Tôi gọi ăn sáng cho chị nhé? Ở Pháp giờ đã quá trưa rồi!

Lison ra hiệu đồng ý, rồi lại vùi mình trong đống chăn ga trên chiếc giường khổng lồ. Chị tự nhủ mình sẽ sớm thấy thích những chuyến đi, đặc biệt với tiện nghi kiểu Mỹ.

Alice ra ngoài. Năm phút sau có tiếng gõ cửa. Chắc hẳn là bữa sáng. Lison chạy đến chỗ va-li, lục tung đống quần áo cho đến khi tìm thấy chiếc áo choàng trong nhà, chị mặc vào và cài cúc đến tận cổ. Chị không muốn mình xuất hiện như một phụ nữ Pháp lẳng lơ, nhất là trước mặt một người phục vụ theo phong cách Puerto Rico râu ria với cái nhìn đăm đăm.

— *Yes yes, wait a minute!*§

Lison tự thấy ngạc nhiên với sự tự tin của mình. Phần lớn từ ngữ tiếng Anh chị học từ Alan những năm trước trở lại tại nơi đây như một phép mầu. Sau cùng chị mở cửa.

Không phải người phục vụ có phong cách Puerto Rico. Là một người phụ nữ có tuổi nghiêm nghị, mái tóc hất ngược ra sau, phần cơ thể còn lại hẳn cũng thuộc về người già nhưng bà già ấy vẫn đứng thẳng, bất chấp tuổi tác.

— Lison Munier?

— Vâng…

— Tôi là Emilia Arlington. Tôi muốn nói chuyện với cô.

Mọi thứ đảo lộn trong tâm trí Lison. Chị mời bà cụ vào.

— Có lẽ bà muốn nói chuyện với Alice Queen. Nhưng chị ấy ra ngoài rồi, vài tiếng nữa chị ấy sẽ về.

— Không, cô mới là người tôi muốn gặp, mình cô thôi. Tôi đã đợi trên phố đến khi cô ta đi.

— Nhưng… Lison đột nhiên thấy sợ.

— Sao bà biết chúng tôi ở đây? – Lison hỏi. – Chúng tôi mới đến đêm qua.

— Tôi có thói quen giữ cho mình luôn biết mọi chuyện. Một thói quen chính trị cũ. Đừng sợ gì cả, tôi chỉ đến nói chuyện với cô thôi. Tôi ngồi được chứ?

Lison bĩu môi nghi ngờ. Chị không trả lời nhưng bà già ấy vẫn ngồi. Lison cố thoát khỏi cơn đờ đẫn. Có người gõ cửa phòng và lần này thì đúng là bữa sáng, to khổng lồ như đã hứa, được mang đến bởi một người Puerto Rico có vẻ không xảo trá bằng người tối qua.

— Bà muốn gì? – Lison hỏi với giọng tỏ ra cương quyết, sau khi người phục vụ đi khỏi.

— Muốn cô lắng nghe tôi, chỉ vậy thôi. Tôi có một câu chuyện để kể cho cô, câu chuyện mà cô đã biết, nhưng tôi muốn kể cho cô theo cách khác.

Lison vẫn đứng. Chị đi vòng quanh căn hộ rộng lớn.

— Tôi muốn đợi Alice.

— Nghe tôi đây, đồ đần độn! – Emilia Arlington mất kiên nhẫn. – Nghe thì mất gì của cô hả? Tôi đã hơn tám mươi tuổi rồi. Cô sợ gì chứ? Hãy thôi chạy theo và tin một cách mù quáng những gì ả Alice Queen đó, cũng như bất cứ ai khác, kể với cô đi. Đừng có bồn chồn như thế nữa. Ngồi xuống đi. Ăn sáng nếu cô muốn, nhưng nghe tôi nói đây!

Quả đúng là bà Arlington như người ta mô tả, Lison nghĩ. Nghe lời, chị ngồi xuống trước tách cà phê nửa lít.

Emilia Arlington rút ra từ túi xách một tờ giấy: bản photo một tờ sao kê tài khoản ngân hàng, tờ lệnh viết tay, vậy là có từ trước kỷ nguyên tin học.

— Nhìn dòng mười một, cột *Chi.* Cô đọc thấy gì, thưa cô Munier? 1,44 triệu đô-la, bằng tiền mặt! Nhìn tiếp ngày tháng đi: ngày 10 tháng Một năm 1946… Nhìn tên chủ tài khoản đi: Oscar Arlington!

— Vậy thì sao? – Lison hỏi, không phản ứng gì.

— Vậy thì đồ đần độn ạ, cái này chứng minh Oscar đã trả món nợ từ năm 1946. 1,44 triệu đô-la. Nó thực sự đã trả tiền cho Alice Queen!

— Bà nghĩ có thể thuyết phục được tôi với mẩu giấy chép lại bằng tay đó à?

— Cô có thể xem bản gốc, tại Ngân hàng Bắc Capitol. Cô sẽ thấy, tất cả các khoản thu và chi trong các tài khoản của chúng tôi đều được ghi lại từ bảy mươi năm nay. Không một nét gạch xóa! Giao dịch ngân hàng này được thực hiện năm 1946. Cả trăm chủ ngân hàng đã tuyên thệ có thể xác nhận với cô. Nào, gọi điện đi!

Lison không muốn nghe bà ta, không muốn nghe những lý lẽ của bà ta. Alice đã lường trước chuyện này. Bà già này là một kẻ toàn năng, toàn bộ những chuyện kia chẳng chứng minh được gì.

— Câu chuyện của bà không thuyết phục, bà Arlington ạ… Làm sao giải thích được những chuyện xảy ra cách đây mười năm, nếu con trai bà đã giải quyết khoản nợ với Alice?

Emilia Arlington khẽ mỉm cười, nụ cười của kẻ đi câu thấy cá đã cắn câu.

— Tự cô sẽ thấy, mọi chuyện liên kết với nhau khá logic.

Emilia Arlington trình bày từng điểm một trong phiên bản của mình về các sự kiện, như đã làm một lần duy nhất từ trước đến nay, vào năm 1965, trước mặt luật sư Robin Le Gris: mọi nghi ngờ đổ về quãng thời gian Alice ở Úc, lòng tham của Alice, ý định khiến nhà Arlington phải trả tiền lần thứ hai, cách Alice mê hoặc những người xung quanh mình thật tự nhiên bằng sự quyến rũ và nỗi đau, những mưu mẹo khiến tất cả các nhân chứng đều về phe mình, nguyên tắc danh dự ngăn không cho bà thượng nghị sĩ nói ra, vụ tự sát được dàn dựng của Oscar Arlington. Bà chỉ tránh nói về Alan Woe.

— Tôi biết con trai tôi không tự sát! – Arlington kết thúc.

Lison nhổm người dậy, khó khăn với tay lấy cốc cà phê. Chị cố gắng suy luận một cách logic.

— Alice sát hại con trai bà, thật nực cười!

— Tại sao, cô nghĩ cô ta không đủ kiên quyết ư? Cô nghĩ cô ta không hận nó đủ ư?

Lison lại có những lý lẽ ngược lại:

— Bà nói về Alice Queen như một con người tham lam, mê tiền, đã tiêu pha hết trong vòng mười lăm năm, và muốn có thêm nữa. Thật ngu ngốc! Tôi sống cùng Alice từ mười năm nay. Chị ấy gần như không chi tiêu gì cho chính mình. Chị ấy cho đi toàn bộ số tiền chị ấy sở hữu. Vai góa phụ buồn bã không phải là một vai diễn!

Arlington có vẻ thoáng nghi ngại.

— Có lẽ cô ta chỉ tìm cách bắt chúng tôi luôn phải trả nhiều hơn nữa, vì hận thù.

— Vậy tại sao phải đợi những hai mươi năm? Alice không quan tâm đến tiền, bà cũng vậy.

Arlington nở nụ cười đắc thắng:

— Có thể lúc đầu, Alice chỉ có ý định tống tiền, một câu chuyện đầy dối trá… Thậm chí cô ta còn ác ý nghĩ rằng mình mới thuộc về phe chính nghĩa. Cái chết của Lucky có giá cao hơn 1,44 triệu đô-la. Đối với những người giàu như chúng tôi! Oscar còn sống là nhờ có Lucky. Nó có thể chi thêm chút tiền cho người góa phụ đó. Rồi có lẽ mọi thứ đã đi xa hơn cô ta tưởng tượng. Có thể cô ta đã gặp con trai tôi và nó không muốn trả tiền lần nữa. Từ tống tiền, mọi chuyện biến thành tội ác. Quả là ăn khớp! Cô ta đã nhiều lần suýt chết, cô ta lôi kéo những người cô ta yêu quý vào chuyện này. Không thể công kích nhà Arlington mà không bị trừng phạt! Do đó, có lẽ cô ta hiểu mình đã thực sự làm vấy bẩn ký ức về Lucky Marry, rằng hận thù đã đẩy cô ta đi quá xa. Số tiền đó, cô ta không thể tiêu nó một cách phù phiếm được nữa, vì bản thân cô ta không còn phù phiếm nữa. Cái mặt nạ buồn bã không còn là mặt nạ nữa!

Lison có vẻ mất phương hướng.

— Tôi đã tự mình điều tra, – Arlington nói tiếp, – Alice không phải con người trước sau như một như cô ta rất muốn tỏ ra đâu!

— Trừ phi bà không biết hết, – Lison vừa hét lên vừa bám vào điều mà mình tin là bí mật. Chúng tôi đã tìm thấy những bằng chứng khác cách đây mười lăm ngày, tại Normandie. Những bức thư!

— Vậy à, – Arlington bình tĩnh nói, – và những bức thư đó nói gì?

— Ư ừm…

Trong khoảnh khắc Lison có cảm giác bà cựu thượng nghị sĩ đã biết nội dung các bức thư của Alan. Làm sao có thể có chuyện đó? Lison cảm thấy

mình thật yếu đuối. Sao Alice lại để chị lại một mình, hoàn toàn đơn độc?

— Sao nào? Những bức thư xác nhận điều tôi vừa kể, đúng không? Arlington đắc thắng. Chúng giấy trắng mực đen nói rằng sau chiến tranh con trai tôi đã trả món nợ. Vậy ai ký tên dưới những bức thư đó?

Vậy là bà ta biết! Bà già này là một con quỷ.

— Alice Queen, – Lison nghe thấy mình nói nhỏ. – Nhưng…

Lison chưa từ bỏ. Sở dĩ Arlington biết, là bởi chính bà ta đã viết ra những bức thư đó!

— Nhưng những bức thư đó là giả, thứ đồ giả thô thiển. Đó không phải nét chữ của Alice! Những bức thư đó, bà chính là người viết ra chúng, bà hoặc con trai bà. Nếu không, làm sao bà biết được?

— Mọi bí mật đều có thể mua được, ngay cả ở Normandie. Nhưng con trai tôi đã trả tiền năm 1946, đừng quên! Hãy gọi điện cho ngân hàng nếu cô vẫn còn nghi ngờ. Ngược lại, điều gì chứng minh với cô những bức thư đó là giả? Có thể không phải nét chữ trên các bức thư Alan nhận được từ năm 1946 đến 1964 đã khác đi, mà là nét chữ trên các bức thư Alice gửi cho cô về sau, sau năm 1964! Rất có thể cô ta đã thay đổi nét chữ khi viết thư cho cô để khiến cô tin rằng những bức thư trước đó là giả! Cô có thể nói cho tôi đâu mới là nét chữ thật của Alice không? Trước năm 64 hay sau năm 64?

— Có, tôi có thể! – Lison hét lên. – Nét chữ của Alice Queen, người viết thư cho tôi từ năm 1964, cùng kiểu với nét chữ của lời đề tặng đằng sau một tấm ảnh Lucky sở hữu, sau đó là Alan. Lời đề tặng ghi ngày tháng là tháng Tư năm 1944!

Không, Emilia Arlington không làm khó chị được đâu!

— Cô chỉ nói ra những lý lẽ mà Alice đã nhồi nhét vào đầu cô. Nghĩ đi! Cô ta sống cùng cô mười năm nay. Cô ta có mười năm để nhồi vào đầu cô những manh mối cô ta muốn, để viết lời đề tặng ghi năm 1944 đó, để làm giả mọi thứ, để chuẩn bị cho vụ phát hiện chiếc ví một cách kỳ diệu. Cô sống ở đó, suốt nhiều năm trời cô đã lục tung tất cả mọi thứ, tôi đoán vậy. Và cô chưa bao giờ tìm thấy nó, chiếc ví đó. Một giá trưng bày lỏng lẻo sẽ đổ sập một ngày nào đó. Một cái đáy thứ hai mỏng manh bung ra như là tình cờ. Mọi thứ trong chuyện này đều là trò xảo trá!

— Sao Alice lại phải dàn dựng một chuyện như thế! Sau mười năm…

— Vì các bản giao kèo, đương nhiên. Chừng nào các bản giao kèo còn chưa được tìm ra, thì vụ việc còn chưa khép lại. Tôi luôn có các thám tử điều tra cho tôi, cô ta biết điều đó.

Lison muốn bịt tai lại. Kéo một sợi dây và một nhân viên Puerto Rico sẽ chạy ào đến ném mụ phù thủy này qua cửa sổ. Chị có tiền, chị có thể trả.

— Lison, cô không thấy lạ sao, – Arlington tiếp tục dằn từng tiếng, – khi Alan không mang chiếc ví đó theo mình đến Mỹ, hoặc ít nhất là những bức thư, những bức thư và các bản giao kèo?

Có, Lison đã thấy chuyện đó rất lạ. Có thể đó là sự cẩn trọng của Alan.

— Nếu anh ta để chiếc ví lại ở Normandie, – Arlington nhấn mạnh, – thì hẳn cô phải tìm thấy nó!

Lison nhớ lại chị đã nhiều lần lục tung chiếc hòm sắt sau khi Alan ra đi. Nhưng có lẽ chị chú ý chưa đủ.

— Và nếu, – Emilia Arlington nói, – Alan đã mang chiếc ví đó theo mình đến Mỹ, như logic phải thế, thì việc cô không tìm ra nó là hoàn toàn bình thường! Một người khác có thể xem nào, lấy lại nó từ Alan tại Mỹ, rồi lại mang nó về chỗ cô. Đặt nó vào chỗ cũ, Normandie, rồi chờ người ta tình

cờ tìm ra nó!

Im đi! Lison hét lên trong đầu.

— Đó là người đã sát hại Alan. Còn ai khác ngoài kẻ sát hại Alan có thể lấy lại chiếc ví? Ai khác ngoài Alice có thể để lại chiếc ví vào chỗ của nó? Ai khác ngoài Alice có thể sát hại Alan?

Sao Alice không ở đây? Để tự bảo vệ, để chứng minh cho Arlington và Lison rằng toàn bộ chuyện này chỉ là vu khống. Phải có một lời giải thích logic khác. Lison những muốn giật lấy khay đồ ăn sáng và ném vào tường.

— Theo ý cô, – Emilia Arlington hỏi, – vì sao Alan lại quay về Mỹ?

— Vì lời đề tặng trên tấm ảnh, – Lison máy móc trả lời, thậm chí còn không để tâm vào câu nói ấy. – Nét chữ đó khác với nét chữ trong các bức thư.

— Và phải hai mươi năm sau anh ta mới nhận ra ư? Tình cờ đến kỳ lạ! Đúng lúc Alice Queen bắt đầu thực hiện kế hoạch của mình! Không, sự thật logic hơn thế. Cùng với con trai tôi, Alan Woe là người duy nhất biết món nợ đã được giải quyết, nhờ các bức thư của Alice. Vậy nên anh ta phải chấp nhận im lặng, hoặc biến mất. Lấy một cớ nào đó, Alice đã lôi kéo Alan về Mỹ. Một cuộc điện thoại, một bức điện tín… Có thể cô ta đã đề nghị anh ta hợp tác trong kế hoạch của mình. Anh ta từ chối tiếp tay và giữ im lặng. Vậy là cô ta đã trừ khử anh ta.

Lison vận đến chút sức lực cuối cùng:

— Chính con trai bà đã ngủ ở khách sạn, vào hôm Alan bị xe đâm cách Blue Hill vài dặm! Vì Alan đã cho đăng những mẩu tin vặt nói rằng hắn chưa trả nợ.

— Cô tin con trai tôi ngu như vậy à? Sau khi sát hại Alan, thay vì quay

về thẳng Washington, nó lại ngủ yên lành ở khách sạn cách đó vài dặm!

— Với tên giả!

— Ở vùng đó có không quá năm khách sạn. Ngay cả khi dùng tên giả, chắc chắn nó cũng bị phát hiện. Không, hành động như vậy không hề thuyết phục! Con trai tôi đã bị dụ đến đó để bị chụp mũ!

— Thế còn các mẩu tin vặt?

— Tôi đã kiểm tra, toàn bộ đều được gửi đến các báo bằng thư tín. Chúng có thể được soạn bởi Alan, hay bất kỳ ai khác! Không quá khó để tạo ra một thủ phạm, khi ai cũng bị thuyết phục trước rằng hắn là một con quái vật!

Lison cố không tập trung vào vụ tai nạn của Alan, nhưng thật khó khăn. Chị nghe thấy tiếng bước chân trong hành lang. Trong một thoáng chị hy vọng là Alice đang về, nhưng không phải, bước chân tiếp tục đi và chị nghe thấy cửa phòng bên cạnh mở.

— Thế còn chiếc xe tải đâm Nick Hornett? – Lison rên rỉ. – Còn vụ nổ căn hộ của Alice? Cũng là trò Alice dựng lên ư?

— Không!

Emilia Arlington nhếch mép một cách đáng sợ.

— Không. Alice đã nắm thóp được tôi, cô ta biết tôi sẽ không nói ra! Nhưng cô ta đã giết con trai tôi! Tôi không biết đó là do hận thù hay tham lam, nhưng cô ta đã giết nó! Hẳn là tôi nên bảo vệ danh dự nhà Arlington. Hẳn là tôi nên trả thù!

Lison bùng nổ:

— Cút ra khỏi đây, tôi không tin bà!

— Nghĩ đi, cô Munier, dành thời gian mà nghĩ đi. Chỉ có phiên bản này giải thích được tất cả! Đương nhiên, thật khó để chấp nhận, suốt mười năm nay, cô sống cùng người phụ nữ đã sát hại người đàn ông cô yêu.

Emilia Arlington nhặt bản photo các tài khoản ở Ngân hàng Bắc Capitol.

— Tôi để nó cho cô, bà cựu thượng nghị sĩ kết thúc. Tự mình kiểm tra đi. Khi nào không còn nghi ngờ gì về chi tiết này, cô nên chấp nhận toàn bộ phần còn lại!

— Cút đi!

— Một điều cuối cùng, thưa cô Munier. Tôi tin cô, tôi biết cô vô tội. Vậy nên hãy quay về Normandie! Tôi kiên quyết sẽ giết con rắn độc Alice Queen đó! Và xóa sổ bất cứ ai ngáng đường giữa cô ta và tôi. Cô đã được báo trước, cô Munier, tôi không làm gì chống lại cô. Nhưng nên biết phân biệt kẻ thù đích thực.

Lison cầm tờ sao kê tài khoản ngân hàng mà Emilia Arlington chìa ra cho chị rồi giận dữ vò nát:

— Biến đi cho khuất mắt tôi!

— Nghĩ đi. Bình tĩnh nghĩ đi. Như chính tôi đã làm. Và cô cũng sẽ đi đến cùng kết luận như tôi thôi. Một trò xảo trá, một trò xảo trá đáng sợ… Được, tôi đi…

Cánh cửa căn phòng khách sạn đóng lại. Lison giận dữ ném cục giấy, nó rơi xuống tấm thảm trải sàn mà không gây ra tiếng động nào. Vậy là chị tìm thứ khác nặng hơn, bất kể thứ gì. Chị với lấy trên chiếc bàn thấp một trong số ba cái điều khiển TV và dồn toàn bộ sức lực ném mạnh. Cái điều khiển đập vào cửa phòng, rồi rơi xuống đất. Hẳn nó phải rất chắc, nó không vỡ. Ngược lại, do cú va chạm, chiếc điều khiển, có độ nhạy cũng cao như độ

bền, bật chiếc TV màn hình toàn cảnh trong phòng khách.

Điệu cười độc địa thu sẵn của một phim truyền hình gia đình vang lên trong căn phòng khách sạn.

Trong một thoáng, Lison nghĩ mình đã phát điên.

Bốn mươi lăm phút sau, lúc quay về, Alice thấy Lison mặc áo choàng ngồi ở ghế bành trong phòng khách. TV vẫn phát ra tiếng cười.

— Chà, – Alice nói với giọng vui vẻ hồn nhiên. – Chị làm quen nhanh đấy, với *american wal of life*… TV đến mụ người ngay từ khi thức dậy! Bữa sáng ăn qua loa! Mặc áo choàng đến tận trưa…

Rồi chị thấy Lison tái nhợt.

— Tội nghiệp, chị vẫn bị lệch múi giờ à? Ta có thể đến nhà thuốc nếu chị muốn. Tôi có ô tô, ta có thể lên đường đến Ashland ngay chiều nay. Tôi hy vọng sẽ lái ổn. Tôi đã có bằng lái ở Pháp, chị biết đấy, nhưng tôi chưa bao giờ lái xe ở đây. Nói đi, Lison, chị nghe thấy tôi nói chứ?

Khi lại gần chỗ Lison, chân Alice giẫm vào một cục giấy trên thảm. Chị cúi xuống nhặt.

— Để đấy! – Lison thét lên.

Lison nhảy xuống từ ghế bành, chộp lấy tờ giấy trước Alice và nhét vào túi áo choàng. Rồi không nói một lời, chị trốn vào phòng tắm. Chị vặn nước vòi hoa sen rồi đứng dưới đó khóc rất lâu.

← Đây rồi, chờ chút! – Tiếng Anh trong nguyên bản

52 LAURA STERN

12 tháng Mười Một 1975, từ Ashland đến Valentine

Alice hào hứng lái chiếc Ford Fleetwood. Chị đã phải rất vất vả mới tìm thuê được một chiếc, ngày nay chúng thuộc hàng xe cổ thật sự. Nhưng chị vẫn nhất định tìm bằng được!

Alice không ngừng liên tưởng đến chính con đường này, cùng với Nick, mười năm trước. Mỗi ngã tư đều khiến chị nhớ đến một giai thoại: xe không chạy, radio trên xe kêu lao xạo.

Lison ngồi bên cạnh chị, không trả lời. Như người mộng du. Chị không nói gì với Alice về chuyến viếng thăm của Emilia Arlington và tờ sao kê tài khoản. Giờ đây, chính chị cũng thuộc hàng những kẻ nói dối, giống tất cả những người khác. Chị không thể nghĩ quá ba câu liền mạch. Chị đi theo Alice, ngoan ngoãn, không nói năng gì, chỉ ừ, không, lắc đầu. Chị cảm thấy mình như đang chìm xuống cát lún.

Alice sát hại Alan.

Thật nực cười, không thể, chuyện đó chẳng có cơ sở gì! Lison muốn

thuyết phục bản thân như thế. Thậm chí nếu đúng là vậy thì chị cũng không muốn biết! Lison thà nghe nói dối còn hơn. Nhưng không, chị đang nghĩ linh tinh gì vậy? Vì chuyện đó không đúng! Vì Alice vô tội. Vậy trong trường hợp này, sao không kể hết với Alice, cuộc ghé thăm của Arlington, tờ sao kê tài khoản?

Bởi vì…

Lison thấy mình nhỏ bé, lạc lõng trong chiếc ô tô to lớn trên con đường vô tận này. Chị thấy mình đang ở quá xa làng Lâu Đài Quỷ, ở quá xa bạn bè mình, những người bạn đích thực, những người chị đã quen biết từ rất lâu. Nước Mỹ chỉ mang đến cho chị nước mắt, những người mà chị không được chứng kiến họ sinh ra, chẳng biết gì nhiều về họ, tức là không biết gì cả, mà chị bắt buộc lại phải tin từng lời. Alan, Alice… Nhưng cũng là những người chị rất yêu thương. Song khi ta đến từ nơi khác thì đâu có khó gì trong việc khiến người khác yêu quý mình. Lẽ ra chị không bao giờ nên rời làng Lâu Đài Quỷ. Lẽ ra chị nên nghe lời cha mình. Các hoàng tử quyến rũ không bao giờ mắc cạn trên bờ biển Normandie. Lẽ ra chị nên vâng theo lời cha. Chị chỉ là con gái nhà Munier. Chị không đủ khả năng thực hiện toàn bộ những cuộc phiêu lưu này. Lẽ ra chị nên ở lại dưới hầm tránh bom. Lẽ ra chị nên cưới Téton, người chẳng mong điều gì khác. Sinh những đứa con, sống và chết ở đó.

Chết…

Bà ta, Emilia Arlington, đang ở đâu đó. Bà ta đang rình rập họ. Bà ta sẽ giết họ bằng cách này hay cách khác và mọi chuyện sẽ kết thúc, mọi chuyện sẽ ổn.

Nhanh lên đi, Emilia. Làm nổ tung chiếc xe trên con đường vắng vẻ này đi, đừng làm chúng tôi đau đớn. Hãy để mọi chuyện kết thúc, sẽ không còn phải tự hỏi ai là bạn ai là kẻ phản bội. Giết chúng tôi đi! Giết tôi trước nếu

bà muốn.

— Lison, chị tìm thấy phố Beecher trên bản đồ Ashland chưa?

Lison không trả lời.

— Lison? Lison! Chị nghe tôi không! Bản đồ Ashland trong bìa hồ sơ màu xanh lam, cùng với bức thư đầu tiên.

— Ừ, – Lison trả lời với giọng hời hợt.

— Chị ốm rồi, chị… Chị ốm từ lúc đến đây! Những chuyến đi không hợp với chị! Tôi đảm bảo với chị, có lẽ chúng ta phải dừng lại ở một hiệu thuốc, hoặc tìm một bác sĩ.

— Không, tôi ổn.

Thị trấn Ashland đã trở thành một ngã tư xa lộ rộng lớn, bao trùm là một vùng kinh tế khổng lồ bằng tôn và kính. Phố Beecher ứng với một lô nhỏ, ở ngoại vi thành phố. Ở số 51b, một người đàn ông râu ria lởm chởm mở cửa cho họ, trên tay ông ta ôm một đứa bé.

— Chị nói gì cơ? Alice Queen à? Không, tôi không biết ai như thế!

— Hình như bà ấy từng sống ở đây từ năm 1946 đến 1950, – Alice nói cụ thể.

Người đàn ông khẽ huýt sáo.

— Không ngạc nhiên khi tôi chẳng biết gì cả, chúng tôi mới ở đây từ ba năm nay. Chị nên đi tìm công chứng viên. Bây giờ ông ta sống ở làng bên cạnh, Marridge. Chị không thể lỡ mất được đâu, đó là căn nhà gỗ đầu tiên. Ông ta là người lo việc cho thuê nhà, ông ta có một cô thư ký rất quyến rũ.

Alice dễ dàng tìm ra Marridge, rồi đến nhà công chứng viên. Một cô thư ký thực sự quyến rũ, lịch sự và trang điểm đẹp, tiếp họ. Mọi chuyện thật đơn giản.

— Xem nào, – cô thư ký trả lời yêu cầu của Alice. – Ai sống ở căn nhà tồi tàn trên phố Beecher ở Ashland, từ năm 1946 đến 1950 ư? Chà, chuyện đó không phải xảy ra ngày hôm qua! Nhưng không lý gì chúng tôi lại không có nó. Chúng tôi lưu trữ mọi thứ ở đây!

Cô vừa leo lên một chiếc ghế thang của thư viện vừa đung đưa cặp mông bó trong chiếc jupe ngắn bó sát, lục tìm một lúc những giá sách cao nhất, phía sau cô, rồi lôi ra một chiếc hộp lưu trữ không chê vào đâu được. Từ chiếc hộp carton, cô lôi ra một tập hồ sơ, rồi lôi từ tập hồ sơ đó ra một tờ giấy.

— Xem nào, năm 1946. Tôi có đây rồi! Laura Stern. Nội trợ. Sinh ngày 25/04/1926. Bà ấy ở đó bốn năm. Tôi không có thông tin nào khác.

— Không có thông tin gì về chồng bà ấy sao? – Alice hỏi.

— Không, chúng tôi chỉ ghi thông tin về người ký hợp đồng thuê nhà và trả tiền. Bà ấy có chồng, con gì hay không thì chúng tôi không biết!

— Cảm ơn, – Alice nói.

Lison gật đầu.

Hai người quay lại đi lang thang khắp Ashland, nhưng không ai cho họ thêm chút thông tin hữu ích nào. Đã quá lâu rồi. Mọi thứ đã thay đổi. Không ai nhớ gì, cả ở trường học, lẫn ở những nơi khác.

Ở chính giữa làng, bảo tàng Máy móc Nông nghiệp vẫn nằm đó. *Còn lỗi thời hơn bảo tàng của chúng ta!* Alice nghĩ. Cả công viên nhỏ bên cạnh

cũng vẫn còn. Hai nữ điều tra viên dừng lại một lúc.

— Chúng ta đang đi theo bước chân Alan, – Alice nói hòng làm người bạn đồng hành phấn chấn. – Hẳn nhiên rồi! Cách đây mười năm, chắc anh ấy cũng làm như chúng ta, địa chỉ, vị công chứng viên, rồi tìm được thông tin này: Laura Stern. Bà ta, Laura Stern, có thể là ai? Một bóng ma ư? Không, bà ta đã trả tiền thuê nhà bốn năm! Có lẽ ta sẽ biết thêm ở chặng tiếp theo. Effingham!

Lison không trả lời.

— Lison, giờ không phải chênh lệch múi giờ làm chị mệt mỏi nữa. Vậy là chuyện gì? Chuyện gì đã xảy ra? Chính chị là người muốn đến đây mà!

Lison nói nhỏ nhẹ, chậm rãi.

— Không, không có gì đâu. Tôi để chị làm, vậy thôi. Tôi đi theo chị. Chị quen công việc điều tra hơn tôi. Với lại, chị biết vùng này… Có vẻ chị rất quen vùng này!

Nhận xét này khiến Alice ngạc nhiên.

— Ừ… Thật ra, không đến mức rất quen, chị biết đấy! Mỗi chặng tôi chỉ dừng lại vài giờ, cùng với Nick. Và cách đây đã mười năm rồi.

Buổi tối, hai người ngủ ở khách sạn Hometown, cũng là khách sạn Nick và Alice đã ở cách đây mười năm; mặt tiền khách sạn mới được sơn lại, và đương nhiên là một người quản lý khác đón tiếp họ.

Hai người dậy sớm. Họ đến Effingham lúc giữa chiều. Effingham có vẻ vẫn hoang vắng như mười năm trước. Bức tượng tướng Howard D. Linford vẫn đứng canh giữ quảng trường Lớn.

Theo địa chỉ ghi trên những bức thư Alan nhận được, Ở số 18

Highwood, chỉ còn một ngôi nhà đổ nát, không có người ở ít nhất đã từ nhiều năm nay, kết luận rút ra từ tình trạng của các viên gạch và khu vườn nhỏ. Alice liều đi vào sân.

— Để xem xét kỹ hơn, – chị giải thích. – Biết đâu đấy!

Lison nhìn theo Alice. Từ hai ngày nay, chị sống trong đau khổ. Dù không muốn, nhưng chị không thể ngừng dò xét Alice. Nếu Alice thực sự là người viết những bức thư đó? Nếu Alice và Laura Stern chỉ là cùng một người duy nhất? Những nơi này, chị ta đang giả vờ khám phá chúng trong khi trước đây thực ra chị ta đã lui tới suốt nhiều năm trời! Chị ta giả vờ ngạc nhiên, trong khi hẳn là những cơn hồi tưởng đang dâng lên trong đầu. Chị ta đi quanh ngôi nhà bỏ hoang này làm gì, nếu không phải để tìm kiếm những kỷ niệm? Lison tự giận mình, nhưng chị không thể chống lại nỗi ám ảnh ấy, vẫn dõi theo ánh mắt và thái độ của Alice, rồi diễn giải chúng. Vừa nãy, khi ra khỏi phố chính, Alice đã không hề do dự rẽ phải để đến Highwood. Chẳng có gì cho chị ta biết là nơi đó không nằm ở bên trái!

Giây lát sau, Lison tự trách mình. Tất cả những chuyện này chẳng nghĩa lý gì. Phải hay trái, có một nửa cơ may! Nếu có điều gì đó cần che giấu, thì hẳn Alice sẽ giả vờ lạc đường trong vòng một giờ đồng hồ! Lison thấy mình như phát điên. Trong một thoáng, chị những muốn hét lên *Laura,* để xem Alice có quay lại theo phản xạ không.

Alice ra khỏi khu vườn mà không tìm được gì. Hai người liền quay lại con phố dài lát gạch dẫn đến quảng trường Howard D. Linford. Alice định đến nhà bà lão làm nghề thuộc da từng chỉ dẫn cho họ cách đây mười năm. Thời đó, bà ấy có vẻ là bộ nhớ tích cực nhất của làng.

Ngôi nhà của bà lão làm nghề thuộc da đóng cửa. Một cánh cửa sổ đối diện mở ra. Alice và Lison quay người lại.

Một người đàn ông ít nhất cũng đã sáu mươi tuổi xuất hiện ở cửa sổ. Đôi mắt rất sáng của ông ta mở tròn xoe nhìn chòng chọc hai người lạ mặt: có lẽ ông ta không mấy khi thấy người ghé qua.

— Có việc gì? – ông ta hỏi.

Không đợi câu trả lời, ông ta tìm cặp kính cầm tay và đặt lên sống mũi.

— Nhưng… nhưng, – ông ta nói với Alice. – Tôi nhận ra chị, chị ấy… Đây không phải lần đầu tiên tôi thấy chị ở đây! Ồ, chắc chắn, cách đây rất lâu rồi…

Tim Lison đập dồn. Alice không trả lời.

— Phải mười năm rồi, – ông ta nói tiếp. – Nhưng lần gần nhất, chị đi cùng một ông. Tôi có nhầm không nhỉ? Tôi có trí nhớ tuyệt vời, đúng không? Chị muốn gì, nhìn qua cửa sổ cho vui à? Họ đã quẳng tôi về hưu khỏi ngành thuộc da khi tôi bốn mươi tuổi! Chị tưởng tượng đi! Chị muốn nói chuyện với Mona, như lần trước à?

— Vâng, – Alice nói. – Nếu Mona là người phụ nữ sống ở ngôi nhà đối diện nhà ông.

— Đã từng sống! – ông hàng xóm sửa lại. – Bà lão tội nghiệp đã chết cách đây ba năm.

— Ồ… thật đáng tiếc.

— Phải, thật buồn cười khi trước nhà có một cánh cửa chớp khép chặt với xóm giềng. Nhất là khi Mona lại ở vị trí của cái cửa chớp đó trong năm mươi năm trời! Nói cho chị biết, mọi người ở đây đặt cho bà cụ biệt danh Mona vì miệng bà cụ lúc nào cũng mỉm cười. Thật ra thì, chị tìm gì?

— Một người sống ở làng này từ lâu rồi, ít nhất là hai mươi lăm năm, khoảng vậy…

— Có tôi đây! Tôi vẫn luôn sống ở đây. Không phải lúc nào cũng ngon lành, các con tôi đã rời đến miền Nam, vợ tôi thì bỏ ra thành phố, nhưng tôi vẫn trụ vững! Như vị tướng ở quảng trường!

Vậy là Alice trình bày rất lâu mục đích cuộc tìm kiếm của họ, một người phụ nữ, Laura Stern, từng sống ở đây từ 1950 đến 1958. Một con trai, Mick, sinh năm 1951.

— Ái chà, – ông hàng xóm của Mona ngượng ngùng thú thực, – khó đấy! Phải nói là vào thời đó, trước khi xưởng thuộc da đóng cửa năm 57, số dân ở đây đông gấp ba đến bốn lần! Thêm nữa, những năm 50 là thời kỳ họ khôi phục xưởng thuộc da, ngay trước khi nó đóng cửa. Lũ chủ xưởng ngu ngốc! Vậy nên có rất nhiều người đến rồi đi, các công nhân trên công trường… Nhưng chị bảo người phụ nữ đó có một con trai? Vậy thì nên đến gặp Jennifer, bảo là tôi giới thiệu, Jennifer Torring. Suốt đời bà ấy là giáo viên tiểu học ở đây. Bà ấy ở cũng không xa, căn nhà nhỏ nằm giữa các kho hàng, ở vùng kinh tế số 3. Bà ấy chưa bao giờ muốn rời nó. Trước đây, nhà bà ấy nằm giữa đồng. Giờ, có hơn nghìn chiếc xe tải chạy qua trước nhà bà ấy mỗi ngày! Họ làm chúng tôi phát cáu với đống kho hàng đó. Chúng còn chứa những thứ nguy hiểm nữa chứ, chất hóa học ấy, chị đến mà xem! Họ quẳng chúng ở đây vì chẳng có ai la ó, chỉ có người già trong vùng. Thay vì xây mới lại, sao họ không quẳng những thứ đó vào trong đống đổ nát của xưởng thuộc da Meryll chứ?

Mười lăm phút sau, hai người phụ nữ lang thang trong màn bụi. Ở vùng kinh tế số 3, tiếng xe tải lúc nào cũng đinh tai nhức óc, chúng hoạt động, chất hàng, dỡ hàng, không bao giờ đi nhanh hơn chân bước. Đằng sau những khối hình hộp bằng tôn, hai bà thấy đúng là có một căn chòi nhỏ, một ngôi nhà búp bê với rèm cửa hoa, những cánh cửa chớp màu sắc và quần áo phơi bên ngoài, như thể đám bụi không tồn tại.

— Vào đi, vào đi, đừng đứng ngoài đó, – bà Torring nói khi thấy họ tiến đến. – Trong nhà đỡ ồn hơn.

Bà nói đúng, trong nhà đỡ tiếng xe tải hơn hẳn.

Alice trình bày lần nữa mục đích của cuộc tìm kiếm.

— Laura Stern, chị vừa nói vậy à? Một đứa con trai sinh năm 51? Để tôi xem.

Bà giáo tiểu học đi lên chiếc cầu thang cũ, rồi quay lại ngay cùng một cuốn sổ theo dõi lớp học màu đỏ.

— 1956–1957… Stern, chị nói thế phải không? (Bà tìm) Đây, tôi có ghi chép đây… Mick Stern, sáu tuổi… Đợi đã, tôi sẽ thử nhớ lại, tôi giỏi nhớ mặt hơn. Những cái họ, chị biết đấy!

Bà giở trang cuối quyển vở, có một chiếc phong bì to màu nâu dán vào quyển vở bằng băng dính. Bà lôi ra một bức ảnh chụp cả lớp.

— Khóa 1956–1957, – bà nói, giọng tự hào, và chỉ vào tấm ảnh. – Tôi viết họ của từng đứa ở mặt sau ảnh.

Bà nhìn gần hơn.

— Mick Stern, – bà nói. – Có phải thằng bé tóc đỏ này không nhỉ?

Jennifer Torring chỉ cho họ xem trong bức ảnh một thằng bé nào đó.

— Đúng rồi, – bà giáo tiểu học nói tiếp. – Giờ tôi đã nhớ được một chút. Thằng bé tóc đỏ. Một đứa bé ngoan ngoãn. Mẹ nó cũng tóc đỏ, tôi nghĩ mình còn nhớ. Phải thế không?

— Tôi không biết, – Alice trả lời.

— Một người phụ nữ xinh đẹp, theo những gì tôi nhớ, cao dong dỏng. Tôi không nhớ lại được gương mặt cô ấy nữa, nhưng tôi vẫn nhớ cô ấy rất

xinh đẹp. Hơi giống chị, – bà vừa nói vừa hướng vào Alice. – Nhưng tóc đỏ! Giờ tôi nhớ rồi, các đồng nghiệp, cánh đàn ông, thường có xu hướng rung động trước bà ấy. Ngoài ra, bà ấy luôn là người đến đón con. Nhưng bà ấy sống cùng ai đó, chắc chắn. Nếu không, hẳn các đồng nghiệp của tôi đã không kiềm chế được bản thân!

— Có tiến triển rồi, Lison, chúng ta có tiến triển rồi, – Alice nói to khích lệ trên đường đến Valentine. – Một người phụ nữ tóc đỏ, một đứa con trai tóc đỏ… Nói đi, Lison, chị ngủ à?

— Không, không, – Lison nói nhỏ.

Đêm đã xuống.

— Lần trước, – Alice nói tiếp, – cùng với Nick, tôi đã ngủ khi hai chúng tôi trên đường đến Valentine. Laura Stern… Tôi chưa bao giờ ngờ đằng sau những bức thư đó, có một người phụ nữ, một người phụ nữ có thật, bằng xương bằng thịt. Bà ta có vẻ không giấu giếm mình! Nói đi, Lison, chị có thực sự tin một người phụ nữ như bà Laura Stern đó, người có vẻ rất quyến rũ, lại có thể là người tình của Oscar Arlington không? Lison? Rõ ràng là chị vẫn không ổn chút nào.

Con đường trôi đi buồn bã. Đột ngột, Alice đậu chiếc Ford bên lề đường.

— Lison! – chị hét lên sau khi chiếc xe dừng lại. – Nói một lần cho xong đi, có chuyện gì không ổn vậy? Kể từ khi chúng ta đặt chân lên Mỹ, chị không còn như trước nữa. Hình như chị đang giấu tôi chuyện gì đó. Như có một bí mật đang đè nặng lên chị. Một bí mật khủng khiếp!

— Tôi rất hy vọng chị không nói ngược vai, – Lison áp sát cửa xe nói nhỏ.

— Chị nói gì vậy, Lison? Chị cứ áp vào kính xe như thế suốt gần một

nghìn dặm chúng ta đi qua. Nói gì đi! Giải thích cho tôi đi!

Lison ngồi dậy, chị rất căng thẳng. Chị nhìn những con ngài tan xác trên kính chắn gió.

— Chị đang tìm kiếm điều gì, hả Alice? – Lison cất tiếng hỏi.

— Gì cơ, tôi tìm kiếm gì á?

— Chị còn tìm kiếm điều gì trong toàn bộ chuyện này, còn chạy theo người phụ nữ tóc đỏ đó làm gì? Sau ba mươi năm! Tiền à? Chị không biết làm gì với nó… Trả thù, hận thù? Tôi quan sát chị, Alice ạ, tôi không còn thấy chị hận thù gì nữa.

— Lison, chuyện gì xảy ra vậy? Chính chị là người muốn đến đây trước mà. Vì Alan…

Lison thấy mình như một con ngài. Bị ánh sáng đèn pha thu hút. Thực sự là một cái bẫy, một cái bẫy chết người.

— Alice này, – chị đột ngột hỏi. – Chị có bạn không, bạn ở Úc ấy? Chị không nói về họ bao giờ! Chị còn giữ liên lạc không? Chị đã ở đó rất lâu, lâu hơn cả ở Normandie.

Câu hỏi có vẻ lạ lùng với Alice, nhưng vì đây gần như là chủ đề trò chuyện duy nhất mà Lison nói ra từ ba ngày nay nên chị không muốn làm phật ý bạn mình.

— Ở Úc, là tôi chạy trốn, Lison ạ. Cứ mỗi khi tôi bắt đầu không còn trong suốt ở một nơi nào đó, là tôi lại chạy trốn. Khi những người bán hàng bắt đầu nói chuyện với tôi, khi những người hàng xóm bắt đầu hỏi chuyện, khi các đồng nghiệp bắt đầu mời tôi đến nhà ăn tối, tôi chạy trốn. Tôi muốn mình trong suốt, vì Lucky. Sau nhiều năm, tôi cũng vượt qua, một chút!

— Vậy là không ai quen chị ở Úc cả?

— Không, – Alice vừa thốt ra vừa mỉm cười. – Ở đó tôi cũng bí ẩn như bà Laura Stern ở đây!

Đầu Lison lại tì vào kính. Những giọt nước mắt chảy trên cửa xe.

— Nếu chị không muốn nói với tôi, – Alice dịu dàng nói, – thì cũng không có gì nghiêm trọng. Chị nói sau cũng được. Chúng ta sẽ tiếp tục đi, Lison. Một người phụ nữ không biến mất như thế cùng một đứa con. Chúng ta sẽ lần ra cô ta! Kể cả khi chị không còn sức lực, tôi cũng sẽ làm điều đó vì chị. Tôi thấy có vẻ chị lạc lõng ở đây, Lison thân mến ạ, ở rất xa Normandie của chị… Ở đó, chị là người giúp đỡ tôi, suốt chừng ấy năm. Chị bắt tôi đi gặp bạn bè chị, ở quán bar, chính chị đi dạo cùng tôi trên trảng đất! Không có chị, tôi đã thành bà già điên từ lâu rồi. Giờ đến lượt tôi, Lison ạ, đến lượt tôi dẫn đường cho chị. Nếu ở đây chị thấy lạc lõng, thì hãy để tôi dẫn đường cho chị, Lison yêu quý ạ.

— Đừng để tôi lạc đường, – Lison khẽ thì thầm.

Nhưng không có từ ngữ nào bật ra khỏi miệng chị, chỉ có chút hơi nước đọng trên kính xe.

Chiếc xe Ford lại khởi động.

Lison thấy mình như bé gái đi lạc. Chị đến trường ngày đầu tiên năm chị lên bốn. Mẹ chị bắt chị đưa tay cho một bà rất cao lớn. Bà ấy muốn gì ở chị, người phụ nữ xa lạ đó? Rồi mẹ chị rời đi. Sao chị lại một mình ở lại nơi rộng lớn ấy? Sao chị lại bị bỏ lại nơi ấy?

Sau hai giờ lái xe trong bóng tối và im lặng, Alice không đủ can đảm tiếp tục lái xe suốt đêm. Hai người ngủ lại ở khách sạn đầu tiên họ gặp.

Sáng hôm sau, họ lên đường sớm và đến Valentine trước buổi trưa. Dưới thời tiết ảm đạm, Valentine không giống gì với khu nghỉ dưỡng in đậm

trong những ký ức của Alice. Những cây sung dâu trụi lá chẳng có gì để phản chiếu xuống hồ. Bởi mặt trời thậm chí còn không buồn tỏa sáng. Chỉ có bầu không khí lạnh và ẩm ngự trị. Có thể vì Alice không thể giữ được thái độ khách quan, giờ đây Valentine chỉ gợi lại trong chị hình ảnh chiếc xe tải điên.

Cô Henry, một cô giáo tiểu học trẻ tuổi và tính tình dễ chịu, tiếp đón và nói rõ với họ rằng theo như cô biết, thì cựu giáo viên lâu đời nhất trong số những giáo viên tiểu học ở đây đã tới đây được bảy năm. Chắc không ai còn nhớ. Nhưng vẫn còn các tài liệu lưu trữ! Cô Henry dành thời gian cùng họ đến mở một chiếc tủ cũ chiếm một nửa hành lang giữa các lớp, có vẻ cô không bận tâm đến lũ trẻ con mà cô để tự chơi dưới sân đang hò hét. Mọi thứ được phân loại rất tỉ mỉ: một quyển sổ, một danh sách tên, một bức ảnh. Đây rồi, 1962–1963, Mick và Jenny Stern, mười hai và bốn tuổi! Đây là ảnh chúng. Bà muốn xem không? Hai đứa bé tóc đỏ. Dễ thương đấy chứ, nhỉ? Đó là tất cả những gì tôi có thể nói với bà!

Số nhà 2681 Tunlaw High, địa chỉ ghi trên các bức thư, tương ứng với một ngõ cụt nhỏ, nằm trên đồi, ngay phía trên con đập. Họ có thể đưa xe vào đến tận sân. Một cặp vợ chồng về hưu lo dọn cỏ trên lối đi rải sỏi.

Câu hỏi Alice đặt ra làm rạng rỡ cuộc sống thường nhật của họ. Một người dẫn chương trình trò chơi truyền hình có đề nghị hàng triệu đô-la cho một câu trả lời đúng cũng không thể khiến họ chú ý hơn. Ông lão và bà lão mỗi người tập trung theo một cách riêng. Ông lão gãi đầu, nhăn mặt, nhăn trán, như thể ông đang cố nhào nặn bộ não bằng cách làm lớp da đầu sần sùi chuyển động. Bà lão thì như đang cầu nguyện, đôi mắt nhắm hờ, hơi ngước lên hướng chằm chằm vào một vật tưởng tượng.

— Những người ở đây trước chúng ta à? – ông lão nói. – Phải không?

— Phải rồi, – bà lão trả lời. – Ông lẩm cẩm hay sao? Họ vừa nói thế với ông đấy! Chúng tôi chỉ gặp họ có một lần, đúng hơn là chúng tôi bắt gặp họ. Họ chuyển đi còn chúng tôi chuyển đến. Chúng tôi đến hơi sớm, chúng tôi đã rất vui vì tìm được ngôi nhà này để thuê… Ở ngay trên hồ! Chúng tôi đã nói chuyện, chứ còn gì nữa? Hai tiếng đồng hồ. Chúng tôi ngồi đây, trên băng ghế đằng sau chị và nhìn những người chuyển nhà thuê. Chúng tôi đợi họ giải phóng nơi này. Cách đây đã mười hai năm rồi!

— Cũng đáng công đợi hai tiếng, – ông lão nói thêm. – Vì chúng tôi vẫn ở đây từ đó đến giờ! Họ có một cái kho hổ lốn tuyệt vời, phải nói là thế… Và không phải những thứ đồ vớ vẩn! Có một chiếc piano, những bức tranh, những bức tượng phụ nữ khỏa thân, những món đồ gỗ tuyệt đỉnh… Không thứ gì vô giá trị, tôi đảm bảo với chị.

— Ông thì biết gì? – bà lão nói. – Ông chả biết gì cả!

— Đừng để ý, – ông lão trả lời Alice và Lison. – Bà ấy hơi lẫn.

— Nhưng họ, – Lison hỏi, – họ trông thế nào ạ?

Hai vợ chồng lại nhăn mặt và cầu nguyện.

— Những người tóc đỏ! – ông lão thốt lên, hớn hở vì trả lời trước.

— Một người phụ nữ tóc đỏ, – bà lão thêm vào, – vẫn không mất đi vẻ tập trung chăm chú. Bọn trẻ con cũng thế!

— Phải, tôi vừa nói đấy! Một người phụ nữ đẹp vào thời đó. Không thứ đồ nào vô giá trị, người phụ nữ ấy lại càng không!

— Ông cũng nhớ ư? – bà lão ngạc nhiên.

— Phải! Tôi nhớ chị ta có cặp mông xinh hiếm thấy. Giống mông chị đấy, chị ạ!

Alice cố mỉm cười, gượng gạo thấy rõ. Lison nhìn cái hồ bên dưới. Sự

trống rỗng thu hút chị. Ấy vậy mà ở làng Lâu Đài Quỷ cheo leo trên vách đá, chị lại chưa từng bao giờ thấy chóng mặt.

— Ông đi viện dưỡng lão được rồi đấy, – bà lão nói vẻ nghiêm túc. – Và tôi có thể khẳng định với ông, cái kiểu ăn nói như thế với các cô y tá sẽ không được quá hai lần đâu! Xin lỗi nhé, thưa chị, ông ấy như thế kể từ khi không thể…

— Gì cơ, – ông lão phật ý tự vệ. – Các chị đây muốn những chi tiết cụ thể, đúng không? Tôi nói những gì tôi nhớ! Anh ta, chồng của người phụ nữ đó, là một gã có vẻ bằng tuổi, tầm thường, tóc nâu, tôi nghĩ vậy. Không được bằng chị ta…

— Ông nhớ được họ của họ thì tốt hơn đấy!

— Stern? – Alice gợi ý.

— Phải, Stern, – người vợ nói. – Hoàn toàn chính xác. Thật không thể tin nổi, tôi chưa bao giờ nhớ nổi nó, nhưng giờ khi cô nói…

Lison, để tránh cơn chóng mặt, buộc phải tham gia cuộc trò chuyện:

— Vậy sau đó họ không nói cho ông bà biết họ đi đâu à?

— Có, – ông lão nói.

— Không, – bà lão nói, – vẫn tập trung.

— Có! Họ có nói với chúng tôi trước khi lên đường. Chúng tôi đã trò chuyện chút ít. Với gã đàn ông… Còn người phụ nữ thì tôi không thể… Tôi cũng muốn, các chị biết đấy, nhưng bà lão hay nổi tam bành này cứ theo dõi tôi! Nhưng tên vùng họ đến, tên nơi đó…

— Tôi ngạc nhiên là họ có nói đấy, – bà lão khẳng định, – càng lúc càng nhắm tịt mắt.

— Chắc chắn họ có nói cho chúng tôi. Đó là… Chết tiệt, mãi không nhớ ra!

— Blue Hill, – bà lão thốt lên. – Họ đến Blue Hill… Ở Oklahoma!

Blue Hill, Lison thì thầm. Chắc chắn rồi… Đó là nơi mọi chuyện bắt buộc phải kết thúc.

Sau khi cố gắng thu thập thêm những thông tin khác ở Valentine nhưng không thành công, hai người ngủ lại quán trọ Le Lac, vẫn được bà Park tiếp đón rất khéo léo. Bữa sáng kiểu Pháp không làm tinh thần Lison phấn chấn hơn. Đầu giờ chiều ngày hôm sau, hai người đến Blue Hill.

Những người chọn tên Blue Hill để đặt cho ngôi làng có lẽ có ý nhạo báng. Quang cảnh nơi này không thật sự có màu xanh lam, và nhất là vô cùng bằng phẳng, không có một ngọn đồi nào ở chân trời. Blue Hill chỉ là một con phố, một con phố dài, quốc lộ 108: dường như toàn bộ ngôi làng được xây dựng hai bên con đường, với những ngôi nhà cao và hẹp, phía sau là vườn. Chỉ thấy những con phố cắt ngang hiếm hoi, rồi mất hút vào vùng nông thôn bao quanh.

Người dân trong làng trải ra đủ thứ chướng ngại để làm chậm tốc độ ô tô trước khi vào làng: một cánh cổng đồ sộ, bằng gỗ và cây thường xuân, chắn ngang con đường, để chỉ rõ rằng người ta đang đi vào một thành phố, những gờ giảm tốc trên mặt đường sơn màu đỏ, và xa hơn một chút cũng vẫn là những vệt đỏ như thế, nhưng không phải là gờ giảm tốc, mà chỉ là vật giả. Trên vỉa hè, hình bọn trẻ con mặc quần soóc bằng carton kích thước người thật như đang lao ra để băng sang đường và ngã vào một chiếc ô tô chạy qua.

Thành phố của những tên lái ẩu!

Thế nếu cái chết của Alan chỉ là một tai nạn? Lison nghĩ. Một tai nạn ô tô ngớ ngẩn trong thành phố đầy kẻ lái ẩu này. Một tai nạn sẽ thu xếp tất cả. Chẳng còn vụ sát hại nào. Chỉ còn vấn đề tiền bạc tầm thường đã được giải quyết…

Rồi quay về để quên đi!

Mary Tanner giữ vai người gác cổng dữ tợn trước cánh cổng sắt của ngôi trường. Bà có thói quen ngăn tất cả những ai bất ngờ ra khỏi cổng: vì cổng trường thông thẳng ra quốc lộ 108.

Alice và Lison bắt chuyện với bà. Bà trả lời rất vồn vã.

— Tôi có nhớ những đứa trẻ từ cách đây hơn mười năm không à? Hai chị nói xem? Các chị biết đấy, tôi gác cánh cổng này được mười ba năm rồi! Chưa bao giờ có một vụ tai nạn nào. Chưa bao giờ có một đứa trẻ nào đi qua cánh cổng này trong giờ ra chơi. Trong suốt mười ba năm sự nghiệp! Không một đứa nào! Hai chị tìm ai?

— Mick và Jenny Stern.

— 1963–1964, – Mary Tanner trả lời không cần suy nghĩ. – Chúng không ở lại lâu, nhưng đó là những năm đầu tiên tôi làm việc, vậy nên tôi nhớ rõ lắm! Hai đứa bé tóc đỏ, rất đáng yêu… Đứa bé gái không hề ngu ngốc, mà rất tinh ranh, với tuổi của nó. Còn thằng bé, Mick, hơi nhút nhát. Rốt cuộc cũng chẳng có gì để nói. Mẹ hai đứa cũng tóc đỏ, chị ta không đi làm, tôi nghĩ vậy. Tôi không gặp chị ta thường xuyên, họ ở cách đây không xa, ngay sau quảng trường Roosevelt, khối nhà đã được dọn đi để xây rạp chiếu phim. Vậy nên bọn trẻ thường xuyên đi bộ, ngoại trừ lúc trời mưa. Điều đó khiến tôi hơi lo sợ! Nhưng dù gì Mick cũng đã hơn mười hai tuổi

rồi.

— Bà có thể miêu tả người mẹ cho chúng tôi được không? – Lison hỏi bằng giọng ngập ngừng.

— Thành thật mà nói thì không. Khi tôi gặp chị ta, chị ta thường che ô! Và tôi có xu hướng để ý những chiếc ô tô. Người kia, ông chồng, tôi còn không tin là họ đã cưới nhau, lại càng hiếm gặp hơn. Anh ta làm việc ở một công trường, không xa đây lắm. Công việc đặt đường ống mà cứ kéo dài lê thê. Họ ra đi ít lâu sau khi công trường hoàn công. Đi đâu à? Chuyện đó thì tôi không biết. Họ không nói cho tôi. Tôi cũng chưa bao giờ có tin tức gì nữa.

Alice và Lison lại lên xe và đậu ở quảng trường Roosevelt, trên một bãi đậu xe bằng đất son, lùi vào vài mét tính từ quốc lộ 108. Đằng sau bãi đậu xe nổi lên một rạp chiếu phim nhỏ kiểu nông thôn, rạp Roosevelt, sơn toàn màu trắng, chỉ được tô điểm bằng hai tấm áp phích đáng sợ của những bộ phim đang chiếu: *Bố già II* và *Hàm cá mập.* Hàng chục con bồ câu và chim sẻ các loại đang ăn ngon lành trước cửa rạp, chúng ngấu nghiến ăn bỏng ngô quét từ phòng chiếu ra cửa. Mọi dấu vết nhà cửa ở đây đều đã bị quét sạch.

Alice và Lison ra khỏi xe. Hai người đứng cạnh chiếc xe thuê Ford Fleetwood.

— Thật quá sức ngu ngốc, – Alice thở dài. – Chúng ta sẽ không mất dấu chị ta như thế này, ở nơi này được! Chắc chắn chị ta, Laura Stern, đã đến đâu đó. Những đứa con phải có bạn…

— Đây là điểm cuối của chuyến đi rồi, Alice ạ, – Lison nói nhỏ. – Cũng như với Alan! Người ta nghĩ đây là ngôi làng rất nhỏ, ngôi làng–phố nơi

thậm chí người ta có thể đi qua mà không nhận ra nó, không chạy chậm lại, với tốc độ một trăm kilomet một giờ. Ai có thể nghĩ thật ra, ngôi làng này là một ngõ cụt, một bến cuối… Rằng quốc lộ còn tiếp tục kéo dài, sau ngôi làng, chỉ là một thứ đồ trang trí bằng carton… Điểm cuối cùng là đây rồi!

— Tôi hiểu chị cảm thấy thế nào, – Alice nói.

Lison những muốn hét lên *Không,* nhưng chị không đủ can đảm.

Chuyến đi này kết thúc. Chị thấy thật mệt mỏi.

Bên kia quốc lộ, gần như đối diện rạp chiếu phim, nổi bật lên tòa thị chính, bao quanh là công viên nhỏ có vài cái cây. Ô tô của Emilia Arlington đậu ở đó, cửa xe mở. Cựu thượng nghị sĩ lùi lại đến chỗ một cái cây. Vị trí lý tưởng: bà đang nấp, với một cành cây thấp làm điểm tựa. Bà nhẹ nhàng đặt khẩu súng của mình, một khẩu Garand M1. Alice đứng gần như đối diện, cách chưa đầy một trăm mét, bất động.

Không thể có khả năng bắn trượt!

Emilia Arlington đã tám mươi ba tuổi, nhưng tay bà sẽ không run. Nó đã không run, cách đây hai tháng, khi bà phải bắn hạ Smoke, con ngựa thuần chủng trở nên điên loạn sắp sửa giẫm chân lên Davies trong chuồng ngựa, thậm chí nó đã bắt đầu giẫm… Tay bà không run. Bà đã hạ gục nó bằng một viên đạn vào đầu, mặc dù lúc ấy nó chạy lồng lên như bị điên. Tay bà sẽ không bắn trượt một mục tiêu bất động. Nếu nó đã không run khi hạ Smoke, thì sao nó có thể run vào thời khắc xóa sổ con quái vật Alice Queen này?

Bà chủ ý nhắm vào tim Alice. Phải, bà sẽ miễn thứ cho người phụ nữ Normandie. Người phụ nữ đó chẳng liên quan gì đến toàn bộ chuyện này, bà đã hiểu rõ điều đó.

Nhắm vào tim! Đó, rồi bóp cò.

53 CÁI KẾT

16 tháng Mười một 1975, Blue Hill, Oklahoma

Tiếng nổ vang lên khô khốc khắp làng.

Hàng chục con chim trước rạp chiếu phim vô thức bay lên, bỏ lại bữa ăn để tìm một cái cây trú ẩn, để lại bãi đậu xe đất son trống trải và đống bỏng ngô bẩn.

Không còn thứ gì khác động đậy nữa.

Lison nhìn ngay về phía phát ra âm thanh. Nó đến từ những cái cây kia, gần như ở phía đối diện. Chị thấy rõ một dáng người còng còng và một ống thép bóng loáng, một khẩu súng carbine…

— Kia kìa, Alice! – Alice cũng quay đầu lại.

Bóng người chầm chậm rời khỏi chỗ cái cây. Alice và Lison nhận ra Emilia Arlington. Có vẻ bà đang tìm cách tì lên khẩu súng. Có vẻ bà đang đau. Chiếc váy xanh lam có một vệt đỏ ở dưới vai.

Bóng người run rẩy, thả rơi khẩu carbine, cố níu vào cái cây nhưng

không tới được, đành ngã bịch xuống.

— Suýt thì quá muộn, – một giọng nam vang lên.

Alice và Lison quay lại.

Một giọng nói thân quen, Alice nghĩ.

Đến lượt Nick Hornett xuất hiện, đi ra từ công viên nhỏ, hụt hơi thấy rõ. Nhưng vẫn mỉm cười. Anh đã già thêm chút ít. Mái tóc anh giờ gần như chuyển hẳn sang màu xám, càng làm nổi bật hơn nước da rám nắng.

— Tôi không định làm các cô sợ sau chuyện này, các cô thân yêu ạ, – ông nói, – nhưng đáng sợ đấy! Bà ta suýt xỏ mũi được tôi, cái bà già đó… Hẳn tôi bóp cò trước bà ta chưa đến một giây…

Vị thám tử cúi xuống nhìn Emilia Arlington, trong khi hai người phụ nữ băng qua quốc lộ để đến chỗ ông. Vết thương của bà thượng nghị sĩ có vẻ nghiêm trọng, nhưng không đến mức chết người. Bà ta đã bất tỉnh.

— Nick, – Alice hỏi. – Nhưng anh làm gì ở đây vậy?

Vẫn xinh đẹp, Alice của tôi. Hơi xanh một chút, nhưng vẫn xinh đẹp. Không khí Normandie có vẻ giữ gìn con người ta thật! Nhưng ngược lại, chuyện rám nắng… Tôi đã đợi em ở San Sebastiano bao lâu nay!

— Cô đã báo cho tôi, không phải sao? – Nick trả lời. – Cô không nhận được điện tín của tôi à? Cô mong tôi nhập bọn với các cô càng sớm càng tốt. Vậy thì tôi đây…

Zorro, hân hạnh phục vụ!

— Anh bắt kịp chúng tôi đúng thời điểm này à, Nick? Ngay lúc bà ta sắp bắn? Quả là phép mầu…

— Không, không hẳn… Thật ra, tôi đi theo hai người từ nhiều ngày nay

rồi. Hai người… và bà già!

— Sao lại đi theo chúng tôi, Nick, mà không nói gì cả?

Vì tôi là dân chuyên nghiệp, Alice xinh đẹp ạ!

— Một Nick lão luyện không để mình hai lần gặp nạn… Phố Ravine đã cho tôi một kỷ niệm tồi tệ. Chắc chắn lúc đó đã có ai bám theo chúng ta, từ Washington đến Valentine. Tôi nghĩ kẻ thù của chúng ta sẽ không thay đổi cách thức vốn đã từng phát huy hiệu quả. Tôi đã không nhầm, tôi nhanh chóng phát hiện bà già Arlington đích thân đi theo cô! Tôi chỉ việc lặng lẽ chờ đợi để tóm cổ bà ta. Tôi phải trả thù, tôi phải bắt quả tang bà ta!

— Vậy là suốt thời gian vừa qua anh ở phía sau chúng tôi ư?

— Phải, đóng vai thiên thần hộ mệnh, đi theo chiếc Ford Fleetwood của các cô, là niềm vui của tôi. Một sự quan tâm rất tinh tế, Alice ạ! Tôi rất vui lòng! Khi tôi nghĩ mình bán lại chiếc xe với giá một trăm ba mươi đô-la, tôi đã tin chắc các cô thậm chí còn không thuê nó với cái giá ấy!

— Vậy sao anh lại nói *suýt thì quá muộn?* – Alice hỏi tiếp mà không ngẩng lên.

Vẫn là ý nghĩa của từ ngữ gây tổn thương, Alice ạ…

— Giờ, tôi có thể thú nhận với các cô. Tôi suýt thì bị bà ta xỏ mũi. Trong lúc tìm chỗ giấu ô tô trong ngôi làng chỉ có duy nhất một con phố này. Quả là tệ hại đối với việc theo dõi. Trong lúc giấu chiếc xe ở cuối làng, rồi đi bộ quay lại, bà già đã biến mất! Tôi thấy bà ta dưới mấy cái cây trong công viên vào đúng giây cuối cùng. Phần còn lại chỉ là thủ tục, với một cánh tay sắt, tôi có thể nhắm một con ruồi ở cách một dặm mà không run! Đó, mọi chuyện là vậy. Thỏa mãn chưa, thưa bà chủ?

— Vô cùng, Nick ạ… Tôi chưa giới thiệu Lison với anh.

Lison và Nick bắt tay nhau.

Lison lại rùng mình. Như những con bồ câu sợ sệt trước rạp chiếu phim. Như con chim gãy cánh không thể bay lên, không thể náu mình trên cao, trong đám lá cây.

— Chúng ta sẽ có nhiều thời gian bình yên hơn để làm quen, – Nick nói thêm, giọng trấn an.

Alice đi gọi xe cấp cứu trong lúc Nick và Lison đưa Emilia Arlington về chiếc Ford, để đặt bà ta lên ghế sau. Nick đã nhắm vào bên vai nâng khẩu carbine. Emilia Arlington tỉnh lại khi họ đưa bà đến chỗ ô tô.

— Queen, – bà ta rít lên. – Ta sẽ luôn tự hỏi vì sao Chúa trời bảo vệ ngươi hết lần này đến lần khác!

— Vì Người bảo vệ người chính trực và người vô tội, bà già ạ, – Nick trả lời.

— Im mồm đi, Hornett. Mi chỉ là tên nhãi. Tên nhãi bán linh hồn cho quỷ!

Đừng khích tôi, bà già, tôi đã do dự khi nhắm vào vai bà thay vì vào tim đấy!

— Im đi! – Nick trả lời. – Hoặc tôi sẽ vứt bà xuống đây! Giờ thì kết thúc rồi, những chuyện lộn xộn của bà…

Anh đẩy bà thượng nghị sĩ vào xe không chút nể nang. Bà ta nhăn mặt nhưng không càu nhàu. Alice đi bộ quay trở lại.

— Xe cứu thương sẽ đến trong năm phút nữa.

— Mi chẳng biết gì hết, Hornett! – Arlington rít lên yếu ớt. – Nhưng hỏi cô gái Normandie này đi. Cô ta biết, cô ta… Giờ cô ta biết rồi, cô ta im lặng!

Alice và Nick quay về phía Lison, ngạc nhiên.

— Bà đã kể gì với chị ấy? – Alice hét lên với Emilia Arlington. – Chính bà đã khiến chị ấy thành ra như thế này đúng không?

— Sự thật. Đơn giản vậy thôi. Hỏi cô ta đi…

Bà ta nhắm mắt. Có tiếng còi xe cứu thương, lúc đầu còn xa xôi, nhưng dần to lên nhanh chóng: có lẽ xe cứu thương không phải tôn trọng lũ trẻ bằng carton, những gờ giảm tốc thật hay giả, và giới hạn tốc độ. Xe cứu thương đến khá nhanh, họ mang bà thượng nghị sĩ đi.

Chỉ còn lại họ trên bãi đậu xe. Có lẽ cảnh sát sẽ sớm có mặt. Alice và Nick tò mò đăm đăm nhìn Lison. Mụ Arlington có thể gieo vào đầu chị nỗi nghi ngờ nào? Bây giờ, Lison không còn lý do để giữ im lặng nữa.

Chị kể tất cả, với giọng đều đều, như thể Emilia Arlington đang nói thông qua miệng chị.

— Mụ già khốn nạn! – Nick chêm vào mỗi khi Lison ngừng lời.

— Nick, – Alice nhẹ nhàng nói, – để Lison nói hết đã.

Anh để Lison kể hết câu chuyện. Sau cùng Lison đưa ra tờ giấy nhàu nát: bản sao kê tài khoản của Ngân hàng Bắc Capitol.

Nick không đếm xỉa đến tờ giấy, mà nhìn thẳng vào mặt Lison.

— Lison, phiên bản này không thuyết phục! Cô nghĩ mà xem… Toàn bộ phiên bản này thật tầm phào. Bà ta chỉ tập trung vào một chi tiết: Oscar Arlington nói là mình đã trả tiền năm 1946. Bằng chứng bà ta đưa ra là gì? Một tờ sao kê ngân hàng! Bà ta nghĩ chúng ta sẽ tin. 80% tài sản của ngân hàng Bắc Capitol là của nhà Arlington… Hẳn các ông chủ ngân hàng và bà ta suốt ngày ăn trưa, ăn tối và chơi golf cùng nhau. Không, đưa thứ đó ra

làm bằng chứng, thật là quá quắt! Ở Mỹ, không có thứ gì mà ta có thể tin tưởng ít hơn kho bạc của một chính trị gia!

Ông nhìn tờ sao kê tài khoản.

— Hơn nữa, cả trang giấy hoàn toàn không có vết tẩy xóa… Lại còn nói đây không phải trò xảo trá nữa đi!

Đấy, cô gái Normandie, đến tôi cũng không làm hơn được đâu!

Lison có vẻ yên tâm với lời khẳng định chắc chắn của Nick. Anh nói đúng. Chị ngốc thật. Chị thấy thật xấu hổ trước Alice vì đã nghi ngờ bạn mình. May mắn thay, Alice nói với chị bằng giọng vô cùng dịu dàng:

— Vậy ra là thế, hả Lison yêu quý? Chỉ có vậy thôi sao? Chị đừng lo, tôi sẽ chứng minh cho chị thấy tôi đã ở Úc, ngay từ năm 1945. Tôi đã không nhận được chút tiền nào, không quay về gửi những bức thư kia hay giết bất cứ ai. Tôi làm việc ở đó, tại Úc, tôi trả tiền thuê nhà… Tôi sẽ cho chị bằng chứng.

— Mụ già khốn nạn! – Nick quát.

— Nick, – Alice nói, – anh nói gì có tính xây dựng hơn đi! Có một điều vẫn làm tôi thắc mắc ngay từ khi mọi chuyện bắt đầu, thực tế là từ lần đầu tiên tôi gặp Emilia Arlington. Bà ấy có vẻ rất thành thật! Ít nhất là ở sự hận thù đối với tôi! Khi bà ấy khẳng định con trai mình không tự sát chẳng hạn. Tôi có cảm giác kỳ lạ là phiên bản bà ấy kể cho Lison cũng không phải trò xảo trá. Tôi chắc rằng bà ấy thực sự tin vào nó!

Lison nhìn Alice: đó chính xác là điều chị cảm thấy, chính vì thế chị mới nghi ngờ!

— Mụ già đã mất trí, vậy thôi! – Nick nói đơn giản. – Rốt cuộc, bà ta đã tin vào phiên bản của chính mình. Cô thấy thế này là bình thường sao, đối

với một bà thượng nghị sĩ, khi giải quyết mọi chuyện bằng những phát đạn từ khẩu Garand M1? Thế còn chưa đủ để chứng tỏ bà ta điên rồi sao?

Nick lại nói đúng. Bà già Arlington có thể vừa thành thật vừa tự lừa dối mình. Lison càng thấy nhẹ nhõm hơn.

Viên cảnh sát trưởng địa phương đến cắt ngang cuộc nói chuyện của họ. Ở đồn cảnh sát Blue Hill, công cuộc giải thích kéo dài rất lâu. Sau cùng, cảnh sát trưởng phải gọi điện đến Bộ Ngoại giao ở Washington, tại đây một viên chức thận trọng khuyên ông ghi chép lại cẩn thận mọi thứ rồi gửi cho người này toàn bộ hồ sơ. Không sao lại bản nào, đựng trong phong bì bảo đảm.

Alice, Lison và Nick ở lại Blue Hill ba ngày, để hỏi chuyện từng người ở từng nhà. Có rất hiếm người còn nhớ nhà Stern. Nhưng không ai, tuyệt không một ai, biết rằng hiện họ ra sao.

“Nơi này, ta chỉ đi qua thôi, các vị biết đấy, ta không ở lại!” Đó như là khẩu hiệu của ngôi làng.

Hết đường rồi!

— Chúng ta đi nghỉ ở đây chứ? – Nick hỏi khi sắp hết ngày thứ ba.

Buổi tối, ở khách sạn, Nick có vẻ là người thất vọng nhất trong ba người. Anh ngồi sụp xuống chiếc ghế bành bằng mây ở phòng khách, còn Alice và Lison cố đọc sách.

— Chuyện này chắc có thể viết thành một cuốn tiểu thuyết hay đấy nhỉ, – Nick nói. – Các cô không thấy thế à? Không à? Các cô coi thường chuyện đó à? Vấn đề duy nhất, là tôi cần một cái kết. Hãy hình dung về mặt độc giả

mà xem, nếu tôi để anh ta lại đó, trên một chiếc ghế bành bằng rơm lún xuống dưới những cặp mông, mất hút ngay giữa Oklahoma! Vậy đấy, tiếc thật bạn tôi ạ, không có chương cuối. Chúng tôi không tìm thấy! Nếu không hài lòng, thì bạn đã có tất cả các yếu tố trong tay. Nếu bạn tinh ranh đến thế, thì chỉ việc tự mình tìm ra lời giải, như một người lớn, rồi viết cho tôi… Tôi sẽ viết tập hai cuốn tiểu thuyết!

Hai người phụ nữ nhìn Nick, không biết trả lời thế nào.

Sáng hôm sau, họ quyết định quay về Washington. Nick lái xe một mình phía trước, một chiếc Muzzotti mui trần, với bàn đạp và tay lái đã được thiết kế đặc biệt phù hợp với các khuyết tật của anh, chân và tay phải hơi cứng đơ, nhất là sau nhiều giờ lái xe. Alice và Lison theo sau, hơi chậm một chút. Hai người cố gắng nói về chuyện khác thay vì vụ việc đã kết thúc chóng vánh, đắm mình trở lại vào những kỷ niệm riêng, cố gắng đóng lại khoảng thời gian ngắn ngủi này.

Một mình trên chiếc Muzzotti, Nick có thời gian để suy nghĩ. Anh không cố ngăn mình làm vậy. Giờ họ đã có mọi mảnh ghép của bức tranh, không thiếu mảnh nào. Nhưng Nick thấy có vẻ có cách khác để sắp xếp các mảnh này, để tạo ra một bức tranh, bức tranh khác, logic hơn nhiều.

Phải dám lật ngược lại tất cả và suy nghĩ theo cách khác!

Mình vẫn luôn tin bà già là thủ phạm… Thủ phạm của mọi chuyện để tránh tai tiếng. Thủ phạm không trả số tiền nợ trong khi bà ta biết chuyện. Thủ phạm đã sát hại Alan Woe, đẩy con trai mình đến bước phải tự tử, âm mưu giết bọn mình, hy sinh tất cả để giữ gìn danh dự gia đình… Đó là phiên bản dễ chấp nhận nhất của toàn bộ những chuyện mờ ám này. Nhưng nếu đi

theo bản năng của hai người phụ nữ, và của chính mình nữa, đừng tự giấu giếm bản thân làm gì, nếu cho rằng bà già Arlington thành thật, thì mọi chuyện nghĩa là sao? Đương nhiên, không nên lập luận như bà ta. Cũng nên xuất phát từ nguyên tắc là Alice rất chân thành!

Alice… Sau mười năm… Vẫn xinh đẹp như thế! Vẫn khiến người khác khát khao như thế. Vẫn đẳng cấp như thế. Giữa mình và cô ấy vẫn phức tạp như trước. Có phải xét một cách tổng thể thì vẫn là một tình yêu như trước? Chưa chắc, Nick thân mến ạ. Với tình yêu, không chỉ cần pha thêm các thành phần! Cũng cần bối cảnh nữa. Nó chưa chết hẳn, tình yêu của mày dành cho Alice… Nhưng không còn là ngọn lửa cháy rực ngày xưa. Cũng không phải là tro tàn… Mà đúng hơn là than cháy dở! Để mọi chuyện lại tiến triển, phải kiên nhẫn một chút, một vài mẩu gỗ, phải cố gắng thổi hơi vào nữa…

Mày đang xa rời cuộc điều tra đấy, Nick già ạ. Vớ cẩn thật! Mày đang xem xét giả thiết mới rằng mụ già và Alice, cả hai đều thành thật… Chuyện đó có thể không? Nếu thế thì còn khoảng trống nào nữa? Thật ra chuyện khá đơn giản, nghĩa là Oscar đã thực sự rút 1,44 triệu đô-la năm 1946, nhưng không đưa nó cho Alice, cô ấy chẳng nhận được đồng nào cả! Vậy điều đó dẫn tới đâu?

Giả thiết 1: Oscar đưa tiền cho tình nhân. Laura Stern chẳng hạn, tình nhân của hắn nuôi những đứa con bí mật của hắn, có thể thế. Nhưng vậy tại sao lại rút đúng 1,44 triệu đô-la? Để đánh lừa bà mẹ nghĩ hắn vẫn còn tân. Thật buồn cười…

Giả thiết 2: Oscar nghĩ mình đã đưa tiền cho Alice, nhưng lại nhầm Alice, hoặc bị một Alice giả lừa. Laura Stern chẳng hạn… Nhưng vậy thì, điều vô lý thứ nhất, Oscar có bức ảnh Alice đính kèm bản giao kèo hắn cầm. Kể cả vậy! Nghĩ kỹ thì đây không phải lý lẽ không thể bị phản bác.

Điều vô lý thứ hai, để đóng giả Alice và chiếm được số tiền một triệu rưỡi đô-la, cần phải biết toàn bộ câu chuyện. Vậy là chúng ta không còn nhiều kết luận. Nick già, thậm chí chỉ còn duy nhất một mà thôi!

Bốn tiếng sau, Nick bật đèn nháy. Hai chiếc Muzzotti và Ford dừng ở một bãi đỗ xập xệ, cách Little Rock bảy mươi dặm.

Trong quán cà phê vắng vẻ, Alice và Lison ngồi uống trà, thì Nick vẫn đứng, tay cầm tách cà phê, nhìn tấm bản đồ đường quốc lộ lớn bằng nhựa của bang Arkansas.

— Vậy là, – anh nói, – chúng ta sẽ qua Topeka, cách chừng ba mươi dặm. Hai cô có nhớ ai sống ở đó không?

— Tôi chịu thôi, – Alice nói – … Elvis Presley?

— Tôi sẽ nói rõ ý mình hơn. Nếu tôi đặt câu hỏi, nghĩa là nó có liên quan đến vụ của chúng ta…

— Tôi không biết… Laura Stern? Anh đã biết vụ này từ đầu, nhưng vì anh cũng không nghiêm túc lắm, nên đến giờ anh mới nói!

Nick mỉm cười.

Đừng thổi quá mạnh vào than cháy dở, Alice ạ. Lửa có thể bùng lên đấy! Mà ở tuổi tôi thì không thể lên giàn thiêu nữa…

— Tôi nhớ khiếu hài hước của cô lắm, trong suốt những năm qua, Alice ạ… Các cô gái Brazil của tôi đều xinh đẹp và rám nắng, nhưng về mặt giao tiếp, tôi vẫn chưa hiểu tường tận sự tinh tế của tiếng Bồ Đào Nha! Không, người bạn của chúng ta ở Topeka tên là Ralph Finn, anh chàng Thẩm Du thân quen. Ít nhất thì, anh ta sống ở Topeka cách đây mười năm, vào thời điểm diễn ra vụ kiện. Chắc tôi có địa chỉ chính xác của anh ta trong hồ sơ

trên xe. Các cô muốn ghé thăm anh ta không?

— Được thôi, – Alice nói.

— Chúng ta chẳng mất gì, – Nick nhấn mạnh. – Tôi chưa từng thấy bộ dạng anh ta bằng xương bằng thịt ra sao. Chỉ có mình cô gặp anh ta, lúc đó tôi đang ở bệnh viện. Thêm nữa, rốt cuộc anh ta đã khá tử tế, trong phiên tòa.

— Phải, – Alice trả lời. – Dù sao ta cũng không thể nói anh ta nhiệt tình lao đến làm nhân chứng được. Rốt cuộc, anh nói đúng, Nick ạ, chuyện này sẽ khép lại kỳ nghỉ đầy hoài niệm của chúng ta. Lên đường đến Topeka nào!

Topeka là một thành phố lộn xộn, thiếu tổ chức lẫn bản sắc, như mọi thành phố tỉnh lẻ phát triển quá nhanh. Họ đi vòng quanh hơn một giờ trước khi tìm thấy Cherry West, khu phố Ralph Finn sống.

— Nick có ý tưởng thật tuyệt, – Alice càu nhàu trong chiếc Ford. – Với may mắn của chúng ta, chắc Ralph đã chuyển nhà được bảy năm rồi!

Một người phụ nữ cầm một chiếc giỏ chỉ cho họ, trong lúc con chó của bà ta bĩnh vào rãnh nước.

— Nhà 63 à? Các vị rẽ phải rồi lại rẽ phải. Cuối ngõ cụt, chắc là nhà cuối cùng. Các vị không nhầm được đâu!

Họ đã không nhầm. Quả thật, chỉ có một ngôi nhà ở cuối ngõ cụt.

Họ đậu xe.

Họ quan sát.

Alice và Lison không hiểu ngay, nhưng rồi hai người biết chắc manh mối thực sự cuối cùng nằm ở đây, trong con ngõ cụt bé nhỏ này.

Câu trả lời cho mọi bí ẩn, mọi câu hỏi mà hai người tự đặt ra suốt mười năm qua đang đợi ở đây, bình thản.

63 Cherry West!

Nick tắt máy xe.

Mày là thiên tài, Nick! Thám tử thiên tài. Hơi chậm, đồng ý, mày mất mười năm để hiểu. Nhưng đây là vụ hay nhất trong sự nghiệp của mày!

Trước mặt họ, trong con ngõ, một cô bé tuổi thiếu niên đang cố giữ thăng bằng trên đôi giày patin trong khi một bé gái đạp xe theo sau. Bà mẹ vừa dõi theo hai cô bé từ trong vườn vừa căng quần áo ra phơi.

Không có gì đặc biệt. Một con ngõ cụt để ở bình thường, tầm thường.

Chỉ trừ bà mẹ có mái tóc đỏ. Giống như hai đứa con.

54 NHƯ MỘT ĐIỀU HIỂN NHIÊN

20 THÁNG MƯỜI MỘT 1975, SỐ 63 CHERRY WEST, TOPEKA, ARKANSAS

Alice và Lison từ từ ra khỏi xe. Hai người không hiểu lắm. Bức tranh ghép mong manh của toàn bộ câu chuyện vừa vỡ tung. Hai người nhìn Nick, không nói gì, vì sợ nhỡ nói ra điều gì đó không phù hợp.

Vị thám tử có vẻ rất tự tin.

Cả hai bé gái đều dừng chơi để nhìn họ. Người phụ nữ tóc đỏ đứng trong vườn cũng vậy. Chị ta cười với họ. Đây là ngõ cụt: chỉ có một ngôi nhà, hẳn chị ta tưởng họ là những du khách lạc đường.

Không được lỡ lời, Nick già, không phải bây giờ!

Nick tiến về phía người phụ nữ tóc đỏ.

— Chị Laura Stern? – anh nhẹ nhàng hỏi.

— Vâng, – chị ta hồ hởi trả lời, không mảy may lo lắng.

— Tôi là Nick Hornett. Đây là Alice Queen và Lison Munier.

Ánh mắt Laura Stern khựng lại một lúc.

Trong vòng một giây, khuôn mặt bình thản của người mẹ vượt lên mọi ngờ vực đã biến thành khuôn mặt của xác chết.

Tan vỡ, tan vỡ là từ phù hợp.

Trong suốt nhiều giây sau, chị ta nhìn hai đứa con đã bắt đầu chơi tiếp, không hề bận tâm đến những vị khách. Chị ta cụp mắt xuống. Khuôn mặt chị ta là khuôn mặt của người vừa mất hết tất cả, mất tất cả chỉ trong tích tắc. Của kẻ bị kết án tử hình mà người ta đến tìm lúc sáng sớm.

Alice và Lison vẫn đang khuấy tung đống mảnh ghép trong đầu, nhưng không có kết quả.

— Vào đi, – Laura Stern thì thầm. – Vào đi… Đừng đứng đấy! Jenny, Betty, – chị ta hét lên bằng giọng cố tỏ ra tự nhiên, hoặc ít ra là nghe tự nhiên đối với bọn trẻ. – Cứ ở đấy chơi đi. Đừng đi xa. Mẹ vào nhà nói chuyện đây.

— Ai đấy ạ? – đứa lớn hơn hỏi.

— Họ là những…

Laura Stern cảm thấy mình không thể nói cho hết câu, nước mắt chị ta đang dâng lên. Chị ta quay người thật nhanh và ra hiệu cho ba vị khách đi vào nhà.

Căn phòng khách sang trọng, một sự sang trọng lạ thường, lạc lõng trong một căn nhà tồi tàn tầm thường thế này. Những bức tranh, bàn ghế, thảm, tượng điêu khắc, tất cả đều quá đẹp, quá cổ, quá tinh xảo để có thể là thật, để thực sự xuất hiện ở nơi này, căn nhà phân lô tầm thường và tồi tàn!

Nhưng tất cả đều là thật. Đồ đạc trong phòng khách này đáng giá cả một

gia tài!

Bốn người họ ngồi trên tràng kỷ góc màu xanh lá cây nhạt.

— Làm thế nào các vị tìm ra chúng tôi? – Laura Stern hỏi.

— Sau khi tất cả các kết luận khác đều thất bại, chỉ còn lại một lời giải…

— Đương nhiên rồi, – Laura Stern nói tiếp. – Tôi đã biết ngày này sẽ đến. Tôi vẫn luôn biết thế… Rốt cuộc, cũng gần như vậy. Trong suốt hai mươi năm, ngày nào tôi cũng run sợ, cho tôi, cho Ralph, nhất là cho bọn trẻ… Nhưng từ gần năm năm nay, tôi bắt đầu tin. Tôi bắt đầu nghĩ chúng tôi đã thắng, đã thắng thật sự. Rằng cả thế giới đã quên câu chuyện này. Đáng nhẽ các vị nên đến từ trước! Giờ thì thật quá sức tàn nhẫn!

Đừng nôn nóng quá, Nick. Ninh chị ta chút đã. Chị ta vẫn chưa thú nhận gì! Còn mày, mày mới chỉ hiểu được một phần mười câu chuyện… Cứ ninh nhỏ lửa chị ta đã.

— Bây giờ, hẳn chị không còn thấy sợ nữa, – Nick nói.

— Vâng… Đúng vậy. Như thế có lẽ tốt hơn nhỉ? Đây là bí mật nặng nề đối với những người mang nó như chúng tôi. Rốt cuộc thì để làm gì chứ?

Chị ta nhìn căn phòng khách chất đầy tác phẩm nghệ thuật với vẻ gần như ghê tởm.

— Bình tĩnh nào, Laura, – Nick nói nhẹ nhàng. – Hãy kể cho chúng tôi toàn bộ đi.

Laura ngước mắt lên nhìn Nick chòng chọc. Trong một thoáng chị ta có vẻ hơi lưỡng lự.

Chà… Đừng nhanh thế chứ, Nick! Đừng chừa lối thoát nào cho chị ta. Nhất là đừng để lộ là mày chẳng biết gì cả. Chị ta vẫn có thể thoát được,

con linh dương này. Phải làm chị ta tê liệt. Chứng tỏ cho chị ta thấy tất cả đã thất bại và chạy trốn là tự sát…

Im lặng ngự trị dài đằng đẵng. Trước sự bất ngờ của mọi người, Lison là người phá vỡ im lặng.

— Chị có thể phủ nhận, thưa chị, – Lison nghiêm trang nói. – Giữ im lặng, kể bất cứ chuyện gì hoặc làm giảm nhẹ sự thật. Như thế, có thể chị sẽ tránh được công lý của đất nước này. Nhưng hãy nghĩ liệu chị có thể thoát khỏi chúng tôi, Alice Queen và chính tôi, hay không? Nghĩ xem chị có cơ hội để lại được sống một ngày trong yên bình không? Chúng tôi rất kiên quyết. Chúng tôi chẳng còn gia đình để mà bảo vệ nữa! Chị sẽ không bao giờ được yên bình đâu! Chí ít, hãy thú nhận với chúng tôi tất cả, một cách thành thật, và mong rằng chúng tôi có thể hiểu chị, và tha thứ cho chị, tại sao không.

Ôi trời! Nhỏ lửa thôi, tôi nói rồi mà, Lison…

Laura Stern có vẻ bị tác động mạnh.

— Chị nói đúng, – Laura thú nhận sau vài giây suy nghĩ. – Tôi đã bị lộ tẩy khi các vị nói tên mình. Tôi đã không chuẩn bị. Giờ thì không quan trọng nữa… Tôi không biết chính xác các vị biết những gì, nhưng dù sao, bây giờ, sớm hay muộn các vị cũng sẽ biết. Vậy chẳng thà hãy để các vị biết từ chính miệng tôi! Có Chúa mới biết được Ralph Finn có thể làm gì hay bịa ra thứ gì nữa.

Cho cả tôi nữa… Tôi rút lại những suy nghĩ của mình về khả năng ngoại giao của người Normandie! Tôi chỉ việc đi một vòng và để đám phụ nữ tự giải quyết với nhau.

— Ralph từng là chàng trai tốt, trước chiến tranh, – Laura bắt đầu kể. – Không tốt hơn người khác, nhưng cũng không tệ hơn… Chúng tôi có cả tá

dự định, những dự định về một cuộc sống đơn giản. Sau chiến tranh, anh ấy trở nên khác hẳn. Bề ngoài thì vẫn vậy, vẫn bình thản, vẫn tử tế, hơi có phần nhút nhát. Nhưng bên trong, tôi cảm thấy anh ấy đầy hận thù, như một nỗi tức giận trước đây anh ấy chưa bao giờ có. Chiến tranh, có lẽ, tất cả những nỗi kinh hoàng của nó… Anh ấy cũng trở nên thông minh hơn, điều này thì rõ ràng. Anh ấy rất quý Lucky, chị Queen ạ. Anh ấy kể với tôi tất cả, ngay khi trở về, giao kèo với con trai nhà Arlington. Và chúng tôi đã đến Washington năm 1945, ngay sau khi chiến tranh kết thúc, đến địa chỉ của chị, ở Rock Creek. Tại đó, bà gác cổng nói chị đã biến mất, mất tích, không có tin tức gì kể từ lúc chị lên đường đến Normandie. Bà ấy nói mọi người bảo chị đã tự sát… Bà ấy cũng bảo không một ai, ngoại trừ gia đình chị, đến tìm chị. Oscar Arlington lại càng không.

Chuyện đó đã giáng một đòn vào tinh thần của Ralph. Chúng tôi đi uống ở ngay bên cạnh, một quầy rượu nhìn ra sông Potomac. Tôi sẽ mãi nhớ hôm đó. Lần đầu tiên tôi thấy Ralph thể hiện sự hận thù trong mình: “Thật ghê tởm,” anh ấy nói, “tên Oscar Arlington sẽ thoát được, thế đấy. Hắn sẽ không trả gì hết! Bọn chúng lúc nào cũng thế, lũ nhà giàu, lũ quyền lực, luôn bỏ chạy như thế. Còn những người khác, chúng ta hay Lucky, chỉ có cứt nát!”

Tôi đã cố nói có lẽ Oscar đã trả khoản nợ cho gia đình Lucky, nhưng Ralph không nghe tôi nữa, anh ấy đã chìm đắm trong những suy nghĩ riêng. Anh ấy im lặng khoảng gần một phút. Toàn bộ kế hoạch được anh ấy nghĩ ra chỉ trong chưa đầy một phút! Phải nói là cũng đơn giản thật… “Lạy Chúa, Laura,” anh ấy đột ngột nói với tôi, “nếu dám, chúng ta có thể làm một cú ra trò! Một cú không có chút nguy cơ nào! Oscar không quen Alice Queen! Lucky đã cho hắn một bức ảnh, cùng với tờ giao kèo, nhưng tất cả đã cháy trong chiếc xe Jeep, bản giao kèo của anh, của hắn, bức ảnh, tất cả đồ đạc của những tay lính có tên từ A đến J. Laura, chỉ cần em thuê căn hộ của Alice Queen… Vì nó đã trống! Rồi chỉ việc đợi… Một ngày nào đó, Oscar

Arlington sẽ đến cùng với một triệu rưỡi đô-la, bấm chuông và hỏi: cô Alice Queen? Em sẽ trả lời *Vâng,* hắn sẽ để lại tiền cho em, em sẽ thêu dệt vài lời về Lucky và rồi hắn ta biến mất và sẽ không bao giờ còn thấy tin tức gì về hắn nữa. Hắn quá xấu hổ về giao kèo đó!"

Càng nói về chuyện đó, Ralph càng tin kế hoạch này không thể thất bại. "Nếu Oscar Arlington không đến, vì không muốn trả, hay vì hắn quên địa chỉ, thì em chỉ cần bí mật đến gặp hắn, để nhắc lại những nghĩa vụ, để đe dọa sẽ thông báo cho báo chí. Và tuần sau đó, hắn sẽ có mặt ở căn hộ! Đương nhiên, sẽ phải giữ tên Alice Queen trên hộp thư và của căn hộ. Sẽ không ai để ý đâu! Ai có thể nghi ngờ gì chứ! Nhân chứng kia, Alan Woe, đã chết trong chiến tranh ở Normandie! Alice Queen có lẽ đã tự sát! Oscar sẽ không đi oang oang kể chuyện này. Các tay lính biệt kích khác biết chuyện, nhưng không có địa chỉ, chẳng có chi tiết lẫn bất cứ bằng chứng nào. Cùng lắm chỉ là tin đồn, vả lại… Mọi người sẽ quên chuyện này! Đây là cơ hội cho đời chúng ta!"

Nỗi sửng sốt nhấn chìm Alice, thoáng chốc đánh tan mọi cảm xúc khác, phản kháng, giận dữ hay trả thù.

— Hãy tin tôi, – Laura nói tiếp. – Bản thân tôi không đồng ý! Tôi nói rằng anh ấy điên rồi, chúng tôi sẽ bị tóm, chúng tôi không phải những tên ăn cắp. "Ăn cắp của một thằng khốn, thì không hẳn là ăn cắp," anh ấy trả lời tôi. Khoản tiền một triệu rưỡi đô-la đó, Arlington còn không xứng đáng bằng chúng ta! Họ, nhà Arlington, cũng sẽ mặc kệ thôi, chỉ là một triệu đô-la. Chẳng là gì với họ! Bắt họ trả tiền, chính là trả thù cho Lucky. Đơn giản chỉ có vậy! Chết tiệt, Laura. Quá đơn giản!" Thế là rốt cuộc tôi đã đồng ý! Và đúng thật mọi chuyện rất đơn giản! Ít nhất là lúc đầu. Nhưng chúng tôi không đến Washington vì chuyện đó, hãy tin tôi, Alice ạ. Chúng tôi muốn

báo cho chị! Mọi chuyện chỉ nảy ra khi chúng tôi biết chị không còn ở đó!

— Đủ rồi, – Lison lên tiếng cắt ngang. – Nếu hai người đến Washington năm 1945, có lẽ không phải vì thực lòng muốn tưởng nhớ Lucky! Như thế không giống hai người lắm. Hai người chắc chắn muốn báo cho Alice… Để có một phần trong một triệu rưỡi đô-la đó!

Laura nhún vai.

— Giá chúng tôi chỉ phải trách móc bản thân vì thói ti tiện đó! Và tôi đã vào sống trong căn hộ của chị ở Rock Creek. Sau một tuần, do không có tin tức gì của Oscar Arlington, tôi bắt buộc phải đi trước. Tôi không thích thú việc đó lắm. Tôi chỉ đội tóc giả màu vàng, phòng khi Oscar nhớ ra bức ảnh chị. Phần còn lại sẽ ổn, tôi sẽ giả vờ được, thời đó tôi vẫn còn khá xinh đẹp, tôi nghĩ vậy. Tôi đi theo Oscar Arlington và tóm được hắn ở một cửa hàng tại Georgetown. “Tôi tên là Alice Queen,” tôi nói với hắn. “Điều đó có gợi lại gì cho ông không? Nếu ông không trả khoản tiền trong vòng một tuần, tôi sẽ báo cho toàn bộ Washington. Các nhà báo, quân nhân, các chính trị gia. Cả thế giới!” “Tôi không còn địa chỉ,” hắn rên rỉ. Ralph nói với tôi Oscar Arlington là tên hèn, chỉ cần tỏ ra hung hăng để chế ngự ông ta: “Cố nhớ lại đi, anh béo,” tôi trả lời. “Động não đi nào!” “Khu nhà Rock Creek phải không?” cuối cùng hắn cũng nói ra được. “Nhưng tôi không biết số căn hộ!” “Vắt óc ra mà nghĩ đi,” tôi kết luận. “Hoặc đi xem hộp thư từng phòng! Chúng tôi nói là một tuần, không thêm một ngày!”

Oscar Arlington chẳng có cách nào, cũng chẳng có lý do gì để nghi tôi không phải Alice Queen! Hai ngày sau, hắn bấm chuông căn hộ của tôi, cùng với va-li 1,44 triệu tiền mặt. Hắn ở lại hơn một giờ. Hắn gần như khóc, xin lỗi, tự coi mình là tên hèn, hắn nói hắn biết số tiền này không thể thay thế được Lucky, hắn đã không ý thức được hành động của mình. Hắn nói nếu tôi cần bất cứ thứ gì, hắn sẵn sàng… Rồi hắn kể về chiến tranh, hắn

nói về những người lính khác trên chiếc sà-lan, về nỗi căm hận của họ, hắn lấy ví dụ của Ralph, vì đương nhiên hắn không biết tôi là ai. Trong đội biệt kích, mọi người gọi anh ấy là Thẩm Du. Tôi chưa bao giờ nói với Ralph là tôi biết chuyện.

Có thể biệt danh này là nguyên nhân sinh ra toàn bộ những hận thù đó. Oscar Arlington, ngày hôm ấy, có thể chẳng ra sao, nhưng không phải một tên rác rưởi. Hắn chỉ là kẻ sợ chết, kẻ mà vào lúc đó, sẵn sàng trao đổi tất cả những gì mình có để không phải chết. Có lẽ giống như mọi tay lính khác. Chỉ có điều hắn, Oscar, có cái để trao đổi! Thật buồn cười, sau đó tôi theo dõi vụ việc trên báo, vụ kiện và những chi tiết khác. Trong mắt tất cả mọi người, Oscar Arlington bị coi là tên khốn. Chuyện đó là một phần tội lỗi của chúng tôi…

— Và chuyện đó giải thích thái độ của mẹ hắn, – Lison nói. – Bà ta hiểu con trai mình! Bà ta biết hắn hối hận về hành động của mình, hắn đã cố hết sức để chuộc lỗi. Và hắn đã trả tiền! Chính bởi thế, Alice ạ, mà bà ta căm thù chị đến vậy.

Nick có thể thấy chính khuôn mặt mình trong chiếc gương đứng màu trắng sữa đặt trước tràng kỷ. Một chiếc gương có lẽ rất quý giá nhưng trông thật xấu xí.

Mình ngu thật! Chuyện hiển nhiên đến vậy! Mười năm mới tìm ra!

— Sau đó hai người làm gì? – Alice hỏi. – Với số tiền đó, tất cả đã thay đổi?

Laura cười buồn..

— Thay đổi, phải… Theo hướng tồi tệ! Chỗ tiền đó, thật ra chúng tôi đã không động đến. Chỉ mua mấy thứ lặt vặt này nọ. Toàn bộ phần còn lại vẫn được để riêng, trong chính chiếc va-li cách đây ba mươi năm. Ít nhất vẫn

còn ba phần tư số tiền. Chúng tôi chỉ muốn mua những thứ không thể thấy từ bên ngoài… Chúng tôi sợ sẽ bại lộ. Ralph vẫn giữ công việc thợ xây. Chúng tôi quyết tiêu nó sau, khi đã không còn chút nguy cơ nào,hoặc để dành chúng cho các con. Rốt cuộc, chúng chẳng giúp ích gì cho chúng tôi, chỗ tiền đó.

— Đủ rồi, – Lison rít lên. – Thế còn Alan, khi nào thì anh ấy xuất hiện trong câu chuyện này?

— Oscar Arlington cũng nói với tôi về anh ấy. Hắn cho tôi biết Alan không chết, anh ấy ở lại Normandie và sống khỏe mạnh. Nhờ có chị, Lison. Anh ấy đã viết thư cho Oscar về giao kèo đó. Đó là hạt sạn đầu tiên trong kế hoạch của Ralph! Alan Woe không chết. Thêm một nhân chứng… Tôi lập tức hỏi Oscar Arlington địa chỉ của Alan ở Normandie. Chỉ có duy nhất một việc phải làm. Thật đơn giản, gần như vô tội. Trả lời anh ấy và làm anh ấy yên tâm: viết thư và ký tên Alice Queen, đương nhiên. Nếu không, anh ấy chắc chắn sẽ khuấy tung trời đất để công lý được thực thi.

Lison những muốn đứng dậy, tóm lấy một trong những bức tượng bằng đồng kia rồi dùng nó làm búa tạ đập vỡ tan mọi thứ trong căn phòng khách này, tất cả những thứ xa xỉ trưng bày với gu thẩm mỹ tồi tệ ấy. Chị cố kiềm chế và hỏi:

— Vì sao sau đó lại tiếp tục viết? Sau khi chuyển nhà?

— Là Ralph muốn thế! Vẫn là thói đa nghi của anh ấy. Anh ấy muốn Alice giả thỉnh thoảng lại thông báo tin tức, để Alan không bỗng một ngày lại muốn tự mình điều tra, viết thư cho cha mẹ Lucky, cố gắng tìm chúng tôi… Để đề phòng, như anh ấy nói! Dần dần, những bức thư ấy giúp tôi bớt buồn rầu… Với tất cả chuyện tiền bạc này, chúng tôi chưa bao giờ có bạn, chưa từng có ai đến đây. Ralph dè chừng vì những thứ mà chúng tôi đã mua bên trong nhà. Vậy nên trong thư tôi kể chuyện Mick chào đời, trường lớp,

những mùa trôi qua, đó là cánh cửa sổ hướng ra bên ngoài… Với công việc của Ralph, chúng tôi di chuyển rất nhiều. Anh ấy thường làm việc trên những công trường lớn, ngã tư xa lộ ở Ashland, hiện đại hóa xưởng thuộc da Meryll ở Effingham, đập nước ở Valentine.

Quỷ tha ma bắt. Màu đã biết là Thẩm Du làm việc trong ngành xây dựng! Mày đã đến tất cả những vùng nơi có những công trường lớn, thế mà mày chưa bao giờ thấy được mối liên hệ!

— Chị sẽ không nói với tôi, – Lison thốt lên, – rằng bị nhốt trong cái lồng vàng này, Alan là người bạn duy nhất của chị chứ?

— Chị nghĩ thế nào cũng được… Chuyện đó chẳng còn mấy quan trọng. Như tôi nói với các vị, chúng tôi rất nghi kỵ. Tôi vẫn giữ họ thời con gái. Phần lớn các giấy tờ dùng họ của tôi. Bọn trẻ cũng mang họ tôi. Trên giấy tờ, không thể tìm ra mối liên quan giữa Laura Stern và Ralph Finn, tức là giữa tôi và toàn bộ vụ việc này! Về lý thuyết, không thể có chuyện gì xảy đến với chúng tôi. Không ai biết một vụ ăn cắp đã được thực hiện, và kể cả có ai đó nhận ra, thì cũng không ai có thể biết, nhờ sự che giấu của tôi, Ralph là người đứng sau tất cả! Tuy vậy, mọi chuyện bắt đầu trục trặc vào năm 1964. Đầu tiên, Alan quay lại Mỹ. Tôi không biết bằng cách nào, nhưng anh ấy đã nhận ra, sau chừng đấy năm, rằng những bức thư tôi gửi không phải do Alice viết.

Alice lôi trong túi ra bức ảnh đề tặng Lucky tháng Tư năm 1944.

— Alan đã lấy được mẫu chữ viết của tôi, – chị nhẹ nhàng nói. – Sau hai mươi năm, anh ấy đã nghĩ đến việc so sánh với mẫu chữ của chị.

Trong một lát, Laura có vẻ hít thở thoải mái hơn.

— Ra vậy! Tôi và Ralph đã cãi nhau vì chuyện đó suốt mười năm nay. Anh ấy để cho tôi đã phạm lỗi ở một trong những bức thư, vì viết ra điều gì

đó nguy hiểm, điều gì đó mâu thuẫn. Bởi thế, anh ấy thường xuyên nhắc lại rằng mọi chuyện là lỗi của tôi, rằng kế hoạch của anh ấy là hoàn hảo và chính tôi đã phá hỏng tất cả! Bản thân tôi tin là không phải! Nhưng rốt cuộc tôi lại nghi ngờ. Các vị biết đoạn sau rồi, tôi nghĩ vậy, Alan Woe lần theo dấu vết của chúng tôi, Ashland, Effingham, Valentine, rồi Blue Hill…

— Đi theo anh ấy rất dễ, – Nick nói, – anh ấy đã cho đăng những mẩu tin vặt.

— Phải, – Laura nói tiếp, – chính vì thế mà chúng tôi biết anh ấy gần như đã tìm ra chúng tôi. Nếu anh ấy làm như các vị, nếu anh ấy ập đến nhà của Laura Stern này và thấy người bạn cũ Ralph trong vườn đang bận tỉa đám hoa hồng, anh ấy sẽ hiểu ngay! Vậy nên Ralph quyết định đi nói chuyện với anh ấy, rồi về và nói với tôi mọi chuyện đã ổn… Tôi đã tin Ralph! Anh ấy nói khi có tiền, ta có thể làm mọi việc. Tôi biết, các vị không bắt buộc phải tin tôi….

— Vậy là chị không biết sao? – Nick hỏi.

— Không, sau đó Ralph mới thú nhận hết với tôi. Thật ra, đó chính là lúc anh ấy bước sang, nói sao nhỉ, phía bên kia… Phía tội ác. Anh ấy đã sợ. Một sáng, Alan đến Blue Hill, trong làng của chúng tôi. Alan đã hiểu mọi chuyện trong cùng ngày, và Ralph biết mình không thể mua được sự im lặng của Alan. Ralph, trong lúc nguy cấp, đã lộ ra mình là kẻ xảo quyệt. Cùng sáng đó anh ấy gọi điện cho Oscar Arlington. Anh ấy tự giới thiệu mình là Alan Woe, anh ấy làm hắn sợ, chuyện đó không khó với những mẩu tin vặt mà Alan cho đăng trên báo thời đó: “Oscar Arlington chưa trả gì hết.” Anh ấy nói cuộc gọi như một tối hậu thư và hẹn gặp hắn cũng trong tối đó, tại một khách sạn gần Blue Hill. Ralph thậm chí còn gợi ý cho Oscar đăng ký ở khách sạn bằng tên giả, nếu hắn muốn toàn bộ vụ này được giữ bí mật. Oscar nhảy lên một chiếc máy bay, rồi thuê ô tô, cuối cùng đợi ở khách

sạn suốt một đêm, mà không gặp ai. Hôm sau, hắn phải rời đi mà chẳng hiểu chuyện gì.

— Trong lúc đó, – Lison nói bằng giọng không âm sắc, – Ralph Finn đâm Alan trên quốc lộ.

Laura cụp mắt xuống.

— Ralph đã tạo ra một hung thủ lý tưởng! – Nick nói tiếp. – Không cần phải xuất đầu lộ diện. Nên làm nhiều hơn, để tránh xa nghi ngờ. Blue Hill không rộng lắm, và nếu nhận dạng được Alan Woe, người ta có thể truy đến tận anh ta.

— Nhưng người ta đã không nhận dạng được Alan Woe, – Laura nói. – Và tôi đã không nhận ra mối liên quan giữa người lạ mặt bị đâm trên quốc lộ, mà hôm sau họ nói đến trong làng, với Alan Woe.

— Chị đã không muốn tìm ra mối liên quan! – Lison thốt lên.

Chị thấy có điều gì đó trong mình đã biến đổi, một sự kiên quyết khiến chị bùng nổ. Chị chẳng còn giống người phụ nữ nhỏ bé lạc lõng giữa nước Mỹ chút nào.

— Rồi sau đó? – Nick hỏi.

— Ralph tưởng mình đã được yên thân. Nhưng sau đó chị xuất hiện trở lại, Alice ạ… Và mọi chuyện diễn biến rất nhanh khi các cựu binh cho chị biết về giao kèo ở Normandie.

— Sao Ralph biết chuyện đó?

— Anh ấy vẫn giữ liên lạc với các cựu binh biệt kích, một cách gián tiếp, thông qua bạn của bạn. Anh ấy vẫn luôn nghi kỵ, anh ấy không chừa bất cứ điều ngẫu nhiên nào. Anh ấy e rằng chuyện này có thể xảy đến.

— Vậy, – Nick nói tiếp, – Ralph biết Alice đã biết chuyện, và cô ấy sẽ

đến đòi khoản tiền ở chỗ Oscar Arlington. Đó hiển nhiên là thảm họa với hai người. Oscar có lẽ sẽ giải thích là hắn đã đưa tiền cho một người phụ nữ khác… Không chắc là sau đó mọi chuyện sẽ dẫn đến hai người, nhưng vẫn có nguy cơ rất lớn là họ nghi ngờ Ralph…

— Đúng, cả chuyện đó nữa, Ralph cũng không kể hết cho tôi, không phải ngay sau đó. Anh ấy chỉ nói với tôi là anh ấy đi Washington, và đã giải quyết mọi việc bằng chút tiền.

— Và chị tin ư? – Alice ngạc nhiên.

— Không! Lúc đó thì anh ấy thú nhận hết với tôi. Anh ấy đã đi theo Oscar trong vài ngày, và dần dần hoàn thiện kế hoạch của mình. Anh ấy phải hành động trước khi chị, Alice ạ, hẹn gặp Oscar. Rồi diễn ra lễ tặng thưởng huân chương ở khách sạn Sheraton. Oscar đã say… Ralph ở trong khán phòng, trong góc, để không bị nhận ra. Anh ấy đi theo Oscar về tận nhà. Ban đầu, tôi nghĩ anh ấy chỉ định giết hắn chứ không ngụy trang thành vụ tự sát. Nhưng khi thấy hắn say xỉn, tự đổ lỗi chính mình, Ralph đã tùy cơ ứng biến. Về sau, khi kể cho tôi, anh ấy gần như tự hào vì chuyện đó. Lúc đó tôi thấy sợ, rất sợ! Ralph bước vào xe Oscar Arlington. Oscar nhận ra ông ấy. Ralph nói anh ấy đến để trả thù cho Lucky, anh ấy mắng chửi Oscar, hét lên rằng hắn là tên đê tiện, hèn nhát, hắn không xứng với tấm huân chương, Lucky đã chết thay hắn, hắn chỉ là tên khốn. Oscar trả lời “Đúng vậy” cho tất cả… Thế là Ralph ra lệnh cho hắn phải thú nhận mọi chuyện ngay ngày hôm sau, phải viết ra mọi chuyện cho báo chí, tiết lộ sự hèn nhát của mình… Oscar, tuy đang say, không đồng ý nữa. Hắn nói không bao giờ hắn có thể làm vậy, vì mẹ hắn. Vậy là Ralph lấy khẩu súng công vụ trong túi Oscar ra và xẵng giọng nói hắn không có lựa chọn, hắn phải hứa ngày hôm sau, ngay khi hết say, sẽ thú nhận tất cả. Oscar, với khẩu súng dí vào thái dương, đành phải nói “Được, được, ngày mai.” “Tao không tin mày,

loại hèn nhát như mày," Ralph nói tiếp… "Một lời hứa không đủ với tao! Tao cần một bản cam kết viết tay, bằng chứng về thành ý của mày!" Oscar run rẩy, nòng súng vẫn dí vào thái dương, hắn xé một trang trong cuốn sổ của mình, "Mày sẽ viết cho tao một lời hứa thú tội," Ralph ra lệnh. "Viết đi, đồ rác rưởi!" Rồi Ralph bắt đầu đọc: *Tôi là tên hèn. Một chàng trai bằng tuổi tôi đã chết thay tôi trên một bờ biển ở Normandie. Lần đầu tiên trong cuộc đời mình, tôi quyết định sẽ chứng tỏ sự can đảm… Tôi quyết định chấm dứt cuộc sống dối trá này…* "Rồi, mày ký đi, tốt lắm, thằng béo ạ!" Tôi không biết liệu Oscar có nghi ngờ điều gì không, về khả năng có hai cách hiểu cho những câu này, liệu hắn có hiểu thật ra mình đang ký tên vào một bản trăng trối hay không.

— Sau khi bản tự thú được ký, Ralph đã bắn Oscar?

— Vâng, – Laura nói, – càng cúi đầu sâu hơn nữa.

— Bà Arlington nói đúng, – Alice thì thầm. – Bà ấy biết mọi chuyện ngay từ đầu. Con trai bà ấy đã không tự sát!

— Phải, – Nick giải thích. – Nhưng bà ấy đã rơi vào bẫy của Ralph. Người vẫn ở trong bóng tối. Ai lại nghi ngờ hắn ta chứ? Một cách tự nhiên, bà ấy hướng mọi nghi ngờ của mình về phía cô, Alice ạ!

— Tôi biết tin vụ tự sát này qua báo chí, – Laura nói tiếp. – Vụ tự sát kỳ diệu đối với chúng tôi, nhưng từ lâu tôi đã không còn tin vào điều kỳ diệu. Tôi tra hỏi Ralph. Anh ấy không muốn nói gì với tôi. Vậy là tôi tấn công cho đến khi anh ấy chịu nói. Tôi đe dọa sẽ bỏ đi, cùng các con. Sau cùng anh ấy kể hết với tôi… Về Oscar Arlington… Và về Alan Woe… Tôi kinh hãi! Vì hành động, và cả vì máu lạnh ở anh ấy, cách anh ấy chấp nhận chuỗi sự việc này một cách gần như tự nhiên, rũ bỏ tất cả chỉ bằng một cái nhún vai và khẳng định rằng đó là giải pháp duy nhất. Tôi còn có thể làm gì? Đến gặp cảnh sát ư? Tôi cũng là tòng phạm ngay từ đầu. Còn các con tôi? Chính

tôi cũng dính líu vào đống rắc rối này. Vậy nên, tôi nhắm mắt, hay đúng hơn là không, tôi mở mắt, như để cố tin tất cả chỉ là cơn ác mộng, và tôi cố chỉ nghĩ đến bài tập của bọn trẻ, đến bữa tối, đến bụi trong phòng khách… Tôi tưởng mình đã thành công. Mick, con trai cả của chúng tôi, giờ hai mươi tư tuổi. Nó có công việc tốt trong một công ty điện tử ở New York, nó chưa bao giờ nghi ngờ chuyện gì. Đó là một trong những niềm tự hào nho nhỏ của tôi. Tôi không phải Bonnie Parker[§]!

Lison quắc mắt nhìn chị ta.

— Còn đứa bé gái ngoài kia, – Lison nói. – Là đứa bé nhất phải không? Betty, đúng không? Nó còn chưa đầy mười tuổi! Ralph đã tự thú với chị những tội ác của hắn vào năm 1964! Một con quái vật, chị nói vậy phải không? Thế mà chị vẫn làm tình với hắn? Tạo ra một đứa trẻ nữa!

Nick thu mình thật nhỏ bé trên trường kỷ.

Chúa ơi, xin đừng bao giờ biến con thành mục tiêu cho cơn hận thù của phụ nữ.

— Những chuyện này chỉ liên quan đến tôi thôi, Laura trả lời với giọng thảm hại. (Thấy rõ là chị ta đang kiềm chế để không sụp đổ.) Tôi không nghĩ người ta có thể nói về chuyện cưỡng hiếp giữa chồng và vợ. Tuy vậy…

Trước sự phẫn nộ của Lison, Alice bắt buộc phải giữ thái độ ôn hòa hơn. Vả lại sự kiềm chế cũng hợp với chị hơn. Chị thấy ngán ngẩm trước toàn bộ cuộc chiến này. Toàn bộ câu chuyện tóm lại chỉ là chuỗi hành động phục vụ cho một nguyên do có vẻ cao thượng: Laura Stern và Ralph Finn để che đậy lời nói dối ban đầu của họ, Emilia Arlington để bảo vệ danh dự dòng họ, bản thân chị để tưởng nhớ Lucky. Giờ tới lượt Lison, là để trả thù cho Alan…

— Quên đi, – Lison nói tiếp. – Thế thật dễ dàng cho chị! Nếu chúng tôi không đến tìm chị, chị sẽ lặng lẽ quên đi, cùng các con chị, ngôi nhà nhỏ của chị, những món đồ mỹ nghệ, tiền, cho đến tận ngày cuối cùng trong đời! Quả là sự hy sinh cao cả! Tuy thỉnh thoảng bị chồng cưỡng hiếp, nhưng ai mà chẳng có những nỗi đau nho nhỏ…

— Các vị muốn sự thật, – Laura trả lời một cách bị động, – giờ các vị đã biết. (Chị ta gượng mỉm cười.) Các vị còn muốn tôi nói gì thêm? Chồng tôi là một con quái vật… Tôi là vợ anh ấy. Cả ba chúng ta đều gần như cùng tuổi. Hẳn chúng ta cũng từng vui tươi, ở tuổi mười tám, trước khi có chiến tranh. Ba người vợ lính! Ba số phận tan nát! Tôi không nghĩ ở vạch xuất phát, tôi tệ hay khá hơn các chị. Chính là số phận đã quyết định… Chồng các chị thì chết, chồng tôi là tên sát nhân. Tôi không nghĩ về tổng thể tôi đã sống cuộc đời vui vẻ hơn các chị là mấy.

— Thế còn sau đó, – Nick hỏi để không làm bầu không khí nặng nề thêm. – Sau khi sát hại Oscar?

— Sau đó, – Laura trả lời, – các vị đã biết hết rồi. Ralph bắt buộc phải trả lời các mẩu tin vặt… Nếu không, một ai đó có thể sẽ tố cáo anh ấy, một người hàng xóm, bất cứ ai. Vả lại, lúc đó cũng không còn nguy cơ nào lớn, anh ấy là nhân chứng cuối cùng trong số bốn người chứng kiến giao kèo!

— Nhất là, – Nick thêm vào, – Ralph không nằm trong tầm ngắm! Chúng tôi đã nghĩ nhà Arlington là thủ phạm gây ra tất cả… Emilia Arlington coi chúng tôi là chủ mưu tống tiền muốn bắt con trai bà ta trả tiền lần nữa. Bà ta nghĩ hắn bị giết chắc chắn cũng vì lý do này. Ralph, thậm chí có thể không biết chuyện đó, đã thực hiện một kế hoạch hoàn hảo.

Nick tự ngắm mình trong gương.

Rốt cuộc mày cũng không tệ lắm, trong vai trò thám tử… Mày giải quyết

mọi chuyện không tồi. Ngồi giữa tất cả những người phụ nữ muốn báo thù còn nguy hiểm hơn cả dao găm này, mày là người đàn ông duy nhất gần như sống sót!

— À, – Laura hỏi, – có thể các vị muốn tôi chỉ cho các vị số tiền… Tất cả ở bên cạnh, phía trên tủ… Trong số 1,44 triệu, chắc còn gần một triệu. Các vị thấy đấy, quả là lãng phí. Ralph không như thế lúc trước chiến tranh… Tất cả là lỗi của chiến tranh. Sau đó, mọi việc cứ nối nhau xảy ra và chúng ta chẳng làm được gì nhiều để chống lại chúng.

Lần đầu tiên chị ta đứng dậy và nhìn ra ngoài. Trời đã bắt đầu tối.

— Chắc Ralph sắp về rồi! Tôi khuyên các vị nên gọi cảnh sát, có Chúa mới biết anh ấy có thể phản ứng thế nào khi thấy các vị!

Alice vẫn ngồi trên tràng kỷ. Nick dịch người một chút và kín đáo ngắm Alice trong gương. Lison cảm thấy muốn nhúc nhích, muốn rình đợi Ralph về… Để bóp cổ hắn bằng chính đôi tay mình.

Laura nhìn đồng hồ trên tay, chiếc đồng hồ xa xỉ đến thảm hại.

— Tôi cũng không biết anh ấy làm gì, đáng nhẽ anh phải về rồi. Xin lỗi, tôi phải đi gọi bọn trẻ về…

Chị ta mở cửa lửng phòng khách rồi gọi Jenny và Betty vẫn đang chơi trong ngõ:

— Vào nhà đi nào! Bố sắp về rồi…

— Nhưng, Jenny trả lời, bố về rồi mà!

— Gì cơ?

— Vâng. Lúc nãy, khoảng mười lăm phút trước… Bố thấy chiếc ô tô biển số Washington. Bố hỏi bọn con những người kia là ai. Rồi bố ra hiệu suỵt, bố vào nhà qua tầng hầm và đi ra ngay sau đó cùng chiếc va-li, chiếc

va-li mà chúng ta không được đụng vào, nằm trên tủ. Bố lại ra hiệu suỵt, bố bảo bố đi chuẩn bị một bất ngờ rồi bố lên ô tô…

— Đó là tất cả những gì bố bảo à? – Laura lắp bắp.

— Vâng… Lúc cuối bố còn ôm hôn bọn con… Con thấy buồn cười! Bố không hay ôm hôn bọn con.

— Con cũng thế, bố cũng ôm hôn con, – Betty hào hứng nói.

— Vào nhà đi, các con, vào nhanh nào. Trời sắp lạnh rồi.

Laure nhẹ nhàng đóng cánh cửa lửng, thậm chí còn chỉnh lại tấm rèm đôi.

Chỉ còn Nick gọi cảnh sát.

Chết tiệt… Cô nàng Laura này cũng là người phụ nữ đặc biệt như Alice hay Lison. Người phụ nữ đối mặt với số phận trượt dốc, đối mặt với cuộc đời đã sụp đổ ngay trước mắt. Tuy vậy, chị ta vẫn tiếp tục trụ vững, bên bờ vực, hiên ngang, không run rẩy, không chóng mặt.

Những người đàn ông luôn tìm một vách đá để leo lên, hay một vách đá để nhảy từ trên đỉnh xuống. Nhưng những người phụ nữ có thể sống cuộc đời bên cạnh vách đá đó, dưới chân tường hay bên bờ vực thẳm, sống cuộc đời chia làm hai. Họ cứ ở đó, không xước xát không gãy vỡ tay chân, nhìn cái bóng của người đàn ông đi xa dần.

Nào, Nick, làm nhiệm vụ của mày đi! Vì vai trò của mày trong chuyện này, là làm đao phủ… Đưa câu chuyện vào hư không thôi!

Nick gọi điện cho cảnh sát.

Trong lúc đó, Laura ôm Jenny và Betty trong tay. Rất chặt. Quá chặt,

nhất là trước mặt những người lạ này. Hai đứa bé thấy khá khó chịu.

← Bonnie Parker và Clyde Barrow là cặp tình nhân sát thủ khét tiếng ở Mỹ những năm 1930.

55 NHỮNG GÌ CÒN HẰN LẠI

Sau khi được đưa khẩn cấp đến Oklahoma City, Emilia Arlington được phẫu thuật thành công. Việc khâu cầm máu và gắp viên đạn ra được thực hiện không có khó khăn gì đặc biệt. Bác sĩ phẫu thuật cảm thấy hài lòng. Bà thượng nghị sĩ về hưu đã thoát nạn. Bất chấp tuổi tác, bà vẫn là người phụ nữ có sự bền bỉ đặc biệt và sức chịu đựng khiến nhân viên bệnh viện phải kinh ngạc. Khi Emilia Arlington tỉnh dậy trên giường bệnh, bà yêu cầu để bà quay về trang trại Tysons Corner ở Virginia ngay lập tức. Các bác sĩ khá ngập ngừng, nhưng bà mặc kệ ý kiến của họ.

Vậy là bà quay về trang trại của mình. Tất cả những người thân thuộc đợi bà trước cửa cùng hoa và những lời an ủi. Cả một tấn các tờ báo nữa. Một tấn tờ báo mà bà hiện diện trên trang nhất. Bà được gọi là *Calamity Jane*§ hay *Dalton của tôi*§. Bà thấy bức vẽ biếm họa mình với khẩu súng trên tay. Trên một số nhật báo, người ta nói đến sự trả thù của một người mẹ, trên những tờ khác, về một kẻ giết người điên cuồng…

Vết thương của Emilia Arlington ngừng liền sẹo ngay lúc bà giở tờ báo đầu tiên, nhưng bà đã không cho phép bất kỳ bác sĩ nào vào Tysons Corner

nữa. Chỉ vài nhà báo lọt vào được, máy ảnh đeo chéo, bám mình trên ngọn cây. Bức ảnh nổi tiếng nhất của Emilia Arlington hôm nay là từ thời đó: một bà già ngồi trên ghế bập bênh trước cơ ngơi, đôi mắt đẫm lệ. Có lẽ vì những giọt nước mắt này, thật không phù hợp trong mắt *người đàn bà thép Virginia,* mà bức ảnh đã lan truyền khắp nước Mỹ!

Tay săn ảnh rất khôn khéo hắn chỉ phát tán ảnh đen trắng, để mọi người không nhìn thấy đám mây bụi đất son cuốn lên từ chuồng ngựa, nơi con ngựa thuần chủng Tennessee đang tập luyện… Chính đám bụi này làm mắt bà thượng nghị sĩ bị kích ứng!

Emilia Arlington trụ vững đến tận giải Grand Prix ở Richmond. Lần cuối bà rời khỏi trang trại Tysons Corner là vào dịp này và thấy thầm hài lòng với Rod Kinley, người chiến thắng cùng Tennessee, một ngày Chủ nhật tháng Ba. Rồi bà trở về trang trại và thấy còn mệt mỏi hơn.

Davies phát hiện Emilia Arlington bất động trên thảm phòng ngủ vào sáng hôm sau. Xe cấp cứu hú còi, toàn bộ ca trực phẫu thuật cấp cứu tại bệnh viện Columbia vội vã làm mọi cách để cứu bà, nhưng bà thượng nghị sĩ đã ngừng chiến đấu. Bà nằm trên bàn mổ chưa đầy bảy phút rồi qua đời, ngày 22 tháng Ba năm 1976.

Không tìm thấy Ralph Finn. Laura Stern trả giá thay hắn và bị kết án mười hai năm tù giam, vì tội lừa đảo và đồng phạm giết người. Chị ta ra tù sau bảy năm ba tháng, vào tháng Chín năm 1982.

Các con của chị ta đã lớn lên, Mick ba mươi tuổi, Jenny hai mươi ba và Betty mười sáu. Trong thời gian mẹ ở tù, Jenny và Betty được gửi về cho chị của Laura. Khi Laura ra tù, Jenny và Betty không chịu quay về gặp mẹ. Trong bảy năm đó, chị của Laura đã giải thích rằng mẹ chúng là một con quái vật. Suốt cả ngày cũng như đêm. Cuối cùng, hai đứa con gái đã tin vào điều đó.

Laura vẫn không bỏ cuộc. Một hôm, chị ta gặp lại Betty, qua hàng rào sân trường cấp ba. Betty mặc váy rất xinh đẹp, đã là một phụ nữ thực thụ, mái tóc đỏ dài buông xuống hông.

Laura gọi cô. Betty quay lại, im lặng nhìn mẹ, một cách lạnh lùng và ghê tởm.

Rồi cô quay đi và trở lại cười nói với các bạn đồng trang lứa.

Ted Silva ra tù một thời gian ngắn sau Laura. Hắn đợi một thời gian, rồi đi thu lại số tiền nằm trong tài khoản của hiệp hội Ex-voto, sau đó mang cả gia đình đi Hawaii, ở đây họ sống xa hoa hạnh phúc cho đến cuối đời. Khoảng đầu những năm 80, Ted phải đối mặt với hai biến cố nghiêm trọng: hai lần đột ngột bị nhồi máu cơ tim. Vậy nên hắn gấp rút hoàn thành, một cách bí mật nhất, cuốn tự truyện cuộc đời mà hắn đã soạn phần lớn trong tù. Sau đó, hắn gửi bản thảo, trong phong bì niêm phong kín, cho một biên tập viên, kèm theo một khoản tiền lớn. Biên tập viên nọ được yêu cầu biên tập cuốn sách một tuần sau khi Ted qua đời.

Ted Silva qua đời vào một buổi sáng khi đang đánh răng trước gương, tháng Tám năm 1984. Khi ngã xuống, hắn tự nhìn mình lần cuối, hạnh phúc, bất tử: Ted Silva, thợ cắt tóc bé nhỏ Farraguth North, chồng và cha của một gia đình vô danh, lùi bước để trong mắt thiên hạ sinh ra một Ted Silva phi thường, người đáp ứng những lời khẩn cầu.

Tang lễ hắn có vô cùng đông người dự. Những người mang họ Silva đến từ khắp nước Mỹ. Tất cả cùng khóc thương cho người đàn ông giản dị và tận tụy ấy.

Sau ngày diễn ra lễ tang, Elena Silva, bà vợ góa của Ted, đến gặp biên tập viên với một khoản tiền còn lớn hơn. Bà lấy lại bản thảo của chồng và

đốt ngay khi về đến nhà, thậm chí còn không đọc. Từ lâu, bà đã thấy mối liên quan giữa những chuyến đi vội vã của chồng với những dòng tít lớn trên báo thắc mắc về những vụ tai nạn không có lời giải đáp, đó là chưa kể đến chỗ tiền này, quả là phép mầu đối với một cửa hiệu cắt tóc gần như luôn vắng khách. Bà đã đoán ra, nhưng chuyện đó không liên quan đến bà, vì Ted không muốn nói với bà. Bà nhắm mắt, gạt sang bên để theo dõi Ted, một chút, cũng như với tập bản thảo.

Giờ đây, chồng bà không còn nữa, trái lại, bà sẽ là người dạy dỗ các con. Bà đã quyết định: với chúng, với toàn thế giới, Ted sẽ mãi chỉ là người thợ cắt tóc cầm kéo không quá mức vụng về! Thanh danh của gia đình, thanh danh của cả Ted nữa, dù sao cũng quan trọng hơn những giấc mơ ngu ngốc về vinh quang sau khi chết!

Nick về hưu năm 1986, khi ông sáu mươi tuổi. Sau đó, ông vẫn tiếp tục đi đến nhiều nơi. Văn phòng của ông tự vận hành ở San Sebastiano. Khi đó, ông đã có rất nhiều bạn trên khắp thế giới, được mời đi hết nước này đến nước khác, đến gặp những người tai to mặt lớn nhất, những hoàng thân, tổng thống, các thủ lĩnh Hồi giáo, các tỷ phú… Những người không phải lúc nào cũng đáng tin cậy, có vẻ thế, nhưng luôn có học vấn cao, và nói chuyện thông minh. Nick biết cách để mình được đánh giá cao ở khắp nơi, bằng sự hóm hỉnh và giản dị của ông.

Từ sân bay này đến sân bay khác, suốt nhiều năm trời ông ghé đến mọi khu phố Tây giống nhau trên hành tinh, từ Bắc Kinh đến São Paulo, hết sức xa hoa… Rồi một tối, tại một sân bay tồi tàn trên đảo Timor, trong lúc đợi chuyến bay nội địa đến Jakarta, ông bắt gặp ánh nhìn của một nữ diễn viên người Indonesia, không được biết đến ở nước ngoài nhưng rất có tiếng trong nước. Nhờ khả năng tưởng tượng, ông đã quyến rũ được nàng. Và từ

đó ông ít đi hơn, cuối cùng cũng tìm được thứ gì giống như sự viên mãn bên người phụ nữ trẻ trung và giàu có hơn ông rất nhiều. Cô ba mươi bảy tuổi và sở hữu một trong mười sáu nghìn đảo hình thành nên Indonesia.

Hiếm có dịp Nick quay lại Normandie gặp Alice và Lison, chỉ ba hay bốn lần gì đó. Rồi đương nhiên lần thứ năm, vào tháng Chín năm 1993, là để dự tang lễ.

Lison và Alice quay về Normandie mãi mãi, không có gì thay đổi trong nhịp sống thường ngày của họ, đón khách tại bảo tàng, đi dạo ngày thứ Ba, thỉnh thoảng dùng trà ở quán Le Conquérant. Theo tuổi tác, chẳng còn ai quay lại khi hai bà điên đi qua trên trảng đất. Hai bà trở thành hai góa phụ tuổi sáu mươi trong số rất nhiều góa phụ khác, hai bà lão buồn bã và suy tư, tầm thường ở cái tuổi mà sự vui vẻ có vẻ không phù hợp.

Trong hai người, Lison có vẻ mong manh hơn. Bà là người bị bệnh tật tấn công trước. Nhưng ung thư không phải là đối thủ xứng tầm với Lison. Nó trở lại tấn công nhiều lần mà vô ích, nó chỉ làm tụy của bà suy suyển đôi chút. Chưa đến lúc, số phận của Lison chưa hoàn toàn trọn vẹn.

Bà đợi. Bà đợi chuyến viếng thăm cuối cùng.

Alice chi những đồng đô-la cuối cùng vào đầu những năm 90. Vào thời này, bà gửi đi rất nhiều tiền sang vùng Đông Âu, một cách hơi tùy tiện, ít tìm hiểu nghiêm túc hơn trước. Thời kỳ này, bà bận tâm nhất đến dự án nhà máy điện hạt nhân, cách làng Lâu Đài Quỷ vài kilomet, ngay trên bãi biển nơi đã diễn ra cuộc đổ bộ! Sẽ có việc làm cho cả vùng, đó là hứa hẹn của người khởi xướng dự án, một nghị sĩ Paris mới nhận công tác vùng, sẽ có thuế địa phương thật cao cho tất cả các xã xung quanh! Alice gửi những đồng tiền cuối cùng của mình cho hiệp hội địa phương phản đối xây dựng nhà máy điện. Hiệp hội đã thắng, nhờ có tiền, và cũng phần nào đó nhờ vị

nghị sĩ tham vọng đã trở thành quốc vụ khanh phụ trách các cựu chiến binh khi chính phủ cải tổ nội các! Vùng bờ biển, bao gồm cả Mũi Guillaume, được tuyên bố là vùng được bảo vệ thuộc về di tích lịch sử, và người ta cố gắng xây dựng nhà máy điện nơi khác, vùng phía Đông, nơi người dân cần công việc và ngoan ngoãn im miệng.

Sau cuộc chiến đấu cuối cùng này, căn bệnh ung thư, có lẽ đã chán ngấy khi thất bại với Lison, mới chú ý đến Alice. Bà không chống cự. Bà đã gần bảy mươi tuổi, trong đó mười lăm năm bà sống cuộc đời mồ côi, năm năm hạnh phúc ngây ngất, và năm mươi năm sau để nhớ về năm năm đó. Năm mươi năm mà mối quan tâm duy nhất nằm trong kỷ niệm! Những kỷ niệm càng ngày càng trở nên mờ nhạt, khó nhớ hơn, như bức tranh tường bị nứt và màu sắc phai dần. Việc nhớ lại trở nên phức tạp với Alice, với bộ não đã mệt mỏi, thậm chí bà còn quên một số thứ… Phải, bà không còn nhớ lại được một vài thời điểm trong năm năm hạnh phúc ấy… Bà không thể nào chịu đựng được chuyện đó! Vậy nên khi căn bệnh ập đến, Alice sốt sắng để nó bước vào.

Những ngày cuối, Alice ấp ủ hy vọng rằng có tồn tại một thứ gì đó ở bên kia cuộc đời, rằng linh hồn Lucky đợi bà ở đó, từ năm mươi năm nay, giữa bờ biển và Mũi Guillaume, ở đúng nơi ông đã ngã xuống.

Alice nhẹ nhàng nhắm mắt lần cuối vào ngày 29 tháng Chín năm 1993.

Lison còn lại một mình. Làng Lâu Đài Quỷ, như bà vẫn từng biết, cũng đang chết dần, và một ngôi làng khác thay thế nó. René ra đi đầu những năm 80 đến vùng Tây Nam, để về hưu, như ông nói. Từ đó không còn tin tức gì. Một người đàn ông Bretagne mua lại quán Le Conquérant và biến nó thành nhà trọ khá lịch sự, đến nay vẫn giữ được tiếng tăm vững chắc trong

vùng. Fernand Prieur ra tranh cử hội đồng thành phố năm 1983. Ông ta bị đánh bại bởi một chuyên viên làm trong một công ty tin học ở Caen và phật ý chuyển nhà đến Charente vào năm sau đó. Chaventré chết ở viện dưỡng lão Bayeux cuối năm 1989. Ông không còn nhận ra ai từ hai năm nay, thậm chí cả Lison.

Thị trưởng trẻ tuổi cho xây bên bờ vách đá một lô ba mươi nhà cho các cư dân ngoại ô Caen bị mất đất. Hoặc là thế hoặc nhà máy điện hạt nhân, anh ta tuyên bố với các cư dân… sau chiến dịch tranh cử! Các cư dân ủng hộ phương án này hơn! Từ đó, vách đá trở nên hơi tách biệt và chủ nhân những ngôi nhà gần bờ vực nhất định cấm con cái mình chơi ở vườn, tìm cách bán nhà trong tuyệt vọng, đồng thời tiến hành kiện tòa thị chính. Phần lớn các căn nhà này giờ đã bị bỏ hoang, cũng gần như các lô cốt.

Téton, người duy nhất còn sống sót cùng với Lison, thường đi lang thang trong làng như bóng ma. Chắc giờ ông ta vẫn còn sống.

Lison ở lại một mình. Bà đợi. Niềm hy vọng cuối cùng níu bà với cuộc đời đã không còn là của bà: hắn sẽ đến! Một ngày nào đó Ralph Finn sẽ đến bảo tàng Cuộc Tấn công!

Phần đông các tay lính biệt kích đã quay lại Mũi Guillaume ít nhất một lần. Bảo tàng nhỏ Cuộc Tấn công là một phần gần như bắt buộc với họ. Lison khắc sâu trong trí nhớ khuôn mặt của Ralph, khuôn mặt mà bà hình dung là đã già đi. Bà đã suy nghĩ rất lâu: Ralph chưa bao giờ gặp bà, và hắn không có cách nào để biết rằng bà, vợ của Alan, là người quản lý bảo tàng nhỏ này của làng Lâu Đài Quỷ.

Vậy nên, nếu hắn trở lại, bà chắc chắn điều đó, bà sẽ nhận ra hắn. Vậy nên…

Mùa hè năm 1994 thật vất vả, vì đây là năm thứ năm mươi sau cuộc đổ bộ. Quá nhiều người, quá nhiều người ở khắp nơi, thậm chí cả ở bảo tàng nhỏ Cuộc Tấn công này. Không hẳn là đám đông ồn ào làm phiền Lison, mà là việc bà biết Ralph sẽ không đến cùng lúc với đám đông, vì sợ một cựu binh khác sẽ nhận ra. Với Lison, đó là một mùa hè vô ích!

← Biệt danh của Martha Jane Canara, nữ lính biên phòng và trinh sát người Mỹ tham gia chiến đấu chống lại người da đỏ.

← Nhân vật trong bộ truyện tranh và hoạt hình *Lucky Luke,* là mẹ của bốn thành viên bằng cướp Dalton.

56 CẤT CÁNH

1 tháng Mười Hai 1994, Mũi Guillaume, Normandie

Lison nhận ra Ralph Finn ngay lúc hắn bước vào bảo tàng. Bà chắc chắn. Bà đã chuẩn bị, bà bình tĩnh. Hắn chỉ nhìn thấy một bà lão nhỏ nhắn tươi cười, có vẻ vui vì cuối cùng cũng gặp một ai đó, vào cái mùa vắng vẻ này.

Ralph Finn nấn ná một lúc trước những tấm bưu thiếp cũ, mô hình… Không hứng thú gì. Bảo tàng này có vẻ xoàng xĩnh với hắn. Hắn còn có thể quan tâm tới ai ngoài một trăm tám mươi lính biệt kích của năm 1944, mà giờ hẳn chỉ chưa đầy một nửa trong số họ còn sống? Bởi vậy, chuyến tham quan bảo tàng của hắn nhanh chóng kết thúc. Lison đứng nép bên bàn đón tiếp, thận trọng.

Ralph nghĩ rằng, rốt cuộc, hắn cũng chẳng cảm thấy gì nữa. Hắn đã chờ đợi quá lâu trước khi đến đây. Giờ đây, như thể gã trai hai mươi tuổi đóng vai lính ở Mũi Guillaume, gã trai bị gọi là Thẩm Du chỉ còn là một kẻ xa lạ. Từ đó đến nay, hắn đã trải qua những xúc cảm mới, những xúc cảm còn mạnh hơn nữa. Những bức ảnh chiến tranh hắn xem chỉ còn hiện ra như một bộ phim hay một phóng sự và hắn chỉ là khán giả. Nhưng sau tất cả,

hắn đã ngấy tận cổ với những chiếc va-li, từ khách sạn này đến khách sạn khác, suốt hai mươi năm nay. Hắn đã chán ngấy dù ở bất cứ đâu…

— Ở đây có chỗ nào để ăn không? – hắn hỏi Lison khi ra ngoài, – chỉ mười phút sau khi bước vào.

— Quán trọ, nằm ở góc, – Lison trả lời. – Hơi đắt, nhưng rất nổi tiếng… Phục vụ không nhanh lắm.

— Đến chiều xe khách mới quay lại. Tôi có thời gian…

— Ông đến bằng xe khách à? – Lison hỏi. – Vậy hẳn là ông chưa đến Mũi Guillaume phải không?

Ralph lắc đầu trả lời không. Từ nhiều năm nay hắn đã có thái độ chán chường đó.

— Họ đã xây ở đó một đài tưởng niệm khá kỳ quái, – Lison nói tiếp. – Nhưng dù sao cũng khá ấn tượng. Bờ biển, nhìn từ trên cao… Rốt cuộc, tôi nói vậy, tôi nghĩ hẳn ông còn nhớ về nó, phải không?

Bà lão có vẻ khá dễ mến với Ralph. Bà ta có vẻ không lẩm cẩm cho lắm. Điều này khá hiếm hoi đối với những người ở cùng độ tuổi hắn, những người biết đến chiến tranh.

— Có xa đây không? – Ralph hỏi.

— Chừng hai kilomet. Ngắn hơn một chút nếu đi tắt qua trảng đất.

— Với cái chân tôi thì, – sau cùng Ralph cũng mỉm cười, – dù sao cũng là quá xa. Không quan trọng lắm. Đó rốt cuộc cũng không phải những kỷ niệm đẹp.

Lison để hắn đi một lúc, bước một bước ra khỏi bảo tàng.

Bà đã chuẩn bị kỹ càng: Ralph, vẫn không nhận ra, đã mắc bẫy, dù hắn

có nói thế nào. Lison đã dự tính trước mọi phản ứng có thể xảy ra, bà biết làm thế nào để chống lại, làm thế nào để dẫn hắn đi đến nơi bà muốn.

— Tôi có thể đưa ông đi, nếu ông cần, – bà hét lên với hắn ngay trước khi hắn đi quá xa.

Ralph không biết phải nói gì.

— Ông không phải người đầu tiên… Từ vài năm nay, các cựu binh ghé qua đều không còn khỏe mạnh nữa. Còn tôi, tôi rất vui lòng, chừng nào tôi còn lái xe được… cũng không xa lắm đâu!

Lison mỉm cười. Bà có nụ cười của nữ minh tinh Hollywood đương thời kỳ hoàng kim. Ralph gần như không còn quen thấy phụ nữ tử tế với mình.

— Thật hân hạnh, – hắn đồng ý.

Mọi chuyện rốt cuộc đơn giản hơn dự kiến, Lison nghĩ. *Ralph không hề nghi ngờ một giây nào.*

Lát sau, hai người đã ở trong chiếc Twingo nhỏ màu đỏ tươi của Lison. Chiếc xe mới tinh chưa đi đến một nghìn kilomet. Ralph thấy *hũ sữa chua*§ của bà lão rộng đến ngạc nhiên. Có vẻ bà ta là người kỳ lạ, khi sở hữu một chiếc xe trẻ trung mới coóng thế này!

Họ xuất phát.

Con đường rải nhựa khoảng ba trăm mét, rồi sau đó là đoạn đường bảo trì kém kéo dài, hơi lầy bùn vào khoảng thời gian này, tận cùng đường là bãi đỗ xe nhỏ trước đài tưởng niệm.

— Ông thuộc Đội biệt kích số 9 phải không? – Lison hỏi.

— Phải, – Ralph trả lời lơ đãng.

Sau cùng, những ý nghĩ bắt đầu trở lại với hắn ta.

— Tôi biết rõ vài tay lính đã tham gia cuộc tấn công, Lison nói tiếp. Đặc biệt là một người trong số họ…

Âm sắc giọng nói của bà hơi thay đổi. Cùng lúc, hai người đi vào phần đường đất. Lison không đi chậm lại. Chiếc Twingo bắt đầu rung lắc. Ralph phải bám vào tay nắm phía trên cửa. Hắn thấy khó tập trung, chiếc xe quá xóc, khiến lưng hắn đau nhói. Rộng nhưng xóc, cái *hũ sữa chua* này, lần cuối hắn còn sức để mỉa mai trong đầu. Bà lão đang chạy xe như điên! Với lại, bà ta vừa nói gì nhỉ?

— Có thể ông quen người đó? – Lison hỏi.

Chiếc xe quá xóc. Sao bà lão này không chạy chậm lại? Những cú xóc khiến lưng hắn đau nhói, hành hạ xương cụt, thật không thể chịu nổi. Còn bà lão này thì vẫn tiếp tục nói với hắn về những kỷ niệm. Hắn thì có liên quan gì đến những kỷ niệm của bà ta kia chứ!

— Ông ấy tên là Alan, – Lison nói một cách thản nhiên. – Alan Woe.

Ralph quay ngoắt sang phía Lison, không cố che giấu bất kỳ điều gì.

Alan Woe?

Lison không nhìn Ralph. Bà chỉ tiếp tục nhìn chằm chằm vào con đường phía trước. Bà đánh tay lái, về phía trảng đất, không chạy chậm lại. Chiếc Twingo nẩy tưng tưng từ gò này sang gò khác.

— Bà là Lison Munier, – Ralph thì thầm. – Đáng nhẽ tôi phải nghi ngờ! Nhưng bây giờ, tôi đã đánh mất hoàn toàn khả năng nghi ngờ…

Chiếc Twingo càng rung lắc mạnh hơn, cơn đau ở lưng khiến Ralph tê cứng. Nhưng hắn biết nếu cố gắng một chút, hắn có thể nhúc nhích. Hắn vẫn còn thời gian để cướp tay lái, hoặc kéo phanh tay, hoặc mở cửa xe và nhảy ra ngoài. Làm gì cũng được, nhưng hắn phải hành động thật nhanh,

phải quyết định ngay lập tức. Có thể hắn có đủ thời gian để giải thích cho Lison Munier toàn bộ chuyện này chỉ là một chuỗi tiếp nối, hắn không muốn chúng xảy ra, những vụ giết người đó, hắn rất hối tiếc, hắn đã đi lang thang như một con chó, kể từ đó…

Hắn không nói gì, hắn không làm gì.

Chiếc Twingo đi qua những căn nhà mới tinh bỏ hoang. Vách đá hẳn không còn xa lắm.

— Tôi đã đợi ông rất lâu, Ralph ạ…

Mép cuối của trảng đất, trước khi đến vách đá, có phần bớt gồ ghề. Chiếc Twingo tăng tốc hơn nữa.

— Đó không phải là lỗi của tôi, – Ralph nói nhỏ. – Alan là người rất tốt. Nhưng…

— Tôi biết, – Lison ngắt lời. – Ông ấy đã hứa với tôi sẽ quay về đây, chúng tôi sẽ có lễ cưới toàn màu trắng, chúng tôi sẽ có những đứa con. Phải, Alan là người rất tốt! Tôi tin vì thế mà tôi mới yêu ông ấy nhiều như vậy…

Chiếc Twingo vẫn lao đi vượt qua lô cốt. Nếu cố bẻ lái, có thể Ralph vẫn kịp cho xe chạy chậm lại, thậm chí là dừng nó lại, khi nó đâm vào bức tường bê tông.

Hắn không làm gì, không nói gì nữa.

Chẳng còn gì ở trước mắt hắn, cả đường chân trời cũng không, chỉ còn bầu trời.

Ba mét cuối của trảng đất hơi nghiêng dốc lên so với vách đá. Chiếc Twingo tăng tốc hơn nữa, như để lấy đà lần cuối trên tấm ván lấy đà ngắn

phủ đầy cỏ, rồi bay vọt lên trên vách đá.

Trong vài tích tắc phi thực, chiếc xe màu đỏ phóng lên trời thách thức bờ biển mênh mông hoang vắng.

Trước khi rơi xuống như một hòn đá.

← Nguyên văn tiếng Pháp: *pot de yaourt,* tiếng lóng chỉ ô tô.